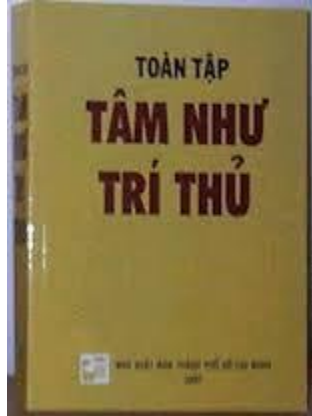


TÂM NHƯ TRÍ THỦ TOÀN TẬP



HT Trí Thủ

---o0o---

Nguồn

<http://thuvienhoasen.org>

Chuyển sang ebook 27-07-2009

Người thực hiện :

Nam Thiên - namthien@gmail.com

[Link Audio Tại Website http://www.phatphaponline.org](http://www.phatphaponline.org)

Mục Lục

LỜI NÓI ĐẦU

LƯỢC SỬ HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ THỦ

QUYỂN I : KINH PHẬT THUYẾT VÔ THƯỜNG KINH

PHẬT NÓI KINH VÔ THƯỜNG

KINH A DI ĐÀ

KINH THẬP THIÊN NGHIỆP ĐẠO

KINH THẬP THIÊN NGHIỆP ĐẠO NGÀI THÁI HƯ PHÁP SƯ GIẢNG

TẠI HỘI PHẬT GIÁO CHÁNH TÍN Ở HÁN KHẨU

KINH PHÁP HOA PHẨM THƯỜNG BẤT KHINH

KINH BẤT TĂNG BẤT GIẢM

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐĂNG NHƯ LAI TẠNG
TÂM KINH BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA
TÂM KINH BÁT NHÃ PHIÊN ÂM
TÂM KINH BÁT NHÃ DỊCH NGHĨA
TÂM KINH BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA CHÚ GIẢI
KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA PHẨM PHỔ MÔN QUÁN THẾ ÂM BỒ
TÁT
DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT PHỔ MÔN
PHẨM
THIÊN CẢM ỨNG CỨU NẠN CỨU BẢY NẠN
PHẬT DẠY ÁN TÓNG KINH, TƯỢNG ĐƯỢC MƯỜI CÔNG ĐỨC
KINH BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC
BÁT NHÃ TÂM KINH
NGHI THỨC CÚNG GIAO THỪA VÀ VÍA DI LẶC
NGHI THỨC LỄ PHẬT ĐẢN
NGHI THỨC LỄ THÀNH ĐẠO
NGHI THỨC TRÌ CHÚ ĐẠI BI
NGHI THỨC CẦU AN - LỄ THÀNH HÔN
NGHI THỨC HỘ NIỆM KHI LÂM CHUNG
NGHI THỨC CÚNG CÔ HỒN
QUYỂN II : LUẬT
LỜI NÓI ĐẦU
I. SƠ LƯỢC VỀ MỤC ĐÍCH THỊ HIỆN CỦA ĐỨC PHẬT
II. SƠ LƯỢC VỀ CUỘC ĐỜI THỊ HIỆN CỦA ĐỨC PHẬT
III. TAM QUY
IV. NGŨ GIỚI
V. ĂN CHAY
VI. NIỆM PHẬT
VII. SÁM HỐI
VIII. THỜ PHẬT
IX. LẠY PHẬT
X. CÚNG PHẬT
XI. TỤNG KINH
XII. BỒN PHẬN CỦA MỘT PHẬT TỬ TẠI GIA
NGHI THỨC QUY GIỚI
BÁT QUAN TRAI GIỚI
PHÁP TRƯỞNG TỊNH (BỒ TÁT) CHO NGƯỜI TẠI GIA
NGHI THỨC TRUYỀN GIỚI VÀ BỒ TÁT CHO THẬP THIỆN VÀ BỒ
TÁT TẠI GIA
NGHI THỨC TRUYỀN GIỚI THẬP THIỆN

NGHI THỨC TRUYỀN GIỚI BỒ TÁT TẠI GIA
GIỚI LUẬT
GIỚI LUẬT
TAM QUÝ
LUẬT TỠ KHEO
LUẬT TỠ KHEO YẾT MA YẾU CHỈ
QUYỂN III : LUẬN
PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ
LỜI NÓI ĐẦU
CHƯƠNG I - Ý NGHĨA TỊNH ĐỘ
CHƯƠNG II - PHẠM VI CỘI CỰC LẠC
CHƯƠNG III - ĐƯỜNG LỐI TU TỊNH ĐỘ
CHƯƠNG IV - TRÌ DANH NIỆM PHẬT
CHƯƠNG VI - PHÁP QUÁN TƯỚNG
CHƯƠNG VII - CHUNG QUANH VẤN ĐỀ VẮNG SANH ()
10 ĐIỀU TÂM NIỆM
PHÁT BỒ ĐỀ TÂM LUẬN
SỰ TÍCH ĐỨC PHẬT THÍCH CA MÂU NI
GIÁO LÝ VỀ NGHIỆP
CƠ SỞ ĐẠO ĐỨC HỌC VÀ LUẬT HỌC
NĂM LƯỢNG PHƯƠNG TIỆN LÝ GIẢI
BA THÁNG AN CƯ
LỜI GIỚI THIỆU KINH KIM QUANG MINH
LỜI GIỚI THIỆU CHO TẬP SAN CÔNG ĐỨC NHẪN NHỤC CỦA NI
CHÚNG DIỆU ĐỨC
CHỨC TẾT
VIỆT NAM PHẬT GIÁO BÁCH KHOA TỪ ĐIỂN TỰA
VĂN ĐẮC PHÁP CHÁNH PHÁP NHẪN TẶNG CÁI VĂN
VIỆT NAM PHẬT GIÁO THỐNG NHẤT GIÁO HỘI TẶNG GIÀ BIA
MINH
THƠ VÀ CÂU ĐỐI THƠ VIẾT TRONG ĐỜI SỐNG ĐẠO

---o0o---

LỜI NÓI ĐẦU

Thế là gần một phần năm thế kỷ đã trôi qua, kể từ ngày vị ân sư của chúng tôi là Hoà thượng Tâm Như Đạo Giám Trí Thủ viên tịch. Đây là một mất mát to lớn không những đối với bản thân những người đã thọ ân Hoà thượng

mà còn đối với đạo pháp và dân tộc. Cuộc đời của Hòa thượng đã có những cống hiến có tầm cỡ đối với sự nghiệp giáo dục và hoằng pháp của Phật giáo Việt Nam trong thế kỷ XX, do thế, đáng được cho những người lớp sau, cụ thể là chúng tôi học tập và suy ngẫm. Chính trong quá trình học tập và suy ngẫm này, chúng tôi đã sưu tập được những lời dạy bảo của Ngài qua một số các công trình được viết thành văn bản. Xét rằng, những công trình này không những hữu ích cho chúng tôi, mà cho cả nhiều tầng lớp người khác trong tương lai, vì thế, để đền đáp lại phần nào công ơn giáo dưỡng của Hòa thượng, chúng tôi đã mạnh dạn cho công bố các công trình đã được chúng tôi sưu tập.

Chúng tôi biết rằng, những công trình đã sưu tập được ấy chưa phải đã bao quát hết toàn bộ các bài viết, bài nói của Hòa thượng trong hơn nửa thế kỷ phục vụ đạo pháp và dân tộc. Cụ thể là toàn bộ các bài phát biểu bằng văn bản của Hòa thượng từ những năm 1951, khi ngài giữ chức vụ Hội trưởng Hội Phật giáo Việt Nam tại Trung phần, rồi vào những năm 1970 Viện trưởng Viện Hóa Đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất, cho đến những năm 1980 khi đang giữ chức Chủ tịch Hội đồng trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam, hiện chưa được sưu tập đầy đủ và xuất bản trong lần này. Chúng tôi vẫn mạnh dạn công bố những gì sưu tập được dưới danh nghĩa Toàn tập các tác phẩm của Hòa thượng, trước mắt, nhằm làm tư liệu học tập và nghiên cứu cho chúng tôi và những người khác và sau nữa để làm cơ sở cho những bộ di trong tương lai khi việc sưu tầm có thể tiến hành với nhiều thành tựu mới.

Suốt cuộc đời mình, Hòa thượng đã phục vụ cho đạo pháp và dân tộc qua nhiều nhiệm vụ khác nhau. Nhưng nét nổi bật, mối ưu tư hàng đầu của Hòa thượng vẫn là vấn đề giáo dục và văn hóa. Từ những ngày đầu xây dựng trường Phật học Việt Nam đầu tiên ở chùa Tây Thiên - Huế vào những năm 1930, rồi thành lập Viện Cao đẳng Phật học, tiền thân của Viện Đại học Vạn Hạnh, vào năm 1964, cho đến những ngày cuối cùng tại Quảng Hương Già Lam, không lúc nào vấn đề giáo dục lại không được Hòa thượng quan tâm. Hòa thượng đã đào tạo thành công nhiều lớp môn đồ khác nhau đã và đang giữ những trọng trách của giáo hội khắp cả nước trong nhiều lãnh vực. Để tìm hiểu sự nghiệp giáo dục ấy, chúng ta cần phải có những công trình của Hòa thượng trong tay. Vì thế, chúng tôi đã thống nhất cho xuất bản Toàn tập Tâm Như Trí Thủ nhân ngày giỗ lần thứ 18 của Ngài.

Khi sắp xếp các công trình của Hòa thượng để cho xuất bản bộ Toàn tập, chúng tôi ban đầu muốn dựa trên lối sắp xếp truyền thống là Kinh - Luật -

Luận và tạp văn. Nhưng do Hòa thượng trong cuộc đời mình đã chuyên về Luật tạng, nên công trình liên hệ đến Luật tạng chiếm một số lượng lớn. Do vậy, Toàn tập này được sắp xếp về cơ bản vẫn theo lối truyền thống vừa nói với một số điều chỉnh. Toàn bộ các công trình của Hòa thượng, chúng tôi công bố trong ba tập. Tập I bao gồm các bản dịch kinh điển ra tiếng Việt cùng các bản chú giải. Trong tập này, chúng tôi đưa vào thêm các văn bản về các nghi thức Phật giáo do Hòa thượng thiết định, từ những nghi thức đơn giản nhất như Sám hối, thành hôn, . . . cho đến những nghi thức phức tạp nhất như Nghi thức Chấn tế. Đồng thời, chúng tôi cũng đưa vào tập này các bài thơ, câu đối, các giai thoại về Hòa thượng. Còn tập II và tập III thì hoàn toàn giành cho những vấn đề liên hệ tới Giới luật và Luật tạng.

Quảng Hương Già Lam

Mùa thu năm Tân Ty

Ban sưu tập

---o0o---

LƯỢC SỬ HÒA THƯỢNG THÍCH TRÍ THỦ

Hòa thượng húy Văn Kính, pháp danh Tâm Như, tự Đạo Giám, hiệu Thích Trí Thủ. Hòa thượng sanh giờ Hợi ngày 19.9 năm Kỷ Dậu tức ngày 1 tháng 11 năm 1909. Xuất thân từ một dòng tộc nổi đời sùng mộ Phật pháp. Hòa thượng thuộc thế hệ thứ tám của họ Nguyễn, họ khai canh và khai khẩn làng Trung Kiên, huyện Triệu Phong, tỉnh Quảng Trị. Dòng tộc này từ thế hệ thứ ba có thiền sư Đạo Minh Phổ Tịnh trụ trì kế tổ Tổ đình Báo Quốc - Huế, kiến lập Sắc tứ Linh Quang tự tại thôn nhà, làng Trung Kiên tỉnh Quảng Trị vào năm Gia Long nguyên niên (1802). Đời thứ tư có Hòa thượng Nhất Định Tánh Thiên khai sơn Tổ đình Từ Hiếu. Thế hệ thứ sáu Hòa thượng pháp danh Trừng Nhã tự Chí Thanh khai sơn chùa Giác Lâm. Thế hệ thứ bảy Hòa thượng Ngô Tánh tự Hưng Long hiệu Phước Huệ khai sơn chùa Hải Đức. Dòng họ thứ tám có Hòa thượng pháp danh Tâm Lượng hiệu Diệu Hoằng trùng hưng Diệu Đế quốc tự.

Thân phụ húy Văn Minh pháp danh Trừng Khiết tự Diệu Quang hiệu Hưng Nghĩa. Thừa tiếp gia phong, theo hạnh tu bán thế tục gia, lập am thất Phổ Tế tại vùng đồi phía Nam kinh thành Huế, quy ngưỡng Phật pháp. Thân mẫu tục danh Lê Thị Nậy, tự Chiêu người làng Cu Hoan, huyện Hải Lăng, tỉnh

Quảng Trị. Hoà thượng là con trai trưởng, gia đình có hai em một trai Nguyễn Văn Khâm và một gái Nguyễn Thị Vân.

Từ tám bé, Hoà thượng đã theo đòi nghiên bút với Hán tự, chữ viết văn học thời này. Lên chín là khá lâu thông việc đọc và viết các bài kinh nhật tụng. Ảnh hưởng đạo phong của các bậc Tôn túc thân tộc, vốn ươm sẵn cốt tủy bồ đề và túc duyên với Phật pháp, mười bốn tuổi theo Bác ruột học kinh ở chùa Hải Đức - Huế. Dòng tộc vốn kính ngưỡng cao danh và đạo vị của Thiền sư Viên Thành nên năm mười bảy tuổi Hoà thượng được cho đầu sư thọ học với Ngài tại chùa Tra Am Huế. Hoà thượng được Bôn sư Viên Thành nhận làm đệ tử thứ tư, ban pháp danh Tâm Như, pháp tự Đạo Giám và giáo huấn nghiêm ngặt. Ba đại sư huynh đệ pháp nổi danh của Hoà thượng là Trí Uyên, Trí Hiền và Trí Giải.

Đủ hai mươi tuổi, Bôn sư cho vào giới đàn chùa Từ Vân ở Đà Nẵng thọ cụ túc giới, Hoà thượng trúng tuyển Thủ Sa di trong số 300 giới tử tại giới đàn này. Do đó, Bôn sư Viên Thành đã cho pháp hiệu là Thích Trí Thủ, với ý khen tặng chữ Thủ là đứng đầu.

Sau hai năm cư tang Bôn sư tại chùa Tra Am, Hoà thượng cùng các pháp lữ vào chùa Thập Tháp, Bình Định, tham học với Hoà thượng Phước Huệ, năm 23 tuổi.

Mãn học, Hoà thượng ngồi ghế giáo thọ, dạy trường Phật học Phổ Thiên ở Đà Nẵng. Vì chưa thỏa lòng cầu pháp, Hoà thượng trở ra Huế, cùng các vị đồng học ở Thập Tháp ngày trước, tổ chức trường Phật học tại chùa Tây Thiên, cung thỉnh Tăng cang Giác Nhiên chùa Thiên Tôn làm giám đốc, Hoà thượng Phước Huệ chùa Thập Tháp làm đốc giáo dạy nội điển, đồng thời mời các cư sĩ như bác sĩ Lê Đình Thám dạy luận học, các cụ Nguyễn Khoa Toàn, Cao Xuân Huy v.v... dạy các môn về văn hóa theo trình độ đại học. Ở trường này, Hoà thượng đã chính thức học chương trình đại học Phật giáo cũng như văn hóa. Trong thời gian này, Hoà thượng đồng thời làm giảng sư cho hội Phật học Huế và dạy lớp Trung đẳng Phật học cũng mở tại chùa Tây Thiên. Lúc này, Hoà thượng được hai mươi bảy tuổi. Khi hội Phật học mở trường tiểu học Phật giáo tại chùa Báo Quốc, Hoà thượng đã kiêm dạy chúng tăng sinh ở đây.

Sau khi tốt nghiệp trường Phật học Tây Thiên, năm 29 tuổi (1938), Hoà thượng về trụ trì chùa tổ Ba La Mật, nhưng vẫn tiếp tục công việc giảng dạy cho hội và các trường Phật học. Năm 1939, Ni trường thành lập tại chùa Từ

Đàm, Sơn môn và hội Phật học giao Hòa thượng đặc trách việc đào tạo và điều hành Ni trường này. Đây là cơ sở Ni bộ đầu tiên được hình thành. Năm 1940, Hòa thượng trùng tu chùa tổ Ba La Mật. Năm 1941 Hòa thượng mở trường Sơn môn Phật học tại chùa Linh Quang Huế, chủ trương xây dựng kinh tế tự túc cho học chúng làm phương tiện tu trì với giai đoạn kinh tế khủng hoảng thời bấy giờ. Hòa thượng cũng chủ trương cho học tăng học văn hóa. Chính Hòa thượng đích thân dẫn tăng sinh đi thi tiểu học. Việc tăng sinh học văn hóa và thi lấy bằng cấp ngoài đời đã gây chấn động không ít trong số người chủ trương đào tạo tăng sinh theo nề nếp cũ.

Cách mạng tháng Tám dấy khởi, với cương vị Trị sự Sơn môn Thừa Thiên, Hòa thượng đã cùng nhiều vị lập hội Phật giáo cứu quốc Trung bộ. Chủ trương tờ nguyệt san Giải Thoát làm cơ quan tuyên truyền. Hòa thượng đắc cử Đại biểu Hội đồng nhân dân Thừa Thiên và được chính quyền Cách mạng mời đến Trung bộ phủ giao quyền sắp đặt lại chùa chiền, hủy bỏ chế độ chùa vua trước đó.

Năm 1948, Hòa thượng mở giới đàn tại chùa Báo Quốc, thân làm chủ đàn. Tại giới đàn này, Hòa thượng đã phục hồi ý nghĩa của Thất chứng mà các trường giới xưa nay ít coi trọng. Trong ý nghĩa đó, Hòa thượng đã cung thỉnh các vị tôn túc giới đức cao dày làm tôn chứng để chứng minh cho sự truyền giới. Hòa thượng cũng phân chia riêng Tăng Ni hai bộ, Tăng độ cho tăng, Ni độ cho ni.

Năm 1951, với chức vụ Hội trưởng hội Việt Nam Phật học Trung phần, nằm trong hệ thống Tổng hội Phật giáo Việt Nam có sáu tập đoàn Phật giáo Bắc, Trung, Nam, đứng đầu là Đại lão Hòa thượng Thích Tịnh Khiết làm Hội chủ, Hòa thượng đặt viên đá đầu tiên xây dựng trường Tiểu học Tư thực Bồ Đề tại thành nội Huế. Đây là điểm mở đầu mạng lưới giáo dục Phật giáo, đóng góp vào sự nghiệp hoạt động xã hội nhân sinh, xây dựng đất nước; theo tinh thần nhập thế vốn có ở đạo Phật tự ngàn xưa. Mạng lưới giáo dục này, từ đó liên tục phát triển với nhiều tỉnh thành khắp nước, ở cả ba cấp học. Đến năm 1975, đất nước hoàn toàn thống nhất, mạng lưới đã giải thể để hòa chung trong việc thống nhất quản lý nhà nước của Nhà nước CHXHCN Việt Nam.

Năm 1952, Hòa thượng tạm nghỉ việc Hội, chuyên tâm giáo dục học tăng tại Phật học đường Báo Quốc. Cuối năm 1956, Phật học viện Trung phần thành lập tại Nha Trang, Hòa thượng thân làm Giám viện. Năm 1957, thấy đa số

tăng ni của Phật học viện đã đến tuổi thọ giới, Hòa thượng cho mở giới đàn và thân làm đàn chủ.

Để ổn định kinh tế tự túc ở Phật học viện, Hòa thượng cho một số tăng theo học cách thức chế biến và mở hãng sản xuất nước tương, hương đèn, giám ăn, xà phòng, sử dụng sức lao động của nội chúng và phật tử chưa có việc làm gần chùa. Hầu hết học tăng Phật học viện đều được Hòa thượng cho học cả hai chương trình nội điển và thế tục. Nhờ hướng đào tạo đó mà nơi đây đã là nguồn cung cấp liên tiếp những Chánh đại diện giáo hội các tỉnh, quận, hoặc giảng sư, trụ trì, hiệu trưởng, giám học các trường Bồ đề, quản lý nhà in, nhà phát hành kinh sách, khắp miền Trung. Về sau, một số đã trở thành giảng sư, giáo sư đại học trong ngành văn hóa giáo dục phục vụ đạo và đời.

Năm 1960, Hòa thượng tạo mãi miếng vườn ở Gò Vấp khai kiến tu viện Quảng Hương Già Lam. Năm 1962, Hòa thượng dẫn đầu phái đoàn Phật giáo Việt Nam tại miền Nam tham dự Đại lễ thế giới kỷ niệm năm 2500 đức Phật nhập Niết bàn, tại Lào.

Phật đàn năm 1963 khởi đầu thời pháp nạn, Hòa thượng về Huế cùng các vị lãnh đạo Phật giáo hướng dẫn phong trào tranh đấu bảo vệ đạo pháp và dân tộc cho đến khi chính quyền Ngô Đình Diệm bắt giam giữ. Ngày 1.11.1963, Bao quyền Sài Gòn sụp đổ. Qua cơn pháp nạn, Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất ra đời, thành lập với 11 đoàn thể các hệ phái Phật giáo toàn miền Nam, Hòa thượng được bổ sung vào Ban dự thảo hiến chương Giáo hội. Trong nhiệm kỳ đầu, Hòa thượng giữ phần Tổng vụ Hoằng pháp. Công việc hoằng pháp và giáo dục tăng ni là mối quan tâm hàng đầu của Hòa thượng. Ở nhiệm vụ và vai trò này, Hòa thượng đã mở ba đại hội Hoằng pháp: một tại Phật học viện Nha Trang, một tại chùa Xá Lợi, Sài Gòn và một tại chùa Ấn Quang, (Chợ Lớn). Hoạt động và thành tích Hoằng pháp đều tổng kết ghi lại trong ba tập Kỷ yếu Đại hội. Hòa thượng còn thành lập Giảng sư đoàn và cất cử mỗi vị phụ trách một tỉnh để diễn giảng Phật pháp cho tín đồ. Sau, Hòa thượng còn thành lập Phật học viện Phò Đà ở Đà Nẵng.

Năm 1964, Hòa thượng thân làm Viện trưởng viện Cao đẳng Phật giáo, thành lập tại chùa Pháp Hội Sài Gòn; đây là tiền thân của viện Đại học Vạn Hạnh. Hòa thượng còn chủ trương các tập san Tin Phật, Bát nhã, để gióng tiếng pháp cho đời. Năm 1965, sau khi ổn định mọi Phật sự, Hòa thượng hành hương chiêm bái các danh lam Phật tích ở Nhật Bản, Nam Triều Tiên, Hồng Kông, Đài Loan, giao thiệp với nhiều danh tăng các nước.

Sau thời làm Tổng vụ trưởng tổng vụ Hoàng pháp, Hòa thượng lại được giáo hội trao giữ nhiệm vụ Tổng vụ trưởng Tổng vụ Tài chánh. Năm 1968, Hòa thượng được giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất chính thức cử hành lễ tấn phong Hòa thượng. Cùng năm này, Hòa thượng khai giới đàn tại Phật học viện Nha Trang. Năm 1969, đại trùng tu Tổ đình Báo Quốc.

Từ Đại hội Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất kỳ 5 và 6, Hòa thượng giữ chức vụ Viện trưởng viện Hóa đạo, đến năm 1975 kiêm phụ tá đức Tăng Thống, cho đến khi đất nước và đạo pháp chuyển qua giai đoạn lịch sử mới. Năm 1976, Hòa thượng lại tổ chức Đại giới đàn Quảng Đức tại Tổ đình Ấn Quang, Chợ Lớn.

Trước chiều hướng mới và cũng thể theo ý hướng thống nhất mà xưa nay Phật giáo Việt Nam vẫn thường ấp ủ, sau khi miền Nam hoàn toàn giải phóng, trong cương vị Viện trưởng Viện Hóa Đạo Giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất, Hòa thượng đã liên hệ chư tôn túc lãnh đạo các hệ phái và tổ chức Phật giáo khác trong cả nước, bàn bạc việc thống nhất Phật giáo Việt Nam. Chính đây là nguyện vọng chung của toàn thể Tăng Ni và Phật tử. Nguyện vọng này đã thể hiện cụ thể tại Đại hội giáo hội Phật giáo Việt Nam thống nhất kỳ 7 họp tại chùa Ấn Quang, Chợ Lớn, ngày 23.1.1977 gồm 160 đại biểu của 54 đơn vị trong giáo hội mà Hòa thượng nhân danh Viện trưởng tân nhiệm đã ký thông bạch 7 điểm trong đó có điểm thứ sáu nguyện văn như sau: "Đại hội căn ủy Giáo hội Trung ương tiếp tục vận động thống nhất Phật giáo cả nước trong tinh thần Đạo pháp và truyền thống dân tộc."

Sau khi Ban vận động thống nhất Phật giáo thành hình, Hòa thượng được bầu làm Trưởng ban Ban vận động và khi hội nghị đại biểu thống nhất Phật giáo Việt Nam tổ chức tại thủ đô Hà Nội ngày 7.11.1981, Hòa thượng đắc cử Chủ tịch Hội đồng Trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam nhiệm kỳ đầu tiên.

Những năm cuối của báo thân, tuy tuổi già sức yếu, Hòa thượng vẫn không xao lãng việc đạo việc đời. Năm 1979 và 1982 dẫn đầu đoàn đại biểu Phật giáo Việt Nam dự đại hội thứ 5 và thứ 6 của tổ chức Phật giáo châu Á vì hòa bình tại Mông Cổ. Năm 1980 làm trưởng đoàn đại biểu Tôn giáo Việt Nam dự hội nghị các nhà hoạt động Tôn giáo thế giới vì hòa bình và giải trừ quân bị, chống chiến tranh hạt nhân, tổ chức tại Nhật Bản. Năm 1981 làm trưởng đoàn đại biểu Phật giáo Việt Nam dự hội nghị các nhà hoạt động tôn giáo thế giới vì hòa bình và sự sống, chống chiến tranh hạt nhân, tổ chức tại Liên Xô, cũng năm này kiến tạo thêm chánh điện Tu viện Quảng Hương Già

Lam. Năm 1983 dự hội nghị các vị đứng đầu Phật giáo năm nước châu Á, tổ chức tại Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

Dù bận rộn Phật sự suốt con đường hành đạo, Hòa thượng vẫn dành thì giờ phiên dịch kinh, biên soạn sách để hoằng dương giáo hóa. Các tác phẩm chính gồm Kinh Phổ Môn, kinh Phổ Hiền, Mẹ hiền Quán âm, kinh Vô thường, kinh A di đà, kinh Thập Thiện nghiệp đạo, kinh Đại phương đẳng Như lai tạng, kinh Bát tạng bất giảm, Pháp môn tịnh độ, Tâm kinh Bát nhã Ba la mật đa, Luật Tỳ kheo, Luật Bồ tát, Luật Tứ phần, Luận Khuyến phát bồ đề tâm, Nghi thức truyền giới Bồ tát tại gia và Thập thiện, Nghi thức Phật đàn, Nghi thức lễ sám buổi khuya và các tác phẩm khác đã in hoặc chưa in.

Thâm hiểu và cảm thông nghiệp lực nhân sinh, lân mẫn chúng tăng ni không giữ trọn nguyện ước thanh quy giới luật phải hoàn tục sống đời thế gia, Hòa thượng lập chúng Dược Vương để quy tụ và sinh hoạt với số đông Phật tử vốn đã có thời gian ươm mầm hộ trì chánh pháp này.

Mãn báo thân 76 tuổi đời, 56 tuổi đạo. Vào lúc 21 giờ 30 ngày 2 tháng 4 năm 1984 (tức ngày 2 tháng 3 năm Giáp Tý) Hòa thượng thị tịch tại Quảng Hương Già Lam, quán tháp tại đây chờ di quan phụng Tở tại tổ đình Báo Quốc theo nguyện ước lúc sinh tiền.

---o0o---

QUYỀN I : KINH PHẬT THUYẾT VÔ THƯỜNG KINH

Đường Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh dịch.

Như thị ngã văn, nhứt thời Bạc già phạm tại Thất la phiệt thành, Thệ đa lâm, Cấp cô độc viên.

Nhĩ thời Phật cáo chư bí sô hữu tam chủng pháp, ư chư thế gian thị bất khả ái, thị bất quang trạch, thị bất khả niệm, thị bất xứng ý. Hà giả vi tam? Vị lão, bệnh, tử. Nhữ chư bậc sô thử lão bệnh tử thế gian vô giả, Như Lai ứng chánh đẳng giác bất xuất ư thế vị chư chúng sanh thuyết sở chứng pháp cập điều phục sự. Thị cố ung tri thử lão bệnh tử ư chư thế gian thị bất khả ái, thị bất quang trạch, thị bất khả niệm, thị bất xứng ý. Do thử tam sự Như Lai ứng chánh đẳng giác xuất hiện ư thế vị chư chúng sanh thuyết sở chứng pháp cập điều phục sự. Nhĩ thời Thế Tôn trùng thuyết tụng viết:

Ngoại sự trang thể hàm quy hoại

Nội thân lý biến diệc đồng nhiên.

Duy hữu thắng pháp bất diệt vong,

Tri hữu trí nhân ưng thiện sát,

Thử lão bệnh tử giai cộng hiền

Hình nghi xú ác cực khả yếm

Thiếu niên dung mạo tạm thời đình,

Bất cứu hàm tất thành khô toái.

Giả sử thọ mạng mãn bách niên,

Chung quy bất miễn vô thường bức,

Lão bệnh tử khổ thường tùy trực,

Hằng dữ chúng sanh tác vô lợi.

Nhĩ thời Thế Tôn thuyết thị kinh dĩ chư bậc sô chúng, thiên, long, dược xoa
càn thất bà, a tu la đẳng giai đại hoan hỷ tín thọ, phụng hành.

---o0o---

PHẬT NÓI KINH VÔ THƯỜNG

Đời Đường, Tam tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh dịch ra chữ Hán.

Tôi nghe như vậy. Một thời Phật tại thành Thất la phiệt nơi rừng Thệ đa,
vườn Cấp cô độc.

Bấy giờ Phật bảo các Tỷ kheo rằng trong các thế gian có ba pháp không thể
yêu, không trong sạch, không thể muốn, không vừa ý. Ba pháp là gì? Là già,
bệnh, chết. Nay các Tỷ kheo, nếu trong thế gian không già, bệnh, chết thì
Nhu Lai ứng chánh đẳng giác không xuất hiện ra đời vì các chúng sanh nói
pháp đã chứng và cách điều phục. Vậy nên biết rằng trong các thế gian, già
bệnh chết này là không thể yêu, là không trong sạch, là không thể muốn, là
không vừa ý. Vì ba việc này Nhu Lai ứng chánh đẳng giác xuất hiện ra đời

vì các chúng sanh nói pháp đã chứng và cách điều phục. Bấy giờ Thế Tôn
lập lại bài tụng rằng:

Bề ngoài trang điểm đều hư hoại,

Trong thân biến đổi cũng vậy thôi.

Chỉ có thắng pháp thường chẳng mất,

Các người có trí hãy xét coi!

Đây già bệnh chết đều đáng chán,

Hình nghi xấu xí thật khó ưa

Tuổi trẻ dung nhan tạm thời đó,

Nào có lâu chi, đều héo khô.

Dẫu cho tuổi thọ trăm năm đủ,

Chẳng khỏi vô thường nào bức thân.

Già bệnh chết, khổ thường theo đuổi.

Chẳng lợi gì cho thân chúng sanh.

Bấy giờ Thế Tôn nói kinh này xong, các chúng tỳ kheo, thiên, long, được
xoá, càn thất bà, a tu la đều rất hoan hỷ tín thọ, phụng hành.

---o0o---

KINH A DI ĐÀ

Phật dạy kinh A di đà:

Như thật tôi nghe

Một thời đức Phật

Ở nước Xá vệ

Vườn Cấp cô độc

Cùng tỳ kheo tăng
Một ngàn hai trăm
Năm mươi người đủ
Đều là những bậc
Đại A la hán
Tai mắt đại chúng
Trưởng lão Xá lợi
Đại Mục kiên liên
Ma ha Ca diếp
Đại Ca chiên diên
Đại Câu thi la
Và Ly bà đa
Châu lợi bàn đà
A nan, Nan đà
Và La hầu la
Kiều phạm ba đề
Tân đầu, La đọa
Ca lưu đà di
Đại Kiếp tân na
A nâu lâu đà
Và Bạt câu la

Như vậy đông đủ
Các hàng đệ tử
Bồ tát đại sĩ
Văn thù sư lợi
Vương tử Văn thù
Và A dật đa
Bồ tát Hương thượng
Bồ tát Bất hư
Bồ tát Thường cần
Cùng như vậy thảy
Các đại bồ tát
Thích đề hoàn nhân
Vô lượng chư thiên
Đại chúng đông đủ,
Bấy giờ Phật gọi,
Ngài Xá lợi phất
Mà bảo như vậy:
Từ đây đi qua,
Đến hướng Tây phương,
Cách mười vạn ức,
Quốc độ chư Phật,

Có một thế giới
Hiệu là Cực lạc
Trong thế giới ấy
Có một đức Phật
Hiệu A Di Đà
Hiện đang thuyết pháp
Này Xá lợi phát!
Vì sao cõi ấy
Tên là Cực lạc ?
Chúng sanh cõi ấy,
Không có các khổ,
Hoàn toàn an vui,
Nên gọi Cực lạc.
Lại Xá lợi phát!
Cõi nước Cực lạc,
Bảy lớp lan can
Bảy lớp lưới giăng,
Bảy lớp hàng cây,
Đều dùng bốn báu
Bao quanh bốn phía
Cho nên, cõi kia

Gọi là Cự lạc.
Lại Xá lợi phát!
Quốc độ Cự lạc,
Có hồ bảy báu,
Có nước tám đức,
Vừa đầy trong đó,
Dưới đáy nước hồ,
Toàn bằng cát vàng,
Bốn phía bờ đường,
Vàng bạc lưu ly
Pha lê xa cừ,
Hợp lại mà thành,
Trên có lầu gác,
Cũng dùng vàng bạc,
Lưu ly pha lê,
Xa cừ mã não,
Mà trang điểm đó.
Hoa sen trong hồ,
Lớn như bánh xe,
Sen xanh ánh xanh,
Sen vàng ánh vàng,

Sen đỏ ánh đỏ,
Sen trắng ánh trắng,
Hương thơm ngào ngạt
Thanh khiết nhiệm màu.
Này Xá lợi phát!
Quốc độ Cự lạc
Thành tựu như thế,
Công đức trang nghiêm.
Lại Xá lợi phát!
Quốc độ Phật kia,
Thường tấu nhạc trời,
Vàng ròng làm đất,
Ngày đêm sáu thời
Rưới hoa mạn đà,
Chúng sinh ở đó
Tăng sáng mỗi ngày
Đều dùng đảnh gấm
Đựng các thứ hoa
Cúng dường chư Phật.
Ở khắp mười phương
Mười vạn cõi Phật,

Trong chùng giây lát
Trở về xứ mình,
Ăn cơm, kính hành.
Này Xá lợi phát!
Quốc độ Cực lạc
Thành tựu như thế,
Công đức trang nghiêm.
Còn như vậy nữa,
Này Xá lợi phát!
Cõi kia thường có
Các thứ chim lạ,
Màu sắc đẹp đẽ,
Bạch hạc, khổng tước,
Anh vũ, xá lợi,
Ca lăng tần già,
Và chim cộng mạng.
Các loài chim ấy
Ngày đêm sáu thời
Kêu tiếng hòa nhã,
Tuyên dương những pháp
Năm căn năm lực,

Bảy phần bồ đề,
Tám phần thánh đạo,
Các pháp ấy thầy.
Chúng sinh ở đó
Nghe tiếng ấy rồi,
Đều nhớ niệm Phật,
Niệm pháp, niệm tạng.
Này Xá lợi phát!
Chớ bảo chim ấy
Thật do tội báo,
Bởi nghiệp sanh ra.
Lý do vì sao ?
Này Xá lợi phát!
Quốc độ Phật kia,
Không ba đường dữ.
Này Xá lợi phát!
Cõi kia ác đạo
Còn không có tên
Làm gì có thật ?
Các loài chim ấy
Do Phật Di Đà

Muốn cho tiếng pháp
Vang khắp mọi nơi,
Mà biến hóa ra.
Này Xá lợi phát!
Quốc độ Phật kia,
Gió dọi phảng phất
Thổi vào hàng cây,
Và các lưới báu,
Xuất tiếng nhiệm màu,
Ví như trăm ngàn
Các thứ âm nhạc
Đồng thời hòa tấu.
Nghe tiếng nhạc ấy,
Tự nhiên sanh lòng
Niệm Phật, niệm pháp,
Niệm thánh hiền tăng.
Này Xá lợi phát!
Quốc độ Phật ấy,
Thành tựu như thế,
Công đức trang nghiêm.
Này Xa lợi phát!

Ý ông nghĩ sao ?

Phật kia vì sao

Gọi A Di Đà ?

Này Xá lợi phát!

Ánh sáng Phật kia,

Vô lượng vô biên,

A tăng kỳ kiếp

Cho nên, được gọi

Là A Di Đà.

Này Xá lợi phát!

Phật A Di Đà

Thành Phật đến nay

Đã qua mười kiếp.

Đại Xá lợi phát!

Phật kia hiện có

Vô lượng vô biên

Thanh văn đệ tử

Đều A la hán

Không thể tính kể

Mà biết số lượng

Các hàng bồ tát,

Cũng lại như vậy.

Này Xá lợi phát!

Quốc độ Phật kia,

Thành tựu như thế

Công đức trang nghiêm.

Này Xá lợi phát!

Quốc độ Cực lạc

Chúng sanh sinh về

Đều được bất thối,

Trong đó hạng người

Nhất sinh bỏ xứ,

Số ấy thật nhiều

Không thể tính kể

Biết được số lượng,

Chỉ có thể nói

Vô lượng vô biên

A tăng kỳ kiếp.

Này Xá lợi phát!

Chúng sanh được nghe

Thì hãy phát nguyện,

Sanh về nước kia.

Lý do vì sao ?

Sinh về đó rồi,

Thường cùng các bực

Thượng thiện trí thức

Ở chung một chỗ.

Này Xá lợi phát!

Không thể do bởi

Chút ít thiện căn

Phước đức nhơn duyên

Mà được sanh về

Quốc độ Phật kia.

Này Xá lợi phát!

Nếu có thiện nam,

Hay người tín nữ

Nghe nói cảnh giới

Phật A di đà,

Chấp trì danh hiệu

Hoặc chỉ một ngày

Hoặc hai ba ngày

Hay năm sáu ngày

Cho đến bảy ngày,

Nhất tâm bất loạn,
Người ấy lâm chung
Khi bỏ báo thân,
Phật A di đà
Và các thánh chúng
Hiện ra trước mắt.
Người ấy khi chết,
Lòng không điên đảo
Liên được vãng sanh
Quốc độ Cực lạc
Phật A di đà.
Này Xá lợi phất!
Ta thấy lợi ấy,
Nên nói lời này:
Nếu chúng sanh nào,
Nghe pháp thoại này,
Hãy nên phát nguyện
Sinh về nước kia.
Lại Xá lợi phất!
Như ta hôm nay,
Xung dương tán thán

Lợi ích công đức
Bất khả tư nghì.
Phật A di đà,
Phương Đông cũng có
Phật A súc bệ,
Phật Tu di tướng,
Phật đại Tu di,
Phật Tu di quang,
Và Phật Diệu âm,
Nhu vậy cho đến
Vô lượng vô số
Chư Phật thế tôn
Ở quốc độ mình
Hiện ra tướng lữ
Đẹp đẽ rộng dài
Trùm khắp ba ngàn
Đại thiên thế giới,
Nói lời chân thật:
Tất cả chúng sinh
Nên tin những lời
Xung dương tán thán

Công đức lớn lao
Bất khả tư nghì
Kinh được hết thầy
Chư Phật giữ gìn.
Này Xá lợi phất!
Thế giới phương Nam,
Có Phật Nguyệt đăng
Phật Danh văn quang,
Phật Đại diệm kiên,
Phật Tu di đăng
Phật lực Tinh tấn,
Nhu vậy cho đến
Vô lượng vô số
Chư Phật thế tôn
Ở quốc độ mình
Hiện ra tướng lười
Đẹp đẽ rộng dài
Trùm khắp ba nghìn
Đại thiên thế giới,
Nói lời chân thật:
Tất cả chúng sanh

Nên tin những lời
Xung dương tán thán
Bất khả tư nghì
Công đức lớn lao
Kinh được hết thầy
Chư Phật giữ gìn.
Này Xá lợi phát!
Thế giới phương Tây
Có Phật Vô lượng thọ,
Phật Vô lượng tướng,
Phật Vô lượng tràng,
Phật Đại quang,
Phật Đại minh,
Phật Bửu tướng,
Phật Tịnh quang,
Như vậy cho đến
Vô lượng vô số
Chư Phật thế tôn
Ở quốc độ mình
Hiện ra tướng lười
Đẹp đẽ rộng dài

Trùm khắp ba ngàn
Đại thiên thế giới
Nói lời chân thật:
Tất cả chúng sinh,
Nên tin những lời
Xung dương tán thán
Công đức lớn lao
Bất khả tư nghì,
Kính đợc hết thầy
Chư Phật giữ gìn.
Này Xá lợi phát!
Thế giới phương Bắc
Thế giới phương Bắc
Có Phật Diệm kiên
Phật Tối thắng âm
Phật Nan trở
Phật Nhật Minh
Phật Võng minh
Như vậy cho đến
Vô lượng vô số
Chư Phật thế tôn

Ở quốc độ mình
Hiện ra tướng lữ
Đẹp đẽ rộng dài
Trùm khắp ba ngàn
Đại thiên thế giới
Nói lời chân thật:
Tất cả chúng sanh
Nên tin những lời
Xung dương tán thán
Công đức lớn lao
Bất khả tư nghì,
Kính được hết thầy
Chư Phật giữ gìn
Này Xá lợi phát!
Thế giới phương dưới
Có Phật Sư tử
Phật Danh văn,
Phật Đạt ma
Phật Pháp tràng
Phật Trì pháp
Như vậy cho đến

Vô lượng vô số
Chư Phật thế tôn
Ở quốc độ mình
Hiện ra tướng lười
Đẹp đẽ rộng dài
Trùm khắp ba ngàn
Đại thiên thế giới
Nói lời chân thật:
Tất cả chúng sanh
Nên tin những lời
Xung dương tán thán
Công đức lớn lao
Bất khả tư nghì,
Kính đợc hết thầy
Chư Phật giữ gìn
Này Xá lợi phất!
Thế giới phương trên
Có Phật Phạm âm
Phật Tú vương,
Phật Hương thượng,
Phật Hương quang,

Phật Đại diệm kiên,
Phật Tạng sắc,
Bảo hoa nghiêm thân,
Ta la thọ vương,
Phật Bảo hoa đức,
Kiến nhưt thiết nghĩa,
Phật Tu di sơn,
Nhu vậy cho đến
Vô lượng vô số
Chư Phật thế tôn
Ở quốc độ mình
Hiện ra tướng lưỡ
Đẹp đẽ rộng dài
Trùm khắp ba ngàn
Đại thiên thế giới
Nói lời chân thật:
Tất cả chúng sanh
Nên tin những lời
Xung dương tán thán
Công đức lớn lao
Bất khả tư nghì,

Kinh được hết thầy

Chư Phật giữ gìn

Này Xá lợi phát!

Ý người nghĩ sao?

Vì sao gọi là

Kinh được hết thầy

Chư Phật giữ gìn?

Này Xá lợi phát!

Nếu có thiện nam

Hay người thiện nữ,

Nghe được kinh này,

Chuyên tâm thọ trì

Và nghe danh hiệu

Chư Phật Thế tôn,

Thì người thiện nam

Hay thiện nữ ấy

Đều được tất cả

Chư Phật thế tôn

Luôn luôn hộ niệm,

Đều không thối chuyển

Vô thượng bồ đề.

Vì vậy cho nên,
Này Xá lợi phát!
Các người đều phải
Nên tin lời ta
Và lời chư Phật
Này Xá lợi phát!
Nếu có những người
Đã phát nguyện rồi
Hay đang phát nguyện
Hoặc sẽ phát nguyện,
Muốn sanh quốc độ
Phật A Di Đà;
Tất cả người ấy
Được không thối chuyển
Vô thượng bồ đề,
Và đã sinh về
Hoặc nay đang sinh
Hoặc sau sẽ sinh
Về quốc độ kia.
Vì vậy cho nên
Này Xá lợi phát!

Các người thiện nam
Hoặc kẻ thiện nữ
Nếu có lòng tin,
Hãy nên phát nguyện
Sinh quốc độ kia.
Này Xá lợi phát!
Như ta hôm nay,
Xung dương tán thán
Công đức lớn lao
Bất khả tư nghì
Của chư Phật ấy.
Thì các Phật kia
Lại cũng xưng tán
Công đức lớn lao
Bất khả tư nghì.
Các ngài nói rằng:
Đức Phật Thích ca
Mâu ni Thế tôn
Hay làm những việc
Hi hữu khó làm.
Ở cõi Ta bà

Trong đời dữ dội
Bởi năm thứ trước,
Kiếp trước, kiến trước
Phiền não, chúng sanh
Và thọ mạng trước,
Để chúng đạo quả
Vô thượng bồ đề,
Lại vì chúng sanh
Nói ra những việc
Khó tin khó làm.
Này Xá lợi phát!
Ngươi biết, ta ở
Trong đời ác trước
Làm việc khó ấy,
Chúng được đạo quả
Vô thượng bồ đề,
Lại vì tất cả
Chúng sinh thế gian
Nói pháp khó tin,
Thật là rất khó.
Phật dạy đến đây,

Ngài Xá lợi phát

Cùng các tỳ kheo

Tất cả thế gian

Mọi người, chư thiên,

Và A tu la

Nghe lời Phật dạy

Hoan hỷ tín thọ,

Lạy Phật mà lui.

---o0o---

KINH THẬP THIỆN NGHIỆP ĐẠO

LỜI GIỚI THIỆU

Kinh Thập thiện nghiệp đạo này, xưa nay có nhiều nhà giải thích; Nhưng gần đây tôi được đọc quyển "Thập thiện nghiệp đạo kinh giảng yếu" của ngài Thái Hư Pháp sư, thấy tóm tắt dễ hiểu, lời lẽ giản dị mà ý nghĩa đầy đủ, lại rất hợp với căn cơ hiện tại. Hàng Phật tử tại gia hay xuất gia muốn lợi mình lợi người, muốn đem hạnh phúc cho nhân quần xã hội, tạo thành một cực lạc thiên quốc giữa thế giới thực tại không thể không lấy kinh này làm kim chỉ nam.

Vậy nên tôi xin dịch lại quốc văn để cống hiến toàn thể Phật tử. Trong đây, ngoài chánh kinh, lời giảng giải có chỗ thêm bớt một vài phần cho thích hợp với xứ sở; có chỗ nào chưa thích đáng hoặc sai lầm, mong quý vị Thiện tri thức hoan hỷ chỉ giáo cho.

Dịch giả kính bạch.

Dịch xong mùa Thu năm Kỷ sửu

Phật lịch 2512 - 1949

Tại Phật học đường Báo Quốc

---o0o---

KINH THẬP THIỆN NGHIỆP ĐẠO NGÀI THÁI HƯ PHÁP SƯ GIẢNG TẠI HỘI PHẬT GIÁO CHÁNH TÍN Ở HÁN KHẨU

(TRUNG HOA)

Lời bàn trước khi giảng kinh

Hôm nay giảng về kinh Thập thiện nghiệp đạo, trước khi giảng chánh văn, xin bàn qua mấy lời ở đầu kinh.

Chữ KINH của Phật giáo, nói cho đủ là Khế Kinh nghĩa là khế lý và khế cơ. Chữ khế nghĩa là hợp. Tất cả giáo điển của Phật đều kiến lập trên nguyên tắc ấy. Khế lý là hợp với lý chơn thật của tất cả muôn sự muôn vật, là tánh tướng chơn thật của muôn sự muôn vật, do trí huệ tuyệt đối của Phật tự mình chứng được; rồi đem chỗ thân chứng ấy khai thị cho mọi loài sanh linh đều được chứng nhập: ấy là Phật y theo nguyên tắc khế lý mà thuyết pháp vậy. Khế cơ là hợp với cơ duyên từng chủng loại, từng căn tánh, từng thời tiết nhơn duyên. Đức Phật tìm phương tiện thích hợp với tất cả mọi loài mà thuyết pháp, chúng sanh đều được giác ngộ. Đủ hai nghĩa Khế lý và Khế cơ ấy gọi là Khế Kinh.

Nay căn cứ vào hai nghĩa ấy mà nói nghĩa đại khái của kinh này:

---o0o---

I. THIẾT NGHĨA CỦA KHẾ LÝ

Là nghĩa chân thật hợp với lý chân thật của muôn sự muôn vật, về tánh, về tướng vậy.

Thiết nghĩa hợp với chơn lý, đây không vì thời gian mà biến đổi, không vì bờ cõi mà sai khác, không luận thời đại nào, địa phương nào, chủng loại nào, đều như thế cả. Nơi đây xin chia làm ba đoạn để nói về nghĩa chơn thật hợp lý của kinh Thập thiện nghiệp đạo này.

1) Thập thiện nghiệp là mục tiêu làm lành của thế gian và xuất thế gian.

"Nghiệp" là hành vi; "thập thiện nghiệp" là mười hành vi lành. Về thân có ba: không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục. Về ngữ có bốn: không

nói dối, không nói hai lưỡi, không nói ác khẩu, không nói thêu dệt. Về ý có ba: không tham lam, không sân hận, không ngu si tà kiến.

Hợp cả thân, ngữ, ý thành mười nghiệp lành, trái lại tức là mười nghiệp ác.

Thiện và ác không như định, cần phải xem tính chất của nó mà định nghĩa. Nếu trong tâm thiện, thì phát hiện ra nơi hành vi lợi lạc cho chúng sanh, tức là thiện nghiệp. Tâm ác, thì hiện ra nơi hành vi làm tổn hại chúng sanh, tức là ác nghiệp. Hơn nữa, muốn biết thiện hay ác của mười nghiệp về thân, khẩu, ý, ta hãy xem sự kết quả về tương lai tốt hay xấu mà quyết định. Mười nghiệp lành này không những nơi hành vi lành của thế gian, mà trong kinh điển Phật đều nói đến; mười nghiệp lành này là cơ bản hành vi lành cả xuất thế gian nữa vậy. Ở thế gian thì do những hành vi lành này mà đi đến kết quả tốt đẹp về nhơn, về thiên. "Thiên" là trời, tức chỉ cho các chúng sanh ở về thế giới tốt đẹp hơn loài người; đó là sự kết quả của những người tu theo mười thiện nghiệp, vì tất cả phước báo của loài người và trời thành tựu được, đều do tu theo mười điều lành này. Thông thường người ta cho những hành vi đạo đức của loài người là theo năm giới trong Phật pháp của hàng tại gia thực hành. Nếu muốn sanh về cõi trời thì cần phải có hành vi đạo đức của thập thiện. Trời lại có ba cõi: cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc. Muốn sanh vào hai cõi sắc và vô sắc, lại cần tu theo tứ thiền bát định nữa mới được. Nhưng cũng căn cứ mười nghiệp lành này làm cơ bản; chỉ thêm một tầng nữa là cần phải có công phu tu các pháp thiền định nữa mà thôi. Cho đến các hàng Thanh văn, Duyên giác và Bồ tát phát bồ-đề tâm thoát ly ra ngoài tam giới, lợi lạc hữu tình, cũng không thể gì bỏ mười nghiệp lành này mà thành tựu được. Vì thế, giáo pháp đại thừa cũng đều thâm tóm vào trong mười điều lành này. Nhờ có "giới" mới sanh thiền định, nhờ thiền định mới phát trí huệ. Cho nên, ở trong Thập địa bồ tát, Ly cấu địa về thứ hai, chính là nhờ Thập thiện nghiệp mà thành tựu. Căn cứ vào thập thiện nghiệp này mà tinh tấn tu giới định, đoạn trừ cùng tột đến chỗ nhỏ nhiệm của mười nghiệp ác về thân, khẩu, ý; nhờ có định lực tăng cường, lòng không tán loạn, mới hoàn toàn thành tựu mười hạnh lành. Đi sâu vào một tầng công phu nữa, cho đến khi nhờ sức thiền định mà phát sinh trí huệ, cuối cùng đoạn trừ hết căn bản vô minh, đánh tan tà kiến, hoàn toàn thân chứng quả vô lậu chánh giác, đến đây mới là cứu cánh của thập thiện nghiệp đạo. Vì thế, sự nghiệp xuất thế của tam thừa thánh nhơn hầu hết bao quát trong Thập thiện nghiệp. Chỗ chơn thiết công năng của Thập thiện nghiệp quyết định là như thế.

2) Thập thiện là chánh nhơn tạo thành nhơn gian và thiên quốc.

Thập thiện là chánh nhơn tạo thành nhơn gian và thiên quốc mà con đường thiết thực đi đến cảnh an lạc giữa thế gian cũng là Thập thiện. Nếu muốn đạt đến mục đích an lạc trong nhơn gian, chính là phải làm theo các hành vi không sát hại, không trộm cắp... của thập thiện. Nếu ai thực hành theo mười thiện nghiệp thì không có việc gì là không thành tựu. Sự thảm khốc tương tàn tương sát của nhơn loại, chính là do kết quả của hành vi mười nghiệp ác. Giả sử tất cả đều làm theo mười nghiệp thiện thì thế giới an lạc sẽ phát hiện ngay. Từ cá nhân cho đến đoàn thể, xã hội, rộng là thế giới, tạo thành một bể khổ mông mênh, chẳng biết đâu là bờ bến; đó đều là kết quả của sự không tu thập thiện! Trên hoàn cầu, đại phàm có chút tư tưởng, từ các nhà tôn giáo cho đến các nhà học vấn, ai cũng nuôi hy vọng tạo thành một thế giới an vui tương thân tương ái; nếu thực hành theo mười thiện nghiệp thì những lý tưởng thiên đường cho đến cực lạc đều phát hiện rất dễ dàng vậy; thuyết Đại đồng của Trung Quốc và lý tưởng Hoàng kim thế giới của người phương Tây sẽ thực hiện không khó; cốt yếu là đổi mười hành vi ác trở thành mười hành vi thiện. Hơn nữa, cũng có thể đổi cõi đời ác trược này, trở nên cõi thanh tịnh an vui. Nhân loại ngày nay chính cần phải tinh tấn một cách bao quát cùng khắp. Ngài Lô Sơn Huệ Viễn bảo rằng: Thực hành theo mười thiện nghiệp này, từ cá nhân cho đến một gia đình, một làng, rộng ra đến toàn quốc, thì phong tục được thuần mỹ, hình phạt được trừ bỏ, chính trị được an ninh, trở thành một quốc gia thái bình thịnh vượng v.v... như thế thì luật chính là mười thiện nghiệp, không luận thời gian nào, nếu muốn hưởng cảnh an vui, cần phải đi vào con đường ngay thẳng ấy. Phật dạy: "Trong bốn châu thiên hạ, Bắc-cu-lô châu là tự tại an vui hơn cả, chính là kết quả của mười thiện nghiệp vậy". Lại nói: "Vua Chuyển luân thánh vương ra đời thời bốn bể thái bình, thiên hạ an lạc, nhơn gian đều tu theo mười thiện nghiệp..." Thế cũng đủ chứng cho lý này vậy.

3) Thập thiện nghiệp là căn bản của Bồ-đề Niết-bàn

Hai quả chuyển y bồ-đề niết-bàn của tam thừa thánh nhân đều lấy mười thiện nghiệp làm căn bản. Vì mười thiện nghiệp là công năng ngăn đón các hành vi độc ác, triệt để đối trị tất cả hành vi bất thiện, tức là giải thoát sanh tử, chứng quả niết-bàn. Đoạn trừ hết mầm mống của mười ác nghiệp, thì công đức của mười thiện nghiệp mới phát triển đến viên mãn. Lại đem công đức ấy lợi lạc cho tất cả thế giới chúng sanh tức là viên mãn quả đại bồ-đề; đây cũng là một định luật. Lẽ dĩ nhiên, không thể bỏ mười thiện nghiệp, hoặc chưa viên mãn mười thiện nghiệp, mà có thể chứng Tam thừa thánh nhân được. Đã nói lược qua phần Khế lý, dưới đây nói phần Khế cơ.

II. ỨNG DỤNG CỦA KHẾ CƠ

Đức Phật thuyết pháp, bao giờ cũng thích ứng với căn cơ chúng sanh. Nay giảng kinh Thập thiện nghiệp đạo này cũng chính là đem phương pháp ứng theo thời cơ mà đối trị, hầu mong cứu vãn sự khổ não thảm khốc của thế giới chúng sanh; vì rằng muốn đối trị thống khổ đau thương trở thành an vui hạnh phúc, ngoài thập thiện ra, không thể tìm phương pháp gì hơn nữa.

Đây cũng chia làm ba đoạn mà giảng.

1) Đối trị bệnh dong ruổi theo bề ngoài mà bỏ quên nơi mình, để trở lại tu nơi mình.

Hiện tại thế giới đang ở trong bầu không khí ác liệt, thiên tai nhơn họa. Nhân loại đang quay cuồng trong vòng thống khổ, chưa biết đến đâu là bờ bến. Phương pháp cứu vãn không gì hơn là thiết thực tu hành theo mười thiện nghiệp. Ta không nên oán trời, trách người và cũng không nên dong ruổi kêu cầu đâu xa lạ; trách nhiệm chính ở nơi ta. Ta cũng không nên đổ lỗi cho hoàn cảnh, hoặc cho người nào, hoặc oán trách chế độ xã hội bất lương, hoặc bắt tội điều kiện vật chất không đầy đủ; không biết tự trách mình; cứ mong cầu ở bên ngoài. Nếu cả thế giới mọi người đều có tư tưởng như thế thì ai là người đứng ra chịu trách nhiệm? Nhưng dù có người chịu trách nhiệm đi nữa mà ta không chịu đảm nhận tự lập ở nơi ta, người nào mắc lấy bệnh này, thật không có thuốc gì chữa được. Lại còn có những hạng người không mong cầu ở nơi người, không mong cầu ở nơi vật, mà chỉ cầu với Thượng đế hay Quỷ thần cho đến tin Phật mà cũng không ngoài mục đích cầu khẩn ấy; rốt cuộc chỉ là bắt bong bóng giữa hư không mà thôi. Chơn ý nghĩa của Phật pháp là dạy cho người ta hiểu biết chơn lý nhân quả, để trở lại cầu chính ở nơi mình. Như hồi tại thế, em Phật là A-nan, tưởng ý lại vào Phật là được thành Phật, có nói rằng: "Thế nào Phật cũng ban cho phép tam muội" (huệ nhãn tam muội). Không chịu tự mình tu tập, rốt cuộc không khỏi mắc nạn với nàng Ma-đăng-già. Trong hàng đệ tử Phật, ngài A-nan là đa văn đệ nhất, mà hoàn toàn không ý lại được nơi Phật. Vậy nên biết, Phật pháp hướng trách nhiệm về tự thân cả.

Nếu xa bỏ mình, cầu cứu với trời đất Quỷ thần, mà muốn cải tạo thế giới xã hội, thì quyết định không thể nào được. Trước hết, cần phải đem mười ác nghiệp ở trong tự tâm, đổi thành hành vi thiện, vậy sau cầu Phật mới có hiệu quả. Xưa Không tử bị bệnh, Tử Lộ xin cầu đảo, Không tử bảo: "Khru này

đảo đã lâu rồi vậy". Chính Nho học cũng thừa nhận sự ngoại cầu là vô dụng; phương pháp cốt yếu chỉ là tự mình phát tâm chơn chánh thực hành, rồi lần lượt khuyên mọi người làm theo mười thiện nghiệp mới mong văn hồi được nhân tâm thế đạo.

2) Đối trị bệnh nói suông, chuyên trọng thực hành.

Hiện tại người ta cao đàm hoạt luận thuyết này thuyết nọ. Nào là nhân quyền, nhân đạo, việt thánh siêu phàm v.v. ... Nhưng xét hành vi thực tế, không những không đem lại cho nhân quần một tia sáng gì gọi là siêu hiền việt thánh, trái lại càng nói lại càng làm cho nhân loại thống khổ thêm. Thậm chí con người không có giá trị là con người nữa là khác. Bệnh nói suông cao đàm hoạt luận này, đã thành một bệnh thông thường cùng khắp đây đó ở dưới vòm trời. Cũng vì thế, xã hội chẳng có gì đáng gọi là đẹp đẽ; càng hô hào, càng vang dội, sự thực hành lại càng vô lực, mà sự nguy hiểm lại càng gấp bội hơn lên. Ông Mạnh Tử bàn về việc ông Y Doãn giam ông Thái Giáp, nói rằng: "Có chí như Y Doãn thời được, không chí như Y Doãn thời soán nghịch vậy" ở đây nên thêm vào một câu: "Có tài năng như Y Doãn thời được, không có tài năng như Y Doãn thời nguy vậy".

Bởi thế, chỉ có lớn lời khoe khoang không nhắm đích thực hành mà bảo rằng, trị đời thì càng trị lại càng loạn thêm. Ví như trên đầu đội tảng đá ngàn cân mà nhảy múa, kết quả không nguy hiểm đến tánh mạng là ít lắm. Không những trị đời như thế mà người học Phật cũng vậy. Như một hạng người cuồng vọng đầu miệng khoe khoang cao đại, không kiêng kỵ gì, tự bảo mình là Phật rồi không sợ hãi gì nữa, tha hồ đàm huyền, thuyết diệu, mà cử chỉ thì không hiệp đạo một chút nào. Muốn dẹp trừ bệnh điên cuồng ấy, cần phải thực hành theo mười thiện nghiệp; trái lại, dù cho có tự xưng là đại-kỹ-thuật, đại-học-vấn cũng chẳng qua ma lực làm trợ duyên dắt dẫn làm sa rớt vào tam đồ ác đạo mà thôi, không thể nào thành được hạnh bồ-tát chân chánh Phật tử.

3) Đối trị với hạng người hy vọng cao xa mà phước đức bạc bẽo để tô bồi nên phước đức.

Hiện tại người ta lòng đã muốn so sánh với trời cao, mà phước mạng khác nào như giấy mỏng; không chịu tự tu phước đức, khi nào cũng muốn đàn áp người khác để nâng cao giá trị của mình. Nếu không biết thay đổi cõi lòng, vâng theo pháp thập thiện để trau dồi đức hạnh thì hy vọng cao xa chừng nào lại càng hạ thấp mình xuống chừng ấy. Không biết nương dựa vào đâu để

cứu vớt, lòng hy vọng cao xa không phải là xấu, nhưng cốt yếu là phải tô bồi đức hạnh cho xứng mà thôi. Vô lượng công đức Phật quả, oai thần tự tại của hàng thiên long v.v... đều do phước đức tu tập thiện mà thành tựu cả.

Nếu chỉ có hy vọng cao xa mà không tu thiện nghiệp, vun trồng cội đức, thì trọn ngày chỉ ra vào trong phiền não, quyết không thể nào kết quả tốt được mà còn đào thêm hầm thống khổ nữa là khác. Ai là kẻ muốn cứu đời giúp người, càng nên lấy phước đức làm căn bản. Xưa có một vị pháp sư giảng kinh rất giỏi, mà rất ít người nghe, sau gặp một vị thánh tăng bảo rằng: "Nhà ngươi chỉ thiếu phước đức, từ nay nên siêng tu đức hạnh, làm nhiều việc lợi ích cho người". Pháp sư y theo lời dạy mà làm, về sau thuyết pháp quả như lời thánh tăng dạy, rất được nhiều người nghe theo. Vì thế, thiết tưởng ở đời muốn lập đại công, kiến đại nghiệp, quyết phải tô bồi phước đức tu tập theo pháp thập thiện, để làm kim chỉ nam, lợi mình và lợi người, mới hoàn toàn thỏa mãn ý muốn.

---o0o---

A. GIẢI THÍCH ĐỀ MỤC

Phật thuyết kinh Thập thiện nghiệp đạo. Đời nhà Đường ngài Thiệt-xoa Nan-đà nước Vu Điền dịch Phạn văn ra văn Trung Hoa.

Đại khái giáo điển đạo Phật chia làm ba tạng: Kinh, Luật, Luận. Đây thuộc về Kinh tạng.

Như trên đã nói, KINH là KHÊ KINH, nghĩa là những lời giáo huấn đúng chân lý, hợp lẽ phải, thuận căn cơ, một khuôn khổ bất di bất dịch. Kinh này do Phật dạy nên gọi là PHẬT THUYẾT. Phật đây chính là ứng thân Phật Thích Ca Mâu Ni giảng sanh cõi Trung An Độ, đầy đủ vô lượng phước đức trí huệ, cứu cánh viên mãn đồng như hư không, khắp cả pháp giới, ai cũng tôn kính. Thích-ca là họ của ngài, Tâu dịch là Năng nơn, Mâu-ni là tên của ngài, Tâu dịch là Tịch mặc. Y theo bản nguyện, thuận theo căn cơ chúng sanh mà khai thị tiếp dẫn mới nói kinh này lấy tên là THẬP THIỆN NGHIỆP ĐẠO KINH, mười điều thiện sẽ giảng rõ ở sau kinh văn. Chữ NGHIỆP tức là hành vi, là những hành vi về đạo đức học, về luân lý học; theo Phật pháp có thể gọi là thiện hạnh học. Muốn định nghĩa chữ THIỆN NGHIỆP cần phải căn cứ vào những hành vi đối với không gian, có lợi ích cả mình lẫn người, và đối với thời gian hiện tại vị lai đều có lợi ích. Nếu trái lại biết lợi mình, không biết nghĩ đến kẻ khác, hoặc là tham lợi chỉ trước mắt, không nghĩ đến thiệt hại về sau, đều thuộc về ác nghiệp cả. Lấy mục

đích lợi tha thiện nghiệp làm lợi ích chung của đại chúng, kết quả cả mình và người đều lợi; lấy mục đích hại tha ác nghiệp làm tổn hại cho đại chúng, kết quả người và mình đều hại. Nội dung của thiện ác, đại khái như thế. ĐẠO tức là con đường đi, THẬP THIÊN NGHIỆP ĐẠO tức là con đường quang minh chính đại đi đến cảnh giới an vui, không tối tăm hiểm trở như con đường thập ác. Đi trên con đường thập thiện nghiệp, chắc chắn sẽ đến quả an vui của cõi trời, cõi người, hơn nữa có thể đạt đến Tam thừa Thánh quả. Cho nên, gọi là "thập thiện nghiệp đạo".

Người dịch : (Ghi chú của Hòa thượng)

Kinh này Phật thuyết dưới Long cung chép bằng Phạm văn. Đời nhà Đường, ngài Thiệt-xoa Nan-đà nước Vu Điền dịch qua văn Trung Hoa. Nước Vu Điền tức là tỉnh Tân Cương bây giờ, về đời Đường chưa thuộc bản đồ Trung Quốc. Ngài thông cả tam tạng, đã từng dịch kinh "Bát thập Hoa nghiêm" đồng thời có ngài Nghĩa Tịnh Tam tạng cũng dịch kinh này đặt tên là "Phật thuyết Hải long cung Đại tạng kinh". Do đó, ta có thể tin chắc chắn kinh này, đối với lịch sử đúng sự thật do Phạm văn dịch lại.

---o0o---

B. GIẢI THÍCH KINH VĂN

ĐOẠN I: CHỨNG TÍN - THUỘC VỀ TỰ PHẦN

Tôi nghe như vậy, một thời Phật ở tại Long cung Ta-kiệt-la, cùng tám ngàn chúng Đại tỳ kheo, ba vạn hai ngàn các vị Bồ-tát Ma-ha-tát đông đủ.

Đoạn văn này là lời tín sử bằng chứng cho kinh này là ai nói, nói tại chỗ nào, về thời kỳ nào, và vì ai mà nói; do ngài A-nan sau khi kiết tập kinh điển đã ghi chép lại.

TÔI NGHE tức là ngài A-nan tự xưng, nghĩa là tự Ngài thân hành trực tiếp trước Phật mà nghe, chứ không phải nghe người khác nói lại. NHƯ VẬY chính là chỉ cho kinh này. MỘT THỜI tức là thời gian thích hợp Phật cần phải dạy kinh này, người nói và người nghe đều được hiệp ý. Ở đây không ghi lại năm, tháng, ngày giờ, là vì tứ phương quốc độ niên lịch bất đồng, nên giảm mà không nói. LONG CUNG chính chỗ Phật nói kinh này. PHẬT là chỉ cho đức Thích-ca Mâu-ni. Ngài là giáo chủ đời hiện tại, chính ngài nói kinh này. TA-KIẾT-LA Tàu dịch là Hàm hải, ở dưới bể nước mặn, có cung điện Long vương, chúa của loài rồng ở đó. Trong kinh Phật thường nói đến

loài long, khác với loài long thông thường người ta nói, có thể làm mây làm mưa được. Ở trong kinh Phật, loài long có nhiều loài: loài ở trên không, loài ở trên cạn, loài ở dưới biển v.v... Long cung ở đây tức là loài long ở dưới biển vậy. Thông thường người ta cho rằng: long là một loài động vật có đủ thần thông biến hóa; các nhà sinh vật học khảo cứu các loài động vật ở trên lục địa về cổ thời, cũng thừa nhận là có loài long; cũng có thời đại người ta cho loài long là chủ-nhân-ông của nhân loại. Hiện nay ở châu Phi, thỉnh thoảng người ta còn trông thấy một vài di tích của loài long ở trên cạn, Cho nên, ta tin chắc thế nào cũng có loài long. Nhưng chỉ vì loài long phần nhiều hoặc ở giữa hư không, hoặc ở dưới đáy biển, toàn là những chỗ mà năng lực người ta chưa đi đến, Cho nên, không thể nào trực tiếp biết được. Đức Phật ngày xưa và chúng Thanh văn đại đệ tử, có năng lực tùy loại thuyết pháp, Cho nên, chỗ thuyết pháp của Phật, thường thường hoặc là Thiên cung, hoặc Long cung, hoặc Nhân gian, hoặc trong Thiên định v.v... Nếu gặp trường hợp tương ứng, đức Phật đều có thể thuyết pháp được cả. Chính như kinh này, Phật thuyết tại long cung của Ta-kiệt-la, đồng thời có tám ngàn đại chúng tỷ kheo và ba vạn hai ngàn các vị đại bồ-tát ở khắp cả mười phương đều đến dự thính. Có chúng thính pháp đông đúc như vậy, đó là chứng cứ cần phải tin.

---o0o---

ĐOẠN II: CHÁNH THUYẾT - THUỘC VỀ PHẦN CHÁNH VĂN

Chia làm năm chương

CHƯƠNG I

NGHIỆP QUẢ THẾ GIAN VÀ XUẤT THẾ GIAN

Chia làm năm đoạn

1) Từ nơi nhơn mà nói đến quả

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo Long vương rằng: "Tất cả chúng sanh vì tâm tưởng khác nhau nên tạo nghiệp khác nhau, do vậy có sự xoay vần trong các thú."

BẤY GIỜ là chỉ thời gian thuyết pháp. **THẾ TÔN** là chỉ đức Phật, ở đời ai cũng tôn trọng nên gọi là Thế tôn. **LONG VƯƠNG** tức chỉ vị chúa tể ở Long cung, Phật kêu Long vương mà bảo. **TÂM** là tâm vương, **TUỔNG** là 51 món

tâm sở; Tâm vương, Tâm sở của chúng sanh ở trong tam giới cửu địa, năm thú, bốn loài sanh v.v... không đồng nhau, nên hành vi cũng không đồng, và chịu quả báo cũng không đồng. Cũng như vì nhân tâm không đồng nên bộ mặt chẳng ai giống ai; đây là hợp cả tâm vương và tâm sở, tóm tắt gọi là tâm; nếu phân biệt mà nói thì phải nói tâm và tướng v.v. mới đủ. Ta nên biết: thân hành động, miệng nói phô, ý suy nghĩ, toàn là do tâm chủ động. Nên người ta nói: Có ở trong tức là hiện ra ở ngoài. Nếu hành động mà không có dụng công của tâm thời không thành thiện ác; các nhà luân lý học cũng thừa nhận như thế. Nhân vì tâm tướng không đồng nên hành vi tạo tác không đồng, thành thử có nghiệp quả xoay vần trong năm thú.

Sao gọi là XOAY VẦN? Nghĩa là loài người tạo nghiệp lành thì sanh lên cõi trời; tạo nghiệp dữ thì đọa xuống địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh v.v... Nghiệp địa ngục súc sanh hết, nhờ tu thiện, trở lại sanh làm người, làm người nếu không tu thiện, trở lại đọa lạc; cứ thế xoay chuyển mãi, nên gọi là Xoay Vần. Theo từ ngữ của Phật tức là luân hồi. Đoạn này là từ nơi "nhơn" mà nói rõ "quả báo" vậy.

2) Từ nơi "quả" mà nói rõ "nhơn"

Này Long vương! Nhà ngươi có thấy trong hội này và các loài ở trong đại hải hình sắc chủng loại mỗi mỗi không đồng nhau không? Tất cả đều do tâm tạo thiện hay ác của thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp mà gây nên cả.

Trước hết, Phật kêu Long vương khiến chăm chú nghe. Các loài tôm cá ở trong biển hình sắc chủng loại không đồng, quả báo cũng không đồng, toàn do tâm tướng và hành vi không đồng gây nên. Chỗ xuất hiện của hành vi là thân, khẩu và ý đều có thiện hay ác, nên thành sai biệt. Đoạn này là dẫn "quả" để nói về "nhân".

3) Nói rõ về tướng của nhân

a- QUÁN TÂM LÀ VÔ SANH

Tâm ấy không có hình sắc, không thể thấy được, chỉ là do các pháp nhóm họp hư huyền không thật, rốt ráo không có chủ thể, không có ngã và ngã sở.

TÂM chỉ có danh từ mà không có hình sắc, mắt không thể nhìn được, tay không thể nắm được, chỉ vì vô thị đến nay gom góp các pháp hư huyền mà sanh khởi sự phân biệt, huân thành chủng tử, rồi khởi ra hiện hạnh. Ba cõi này đều là do phân biệt giả dối mà hiện khởi ra cả, rốt ráo không có chủ thể,

không thể chỉ cái gì là "ngã" [ta] và "ngã sở" [vật của ta]. Nếu ai chấp tâm ấy có chủ thể tức thuộc về tà kiến đoạn thường của ngoại đạo.

b- QUÁN PHÁP NHƯ HUYỄN

Tuy đều theo nghiệp, hiện ra không đồng; mà thật trong ấy không có người tác giả, nên tất cả các pháp, tự tánh như huyễn, đều là bất khả tư nghì.

Các pháp giả dối tức là chỉ cho các pháp tạo thành thân căn và thế giới như năm uẩn, bốn đại v.v. Các pháp ấy như định không ai tạo thành, chỉ do nghiệp lực hiển hiện mà thôi; nghiệp lại do tâm tạo, tâm lại do các pháp mà sanh khởi, lần lượt nương nhau như huyễn, như hóa, sanh diệt vô thường, không có gì là chắc chắn trường tồn; vì không thể dùng tư tưởng nghị luận mà suy cứu, nên gọi là bất tư nghì. Ngày xưa có ngoại đạo chấp rằng: Vạn vật do vị Đại tự tại thiên tạo thành, ngày nay thì Gia giáo cũng cho rằng: Tất cả đều do Thượng đế tạo thành và làm chúa tể. Đối với Phật giáo, nói như thế là vọng chấp sai lầm. Đạo Phật nói rằng: Tất cả quả báo khổ hay vui đều do sự sai khác của mười nghiệp thiện hay không thiện mà thôi, nhưng phải biết tự tánh của nghiệp quả là như huyễn, vì do nhân duyên cấu hợp sanh diệt vô thường. Tức như kinh Bát-nhã nói về Chơn Không, Pháp tướng duy thức nói về Giả Hữu, thật là bao trùm không sót vậy.

c- KHUYÊN NÊN TU HỌC

Kẻ trí giả biết thế rồi, nên tu thiện nghiệp; nhờ vậy sanh ra uẩn, xứ, giới v.v. đều được đoạn chánh, trông thấy không nhầm chán.

Nghiệp tánh không phải nhất định, thế giới cũng không phải là vật chết hẳn một bề; các pháp đều là như huyễn, không chủ thể, Cho nên, cần phải chuyên tu thiện nghiệp, dứt trừ ác nghiệp để tạo nên thế giới và thân thể trang nghiêm đoạn chánh, khiến cho tất cả chúng sanh trông thấy, thì sanh lòng hoan hỷ hâm mộ.

UẨN tức là năm uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức. XỨ tức là thập nhị xứ: sáu căn và sáu trần. GIỚI tức là thập bát giới: sáu căn sáu trần và sáu thức vậy. Ba món trên là nguyên liệu tạo thành thân căn và thế giới

4) Đem tướng của nghiệp quả làm chứng

a- DÙNG PHẬT QUẢ LÀM CHỨNG

Này Long vương! Người xem thân của Phật do trăm ngàn ức phước đức mà sanh ra, các tướng trang nghiêm, quang minh chói rạng, phủ tất cả đại chúng. Dù vô lượng ức các vị Tỳ tại Phạm vương đều không thể hiển hiện được. Những ai chiêm ngưỡng thân của Như Lai, không ai là chẳng chóa mắt.

Thân Phật là do trăm ngàn muôn ức phước đức trí huệ sanh ra; Cho nên, có 32 tướng tốt, trăm phước trang nghiêm, hào quang chói rạng; dù cho hàng chư thiên, long vương, tuy đều có quang minh, một khi trông thấy hào quang của Phật, không thể gì mà hiện ra được. Ở trong các cảnh trời quang minh, lớn nhất là cảnh Đại tỳ tại thiên và Phạm vương, nhưng đều không sánh kịp với quang minh của đức Phật.

b- DÙNG BỒ TÁT LÀM CHỨNG

Người lại xem đây, các vị Bồ tát diệu sắc trang nghiêm, tất cả đều do tu tập phước đức thiện nghiệp mà sinh ra.

Sắc tướng tốt đẹp, hào quang sáng ngời của các hàng Bồ tát cũng đều do tu tập thiện-nghiệp-phước-đức mà có cả.

c- ĐEM HÀNG THIÊN LONG LÀM CHỨNG

Lại nữa, các hàng thiên long bát bộ, thấy có oai thể lớn lao, cũng nhờ phước đức của thiện nghiệp mà sanh.

Thiên long bát bộ thuộc về loài A-tu-la. Loài ấy sở dĩ có oai thể cũng đều do nhờ tu tập một ít phước đức thiện nghiệp. Cho nên, muốn được hưởng cảnh giới an vui tốt đẹp, trọng yếu nhất là vun trồng phước đức thiện nghiệp.

Ba đoạn trên đây căn cứ vào quả báo thiện nghiệp mà nói. Dưới đây sẽ nói đến quả báo các nghiệp dữ để chứng minh.

d- ĐEM CÁC LOÀI Ở BIỂN LÀM CHỨNG

Này đây, các chúng sanh ở trong đại hải, hình sắc thô xấu, hoặc lớn hoặc nhỏ đều do hết thảy tướng niệm của tự tâm gây ra bởi thân, ý các nghiệp bất thiện, vậy nên tùy theo chỗ gây nghiệp mà tự thọ báo.

Đem các loài cá, trạch, tôm, hến ở bể, lớn hoặc nhỏ, hình sắc thô xấu tanh hôi, đều bởi tướng niệm không đồng của tự tâm, phát ra nơi thân, khẩu, ý những nghiệp không lành, Cho nên, phải chịu báo thân xấu xa như vậy.

đ- KẾT KHUYÊN TU HỌC

Người nay thường nên tu học như vậy, cũng khiến chúng sanh rõ thấu Nhơn quả, tu tập thiện nghiệp. Người nên ở đây, chánh kiến bất động, chớ đọa vào trong tà kiến đoạn thường, đối với các phước điền, hoan hỷ kính nhường. Vậy nên các người cũng được Nhơn thiên tôn kính cúng dường.

Cốt yếu là dùng chánh kiến - rõ thấu luật Nhơn quả mà tu tập thiện nghiệp, không bị tà kiến rối loạn; tà kiến tức là chấp đoạn, chấp thường. Chấp đoạn tức là chấp rằng ở đời, chẳng qua may rủi chớ không có gì cả, chết là hết, không chịu tin Nhơn quả Cho nên, buông lung làm ác, chẳng sợ quả báo về sau. Chấp thường tức là chấp ở đời tất cả sự vật đều là thường còn nhất định, như nói rằng: người thì đời đời kiếp kiếp cũng là người, trâu ngựa thì đời đời kiếp kiếp vẫn là trâu ngựa; gây nghiệp lành dữ chẳng quan hệ gì với sự khổ vui của thân này. Vì tà kiến ấy mà không tin Nhân quả. Cho nên, cuộc đời cứ xáo trộn hoài, chẳng bao giờ được như ý muốn. Nay muốn không lạc vào tà kiến, cần phải quan sát thân này là vô thường, tâm không chủ tể, tất cả các pháp là như huyễn, tùy tâm tạo nghiệp gì, tùy nghiệp ấy mà chịu quả báo. Có thể mới là hiểu rõ chân tướng Nhân quả, không gì lay động được.

PHƯỚC ĐIỀN nghĩa là những đám ruộng để vun trồng phước đức (lời thí dụ). Có ba thứ: KÍNH ĐIỀN, đối với Phật, Bồ tát, cung kính cúng dường thì sẽ được phước. AN ĐIỀN, cha mẹ thầy bạn rất có ân với mình, hiếu thuận cúng dường thì được phước lớn. BI ĐIỀN đối với chúng sanh khổ não thương xót cứu giúp thì sẽ được phước đức. Trong ba thứ phước điền này, nếu hoan hỷ cúng dường, thế nào cũng được hưởng quả an vui, Nhơn thiên tôn kính cúng dường vậy.

---o0o---

CHƯƠNG II

THẬP THIỆN NGHIỆP ĐẠO

1) Công dụng của thiện pháp

Long vương nên biết, Bồ tát có một pháp dứt tất cả các khổ của đường dữ. Pháp ấy là gì? Nghĩa là ngày đêm thường nhớ, suy nghĩ quán sát pháp lành, làm cho các pháp lành mỗi niệm mỗi tăng trưởng; không cho một hào li bất thiện xen lẫn vào; tức là hay khiến cho các pháp lành dứt, thiện pháp viên mãn; thường được thân cận các đức Phật, Bồ tát và các Thánh chúng.

Thường thường nhớ nghĩ quán sát thiện pháp thì tâm được thiện. Tâm thiện thì ác nghiệp không sanh. Không gây ác nghiệp tức không chịu quả báo. Như thế, chuyên tâm quán sát, chớ để cho một hào ly ác nghiệp xen lẫn vào, lần lần thiện pháp viên mãn. Thiện pháp viên mãn thời được thân cận các hàng đại Bồ tát, bầu bạn với Thánh hiền, sẽ cùng nhau ở cảnh giới trang nghiêm cực lạc. Toàn nhờ công dụng của thiện pháp cả.

2) Giải thích tên của thiện pháp

Thiện pháp là gì? Nghĩa là thân của nhơn thiên, đạo bồ-đề của Thanh văn, đạo bồ-đề của Độc giác và Vô thượng bồ-đề đều y pháp ấy làm căn bản và thành tựu. Cho nên, gọi là thiện pháp.

Vì sao gọi là thiện pháp? Là vì thân của nhơn đạo, thân của chư thiên, năm phần pháp thân của Thanh văn tiểu thừa (giới, định, huệ, giải thoát, giải thoát tri kiến), pháp thân bồ-đề của hàng trung thừa độc giác và pháp thân vô thượng bồ-đề của đại thừa. Tất cả quả báo tốt đẹp an vui của thế gian hay xuất thế gian được hiển hiện đều do mười pháp này làm căn bản, Cho nên, gọi là thiện pháp.

3) Tướng của mười điều thiện

Thiện pháp đây tức là mười nghiệp đạo thiện. Những gì là mười? Xa lìa: sát sanh, trộm cắp, tà hạnh, vọng ngữ, hai lưỡi, ác khẩu, ỷ ngữ, tham dục, sân nhuế và tà kiến.

Căn bản thiện pháp của thế gian và xuất thế gian tức là mười nghiệp đạo thiện. Mười nghiệp đạo thiện này chính ở nơi thân mình, không phải cầu đâu xa. Do con đường lớn quang minh chính đại của mười nghiệp thiện này mà đi đến cảnh giới an vui tốt đẹp của thế gian và xuất thế gian. Từ sự giết hại sinh linh cho đến tà kiến là mười ác nghiệp; sở dĩ nói thiện, là căn cứ ở chỗ xa lìa. Xa lìa được ác nghiệp không phải dễ dàng. Nếu thời gian này xa lìa được sự giết hại mà về sau lại giết hại, hoặc đời này cố gắng giữ được giới sát sanh mà đời sau không giữ được thì cũng chưa gọi là hoàn toàn xa lìa. Phải làm thế nào cho lòng của mình luôn luôn tự đời này qua đời khác, cho

đến tận vị lai kiếp không còn móng ác nghiệp giết hại sanh linh nữa, mới được bảo là hằng "xa lìa".

Thứ nhất là sát sanh

Thế nào gọi là sát sanh? Nghĩa là dứt ngang mạng sống của kẻ khác, hoặc loài khác. Tự thân mình cầm khí giới, hoặc miệng mình sai bảo hay thấy sự giết hại mà ý mình sanh hoan hỷ, đều là nghiệp sát sanh cả. Mười ác nghiệp này, căn cứ vào nội tâm, ngoại cảnh và thời gian mà phân biệt nặng nhẹ khác nhau. Nay đem một nghiệp sát sanh làm thí dụ. Ở nội tâm chia làm ba thứ: Một là vì tâm sân hận, biết trái luật mà vẫn cố ý giết hại là tội nặng nhất. Hai là tuy có hận kích động, nhưng nội tâm không rõ ràng hoặc trong tâm tuy rõ ràng mà không sân hận là bậc trung. Ba là không sân hận, không hiểu biết, giết lầm là nhẹ. Đối với ngoại cảnh cũng có ba bậc tội nặng nhẹ không đồng. Như phá hủy thân Phật, giết hại các bậc thánh nhân, a-la-hán, giết hại cha mẹ và các người ân nhân là tội nặng nhất. Giết các người ngang hàng là bậc trung. Giết hại các loài chúng sanh khác là tội nhẹ. Lại đối với trong thời gian móng tâm giết hại cũng có tội nặng nhẹ ba bậc không đồng. Như trước khi chưa giết hại mà có ý ưa vui giết hại, đến khi đương giết và sau khi giết rồi, vui vẻ không có lòng hối hận là nặng nhất. Nếu trước khi chưa giết không móng ý gì, hoặc giết rồi sanh lòng hối hận là bậc trung. Còn không có lòng sân hận mà giết lầm và sau khi giết rồi, sanh lòng hối hận là tội nhẹ.

Muốn tránh xa nghiệp sát sanh cần phải y theo ba món giới, định, huệ thứ lớp tu tập. Trước nương theo giới mà ly nghiệp sát sanh thô trọng, ở nơi thân không hành động giết hại. Thứ hai, tu tập thiền định, làm cho tâm không móng lên giết hại; nhưng cũng còn chưa dứt hẳn, Lại còn cần tu tập theo định huệ, dứt sạch chủng tử thói quen từ vô thủy đến nay. Bao giờ chứng đến quả Phật mới hoàn toàn dứt hẳn, mà thân tâm được thanh tịnh. Xưa đức Phật còn tại thế, cùng ngài Xá-lợi-phất đứng xem một đàn chim. Bầy chim thấy Phật thì không sợ hãi mà thấy ngài Xá-lợi-phất thì cuống cuống. Ngài Xá-lợi-phất hỏi Phật vì lẽ gì? Phật dạy: "Người dù đã chứng đến a-la-hán, tuy không còn tâm sát hại nhưng vì thói quen chủng tử sát hại từ vô thủy chưa dứt hẳn, Cho nên, loài chim lại gần sanh lòng sợ hãi."

Thứ hai là trộm cắp

Lấy sức mạnh cướp bóc của người, hoặc trộm lén lấy của người, hoặc bày phương kế xảo trá lừa gạt mà lấy của người, cho đến vô công ngồi hưởng, đều thuộc về trộm cắp cả. Nghiệp trộm cắp, tội nặng nhẹ cũng như nghiệp

sát sanh trên kia. Tám nghiệp dưới đây cũng thế, căn cứ vào lý mà phân phán nặng nhẹ.

Thứ ba là tà hạnh

Tà hạnh tức là chỉ cho sự dâm dục; thế gian lấy sự vợ chồng chính thức phối hiệp gọi là chánh hạnh, ngoài ra gọi là tà. Đó là nói về thô cạn. Nói sâu hơn thì tất cả chúng sanh ở trong dục giới đều vì dâm dục mà có tánh mạng, Cho nên, đối với cảnh ngũ dục mà sanh lòng say đắm đều thuộc tà hạnh cả; tu hành thoát ly dục giới mới hàng phục được dâm dục. Bao giờ chúng quả a-la-hán mới là cứu cánh ly dục.

Ba nghiệp trên này thuộc về thân.

Thứ tư là vọng ngữ

Tức là nói lời dối trá, thấy nói không thấy, không thấy nói thấy, biết nói không biết, không biết nói biết, xấu nói tốt, tốt nói xấu, cho đến có nói không, phải nói quấy v.v... dối trá không thật. Ở trong Phật pháp rất kỵ là đại vọng ngữ nghĩa là tu hành chưa được mà tự xưng đã được, chưa chứng mà tự gọi đã chứng. Nếu vi phạm đại vọng ngữ này, quyết định sa về đường ma, đọa lạc tam đồ ác đạo, rất là nguy hiểm.

Bồ tát tu hạnh lợi tha gặp trường hợp đặc biệt có thể phương tiện nói dối như trong kinh Bồ tát giới đã dạy rõ. Xa tánh vọng ngữ tức là phải tu chơn thật ngữ vậy.

Thứ năm là hai lưỡi

Tức là nói lời chia rẽ phản gián, đến người này nói xấu người kia, đến người kia nói xấu người này, xui dục bà con bất hòa, thân tình thù oán; xưa nay các nhà đi thuyết khách phần nhiều thuộc về loại này cả. Sự tai hại không phải là nhỏ. Xa tánh hai lưỡi tức là tu "nói lời hòa hiệp".

Thứ sáu là ác khẩu

Tức là nói lời thô ác, mắng chửi nộ rửa v.v...do chửi mắng mà đi đến đánh đập giết hại; nhỏ từ cá nhân, rộng đến gia đình xã hội, cho đến quốc tế chiến tranh. Sự tai hại cũng không phải nhỏ. Xa lìa lời nói thô ác tức là được sự "nhu hòa".

Thứ bảy là ý ngữ

Tức là nói lời vô nghĩa lý, nghĩa là trau chuốt thêm dặt lời nói cho đẹp đẽ, khiến tăng hành vi tội lỗi, nói không chơn thật, không đúng lẽ phải, mà nghe rất êm tai; khiến cho người nghe không còn giữ được tâm trí, mất hẳn non luân, rất dễ dẫn dắt người ta đi đến hàm tội lỗi. Xa lánh ý ngữ tức là nói lời đúng nghĩa lý.

Bốn nghiệp trên đây thuộc về lời nói "ngữ nghiệp". Thông thường bảo là khẩu nghiệp, nhưng khẩu nghiệp không hết nghĩa vì rằng miệng chỉ là một khí cụ của lời nói mà thôi, Cho nên, phải nói ngữ nghiệp mới hết ý.

Thứ tám là tham dục

"Dục" tức là những cảnh dục lạc trong thế gian. Đối cảnh sanh lòng tham, cho nên, gọi là tham dục. Tham dục là non cốt yếu của đường sống chết, Cho nên, cần phải đoạn tuyệt; nhưng lòng tham dục không phải hoàn toàn xấu xa tội lỗi, nếu đối với thiện pháp mà sanh lòng tham muốn làm theo cho đến kỳ cùng thì lại là phước đức đáng quý.

Thứ chín là sân hận

Đối với cảnh vừa lòng thì sanh tham muốn, với cảnh trái ý thì sanh sân hận; lỗi của lòng sân không phải nhỏ. Kinh dạy: Nhất niệm sân tâm khởi, bách vạn chướng môn khai, nghĩa là tâm sân khởi lên thì trăm vạn cửa nghiệp chướng đều mở. Tuy vậy, nghiệp sân này chỉ ở cõi dục giới. Nếu tu tập Thiền định và bốn Vô lượng tâm từ bi hỷ xả thì sẽ tiêu tan. Nên cõi sắc và vô sắc giới không còn sân hận.

Thứ mười là tà kiến

Thông thường gọi là ngu si. Nhưng chữ ngu si nó không hết nghĩa. Vì rằng ngu si là không hiểu lý lẽ. Còn đây là hiểu biết không hợp chân lý, không đúng với lẽ phải của Trung đạo, thiên kiến một bên, mà cố chấp cho là phải, Cho nên, nói là tà kiến mới hết nghĩa. Như chấp đoạn diệt hay chấp thường còn, thành điên đảo tà kiến không hợp với chơn lý trung đạo, nhưng vẫn ở trong phạm vi của ngu si. Nay muốn xa lìa sự nhận thức sai lầm của phạm vi ngu si tà kiến, cần phải tu thiền định, nhờ đó mà phát sanh trí huệ, tăng trưởng chánh kiến đi đến quả thiện pháp viên mãn.

Ba nghiệp trên đây thuộc về ý nghiệp.

CHƯƠNG III

CÔNG ĐỨC CỦA THẬP THIÊN

1) Công đức xa lìa sự sát sanh

Long vương! Nếu xa lìa sát sanh thời được thành tựu mười pháp không còn bức não. Những gì là mười? 1. Đối với các chúng sanh cùng khắp bố thí đức vô úy, 2. Thường khởi lòng đại từ đối với chúng sanh, 3. Dứt sạch tất cả tập khí (thói quen) giận hờn, 4. Thân thường không bệnh, 5. Sống mạnh lâu dài, 6. Thường được phi nhơn [quý thần] ủng hộ, 7. Thường không ác mộng, thức ngủ an vui, 8. Diệt trừ oan kết, oán thù tự giải, 9. Không sợ sa đọa đường dữ, 10. Khi chết sanh lên cõi trời. Ấy là mười công đức. Nếu hồi hướng đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác, sau khi thành Phật, được quả Phật thì tùy tâm tự tại sống lâu.

Muốn cứu cánh được mười nghiệp thiện, cần phải lìa hẳn mười nghiệp ác. Lìa được một nghiệp ác tức là trừ bỏ được bao nhiêu phiền não, lại được thành tựu bao nhiêu công đức. Như xa lìa nghiệp sát sanh tức là trừ bỏ các pháp hung ác, được đến cảnh giới an vui cõi người và cõi trời, thường sanh khởi lòng đại từ, dứt trừ được lòng sân hận, làm cho tất cả chúng sanh trông thấy không sanh lòng sợ hãi: chính là thành tựu được đức bố thí đại vô úy. Như thế, sanh tiền đây sẽ được vô bệnh, trường thọ, đêm ngày an vui, lại được hàng phi nhơn thiên long, quý thần thường ủng hộ; khi chết không sợ hãi đọa lạc vào địa ngục ngạ quỷ súc sanh các đường dữ; xa lìa được nghiệp sát sanh tức là tu hạnh vô úy, lại được sanh về các cõi trời. Nếu đem công đức ấy hồi hướng về quả Phật, tương lai thành Phật, tức là được quả Phật sống lâu, tùy tâm tự tại. Nói đến chơn thân của Phật thì bình đẳng như hư không, cùng khắp cả pháp giới, thọ mạng vô cùng vô tận; đây là nói ứng thân ở đời hoặc dài hoặc ngắn bất định, theo cơ cảm của chúng sanh mà ở đời hay nhập diệt, đều tùy tâm tự tại, chứ không bị hoàn cảnh nghiệp lực bắt buộc, như đức Phật A-di-đà, Tàu dịch là Vô lượng thọ đều do dứt sạch nghiệp sát sanh mà cảm được vậy.

2) Công đức xa lìa trộm cắp

Lại nữa Long vương! Nếu xa lìa trộm cắp thời được mười pháp bảo tìn. Mười pháp ấy là gì? 1. Giàu có của cải, vua, giặc, nước, lửa và con hư không phá diệt; 2. Nhiều người thương mến; 3. Người không dối gạt; 4. Mười

phương khen ngợi; 5. Không lo tổn hại; 6. Tiếng tốt đồn khắp; 7. Ở giữa đại chúng không sợ hãi; 8. Cửa cải tánh mạng hình sắc sức lực an vui, biện tài đầy đủ không thiếu; 9. Thường sẵn lòng bố thí; 10. Mạng chung sanh lên trời. Nếu hồi hướng đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác sau thành Phật, được chứng trí thanh tịnh đại bồ-đề.

Cửa cải ở đời có năm việc làm tiêu tan nghèo khổ: vua dữ, giặc cướp, thủy tai, lửa cháy và con phá cửa (gọi là con bại gia). Nếu xa lánh nghiệp trộm cắp tức là thường được quả báo tốt: cửa cải giàu có, không bị năm việc trên phá hại, lại được tiếng tốt đồn khắp, biện tài (tài hùng biện) vô ngại, được mọi người thương mến khen ngợi, không bị ai dối lừa, khi chết được sanh lên cõi trời. Nếu phát tâm đem công đức ấy hướng về quả Phật, sau thành Phật thì được chứng trí huệ thanh tịnh đại bồ-đề.

3) Công đức xa lìa tà hạnh (tà dâm)

Lại nữa Long vương! Nếu xa lìa tà hạnh thời được bốn pháp kể trí ngợi khen. Những gì là bốn? 1. Pháp căn điều thuận; 2. Xa lìa rộn ràng; 3. Được đời khen ngợi; 4. Vợ không ai xâm phạm. Ấy là bốn công đức về chánh hạnh. Nếu hồi hướng đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác, sau thành Phật, được Phật trọng phú ân mật tạng tướng.

Pháp căn chỉ cho sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Điều thuận là yên lặng hòa thuận. Rộn ràng là không yên tĩnh. Nếu tu hành xa tránh được tà hạnh (tà dâm) là được thân tâm thanh tịnh, vợ chồng trinh bạch, không bị người ngoài xâm phạm. Nếu hồi hướng về quả Phật, tương lai thành Phật được tướng Phật ân mật đại tạng phú (một trong 32 tướng tốt của Phật tức là tướng mã âm tạng).

4) Công đức xa lìa nghiệp vọng ngữ

Lại nữa Long vương! Nếu xa lìa vọng ngữ thời được tám pháp trời khen ngợi. Những gì là tám? 1. Miệng thường thanh tịnh thơm mùi hoa ưu bát; 2. Được người đời tín phục; 3. Mở lời thành chứng, như thiên kính mến; 4. Thường đem lời êm dịu an ủi chúng sanh; 5. Được ý vui thù thắng, ba nghiệp thanh tịnh; 6. Nói không sai lầm, lòng thường hoan hỷ; 7. Mở lời tôn trọng, nhân thiên phụng hành; 8. Trí huệ thù thắng không ai chế phục. Ấy là tám công đức về hạnh không vọng ngữ. Nếu hồi hướng về đạo Vô thượng bồ-đề, sau thành Phật được chơn thật ngữ của Như Lai.

Hoa ưu bát tức là hoa sen xanh hương vị thanh tao. Nếu xa lìa được lời dối trá không thật, thời được quả báo trong miệng thường thơm mùi hoa sen xanh, lời nói chắc thật không sai lầm. Ai nghe cũng khởi lòng tin; lại hay đem lời dịu ngọt an ủi, chúng sanh đều tôn trọng làm theo, được cõi người, cõi trời kính mến, trí huệ thường sáng suốt, không ai biện luận hơn. Nếu đem công đức ấy hồi hướng Phật quả, sau thành Phật sẽ được quả Như Lai chơn thiệt ngữ .

5) Công đức xa lìa nghiệp hai lưỡi .

Lại nữa Long vương! Nếu xa lìa nghiệp hai lưỡi thì được năm pháp không thể phá hoại. Những gì là năm? - 1. Được thân bất hoại, không ai hại được; 2. Được bà con bất hoại, không ai phá hại; 3. Được lòng tin bất hoại, thuận theo bốn nghiệp; 4. Được pháp bất hoại, chỗ tu kiên cố; 5. Được thiện trí thức bất hoại không dối lừa nhau. Năm công đức này nếu hồi hướng về đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác, sau thành Phật được quyền thuộc chơn chánh, các ma ngoại đạo không thể phá hoại.

Hai lưỡi rất dễ phá hoại làm hư hỏng công việc của người khác; nếu ai tu hành giữ gìn không phạm nghiệp hai lưỡi, không nói lời chia rẽ, thì được quả tốt: tự thân, bà con, lòng tin, pháp tu hành, thiện trí thức, năm món công đức ấy không ai phá hoại được. Nếu đem công đức ấy hồi hướng quả Phật Vô thượng bồ-đề tương lai thành Phật được các hàng Bồ tát làm quyền thuộc, ma vương ngoại đạo không thể phá hoại.

6) Công đức xa lìa nghiệp ác khẩu

Lại nữa Long vương! Nếu xa lìa ác khẩu thời được thành tựu tám món tịnh nghiệp. Những gì là tám? - 1. Lời nói không trái pháp độ; 2. Lời nói có lợi ích; 3. Lời nói quyết lý; 4. Lời nói đẹp đẽ; 5. Lời nói thừa lãnh được; 6. Lời nói được tin dùng; 7. Lời nói không thể chê; 8. Lời nói được ưa thích. Nếu hồi hướng đạo Vô thượng chánh đẳng chánh giác, sau thành Phật đầy đủ phạm âm thanh tướng của Như Lai.

Nếu xa lìa lời nói thô ác, tức thời thành tựu tám món tịnh nghiệp: lời nói không trái pháp độ; khi nào cũng nói lời có lợi ích, không nói thì thôi, nếu nói thời hợp lý; lời nói nghe rất đẹp đẽ; nói lời gì cũng được người lãnh thọ. Lời nói ai cũng tin dùng. Lời nói không bị chê bai. Nói ra người đều ưa thích vui vẻ. Nếu đem công đức ấy hồi hướng về đạo Vô thượng bồ-đề, sau thành Phật được đầy đủ phạm âm thanh tướng, một trong 32 tướng tốt của Phật. (Phạm âm nghĩa là tiếng nói trong dịu lạnh lạnh).

7) Công đức lia ỷ ngữ (nói thêu dệt).

Lại nữa Long vương! Nếu xa lia ỷ ngữ thì thành tựu ba món quyết định. Những gì là ba ? - 1. Được người trí yêu mến; 2. Dùng trí như thật đáp các người hỏi; 3. Ở như thiên oai đức tối thắng, không hư vọng. Nếu hồi hướng vô thượng chánh đẳng chánh giác, sau thành Phật được Như lai thọ ký, chẳng có luống dối.

Nếu xa lia sự trau chuốt lời nói, câu văn, thêu dệt xảo trá, thời được ba món công đức quyết định: 1. Được người trí thức yêu mến. Vì ỷ ngữ là nói lời thêu dệt vô nghĩa lý, chỉ có thể lừa dối người ngu si chứ người trí nghe lừa phải nhàm chán; Nay xa lia nghiệp ỷ ngữ, cố nhiên được người trí thức yêu mến. 2. Hay đem trí như thật mà đáp các người học hỏi. Lời đáp phải như sự thật, mới giải được sự ngờ vực. 3. Quyết định ở cõi như thiên nào oai đức cũng thù thắng hơn người, không có hư vọng. Nghĩa là nói đúng với sự thật tức là đại hùng biện hơn hết.

Mở lời nói muốn tránh nghiệp ỷ ngữ bao giờ cũng căn cứ vào chân lý, thành thật mà nói; nên ai nghe đến cũng phải cảm phục oai đức. Nếu đem công đức ấy hồi hướng về cõi Phật vô thượng bồ-đề, tương lai thành Phật thì được công đức Như Lai thọ ký, đều đúng như lời không giả dối. Thọ ký là một công đức của Phật, thường đối với hàng đệ tử dạy những lời thọ ký như: bao giờ sẽ thành Phật hoặc bao giờ phải đọa địa ngục và những sự cát hung họa phúc v.v.. đều đúng như lời nói, không sai lầm. Đó là do chỗ hiểu biết đúng sự thật, như sự thật ấy mà nói ra; chứ không phải chủ thể thưởng phạt như người tin vào Thượng đế. Chẳng luống dối, nghĩa là không phải nói suông.

8) Công đức xa lia tham dục

Lại nữa Long vương! Nếu xa lia tham dục thời được năm món tự tại. Những gì là năm ? - 1. Ba nghiệp tự tại các căn cụ túc; 2. Cửa cải tự tại, oán tặc không cướp hại; 3. Phước đức tự tại, toại lòng yêu muốn vật dụng đầy đủ; 4. Vương vị tự tại, đồ vật quý lạ đều được phụng hiến; 5. Những vật được thù thắng gấp trăm lòng mong cầu, vì ngày xưa không bỏn xẻn ganh ghét. Nếu hồi hướng Vô thượng bồ-đề, sau thành Phật, tam giới đặc biệt tôn trọng, thấy đều kính nhường.

Nếu xa lia nghiệp tham dục thời được các món tự tại. Chữ tự tại nghĩa là tự do tùy tâm mình. Ba nghiệp chỉ cho thân, khẩu, ý. Các căn tức là sáu căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Đây là cửa cải ở trong thân; còn bao nhiêu cửa quý vật lạ là cửa cải ở ngoài thân. Cửa ở trong thân, cửa ở ngoài thân, đều

được đầy đủ, tùy tâm tự do mà thọ dụng, không có sức gì chiếm đoạt được; muốn mong cầu vật gì, khi thời được gấp mười gấp trăm quá chỗ hy vọng. Nếu đem công đức ấy mà hướng về quả Phật vô thượng bồ-đề thì tương lai thành Phật, tức là được ba cõi đặc biệt tôn trọng, tất cả đều cúng dường. (Ba cõi là cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc).

9) công đức xa lìa sân nhuế (sân hận)

Lại nữa Long vương! Nếu xa lìa sân nhuế thời được tám món tâm pháp hỷ duyệt. Những gì là tám? - 1. Không lòng tổn não; 2. Không còn sân hận; 3. Không lòng gây kiện; 4. Lòng nhu hòa ngay thật; 5. Được từ tâm của bậc thánh giả; 6. Sẵn lòng làm lợi ích an lạc cho chúng sanh; 7. Thân tướng đẹp đẽ, chúng đều tôn kính; 8. Do sự hòa nhẫn, mau sanh về cõi Phạm thiên. Nếu hồi hướng đạo Vô thượng bồ-đề sau thành Phật được tâm vô ngại của Phật, người trông thấy không chán.

Nếu xa lìa lòng sân hận, thì hưởng được các thứ công đức vui vẻ, trong lòng luôn luôn nhu hòa hiền từ, không còn có lòng sân hận, gây tụng và tổn hại ai; lại thường sẵn lòng giúp ích an vui cho tất cả chúng sanh. Sanh ra thì thân tướng đẹp đẽ, được mọi người cung kính. (Khi lòng sân hận nổi lên, mặt đỏ người run hiện ra tướng hung tợn, tức là thân tướng không trang nghiêm; nhưn đã như vậy thì quả phải xấu xa, đó là luật nhất định của báo ứng vậy).

Cõi trời Phạm thiên là cõi của những người đã hết nghiệp sân hận và các vị thánh nhân đã được chứng thiên định. Nếu đem công đức ấy hồi hướng về quả Phật tương lai thành Phật, liền được tâm Phật không gì chướng ngại, ai trông thấy cũng hâm mộ mà không chán.

10) Công đức xa lìa nghiệp tà kiến

Lại nữa Long vương! Nếu xa lìa nghiệp tà kiến thì được thành tựu mười pháp công đức. Những gì là mười? - 1. Được ý vui chơn thiện, bầu bạn chơn thiện; 2. Thâm tín nhưn quả, thà bỏ thân mạng trọn chẳng làm ác; 3. Chỉ quy y Phật, không quy y các thiên thần; 4. Trục tâm chánh kiến, xa hẳn tất cả ngờ vực cát hung; 5. Thường sanh nhân thiện, không sa vào đường dữ; 6. Vô lượng phước báu lần lữa thêm nhiều; 7. Xa hẳn đường tà, tu hành đạo chánh; 8. Chẳng khởi thân kiến, bỏ các ác nghiệp; 9. Kiến giải vô ngại; 10. Chẳng bị các tai nạn. Ấy là mười. Nếu hồi hướng quả Vô thượng bồ-đề sau thành Phật, mau chóng tất cả Phật pháp, thành tựu thân thông tự tại.

Nếu lìa hẳn ngu si tà kiến, thời được các món chơn thiện công đức: tâm ý vui vẻ, chơn chánh hiền từ, bầu bạn cũng chơn chánh hiền từ; hiểu rõ nhơn quả, không còn ngờ vực, tín tâm bền chắc, thà chết không làm các điều dữ; thường quy y Phật pháp tăng; đời đời kiếp kiếp được sanh về cõi trời, cõi người, không bao giờ khởi niệm tà kiến, không mắc các tai nạn, phước đức trí huệ ngày một tăng trưởng, tu hành chơn chánh không lạc vào tà đạo, không khởi kiến chấp về thân (tức chấp thân của ta và vật sở hữu của ta). Không vì thân mà gây ác nghiệp, không vì một kiến chấp gì mà làm chướng ngại chỗ hiểu biết chơn lý. Nếu lại phát lòng sâu xa rộng lớn, đem công đức ấy hồi hướng về quả Phật vô thượng bồ-đề, tương lai thành Phật chứng được tất cả các pháp thần thông tự tại của chư Phật.

---o0o---

CHƯƠNG IV

THẮNG HẠNH CỦA THẬP THIỆN NGHIỆP

A. LỤC ĐỘ

I) BỐ THÍ ĐỘ

Bấy giờ đức Thế Tôn lại bảo Long vương rằng: Nếu có Bồ tát y thiện nghiệp ấy, trong khi tu đạo, lìa nghiệp giết hại mà hành bố thí, thường giàu của báu, không ai xâm đoạt, trường thọ không yếu, chẳng bị tất cả oan giặc làm hại. Lìa nghiệp chướng cho mà lấy, thực hành bố thí thường giàu của báu, không ai xâm đoạt, không ai sánh kịp, đều hay nhóm họp kho báu Phật pháp. Lìa lỗi tà hạnh mà bố thí, thường giàu của báu không ai chiếm đoạt; trong nhà trinh thuận, mẹ và vợ con, không ai đem lòng dục mà xâm phạm. Lìa lời nói dối mà làm bố thí, thường giàu của báu không ai chiếm đoạt, khởi các hủy báng, thâm giữ chánh pháp, như lời thệ nguyện, chớ làm thỏa mãn. Lìa lời nói chia rẽ (hai lưỡi) mà làm bố thí, thường giàu của báu, không ai xâm đoạt, quyến thuộc hòa thuận, đồng vui một chí, thường không trái chống. Lìa lời nói thô dữ mà làm bố thí, thường giàu của báu, không ai xâm chiếm, tất cả chúng hội hoan hỷ quy y, nói ra đều tín thọ, không ai trái nghịch. Lìa lời nói vô nghĩa (ỷ ngữ) mà làm bố thí, thường giàu của báu, không ai xâm chiếm, nói chẳng uổng lời, người đều kính chịu, hay dùng phương tiện, khéo dứt các ngờ vực. Lìa lòng tham cầu mà làm bố thí, thường giàu của báu, không ai xâm đoạt có được vật gì đều đem ban cấp, tín giải kiên cố, đủ oai lực lớn. Bỏ lòng giận hờn mà làm bố thí, thường giàu của báu, không ai chiếm đoạt, mau tự thành tựu, tâm trí vô ngại, các căn tốt đẹp, người thấy kính ưa. Xa lìa

lòng tà đạo mà làm bố thí, thường giàu của báu, không ai chiếm đoạt, thường sanh vào nhà kính tin chánh pháp, thấy Phật, nghe Pháp, cúng dường chúng Tăng, thường chẳng quên mất lòng đại bồ-đề. Ấy là bậc đại sĩ trong khi tu bồ-tát đạo, làm mười nghiệp lành, dùng bố thí trang nghiêm mà được lợi lớn.

Bố thí để diệt trừ lòng tham lam, sẽ được hưởng quả báo giàu có, của cải không còn nghèo thiếu; nhưng nếu lòng bố thí không thanh tịnh, hoặc hành vi ác chưa dứt sạch hẳn, thì tuy có nhiều của báu cũng không hưởng thọ được lâu dài và tự tại. Nếu phát tâm bồ-tát y theo mười nghiệp thiện mà tu hành bố thí, thì hình dung đẹp đẽ, thọ mạng lâu dài, bà con hòa thuận, có nhiều của báu không ai sánh kịp; mà cũng không có người nào dám đem lực lượng gì để chiếm đoạt; ta lại được mọi người kính mến quy thuận ủng hộ: đó là nhờ công đức tu hành thập thiện mà bố thí, mới được viên mãn trang nghiêm, lợi ích rất lớn vậy. Trái lại như vì lòng sân hận khinh khi nhau, hoặc vì mua danh mà làm việc bố thí, hoặc vì ngu si tà kiến sai lầm, người đáng cho thì không cho, người không đáng cho lại cho, hoặc thiên vị cho người này không cho người khác, như thế gọi là điên đảo sai lầm làm việc bố thí, không thể nào viên mãn được. Dù có quả báo tốt, về sau cũng không cứu cánh.

2) LƯỢC NÓI VỀ NĂM ĐỘ

Như vậy, Long vương! Tóm lại mà nói, từ mười thiện đạo: Dùng trì giới trang nghiêm hay sanh tất cả nghĩa lợi của Phật pháp, đầy đủ nguyện lớn. Dùng nhẫn nhục trang nghiêm, được viên âm của Phật, đủ các tướng tốt. Dùng tinh tấn trang nghiêm hay phá ma oán, vào pháp tạng Phật. Dùng thiền định trang nghiêm hay sanh niệm, huệ, tâm, quý, khinh an. Dùng trí huệ trang nghiêm hay dứt tất cả phân biệt vọng kiến.

Phật pháp nghĩa lợi là sự lợi ích cứu cánh thiết thực. Trong Phật pháp, có sự lợi ích chỉ ở hiện tại, có sự lợi ích chỉ ở tương lai, và có sự lợi ích cứu cánh, khác nhau. Bồ tát tu hành lục độ, tức là được tất cả nghĩa lợi, nhưng nếu dùng thập thiện nghiệp đạo làm căn bản, thời nghĩa lợi mới hoàn toàn viên mãn. (nghĩa là tu thập thiện mà trì giới, nhẫn nhục v.v... thì trì giới, nhẫn nhục mới trang nghiêm hoàn toàn cứu cánh).

---o0o---

B. CÁC HẠNH KHÁC

1) TỨ VÔ LƯỢNG TÂM

Lòng từ trang nghiêm, đối với chúng sanh không khởi não hại. Lòng bi trang nghiêm, thương các chúng sanh, thường không chán bỏ. Lòng hỷ trang nghiêm, thấy người tu thiện, lòng không ganh ghét. Lòng xả trang nghiêm, đối cảnh thuận nghịch, lòng không thương giận.

Từ, Bi, Hỷ, Xả là bốn đức vô lượng tâm của chư Phật, Bồ tát. Từ là cho vui, Bi là cứu khổ, Hỷ là đối với tất cả những công đức lợi ích an vui của kẻ khác, sẵn lòng hoan hỷ tán trợ, Xả là oán thân bình đẳng, không khởi phân biệt, một lòng thản nhiên không còn trú trước; như kinh Kim cang dạy: "Ứng vô sở trú nhi sanh kỳ tâm" (nên sanh lòng không chỗ trú trước). Suy rộng bốn tâm ấy ra cùng khắp vô lượng Cho nên, gọi là tứ vô lượng tâm. Căn cứ vào mười thiện nghiệp đạo mà tu hành khiến cho bốn tâm ấy được viên mãn trang nghiêm thì hưởng phước đức vô lượng.

2) BỐN NHIẾP PHÁP

Bốn nhiếp pháp trang nghiêm thường siêng nhiếp hóa tất cả chúng sanh.

Nhiếp pháp nghĩa là dùng bốn pháp bố thí, ái ngữ, đồng sự, lợi hành mà thâm nhiếp hóa độ chúng sanh. Bồ tát tùy mỗi loài hiện thân đem bốn pháp ấy mà thâm nhiếp, làm cho mọi loài, mọi người đều được lãnh thọ chánh pháp, đều hiểu sự lợi ích. Căn cứ mười thiện nghiệp mà hành tứ nhiếp pháp ấy thì mới được hoàn toàn cứu cánh.

3) BA MƯƠI BẢY PHẨM TRỢ ĐẠO BỒ-ĐỀ

Niệm xứ trang nghiêm khéo tu tập bốn quán niệm xứ. Chánh cần trang nghiêm hay dứt trừ tất cả các pháp bất thiện, thành tất cả pháp thiện. Thân tức trang nghiêm thường khiến thân tâm nhẹ nhàng vui vẻ. Năm căn trang nghiêm, thâm tín, kiên cố, siêng năng không biếng nhác, thường không mê vọng, vắng lặng điều hòa, dứt các phiền não. Năm lực trang nghiêm, các oán đều diệt, không gì phá hoại. Giác chi trang nghiêm, thường khéo giác ngộ tất cả các pháp. Chánh đạo trang nghiêm được trí huệ chánh, thường hiện ở trước. Chỉ trang nghiêm dứt sạch tất cả kiết sử. Quán trang nghiêm, như thật biết tự tánh các pháp. Phương tiện trang nghiêm, chóng được thành tựu, đầy vui vô biên.

Đây là 37 phần bồ-đề, cũng gọi là 37 trợ đạo phẩm.

Niệm xứ tức là bốn quán niệm xứ (bốn chỗ thường quán sát nhớ nghĩ) cũng gọi là bốn niệm trú (người tu hành y cứ bốn quán niệm này mà an trú): 1. quán thân bất tịnh. 2. quán hương thọ là khổ. 3. quán tâm vô thường. 4. quán tất cả các pháp vô ngã.

Chánh cần tức là tứ chánh cần (bốn món siêng năng chơn chánh) lại có tên là tứ chánh đoạn: 1. những điều ác đã sanh phải kíp trừ bỏ. 2. những điều ác chưa sanh cần phải không cho sanh. 3. những điều thiện chưa sanh cần phải chóng sanh. 4. những điều thiện đã sanh phải làm cho tăng trưởng. Dứt sạch biếng nhác, Cho nên, gọi là chánh đoạn.

Thần túc tức là bốn món thần túc (thần thông) cũng có tên là bốn món như ý túc (thần thông như ý): 1. niệm (nhớ nghĩ). 2. dục (ưa muốn). 3. tấn (tinh tấn). 4. huệ (trí huệ). Chứng được bốn món thần túc này tức là được chỗ nguyện như ý, lại hay phát khởi các pháp thần thông, Cho nên, gọi là thần túc.

Năm căn: 1. tín (lòng tin). 2. tấn (siêng năng). 3. niệm (nhớ nghĩ). 4. định (thiền định). 5. huệ (trí huệ). Năm lực: tức là năm căn trên, nhờ rèn luyện làm cho có khí lực, nên gọi là năm lực. "Năm căn" là nói về căn cứ tu hành; "Năm lực" là nói về lực lượng tu hành đối trị.

Giác chi tức là bảy món giác ngộ: 1. trạch pháp (lựa chọn các pháp chơn ngụy). 2. tinh tấn (siêng năng). 3. hỷ (vui mừng). 4. khinh an (nhẹ nhàng). 5. niệm (nhớ nghĩ). 6. định (thiền định). 7. hành xả (lòng tu hành bình đẳng không vương mắc)

Chánh đạo tức là tám đường chơn chánh, cũng gọi là tám đường thánh: 1. chánh kiến (kiến giác chơn chánh). 2. chánh tư duy (suy nghĩ chơn chánh). 3. chánh ngữ (nói phô chơn chánh). 4. chánh nghiệp (hành vi chơn chánh). 5. chánh mạng (sanh hoạt chơn chánh). 6. chánh tinh tấn (siêng năng việc chơn chánh). 7. chánh niệm (nhớ nghĩ chơn chánh). 8. chánh định (thiền định chơn chánh). Tu theo tám pháp này thì tránh được tà vạy, Cho nên, gọi là CHÁNH. Nhờ vậy mà đi đến cảnh giới niết-bàn, Cho nên, gọi là ĐẠO. Tổng cộng là ba mươi bảy phẩm, nếu Bồ tát dùng thập thiện nghiệp làm căn bản, mà tu theo các pháp này thì mau chứng được tất cả các công đức, viên mãn quả an vui vĩnh viễn.

---o0o---

C. NÓI RỘNG THÊM

Long vương nên biết, mười nghiệp thiện này, hay làm cho thập lực, tứ vô úy, mười tám pháp bất cộng, tất cả Phật pháp đều được viên mãn. Vậy nên các người phải siêng tu học.

Thập lực, Tứ vô sở úy và Mười tám pháp bất cộng là những pháp đặc biệt chỉ quả vị Phật mới có mà thôi. Đoạn này nói rộng ra đều căn cứ vào thập thiện nghiệp mà tất cả các hạnh thù thắng cho đến quả vị Phật đều được trang nghiêm viên mãn, và khuyên tất cả phải siêng năng tu học.

---o0o---

CHƯƠNG V

KẾT LUẬN - SỰ THÙ THẮNG CỦA THẬP THIỆN NGHIỆP ĐẠO

Long vương! Ví như tất cả thành ấp, xóm, làng đều y đại địa mà được an trú, tất cả trăm hoa cây cỏ bụi rừng, cũng nương đại địa ấy mà được sanh trưởng; Thập thiện nghiệp đạo lại cũng như thế, tất cả Nhơn thiên y vào đó mà an lập, tất cả Thanh văn, Độc giác bồ-đề, các Hạnh bồ-tát, tất cả Phật pháp đều chung y vào đại địa Thập thiện này mà được thành tựu.

Đây là nói rõ công đức thù thắng của thập thiện nghiệp đạo làm căn bản cho tất cả thiện pháp, không thể nào một giây lát mà rời được, Cho nên, dùng đại địa làm ví dụ. Nếu rời thập thiện mà muốn tu hành chứng quả, cũng như dựng lâu đài hoặc trồng cây cỏ ở giữa hư không, muốn thành tựu kết quả không sao có được.

---o0o---

ĐOẠN III: LƯU THÔNG

Phật dạy kinh này rồi, Ta-kiệt-la Long vương và toàn thể đại chúng, tất cả thế gian, thiên, nhơn, a-tu-la thấy đều hoan hỷ tín, thọ, phụng hành.

Đoạn này của người kiết tập chép lại. Ta-kiệt-la Long vương là người chủ duyên khởi kinh này. A-tu-la Tàu dịch là "phi thiên" (không phải trời nghĩa là giống như trời mà không phải trời). Câu "đều hoan hỷ tín, thọ, phụng hành" theo lời Phật dạy, tất cả các kinh phải kết thành như thế. Tiêu biểu pháp Phật dạy không phải như lời lý luận của phàm phu, nói rồi là rồi, mà cần phải vâng theo lời nói ấy thiết thực tu hành. Nhưng người nghe pháp cần phải phát lòng hoan hỷ mới sanh lòng tín, có lòng tín mới hay lãnh thọ, có ý

lãnh thọ mới hay vâng theo pháp mà thật hành. Cho nên, câu " hoan hỷ tín, thọ, phụng hành" ta cần phải chú ý.

---o0o---

KINH PHÁP HOA PHẨM THƯỜNG BÁT KHINH

Lúc ấy, Phật dạy Đắc đại thế Bồ tát: Ông nên hiểu nếu tử kheo, tử kheo ni, ưu bà tắc, ưu bà di thọ trì kinh Pháp hoa mà ai đọc miệng mắng nhiếc, công kích thì kẻ ấy bị những tội báo khủng khiếp như ta đã nói ở trước. Còn công đức của người thọ trì thì cũng như trước ta đã nói, nhân nhĩ tử thiết thân ý sáu căn đều được thanh tịnh.

Đắc Đại Thế! Quá khứ cách nay những kiếp số nhiều đến nỗi không thể nghĩ và nói, có đức Phật hiệu Oai Âm Vương đầy đủ mười danh hiệu là Như lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, tôn xưng Thế tôn. Thời kỳ ngài gọi là Thoát ly suy biến, nước ngài xuất hiện là Đại Thành. Lúc ấy đức Phật Oai Âm Vương thuyết pháp cho loài người, những loài trên loài người như chư thiên và những loài dưới loài người như quỷ thần, bằng cách ai muốn cầu đạo thanh văn thì ngài dạy cho bốn chân lý giải thoát sanh lão bệnh tử, cứu cánh niết bàn; ai muốn cầu đạo quả duyên giác thì ngài dạy cho mười hai nguyên lý nhân duyên; còn đối với các vị bồ tát thì nhân vô thượng bồ đề mà nói sáu ba la mật, hoàn thành tuệ giác Phật đà.

Đắc Đại Thế! Đức Phật Oai Âm Vương sống lâu với những kiếp số bằng số cát của bốn mươi vạn sông Hằng, chánh pháp của ngài tồn tại với những kiếp số bằng số vi trần của một cõi Diêm phù, tượng pháp của ngài tồn tại với những kiếp số bằng số vi trần của bốn châu thiên hạ. Đức Phật Oai Âm Vương làm lợi ích cho chúng sanh rồi mới diệt độ, và khi chánh pháp cũng như tượng pháp của ngài chấm dứt, thế giới hệ này lại có đức Phật xuất hiện cũng hiệu Oai Âm Vương và đầy đủ mười danh hiệu là Như lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhân sư, Phật, tôn xưng Thế tôn. (). Cứ như vậy, tuần tự có đến hai vạn ức đức Phật xuất hiện, cùng một danh hiệu.

Đức Phật Oai Âm Vương đầu tiên, khi diệt độ và chánh pháp của ngài chấm dứt, trong thời tượng pháp những kẻ tử kheo có tánh tăng thượng mạn rất có thể lực. Lúc bấy giờ có một vị tử kheo Bồ tát tên là Thường Bát Khinh. Đắc Đại Thế! Tại sao tên Thường Bát Khinh? Là vì vị tử kheo ấy, hễ thấy ai, không kể tử kheo, tử kheo ni, hay ưu bà tắc, ưu bà di, đều thi lễ ca tụng, nói

rằng tôi thâm kính các người, không dám khinh thị. Tại sao như thế? Vì Các người ai cũng có thể thực hành Bồ tát hạnh và đều sẽ thành Phật. Vị Tỷ kheo Thường không chuyên đọc tụng kinh điển, chỉ thực hành sự thi lễ như vậy, đến nỗi dầu thấy những người đàng xa, không kể tỷ kheo, tỷ kheo ni, hay ưu bà tắc, ưu bà di, đều cố đến mà thi lễ, ca tụng, thưa rằng Tôi không dám khinh các người, các người ai cũng sẽ làm Phật. Trong số người nghe, có kẻ nổi giận, tâm trí nhơ bẩn, độc miệng mắng nhiếc, rằng cái ông tỷ kheo ngu xuẩn này, ở đâu đến đây không ai bảo mà cũng nói tôi không dám khinh thị các người, và quyết đoán cho chúng ta rằng sẽ làm Phật; chúng ta không cần đến sự quyết đoán viễn vông như vậy. Mặc dù trải qua nhiều năm, thường bị mắng nhiếc như vậy, mà lòng không giận dữ, ngài Thường Bất Khinh vẫn luôn luôn nói rằng Các người sẽ làm Phật. Khi nói như vậy, có kẻ đánh bằng gậy gộc, ném bằng gói đá, ngài chạy tránh đứng xa, vẫn lớn tiếng nói rằng Tôi không dám khinh thị các người, các người ai cũng sẽ làm Phật. Vì ngài thường nói nên những kẻ tỷ kheo, tỷ kheo ni, ưu bà tắc, ưu bà di có tánh tăng thượng mạn gọi ngài là Thường Bất Khinh.

Vị tỷ kheo Bồ tát Thường Bất Khinh ấy, khi gần mất, được nghe trọn kinh Pháp Hoa mà đức Phật Oai Âm Vương đầu tiên đã diễn thuyết, gồm có hai mươi ngàn vạn ức bài kệ (). Nghe rồi ngài thọ trì được cả. Do đó mà sáu căn nhãn, nhĩ tỷ thiệt thân ý đều được thanh tịnh như ta đã nói ở trước. Được sự thanh tịnh của sáu căn rồi tăng thêm tuổi thọ đến hai trăm vạn ức năm một cách rộng rãi, ngài vì mọi người thuyết pháp kinh Pháp Hoa ấy. Lúc ấy những kẻ tăng thượng mạn trong hàng tỷ kheo, tỷ kheo ni, ưu bà tắc, ưu bà di đã khinh thị ngài và gọi ngài là Thường Bất Khinh, thấy ngài được năng lực đại thần thông, năng lực nhạo thuyết biện, năng lực đại thiện tịch, nên nghe sự giảng giải kinh Pháp Hoa của ngài, tất cả đều tín phục tùy thuận.

Vị tỷ kheo Bồ tát ấy lại giáo hóa cho ngàn vạn ức người khác, làm cho họ an trú vô thượng bồ đề nên sau khi mất ngài lại gặp được hai ngàn ức đức Phật cùng một danh hiệu là Nhật Nguyệt Đăng Minh, và ở trong thời chánh pháp, tượng pháp và mật pháp () của các đức Phật ấy, ngài đều giảng giải kinh Pháp Hoa. Nhờ vậy mà lại gặp được hai ngàn ức đức Phật cùng danh hiệu Vân Tụ Tại Đăng Vương. Trong thời chánh pháp, tượng pháp và mật pháp của các đức Phật ấy, ngài Thường Bất Khinh vẫn thọ trì, đọc tụng và giảng giải cho tỷ kheo, tỷ kheo ni, ưu bà tắc, ưu bà di kinh Pháp Hoa này, do đó mà được thanh tịnh của sáu căn bình thường (), thuyết pháp cho tứ chúng tâm không còn e sợ. Đắc Đại Thế! Ngài Thường Bất Khinh đại sĩ phụng sự cho bao nhiêu đức Phật đó, cung kính, trân trọng, ca tụng và gieo trồng gốc rễ thiện pháp, nên sau đó lại được gặp ngàn vạn ức đức Phật nữa và trong

thời chánh pháp, tượng pháp, mật pháp của các đức Phật này cũng giảng giải kinh Pháp Hoa, công đức thành tựu, sẽ thành Phật.

Đắc đại thế! Ông nghĩ sao, Bồ tát Thường Bất Khinh lúc bấy giờ có phải ai khác đâu, mà chính là ta đây. Nếu đời trước ta không thọ trì đọc tụng và giảng giải cho người khác kinh Pháp Hoa này thì ta không thể hoàn thành mau chóng vô thượng bồ đề. Vì nơi các đức Phật quá khứ, ta đã thọ trì đọc tụng và giảng giải cho người kinh Pháp Hoa nên hoàn thành mau chóng vô thượng bồ đề ấy.

Đắc Đại Thế! Lúc bấy giờ trong tứ chúng tử kheo, tử kheo ni, ưu bà tắc, ưu bà di, những kẻ vì giận dữ mà khinh dễ ta thì tuy đến hai trăm ức kiếp họ không gặp Phật, không nghe pháp, không thấy tăng, ngàn kiếp chịu sự khổ sở khủng khiếp trong vô gián địa ngục, nhưng hết tội báo ấy rồi, họ lại được gặp Bồ tát Thường Bất Khinh và được ngài giáo hóa cho pháp vô thượng bồ đề. Đắc Đại Thế! Ông nghĩ sao, những kẻ trong tứ chúng khinh thị Bồ tát Thường Bất Khinh lúc ấy có phải ai khác đâu, chính là những người hiện diện trong pháp hội này, tức năm trăm bồ tát như ông Bạt đà la vân vân, năm trăm tử kheo như ông Sư tử nguyệt vân vân, năm trăm ưu bà tắc như ông Ni tư phạt vân vân, đều là những kẻ ngày nay đã được bất thoái chuyển đối với vô thượng bồ đề.

Đắc Đại Thế! Ông nên hiểu rằng kinh Pháp Hoa này rất ích lợi cho các vị Bồ tát đại sĩ, có năng lực làm cho họ đạt đến vô thượng bồ đề. Vì lí do ấy mà sau khi ta diệt độ, các vị Bồ tát đại sĩ nên luôn luôn thọ trì, đọc tụng, giảng giải và viết chép kinh Pháp Hoa.

Bấy giờ đức Thế Tôn muốn trình bày lại ý nghĩa đã dạy nên nói bài kệ () sau đây:

Quá khứ có đức Phật

Danh hiệu Oai Âm Vương

Thần thông và trí tuệ

Tất cả đều vô lượng.

Giáo hóa và dắt dẫn

Tất cả các chúng sanh

Nhân, thiên và long thân
Hết thấy đều phụng sự.
Khi Phật ấy diệt độ
Và chánh pháp chấm hết, ()
Thì có một Bồ tát
Danh hiệu Thường Bất Khinh.
Bấy giờ trong tứ chúng,
Những kẻ nặng pháp chấp ()
Bồ tát Thường Bất Khinh
Tìm đến chỗ của họ
Và nói với họ rằng
Tôi không dám khinh người,
Vì tất cả các người
Ai cũng có khả năng
Thực hành hạnh bồ tát
Và đều sẽ làm Phật.
Những người nghe nói thế
Có kẻ khinh mà mắng;
Nhưng ngài Thường Bất Khinh
Nhẫn nhục và chịu đựng.
Khi tội báo trả hết,

Sự sống sắp kết thúc,
Ngài được nghe kinh này,
Sáu căn đều thanh tịnh.
Do năng lực thần thông,
Kéo dài thêm sự sống,
Nên lại nói kinh này
Cho hết thấy mọi người.
Những kẻ pháp chấp trước
Cũng nhờ ngài tác thành
Mà được an trú nơi
Vô thượng giác của Phật
Sau khi ngài mạng chung,
Được gặp vô số Phật,
Vẫn đem nói kinh này
Nên được vô lượng phước,
Dần dần đủ công đức
Mau chóng thành Phật đạo ()
Thường Bất Khinh lúc ấy
Chính là thân ta đây;
Còn những kẻ pháp chấp
Trong tứ chúng lúc ấy

Nghe Thường Bất Khinh nói
Các người sẽ làm Phật,
Nhờ cái nhân duyên ấy,
Được gặp vô số Phật;
Nay trong pháp hội này
Năm trăm bồ tát chúng
Cùng với bốn bộ chúng,
Thiện nam và tín nữ
Nghe pháp trước mặt ta,
Là hàng pháp chấp ấy.
Ta trong thời quá khứ
Từng khuyến hóa mọi người
Nên kính thọ kinh này,
Là kinh pháp vô thượng.
Muốn giáo hóa mọi người
An trú nơi niết bàn
Thì đời đời thọ trì
Kinh điển Pháp Hoa ấy.
Trải qua vạn ức kiếp
Lâu đến không thể nghĩ,
Có lúc mới được nghe

Kinh điển Pháp Hoa này.

Cũng đến vạn ức kiếp

Lâu xa không thể nghĩ,

Chư Phật mới có lúc

Nói kinh Pháp Hoa này.

Vì vậy người tu hành

Sau khi Phật diệt độ

Được nghe kinh Pháp Hoa

Lòng đừng sinh nghi hoặc.

Cần phải chuyên một lòng

Đem kinh này truyền bá,

Thì đời đời gặp Phật

Mau chóng thành Phật đạo.

---o0o---

KINH BÁT TĂNG BÁT GIẢM

LỜI NÓI ĐẦU

Tinh tú vốn tích lũy ánh sáng và thường xuyên phát ra ánh sáng. Ánh sáng luôn luôn có, vì tinh tú luôn luôn thường tại. Những đêm ba mươi hay giữa trưa đứng bóng, ánh sáng ấy không hề có thêm có bớt. Có thêm có bớt chỉ vì nó bị che khuất nhiều hay ít mà thôi.

Chơn tâm thường ở nơi mỗi chúng sanh cũng như vậy. Đó là một nguồn phát sanh ánh sáng, một thứ ánh sáng riêng của nội giới. Chơn tâm ấy ở nơi kẻ ngu cũng không voi lung bớt đi, mà ở nơi người trí cũng không tràn đầy thêm ra. Có voi có đầy là chỉ bởi nó bị ngăn che dày hay mỏng mà thôi.

Ngăn che ánh sáng bằng cách bôi cho lớp vỏ kia mỗi ngày một dày thêm là giam hãm chơn tâm trong lao ngục nghiệp chướng. Lần theo cái ánh sáng chơn tâm ấy để phóng thích nó ra, thì gọi là tu.

Xưa có một vị Bồ tát tu theo cái hạnh phát huy chơn tánh ấy nơi mọi người. Gặp ai vị ấy cũng lễ bái xưng tán: "Tôi rất kính trọng các người, không dám khinh mạn, vì các người sẽ đều làm Phật". Có kẻ nghe nói như vậy nhiều lần không chịu nổi, tức giận mắng nhiếc đánh đập tàn tệ, ngài trốn chạy mà miệng vẫn không ngớt nói với lui "Tôi không dám khinh mạn ...". Vị Bồ tát được những kẻ kiêu mạn tặng cho danh hiệu hài hước là Bồ tát Thường Bất Khinh. Về sau, được lục căn thanh tịnh, ngài chứng quả và rộng nói kinh Pháp Hoa cho tất cả mọi người nghe. Mọi người nhờ nghe lời nói ấy gieo vào trong tạng thức mà cũng đều thành Phật cả.

Hạnh nhẫn nhục của Bồ tát Thường Bất Khinh, tự nó đã là một giá trị cao cả về mặt đạo đức. Hơn nữa, cái hạnh cao cả ấy lại được hướng về một mục đích duy nhất: Phát huy Phật tánh trong mọi chúng sanh. Phương tiện là đạo đức mà cứu cánh đạt được lại là chơn lý. Cao đẹp thay!

Vâng, "Mọi loài đều có Phật tánh" là chân lý tối thượng mà chỉ có Phật giáo mới thừa nhận và thuyết minh. Có Phật tánh, có khả năng thành Phật và cần phải phát huy khả năng ấy, đó là điều mà Phật giáo đã long trọng xác nhận qua thiên kinh vạn quyển của giáo điển. Có Phật tánh, có khả năng thành Phật, nhưng điều quan trọng không kém là cần phải phát huy khả năng ấy trong khắp mọi người, dù là hạng người mà xã hội đang khinh rẻ, cho là ngu si ti tiện, ngay đến cả những người chính tự họ đánh rơi lòng tự tín, trở lui khinh miệt mình. Với tất cả, cần phải giác tỉnh họ để gieo vào lòng họ một hy vọng, trả lại họ một địa vị xứng đáng dưới ánh sáng mặt trời, trong ngày nay hay ngày mai. Để tất cả sống một đời sống tích cực, không ỷ lại thần trời, không oán người trách đời. Tóm lại, một đời sống lành mạnh trong thanh bình an vui, không luyến tiếc vang bóng của ngày qua, không sân hận nghịch cảnh ở hôm nay. Thế nào cho mỗi cố gắng mới của họ không phải là một hy sinh mà là một thành quả xây dựng rạng rỡ, cả hôm nay và ngày mai.

Có phát huy được trọn vẹn Phật tánh nơi mỗi con người, mới trả lại hết giá trị của con người cho con người.

Phật tánh ấy, trong kinh Phật thường đem ví với viên ngọc quý bỏ quên lâu ngày trong chéo áo, mà sở hữu chủ của nó chính là chúng sanh, đã không tự biết đem ra dùng. Trong giáo điển nhà Phật, Phật tánh ấy còn có nhiều

tên gọi khác: chơn tâm, chơn như, chơn tánh, như lai tạng, tự tánh bồ đề, giác tịnh minh tâm, chúng sanh giới, nhưt giới, v.v... Danh từ có nhiều, là vì "nó" vốn có nhiều khía cạnh. Nhưng dù khía cạnh nào đi nữa thì cái bản lai diện mục của nó vẫn không ngoài bốn đức: Thường, Lạc, Ngã, Tịnh.

Đem ví dụ rộng ra, Phật tánh ấy tức như mật ngọt trong bông ong, vàng ròng rơi trong hầm xí, bào thai quý tử nằm trong dạ con của người bần nữ v.v... mà các độc giả Phật tử sẽ gặp trong kinh ĐẠI PHƯƠNG ĐĂNG NHƯ LAI TANG phiên dịch sau đây.

Lại nữa, Phật tánh ấy không vì ở nơi sang chồn hèn, kẻ trí người ngu mà có tăng có giảm. Có tăng có giảm khác nhau chẳng qua chỉ tại cái vỏ bọc ngoài; thực chất bên trong không hề có sai biệt. Tất cả đều cùng một thể, Đều từ nhưt giới mà có lưu xuất và đều quy hiệp thành nhưt giới. Nhưt giới vốn hằng thường, bất biến, bình đẳng, bất nhị, không thể đem trí phân biệt để ước đoán, giáo lượng như đối với các pháp bị tạo khác. Đó là trọng tâm kinh BÁT TĂNG BÁT GIẢM tiếp theo.

Phiên dịch hai Kinh trên đây, tôi tự biết văn tài chưa đủ để phô diễn hết ý tứ sâu kín trong kinh; chỗ nào còn sót lọt, mong các bậc Thiện tri thức và thế hệ ngày mai bổ khuyết lần hồi cho.

Mục đích duy nhất của tôi chỉ cốt đóng góp phần nào công sức vào sự nghiệp hoằng pháp phát huy Phật tánh, hầu mong hàng Phật tử sơ cơ phát tâm đồng mãnh thuận theo Phật tánh ấy mà tu học và tin chắc vào thành quả sẽ gặt hái được như lời ngài Lục tổ Huệ Năng đã dạy: "Này các Thiện tri thức! Tự tánh bồ đề bản lai thanh tịnh, vận dụng tâm ấy tức nhiên thành Phật". Hay như kinh Phạm Võng dạy: "Nếu Đại chúng thành tín rằng: các người là Phật sẽ thành, còn ta là Phật đã thành, và nếu thường giữ được chánh tín ấy, thì giới phẩm đã đầy đủ" ... Hoặc: "Chúng sanh thọ Phật giới, tức là đã vào được địa vị chư Phật".

Đó là mục đích để dịch hai cuốn kinh này. Mong thay!

NAM MÔ BỒN SU THÍCH CA MÂU NI PHẬT

Thiên thất, Quý Thu Canh tý (2504)

THÍCH TRÍ THỦ

---o0o---

KINH ĐẠI PHƯƠNG ĐĂNG NHƯ LAI TẠNG

Tam tạng pháp sư hiệu là Phật đà Bạt-đà-la người xứ Thiên trúc, đời Đông Tấn dịch Phạn văn ra Hoa văn. Tỳ kheo Thích Trí Thủ dịch ra Việt văn.

Tôi nghe như vậy:

Một hôm, đức Phật ở tại thành Vương Xá, trên núi Kỳ xà quật, trong tòa lâu đài Chiên đàn, giữa giảng đường Bửu nguyệt. Bảy giờ ngài thành Phật đã mười năm, cùng với trăm ngàn đô chúng đại tỳ kheo nhóm họp, trong chúng có sáu mươi Hằng hà sa đại bồ tát thầy đã thành tựu sức đại tinh tấn, đã từng cúng dường trăm ngàn ức na do tha chư Phật và đủ sức thay Phật đẩy bánh xe pháp hướng thượng (thuyết pháp hướng thượng). Các bậc đại bồ tát này nếu có chúng sanh nào nghe được danh hiệu thì vĩnh viễn không còn có tâm thối chuyển đối với đạo vô thượng bồ đề. Ấy là các ngài Pháp Huệ Bồ tát, Sư Tử Huệ Bồ tát, Kim Cang Huệ Bồ tát, Điều Huệ Bồ tát, Diệu Huệ Bồ tát, Nguyệt Quang Bồ tát, Bửu Nguyệt Bồ tát, Mãn Nguyệt Bồ tát, Đồng Mãn Bồ tát, Vô Lượng Đồng Bồ tát, Vô Biên Đồng Bồ tát, Siêu Tam Giới Bồ tát, Quán Thế Âm Bồ tát, Đại Thế Chí Bồ tát, Hương Thượng Thủ Bồ tát, Hương Tượng Bồ tát, Hương thượng Bồ tát, Thủ tạng Bồ tát, Nhứt tạng Bồ tát, Chàng tướng Bồ tát, Đại Chàng Tướng Bồ tát, Ly Cấu Chàng Bồ tát, Vô Biên Quang Bồ tát, Phóng Quang Bồ tát, Ly Cấu Quang Bồ tát, Hỷ Vương Bồ tát, Thường Hỷ Bồ tát, Bửu Thủ Bồ tát, Hư Không Tạng Bồ tát, Ly Kiêu Mạn Bồ tát, Tu Di Sơn Bồ tát, Quang Đức Vương Bồ tát, Tổng Trì Tự Tại Vương Bồ tát, Tổng Trì Bồ tát, Diệt Chúng Bịnh Bồ tát, Liệt Nhứt Thế Chúng Sanh Bịnh () Bồ tát, Hoan Hỷ Niệm Bồ tát, Yếm Ý () Bồ tát, Thường Yếm () Bồ tát, Phổ Chiếu Bồ tát, Nguyệt Minh Bồ tát, Bửu Tuệ Bồ tát, Chuyển Nữ Thân Bồ tát, Đại Lôi Âm Bồ tát, Đạo Sư Bồ tát, Bất Hư Kiến Bồ tát, Nhứt Thế Pháp Tự Tại Bồ tát, Di Lạc Bồ tát, Văn Thù Sư Lợi Bồ tát v.v... hết thầy sáu mươi Hằng hà sa Bồ tát ma ha tát, từ vô lượng cõi Phật, cùng vô số hàng Thiên long, Dạ xoa, Càn thất bà, A tu la, Ca lâu la, Cẩn na la, Ma hầu la già, đều đến nhóm họp đông đủ và tỏ lòng thành kính cúng dường đức Thế Tôn.

Bảy giờ Thế Tôn đang nhập chánh định tam muội trong lâu đài Chiên đàn, biến hiện thần thông hóa ra vô số hoa sen ngàn cánh, lớn như vành xe, sắc hương đầy đủ, nhưng chưa nở hẳn. Trong tất cả các hoa sen đều có hóa Phật,

đều bay lên giữa hư không, che lấp cả thế giới như những bửu cái. Mỗi hoa sen phóng ra vô lượng hào quang rồi đồng loạt tắt cả các hoa sen cùng nở, tốt tươi xinh đẹp. Bỗng nhiên, Phật vận thần thông, trong chốc lát, tất cả hoa sen thấy đều tàn héo. Các vị Hóa Phật trong các hoa sen kia liền xếp chân ngồi kiết già, và hết thấy đều phóng ra vô số trăm ngàn hào quang chói lọi. Bây giờ, thế giới ấy trở nên trang nghiêm tuyệt diệu, khiến toàn thể đại chúng hoan hỷ nhảy nhót. Những điều chưa từng có ấy cũng khiến đại chúng có niệm nghi ngờ, không biết vì lẽ gì, hết thấy các đóa hoa đẹp đẽ kia, hốt nhiên trở nên tàn úa hôi hám, không sao chịu được.

Bây giờ, đức Thế Tôn rõ biết niềm nghi của các vị Bồ tát và đại chúng, liền gọi ngài Kim Cang Huệ Bồ tát mà bảo rằng:

"Này Thiện nam tử! Đối với Phật pháp còn chỗ nào nghi ngờ, cho phép ông được tỏ bày gạn hỏi?"

Ngài Kim Cang Huệ Bồ tát cũng biết hết thấy đại chúng đều có lòng nghi, liền bạch Phật rằng:

"Bạch Thế Tôn, vì nhơn duyên gì, trong vô số hoa sen đều có hóa Phật, rồi thấy đều bay lên giữa hư không che lấp cả thế giới, bỗng nhiên trong nháy mắt hoa nào hoa nấy đều tàn héo, chỉ còn có hóa Phật ngồi phóng vô số trăm ngàn hào quang, khiến tất cả hội trường này đều trông thấy và đều chấp tay cung kính?"

Thế rồi, ngài Kim Cang Huệ Bồ tát liền nói bài kệ, tụng rằng:

"Chúng tôi chưa từng thấy,

Thần biến như ngày nay:

Hóa Phật trăm ngàn ức,

Tịnh tọa trong hoa sen

Phóng vô số hào quang,

Che phủ cả thế gian;

Văng vặc hình đạo sư

Trang nghiêm khắp thế giới.

Hoa sen bỗng tàn héo,

Nực xông mùi xú ối.

Vậy vì nhơn duyên gì,

Hiện ra thần hóa nọ?

Tôi thấy hằng sa Phật

Cùng vô lượng thần biến,

Nhưng chưa thấy như nay,

Cúi xin Phật giảng dạy".

Bấy giờ, Thế Tôn bảo ngài Kim Cang Huệ và đại chúng Bồ tát rằng:

Này các Thiện nam tử! Có kinh Đại Phương Đẳng tên là Như Lai Tạng. Ta sắp nói cho đại chúng nghe nên hiện ra điềm ấy. Các người nên lắng nghe và chín chắn suy xét!

Đại chúng thấy đồng thanh bạch Phật: "Sung sướng thay, chúng con xin hoan hỷ đợi nghe".

Phật dạy: "Này các Thiện nam tử! Như ta biến hóa vô số hoa sen, rồi hốt nhiên sen kia tàn úa, chỉ còn lại vô lượng hóa Phật ngồi kiết già trong hoa, tướng tốt trang nghiêm, phóng ra hào quang rực rỡ; đại chúng trông thấy việc hy hữu ấy, đều sanh lòng cung kính. Này các Thiện nam tử! Như vậy là ta dùng Phật nhãn quán sát tất cả chúng sanh đang ngụp lặn trong phiền não tham dục, sân nhuê, ngu si, nhưng vốn sẵn có trí Như lai, mắt Như lai và thân Như lai, xếp chân ngồi kiết già, nghiêm nhiên bất động. Này các Thiện nam tử: Hết thấy chúng sanh tuy mang thân phiền não, ra vào sáu đường mà vẫn có Như lai tạng thường không nhiễm ô. Đức tướng của Như lai tạng ấy đầy đủ như ta không khác. Lại nữa, này các Thiện nam tử! Ví như người có thiên nhãn, khi trông hoa chưa nở mà đã thấy được trong hoa kia có toàn thân Như lai ngồi xếp chân kiết già, thì khi trừ bỏ hoa héo đi, liền được thân Như lai hiển hiện. Như vậy, này các Thiện nam tử! Ta đã thấy Như lai tạng của chúng sanh, lại muốn Như lai tạng ấy hiển hiện, vì thế mà nói kinh pháp.

Nói kinh pháp là để diệt trừ phiền não, khiến hiển hiện Phật tánh. Này các Thiện nam tử! Pháp của hết thầy chư Phật là vậy đó. Dù Phật có ra đời hay không ra đời, hột giống Như lai tàng trữ trong mỗi một chúng sanh vẫn thường trú bất biến. Hột giống Như lai không xuất hiện được chỉ vì phiền não che lấp. Như Lai ra đời, rộng nói các kinh pháp, là chỉ nhằm trừ diệt trần lao, tịnh hóa nhứt thế trí. Này các Thiện nam tử! Nếu có Bồ tát nào vui tin pháp này nên chuyên tâm tu học, sẽ được giải thoát, thành bậc Đẳng chánh giác, thi hành Phật sự, lợi lạc cho khắp cả thế gian".

Bấy giờ, Thế Tôn lược tóm lại trong một bài kệ, tụng rằng:

"Ví như hoa tàn héo,

Khi nó đương còn búp,

Người thiên nhãn đã thấy

Thân Như lai vô nhiễm;

Loại trừ hoa héo rồi,

Thân kia liền tỏ hiện.

Dứt được nhơn phiền não,

Quả chánh giáo lưu xuất.

Mắt Phật quán chúng sanh,

Đều có Như lai tạng,

Vì phiền não che khuất,

Nên đem hoa héo ví.

Ta vì các chúng sanh,

Trừ diệt các phiền não,

Nên rộng nói chánh pháp

Khiến mau thành Phật đạo.

Ta dùng Phật nhãn quán
Hết thấy thân chúng sanh
Phật tạng thường núp kín
Nói pháp khiến khai hiện".

"Lại nữa, các Thiện nam tử! Ví như mật ngọt tinh hảo ở trong bông cây, có vô số ong đoanh vây gìn giữ. Lúc ấy có người dùng trí xảo phương tiện, trước tất phải đuổi bầy ong kia đi hết, rồi sau mới lấy chất mật ngọt ra, tùy ý sử dụng, hoặc đem tặng bà con kẻ xa người gần. Nay các Thiện nam tử! Cũng như vậy đó, tất cả chúng sanh đều có Như lai tạng như mật ngọt kia ở trong bông cây. Như lai tạng bị phiền não che lấp cũng như mật kia bị bầy ong vây kín. Ta đem Phật nhãn mà quan sát đúng như sự thật rồi dùng phương tiện thích nghi tùy cơ nói pháp, để diệt trừ phiền não, khai thông trí kiến Phật rồi thi hành Phật sự cho khắp cả thế gian".

Bấy giờ, Thế Tôn lược tóm lại trong một bài kệ, tụng rằng

"Như mật trong bông cây,
Vô số ong đoanh vây.
Người dùng phương tiện khéo,
Trước phải đuổi bầy ong.
Như lai tạng chúng sanh
Cũng như mật trong cây;
Trần lao phiền não buộc,
Như bầy ong đoanh vây,
Ta vì các chúng sanh,
Phương tiện nói chánh pháp,
Diệt trừ ong phiền não,

Khai phát tạng Như lai

Đủ vô ngại biện tài,

Diễn thuyết pháp cam lộ,

Khiến thấy đều giác ngộ

Đại bi cứu quần sanh".

"Lại nữa, này các Thiện nam tử! Ví như có loại ngũ cốc, khi chưa xay giã, kẻ bần ngu khinh tiện cho là vật bỏ nhưng đến khi xay giã tinh sạch rồi, đó là món ăn thường được cung tiến nhà vua ngự dụng. Này các Thiện nam tử! Cũng như vậy đó, ta đem Phật nhãn quán sát mọi loài chúng sanh bị vô phiền não che khuất vô lượng tri kiến Như lai, Cho nên, dùng mọi phương tiện, tùy từng căn cơ để nói pháp, khiến trừ diệt phiền não, tịnh hóa nhất thể trí, làm bậc Tối Chánh Giác trên khắp thế gian".

Bấy giờ, Thế Tôn nói bài kệ, tụng rằng:

"Ví như loài ngũ cốc,

Chưa xay giã sạch vỏ,

Người bần ngu khinh rẻ,

Cho là vật bỏ đi.

Ngoài trông như vô dụng,

Trong thật vô cùng quý.

Xay giã vỏ sạch rồi,

Cung tiến lên vua xơi.

Ta thấy các chúng sanh,

Phiền não che Phật tánh,

Nói pháp khiến trừ diệt,

Chúng được nhất thể trí.

Như lai tánh nơi ta

Cùng chúng sanh không khác,

Khai hóa cho thanh tịnh,

Đạo vô thượng chóng thành."

"Lại nữa, này các Thiện nam tử! Ví như vàng ròng rơi vào hầm xí, lấm dơ nhiều năm, trông rất ghê gớm, nhưng chất vàng không mất, nào ai biết hay! Người có mắt thiên nhãn nhìn vào bèn bảo các người khác rằng: Trong hầm xí này có khối vàng ròng rất quý, các người nên lấy ra mà tùy ý sử dụng. Như vậy, này các Thiện nam tử! Hầm xí dơ bẩn kia chính là vô lượng phiền não; khối vàng ròng quý báu chính là Như lai tạng; người có mắt thiên nhãn tức là Như Lai. Vậy nên Như Lai tùy cơ thuyết pháp, hướng dẫn chúng sanh trừ bỏ phiền não, đặng thành chánh giác, rồi thi hành Phật sự".

Bấy giờ, đức Thế Tôn tóm lược lại trong một bài kệ, tụng rằng:

"Như vàng rơi chỗ dơ,

Khuất lấp nào ai thấy.

Duy kẻ thiên nhãn rõ,

Liên bảo với mọi người:

Các người nếu lấy ra,

Chùi rửa cho sạch sẽ,

Tùy ý mà tiêu dùng,

Bà con đều được hưởng.

Mắt Thiện thế () quán thấy

Chúng sanh thay như vậy:

Thân ngập bùn phiền não

Tánh Như lai không mắt

Tùy cơ mà nói pháp,

Khiến rõ hết mọi sự,

Phật tánh phiền não che,

Mau trừ đặng thanh tịnh".

"Lại nữa, Này các Thiện nam tử! Ví như nhà nghèo có hầm của báu. Của báu không nói được "ta ở nơi đây". Đã không tự biết, lại cũng chẳng ai mách cho hay, nên không khai phát được. Tất cả chúng sanh thấy đều như vậy. Có đầy đủ kho tàng quý giá là Tri kiến, Thập lực và Tứ vô sở úy của Như Lai ở chính trong thân, nhưng chưa hề nghe biết, đắm mê theo năm dục, luân hồi sống chết, chịu vô lượng đau khổ. Vậy nên chư Phật thị hiện ra đời, khai thị cho chúng Bồ tát biết Như lai pháp tạng có sẵn trong thân. Với căn cơ Bồ tát, nghe xong tất liền tin thọ, tịnh hóa được như thể trí, rồi đem vô ngại biện tài làm đại thí chủ, trở lại khai phát Như lai tạng cho tất cả chúng sanh. Như vậy, Này các Thiện nam tử! Ta đem Phật nhãn quán sát tất cả chúng sanh đều có Như lai tạng nên nói cho các Bồ tát nghe pháp ấy".

Bấy giờ, Thế Tôn lược tóm lại trong một bài kệ, tụng rằng:

"Ví như nhà người nghèo,

Trong có giấu kho báu.

Chủ nhà vốn không hay

Báu thì không tự nói.

Quần bách trong ngu tối,

Nào ai nói mà hay!

Có báu mà chẳng biết,

Nên thường chịu khó nghèo.

Phật nhãn quán chúng sanh,

Tuy trôi lăn năm đạo,
Của báu ẩn trong thân
Thường còn, không biến đổi.
Quán sát như thế rồi,
Khai thị cho chúng sanh:
"Biết rằng tự có báu,
Giàu có và lợi lạc".
Nếu ai tin lời ta,
Biết mình có kho báu,
Dùng phương tiện khai phát,
Đạo vô thượng chóng thành".

Lại nữa, này các Thiện nam tử! Ví như hạt yêm ma la, mầm cây trong hạt còn tốt, đem gieo nó xuống đất, mầm cây nức lên và sau thành cây đại thọ. Như vậy, này các Thiện nam tử! Ta đem Phật nhãn quán sát tất cả chúng sanh, thấy có Như lai bửu tạng nằm trong bọc vô minh, như mầm cây nằm trong hạt. Này các Thiện nam tử! Cái hạt giống Như lai trong sáng mắc mờ kia, tích tụ trí huệ lớn lao, niết bàn vắng lặng, tên gọi là " Như lai ứng cúng đẳng chánh giác". Này các Thiện nam tử! Ta quán sát chúng sanh như thế rồi, nên tỏ bày nghĩa ấy để khai thị cho các hàng đại bồ tát biết mà tịnh hóa Phật trí".

Bấy giờ đức Thế Tôn lược tóm lại trong một bài kệ, tụng rằng:

"Ví như trái yêm la
Mầm trong không hư hỏng,
Gieo xuống nơi đất tốt
Ất thành cây đại thọ.

Mắt vô lậu Như Lai

Quán hết thấy chúng sanh,

Thân chứa Như lai tạng

Như hạt, chứa mầm cây.

Các người nên tự tin

Mình đủ trí tam muội,

Không cách gì hư mất;

Chỉ vì vô minh che,

Vậy nên ta nói pháp,

Chỉ rõ tánh Như lai.

Hãy thành đạo vô thượng.

Như hạt mọc thành cây."

"Lại nữa, này các Thiên nam tử! Ví như có người mang cái tượng bằng vàng ròng đến một nước khác, gặp đường hiểm trở, sợ bị giặc cướp chiếm đoạt, bèn lấy giẻ rách bọc lại, khiến đùng ai hay biết. Bất ngờ giữa đường, người kia hốt nhiên bị bệnh mà chết.

Lúc bấy giờ, cái bọc tượng vàng kia cũng bỏ lăn lóc ngoài nội. Người qua kẻ lại giày đạp lên trên, cho là đồ dơ. Gặp người có thiên nhãn, thấy được trong bọc rách nhớp kia có cái tượng bằng vàng ròng, liền tháo bọc lòi ra, mọi người trông thấy đều sanh tâm cung kính hoan hỷ. Như vậy, này các Thiên nam tử! Ta thấy chúng sanh bị phiền não nhiều nhưong, trôi lăn trong đêm dài sanh tử, chịu vô lượng khổ đau, nhưng Như lai tạng tánh ở trong thân vẫn nghiêm nhiên thanh tịnh như ta không khác. Vậy nên ta nói pháp cho chúng sanh nghe, khiến đoạn trừ phiền não, tịnh hóa trí Như lai, rồi trở lại hóa đạo cho tất cả thế gian".

Bấy giờ, đức Thế Tôn lược tóm lại trong một bài kệ, tụng rằng:

Như người mang tượng vàng

Đi qua một nước khác,
Dùng uế vật bọc quanh
Vứt bỏ ngoài đồng nội.
Người thiên nhãn trông thấy
Liên mạch với mọi người;
Tháo bọc bày tượng vàng,
Hết thấy đều hoan hỷ.
Thiên nhãn ta cũng vậy,
Quán hết các chúng sanh,
Đầy phiền não ác nghiệp
Trói buộc trong khổ đau.
Lại thấy chúng sanh kia,
Trong vô minh trần cấu
Tánh Như lai bất động,
Không hề bị hư hỏng.
Phật đã thấy như vậy
Nên nói, Bồ tát nghe:
Các phiền não ác nghiệp
Che lấp thân Như lai.
Nên tinh tấn đoạn trừ,
Hiện xuất trí Như lai.

Trời, người, rồng, quỷ, thần,

Thảy đều cùng quy ngưỡng.

"Lại nữa, này các Thiện nam tử! Ví như người đàn bà nghèo hèn xấu xí, người người trông thấy đều chê, nhưng hiện người ấy đang mang bào thai quý tử, sẽ sanh hạ một bậc chuyển luân vương có đầy đủ các thánh đức và sẽ trị vì cả bốn châu thiên hạ. Có sự quý báu ấy mà người đàn bà kia không tự biết, thường nghĩ mình hèn hạ con cái chẳng ra gì. Như vậy, này các Thiện nam tử! Như lai quán sát hết thảy chúng sanh, mặc dù trôi lăn trong đường sanh tử, chịu lắm điều khổ đau, nhưng trong thân của mỗi chúng sanh đều có Như lai bửu tạng mà không tự biết, như kẻ bần nữ kia không tự biết cái bào thai quý tử đang nằm trong bụng. Vậy nên Như Lai nói pháp nhắc nhở mọi loài không nên tự khinh tự tiện. Các người nên biết tự thân các người đều có Phật tánh, nếu siêng năng tinh tấn diệt trừ các tội lỗi thì sẽ thành Bồ tát và chư Phật thế tôn, hóa đạo tế độ cho vô lượng chúng sanh".

Bấy giờ, đức Thế Tôn lược tóm lại trong một bài kệ, tụng rằng:

"Ví như người bần nữ,

Sắc mạo rất xấu xa

Nhưng mang thai quý tử,

Sẽ thành chuyển luân vương,

Oai đức, đầy bảy báu,

Trị vì bốn thiên hạ.

Nhưng kẻ kia chẳng hay,

Thường nghĩ mình hèn hạ.

Ta quán các chúng sanh,

Nỗi khổ cũng như vậy.

Thân mang Như lai tạng,

Mà nào có tự hay.

Vậy nên các Bồ tát,
Chớ nên tự khinh khi,
Như lai tạng trong thân
Thường có đức tế thể.
Nếu siêng tu tinh tấn,
Khôn g lâu sẽ thành Phật,
Độ vô lượng chúng sanh
Đồng lên bờ giải thoát".

"Lại nữa, này Thiện nam tử! Ví như thợ đúc đúc tượng bằng vàng. Đúc xong, cả khuôn lẫn tượng đều bỏ lẫn lóc giữa đất, chờ cho khuôn nguội. Bề ngoài tuy trông xấu xa đen bản, bên trong tượng vàng vẫn không đổi sắc. Tháo khuôn bày tượng ra rồi, lau chùi đánh bóng, sắc vàng hiển hiện vô cùng chói lọi! Như vậy, này các Thiện nam tử! Như Lai quán sát tất cả chúng sanh đều có Phật nằm trong thân, đầy đủ vô biên đức tướng. Quán như thế rồi, chỉ bày lại cho chúng sanh thấy rõ, trong lòng được khoan khoái mát mẻ. Các chúng sanh kia giác ngộ tu tập, dùng trí huệ kim cang công phá phiền não, khai xuất thân Phật như người thợ đúc tháo khuôn để lấy tượng vàng ra".

Bấy giờ, đức Thế Tôn lược tóm trong một bài kệ, tụng rằng:

"Ví như trong lò đúc,
Ngôn ngang khuôn, tượng vàng,
Người ngu xem bên ngoài
Chỉ thấy khuôn đất đen.
Thợ đúc dò khuôn nguội,
Tháo khuôn lấy tượng ra,
Lau chùi cạo gọt xong,

Bóng lộn vàng rực chói.

Ta dùng Phật nhãn xem,

Chúng sanh đều như vậy,

Trong bùn đen phiền não,

Đều có tánh Như lai.

Trao gương báu kim cang,

Đập tan khuôn phiền não,

Khai phát Như lai tạng,

Như thợ đúc lấy tượng.

Như trên, ta quan sát,

Nói với chúng Bồ tát,

Các người gắng thực hành

Đặng chuyển hóa quần sanh.

Bấy giờ, đức Thế Tôn bảo ngài Kim Cang Huệ Bồ tát rằng: "Nếu có thiện nam tử hoặc thiện nữ nhơn, xuất gia hay tại gia, thọ trì đọc tụng, sao chép cúng dường và giảng giải cho mọi người nghe kinh Như lai tạng này, sẽ được công đức không thể kể xiết. Nay Kim Cang Huệ! Nếu có người phát tâm Bồ tát, vì Phật đạo mà siêng năng tinh tấn tu tập thần thông, nhập định tam muội để vun bồi cội đức, lại phát tâm cúng dường hằng hà sa số quá khứ, hiện tại chư Phật, tạo lập hằng hà sa số lâu đài thất bảo, cao mười do tuần, ngang dọc mỗi bề rộng một do tuần chung bày vật dụng ghế bàn giường nệm, đủ các thức tân kỳ đẹp đẽ, ngày ngày tạo lập hằng hà sa số lâu đài như thế để hiến cúng từng đức Như lai cùng các Bồ tát, Thanh văn đại chúng, rồi cứ thế tiếp tục mãi mãi theo thứ lớp mà tạo lập hơn năm mươi hằng hà sa số lâu đài để cúng dường hơn năm mươi hằng hà sa số chư Phật, Bồ tát, Thanh văn đại chúng, như vậy cho đến vô lượng trăm nghìn muôn ức kiếp, công đức cũng không bằng có kẻ vì sùng thượng đạo Bồ đề mà thọ trì, đọc tụng, sao chép, cúng dường kinh Như lai tạng này dù chỉ trong một thí

dụ mà thôi. Này Kim Cang Huệ! Kẻ vun trồng cội đức như trên kia, tuy đã là vô lượng, nhưng so với công đức của người thọ trì đọc tụng kinh Như lai tạng này, trăm ngàn phần chưa được một phần, cho đến giá có dùng toán số để tính hay ví dụ để so sánh cũng bất cập".

Bấy giờ, đức Thế Tôn lập lại bằng bài kệ rằng:

"Nếu cầu Bồ đề đạo,

Nghe kinh này thọ trì,

Hoặc sao chép cúng dường,

Dù chỉ một bài kệ

Như lai tạng nhiệm màu,

Chốc lát phát tùy hỷ,

Lắng nghe chánh giáo này

Công đức thật vô lượng.

Nếu ai cầu Bồ đề,

Trú sức đại thần thông,

Muốn cúng dường chư Phật,

Cùng Bồ tát Thanh văn,

Tạo hằng sa lâu các,

Cúng hằng sa chư Phật,

Muôn kiếp không cùng tận,

Lâu cao mười do tuần,

Ngang dọc bốn mươi dặm,

Chung dọn đồ thất bửu,

Trang trí thật huy hoàng,
Nệm trải toàn nhung sô,
Chỗ ngồi thật tuyệt diệu,
Vô lượng hằng hà sa,
Dâng Phật cùng đại chúng,
Hiển cúng các món kia,
Ngày đêm không dừng nghỉ,
Trải trăm ngàn vạn kiếp,
Phước dường ấy đem so
Kẻ trí nghe kinh này,
Dù thọ trì một kệ,
Hoặc nói cho người nghe,
Không phước nào sánh kịp;
Cho đến dùng toán số
Thí dụ cũng khó lường.
Thậm thâm Như lai tạng
Là chỗ chúng sanh nương,
Mau thành bậc Chánh giác.
Bồ tát lắng tư duy,
Biết mình có Phật tánh
Chóng thành vô thượng quả".

Bấy giờ, đức Thế Tôn lại bảo Kim Cang Huệ rằng:

"Về thời quá khứ lâu xa vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp, có một đức Phật hiệu là Thường Phóng Quang Minh Vương Như lai, Ứng cúng, Chánh biến tri, Minh hạnh túc, Thiện thế, Thế gian giải, Vô thượng sĩ, Điều ngự trượng phu, Thiên nhơn sư, Phật Thế tôn (1)

Này Kim Cang Huệ! Vì sao đức Phật ấy gọi là Thường Phóng Quang Minh Vương? Vì rằng lúc phát tâm tu hạnh Bồ tát, đức Phật ấy khi mới giáng thân vào thai mẹ, thường phóng ra hào quang chiếu suốt mười phương ngàn vi trần thế giới chư Phật, chúng sanh thấy được ánh hào quang ấy thấy đều hoan hỷ, phiền não tiêu sạch, sắc thân sức lực đầy đủ, chánh niệm trí tuệ thành tựu và đạt được vô ngại biện tài. Nếu là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, diêm la vương, a tu la v.v... mà trông thấy hào quang ấy thời đều xa lìa được ác đạo, sanh về cõi nhơn thiên. Nếu là chư thiên, nhơn mà trông thấy hào quang ấy thời đối với đạo vô thượng Bồ đề không còn thối chuyển nữa, lại còn có đủ năm món thần thông. Nếu đã là bậc bất thối chuyển rồi, thời sẽ chứng được vô sanh pháp nhẫn, năm mươi món công đức triền đà la ni (2).

Này Kim Cang Huệ! Hào quang kia chiếu vào quốc độ nào thời thấy đều biến thành nghiêm tịnh, chói sáng như ngọc lưu ly, có dây vàng ngăn cách chia thành tám ngã; lại có các hàng cây báu, hoa quả xinh tươi, hương thơm ngào ngạt, thoảng có gió nhẹ thổi qua liền phát ra âm thanh vi diệu, tán dương công đức Tam bảo, Bồ tát về những pháp ngũ căn, ngũ lực, thất giác chi, bát chánh đạo, thiền định, giải thoát; chúng sanh nào nghe được, thấy đều hoan hỷ, lòng tin kiên cố và vĩnh viễn xa lìa ác đạo.

Này Kim Cang Huệ! Hết thấy chúng sanh trong mười phương quốc độ kia, nhờ có ánh sáng hào quang ấy chiếu vào mà đêm ngày sáu thời luôn luôn cung kính, thiện niệm thường tăng trưởng.

Này Kim Cang Huệ! Bồ tát kia từ khi xuất thai cho đến khi thành Phật nhập vô dư niết bàn, thường phóng hào quang sáng chói như thế, cho đến sau khi nhập niết bàn, xá lợi được phân chia và nhập tháp rồi mà vẫn còn thường phóng hào quang. Vì nhơn duyên kia nên chư thiên và thế nhơn gọi Ngài là Thường Phóng Quang Minh Vương.

Này Kim Cang Huệ! Đức Phật Thường phóng Quang Minh Vương lúc đầu mới thành Phật, hàng thánh chúng Bồ tát đến nghe Ngài nói Pháp có đến hai mươi ức vị, trong số đó có một vị tên gọi Vô Biên Quang. Vô Biên Quang Bồ tát Ma ha tát đã từng hỏi đức Phật Thường Phóng Quang về kinh Như lai

tặng này. Vì lòng lân mẫn nhiếp thọ đại chúng Bồ tát, nên ngài đã trải qua năm mươi đại kiếp không rời pháp tọa, đem hết biện tài, dùng vô số ngôn ngữ thí dụ, rộng giảng kinh này cho chúng Bồ tát nghe, cú pháp rõ ràng, âm thanh vang dội đến vô lượng thế giới chư Phật. Các hàng Bồ tát nghe xong kinh này rồi, liền thọ trì đọc tụng, y như giáo pháp tu hành; riêng trừ bốn vị Bồ tát còn tất cả đều đã thành Phật.

Này Kim Cang Huệ! Người đừng lấy làm ngạc nhiên, Vô Biên Quang Bồ tát kia nào phải ai xa lạ, chính là ta ngày trước đó! Còn bốn vị Bồ tát chưa thành Phật tức là Văn Thù Sư Lợi, Quán Thế Âm, Đại Thế Chí và Kim Cang Huệ nhà người đó!

Này Kim Cang Huệ! Kinh Như lai tặng thật là lợi ích vô cùng; ai nghe được sẽ thành Phật đạo".

Bấy giờ, Thế Tôn lặp lại, bài kệ rằng:

"Quá khứ vô số kiếp

Có Phật Quang Minh Vương

Thường phóng đại hào quang

Chiếu khắp vô lượng cõi.

Lúc Phật mới thành đạo,

Vô Biên Quang Bồ tát

Đến thưa hỏi kinh này,

Phật liền nói cho nghe.

Những kẻ có duyên lành,

Được nghe lời Phật dạy,

Thấy đều đã đắc đạo,

Duy trừ bốn Bồ tát:

Văn Thù, Quán Thế Âm,

Đại Thế, Kim Cang Huệ;
Bốn vị Bồ tát kia,
Trong số đó có người
Từng có nghe kinh này.
Thần thông như buổi ấy,
Vô Biên Quang là ta
Đã từng nghe giảng dạy.
Kiếp xưa ta cầu đạo,
Đời Phật Sư Tử Chàng
Kinh này cũng từng nghe.
Nghe xong y pháp tu,
Ta nhờ thiện căn đó,
Chóng được thành Phật đạo.
Vì vậy các Bồ tát,
Nên tu học kinh này,
Nghe rồi y pháp tu,
Sẽ thành như ta vậy.
Thọ trì được kinh này,
Được lễ kính như Phật,
Thật hành đúng như kinh,
Xứng danh Phật pháp chủ.

Dưới giúp được thế gian

Trên chư Phật tán thán.

Nếu ai trì kinh này

Người đó là Pháp vương,

Là con mắt giữa đời

Đáng xưng tán như Phật"

Đức Thế Tôn dạy kinh này rồi, Kim Cang Huệ và các Bồ tát, tứ chúng quyến thuộc, cùng chư thiên, Nhơn, long thần, bát bộ v.v... Nghe xong thấy đều hoan hỷ phụng hành.

---o0o---

TÂM KINH BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA

Chân thành tán thán ghi nhận công đức các vị: Trí Siêu, Nguyên Chứng, Nguyên Giác và Nguyên Thanh, những vị đã đóng góp tích cực cho tập sách, bằng sự sưu tầm, sao chép, bổ túc các tư liệu văn bản, cùng là tham gia ý kiến về một số chi tiết khác nhau giữa các văn bản.

Nguyện hồi hướng công đức này đến khắp Pháp giới chúng sanh đồng chiêm lợi lạc.

H.T. THÍCH TRÍ THỦ

---o0o---

LỜI GIỚI THIỆU

Tâm kinh Bát nhã, kể từ ngày bản dịch của Ngài Huyền Tráng ra đời, đã được tất cả các Phật tử Á Đông chấp nhận và tụng niệm thường xuyên. Ai cũng thuộc lòng và ít nhiều thâm hiểu giá trị cùng vị trí của kinh này trong lịch sử tư tưởng Phật giáo. Đối với Việt Nam ta, cho đến nay, Tâm Kinh Bát nhã vẫn là một bài nhật tụng được chuyên trì nhiều nhất.

Ngay từ những năm khói lửa của cuộc kháng chiến Nguyên Mông đầy gian khổ nhưng cũng vừa hào hùng, vị anh hùng dân tộc, đồng thời là vị thành lập

Thiền Phái Trúc Lâm thuần túy Việt Nam, vua Trần Nhân Tông đã viết trong
Cư trần lạc đạo:

Dựng cầu đò, xây chiền tháp,

Ngoại trang nghiêm sự tướng hãy tu.

Cứng hỷ xả, nhuyển từ bi,

Nội tự tại Kinh Lòng hằng đọc.

Ngài Minh Châu Hương Hải là người dịch và chú giải Tâm Kinh Bát nhã
đầu tiên bằng tiếng dân tộc quốc âm hiện còn bảo tồn. Rồi ngài Chân
Nguyên ca ngợi năng lực thâm diệu của kinh trong Nam Hải Quán Âm

Công chúa thấy thốt thương song

Bèn chuyển Kinh Lòng động đến hoàng thiên

Bảo hoa bay khắp bốn bên

Hào quang thấu lọt dưới trên cửa thành

Thiết tha giải tích tan lành

Nhất thiết từ rạc siêu sanh một giờ.

Ngài Toàn Nhật, một nhà thơ, nhà văn, nhà tư tưởng lớn của dân tộc ta, đã
viết trong Thiền Cơ Yêu Ngữ Văn:

Một nôi hương huệ đốt xông

Ba biển Kinh Lòng thường niệm hôm mai.

Rồi trong Tham Thiền Văn, ngài cũng nói:

Chí dồi mài công phu lựa lọc

Kết tri âm giảng đọc Tâm Kinh

Cốc mình thức tử tri sinh

Sá gì để lổ rành rành đặng mưa.

Thì ta cũng đủ thấy kinh này đã được dân tộc ta qua lịch sử hâm mộ như thế nào. Điều này cũng không có gì lạ, vì Tâm Kinh Bát nhã đã cô kết lại một cách trọn vẹn tất cả giáo nghĩa siêu việt của Phật giáo Đại thừa. Mà muốn hiểu Phật giáo Đại thừa, cũng như muốn thực hành phương pháp tu trì của Phật giáo đó, ta không thể nào không biết, đọc, và hiểu nghĩa của Tâm Kinh. Vì thế hôm nay tôi phát nguyện dịch lại bản Tâm Kinh được ưa chuộng vừa nêu.

Mặc dù rằng nguyên bản Phạn văn của kinh này đã được tìm thấy, nhưng bản dịch của ngài Huyền Tráng cho đến nay vẫn còn được rất nhiều người hâm mộ. Cho nên, tôi đã dựa theo bản của ngài Huyền Tráng mà dịch ra Việt văn, đồng thời tham khảo bản Phạn văn cũng như các bản dịch khác, đặc biệt bản dịch và chú giải Tâm Kinh bằng quốc âm của thiền sư Minh Châu Hương Hải vừa được phát hiện.

Với mục đích cung ứng tài liệu cho việc học tập và nghiên cứu Tâm Kinh, tôi cũng tập thành tại đây các bản Phạn văn theo thư pháp Tất đàn và Devanagari, bản tiếng Mãn Châu, Tây Tạng, Vu Điền, Mông Cổ, Pali, các dịch bản và phiên bản Hán văn, bản chú giải bằng tiếng quốc âm xưa nhất của thiền sư Minh Châu Hương Hải, cùng các bản Anh, Pháp, Đức và Nhật.

Nguyện rằng, bản dịch này giúp các Phật tử hiểu sâu hơn nữa giáo nghĩa của Đại thừa mà Đức Phật đã lân mẫn trao phó. Và cũng vì mục đích giúp các Phật tử lĩnh hội ý nghĩa của bản văn, tôi đã mạo muội viết thêm bản chú giải của mình. Bản chú giải này thuộc phần một. Phần hai của tập này gồm các bản văn vừa kể trên. Phần ba dành riêng để chú thích, chỉ dẫn và bản so sánh từ điển thuật ngữ Phạn, Hán, Tây Tạng, Anh, để các thiện tri thức tiện tra cứu.

Nguyện cầu Tam Bảo chứng minh gia hộ.

Già Lam, mùa An cư

H.T. THÍCH TRÍ THỦ

---o0o---

TÂM KINH BÁT NHÃ PHIÊN ÂM

Quán tự tại bồ tát hành thâm Bát nhã ba la mật đa thời chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách.

Xá Lợi Tử! Sắc bất dị không, không bất dị sắc; sắc tức thị không, không tức thị sắc; thọ, tưởng, hành, thức diệt phục như thị.

Xá Lợi Tử! Thị chư pháp không tướng, bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm. Thị cố không trung, vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức; vô nhân, nhĩ, tử, thiết, thân, ý; vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; vô nhãn giới, nãi chí vô ý thức giới; vô vô minh diệt vô vô minh tận; nãi chí vô lão tử, diệt vô lão tử tận; vô khổ, tập, diệt, đạo; vô trí diệt vô đắc.

Dĩ vô sở đắc cố, bồ đề tát đỏa y Bát nhã ba la mật đa cố tâm vô quái ngại; vô quái ngại cố vô hữu khủng bố; viễn ly điên đảo mộng tưởng; cứu cánh niết bàn, tam thế chư Phật y Bát nhã ba la mật đa cố đắc a nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

Cố tri Bát nhã ba la mật đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhứt thiết khổ, chơn thiết bất hư.

Cố thuyết Bát nhã ba la mật đa chú, tức thuyết chú viết: Yết đế, Yết đế, Ba la Yết đế, Ba la tăng Yết đế, Bồ đề. Tát bà ha.

---o0o---

TÂM KINH BÁT NHÃ DỊCH NGHĨA

Bồ tát Quán tự tại khi hành Bát nhã ba la mật đa sâu xa soi thấy năm uẩn đều không, vượt qua mọi khổ ách.

Xá Lợi Tử! Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc; sắc tức là không, không tức là sắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng lại như vậy.

Xá Lợi Tử! Tướng không các pháp đây, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng dơ chẳng sạch, chẳng thêm chẳng bớt. Cho nên, trong không, không sắc, không thọ, tưởng, hành, thức; không mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; không sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không nhãn giới cho đến không ý thức giới; không vô minh cũng không vô minh hết; cho đến không già chết, cũng không già chết hết; không khổ, tập, diệt, đạo; không trí cũng không đắc.

Bởi không sợ đắc, Bồ tát nương Bát nhã ba la mật đà, nên tâm không mắc ngại; vì không mắc ngại nên không sợ hãi, xa lìa mộng tưởng điên đảo, rốt ráo niết bàn. Chư Phật ba đời nương Bát nhã ba la mật đà nên chứng a nậu đà la tam miệu tam bồ đề.

Nên biết Bát nhã ba la mật đà là chú thần lớn, là chú minh lớn, là chú vô thượng, là chú không gì sánh bằng, trừ hết mọi khổ ách, chắc thật vì không dối.

Nên nói chú Bát nhã ba la mật đà, nên nói chú rằng: Yết đế, Yết đế, Ba la Yết đế, Ba la tăng Yết đế, Bồ đề, Tát bà ha.

---o0o---

TÂM KINH BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐÀ CHÚ GIẢI

DẪN NHẬP

Nói đến Phật giáo Đại thừa là nói đến Bát nhã. Vì, không có Bát nhã, là không có Phật giáo Đại thừa. Bát nhã là đầu mối, là mạch nguồn từ đó các trào lưu tư tưởng Đại thừa kể cả Mật giáo dậy khởi.

Như vậy trong thực chất, Bát nhã là gì mà có một nguồn sinh lực dồi dào bất tận đến thế?

Bát nhã do Phạn ngữ Prajnà phiên âm. Tàu dịch nghĩa là Tuệ, Trí Tuệ, Không Trí. Nhưng dù dịch gì đi nữa cũng không một từ nào trong Hoa văn lột được hết ý nghĩa hàm ẩn trong phạn ngữ Prajnà. Cho nên, văn học Phật giáo Trung Hoa cuối cùng cũng phải dùng từ ngữ phiên âm Bát nhã để chỉ cho loại trí tuệ đặc biệt này, mới có thể tránh mọi ngộ nhận sai lạc cho người học.

Thông thường, cứ nói đến trí hay tuệ hay trí tuệ, người nghe lập tức liên tưởng đến trí năng, một trong ba năng lực (cảm năng, trí năng và ý chí) của con người mà các sinh vật không có, hoặc có nhưng ở một mức độ thấp kém. Trí hay trí tuệ thường được hiểu như trí khôn hay óc thông minh xán lạn, lãnh hội dễ dàng các kiến thức đã có, hoặc hội ý những kiến thức mới mà loài người sắp phát hiện ra. Cái bộ óc thông minh ấy đối với Phật giáo được mệnh danh là thế trí biện thông, bao gồm cả tốt lẫn xấu ngay trong bản chất, và tác dụng nó thì thường là lành ít dữ nhiều, bởi lẽ trí ấy gắn liền với phiền

não khổ đau, hay tệ hơn nữa, nó chính là sản phẩm của chính phiền não khổ đau.

Khác với thế trí biện thông, Bát nhã là loại trí tuệ siêu thiện ác, trí tuệ vô phân biệt đã rửa sạch phiền não. Cho nên, từ trong bản chất, nó là loại trí tuệ thanh tịnh rộng lặng, không chút bận nhơ, trong suốt như hư không, nên cũng được gọi là không trí. Do đó, nó thường xuất hiện như một thứ trí tuệ sâu xa vi diệu, mà Tâm kinh Bát nhã gọi là thâm Bát nhã, trí tuệ sâu xa. Vì tính chất nó như thế nên nó hoàn toàn tự tại trước mọi đối tượng nhận thức, trong mọi hoàn cảnh, nó không bị đối tượng hay hoàn cảnh chi phối buộc ràng. Từ đây, nó soi suốt thật thể các pháp tức các hiện tượng trên cõi đời, thấy rõ bản chất của chúng. Trí tuệ ấy tự bản chất nó được mệnh danh là Thật tướng Bát nhã. Lại cũng trí tuệ đó, trên phương diện tác dụng soi suốt các hiện tượng, thì mang tên Quán chiếu Bát nhã. Thật tướng trong suốt vắng lặng, quán chiếu cũng trong suốt rộng lặng, tuy hai mà một, tuy một mà hai. Và có trong suốt vắng lặng như thế thì mới thấy được cái thực chất nhân duyên sanh của tất cả các pháp. Vì đã do nhân duyên sanh, các pháp thấy đều không có tự thể, thấy đều giả hữu, hết thấy đều không. Không ở đây phải hiểu là không có thật thể. Thuật ngữ Phật giáo gọi cái không ấy là Thuận nhả đa, tức phiền âm chữ Ínyat, thường dịch là tánh không.

Giáo nghĩa tánh không bắt nguồn từ đâu? Vị trí nó trong giáo lý Phật như thế nào? Chính thống chăng? Bàn thống chăng? Đó là những câu hỏi cần có giải đáp thì may ra mới tạm có một khái niệm tương đối rõ ràng về Bát nhã. Chỉ khái niệm mà thôi, Còn thực chất ra sao, thì phải tu mới chứng được.

Ai có nghiên cứu Phật giáo cũng đều biết rằng tinh hoa của Pháp mà Phật dạy chỉ tụ tại một điểm và chỉ một điểm mà thôi. Đó là duyên khởi, cũng gọi là duyên sanh. Phật giáo sở dĩ khác với các thần giáo chỉ một điểm này và ở một điểm này. Và ai đã thừa nhận luật duyên khởi thì không thể nào thừa nhận một đấng tạo hóa sáng thế nữa. Người đó trên hình thức, dù có theo đạo Phật hay không theo đạo Phật, cũng đã là Phật tử trên bình diện tư tưởng rồi. Ngược lại, dù là tăng sĩ, nhưng không thông suốt duyên khởi, thì đó cũng chỉ là ngoại đạo trá hình. Nói thế, cốt để nhấn mạnh vai trò chỉ đạo, vai trò tiên quyết của luật duyên khởi trong toàn bộ giáo pháp Phật. Không có duyên khởi, không có Phật giáo, cũng như không có Bát nhã thì không có Đại thừa, như đã khẳng định ngay trong câu mở đầu.

Khi đã thừa nhận duyên khởi thì đương nhiên phải thừa nhận hai hệ luận gắn liền với duyên khởi, đó là vô ngã và vô thường. Đã là vô thường thì tác dụng

do nó gây ra là khổ. Còn vô ngã thì đương nhiên các sự kiện tự nó là không. Không, đây cần nhắc lại, là không có tự thể. Từ những cái mắt thấy tai nghe, cho đến những cái ý thức suy nghĩ, hết thấy đều không có tự thể dù chúng đang hiện hữu trước mặt. Sự hiện hữu ấy do các duyên (pratītyasamutpāda) tức các điều kiện giả hợp mà thành, không có ngã thể, dù bất cứ là ngã thể của hữu tình hay ngã thể của vô tình. Vô ngã của hữu tình thì gọi là nhân vô ngã; vô ngã của vô tình thì gọi là pháp vô ngã. Nói rõ ra, tất cả mọi sự vật trong đó gồm cả con người, đều là vô ngã. Trường phái Bát nhã triển khai lý luận về hai thứ vô ngã ấy, tức vô ngã về con người, vô ngã về sự vật, mà thành lập thuyết tánh không, chứng minh cho triết học luận lý bát bất là thành tựu bằng đạo học của phương pháp hành trì thực tế để giải quyết khổ đau.

Tính chất nhất trí và liên tục từ Phật giáo Nguyên thủy đến Phật giáo Đại thừa như thế thật quá rõ ràng, trước khi Đại thừa hưng thịnh, các trường phái A tỳ đàm chỉ chú trọng đến nhân vô ngã, và ít lưu tâm đến pháp vô ngã. Thậm chí có trường phái như nhất thiết hữu bộ chẳng hạn, lại còn chủ trương cực đoan rằng nhất thiết pháp giai hữu với cách ngôn là tam thể thật hữu, pháp thể hằng hữu. Để đối kháng với chủ trương cực đoan đó, các trường phái A tỳ đàm thuộc Đại chúng bộ đưa ra chủ trương đối nghịch và cực đoan không kém là nhất thiết pháp giai không. Bằng phương tiện triết học phân tích tinh vi, nghĩa là bằng thuần túy luận lý các trường phái sau đưa giáo nghĩa của họ đến một cái ngoạn không rung rợn thâm thẳm. Và Niết bàn theo quan điểm này là một trạng thái chết, trong đó xác thân phải biến ra tro bụi, còn ý thức và trí tuệ thì không còn một chút dấu vết lưu lại (khô thân diệt trí).

Vô ngã, nếu chỉ hiểu được theo nghĩa nhân vô ngã mà thôi, thì không sao tránh khỏi pháp chấp. Còn vô ngã, dù bao trùm cả pháp vô ngã, nếu chỉ loanh quanh trong khái niệm triết học do thuần túy lý luận tạo dựng nên, thì xa rời thực tế, trở thành khô cứng và đưa đạo Phật vào cõi chết. Nguy hiểm của triết học dù cho đó là triết học tinh vi u huyền cùng cực đi nữa, chính là ở đó.

Thừa hưởng truyền thống không cả nhân lẫn pháp của Đại chúng bộ, trường phái Bát nhã chủ trương thực hiện cái không bằng trực quán tổng hợp, nghĩa là bằng hành trì thực tế theo con đường đạo học, để tự mình trực tiếp thể nghiệm cái không ấy trong khi các pháp đương giả hữu. Cái không hiện ra qua công phu tu chứng đó gọi là đương thể tức không, nghĩa là trong khi các pháp đương hiện hữu sờ sờ trước mặt, tự thể của chúng vẫn chỉ là không. Vì

do nhân duyên giả hợp chúng không có ngã thể riêng. Sự hiện hữu của chúng chẳng qua chỉ là giả hữu mà thôi. Như vậy, cái sở quán (các pháp) vốn dĩ không, thì cái năng quán (trí) cũng phải là không, như vậy mới không bị chướng ngại và đạt tiêu đích là soi suốt thực tế các pháp. Trí ấy mệnh danh là Bát nhã (Prajnà).

Dứt khoát Bát nhã phải do tu chứng mà tự thành, không do cái học mà un đúc nên. Trong địa hạt này, cái học hoàn toàn bất lực. Cái học chỉ giới tạo ra một mớ bong bong khái niệm. Hiện thực hóa các khái niệm ấy, phải do công phu hành trì thực tế của đạo học. Bởi vì Bát nhã Ba La Mật Đa là một thứ gì sâu xa vi diệu, không dễ gì thể nhập nếu không có sự hành trì. Có thể hiểu được như thế thì mới xác định được ba chữ hành và chiếu kiến trong câu mở đầu của Tâm kinh Bát nhã.

Hành nghĩa là hành trì. Phương pháp hành trì ở đây là pháp quán Bát nhã, tức là một pháp hành thiền riêng của trường phái này, nhờ đó mà hành giả tự mình trực tiếp thấy được cái không của đương thể bị quán. Thấy được cái không ấy là quán chiếu. Quán chiếu không lìa thực tướng. Tuy hai mà một, như đã nói trên. Bên dụng bên thể. Ngay ở nơi dụng mà bắt được thể. Thể hay dụng cũng chỉ một Bát nhã mà thôi. Rõ ràng cái học từ chương không có giá trị gì ở đây cả. Cũng không có giá trị gì kể cả đến các khái niệm triết học duy lý được tạo dựng trên nền tảng luận lý học hữu danh vô thực.

Tuy nhiên, nếu phải do tu đắc mới biết có trí Bát nhã, thì những kẻ chưa tu hay không tu làm thế nào để có một khái niệm về cái trí này? Và làm sao khiến họ có được niềm tin để theo đòi hạ thủ công phu? Nhu cầu được đặt ra là phải thuyết minh trí ấy để hé cho người muốn tu biết dung mạo hình dáng của nó ra sao. Vì vậy mà phải dùng phương tiện để mô tả, đó là văn tự Bát nhã. Phạm vi của văn tự Bát nhã bao gồm toàn bộ văn học Bát nhã, từ ngôn thuyết cho đến triết học, nhằm mục đích thuyết minh giáo nghĩa này. Nhưng nói theo nghĩa hẹp thì văn tự Bát nhã chính là triết học Bát nhã. Cần nhấn mạnh lại một lần nữa rằng, triết học Bát nhã chỉ được dùng như một phương tiện để giới thiệu Bát nhã mà thôi. Nó không thể nào thay thế được quán chiếu Bát nhã. Lý thuyết không đem lại kết quả cụ thể như công phu thực tập.

Nói đến triết học Bát nhã thì phải đề cập đến cơ sở lý luận, căn cứ vào đó triết học này được xây dựng. Đó là luận lý học bát bất mệnh danh là bát bất Trung đạo.

Khác với các hệ thống luận lý thông thường đặt cơ bản trên những dữ kiện coi như thực hữu và cố định, hệ thống luận lý mới này là một loại luận lý siêu luận lý, do Long Thọ sáng tạo, nhằm thuyết minh những hiện tượng giả hữu và chuyển biến trong từng sát na, là các pháp duyên sanh như huyền. Phương pháp luận lý này chuyên môn dùng phủ định để khẳng định. Bởi lẽ văn pháp vốn là duyên sanh vô thường, không có một pháp nào đứng yên một chỗ, thì thử hỏi trong trạng huống đó, ta có thể khẳng định được gì không? Cái hiện thực của lát giây trước, không phải là cái hiện thực của lát giây sau. Dòng sông phút trước không phải là dòng sông tiếp liền theo đây. Càng không phải là dòng sông năm xưa hay dòng sông trong mười năm tới, tuy cùng mang tên một dòng sông chung. Cho nên, đúng theo sự thật, ta không thể khẳng định được gì cả. Để được gần sát với sự thật hơn, phép luận lý chơn chánh và lành mạnh buộc ta phải tìm khẳng định trong phủ định là vì thế.

Pháp luận lý phủ định này, mãi cho đến giữa thế kỷ XIX mới được các triết gia phương Tây biết đến và được họ tôn xưng là siêu biện chứng. Bát bất nghĩa là tám sự phủ định gồm bốn cặp tám điều: sanh, diệt; thường, đoạn; nhứt, dị; lai, xuất. Thật ra thì, gặp gì phủ định nấy, mới sát với lý vô thường biến chuyển của vạn pháp. Nhưng sở dĩ luận bát bất chỉ quy định có tám điều mà thôi, là vì đây là tám hiện tượng rõ ràng nhất và tiêu biểu nhất trong tiến trình chuyển biến của sự vật. Hễ phủ định cái nọ thì lại khẳng định cái kia theo hai mặt tương đối của nó. Như nói bất sinh, đồng thời phải nói đến có diệt. Nói bất sinh bất diệt tức là đồng thời phải nói là thường. Nói bất thường thì đoạn tự hiện ra. Nói bất đoạn thì nhứt tự hiện ra. Nói bất nhứt thì dị tự hiện ra. Nói bất dị thì lai tự hiện ra. Nói bất lai thì xuất tự hiện ra. Nói bất xuất thì sanh lại tự hiện ra, v.v... Vì lẽ ấy, và để được sát với sự thật không ngừng biến chuyển, đừng nên khẳng định cái gì hết. Và khi muốn khẳng định thì dùng phủ định mà diễn đạt. Thay vì khẳng định diệt thì nên nói bất sanh. Thay vì khẳng định đoạn nên nói bất thường, v.v...

Phép phủ định này được Long Thọ phát kiến, và dựng thành một cơ sở luận lý học vĩ đại để thuyết minh giáo nghĩa tánh không của trường phái Bát nhã. Có hiểu được then máy của phép luận lý này, mới hiểu được đoạn: chư pháp không tướng, bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm trong bài Tâm kinh. Sáu chữ bất ở trong đoạn này là một loạt phủ định dồn dập, nhằm mục đích khẳng định thực chất của tướng không ở nơi năm uẩn. Nói tướng không ấy bất sanh, tức nói nó tịch diệt. Nói nó bất diệt tức nói nó thường tại, v.v... Trọn cả đoạn này cho đến vô trí diệt vô đắc là chứng minh tánh không bằng luận lý triết học, để rồi đi đến chỗ dĩ vô sở đắc cố ở đoạn tiếp theo là

đưa hành giả vào đoạn thực tế hành trì. Triết học thuyết minh là gieo khái niệm để mở đường chỉ lối. Tiếp theo là công việc của đạo học phải thành tựu bằng công phu tu hành. Thực ích lợi là phần của đạo học, nhưng nếu không nhờ phần triết học soi sáng thì không biết nương tựa vào đâu để lần theo dấu vết mà hành trì. Ngược lại, nếu chỉ thuyết minh suông mà không hạ thủ công phu thì chung quy chỉ dẫm chân một chỗ mà thôi. Có lẽ là tệ hơn nữa: đi giạt lùi trên đường tu chứng.

Trên đây là những khái niệm căn bản về đạo học Bát nhã và triết học Bát nhã: đạo học thành tựu bằng phép quán chiếu; triết học xây dựng trên căn bản bát bất. Còn nguồn gốc và tiến trình tư tưởng Bát nhã thì như thế nào?

Như trên đã nói, nội dung của giáo nghĩa Bát nhã hàm ẩn ngay trong giáo nghĩa vô ngã, một trong hai hệ luận của duyên sanh do chính Đức Thế Tôn phát kiến và truyền dạy. Vô ngã của nhân (nhân không) và vô ngã của pháp (pháp không) đó chính là nội dung của không tính Bát nhã. Giáo nghĩa này đến khoảng giữa thế kỷ thứ nhất trước Tây lịch thì phát triển mạnh và kết thành đóa hoa đầu tiên là kinh Tiểu phẩm Bát nhã xuất hiện trên lá bói. Qua thế kỷ thứ I sau Tây lịch, tư tưởng Bát nhã được triển khai thêm nữa và kết tập thành Đại phẩm Bát nhã. Quan điểm lịch sử này, là căn cứ vào quá trình dịch thuật của hai bộ kinh này trong lịch sử Phật giáo Trung Quốc.

Chi lâu ca sấm lần đầu tiên dịch Tiểu phẩm thành Đạo hành Bát nhã kinh vào năm 178 sau Tây lịch. Rồi Trúc Pháp Hộ và những người khác dịch Đại phẩm thành Quang tán và Phóng quang Bát nhã, vào giữa thế kỷ III trở đi. Đến đầu thế kỷ V, La Thập dịch lại với cái tên ta thường biết là Tiểu phẩm và Đại phẩm Bát nhã. Vào đầu thế kỷ VII Huyền Tráng du hành sang Ấn Độ thu góp tất cả các kinh điển thuộc hệ thống Bát nhã về Trung Quốc dịch thành bộ Đại Bát nhã 600 quyển chia ra tứ xứ lục thập hội. Kể cả trước lẫn sau, số kinh trong hệ thống Bát nhã hiện lưu giữ trong Đại Tạng chữ Hán gồm 720 quyển.

Tư liệu và tư tưởng Bát nhã triển khai phong phú vĩ đại như thế, nhưng nếu đúc kết tinh yếu thì thu gọn lại trong một bài Tâm kinh dịch ra Hán văn chỉ có 260 chữ theo bản của Huyền Tráng. Bản này được dịch lần thứ hai. Người đầu tiên dịch kinh này là ngài La Thập. Cả hai bản dịch này tương đối nhất trí với hai nguyên bản Phạn văn ghi bằng thư pháp Tát đàn trên Lá Bối, được bảo tồn tại Pháp Long tự, Horyūji, trong thành Nara của Nhật. Thường hai bản này được gọi là Lục bản Bát nhã, ngắn gọn nhất, và được liệt kê theo thứ tự thời gian như sau:

1. Ma ha Bát nhã Ba la mật đại minh chú kinh, do ngài Tam Tạng Cưu Ma La Thập dịch đời Diêu Tần, vào khoảng năm 402 - 412 sau Tây lịch.

2. Bát nhã ba la mật đa Tâm kinh, do ngài Tam Tạng Pháp sư Huyền Tráng phụng chiếu dịch vào đời Đường, năm 649.

Ngoài hai lược bản này, kinh tạng còn có bản:

3. Phật thuyết Bát nhã ba la mật đa Tâm kinh, do Tam Tạng Pháp sư Nghĩa Tịnh dịch năm 700. Giống như bản Huyền Tráng, trừ phần chú, không dịch âm mà ghi bằng chữ Tắt đàn và sau đó, thêm một đoạn.

Ngoài ra, còn có những bản khác, dài hơn, được gọi là Quảng bản Bát nhã, như sau:

4. Phổ biến Trí tạng Bát nhã ba la mật đa Tâm kinh do Pháp Nguyệt (Dharmacandra) dịch năm 732 đời Đường.

5. Bát nhã ba la mật đa Tâm kinh, sa môn Pháp Nguyệt dịch; một bản được bảo tồn tại Thanh Long tự, Đông Tháp viện. Tuy trùng tên người dịch với bản trên, nội dung hai bản lại khác nhau.

6. Bát nhã ba la mật đa Tâm kinh, do Bát nhã (Prajñā) và Lợi Ngôn (Li yen) dịch năm 790 đời Đường.

7. Bát nhã ba la mật đa Tâm kinh, do Trí Tuệ Luân (Prajñācakra) dịch năm 850 đời Đường.

8. Bát nhã ba la mật đa Tâm kinh, do Pháp Thành dịch năm 856. Bản này vừa tìm thấy được ở Đôn Hoàng.

9. Phật thuyết Thánh Phật mẫu Bát nhã ba la mật đa Tâm kinh, do Thi Hộ (Dānapāla) dịch năm 980 đời Tống.

Ngoài các bản trên, kinh lục còn ghi các bản khác, hiện nay không còn, gọi là thất bản:

10. Ma ha Bát nhã ba la mật đa Chú kinh, do Chi Khiêm dịch năm 223. So sánh tựa bản này với bản La Thập, ta có thể đoán đây là lược bản.

11. Bát nhã ba la mật đa Na kinh, do Bồ Đề Lưu Chi (Bodhiruci) dịch năm 693.

12. Ma ha Bát nhã tùy Tâm kinh, do Từ Hiền (siksānanda) dịch năm 700 đời Đường.

13. Phạn bản Bát nhã ba la mật đa Tâm kinh, do Bất Không Kim Cương (Amoghavajra) dịch năm 720 đời Đường.

Trong Đại Tạng Kinh Trung Hoa, tôi thấy có một bản dịch ghi là của Kim Cương thượng sư, nhưng vì không đủ chứng cứ cụ thể đây là bản của Bất Không Kim Cương, nên tôi liệt bản này ở phần cuối các bản văn. Thêm vào đó, gần đây lại tìm thấy ở Đôn Hoàng thạch thất bản dịch Phạn âm của ngài Huyền Tráng; bản này đã từng được khắc vào bia đá chùa Bạch Mã, nơi ngài Huyền Tráng trụ trì và dịch kinh.

Không Hải, tức Hoằng Pháp đại sư, sáng tổ Chân Ngôn tôn ở Nhật, là người đầu tiên dịch bản Huyền Tráng sang Nhật ngữ và chú giải kinh, làm kinh nhật tụng cho chính tôn này. Từ đây, ở Trung Hoa và Nhật Bản, cũng như ở Việt Nam, bản dịch Huyền Tráng là được hâm mộ và phổ biến sâu rộng hơn hết. Cho nên, tôi đã dùng bản Huyền Tráng để dịch và chú thích. Các bản kia ta dùng để nghiên cứu hay tham khảo cho rộng thêm phần kiến văn. Bản Huyền Tráng mọi người ai cũng biết, không ai là không thuộc vì rất ngắn và rất gọn.

Từ xưa, ngài Minh Châu Hương Hải đã viết bản chú giải tiếng quốc âm xưa nhất hiện còn, mang tên Bát nhã Tâm kinh thích giải. Ngài Toàn Nhật cũng đã từng viết trong Tham thiên văn:

Chí dôi mài công phu lựa lọc

Kết tri âm giảng đọc Tâm kinh

Cốc mình thức tử tri sinh

Sá chi để lỗ rành rành đặng mưa

Hơn nữa, ai đọc tụng bản dịch của Huyền Tráng cũng thấy tinh thần sáng khoái, tâm lý an tịnh, có một sự linh cảm vô cùng đặc biệt. Chính ngay ngài Huyền Tráng khi đi Ấn Độ thỉnh kinh, dọc đường trải qua vô lượng gian khổ, gặp một vị Phạn tăng truyền cho bài Tâm kinh này. Ngài học thuộc

lòng, âm thầm tụng niệm không ngớt, nhờ sức oai linh gia bị, ngài vượt qua tất cả nguy hiểm của rừng thiêng nước độc, của yêu tinh thú dữ, để rồi cuối cùng đạt được mục đích tham học, thỉnh được kinh pháp trở về Trung Hoa, thành một nhà đại học vấn, thành tựu sự nghiệp vĩ đại hoằng pháp lợi sanh mà Đông Tây cổ kim thấy đều ngưỡng mộ. Cho nên, Tâm kinh Bát nhã này không những lý nghĩa vô cùng sâu xa mà sức cảm ứng cũng vô cùng linh nghiệm. Ai nhất tâm thành tín đọc tụng thì cũng có công đức vô lượng. Trong Nam Hải Quán Âm, ngài Chân Nguyên kể chuyện công chúa Diệu Thiện xuống địa ngục, gặp cảnh tội nhân khổ đau van xin nên

Công chúa thấy thốt thương song

Bèn chuyên Kinh Lòng động đến hoàng thiên

Bảo hoa bay khắp bốn bên

Hào quang thấu lọt dưới trên cửa thành

Thiết giả giải tích tan tành

Nhất thiết tù rạc siêu sanh một giờ

Thì cũng đủ thấy Tâm kinh mâu nhiệm thâm diệu thế nào!

BỒ TÁT BÁT NHÃ

(Thai tạng giới Mạn đà la)

Theo:

Phật giáo Đại từ điển của

Vọng Nguyệt Tín Hanh, tập 5, trang 4269c.

(Mochizuko Shinko Daijiten)

---o0o---

GIẢI THÍCH ĐỀ KINH

Tám chữ **BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH** là đề mục của kinh này. Sáu chữ trước gồm hai danh từ tiếng Phạn phiên âm là Bát nhã, tức Prajna

và ba la mật đa, tức pramitã. Tâm là tiếng Hán dịch chữ Phạn hrdaya. Kinh là tiếng Tàu dịch chữ Phạn síttra. Vậy nguyên văn Phạn ngữ của Tâm kinh là Prajnpramit hrdaya síttra.

---o0o---

BÁT NHÃ

Bát nhã (prajn), Hán dịch là tuệ, trí tuệ. Nhưng vì trong Hoa ngữ không có một từ ngữ nào tương đương với từ Bát nhã trong tiếng Phạn nên về sau người ta bắt buộc phải tạo từ mới bằng cách ghép thêm chữ không vào để tăng cường và xác định ý nghĩa của từ tuệ và trí và ta có không tuệ và không trí. Nhưng cũng vẫn chưa lột hết ý nghĩa hàm ẩn trong danh từ Bát nhã. Nghĩa gốc của Bát nhã chuyên chỉ cho loại trí tuệ đặc biệt, phát sinh từ công hạnh tu hành theo pháp quán không mà chứng đắc. Đây là loại trí tuệ thanh tịnh của chư Phật vừa rỗng lặng vừa suốt soi, nhờ đó mà quán chiếu được thật tướng của các pháp và thấy rõ các pháp là không có tự tánh. Đây không phải là loại trí tuệ thế trí biện thông. Vì thế để tránh mọi ngộ nhận vô tình hay cố ý, văn học Phật giáo Trung Quốc buộc lòng phải dùng y nguyên tiếng Phạn là Bát nhã với những chú giải kèm theo.

Trong kinh luận chia Bát nhã thành ba loại: văn tự Bát nhã, quán chiếu Bát nhã và thật tướng Bát nhã. Nương nơi văn tự ghi chép trong kinh luận hay nhân nghe diễn giảng về giáo nghĩa Bát nhã mà phát sinh trí tuệ, rồi nhờ đó mà thấu rõ nghĩa văn, không bị chướng ngại, trí tuệ ấy gọi là văn tự Bát nhã. Nó cũng được gọi là phương tiện Bát nhã, nghĩa là thứ trí tuệ do phương tiện của ngôn ngữ văn tự mà phát sanh. Tiến lên một bước nữa, do nương theo các khái niệm đã lý hội được để suy tư quán sát thật tướng các pháp, rồi bỏ tướng ngữ ngôn văn tự, trong lúc tâm hành như thế mà thật tướng các pháp tự phơi bày ra dưới sự xem xét của trí tuệ thì gọi là quán chiếu Bát nhã. Từ quán chiếu ấy, gia công hành trì quán sát đến một mức thâm sâu nhuần nhuyễn, nhuần nhuyễn đến độ nhứt cử nhứt động, bất cứ nói phô hay im lặng, đều không lìa khỏi Bát nhã. Từ cạn vào sâu, nhờ sự quán sát nhỏ nhiệm mà xả bỏ được quán sát thô phù theo kiểu người đời gọi là dùng nệm nọ trực xuất nệm kia; cứ thế tiến mãi cho đến khi rũ bỏ hết tất cả các tướng phân biệt, tâm niệm bỗng nhiên bừng sáng chói, khế hợp hòa đồng và trùm khắp tất cả, không còn ranh giới giữa bỉ thử, nhơn ngã, nội ngoại, thị phi. Pháp tánh chơn như tự hiện bày. Cái trí tuệ sáng chói ấy gọi là thật tướng Bát nhã; cũng gọi là căn bản Bát nhã. Thật tướng Bát nhã là chơn thể của Bát nhã. Quán chiếu Bát nhã là diệu dụng của Bát nhã. Trong chơn thể, nó là trí tuệ

vô phân biệt Cho nên, nó có diệu dụng quán chiếu cùng khắp. Tuy hai mà một, tuy một mà hai, vì dụng không lìa thể. Văn tự Bát nhã cũng chính là trí tuệ ấy, nhưng hiện ra trong năng lực lãnh hội những khái niệm về giáo nghĩa Bát nhã xuyên qua văn học và triết học Bát nhã. Vì vậy, văn tự Bát nhã chỉ được xem như một loại trí tuệ phương tiện giúp soi đường cho hành giả trên tiến trình tu tập quán chiếu Bát nhã, nhằm khai thông thật tướng Bát nhã để bước lên bờ bên kia: ba la mật đa.

---o0o---

BA LA MẬT ĐA

Từ ngữ này La Thập phiên âm là ba la mật và dịch nghĩa là độ (đưa qua sông, sang sông), hay đáo bỉ ngạn: đến bờ kia. Độ hay đáo bỉ ngạn đều chỉ là những dụng ngữ nói lên sự giải thoát khổ đau. Cõi sanh tử mà chúng sanh đang trôi lăn được xem như bờ bên này, thì bờ bên kia được ví với Niết bàn, ở đó, chúng sanh được thoát ra ngoài vòng sanh tử. Ngăn cách giữa hai bờ là con sông phiền não. Vượt sông phiền não tức đến Niết bàn. Vì vậy, bờ bên kia nguyên là dụ ngữ ngầm chỉ cho Niết bàn. Và phương pháp để đi đến Niết bàn (đáo bỉ ngạn) là 37 phẩm trợ đạo.

Với sự xuất hiện của Đại thừa mà mở đầu là Bát nhã, con sông ngăn cách không phải chỉ có phiền não mà thôi, nó còn là con sông mê lầm nữa. Cho nên, bờ bên kia vừa là giải thoát (niết bàn) vừa là bờ giác ngộ (bồ đề). Để đạt được đến bờ bên kia, phải tu theo sáu pháp ba la mật (hay mười pháp). Sáu ba la mật gồm có: bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ (tức Bát nhã). Hành trì bất cứ pháp nào trong sáu pháp ấy cũng đều đạt kết quả mong muốn là bước lên bờ bên kia. Nhưng nếu tu theo 37 phẩm trợ đạo hay tu theo năm pháp ba la mật trước thì tâm giải thoát (Niết bàn) đạt được trước, tuệ giác ngộ (Bồ đề) tiếp liền sau. Như vậy, với các phương pháp trên đây, bờ bên kia có nghĩa ưu tiên là bờ giải thoát. Phật giáo Đại thừa thiên trọng về quả vị giác ngộ hơn, Cho nên, ba la mật Bát nhã được xem như pháp tu đứng hàng đầu trong số sáu ba la mật. Theo Đại thừa, Niết bàn còn có nghĩa viên tịch. Tịch tức tịch diệt còn viên tức thành tựu viên mãn cả phước lẫn huệ. Nếu thành tựu được vô thượng Bồ đề thì viên mãn cả hai (phước tức và huệ tức) mà giải thoát. Như vậy, với Đại thừa, bờ bên kia có nghĩa là bờ giác ngộ. Có biết như thế thì mới hiểu được vì sao cùng theo một pháp tu Bát nhã ba la mật đa, nhưng chư Phật thì chứng đắc Vô thượng Bồ đề, còn Bồ tát thì đang trên con đường hướng đến Niết bàn, không còn vọng niệm chi phối nữa.

Tóm lại, Bát nhã ba la mật đa nghĩa là pháp tu đưa qua bờ giác ngộ ở bên kia sông mê. Nội dung của pháp tu này là quán chiếu Bát nhã.

---o0o---

TÂM

Tâm có nghĩa là trung tâm, thông thường người đời cho rằng tinh túy của sự vật nằm ngay trong lòng của nó. Với con người cũng vậy. Như trong con người, đứng về mặt sinh lý mà nói, máu huyết từ tim (tâm) phát ra, chảy khắp thân thể để nuôi các tế bào, rồi quay về tim mà phát ra trở lại. Đứng về mặt tâm lý mà nói, các hiện tượng tâm lý đều phát xuất từ tâm, rồi cũng trở về đó để phối kiểm lại. Vì tâm được hiểu như trung tâm, Cho nên, tất cả tinh hoa được xem như đổ dồn và tập trung về đó. Cho nên, trại ra nghĩa bóng, tâm được hiểu là tinh yếu, nghĩa là cái chủ yếu tinh ròng của một việc gì hay một vật gì. Tùy từng sự việc khác nhau và theo cách quan niệm chủ yếu ấy đặt ở chỗ nào thì có một danh xưng riêng để nói lên cái chủ yếu ấy cho hợp cách và sát nghĩa. Như vậy chủ yếu trong cái thân này là lõi cây. Chủ yếu về mặt đạo đức đối với người Việt Nam là cái tấm bụng; còn chủ yếu về mặt tâm lý là cái ruột non v.v... Bụng, ruột, lõi lòng v.v... hay tâm, chung quy đều chỉ nói lên cái tinh yếu của sự vật hay của con người mà thôi.

Như vậy, Bát nhã Tâm kinh là bài kinh cô đúc tất cả tinh yếu của giáo nghĩa Bát nhã. Cũng như A tỳ đạt ma Tâm luận là quyển luận cô đúc tất cả tinh yếu của giáo nghĩa A tỳ đạt ma, Tâm kinh hay Tâm luận là những danh từ thường gặp trong văn học Phật giáo, chỉ cho các bản văn toát yếu của kinh hay của luận, để người học dễ nhớ, dễ thuộc. Tức loại "giúp trí nhớ" vậy.

Ta có thể dịch Bát nhã Tâm kinh ra tiếng Việt là kinh ruột Bát nhã, kinh lõi Bát nhã hay "bài toát yếu kinh Bát nhã", hoặc đảo ngược lại cho hợp với ngữ pháp Việt Nam và gọi là Tâm kinh Bát nhã, nếu thấy các danh từ mới dịch chưa quen tai. Ngày xưa ngài Chân Nguyên và ngài Toàn Nhật đã dịch là Kinh Lòng.

---o0o---

KINH

Kinh là danh từ dịch nghĩa Phạn ngữ sūtra, phiên âm tu đa la, Tu đa la Tàu dịch là tuyến, nghĩa là sợi chỉ, hoặc xâu với nhau.

Tu đa la so với kinh trong Hoa ngữ, hình thức cấu tạo tuy không giống nhau, nhưng nội dung hai bên tương đồng. Trong Hoa ngữ, những sách ghi chép những lời của thánh nhân truyền dạy thì gọi là kinh, vì những lời đó làm tiêu chuẩn cho muôn đời sau. Khác với sách ghi chép những lời của danh nhân, chỉ được gọi là truyện. Cho nên, mới có thành ngữ thánh kinh huyền truyện. Đức Phật là thánh nhân phương Tây (của Trung Hoa, tức Ấn Độ). Vậy sách ghi chép lời Phật dạy mà dịch là kinh thì quả thật rất đúng nghĩa gốc rồi.

Ta nên biết thêm rằng lời Phật dạy gồm có hai phần: pháp (đạt ma, dharma) và giáo (tỳ nại da, vināya). Cả hai nguyên gọi là kinh hết, vì đều do Phật dạy. Nhưng về sau giải biệt thành hai tạng riêng, Cho nên, chỉ những sách ghi chép pháp mới gọi là kinh, còn những sách ghi chép giáo thì gọi là luật. Tạng ghi chép những lời chú thích biện giải của các Tổ về sau, thì được biệt lập thành một tạng riêng gọi là luận. Bài kinh này thuộc tạng kinh.

Tóm lại, "Bát nhã ba la mật đa Tâm kinh" nghĩa là: bài kinh tóm thâu yếu nghĩa tinh ròng của pháp tu quán chiếu Bát nhã đưa hành giả lên bờ giác.

"ÁN, MA NI BÁT DI, HỒNG."

---o0o---

GIẢI THÍCH NỘI DUNG

A. TỰ PHẦN

Quán tự tại bồ tát hành thâm bát nhã ba la mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thiết khổ ách.

Bồ tát Quán tự tại khi hành trì bát nhã ba la mật đa sâu xa, soi thấy năm uẩn đều không, vượt qua tất cả khổ ách.

Đoạn văn mở đầu này trực tiếp hiển thị cái thực chất vô ngã rốt ráo và trọn vẹn ở nơi mỗi chúng sanh (hay nói theo nghĩa hẹp, ở nơi mỗi con người) mà thánh trí của Bồ Tát chứng đắc khi hành trì Bát nhã ba la mật đa sâu xa, và nhờ đó giải thoát tất cả khổ ách.

Lời mở đầu này bao hàm tất cả nội dung của giáo nghĩa Bát nhã. Trọn phần chánh tôn kế tiếp về sau, chỉ làm công việc quảng diễn nội dung này về hai mặt triết học và đạo học mà thôi. Ta có thể nói rằng, nếu lời Tâm kinh Bát

nhã gồm 260 chữ này là tinh yếu của hệ thống Đại Bát nhã dày 720 quyển, thì đoạn mở đầu gồm có 25 chữ này lại thêm một lần nữa cô súc tinh yếu của bài Tâm kinh. Phần rông của giáo nghĩa Bát nhã được kết tinh trong lời mở đầu này.

---o0o---

Quán Tự Tại Bồ tát

Bồ tát là tiếng gọi tắt danh từ Bồ đề tát đỏa (phiên âm từ chữ Bodhisattva). Bồ đề dịch nghĩa là giác ngộ, tát đỏa dịch là hữu tình hay chúng sanh. Hai chữ ghép chung với nhau thành ra Bồ đề tát đỏa, có nghĩa là chúng sanh cầu đạo giác ngộ. Tàu dịch nghĩa Bồ đề tát đỏa là giác hữu tình, tức hữu tình hướng về giác ngộ, hoặc sắp được giác ngộ. Vì vậy bất cứ chúng sanh nào phát tâm bồ đề cầu đạo giác ngộ, đều gọi là Bồ tát. Tuy nhiên, từ cấp mới hướng về đến cấp sắp đạt được, khoảng cách giữa hai bên thật là mù thăm xa khơi. Trong khoảng cách ấy, có nhiều cấp bậc sai khác nhau. Từ những kẻ sơ phát tâm là hạng thập tín đến những bậc công hạnh sâu dày là hàng thập địa, có tất cả là 50 bậc.

Bồ tát Quán Tự Tại nói đây, ít nhất cũng từ bát địa (trong thập địa) trở lên. Vì chỉ sau khi trải qua địa vị bất động ở thập địa, bấy giờ mới được tự tại. Và cũng đến cấp đó mới đương nổi công việc thượng cầu hạ hóa, nghĩa là trên cầu Phật quả, dưới hóa độ chúng sanh. Quán Tự Tại là tên riêng của đức Bồ tát này. Quán có nghĩa là xem xét. Trong lúc hành thiền, hành giả lắng lòng trầm tư mặc tưởng để suy cứu đề tài tham khảo thì gọi là quán. Quán phối hợp với Chỉ, đó là thiền, chứ không chỉ khác. Trong Chỉ, đối tượng bị rị lại một vị trí bất động. Trong Quán, đối tượng di động, chuyển biến theo quá trình tự nhiên của nó. Chỉ và Quán chỉ khác nhau ở đối tượng sở quán, không khác nhau về mặt tâm hành năng quán.

Bồ tát Quán Tự Tại, là dịch nghĩa Phạm ngữ Avalokitesvara. Từ này gồm hai chữ ghép lại: Avalokita có nghĩa là quán, chiếu kiến hay nhìn khắp mọi phương; và isvara có nghĩa là vị chúa tể, vì có quyền năng hành xử mọi việc một cách tự do. Vì thế, Avalokitesvara là vị bồ tát dùng pháp quán chiếu Bát nhã để quan sát đối tượng đương thể tức không, không bị chướng ngại bởi các yếu tố giả hợp tạo nên các ảo tượng của đương thể, nên gọi là Bồ tát Quán Tự Tại. Giống như trường hợp một vị Bồ tát chuyên tu hạnh Không mong khởi tâm khinh mạn bất cứ ai, dù đó là kẻ ngu hèn thấp kém nhất

trong xã hội, đó là Bồ tát Thường Bất Khinh. Theo công hạnh riêng mà đặt tên, đó là công lệ chung trong Phật giáo Đại thừa.

Do vì công hạnh riêng mà đặt tên, Cho nên, Bồ tát Avalokitesvara còn có nghĩa là Quán thế âm, Kuan shih yin, theo truyền thống Trung Hoa, là vị Bồ tát được thờ phụng phổ biến nhất tại phương Đông, với công hạnh quan sát nghe thấy tất cả những tiếng kêu cứu của chúng sinh trên cõi ta bà này. Lời tụng "Nam mô Đại từ Đại bi cứu khổ cứu nạn Quán thế âm Bồ tát", tất cả Phật tử đều khẩn vái hằng ngày. Phẩm Phổ môn thuộc kinh Pháp hoa là dành riêng để xưng tán đức Bồ tát Quán thế âm trong công phu nhật tụng triệu mộ cho cả hai giới xuất gia và tại gia.

Các ngài Pháp Hiền (du hành những năm 399 - 413) Huyền Tráng (dh 629 - 645) và Nghĩa Tịnh (dh 671 - 695) đều có ghi lại trong các quyển Phật quốc ký, Đại Đường Tây vực ký và Nam hải ký quy nội pháp truyện nhận xét của các ngài là Bồ tát Avalokitesvara rất được tôn thờ ở tất cả mọi nơi mà dấu chân các ngài trải qua, từ Tây Tạng, Nepal, ngay cả Ấn Độ. Bắt đầu khoảng thế kỷ thứ nhất là đã được dân gian sùng bái, cho đến thế kỷ thứ bảy là thịnh hành nhất. Bây giờ Bồ tát Avalokitesvara hiện thân nam, tượng thờ đứng, một mặt hai tay; hoặc ngồi trên tòa sen một mặt hai tay hoặc sáu tay, đôi khi từ mười tay đến hai mươi tay. Biểu tượng của ngài là tràng hạt (mala) và hoa sen (padma). Mạn trà xưng tán ngài là Om, mani padme, hùm tức là An, ma ni bác di, hồng. Đến vào khoảng thế kỷ XII trở đi thì Bồ tát Avalokitesvara được sùng bái với tượng thân nữ và tôn thờ là Bồ tát Quán thế âm, tại Trung Hoa cũng như tại Việt Nam, trong lúc ấy các nước ở Trung Á thì không còn ảnh hưởng gì nữa. Từ đây, Bồ tát Quán thế âm còn có các tên khác như Tống tử Quan âm, Quan âm Diệu Thiện, hay Thiên thủ thiên nhãn Quan thế âm, Bạch y Quan âm, Tử trúc Quan âm, Quan âm quá hải, đều rất phổ biến trong dân gian.

Ở Tây Tạng, Bồ tát được gọi là sryan ras gzigs, có nghĩa là vị Bồ tát có cái nhìn từ bi mẫn độ chúng sanh. Mông Cổ gọi ngài là Nidubarujekei, vị Bồ tát có đôi mắt quán chiếu, tức là quon sim bodhisattva. Tại Nhật, ngài là Kwan non (Canon).

Gần đây, các nhà khảo cổ tìm thấy dấu vết sùng bái Bồ tát này tại Chiêm Thành, tức miền Trung Việt Nam nước ta ngày nay, từ trước thế kỷ thứ mười. Khi ấy, Bồ tát được gọi là Lokeshvara, gồm hai chữ Loka (thế gian) và isvara, tức nghĩa tương tự như Quán thế âm. Một tượng đá đức Quán thế âm

này vừa được tìm thấy ở chùa Đại Hựu, có bia ký ca tụng công đức của Bồ tát, được cho là khắc vào khoảng năm 900 về trước.

Tất cả các truyền thống đều tin rằng sở trú của Bồ tát là đỉnh núi Potala. Có nhiều địa điểm. Ngài Huyền Tráng ghi rằng đức Quán thế âm xuất hiện trên đỉnh Potala ở miền Nam Ấn. Tự viện của Đạt Lai Lạt Ma ở Lhasa cũng được gọi là Potala, vì Mật giáo Tây Tạng tin rằng Bồ tát là chúa tể của thế giới chúng ta, mà Đạt Lai là hóa thân của người. Quần đảo Châu Sơn, ngoài khơi Triết Giang, gần Ninh Ba (Ningpo), nơi đức Quán thế âm rất được sùng bái, còn được gọi là P'u t'o, tức Phổ Đà. Dân gian còn truyền tụng rằng núi Phổ Đà ở ngoài khơi Nam Hải.

Bồ tát Quán Tự Tại, do vì quán sát rằng "sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, sắc tức là không, không tức là sắc..." tất cả là hai mà chẳng phải hai, Cho nên, ngài còn là biểu tượng của Bồ tát Bất Nhị Trí tuệ Bát nhã là công đức mà ngài hành trì, Cho nên, ngài cũng là Bồ tát Bát Nhã. Và Bồ tát Bát Nhã Ba la mật đa là hiện thân siêu việt, tổng trì mọi công hạnh kể trên.

Bồ tát Bát Nhã Ba la mật đa

(theo truyền thống Tây Tạng)

Hành thâm Bát nhã Ba la mật đa thời

Khi hành Bát nhã Ba la mật đa sâu xa

Sáu chữ Bát nhã Ba la mật đa đã giảng rõ ở trên. Thâm là sâu xa, nói rằng Bát nhã Ba la mật đa là sâu xa vì diệu không dễ gì thể nhập mà đòi hỏi một quá trình hạ thủ công phu hành trì. Hành có nghĩa là hành trì, tức là tu tập và thực hành. Cần nhắc lại là trí tuệ Bát nhã không do cái học mang lại mà phải do công phu tu trì mới tựu thành, nên nói là hành. Vì vậy, do sâu xa vi diệu, Bát nhã Ba la mật đa đòi hỏi phải công phu tu hành mới tựu thành, chứ không phải một cái gì có thể tự nhiên mà có.

Chiếu kiến ngũ uẩn giai không

Soi thấy năm uẩn đều không

Soi thấy là diệu dụng của quán chiếu Bát nhã. Nói soi thấy, tức tự mình trực tiếp thấy rõ, như người uống nước, tự mình biết rõ nước ấy nóng hay lạnh, ngọt hay mặn, không qua trung gian của khái niệm hay ngữ ngôn văn tự.

Năm uẩn là năm nhóm hợp thành một chúng sanh, tức là một con người. Chữ uẩn là do ngài Huyền Tráng dịch chữ kiền độ (skandha) tiếng Phạn. Ngài La Thập trước dịch là âm với nghĩa là che phủ. Các dịch giả về trước nữa thì dịch là chúng, từ tập hợp nhiều yếu tố lại. Sản phẩm do năm chúng, tức năm uẩn giả hợp lại mà thành thì gọi là chúng sanh. Vì vậy nói cho dễ hiểu, khi nói đến tập hợp của năm uẩn tức chỉ con người; con người là sản phẩm của năm uẩn. Phật giáo trong các bộ kinh được gọi là nguyên thủy đã trình trọng xác nhận tính chất vô ngã của tập hợp năm uẩn này rồi. Riêng từng uẩn có vô ngã hay không, đó là đối tượng khảo sát của trường phái Bát nhã. Theo trường phái này, không một uẩn nào trong năm uẩn là có tự thể, không có tự thể tức là vô ngã. Tập hợp của năm uẩn là vô ngã, tức nhân không; từng uẩn một trong tập hợp ấy cũng vô ngã, tức pháp không. Cả nhân lẫn pháp đều không, đó là nội dung trong nghĩa không của Bát nhã.

Trong năm uẩn, sắc uẩn chỉ nhóm vật chất bao gồm bốn đại, tức đất nước gió lửa, tạo nên xác thân con người. Thọ uẩn chỉ nhóm cảm giác, bao gồm mọi khía cạnh sinh hoạt tâm lý hạ đẳng nơi con người. Tưởng uẩn, chỉ nhóm suy tư bao gồm mọi khía cạnh sinh hoạt tâm lý cao cấp. Hành uẩn chỉ nhóm ý chí bao gồm những sinh hoạt có tính chất bản năng và ý chí. Hành là dấu vết của nghiệp cũ đang tạo tác và điều kéo các sinh hoạt hạ đẳng và cao cấp nơi con người, đây là loại ý chí mù quáng. Chính vì vậy, nó đóng một vai trò quyết định trong suốt đời người. Thức uẩn chỉ nhóm tri giác bao gồm mọi kiến thức trong việc nhận diện sự vật bên trong và bên ngoài con người. Trong số năm uẩn vừa nêu, sắc uẩn thuộc sắc pháp, bốn uẩn kia thuộc tâm pháp. Sắc tâm hòa hợp tạo nên con người, mệnh danh là thân năm uẩn.

Trong thân ngũ uẩn ấy, các thần giáo và triết học Ấn Độ cho rằng có một thần ngã (atman) ngự trị bên trong bất di bất dịch, không chịu sự chi phối của vô thường. Nhưng Phật giáo vốn xây dựng trên lý duyên khởi, triệt để đánh ngã cái lý thuyết thần ngã ấy. Giáo lý vô ngã là câu trả lời đanh thép của thuyết có thần ngã vừa nói. Về sau, khi các trường phái A ty đàm vốn thuộc Thượng tọa bộ xuất hiện, giáo lý vô ngã tuy càng ngày càng thêm bền gốc chắc rễ, nhưng lại bị hạn cuộc trong phạm vi của lý thuyết nhân vô ngã. Đến lúc Đại thừa xuất hiện với giáo nghĩa Bát nhã, thì vô ngã mới bao trùm lên hết thảy, đó là pháp vô ngã.

Đoạn kinh trên nói tới việc năm uẩn đều không, tức đề cập đến vấn đề này đây, bởi vì vô ngã cả nhân lẫn pháp chính là nội dung của giáo nghĩa tánh không Bát nhã. Với giáo nghĩa tánh không, thuyết vô ngã như một trong hai hệ luận của duyên khởi, đã được triển khai, thuyết minh đến mức tuyệt đối cùng tột của nó. Thuyết vô ngã này không phải thuần túy là một khái niệm triết học tinh rỗng, mà còn thể hiện một thực tế sống động tựu thành nhờ pháp trực quán tổng hợp, nghĩa là bằng hành trì mà chứng đắc. Do đó, nên nói soi thấy năm uẩn đều không.

Độ nhất thiết khổ ách

Vượt qua mọi khổ ách

Khổ ách có ba loại. Khổ ách do chính thân tâm tạo ra gọi là ngũ uẩn xí thanh khổ, bao gồm sanh, già, bệnh, chết, mong cầu mà không đạt được, oán ghét mà phải gặp mặt, thương yêu mà phải chia lìa; đó là loại khổ thứ nhất. Loại khổ ách thứ hai do thiên nhiên mang lại như tai trời ách nước, bão lụt, gió mưa ... Ba là khổ ách do xã hội tạo ra như giai cấp xung đột, chế độ hà khắc, chiến tranh ... Tất cả những loại khổ ách này, nhờ hành trì Bát nhã ba la mật đa, hành giả có thể vượt qua chúng một cách dễ dàng. Vượt qua có nghĩa là không còn bị chúng chi phối, nhận chìm.

Tóm lại, đoạn tự phần này nói rằng Bồ tát Quán Tự Tại khi hành trì Bát nhã ba la mật đa sâu xa thì soi thấy năm uẩn hợp thành con người không một uẩn nào là có tự thể, nhờ đó giác ngộ tánh không và giải thoát tất cả mọi ách khổ đau. Chỉ trong một đoạn này thôi, tất cả yếu lý căn bản của Bát nhã đã được trình bày đầy đủ. Các đoạn tiếp theo chỉ để triển khai yếu lý ấy về cả hai mặt triết học và đạo học.

---o0o---

B. CHÁNH TÔN

Phần này trình bày giáo nghĩa tánh không của Bát nhã, chia làm ba đoạn:

1. Nguyên lý bất nhị giữa uẩn và không
2. Chứng minh nguyên lý ấy qua luận lý triết học, và
3. Hiện thực nguyên lý bằng hành trì thực tế về mặt đạo học.

---o0o---

I. NGUYÊN LÝ BẤT NHỊ GIỮA UẨN VÀ KHÔNG.

Xá Lợi Tử! Sắc bất dị không, không bất dị sắc; sắc tức thị không, không tức thị sắc; thọ, tưởng, hành, thức diệc phục như thị.

Xá Lợi Tử! Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc; sắc tức là không, không tức là sắc; thọ, tưởng, hành, thức cũng là như vậy.

Xá Lợi Tử còn gọi là Xá Lợi Phát, dịch nghĩa tiếng Phạn riputra là người đứng đầu trong hàng đệ tử Phật, được Đức Phật chia cho nửa ghế ngồi (bán tòa), ngài được Đức Phật gọi mà dạy bảo là điều tất nhiên.

Trong năm uẩn, sắc uẩn là nhóm vật chất, thuộc sắc pháp. Bốn uẩn còn lại là thuộc tâm pháp. Tâm pháp là hiện tượng tâm lý thường hay thay đổi, không thể sờ mó, bắt, nhìn, Cho nên, nói là không có thực thể; đó là điều có thể hiểu. Nhưng sắc pháp là hiện tượng vật chất, tự nó có chất ngại làm thể, thì sao lại bảo không thực thể được? Vì vậy đoạn kinh này phải lý giải vấn đề tại sao năm uẩn đều không tự thể.

Trước hết là nói sắc uẩn. Sắc uẩn chính là xác thân con người chứ không chi khác. Xác thân ấy, nói cho cùng, không ngoài bốn đại là đất nước gió lửa, giả hợp mà tạo thành. Khi bốn đại giả hợp thì có hiện tượng xác thân. Khi chúng chia lìa thì không tìm thấy đâu nữa. Rõ ràng xác thân là không tự thể, không thường còn, không bất biến, Cho nên, nói nó là không. Không đây chẳng phải là cái không đối lập với cái có, mà là cái đương thể tức không, tức là khi sự vật hiện dương tồn tại, cái thể của nó đã không rồi, tức là nó không có tự thể, không có cái ngã riêng của nó, nghĩa là nó vô ngã. Vì nó đương thể tức không, nên tương quan giữa các sắc uẩn và không được xác định qua hai khía cạnh: chẳng khác và tức là.

Trong câu "sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc", hai chữ chẳng khác xác minh rằng sắc và không là hai pháp riêng biệt nhưng mang tính thống nhất. Còn câu "sắc tức là không, không tức là sắc", thì hai chữ tức là khẳng định ngược lại sắc và không chung quy cũng chỉ một pháp. Như thế, tính thống nhất này xác định sự thật tuy hai mà một, tuy một mà hai, vừa nói lên được tính vô ngã vừa xác định được tính vô thường của nó. Nói cách khác, tính thống nhất ấy thể hiện được bản chất vô thường biến hành nhưng độc đáo của mỗi hiện tượng mà ngày xưa các vị Tổ thường gọi là nguyên lý bất nhị.

Bốn uẩn còn lại cũng giống như thế. Nghĩa là thọ chẳng khác không, không chẳng khác thọ; thọ tức là không, không tức là thọ. Cho đến thức chẳng khác không, không chẳng khác thức; thức tức là không, không tức là thức. Như vậy tương quan giữa uẩn và không là một tương quan chẳng khác và tức là, nghĩa là hoàn toàn xây dựng trên nguyên lý bất nhị. Do đó, không những cái tập hợp năm uẩn tức con người là vô ngã (nhân không), mà từng uẩn một trong tập hợp ấy cũng vô ngã (pháp không). Với ngã và pháp đều không, trường phái Bát nhã của Đại thừa đã triển khai thuyết vô ngã đến mức cùng tột mà hoàn thành giáo nghĩa tính không. Giáo nghĩa này mở đầu cho nhiều trào lưu tư tưởng khác tiếp nối và đẩy khởi bất tận. Vì thế mà nói rằng Bát nhã là cái bào thai đẻ ra tất cả các kinh Đại thừa.

---o0o---

II. CHỨNG MINH BẰNG LÝ LUẬN TRIẾT HỌC

Xá Lợi Tử thị chư pháp không tướng, bất sanh bất diệt, bất cấu bất tịnh, bất tăng bất giảm.

Xá Lợi Tử: Tướng không của các pháp đây chẳng sanh chẳng diệt, chẳng dơ chẳng sạch, chẳng thêm chẳng bớt.

Xuất xứ từ nguyên lý bất nhị trên, bản kinh bây giờ trình bày cho ta cái trình tự làm sao mà đạt được cái nguyên lý bất nhị đó, để thấy rằng tất cả các pháp đều không. Luận lý áp dụng cho việc trình bày ở đây là bất bất trung đạo; đây là luận lý phủ định hay còn gọi là biện chứng phủ định. Nói cái không ấy chẳng sanh chẳng diệt, tức nói bản thể nó thường tịch. Nói chẳng sạch chẳng dơ, tức nói tác dụng của nó vô phân biệt. Nói chẳng thêm chẳng bớt tức nói hiện tượng nó thường tự viên mãn. Áp dụng luận lý phủ định một cách cô đọng và ít lời đến mức đó để chứng minh cái không ở đây, trường phái Bát nhã đã khai thác nguyên lý bất nhị một cách tài tình, bởi vì nó chỉ cần nêu ra cái phủ định, thì ngay trong cái phủ định ấy hiện ra muốn khẳng định ngay liền. Sanh diệt ở đâu thì cũng chính ở đó là bất sanh diệt; bất sanh diệt ở ngay trong sanh diệt. Có sai khác là chỉ vì mê ngộ không đồng mà thôi. Vì vậy, Đại thừa đã quả quyết rằng phiền não tức bồ đề, ta bà tức tịnh độ. Phủ định phiền não thì bồ đề tự hiện ra. Phủ định ta bà tức tịnh độ xuất hiện. Bất nhị mà!

---o0o---

Bồ tát Bất Nhị

Theo: Vọng Nguyệt Tín Hanh, tập 5, tr. 4429b.

Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tưởng, hành, thức, vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, vô sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, vô nhãn giới nãi chí vô ý thức giới, vô vô minh diệt vô vô minh tận; nãi chí vô lão tử diệt vô lão tử tận; vô khổ, tập, diệt, đạo; vô trí, diệt vô đắc.

Cho nên, trong không không sắc, không thọ, tưởng, hành, thức, không mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; không sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; không nhãn giới cho đến không ý thức giới; không vô minh cũng không vô minh hết; cho đến không già chết cũng không già chết hết; không khổ, tập, diệt, đạo; không trí cũng không đắc.

Đối tượng con người, theo Phật giáo nguyên thủy phân tích và còn được ghi chép trong bốn bộ A Hàm (nhất là bộ Trung và bộ Tạp) được chia làm ba phạm trù:

- a. Thành phần hợp thành con người (năm uẩn);
- b. Các yếu tố đóng vai trò trung gian giữa con người và ngoại giới (mười hai xứ);
- c. Các khu vực hoạt động riêng rẽ trong toàn bộ sinh hoạt chung của con người (mười tám giới).

Cứu cánh mà con người phải đạt cho được là trí, vì trí có nhạy bén thì mới có giác ngộ mà chấm dứt đau khổ.

Giáo pháp đối trị được gói ghém trong pháp Tứ Diệu Đế, mà cái hồn sống động là Duyên khởi, khai triển thành lý mười hai nhân duyên (hay chín nhân duyên theo buổi nguyên thủy).

Như vậy, các chủ điểm quan trọng mà giáo pháp Phật phải khai thị gồm có:

- a. 5 uẩn, 12 xứ, 18 giới (trong phần đối tượng giải quyết);
- b. 12 nhân duyên, 4 đế (hòn và xác của giáo pháp);
- c. Trí (cứu cánh phải chứng đắc).

Tất cả sáu chủ điểm trên, đều được thuyết minh rất đầy đủ trong Tạp và Trung A Hàm.

Đôi tri tất cả sáu chủ điểm trên, trường phái Bát nhã lần lượt áp dụng luận lý phủ định lên tất cả, để thuyết minh lý vô ngã một cách triệt để.

Áp dụng luận lý phủ định trong đoạn này, những khẳng định mới được ghi nhận thêm: 5 uẩn là giả hữu, 12 xứ là giả hữu, 18 giới là giả hữu. Như vậy, cái ngã trong con người chỉ là một ảo tưởng. Để đối tri cái ngã giả hữu ấy, giáo pháp Phật dạy cũng chỉ là phương tiện giả lập mà thôi. Cho nên, nói không 12 nhân duyên và cũng không có sự chấm dứt của 12 nhân duyên. Cũng như không bốn đế. Giáo pháp giả lập là nhằm đối tri cái ngã giả hữu. Dụng giả trừ giả. Như vậy thì cái trí mà giáo pháp nhằm thắp sáng lên ở nơi cái ngã ấy cũng không nốt. Mà trí đã không thì sự chứng đắc cũng không thành, Không có thành đạo, không có chứng quả. Mà thật đúng như thế. Đúng về mặt tâm lý mà nói, ai thật sự có đắc một cái gì thì không bao giờ nghĩ rằng mình đắc. Chỉ tư tưởng ôm ấp theo đuổi là khi mình chưa có. Khi đã có rồi, thì lòng bình thản dửng dưng. Hóa ra, không đắc mới thật sự có đắc. Hơn nữa đừng về mặt lý trí mà xét, cái đắc ấy không khác chi hơn là cái mình sẵn có, nhưng vì vô minh che lấp, nay nhờ giác ngộ mà bắt gặp trở lại mà thôi.

Bây giờ, lý luận ngược chiều trở lại, ta mới thấy tất cả cái tài tình của phép luận lý phủ định. Vì không đắc nên không trí. Đã không trí thì giáo pháp thắp sáng cái gì? Và trí đã không thì 18 giới, 12 xứ và 5 uẩn thấy đều không.

12 xứ là 12 chỗ tiếp xúc giữa trong và ngoài thân, một đôi một. Mắt đôi sắc, tai đối thanh ... cho đến ý đối pháp. Như vậy, ta có 6 xứ bên trong (6 căn) và sáu xứ bên ngoài (6 trần) tiếp xúc với nhau theo từng cặp thích đáng để cho ta những cảm thọ. Trong các kinh A Hàm chỉ có sáu xứ thôi và được gọi là lục xúc nhập xứ. Đây là thuyết đầu tiên triển khai sáu trần sau làm thành 12 xứ.

18 giới là 18 khu vực riêng rẽ, gồm có 6 khu vực như 6 căn, 6 khu vực như 6 trần và 6 khu vực như 6 thức. Không khu vực nào xen lẫn với khu vực nào, Cho nên, gọi là giới. Giới có nghĩa là có một giới hạn riêng biệt với nhau.

12 nhân duyên là 12 khâu làm nhân cho nhau và vin vào nhau (duyên) mà tạo thành dây chuyền sanh tử tiếp nối không bao giờ ngừng. Nói nhân là nói chiều dọc, tiếp nối dòng thời gian. Nói duyên là nói chiều ngang, vin vào nhau trong không gian. Vì vậy, lý duyên sanh giàn trải cả hai chiều không

gian và thời gian, và phải hiểu trong tinh thần ấy mới đúng cách. 12 nhân duyên gồm có:

A. Nhân quá khứ: 1 vô minh; 2 hành;

B. Quả hiện tại: 3 thức; 4 danh sắc; 5 lục nhập; 6 xúc; 7 thọ;

C. Nhân hiện tại: 8 ái; 9 thủ; 10 hữu;

D. Quả vị lai: 11 sanh; 12 lão tử.

12 nhân duyên là không, Cho nên, cũng không có sự chấm dứt của 12 nhân duyên. Vì vậy mà nói: không vô minh, cũng không vô minh hết, là thế.

Tứ đế là bốn sự thật căn bản: khổ, tập, diệt, đạo. Khổ bao gồm tất cả khổ đau về tinh thần và thể xác. Tập là nguyên nhân gây ra khổ đau, mà đầu mối là tham, sân, si. Diệt là chấm dứt khổ đau, tiêu diệt nguyên nhân khổ đau. Đạo là con đường, là phương pháp hành trì thực tế đưa đến chấm dứt khổ đau. Khổ và tập là hai nhân quả thuộc thế gian. Diệt và đạo là nhân quả xuất thế gian. Cặp nào cũng quả trước nhân sau, vì giáo pháp Phật xây dựng trên kinh nghiệm thực tế, chứ không phải trên khái niệm triết học.

Bồ tát Bát nhã Ba la mật

Theo: Vọng Nguyệt Tín Hạnh, tập 5, tr. 4268a.

---o0o---

III. HIỆN THỰC BẰNG HÀNH TRÌ THỰC TẾ

Dĩ vô sở đắc cố, Bồ đề tát đỏa y Bát nhã Ba la mật đa cố, tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng cứu cánh niết bàn. Tam thế chư Phật y bát nhã ba la mật đa cố, đắc a nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

Bởi không sở đắc, Bồ tát nương Bát nhã ba la mật đa nên tâm không mắc ngại, vì không mắc ngại mà không sợ hãi, xa lìa mộng tưởng điên đảo, rốt ráo niết bàn. Chư Phật ba đời nương Bát nhã ba la mật đa nên chứng A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

Câu bởi không sở đắc, xưa nay các nhà chú giải thường dựa vào nội dung của bản văn để ngắt vào đoạn sau. Nhưng gần đây có một vài nhà luận giải cho rằng nó phải thuộc đoạn trước. Điều này gây ra nhiều phân vân. Tra với nguyên bản, thì lược bản Phạm văn do ngài Huyền Tráng phiên âm có câu: đa sa mỗi na bát ra tỉ để đạt phạ, tức tương đương Phạm văn: tásmãd apraptitvena (vì vậy, do vô đắc). Và quảng bản của kinh cũng thế. Theo văn pháp, câu dĩ vô sở đắc có phải gắn liền với đoạn sau. Do thế, cách giải thích xưa nay về câu ấy như một câu "thừa thượng tiếp hạ" không phải là không có lý do và đã được các bản Phạm văn chứng thực là đúng đắn.

Bồ đề tát đỏa là một phiên âm tiếng Phạn chữ Bodhisattva, ta thường gọi là Bồ tát. Hành giả tu theo Đại thừa, sở dĩ được gọi là Bồ tát và xứng hợp với danh xưng này, là bởi kiên trì sáu phép ba la mật, trong đó tối thắng nhất là phép tu quán chiếu Bát nhã. Nhờ kiên trì thực hành phép quán này cho tới trình độ vô sở đắc thì tâm không còn gì quái ngại.

Quái là bị nhốt vào lồng, mất hết tự do như chim trong lưới, như cá trong nơm. Ngại là bị ngăn trở từ khắp mọi phía, trên dưới trong ngoài, tả hữu, trước sau. Cả hai chữ đều có nghĩa là bị ngăn trở. Đầu mối của sự ngăn trở này là cái mạn nghi (nghi cái), Cho nên, mắc ngại đây là mắc nghi ngại. Vì mạn nghi chụp lên đầu, không cựa quậy được, như cá chậu chim lồng, nên lòng luôn luôn sợ hãi. Mà lòng đã sợ hãi thì vọng niệm dậy khởi liên miên như trong giấc mơ, lấy giả làm chân, lấy quấy làm phải, điên đảo đảo điên, không biết đâu là bờ bến. Do đó, trên bước đường tu hành, có ba cái mốc lớn để kiểm chứng xem công phu hành trì có thực sự kết quả hay không. Một là đã giải tỏa mạn nghi chưa? Hai là đã được vô úy chưa? Ba là vọng niệm còn dậy khởi không? Nếu mốc đầu chưa lọt qua, thì chắc chắn đang còn dẫm chân tại chỗ, chưa nhích được bước nào kể từ khi khởi tu.

Bồ tát nhờ hành trì quán chiếu Bát nhã, soi thấy năm uẩn đều không, Do đó, không có gì chướng ngại nên được tự tại thoát ngoài vòng nghi mà bấy lâu giam hãm mình vào trong. Sau khi giải tỏa mạn nghi rồi, mới giải tỏa được sự sợ hãi, thành tựu vô úy. Đạt được vô úy rồi thì không còn bị chi phối nữa. Tâm thanh tịnh dần để mà thấy rõ sự thật, vọng niệm tan biến. Con ác mộng đảo điên điên đảo của cuộc sống được giải tỏa. Từ đây không còn gì vương bận. Hành giả thông dong tiến thẳng đến Niết Bàn (giải thoát), để rồi cuối cùng bắt gặp cái mà chư Phật đã chứng ngộ: Bồ đề (giác ngộ).

Trên đây là tiến trình tu hành của Bồ tát qua ba giai đoạn lớn, đánh dấu bởi ba trụ mốc. Nếu không đạt được một trụ mốc nào trong ba trụ mốc ấy để

kiểm chứng trên thực tế, thì mỗi ngôn từ chỉ là hý lộng ngoa ngôn, dù cho đó là ngôn từ của văn tự Bát nhã. Đó là chưa kể trường hợp càng sử dụng ngôn từ bát nhã thiện xảo bao nhiêu thì lại mang tội lừa người dối mình bấy nhiêu, nếu không đạt được kiểm chứng bằng kết quả hành trì cụ thể.

A nậu đa la tam miệu tam bồ đề là từ ngữ phiên âm tiếng Phạn anuttara samyaksambodhi. A nậu đa la (anuttara), có nghĩa là vô thượng (không gì cao hơn). Tam miệu (samyak) có nghĩa chánh đẳng (bình đẳng chơn chánh) hay biến (cùng khắp). Tam bồ đề (sambodhi) có nghĩa chánh giác. Vô thượng chánh đẳng chánh giác, tức là giác ngộ chơn chánh tuyệt đối, bình đẳng, không còn giác ngộ nào cao hơn. Còn vô thượng biến chánh giác thì nghĩa là giác ngộ chơn chánh cùng khắp không còn giác ngộ nào cao hơn. Chánh đẳng và biến, nghĩa gần tương đồng, vì đã tuyệt đối bình đẳng thì dàn trải ra cùng khắp mọi địa hạt. Để có một ý niệm rõ ràng về quả vị này, ta thử đem so sánh với những quả vị mà ngoại đạo và tam thừa đạt được để biết hơn kém thấp cao. Trừ phàm phu mê lầm, không nói đến, ngoại đạo có giác nhưng không có chánh. Nhị thừa có chánh giác nhưng không cùng khắp. Bồ tát có chánh giác cùng khắp nhưng không vô thượng. Chỉ Phật mới có giác ngộ gồm đủ ba khía cạnh nói trên. Cùng từ ngữ này có chỗ dịch là vô thượng chánh biến tri, vô thượng chánh đẳng giác, hoặc dịch gọn là vô thượng bồ đề.

Bồ tát trên tiến trình tu hành, nhờ nương vào quán chiếu Bát nhã mà được tự tại giải thoát (rót ráo hướng đến Niết bàn) để rồi bắt gặp quả vị tối cao của chư Phật là quả vị vô thượng chánh đẳng chánh giác. Và chư Phật sở dĩ thành Phật cũng do một pháp quán ấy mà thôi. Một bên đã thành, một bên sắp thành. Cả hai cùng do một nhân tu như nhau, cùng một hạnh tu như nhau.

Đến đây là thuyết minh xong giáo nghĩa tánh không của Bát nhã.

---o0o---

C. LƯU THÔNG

Phàm là một văn phạm tuyệt hảo, bao giờ cũng có đủ ba phần: nhập, thân và kết. Nếu tự phần là phần nhập trong đó vấn đề đã được đặt ra rõ ràng chính xác, thì chánh tôn là phần thân, trong đó vấn đề được triển khai và quảng diễn một cách viên mãn. Đến đây, phần lưu thông là phần kết với hai nhiệm vụ, vừa gói vừa mở. Gói tức là tóm tắt các ý chính nổi bật nhất của đề tài

vừa thuyết minh. Mở là khai thông đề tài, hướng nó đến một chân trời bát ngát bao la hơn, gây cho người đọc niềm hy vọng.

Phần lưu thông của kinh này có đủ hai nhiệm vụ vừa nói. Nó có đoạn một, tóm tắt nội dung bằng cách tán thán công đức to lớn của phép tu quán chiếu Bát nhã; và đoạn hai, trình bày diệu dụng của thần chú Đà la ni trong Mật giáo.

---o0o---

I. TÁN THÁN CÔNG ĐỨC CỦA BÁT NHÃ.

Cô tri Bát nhã ba la mật đa, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhứt thiết khổ, chơn thiệt bất hư.

Nên biết Bát nhã ba la mật đa là thần chú lớn, là chú minh lớn, là chú vô thượng, là chú không chi sánh bằng, trừ được tất cả khổ ách, chắc thật không dối.

Chú là dịch chữ mạn trà (mantra) trong tiếng Phạn. Theo nghĩa hẹp, mạn trà là những lời cầu đảo, nghĩa rất bí hiểm khi đọc lên, có tác dụng biến hóa ra các hiện tượng thiên nhiên, cả lành lẫn dữ. Theo nghĩa rộng, và đích thực của nó, mạn trà là cái gây cho ta suy nghĩ, có công năng nắm giữ tóm thâu mọi nghĩa lý, làm tiền đề cho việc tham khảo của ta, từ đó, để ra mọi công đức, mọi diệu dụng. Trong nghĩa này, mạn trà thuộc một trong bốn thứ đà la ni, tức: pháp đà la ni, nghĩa đà la ni, nhân đà la ni và chú đà la ni. Chữ chú trong bài kinh này thuộc loại chú đà la ni.

Đại thần chú nghĩa là chú thần lớn, tức có thần lực vĩ đại, có thể chuyển dời, thay đổi mọi việc. Phép tu quán chiếu Bát nhã khêu sáng trí tuệ, Do đó, mà sinh tử trở thành Niết bàn, phiền não chuyển thành Bồ đề, nên nói là đại thần chú. Thần chú trí tuệ ấy chiếu phá vô minh, trừ dứt phiền não nên nói là đại minh chú, nghĩa là chú cực kỳ sáng chói, tức chú minh lớn. Cũng nhờ trí tuệ ấy mà chúng được vô thượng Niết bàn nên nói là chú vô thượng, nghĩa là chú không có gì cao hơn nữa. Lại cũng nhờ trí tuệ ấy mà chúng được vô thượng bồ đề, nên nói là chú vô đẳng đẳng, nghĩa là chú sánh với cái không gì sánh kịp.

Vì phép tu quán chiếu Bát nhã có công đức to lớn như thế, so với công đức của Đà la ni hai bên ngang nhau, vì thế nên đức Phật đã tán thán và tôn xưng

phép tu ấy như là thần chú. Và vì có công đức như thế, Cho nên, trừ được tất cả thống khổ ách nạn. Cũng vì công đức ấy là công đức quả có trên hiện thực Cho nên, khẳng định lại một lần nữa rằng nó là chân thật, vì chẳng phải là dối gạt.

---o0o---

II. DIỆU DỤNG CỦA BÁT NHÃ

Cổ thuyết Bát nhã Ba la mật đa chú, tức thuyết chú viết: Yết đế, Yết đế, Ba la yết đế, Ba la tăng yết đế, Bồ đề, Tát bà ha.

Nên nói chú Bát nhã Ba la mật đa. Nên nói chú rằng: Yết đế, Yết đế, Ba la yết đế, Ba la tăng yết đế, Bồ đề, Tát bà ha.

Phép quán chiếu Bát nhã có công đức sánh ngang với công đức của chú đà la ni, tức nhiên diệu dụng của phép tu này cũng không thể nghĩ bàn được, Cho nên, thực hành lời chú. Tức thuyết chú viết, nghĩa đen là liền nói chú rằng. Nhưng để diễn đạt cái diệu dụng linh ứng không thể nghĩ bàn ấy, tưởng nên dịch câu ấy là: chú liền ứng rằng thì mới lộ hết ý sâu xa tàng ẩn trong đoạn này, có hô thì lập tức có ứng. Và có như thế mới gọi là linh, là huyền diệu.

Chú vốn là mật ngữ (lời bí mật). Đã là bí mật, làm sao cắt nghĩa? Tuy nhiên, dựa vào sự cấu tạo, có thể suy đoán một cách thô sơ nghĩa của một số chữ. Chẳng hạn như với câu chú này, nghĩa của nó không đến nỗi khó khăn lắm.

Yết đế, Tàu dịch nghĩa là độ, chữ Phạn vốn đọc là gate, có nghĩa đi qua, vượt qua. Yết đế lặp lại hai lần có nghĩa là độ cho mình và độ cho người. Ba la yết đế, do chữ pragate, có nghĩa là đi qua bờ bên kia. Ba la tăng yết đế, là do phiên âm chữ prasamgate, nghĩa là đi qua bờ bên kia hoàn toàn. Bồ đề là giác ngộ. Tát bà ha do phiên âm chữ svaha có nghĩa là Ngài khéo nói. Như vậy, ý nghĩa của toàn bài chú có thể tạm dịch như sau:

Qua đi, qua đi, qua bờ bên kia đi, hoàn toàn qua bờ bên kia đi, thì có bồ đề. Ngài khéo nói như vậy.

Tạm dịch nghĩa đen của bài chú như trên, nhưng công hiệu của chú hoàn toàn không phải ở nghĩa hay lý. Vì thế, hiểu nghĩa hay lý đối với chú không ích lợi gì cả. Điều cốt yếu khi tụng chú, là phải thành tâm. Càng thành tâm thì càng nhiều linh nghiệm, bởi vì công dụng hàng đầu của việc trì chú là diệt niệm. Vọng niệm có diệt được thì thân tâm mới khinh an. Do đó, mới có

cảm ứng linh nghiệm bất khả tư nghị. Riêng về chú Bát nhã trên đây, diệu dụng cứu cánh là đưa ta mau lên bờ giác.

"Yết đế, Yết đế, Ba la Yết đế, Ba la tăng Yết đế, Bồ đề. Tát bà ha"

Bồ tát Quán Thế Âm

Theo: Vọng Nguyệt Tín Hanh, tập 1, tr. 802b.

---o0o---

TÂM KINH BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA

VĂN BẢN

DẪN NHẬP

Nguyên bản xưa nhất của Tâm Kinh là bản Phạn văn ghi bằng thủ pháp Tất Đàn (Siddham) trên lá bói. Hiện nay, ta có một lược bản Tất Đàn được bảo tồn tại Trường Cốc tự (Hasedera) và một lược bản Tất Đàn khác tại Pháp Long tự (Hòryūji) của Nhật Bản (Để tiện định danh, bản trước ta gọi là lược bản Tất Đàn 1 và bản sau ta gọi là lược bản Tất Đàn 2). Truyền thuyết cho rằng Tổ Bồ đề Đạt Ma mang cả hai bản này đến Trung Hoa, rồi từ đó được truyền sang Nhật. Nhưng gần đây, các học giả phương Tây kiểm chứng lại, ghi rằng lược bản Tất Đàn 2, tồn trữ Pháp Long tự từ năm 609 đến nay, là được phiên dịch từ bản Hán văn của Huyền Tráng chứ không phải nguyên bản Phạn ngữ như trước đây đã lầm tưởng. Pháp Long tự (Hòryūji) được Thánh Đức thái tử (Shotoku Taishi), vị quốc vương hộ pháp đầu tiên của Nhật, trị vì những năm 593 - 622, xuống chiếu kiến lập chùa này vào khoảng đầu thế kỷ thứ VII, mục đích là để tồn bái lược bản Tất Đàn 2 này. Nhưng như thế, thì các học giả đã phạm phải lỗi lầm về thời gian tính, vì bản dịch của Huyền Tráng là vào năm 649, sau bản Tất Đàn 2 này. Pháp Long tự hiện nay được xem là ngôi chùa gỗ cổ kính nhất của Nhật Bản.

F. Max Muller là người đầu tiên tập thành và dịch cả hai, lược bản và quảng bản theo thư pháp Devanagari, ra Anh văn năm 1894, in trong Sacred Books of the East, tập 49, phần 2, trang 147 - 154. Trước đó đã có học giả Nanjo Bujū là người đầu tiên khám phá ra hai bản Tất Đàn nói trên, nhưng ông chỉ tập thành, mà không phiên dịch ra Anh văn, đăng trong Anecdota

Oxoniensia, t.1, tháng 3 (1884). Ngoài ra, còn có H. L. Feer chỉ tập thành và chú giải quảng bản, in trong *L'Essence de la Science transcendante en langues, Tibetain, Sanscrit, Mongol* (Paris, 1886). Sau đó, Bác sĩ D.T. Suzuki lại dịch lược bản và đăng trong quyển 3 của *Essays in Zen Buddhism*.

Nhưng phải đợi đến Edward Conze với những công trình nghiên cứu công phu về Bát nhã và các kinh điển và triết học thuộc bộ phái này, Tâm kinh mới được chú ý đến và từ đó có thêm rất nhiều học giả lớp trẻ để tâm phê giải và trùng dịch theo ý của họ. Edward Conze cũng là người đã tập thành hai bản kinh này bằng thư pháp Devanagari mới được ông tìm thấy ở Bắc Ấn. Lại còn có giáo sư H. W. Bailey khám phá được một quảng bản của kinh bằng tiếng Vu Điền, được cho là bắt đầu xuất hiện vào khoảng thế kỷ thứ 8, và là phiên dịch từ quảng bản Hán Văn, thủ bản Vu Điền này hiện được bảo tồn trong Fonds Pelliot Collection của Thư viện Quốc gia Pháp. Cùng vào khoảng thế kỷ này, các bản tiếng Tây Tạng xuất hiện, tất cả có 7 bản. Người dịch đầu tiên là Vimalamitra nhưng E. Conze có ý kiến rằng là bản dịch lần hai của Prasastrasena là chính xác nhất. Ngoài ra, Đại Tạng kinh Mông Cổ (Mongolian Kanjur) cũng có một bản, in trong *Bí Mật Kinh*, t.12, tr. 44a 45b. Điều đáng chú ý là kinh này không có trong Kinh tạng Pali. Gần đây, học giả R. Exell dùng lược bản Phạn văn Devanagari phiên dịch ra Pali, đăng trong *The Wisdom gone beyond*, do hội Social Science Association Press của Thái Lan phát hành, trang 6.

Theo truyền thống Hoa văn thì bản dịch sớm nhất là của Chi Khiêm, năm 223, nhưng đã thất lạc. Bản dịch sớm nhất hiện tồn là lược bản của ngài La Thập dịch năm 402 đời nhà Tần. Sau đó hơn hai trăm năm, ngài Huyền Tráng mới trùng dịch vào năm 649. Bản này được khắc vào bia đồng trước cổng chùa Bạch Mã nơi Huyền Tráng trụ trì và dịch thuật kinh điển, hiện còn. Ngoài ra, còn có ngài Nghĩa Tịnh dịch lược bản, đại khái như bản Huyền Tráng, duy phần chú thì dùng thư pháp Tất Đàn chứ không dịch âm. Cả ba lược bản này tương đối giống nhau, duy bản Huyền Tráng lưu loát hơn cả, nên rất được phổ biến.

Quảng bản kinh được Pháp Nguyệt dịch năm 732, rồi đến Bát Nhã và Lợi Ngôn tái dịch năm 790. Cho đến Thi Hộ đời nhà Tống dịch lần chót là có tất cả 7 bản, nếu ta kể cả bản của Pháp Thành đời Đường vừa tìm thấy ở Đôn Hoàng. Chi tiết các văn bản được ghi ở các trang 11 và 13.

Sau đây, tôi sắp xếp các văn bản ra thành hệ thống một cách hợp lý tương đối như sau:

1. Bản Tất Đàn: lược bản 1 và 2,
2. Bản Devanagari: lược và quảng,
3. Bản Tây Tang: quảng,
4. Bản Tất Đàn phiên âm La Tinh: theo L. Hurvitz và R. Bucknell,
5. Bản Devanagari phiên âm La Tinh: lược và quảng,
6. Bản Tây Tang phiên âm La Tinh: quảng,
7. Bản Vu Điền phiên âm La Tinh: quảng,
8. Bản Pali: lược,
9. Bản Mông Cổ,
10. Bản Mãn Châu,
11. Bản Tất Đàn phiên âm Hoa ngữ: lược và quảng,
12. Lược bản La Thập.
13. Lược bản Huyền Tráng,
14. Quảng bản Bát Nhã và Lợi Ngôn,
15. Quảng bản Pháp Nguyệt (2 bản),
16. Lược bản Nghĩa Tịnh,
17. Quảng bản Trí Tuệ Luân,
18. Quảng bản Pháp Thành,
19. Quảng bản Thi Hộ,
20. Quảng bản Kim Cương.

Bản của Kim Cương thượng sư này, tôi nghi là thất bản Kim Cương Bất Không, nhưng chưa có chứng cứ cụ thể nên chưa đoan chắc, Do đó, mà liệt bản này cuối cùng. Bản này cùng bản Pháp Thành và quảng bản Phạm âm của Huyền Tráng được rút ra từ Trung Hoa Đại Tạng Kinh. Các bản khác từ số 12 đến số 19 được rút ra từ Nhật bản Đại Tạng Kinh, Nihon Daizokyo, tập 20, tr.1 11. Sở dĩ tôi không dùng Đại Chánh tân tu Đại Tạng Kinh, tức Taisho shinshu Daizokyo, là vì bộ trên có ghi chú cách đọc theo Nhật ngữ, Cho nên, tiện lợi cho các học giả biết Nhật văn.

Tiếp theo đó là:

21. Bản chú giải của ngài Minh Châu Hương Hải, bằng tiếng quốc âm của nước ta. Sau cùng là:

22. Bản Nhật ngữ,

23. Bản Anh ngữ,

24. Bản Pháp ngữ.

Riêng về bản dịch Anh ngữ, hiện nay có rất nhiều bản dịch, mỗi bản đều có một vài khuyết điểm, hoặc không sát nghĩa, hoặc dài dòng lủng củng. Do đó, tôi tổng hợp các bản dịch của Suzuki và Garma Chang, bỏ đi đoạn thừa, thêm vào chỗ thiếu, để tạo thành một bản Anh dịch tạm gọi là đầy đủ và sát nghĩa nhất làm dịch bản cho bản của ngài Huyền Tráng.

Khi so sánh lược bản Devanagari và bản dịch của ngài Huyền Tráng (cũng như bản La Thập), ta thấy có một vài khác biệt như sau: Bản Devanagari không có câu: "Độ nhất thiết khổ ách". Bản Devanagari lại có thêm "Tức không tức sắc" trước hai câu "sắc bất dị không..."; ngoài ra, còn có câu "diệc vô vô đắc" sau phần "vô trí (diệc) vô đắc" của Huyền Tráng. Một điều đáng chú ý là lược bản Tát Đàn lại rất giống với bản của Huyền Tráng, tức có những phần thừa thiếu như trên, Cho nên, một số học giả gần đây giả thiết rằng lược bản Tát Đàn này là phiên dịch từ bản của Huyền Tráng ra, chứ không phải là nguyên bản Phạm ngữ như Max Muller và Nanjo Bujiu đã lầm tưởng.

Tôi rất tiếc là không có bản dịch tiếng Pháp trực tiếp từ Phạm ngữ, mà phải dùng bản của Herbert vốn dịch lại từ bản dịch của Suzuki. Tam sao thất bản. Lại cũng không có bản Đức ngữ, mặc dầu có một số học giả người Đức rất có công nghiên cứu văn học Bát nhã (Trong lần tái bản này, nhờ các Phật tử

tại Tây Đức, chúng tôi có được bản dịch Tâm kinh sang Đức ngữ mà các Phật tử người Đức thường tụng. Điều đáng tiếc là chúng tôi không rõ dịch giả của bản này). Mong rằng các thiện tri thức chú ý đến các khuyết điểm này để bổ túc thêm cho.

Bồ tát Quán Tự Tại

(Theo truyền thống Tây Tạng)

Chemesig (Sanskrit: Avalokiteshvara). In this form, having one face and four arms, he personifies the Buddha's Great Compassion. All deities are manifest in his changes. His mantras is OM MANI PADME HUM.

---o0o---

LƯỢC BẢN TẮT ĐÀN 1

(Đọc từ trên xuống, trái qua phải)

BẢN TẮT ĐÀN 2

LƯỢC BẢN DEVANAGARI

QUẢNG BẢN DEVANAGARI

QUẢNG BẢN TÂY TẠNG

(Đọc từ trái sang phải, theo hàng ngang)

LƯỢC BẢN TẮT ĐÀN 1 & 2

Đôi chiếu

LƯỢC BẢN TẮT ĐÀN

LƯỢC BẢN DEVANAGARI

BẢN TÂY TẠNG

BẢN VU ĐIỀN

BẢN PÀLI

BẢN MÔNG CỔ

BẢN ÂM TIẾNG MÃN CHÂU DỊCH

ĐỜI KHANG HY, KHOẢNG NĂM 1723

LƯỢC BẢN PHẠN ÂM

QUẢNG BẢN PHẠN ÂM

(Bản Đôn Hoàng)

LƯỢC BẢN LA THẬP

LƯỢC BẢN HUYỀN TRANG

QUẢNG BẢN BÁT NHÃ VÀ LỢI NGÔN

QUẢNG BẢN PHÁP NGUYỆT 1

QUẢNG BẢN PHÁP NGUYỆT 2

LƯỢC BẢN NGHĨA TỊNH

QUẢNG BẢN TRÍ TUỆ LUẬN

QUẢNG BẢN PHÁP THÀNH

(Bản Đôn Hoàng)

QUẢNG BẢN THỊ HỘ

QUẢNG BẢN KIM CƯƠNG

BẢN QUỐC ÂM MINH CHÂU HƯƠNG HẢI

BẢN NHẬT VĂN

BẢN ANH VĂN

BẢN PHÁP VĂN

BẢN ĐỨC VĂN

THƯ TỊCH TÂM KINH

---o0o---

CHÚ THÍCH

BÁT NHÃ: Đến Trường An năm 782. Một trong những vị thầy của Không Hải, tức Hoằng Pháp đại sư, sáng tổ Chân Ngôn tôn của Nhật.

BÁT KHÔNG KIM CƯƠNG (Amoghavajra, 705 - 774): Đệ tử của Kim Cương Trí (Vajrabodhi), sáng tổ Chân Ngôn tôn Trung Hoa. Bát Không Kim Cương là đệ nhị tổ, quốc sư của Đường Huyền Tông (713 - 755), Túc Tông (756 - 762) và Đại Tông (763 - 779), đưa Chân Ngôn tôn đến mức cực thịnh. Có truyền pháp cho Không Hải. Tuy bản dịch Tâm kinh của Bát Không đã mất, nhưng trong Đại Tạng còn ghi một số kinh nói về Bồ tát Quán Tự Tại, do Bát Không dịch. Xem Đại Tạng tập 20, tr.1 (ĐTK 1030), tr.19 (ĐTK 1037), tr.32 (ĐTK 1041), tr.33 (ĐTK 1042), tr.203 (ĐTK 1085), tr.206 (ĐTK 1086) và tập 21, tr.292 (ĐTK 1264). Được truy tặng Đại Biện Chánh Quảng Trí Tam Tạng.

ĐẠO HÀNH BÁT NHÃ (Astasahasrikaprajna-paramita) được Chi Lô Ca Sám (Lokakshema) dịch lần đầu tiên vào năm 178. Cưu Ma La Thập (Kumarajiva) dịch lần thứ năm và Huyền Tráng dịch lần thứ bảy. Edward Conze đã dịch kinh này sang Anh văn.

HUYỀN TRÁNG (600 - 664): nhà du hành danh tiếng nhất trong lịch sử Phật giáo Trung Hoa.

KHÔNG HẢI (774 - 835), tức Hoằng Pháp đại sư. Đệ tử Huệ Quả (746 - 805), đệ tam tổ Chân Ngôn tôn. Được cả Bát Không là đệ nhị tổ truyền pháp. Sau này là sáng tổ Chân Ngôn tôn của Nhật. Không Hải có chú giải Tâm kinh, trong Hoằng Pháp đại sư toàn tập (Kòbò daishi zenshu), tập I tr. 554-562. Bản dịch Anh văn của Hakeda Yoshio, Secret key to the Heart Sūtra, trong Major works. Columbia U.P., 1972, tr. 262 275.

NGHĨA TỊNH (635 - 713): nhà du hành nổi danh không kém Huyền Tráng. Đệ tử Subhakarasiṃha và Vajrabodhi tức Kim Cương Trí, thầy của Bát Không.

PHÁP LONG TỰ, Hòryuji, trong thành Nara, Nhật. Kiến lập dưới triều đại Thánh Đức Thái tử, Shōtoku taishi (593 - 622) để làm kỷ niệm công đức hộ pháp của vị nhiếp chánh vương này, và cũng để tàng trữ lược bản Tâm kinh vừa được truyền vào Nhật, năm 609.

PHÁP NGUYỆT: Dưới triều Đường Huyền Tông, Phật giáo lại lâm Pháp nạn. Phần lớn các tăng sĩ phải hoàn tục hoặc lánh nạn các nơi. Chỉ riêng Pháp Nguyệt là được trở về Ấn Độ, năm 741 và thị tịch tại đó. Đến năm 765 mới được truy tặng là Đại Hồng Giáo Tam Tang.

PHÁP THÀNH. Không rõ tiểu sử, nhưng chắc chắn là một học giả lớn của đạo Phật đời Đường, chuyên về Du già. Xem ĐTK 2801 và 2802, tr. 804 947, tập 51, ĐTK 2090, tr. 996; và ĐTK 2782, tr. 543.

PHÁP TẠNG (643 - 712), đệ tam tổ Hoa Nghiêm tôn. Viết Bát Nhã ba la mật đa Tâm kinh lược số năm (ĐTK 1712). Triết lý Hoa Nghiêm chịu ảnh hưởng rất lớn nguyên lý Bát Nhã ba la mật đa về Tâm Không (sūnyatā), mà căn bản là Tâm kinh. Bản số giải này được dịch ra Anh văn hai lần: Chang, Garma The Buddhist teaching of totality the philosophy of Hwa Yen Buddhism. tr. 197 - 206. Cook, Francis, Fa tsang's brief commentary on the Prajnaparamita hridaya sutra. In trong Mahāyāna Buddhist meditation, theory & practice, ed. By Minoru Kiyota. Univ. P. of Hawaii, 1978. tr. 167 206.

TẮT ĐÀN: Thư pháp Tắt Đàn (siddha) phát triển từ lối chữ Phạn (Brahmin style) cổ xưa. Viết từ phải sang trái. Thư pháp được sử dụng ở miền Bắc Ấn vào đầu thế kỷ thứ nhất, và ở Nam Ấn khoảng thế kỷ IV-V) Từ Bắc Ấn, thư pháp này biến dạng theo lối gupta (gypta style) và truyền vào Trung Hoa và Nhật Bản. Lối Nam Ấn được truyền vào Kucha và Khotan. Đến thế kỷ thứ XI, thư pháp Devanagari mới xuất hiện.

TRƯỜNG CỐC TỰ Hasedera, trên Cao Dã Sơn, thuộc Chân Ngôn tôn, Nhật.

Về cuộc đời và sự nghiệp của các thiền sư Việt Nam:

CHÂN NGUYÊN THIỀN SƯ

MINH CHÂU HƯƠNG HẢI THIỀN SƯ

TOÀN NHẬT THIỀN SƯ, xem:

Lê Mạnh Thát, Chân Nguyên thiền sư toàn tập, Vạn Hạnh, 1979 (2 quyển).

Lê Mạnh Thát, Thơ văn thiền sư Minh Châu Hương Hải, sắp xuất bản.

Lê Mạnh Thát, Toàn Nhật thiền sư toàn tập, Vạn Hạnh, 1979 (2 quyển).

TÂM KINH TỪ ĐIỂN

---o0o---

ĐỨC QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT

Ai cũng biết Phật giáo xây dựng học thuyết trên căn bản trí huệ bát nhã. Vì vậy, quan niệm giải thoát của Phật giáo là thuần túy tư tưởng và cứu cánh giải thoát của Phật giáo chỉ có thể đạt được nhờ sự sáng suốt vô biên của Trí Huệ.

Có trí huệ là có tất cả. Không trí huệ là vĩnh kiếp bị đọa lạc. Không trí huệ, không một quyền năng nào giải thoát được khổ đau. Giải thoát không do quyền lực bên ngoài đem lại mà phải sở cậy vào tự lực un đức đạo đức và phát triển lý trí bên trong.

Là vì bóng tối mê mờ do tự tâm ngu si tác động, thêu dệt. Cho nên, giải thoát, theo quan niệm Phật giáo, tức là giải thoát khỏi cái bóng tối ngu si mê mờ kia.

Trong cuộc tranh chấp với bóng tối, duy chỉ có ánh sáng mới đóng được vai trò quyết định. Cũng thế, muốn giải thoát con người khỏi bóng tối ngu si, nếu không có trí huệ thì không một quyền năng nào có thể tiêu trừ nổi. Những lực lượng nào ở bên ngoài giúp con người phát sanh được trí huệ là những trợ duyên tốt và lành. Ngược lại, tức là những trợ duyên xấu và ác.

Như bắc và dầu hay như dây điện và máy điện giúp cây đèn, bóng đèn phát sinh ánh sáng. Không ai không nhận rằng các trợ duyên kia là không tốt không lành. Muốn thắp cây đèn trí tuệ trong mỗi người, hẳn cũng phải nhờ một số trợ duyên thích nghi. Trợ duyên đây tức là những phương pháp tu luyện vậy. Nhờ phương pháp tu luyện đúng đắn mà thắp được cây đèn trí huệ. Cây đèn trí huệ một khi đã thắp lên được tức là đạt được chơn giải thoát.

Vì vậy, Phật giáo lấy việc phát triển tư duy, xây dựng trí giác chơn thật làm trọng tâm tu chứng.

Con đường giải thoát từ khi khởi công cho đến lúc hoàn tất tuy chỉ có một, nhưng kế hoạch thực hiện phải trải qua hai giai đoạn: giai đoạn khởi phát để mở đường và giai đoạn un đúc để hoàn tất. Giai đoạn đầu nhằm mục đích tìm sào huyệt của mê lầm để khai thông lý trí. Giai đoạn sau nhằm mục đích khắc phục mê lầm tận gốc để thể hiện lý trí, đưa lý trí trực nhập chơn trí.

Vì vậy, cùng trên một con đường là con đường giải thoát Phật giáo có một lúc hai bộ mặt: bộ mặt triết học ở giai đoạn đầu và bộ mặt tôn giáo ở giai đoạn sau. Hoặ như giáo sư Richard A. Gard trong một bài diễn thuyết trình bày về "Lối sống theo đạo Phật" đã nói đại khái như sau:

"Chính vì phải giác ngộ cả hai phương diện nhận thức (trí huệ) và siêu hình (thực tại tuyệt đối bất khả tư nghì) mà các vị bồ tát tự hạ mình, đưa mình từ cảnh giới trí huệ siêu phàm xuống cõi thế gian rồi ren ràng buộc và thiếu kém này, ngay nơi giải thoát của các ngài, để giải thoát những chúng sanh đang bị trầm luân. Khi hướng thượng, sự tiến lên của các ngài có tính cách triết lý bao nhiêu thì lúc hạ hóa, sự lùi xuống của các ngài có tính cách tôn giáo bấy nhiêu. Các ngài tự nguyện xuống trần là chỉ vì muốn san sẻ cái kiến thức sáng suốt và đời sống giác ngộ của mình với tất cả chúng sanh đau khổ. Sự nhập thế của các ngài là Trí Huệ biểu thị bằng Trung đạo."

Bồ tát khi đạt được đại trí huệ, tức cũng là đạt được đại từ bi. Vì trí huệ và từ bi là hai diệu tánh của một chơn tâm (hay Phật tánh) nên không thể chỉ thành tựu diệu tánh nọ mà không thành tựu diệu tánh kia, hay ngược lại. Do đó, hễ có thành Phật tức là độ sanh; hễ có độ sanh tức là thành Phật.

Thành Phật tức là hoàn thành hai đức Bi Trí đến mức viên mãn cùng tột. Trên con đường viên mãn hóa hai đức bi trí, các đức bồ tát hòa mình với chúng sanh và tùy theo từng cơ duyên mà hóa độ. Vì vậy, có ngài lấy Hạnh làm phương sở y cứ, như đức Phổ Hiền; có ngài lấy Nguyện làm phương châm soi sáng, như đức Địa Tạng; có ngài lấy Dũng làm động cơ thúc đẩy, như đức Thế Chí; có ngài lấy Trí làm yếu chỉ thực hiện như đức Văn Thù v.v... Nhưng dù là Đại hạnh, đại nguyện, đại lực, hay đại trí, đức nào trong bốn đức ấy cũng phải đặt căn bản trên đức Đại Bi.

Đại Bi là nòng cốt, đại Bi là lẽ sống, đại Bi là sự nghiệp của người tu hành. Không có Bi tâm thì không một hạnh nguyện nào đạt được kết quả hoàn mãn.

Chính vì thế mà trong các đức Bồ tát, đức Đại bi Quán thế âm có nhiều oai quyền thần lực hơn hết và có nhiều nhân duyên cơ cảm hơn hết đối với loài hữu tình trong thế giới chúng ta.

Kinh dạy rằng "Chúng sanh do nghiệp mà sanh, Bồ tát do nguyện mà hiện". Nguyện lực vĩ đại của các đức Bồ tát trong mười phương, trải qua nhiều đời nhiều kiếp tu hành, un đúc hai đức bi trí đến lúc gần viên mãn nên không còn bị nghiệp lực chi phối diu kéo. Nghiệp lực đã dứt nên Trí huệ của các ngài bùng sáng chói lọi. Với bi tâm và trí huệ un đúc tu luyện qua hằng sa kiếp, các ngài có đủ tự tại chèo thuyền từ qua bể khổ mà thị hiện độ sanh khắp nơi. Các việc hạ hóa ấy không có gì là thần bí. Đó chỉ là hành động tự do của những người tự do, biết sử dụng lý trí của mình một cách hợp lý mà thôi vậy. Việc làm hợp lý ấy là làm điều thiện mà lý trí tự do bảo phải làm. Không lúng túng, không mâu thuẫn, như lý trí của những kẻ nô dịch, làm điều ác mà lý trí mình không muốn.

Có lý trí mà không có tự do, chung quy chỉ tại thiếu từ bi mà ra cả.

Thần lực và Trí lực tự tại của đức Đại bi Quán thế âm thường được hình dung bằng một pho tượng có ngàn tay, ngàn mắt. Ngàn tay ngàn mắt ở đây chỉ để hiển cái dụng tướng vô biên của chơn thể đại bi và đại trí qua muôn ngàn hóa thân của Ngài mà thôi. Một thể đại bi và đại trí ấy uyển chuyển tùy nguyện phát khởi nhiều ứng dụng sai khác trong nhiều hóa thân sai khác, lẽ dĩ nhiên không thể dùng hình tướng thông thường mà hội được hết ý nghĩa đại bi và đại trí, vì ý nghĩa ấy quá sức vi diệu và bất khả tư nghì.

Nói thế, không có nghĩa rằng tuyệt nhiên không có phương pháp nào giúp ta ức đạt những gì cao siêu rộng lớn, hầu mong hiểu được trong muôn một, cái trí huệ vô biên và cái từ bi vô thượng của các đấng Giải Thoát để noi theo và học tập. Phương pháp vốn sẵn có và pháp môn vốn vô lượng. Nhưng vấn đề tiên quyết là con người đã nhầm chán với cái trí điêu ngoa, tay sai của dục vọng chưa?

Phật dạy: "Khổ hải vô biên, hồi đầu thị nạn" (Bể khổ tuy mênh mông nhưng quay đầu là thấy bờ). Biết quay đầu tức là đã có ý thức chống đối lại dục vọng. Có ý thức ấy tức là đã nhiếp được căn bản trí rồi vậy. Đó là dấu hiệu của bi tâm đã dậy khởi. Bi tâm đã móng, lo gì cứu cánh giải thoát không thành!

Một phen biết hồi đầu, việc lý giải để liễu ngộ vốn có sẵn trước mắt.

Trước khi đi sâu vào để tìm hiểu thế nào là nhị trí, tam trí, tứ trí, nhứt thế trí, đạo chủng trí, nhứt thế chủng trí, như lượng trí, như lý trí, hậu đắc trí, căn bản trí v.v... và v.v... để lý giải đến chỗ triệt để, chúng ta hãy bắt đầu từ năm lượng, một phương tiện lý giải nhập môn.

---o0o---

ĐỨC QUÁN THẾ ÂM HIỆN THÂN CỦA BI TRÍ

A. SỰ TÍCH VÀ NHƠN ĐỊA

Muốn tìm hiểu lịch sử đức Quán thế âm, ta hãy ngược dòng thời gian, hướng về một đời quá khứ cách đây vô lượng kiếp ...

Cách đây vô lượng kiếp về trước, Ngài là con vua Vô Tránh Niệm, tên là Bất Huyền Thái tử. Buổi bấy giờ có đức Bảo Tạng Như lai ra đời hóa độ chúng sanh.

Giáo lý của Đức Bảo Tạng cao siêu huyền diệu, vì vậy ảnh hưởng của Ngài lan truyền cùng khắp, khiến cho Vua Vô Tránh Niệm vô cùng cảm phục. Vua liền sắm đủ mọi thứ lễ vật quý giá, đem cúng dường Phật và chúng tăng trong ba tháng, đồng thời vua cũng khuyên nhủ hết thảy vương tử, đại thần noi theo gương vua để cầu phước báo.

Bất Huyền Thái tử vâng lệnh vua cha, đem mọi thứ trân bảo, mọi thức mỹ vị, hết lòng thành kính dâng cúng Phật và chúng Tăng suốt trong ba tháng, không hôm nào trễ nải, không món gì thiếu thốn.

Trong đám đại thần có một vị tên là Bảo Hải, phụ thân của đức Phật Bảo Tạng, khuyên thái tử rằng:

"Điện hạ đã sẵn lòng thành kính cúng dường Phật và chúng Tăng, xin Điện hạ hãy đem công đức ấy hướng về quả Vô thượng bồ đề chứ không nên bắt chước cầu phước báo nhỏ mọn ở cõi trời làm gì. Được phước báo cõi trời, tuy Điện hạ có được một căn thân đẹp đẽ, một thọ mạng lâu nghìn năm, một sức thần thông quảng đại, dù cuộc đời Điện hạ ở đây có vui sướng đến đâu, song các sự vui sướng ấy có một ngày sẽ chấm dứt, vì phước báo ấy là phước báo hữu lậu nằm trong vòng sanh tử luân hồi và chịu luật vô thường chi phối. Như vậy, Điện hạ sẽ không bao giờ được tiêu điều tự tại. Với Điện hạ, chỉ có một loại phước báo đáng cầu, ấy là phước báo vô lậu khiến lìa

khỏi sanh tử luân hồi. Loại phước báo này không bao giờ bị hư diệt, tồn tại đời đời kiếp kiếp và đem lại an vui vĩnh cửu vô tận. Vì các lẽ ấy, Điện hạ nên hồi hướng công đức về chánh quả Vô thượng bồ đề".

Nghe lời quan Đại thần, Thái tử liền đến trước Phật bạch rằng:

"Trước Phật và chúng Tăng, con xin nguyện đem tất cả công đức đã cúng dường Tam bảo và đem bao nhiêu thiện căn con đã trồng được, thầy đều xin hồi hướng về quả Vô thượng chánh giác.

"Con nguyện rằng trong lúc con tu hành hạnh bồ tát, nếu có chúng sanh nào bị tai nạn nguy khốn không thể tự thoát được và không biết nương tựa vào đâu, hễ niệm đến danh hiệu con thì con phải có đủ sức hiện đến cứu độ ra khỏi tai nạn. Nếu không được như lời nguyện đó, con thề không thành Phật.

"Kính bạch Đức Thế Tôn! Con nay xin vì tất cả chúng sanh phát lòng đại nguyện làm các hạnh tự giác tự lợi, nguyện sau khi phụ vương con là Vô Tránh Niệm trải hàng hà sa kiếp tu hành, được thành Phật hiệu là A di đà Như lai ở thế giới Cực lạc như lời Thế Tôn đã thọ ký, con sẽ làm thị giả phụ tá Ngài cho đến khi Chánh pháp gần diệt; nếu diệt hôm trước thì ngay hôm sau con chứng đạo Bồ đề.

"Con xin Đức Thế Tôn từ bi thọ ký cho con như vậy. Con cũng đem hết tâm thành cầu xin các đức Phật hiện tiền ở hàng hà sa số thế giới trong khắp mười phương đều thọ ký cho con như vậy."

Đức Bảo Tạng Như lai liền thọ ký cho Thái tử và dạy rằng:

"Vì người quán sát chúng sanh trong thế giới thấy đều vì tội báo mà chịu đau khổ nên phát sanh bi tâm; người lại nguyện quán sát được tiếng đau thương kia để đến cứu độ nên nay ta đặt hiệu cho người là Quán thế âm.

"Trong khi tu hành hạnh bồ tát, người sẽ giáo hóa cả vô lượng chúng sanh được thoát khỏi mọi khổ não và làm đủ mọi Phật sự.

"Sau khi đức A di đà nhập diệt rồi, cõi Cực lạc sẽ đổi là "Nhất thế trần bảo sở thành tựu" càng thêm tốt đẹp hơn trước bội phần.

"Đến chừng đó, đang lúc ban đêm, chỉ trong giây phút, hiện ra đủ các thứ trang nghiêm, người sẽ ngồi trên tòa Kim cang dưới gốc Bồ đề mà chứng quả Chánh giác hiệu là "Biến xuất như thể quang minh công đức san vương

Như lai", sống lâu đến chín mươi sáu ức na do tha kiếp, phước tròn hạnh đủ, đạo pháp cao siêu, thần thông rộng lớn, được mọi người tôn quý. Khi người nhập diệt thì Chánh pháp của người còn lưu truyền lại sáu mươi ba ức kiếp nữa."

Thái tử nghe Phật thọ ký rồi thì vô cùng hoan hỷ và bạch Phật rằng:

"Kính bạch Đức Thế Tôn! Nếu lời nguyện của con được hoàn toàn viên mãn thì đối với con còn có gì vui sướng hơn nữa. Nay con xin Ngài làm thế nào để Chư Phật trong khắp các thế giới đều thọ ký cho con như thế, khiến cho tất cả các thế giới đều vang lên tiếng âm nhạc mà ai nghe cũng thấy đều được thân tâm thanh tịnh, xa lìa mọi sự dục vọng trên đời".

Thái tử bạch rồi liền cúi đầu lễ Phật.

Bấy giờ các thế giới tự nhiên rung chuyển, phát ra các tiếng nhạc hòa nhã ai nghe cũng đều sinh lòng hoan hỷ và dục vọng tiêu tan. Tiếp theo đó các đức Phật trong mười phương thế giới đều đồng thanh thọ ký cho đức Quán thế âm rằng:

"Trong thời kiếp Thiện trụ, ở cõi Tán đề lam thế giới, gặp thời kỳ đức Bảo Tạng Như lai ra đời cứu độ chúng sanh, có con vua Vô Tránh Niệm tên là Bát Huyền thái tử phát tâm cúng dường Phật và Bồ tát trong ba tháng; do công đức ấy nên hằng hà sa số kiếp về sau sẽ được thành Phật hiệu là Biến Xuất Nhứt Thế Công Đức San Vương Như Lai, ở thế giới Trân Bảo Sở Thành tự".

Nghe chư Phật thọ ký xong, thái tử vô cùng hoan hỷ. Từ đó, trái không biết bao nhiêu kiếp về sau, Ngài luôn luôn cố công tu tập cầu đạo Bồ đề, hằng giữ bản nguyện không bao giờ quên cái niệm Đại bi Đại nguyện kia.

---o0o---

B. HẠNH NGUYỆN ĐẠI BI CỦA ĐỨC BỒ TÁT QUÁN THẾ ÂM

Trong kinh Pháp Hoa mà phẩm Phổ Môn được trích lục và phiên dịch ra quốc văn sau đây, Đức Phật Thích ca nói cho hàng tứ chúng nghe về hạnh nguyện đức Bồ tát Quán thế âm như sau:

"Quán thế âm nghĩa là quán sát các âm thanh giữa thế gian mà hiểu suốt hết thấy nổi thống khổ của chúng sanh. Nếu có chúng sanh nào trong lúc lâm

nạn, thiết tha kêu cầu vị Bồ tát này, tức thời Ngài quán được tiếng kêu cầu kia mà đến cứu độ". Động cơ thúc đẩy khiến có sự linh cảm giữa một bên "hồ" và một bên "ứng" như thế là lòng đại bi rộng lớn của Ngài. Vì vậy, Ngài thường được tôn xưng là đức Bồ tát Đại bi Linh cảm ứng Quán thế âm.

Bồ tát là tiếng nói tắt của danh từ Bồ đề tát đỏa (boddisatva), Tàu dịch là Giác hữu tình. Bồ tát là bậc tu hành hạnh lợi tha cứu độ các loài hữu tình. Nghĩa của danh từ "giác hữu tình" là nghĩa đứng về khía cạnh công hạnh mà nói. Nếu đứng về khía cạnh trí giác, Bồ tát là những bậc đã đạt được trình độ trí tuệ rất cao siêu, duy chỉ chưa viên mãn bằng Phật mà thôi. Đến địa vị thập địa, Bồ tát đã đoạn được vô minh căn bản, chỉ còn một phần nhỏ vi tế sở tri ngu, tức vô minh vi tế, là đương trong thời kỳ gạn lọc. Đến địa vị diệu giác thì đoạn sạch vi tế tối sơ vô minh và chứng quả Vô thượng bồ đề để thành bậc Chánh biến giác Phật đà.

Như trên là định nghĩa chung các danh từ bồ tát và sự sai khác giữa đại bồ tát và Phật. Nhưng riêng về các vị cổ Phật như đức Địa Tạng hay đức Quán âm nói đây, Bồ tát tức là Phật. Sở dĩ các ngài ấy mang danh từ bồ tát là chỉ vì hạnh nguyện riêng: Các đức đại bồ tát ấy nguyện trọn đời mãn kiếp làm công hạnh bồ tát để hóa độ chúng sanh, chẳng hạn như đức Địa Tạng có lời đại nguyện rằng: "Địa ngục chưa trống không, thề chẳng thành Phật".

Đại bi nghĩa là lòng xót thương bao la rộng lớn. Theo định nghĩa chung: "Bi năng bạt khổ", bi có công năng tiêu trừ các khổ não. Hạnh nguyện của đức Quán thế âm là cứu độ hết thảy chúng sanh thoát ly ra khỏi tai ách khổ nạn: lòng thương xót của ngài rộng lớn bao la như thế nên gọi là đại bi.

Linh cảm ứng nghĩa là tác dụng giao cảm hết sức thiêng liêng của lòng đại bi. Chúng sanh đau thương rên siết kêu cầu; tiếng rên siết ấy cảm ngay đến lòng đại bi của đức Quán âm rồi lập tức có sự ứng đáp lại một cách vô cùng linh nghiệm.

Quán thế âm nghĩa là quán xét âm thanh của thế gian mà đến cứu độ, như đã giải thích ở trên. Cái diệu trí quán sát âm thanh kia đã được tóm tắt trong câu kệ:

"Sức diệu trí Quán Âm

Cứu đời thoát ly khổ"

Diệu trí nói đây tức là loại đại trí phương tiện khởi được diệu dụng lợi tha, sau khi đã chứng được hậu đắc trí. Diệu trí cũng tức là diệu dụng của căn bản trí, chứ không chi khác hơn. Vì có đủ đại trí này, nên mới có thần lực cứu khổ cho thế gian.

Giải thích danh hiệu đức Quán thế âm như trên đây, tức là đứng về phương diện "dụng" mà nói. Trong diệu dụng ấy lại có phân tách ra làm hai: Quán và Âm.

Quán là dụng của Trí. Âm là dụng của Bi.

Như trong phẩm Phổ môn dạy, đức Quán thế âm dùng diệu trí quán chơn tánh nên biết thân mình và thân chúng sanh, hết thấy đều bình đẳng không hai, hết thấy đều do một thể đại bi chung mà có sanh khởi. Quán ấy gọi là chơn quán.

Dùng diệu trí quán các tịnh pháp, biết các tịnh pháp bản lai chẳng khi nào tương ưng với nhiễm pháp và luôn luôn xa lìa cả hai chương do ngã và ngã sở gây nên. Quán ấy gọi là thanh tịnh quán.

Đã có diệu trí tất nhiên tự tâm thanh tịnh. Dùng tự tâm thanh tịnh quán hai pháp tục đế (chân lý tương đối) và chơn đế (chân lý tuyệt đối), nhất nhất đều thấu suốt, rốt ráo, không thiếu sót một tơ hào nào. Nên gọi quán ấy là quảng đại trí huệ quán.

Diệu trí của Ngài lại còn quán biết được chúng sanh và Phật đồng thể, duy chỉ có khác nhau là tại chỗ chúng sanh bị nghiệp hoặc thao túng nên sinh ra điên đảo và phải chịu đau khổ. Vì thấy chúng sanh đau khổ một cách oan uổng như thế nên bi tâm dậy khởi khiến Ngài hằng thường nghĩ đến việc cứu độ. Quán ấy gọi là Bi quán.

Đức Quán Âm lấy bi nguyện cứu khổ làm hạnh tu duy nhất nên thường tưởng nghĩ đến các phương tiện ban vui cho chúng sanh. Tưởng nghĩ đến việc ban vui tròn đầy để thực hiện việc cứu khổ. Quán ấy gọi là Từ quán.

Năm ánh sáng quán chiếu của diệu trí "quán âm" hằng thường ở trong thể tịch tịnh vắng lặng, tức là thường tịch. Tuy thường tịch mà vẫn thường soi sáng hết thấy các chôn tối tăm nên ánh sáng quán chiếu của diệu trí kia lại cũng thường chiếu. Nhờ thường tịch và thường chiếu nên ánh sáng quán chiếu của diệu trí Quán Âm không lúc nào không có tác dụng trừ tai ách do

bóng tối ngu si gây nên. Vì vậy, chúng sanh nên thường chiêm ngưỡng để nhiếp tâm và nên phát nguyện thường thời thực hành.

Năm thanh âm Từ Bi của đức Đại Bi Quán Âm chúng sanh nên thường trì niệm để huân tập hạt giống từ bi, khiến cho hạt giống ấy thể hội dần dần nơi tự tâm. Trì niệm nghĩa là xưng niệm danh hiệu ở nơi miệng và ức niệm công đức trong tự tâm. Đó là phương pháp niệm Quán Âm chơn chánh vậy.

Nói riêng về phần cảm ứng, đức Quán thế âm trong khi thực hành đại nguyện độ sanh, có đủ oai lực giải thoát bảy nạn lớn bên ngoài là các nạn: thủy ách, hỏa tai, gió bão, gươm đao, ác quỷ, lao tù, giặc cướp và tiêu trừ ba độc bên trong là: tham lam, sân nhuế, ngu si.

Đại nguyện độ sanh của Ngài còn nhằm thỏa mãn hai điều mong cầu: cầu sanh con trai và cầu sanh con gái, thấy đều đầy đủ phước đức trí huệ.

Trong sự nghiệp độ sanh thiên sai vạn biệt, Ngài sử dụng nhiều phương tiện, hóa hiện nhiều thân, qua lại đạo khắp các phương sở. Vì vậy trong kinh có câu: "Ngài đạo khắp ta bà, Ngài nói pháp cho chúng sanh, Ngài sử dụng nhiều phương tiện". Phương tiện Ngài dùng nhiều không thể kể xiết. Song trong vô số phương tiện đại thiện xảo có ba mươi hai ứng thân và mười chín cách thuyết pháp. Kinh điển mệnh danh các phương tiện ấy là: "tam thập nhị ứng" và "thập cửu chủng thuyết pháp".

Lược tóm lại là oai lực của Ngài nổi bật nhất trong việc giải cứu bảy nạn, tiêu trừ ba độc, thỏa mãn hai câu mong, ứng hóa ba mươi hai thân tướng và sử dụng mười chín lối thuyết pháp. Cố nhiên đó chỉ là nêu các điểm chính yếu trong công việc hóa độ của Ngài. Sự thật thế nguyện của Ngài còn bao gồm nhiều khía cạnh khác nữa.

Mục đích duy nhất của Ngài: cứu độ chúng sanh bằng bất cứ phương tiện nào. Động cơ duy nhất của việc cứu độ: Một thể bi tâm tròn đầy rộng lớn.

Sau phẩm Phổ môn, chúng tôi xin cung lục một số sự tích nói về hóa thân của Ngài để tin đồ, tùy từng căn cơ và hoàn cảnh riêng mà "thường nguyện thường chiêm ngưỡng".

NAM MÔ ĐẠI BI QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT.

Nam mô Bốn sư Thích ca Mâu ni Phật (ba lần).

Chánh pháp cao siêu lý nhiệm mầu,
Trăm ngàn vạn kiếp dễ tìm đâu!
Phước duyên nay gặp xin trì tụng
Nguyện tỏ Như Lai nghĩa lý sâu.
Bể cả triều dâng tiếng Phổ môn,
Chín tầng sen ngát hiện đồng chơn
Cam lồ giọt nước lành dương rải
Nhuần thấm sơn hà cảnh sắc xuân.
Nam mô Đại bi Quán thế âm Bồ tát (ba lần).

---o0o---

KINH DIỆU PHÁP LIÊN HOA PHẨM PHỔ MÔN QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT

(DỊCH NGHĨA)

1. Bảy giờ Bồ tát Vô Tận Ý liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa áo bày vai bên hữu, chấp tay hướng Phật bạch rằng:

"Bạch đức Thế Tôn! Bồ tát Quán Thế Âm, do nhân duyên gì gọi là Quán thế âm?"

Phật bảo Bồ tát Vô Tận Ý: "Này Thiện nam tử! Nếu có vô lượng muôn ức chúng sanh đương chịu các khổ não, nghe danh hiệu Bồ tát Quán thế âm, thiết tha xưng niệm, tức thời Bồ tát Quán thế âm quán triệt âm thanh kia, đều được giải thoát."

"Nếu có người trì niệm danh hiệu Bồ tát Quán thế âm, giá như lâm vào lửa lớn, lửa chẳng đốt đặng vì nhờ oai thần Bồ tát này che chở vậy; hoặc bị dòng nước cuốn trôi, xưng danh hiệu ngài liền gặp chỗ cạn."

"Nếu có trăm ngàn muôn ức chúng sanh ra khơi tìm các vật báu: trân châu, vàng bạc, lưu ly, xa cừ, san hô, hổ phách, chơi voi ngoài biển cả; giả sử gió dữ thổi bạt ghe thuyền, lênh đênh trôi dạt, tấp vào nước quỷ La sát; trong

đoàn lâm nạn, nếu được một người biết xưng niệm danh hiệu Bồ tát Quán thế âm, trọn đoàn thầy đều giải thoát nạn quỷ La sát. Vì nhân duyên kia nên gọi là Quán thế âm."

2. Nếu lại có người, sắp phải bị hại vì nạn gậy đao, xưng danh hiệu Bồ tát Quán thế âm, đao gậy người cầm liền gãy từng đoạn mà đặng giải thoát.

Nếu trong tam thiên đại thiên quốc độ, quỷ Dạ xoa cùng quỷ La sát, đoàn lũ kéo về, muốn gây não hại, nghe xưng danh hiệu Bồ tát Quán thế âm, các quỷ kia không còn dùng được mắt dữ ngó người hưởng là gieo hại.

Lại giả sử có người, hoặc có tội hoặc không tội, gông cùm xiềng xích trói buộc vào thân, niệm danh hiệu Bồ tát Quán thế âm gông xiềng thầy đều hư rã, liền đặng giải thoát.

Nếu trong tam thiên đại thiên quốc độ, giặc cướp hoành hành, đầy đồng chật lộ, có người thương chủ dẫn đoàn con buôn mang nhiều của báu vượt qua đường hiểm, bị cướp chặn đường; trong đoàn lâm nạn nếu được một người cất tiếng hô to: "Này các thiện nam tử, chớ nên kinh hãi, xin hãy nhứt tâm xưng danh Quán thế âm, Bồ tát này hay đem pháp lực vô úy ban cho chúng sanh, ai mà kêu cầu sẽ đặng thoát nạn"., đoàn buôn nghe lời đồng loạt xưng danh "Nam mô Quán thế âm Bồ tát", nhờ xưng danh hiệu ấy, đều đặng giải thoát.

Này Vô Tận Ý! Đại Bồ tát Quán thế âm có sức oai thần cao vời như thế.

3. Nếu có chúng sanh nặng nghiệp dâm dục, thường cung kính niệm Bồ tát Quán thế âm, lần lần sẽ đặng ly dục; hoặc nặng nghiệp sân nhuế, thường cung kính niệm Bồ tát Quán thế âm lần lần sẽ đặng ly sân; hoặc nặng nghiệp ngu si, thường cung kính niệm Bồ tát Quán thế âm, lần lần sẽ đặng ly si.

Này Vô Tận Ý! Bồ tát Quán thế âm có đại oai thần lực lợi ích như thế, Cho nên, chúng sanh thường phải chuyên tâm tưởng niệm.

Nếu có người nữ cầu sanh con trai, lễ bái cúng dường Bồ tát Quán thế âm, sẽ sanh con trai phước đức trí huệ; nếu cầu sanh con gái, sẽ sanh con gái xinh đẹp đoan trang, cội đức sâu dày, người người kính yêu.

Này Vô Tận Ý! Bồ tát Quán thế âm có nhiều thần lực như thế.

4. Nếu có chúng sanh cung kính lễ bái Bồ tát Quán thế âm, phước kia không mất, Cho nên, chúng sanh đều nên thọ trì danh hiệu Bồ tát Quán thế âm.

Này Vô Tận Ý! Nếu có người thọ trì danh tự sáu mươi hai ức hằng hà sa bồ tát, lại trọn đời cúng dường các thức ăn uống, áo quần, giường nệm, thuốc thang; với công đức ấy, ý ông nghĩ sao? Thiện nam tử hoặc thiện nữ nhơn kia công đức nhiều chăng?

Bồ tát Vô Tận Ý thưa: "Bạch đức Thế Tôn rất nhiều."

Phật dạy: "Nếu lại có người chỉ chuyên thọ trì danh hiệu Bồ tát Quán thế âm, dù trong một thời lễ bái cúng dường, công đức hai người so nhau vốn đồng; trong trăm nghìn muôn ức kiếp, phước báo đều không cùng tận."

Này Vô Tận Ý! Thọ trì danh hiệu Bồ tát Quán thế âm, đặng vô lượng vô biên phước đức lợi ích như thế."

5. Bồ tát Vô Tận Ý bạch Phật rằng:

"Bạch đức Thế Tôn! Bồ tát Quán thế âm dạy khắp ta bà thế giới, nói pháp cho chúng sanh và sử dụng phương tiện, những việc ấy như thế nào?"

Phật bảo ngài Vô Tận Ý:

"Này Thiện nam tử! Nếu có chúng sanh trong các quốc độ cần nhờ thân Phật mới đặng độ thoát, Bồ tát Quán thế âm liền hiện thân Phật nói pháp độ thoát."

Cần nhờ thân Bích chi Phật mới đặng độ thoát, liền hiện thân Bích chi Phật nói pháp độ thoát.

Cần nhờ thân Thanh văn mới đặng độ thoát, liền hiện thân thanh văn nói pháp độ thoát.

Cần nhờ thân Phạm vương mới đặng độ thoát, liền hiện thân Phạm vương nói pháp độ thoát.

Cần nhờ thân Đế Thích mới đặng độ thoát, liền hiện thân Đế Thích nói pháp độ thoát.

Cần nhờ thân Tụ tại thiên mới đặng độ thoát, liền hiện thân Tụ tại thiên nói pháp độ thoát.

Cần nhờ thân Đại tự tại thiên mới đặng độ thoát, liền hiện thân Đại tự tại thiên nói pháp độ thoát.

Cần nhờ thân Thiên đại tướng quân mới đặng độ thoát, liền hiện thân Thiên đại tướng quân nói pháp độ thoát.

Cần nhờ thân Tỳ sa môn mới đặng độ thoát, liền hiện thân tỳ sa môn nói pháp độ thoát.

Cần nhờ thân Tiểu vương mới đặng độ thoát, liền hiện thân tiểu vương nói pháp độ thoát.

Cần nhờ thân Trưởng giả mới đặng độ thoát, liền hiện thân trưởng giả nói pháp độ thoát.

Cần nhờ thân Cư sĩ mới đặng độ thoát, liền hiện thân cư sĩ nói pháp độ thoát.

Cần nhờ thân Tể quan mới đặng độ thoát, liền hiện thân tể quan nói pháp độ thoát.

Cần nhờ thân Bà la môn mới đặng độ thoát, liền hiện thân bà la môn nói pháp độ thoát.

Cần nhờ thân Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di mới đặng độ thoát, liền hiện thân tỳ kheo, tỳ kheo ni, ưu bà tắc, ưu bà di, nói pháp độ thoát.

Cần nhờ thân Đồng nam đồng nữ mới đặng độ thoát, liền hiện thân đồng nam đồng nữ nói pháp độ thoát.

Cần nhờ các thân Thiên, Long, Dạ xoa, Can thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già, Nhơn và phi nhơn mới đặng độ thoát, liền hiện các thân đó nói pháp độ thoát.

Cần nhờ thân thần Chấp kim cương mới đặng độ thoát, liền hiện thân thần chấp kim cương nói pháp độ thoát.

Này Vô Tận Ý! Bồ tát Quán thế âm hóa hiện nhiều thân, dạo khắp quốc độ cứu vớt chúng sanh, thành tựu công đức như thế. Vì vậy các ông phải nên nhất tâm cúng dường Bồ tát Quán thế âm.

Đại Bồ tát Quán thế âm này, gặp chúng sanh đương khi kinh hãi trong tai nạn cấp bách, có đủ huyền năng ban pháp vô úy nên cõi ta bà này đều gọi Ngài là Đấng Thí vô úy."

6. Bồ tát Vô Tận Ý bạch Phật rằng:

"Bạch đức Thế Tôn! Nay con phải cúng dường đức Bồ tát Quán Thế Âm."

Nói xong liền cởi chuỗi ngọc đương đeo nơi cổ, gồm toàn châu báu, trị giá trăm nghìn lượng vàng dâng lên đức Quán thế âm và thưa rằng: "Cúi xin Nhơn giả nhận chuỗi trân bảo pháp thí này".

Lúc ấy, đức Bồ tát Quán thế âm chẳng

chịu nhận chuỗi. Ngài Vô Tận Ý lại bạch đức Bồ tát Quán thế âm rằng: "Cúi xin Nhơn giả, vì thương xót chúng tôi, thấu nhận chuỗi ngọc này".

Bấy giờ, Phật bảo đức Bồ tát Quán thế âm rằng: "Người nên lân mẫn Bồ tát Vô Tận Ý và hàng tứ chúng, cùng hết thầy Thiên, Long, Dạ xoa, Can thát bà, A tu la, Ca lâu la, Khẩn na la, Ma hầu la già, Nhơn và phi nhơn các loại, mà thấu nhận chuỗi ngọc kia."

Bồ tát Quán thế âm xót thương tứ chúng cùng thiên, long, nhơn, phi nhơn các loại, nhận lấy chuỗi ngọc chia làm hai phần, một phần dâng cúng đức Phật Thích ca Mâu ni, một phần dâng cúng tháp đức Phật Đa bảo.

"Này Vô Tận Ý! Bồ tát Quán thế âm dạo khắp ta bà có nhiều thần lực tự tại như thế."

Bấy giờ Ngài Bồ tát Vô Tận Ý nói kệ hỏi Phật rằng:

Thế Tôn đủ tướng tốt,

Nay con xin lại hỏi:

Bồ tát nhơn duyên gì,

Tên là Quán thế âm?

Đấng Vô thượng pháp vương

Nói kệ đáp lại rằng:

Người nghe hạnh Quán Âm
Ứng thân khắp nơi chốn.
Hoàng thế sâu như biển,
Đời đời làm thị giả,
Thờ hằng sa đức Phật,
Phát đại nguyện thanh tịnh.
Nay lược nói người hay:
Nghe tên cùng thấy hình,
Tâm niệm chớ luống quên,
Trừ được khổ ba cõi.
Giả sử kẻ muốn hại
Xô vào hầm lửa lớn,
Do sức niệm Quán âm,
Hầm lửa biến thành ao.
Hoặc biển cả lênh đênh,
Gặp nạn quý, cá, rồng,
Do sức niệm Quán âm,
Sóng mòi không vùi dập.
Hoặc tại chớp Tu di,
Bị người xô nhào xuống;
Do sức niệm Quán âm,

Như mặt nhật trên không.
Hoặc bị người dữ rượt,
Va vào núi kim cang;
Do sức niệm Quán âm,
Mây lông đều chẳng hại.
Hoặc gặp giặc cướp vây,
Đều cầm đao muốn giết;
Do sức niệm Quán âm,
Thủy liền đầy lòng từ.
Hoặc gặp khổ quốc nạn,
Lâm cực hình sắp chết;
Do sức niệm Quán âm,
Dao liền gãy từng đoạn.
Hoặc gặp bước lao tù,
Tay chân bị xiềng xích;
Do sức niệm Quán âm,
Tự nhiên đặng giải thoát.
Hoặc bị yểm thuốc độc
Của kẻ địch mưu hại;
Do sức niệm Quán âm,
Quày hại kẻ chủ mưu.

Hoặc gặp La sát dũ ,

Độc long và ác quý;

Do sức niệm Quán âm,

Thầy liền không dám hại.

Hoặc thú dữ đoanh vây,

Nhe nanh vuốt kinh khủng;

Do sức niệm Quán âm,

Chạy trốn mất tăm dạng.

Rắn độc cùng bò cạp,

Hơi độc phun khói lửa;

Do sức niệm Quán âm,

Nghe tiếng tụt rút về.

Mây đùn sấm sét nổ,

Tuôn giá, xối mưa to;

Do sức niệm Quán âm,

Tức thời liền tiêu tán.

Chúng sanh bị khổ ách,

Vô lượng khổ bức thân;

Sức diệu trí Quán âm,

Cứu đời thoát ly khổ.

Sức thần thông đầy đủ,

Rộng tu trí phương tiện,
Khắp quốc độ mười phương,
Chẳng nơi nào không hiện.
Các loài trong đường dữ,
Địa ngục, quỷ, súc sanh,
Khổ sanh, già, bệnh, chết,
Lớp lớp trừ dứt sạch.
Chơn quán, thanh tịnh quán,
Trí huệ quán bao la,
Bi quán và từ quán,
Thường nguyện thường chiêm ngưỡng
Anh hào quang thanh tịnh,
Chiếu xuyên màn u tối,
Tiêu diệt lửa tai ương,
Thế gian bùng chói sáng.
Lòng Bi vang sấm sét,
Đức Từ rạng nhường mây
Cam lồ mưa pháp gội,
Lửa phiền não tưới tắt.
Trước cửa công tranh kiện,
Trong quân trận khùng kinh;

Do sức niệm Quán âm,
Oán cừu đều tiêu tán.
Diệu âm Quán thế âm,
Phạm âm, Hải triều âm,
Thắng hết thế gian âm;
Vậy nên thường phải niệm.
Niệm niệm chớ sanh nghi;
Đức Quán âm tịnh thánh,
Trong khổ não chết chóc,
Đủ cho người nương tựa.
Đủ vô lượng công đức,
Đầy vô biên phước huệ;
Mắt huyền luyện chúng sanh,
Vậy nên thường kính lễ.

8. Bảy giờ Bồ tát Trì Địa liền từ chỗ ngồi đứng dậy từ tốn đến trước Phật bạch rằng:

"Bạch Đức Thế Tôn! Nếu có chúng sanh nghe phẩm "Bồ tát Quán thế âm" có sức thần thông, đạo nghiệp tự tại, thị hiện khắp nơi, nên biết người đó công đức chẳng nhỏ."

Lúc Phật nói phẩm Phổ môn này, trong chúng có tám vạn bốn ngàn chúng sanh thấy đều phát tâm Vô đẳng đẳng a nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

NAM MÔ ĐẠI BI QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT.

---o0o---

DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH QUÁN THẾ ÂM BỒ TÁT PHỔ MÔN PHẨM

Nhĩ thời, Vô Tận Ý Bồ tát tức tùng tọa khởi, thiên dẫn hữu kiên, hiệp chưởng hướng Phật nhi tác thị ngôn: Thế Tôn! Quán thế âm Bồ tát dĩ hà nhơn duyên danh Quán thế âm?

Phật cáo Vô Tận Ý Bồ tát: Thiện nam tử! Nhược hữu vô lượng bá thiên vạn ức chúng sanh thọ chư khổ não, văn thị Quán thế âm Bồ tát, tức thời quán kỳ âm thanh, giai đắc giải thoát,

Nhược hữu trì thị Quán thế âm Bồ tát danh giả, thiết nhập đại hỏa, hỏa bất năng thiêu; do thị Bồ tát oai thần chi lực cố.

Nhược vi đại thủy sở phiêu, xung kỳ danh hiệu, tức đắc thiên xứ.

Nhược hữu bá thiên vạn ức chúng sanh, vị cầu kim, ngân, lưu ly, xa cừ, mã não, san hô, hổ phách, trân châu đẳng bảo nhập u đại hải, giả sử hắc phong xuy kỳ thuyền phương phiêu đọa La sát quỷ quốc, kỳ trung nhược hữu nữ chí nhứt nhơn xưng Quán thế âm Bồ tát danh giả, thị chư nhơn đẳng giai đắc giải thoát La sát chi nạn. Dĩ thị nhơn duyên danh Quán thế âm.

Nhược phục hữu nhơn lâm đương bị hại, xưng Quán thế âm Bồ tát danh giả, bỉ sở chấp đao trượng, tầm đoạn đoạn hoại, nhi đắc giải thoát.

Nhược tam thiên đại thiên quốc độ mãn trung Dạ xoa, La sát dục lai não nhân, văn kỳ xưng Quán thế âm Bồ tát danh giả, thị chư ác quỷ thượng bất năng dĩ ác nhãn thị chi, huống phục gia hại?

Thiết phục hữu nhơn, nhược hữu tội, nhược vô tội, nữ giới già tảo, kiểm hệ kỳ thân, xưng Quán thế âm Bồ tát danh giả, giai tất đoạn hoại, tức đắc giải thoát.

Nhược tam thiên đại thiên quốc độ mãn trung oán tặc, hữu nhứt thương chủ, tương chư thương nhơn, tê trì trọng bảo kinh quá hiếm lộ, kỳ trung nhứt nhơn tác thị xướng ngôn: Chư thiện nam tử, vật đắc khùng bố. Nhữ đẳng ưng đương nhứt tâm xưng Quán thế âm Bồ tát danh hiệu thị Bồ tát năng dĩ vô úy thí ư chúng sanh. Nhữ đẳng nhược xưng danh giả, ư thử oán tặc, đương đắc giải thoát. Chúng thương nhơn văn, cụ phát thanh ngôn Nam mô Quán thế âm Bồ tát! Xưng kỳ danh cố, tức đắc giải thoát.

Vô tận ý! Quán thế âm Bồ tát Ma ha tát oai thần chi lực nguy nguy như thị.

Nhược hữu chúng sanh đa u dâm dục, thường niệm cung kính Quán thế âm Bồ tát, tiện đắc ly dục. Nhược đa sân nhuế, thường niệm cung kính Quán thế âm Bồ tát, tiện đắc ly sân. Nhược đa ngu si, thường niệm cung kính Quán thế âm Bồ tát, tiện đắc ly si.

Vô tận ý! Quán thế âm Bồ tát hữu như thị đẳng đại oai thần lực đa sở nhiều ích. Thị cố chúng sanh thường ưng tâm niệm.

Nhược hữu nữ nhơn thiết dục cầu nam, lễ bái cúng dường Quán thế âm Bồ tát, tiện sanh phước đức trí huệ chi nam; thiết dục cầu nữ, tiện sanh đon chánh hữu tướng chi nữ, tức thực đức bản, chúng nhơn ái kính.

Vô tận ý! Quán thế âm Bồ tát hữu như thị lực. Nhược hữu chúng sanh cung kính lễ bái Quán thế âm Bồ tát, phước bất đường quyên. Thị cố chúng sanh giai ưng thọ trì Quán thế âm Bồ tát danh hiệu.

Vô tận ý! Nhược hữu nữ nhơn thọ trì lực thập nhị ức hằng hà sa Bồ tát danh tự, phục tận hình cúng dường ẩm thực y phục ngoạ cụ y dược. Ư nữ ý vân hà? Thị thiện nam tử thiện nữ nhơn công đức đa phủ?

Vô tận ý ngôn: Thập đa, Thế Tôn.

Phật ngôn: Nhược phục hữu nhơn thọ trì Quán thế âm Bồ tát danh hiệu, nãi chí nhứt thời lễ bái cúng dường, thị nhĩ nhơn phước, chánh đẳng vô dị, u bá thiên vạn ức kiếp bất khả cùng tận.

Vô tận ý! Thọ trì Quán thế âm Bồ tát danh hiệu đắc như thị vô lượng vô biên phước đức chi lợi.

Vô tận ý Bồ tát bạch Phật ngôn:

Thế Tôn! Quán thế âm Bồ tát vân hà du thử Ta bà thế giới? Vân hà nhi vị chúng sanh thuyết pháp? Phương tiện chi lực, kỳ sự vân hà?

Phật cáo Vô tận ý Bồ tát: Thiện nam tử! Nhược hữu quốc độ chúng sanh:

Ứng dĩ Phật thân đắc độ giả, Quán thế âm Bồ tát tức hiện Phật thân nhi vị thuyết pháp.

Ứng dĩ Bích chi Phật thân đặc độ giả, tức hiện Bích chi Phật thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ Thanh văn thân đặc độ giả, tức hiện thanh văn thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ Phạm vương thân đặc độ giả, tức hiện phạm vương thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ Đế thích thân đặc độ giả, tức hiện Đế thích thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ Tự tại thiên thân đặc độ giả, tức hiện Tự tại thiên thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ đại Tự tại thiên thân đặc độ giả, tức hiện đại Tự tại thiên thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ Thiên đại tướng quân thân đặc độ giả, tức hiện Thiên đại tướng quân thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ Tỳ sa môn thân đặc độ giả, tức hiện Tỳ sa môn thân nhi vị thuyết pháp.

Ứng dĩ Tiểu vương thân đặc độ giả, tức hiện Tiểu vương thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ Trưởng giả thân đặc độ giả, tức hiện Trưởng giả thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ Cư sĩ thân đặc độ giả, tức hiện Cư sĩ thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ Tể quan thân đặc độ giả, tức hiện Tể quan thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ Bà la môn thân đặc độ giả, tức hiện Bà la môn thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ tỳ kheo, tỳ kheo ni, ưu bà tắc, ưu bà di thân đặc độ giả, tức hiện tỳ kheo, tỳ kheo ni, ưu bà tắc, ưu bà di thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ Trưởng giả, cư sĩ, tể quan, bà la môn phụ nữ thân đặc độ giả, tức hiện phụ nữ thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ đồng nam đồng nữ thân đặc độ giả, tức hiện đồng nam đồng nữ thân nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ thiên, long, dạ xoa, càn thát bà, a tu la, ca lâu la, khẩn na la, ma hầu la dà, nhơn, phi nhơn đẳng thân đặc độ giả, tức giai hiện chi nhi vị thuyết pháp. Ứng dĩ Cháp kim cang thần đặc độ giả, tức hiện Cháp kim cang thần nhi vị thuyết pháp.

Vô tận ý! Thị Quán thế âm Bồ tát thành tựu như thị công đức, dĩ chủng chủng hình du chư quốc độ, độ thoát chúng sanh. Thị cô nữ đẳng ưng đương nhứt tâm cúng dường Quán thế âm Bồ tát. Thị Quán thế âm Bồ tát Ma ha tát ư bố úy cấp nạn chi trung, năng thí vô úy. Thị cố thử ta bà thế giới giai hiệu chi vi Thí vô úy giả.

Vô tận ý Bồ tát bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Ngã kim đương cúng dường Quán thế âm Bồ tát. Tức giải kinh chúng bảo châu anh lạc, giá trị bá thiên lượng kim, nhi dĩ dữ chi, tác thị ngôn: Nhân giả! Thọ thử pháp thí trân bảo anh lạc.

Thời, Quán thế âm Bồ tát bất khểng thọ chi.

Vô tận ý Bồ tát phục bạch Quán thế âm Bồ tát ngôn: Nhân giả! Mãn ngã đẳng cố, thọ thử anh lạc.

Nhĩ thời Phật cáo Quán thế âm Bồ tát: Đương miễn thử Vô tận ý Bồ tát cập tứ chúng thiên, long, dạ xoa, càn thất bà, a tu la, ca lâu la, khẩn na la, ma hầu la dà, nhơn, phi nhơn đấng cố, thọ thị anh lạc.

Tức thời Quán thế âm Bồ tát miễn chư tứ chúng cập ư thiên, long, nhơn, phi nhơn đấng thọ kỳ anh lạc; phân tác nhị phần: nhứt phần phụng Thích ca Mâu ni Phật, nhứt phần phụng Đa bảo Phật tháp.

Vô tận ý! Quán thế âm Bồ tát hữu như thị tự tại thần lực du ư ta bà thế giới.

Nhĩ thời Vô tận ý Bồ tát dĩ kệ vãn viết:

"Thế Tôn diệu tướng cụ,

Ngã kim trùng vãn bỉ:

Phật tử hà nhơn duyên

Danh vi Quán thế âm?"

Cụ túc diệu tướng tôn

Kệ đáp Vô tận ý:

Nhữ thính Quán âm hạnh,

Thiện ứng chư phương sở,

Hoằng thệ thâm như hải,

Lịch kiếp bất tư nghi.

Thị đa thiên ức Phật

Phát đại thanh tịnh nguyện.

Ngã vị nhữ lược thuyết:

Văn danh cập kiến thân,

Tâm niệm bất không quá

Năng diệt chư hữu khổ.

Giả sử hưng hại ý

Thôi lạc đại hỏa khanh,

Niệm bĩ Quán âm lực:

Hỏa khanh biến thành trì.

Hoặc phiêu lưu cự hải,

Long, ngư, chư quý nạn,

Niệm bĩ Quán âm lực:

Ba lãng bát năng một.

Hoặc tại Tu di phong,

Vi nhơn sở thối đọa,

Niệm bĩ Quán âm lực:

Như nhứt hư không trụ.

Hoặc bị ác nhơn trục,

Đọa lạc kim cang sơn,

Niệm bĩ Quán âm lực:

Bất năng tổn nhứt mao.

Hoặc trị oán tặc nhiều,

Các chấp đao gia hại,

Niệm bĩ Quán âm lực:

Hàm tức khởi từ tâm.

Hoặc tao vương nạn khổ,

Lâm hình dục thọ chung

Niệm bĩ Quán âm lực:

Đao tằm đoạn đoạn hoại.

Hoặc tù cấm già tở,

Thủ túc bị nữ giới,

Niệm bĩ Quán âm lực:

Thích nhiên đắc giải thoát.

Chú trớ chư độc dược,

Sở dục hại thân giả,

Niệm bĩ Quán âm lực:

Hoàn trước ư bốn nhờn.

Hoặc ngộ ác La sát,

Độc long chư quý đẳng,

Niệm bĩ Quán âm lực:

Thời tất bất cảm hại.

Nhược ác thú vi nhiều,

Lợi nha thảo khả bố

Niệm bĩ Quán âm lực:

Tật tẩu vô biên phương.

Ngoan xà cập phúc yết,

Khí độc yên hỏa nhiên,
Niệm bỉ Quán âm lực:
Tâm thanh tự hồi khứ.
Vân, lôi, cổ, xiết, điện,
Giáng bạc chú đại võ,
Niệm bỉ Quán âm lực:
Ứng thời đắc tiêu tán.
Chúng sanh bị khổ ách,
Vô lượng khổ bức thân,
Quán âm diệu trí lực,
Năng cứu thế gian khổ.
Cụ túc thần thông lực,
Quảng tu trí phương tiện,
Thập phương chư quốc độ,
Vô sát bất hiện thân.
Chúng chúng chư ác thú,
Địa ngục, quỷ, súc sanh,
Sanh lão bệnh tử khổ,
Dĩ tiệt tất linh diệt.
Chơn quán, thanh tịnh quán,
Quảng đại trí huệ quán,

Bi quán, cập từ quán,
Thường nguyện thường chiêm ngưỡng.
Vô cầu, thanh tịnh quang,
Huệ nhật phá chư ám,
Năng phục tai phong hỏa,
Phổ minh chiếu thế gian.
Bi thể giới lôi chấn,
Từ ý diệu đại vân.
Chú cam lồ pháp võ,
Diệt trừ phiền não diệt.
Tránh tụng kinh quan xú,
Bồ úy quân trận trung,
Niệm bỉ Quán âm lực:
Chúng oán tất thối tán.
Diệu âm Quán thế âm,
Phạm âm, Hải triều âm,
Thắng bỉ thế gian âm
Thị cố tu thường niệm.
Niệm niệm vật sanh nghi.
Quán thế âm tịnh thánh,
Ư' khổ não tử ách,

Năng vi tác y hõ.

Cụ nhứt thiết công đức.

Từ nhãn thị chúng sanh,

Phước tụ hải vô lượng.

Thị cố ưng đánh lễ.

Nhĩ thời, Trì địa Bồ tát tức tùng tọa khởi tiền bạch Phật ngôn: Thế Tôn! Nhược hữu chúng sanh vãn thị Quán thế âm Bồ tát phẩm tự tại chi nghiệp, phổ môn thị hiện thần thông lực giả, đương tri thị nhơn công đức bất thiếu.

Phật thuyết thị Phổ môn phẩm thời chúng trung bát vạn tứ thiên chúng sanh giai phát Vô đẳng đẳng A nậu đa la Tam miệu Tam bồ đề tâm.

Diệu pháp liên hoa kinh Quán thế âm Bồ tát Phổ môn phẩm, chơn ngôn viết: An đa rị, đa rị, đôt đa rị, đôt đôt đa rị, ta bà ha (3 lần).

Lục tự đại minh chơn ngôn: Án Ma Ni Bát Di Hồng (6 chữ này niệm 108 lần).

Quán âm kinh tán

Phổ môn thị hiện

Cứu khổ tâm thanh

Từ bi thuyết pháp độ mê tân.

Phó cảm ứng tùy hình,

Tứ hải thanh minh,

Bát nạn vĩnh vô xâm.

Thập nhị nguyện

1. Nam mô hiệu Viên thông, danh Tự tại, Quán âm Như lai, quảng phát hoằng thệ nguyện.

2. Nam mô Nhứt niệm tâm vô quái ngại, Quán âm Như lai, thường cư Nam hải nguyện.
3. Nam mô Trụ ta bà u minh giới, Quán âm Như lai, tầm thanh cứu khổ nguyện.
4. Nam mô Hàng tà ma trừ yêu quái, Quán âm Như lai, năng trừ ách hiểm nguyện.
5. Nam mô Thanh tịnh bình thùy dương liễu, Quán âm Như lai, cam lồ sái tâm nguyện.
6. Nam mô Đại từ bi năng hỷ xả, Quán âm Như lai, thường hành bình đẳng nguyện.
7. Nam mô Trú dạ tuần vô tổn hoại, Quán âm Như lai, thệ diệt tam đồ nguyện.
8. Nam mô Vọng Nam nhan cần lễ bái, Quán âm Như lai, già tòa giải thoát nguyện.
9. Nam mô Tạo pháp thuyền du khổ hải, Quán âm Như lai, độ tận chúng sanh nguyện.
10. Nam mô tiền tràng phan hậu bảo cái, Quán âm Như lai, tiếp dẫn Tây phương nguyện.
11. Nam mô Vô lượng thọ Phật cảnh giới, Quán âm Như lai, Di đà thọ ký nguyện.
12. Nam mô Đoan nghiêm thân vô tử trại, Quán âm Như lai, quả tu thập nhị nguyện.

(ba tiếng chuông)

Cử tán

Quán âm Đại sĩ phổ hiệu Viên Thông,

Thập nhị đại nguyện thệ hoằng thâm.

Khô hải phiếm từ phong,

Phổ tế tâm dung,

Sát sát hiện vô cùng.

Nam mô Thánh Quán tự tại Bồ tát Ma ha tát (3 lần, 3 tiếng chuông)

---o0o---

THIÊN CẢM ỨNG CỨU NẠN CỨU BẢY NẠN

1. THUỶ ÁCH

Triều nhà Thanh năm Khương Hy thứ hai, có người đánh cá đậu thuyền ở dưới bờ núi Tiểu cô sơn. Nửa đêm thức giấc nghe có tiếng rằng: Sáng sớm có chiếc thuyền chở muối đi ngang đây, bọn bây phải nhận chìm cho ta! Sáng sớm quả có chiếc thuyền chở muối đi ngang qua, gặp phải gió to sóng lớn, chiếc thuyền ấy gần như đã chìm, nhưng trong chốc lát thuyền vẫn bình an lướt sóng đi qua. Đến tối, người đánh cá lại nghe tiếng trên núi trách phạt vì sao sai lệnh? Có tiếng đáp lại: Khi bọn tôi đến gần thuyền, thấy có đức Quán thế âm Bồ tát đứng ở sau thuyền, vì vậy không dám lại gần. Đến sáng sớm người đánh cá tìm đến chiếc thuyền chở muối để dò hỏi, mới biết người cầm lái chiếc thuyền kia là một bà đã trì niệm Quán âm. Chúng ta thử nghĩ xem oai lực của Bồ tát Quán thế âm vĩ đại biết chừng nào?

Chép theo Vạn thiện tư.

Về đời nhà Đường có một người là Sâm Cảnh Nhon, lúc thiếu niên chuyên tụng kinh Phổ môn. Một hôm mướn thuyền đi Tô Châu, rủi bị thuyền chìm, anh ta rơi xuống nước! Bên tai nghe có tiếng người nói: Cho người tụng kinh Phổ môn thoát nạn. Nghe như vậy ba lần, liền thấy mình nổi lên mặt nước và tấp vào bờ, được sống sót.

Theo Pháp Hoa cảm thông lục.

Anh Đáo người làng An Truyền, quận Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên, năm 1953 được lệnh động viên anh phải nhập ngũ. Năm ấy Huế gặp trận lụt to nhất xưa nay chưa từng có. Anh Đáo với 8 người bạn đồng đội gác tại lô cốt gần cửa biển Thuận An. Đêm 24 sáng 25, gió to nước dâng lên cao vùn vụt không kịp trở tay. Anh em đồng đội đều là người khác đạo kêu gào cầu cứu nhưng vô hiệu quả, giữa sóng to gió lớn không thấy tăm dạng một bóng người, một ghe thuyền nào cả, lại thêm trời tối như mực, mưa đổ như xối.

Cả đội đều khoanh tay đợi chết vậy! Riêng Đáo bình tĩnh chí thành niệm danh hiệu Quán thế âm Bồ tát, chết sống phó mặc cho ba đào! Nước mỗi lúc một cao, gió mỗi lúc một lớn. Lô cốt đồ nhào theo dòng nước cuốn đi. Tự nhiên Đáo thấy mình tấp vào một ghềnh đá cao, gió rét thấu xương, tưởng mình đã chết rồi, nhưng không dứt tiếng niệm Phật, thế rồi ngủ thiếp đi lúc nào không biết. Bỗng thấy có người đánh vào vai bảo dậy mà về. Bưng mắt dậy thấy trời đã chiều, xa xa có chiếc đò đi vớt củi, liền kêu cứu, được đò ấy đến chở về. Còn bạn đồng đội chẳng biết trôi dạt vào đâu!

Sau khi thoát hiểm, Đáo lên Báo Quốc lạy Phật và kể rõ lại sự việc đã gặp. Sự này được ghi chép lại theo lời Đáo thuật.

Ghi chép lại theo lời Đáo thuật.

Ngài Thích Đạo Hiền ở về đời nhà Đường, nhân ông thứ sử nhờ vẽ giúp bảy bức tượng Quán thế âm, ngài kêu thợ vẽ đến bắt phải trai giới trước đã rồi dùng trầm nhũ làm keo, đốt hương lễ bái xong mới vẽ. Khi vẽ rất là tôn nghiêm trang trọng đầy đủ tướng hảo. Về sau nhơn qua sông chìm đò té xuống nước, vội vã niệm danh hiệu Quán thế âm Bồ tát, liền trông thấy dưới nước có hào quang, hai bên là bảy vị tượng đã vẽ trước nói rằng: Cứ niệm Phật A di đà đi. Đạo Hiền lật đật niệm Nam mô A di đà Phật, bảy vị Bồ tát đỡ hai chân, ngài liền nổi lên mặt nước, đi chừng 40 dặm mới đến bờ.

Trích Quán ký.

---o0o---

2. HỎA TAI

Dân quốc năm thứ 11, nạn địa chấn ở Nhật Bản, đại biểu hội Phật giáo Phổ tế là các ông Bao Thừa Chí, Dương Thức Các... đi qua Nhật điều ủy về, báo cáo tình hình, các ông cho biết: Dân số Nhật chết trong nạn địa chấn này ước chừng hơn ba mươi vạn người, thi hài chất cao như núi! Cứ riêng một địa phương mà nói thì khu vực Thiên thảo ở Đông Kinh là hoàn toàn trở thành tiêu thổ! Ở trong khu vực Thiên thảo ấy có một công viên, trong công viên có một hồ nước và một tòa Quán âm các ba gian, kiến trúc theo lối Nhật Bản cũ. Khi nhân dân bị hỏa tai, bốn phía bao bọc lửa cháy. Không biết trốn tránh vào đâu, nhân dân đua nhau chạy vào công viên. Tất cả tụ tập vào tòa Quán âm các ước chừng hơn ba vạn người; trong lúc tình hình bức thúc, mọi người đều niệm danh hiệu đức Quán thế âm Bồ tát, chí thành cầu nguyện may ra thoát khỏi tai nạn! Từ trong ra ngoài, dị khẩu đồng âm, vang dội

tiếng niệm Nam mô Đại từ đại bi Cứu khổ cứu nạn Linh cảm ứng Quán thế âm Bồ tát. Lửa lan đến hồ, đốt cháy khô cả hồ nước rồi dừng lại. Thật là một việc chưa từng có! Không những đám dân không ai bị tai nạn mà luôn cả ba gian nhà kia hiện nay vẫn còn. Chính phủ Nhật hiện bảo tồn để làm nơi thánh tích kỷ niệm. Ai là người đã đến Nhật Bản chắc không khỏi đến tham bái ở đó. Đức từ bi cứu khổ của Bồ tát Quán thế âm thật cùng khắp đúng như lời Phật dạy trong kinh Phổ môn.

Thuật theo thư của ngài Ấn Quang Pháp sư.

Về đời Mãn Thanh, ông Thái Ân Tường làm chức vận lương, có một công quán cho nhân dân đến nộp thuế, bốn phía không có vách tường, liên tiếp với nhà của dân chúng. Một hôm nhà hàng xóm bị cháy, mọi người lo khuân vác của cải, thì Thái Ân Tường vẫn điềm nhiên bất động! Bao nhiêu người la, thúc ông tránh thoát, ông ta vẫn bình tĩnh hình như không để ý. Lạ nhất là ngọn lửa đang cháy qua Đông, bỗng nhiên trở về Tây, tứ hữu bốn mặt đều bị lửa cháy tràn lan, chỉ còn sót lại khoảng giữa nhà ông ta là không cháy. Bao nhiêu người xúm lại hỏi ông ta có phép thuật gì, ông ta đáp: Tôi chỉ biết niệm chú Đại bi. Có người nói: Vạn nhất mà thần chú Đại bi không linh nghiệm, luôn cả tánh mạng ông cũng khó bảo tồn thì ông tính sao?

Đáp: Gia đình tôi đã nhiều đời trì tụng chú Đại bi, thấy đều có linh nghiệm và thấy đều thoát qua bao nhiêu tai nạn về đao binh, thủy hỏa không thể kể xiết! Chính bản thân tôi đã trì tụng hơn hai mươi năm nay, mỗi khi gặp phải tai nạn gấp rút, đều được cảm ứng che chở. Tôi còn nhớ về niên hiệu Càn Long, nhà tôi ở Bắc Bình bên phía Nam có nhà hàng xóm bị cháy, lại gặp phải gió Nam, ngọn lửa theo gió vùn vụt tấp đến nhà tôi. Bấy giờ muốn thoát thân e cũng không kịp. Tôi cứ điềm nhiên y theo thường lệ trì tụng chú Đại bi, chưa hết một biến, rất lạ là ngọn gió thổi vật trở về. Nhà tôi thoát nạn, vì thế mà tôi không có gì sợ hãi cả và rất tin tưởng đức từ bi bất khả tư nghì của Bồ tát. Có sợ chăng là sợ lòng mình không chí thành và đã gây nhiều tội lỗi mà thôi. Chúng ta nên chí thành sám hối những tội lỗi đã lỡ làm và mỗi ngày trì tụng ít biến chú Đại bi, chắc chắn sẽ được cảm ứng không sai.

Xuất Tín tâm lục.

Triều nhà Minh có một người họ Uông, nhà ở gần núi Côn Sơn thuộc tỉnh Giang Tô. Anh ta phát nguyện ăn chay ba năm và trì niệm danh hiệu Quán âm. Sau khi hoàn nguyện lại đi chiêm bái núi Nam Phổ đà, nơi đức Quán âm thị hiện. Đến ngày nguyện mãn thì xuống thuyền đi. Khi thuyền đã nhổ neo,

bỗng người nhà chạy đến báo tin nhà hàng xóm bị cháy đã lan đến nhà mình, gọi anh trở về cứu chữa. Anh ta đáp: Tôi chí thành đã ba năm, hôm nay đi chiêm bái, không lý vì cháy nhà mà đổi chí nguyện; dù cho có cháy hết nhà cửa, tôi quyết không trở lui. Nói xong vẫn giọng buồm thẳng tiến. Lễ bái rồi trở về, trông thấy bốn phía xóm đều trở thành tiêu thổ, chỉ có một mình nhà anh vô sự. Thật là lòng chí thành bao giờ cũng được cảm cách.

Trích Hiện quả tùy lục.

---o0o---

3. GIÓ BÃO

Đời Tống Thần Tông niên hiệu Nguyên Phong năm thứ ba, chức Hàn lâm Vương Thuần Phong vâng chỉ đi sứ Tam Hàng, khi đi ngang qua biển gặp sóng to gió lớn, lại thêm có một cơn rùa lớn ép vào thuyền, vô cùng nguy hiểm! Thuần Phong rất sợ hãi liền vội vã hướng về núi Phở Đà trong động Triều âm cầu đảo. Bỗng trông thấy hào quang vàng chói lọi: thân tướng đẹp đẽ của Bồ tát hiện ra, ngọc báu lung linh, mây năm sắc lóng lánh, cơn rùa lớn liền bỏ đi, cả thuyền đều vô sự. Sau về tâu lại, triều đình sắc phong "Bửu Đà Quán âm tự "

Trích Phở Đà sơn chí.

---o0o---

4. GƯƠM ĐAO

Thời gian đầu triều nhà Thanh, có một người tên là Trình Bá Lân, trước là một nhà buôn các tỉnh Giang Tô, Dương Châu... thờ đức Quán thế âm rất chí thành! Đến năm Ất Dậu bị giặc đánh phá Dương Châu, Trình Bá Lân cầu đảo ngài cứu hộ. Đêm nằm mộng thấy đức Quán âm dạy rằng: Nhà ngươi 17 người, 16 người khỏi chết, chỉ có một mình ngươi là không thể trốn được, vì kiếp trước nhà ngươi đã giết chết tướng giặc tên là Vương Ma Tử 26 nhất đao, nay thì phải đền trả lại mạng trước. Mười sáu người thì đi tránh chỗ khác ắt khỏi bị giết, còn ngươi nên sắm sửa đồ ăn uống đợi đó, tối nay đứng canh hai có người đến kêu cửa, chính là Vương Ma Tử vậy. Ông Trình rất tin nên làm y như lời Bồ tát dạy. Đến canh hai quả có người đến la to gọi cửa, ông Trình thung dung mở cửa nói rằng: Ông chính là Vương Ma Tử phải không? Tôi đã sắm đồ ăn uống đợi ông từ lâu, vậy xin mời ông vào. Vương Ma Tử thấy trong nhà đèn sáng như ban ngày, đồ ăn uống linh đình

đang đợi, cho là lạ hỏi rằng: Vì sao anh biết tôi là họ Vương? Ông Trình bày tỏ đầu đuôi sự chỉ giáo của Quán thế âm Bồ tát trong mộng. Vương nói: Nếu quả như vậy, kiếp trước anh giết tôi, kiếp này tôi giết anh, kiếp sau anh lại giết tôi, thế thì không biết lúc nào mới đình chỉ? Chi bằng hai ta hòa hảo cùng nhau, may ra giải thoát được oan khiên. Thôi anh đưa lưng lại đây tôi làm phép giả chặt anh 26 nhát để gọi là đền nợ xưa, và xin bảo hộ toàn gia vô sự, nguyện suốt đời ăn ở tốt với nhau.

Xem thế ta biết sự cứu độ chúng sanh của Bồ tát ứng hiện đủ mọi cách không thể nghĩ bàn được.

Trích Dĩ cầu thơ.

Đời nhà Tống tại Lâm An, có một vị tên là Trương Công Tử, một hôm đến xem một ngôi chùa đã gần sụp, trong ấy có một pho tượng Quán thế âm tay chân bị sứt mẻ, ông ta xin với vị sư ở đó đem về tu bổ để thờ. Về sau gặp giặc ông ta nhảy xuống giếng để trốn, thấy đức Quán thế âm hiện hình nói với ông ta: Ngươi hiện nay phải bị chết, ta không thể cứu ngươi được, vì rằng kiếp trước ngươi đã giết một người tên là Đinh Tiểu Đại, nay y tới sẽ giết ngươi để báo thù. Nói chưa dứt lời thì liền có một người tay cầm xà mâu đến đứng trên giếng kêu Trương Công Tử lên. Trương Công Tử liền hỏi: Ông có phải là Đinh Tiểu Đại không? Ông ngạc nhiên hỏi Trương Công Tử: Vì sao anh lại biết được tên họ ta? Trương đáp: Chính là do đức Quán thế âm Bồ tát đã chỉ thị cho tôi, tôi sẽ đem mạng cho ông. Đinh nói: Thế thì anh và tôi nên giải oan thù, không nên kết oán nghiệp lại đời sau làm gì nữa. Hai người vui vẻ chia tay nhau, mỗi người đi một ngã.

Đây cũng là một phương thiện xảo do lòng từ bi phổ độ của Bồ tát, bất khả tư nghì vậy.

---o0o---

5. ÁC QUỶ

Triều nhà Tùy niên hiệu Nhon Thọ, núi Chung Nam Sơn ở Tây An gọi là Nam ngũ đài, trên núi có một con độc long hay biến hình thường thường hiện thân đạo sĩ đến Tây kinh bán thuốc, tuyên bố rằng: Hễ ai uống thuốc này có thể lên trời được. Không ngờ nó dùng phép yêu thuật bắt bao nhiêu người đem bỏ vào trong núi để ăn thịt thật là nguy hiểm. Bỗng có một tăng sĩ không biết từ đâu đến, dựng am tranh ở trên chóp núi. Yêu thuật của độc long từ đó không còn lộ hành nữa. Dân chúng xa gần sùng bái rất đông!

Đến năm thứ hai ngày 19 tháng 6 âm lịch, vị tăng sĩ không bệnh mà tịch (chết). Sau khi hỏa táng, tự nhiên về hướng Đông hiện ra một kim kiều, thiên nhon sắp hàng hai bên đánh nhịp, rải các thứ hoa thơm ngát. Mọi người trông thấy ở trong này hiện ra trăm đạo hào quang rực rỡ phi thường! Trên hào quang có Bồ tát hiện thân, hình tướng trang nghiêm, diện mạo hiền từ vô cùng đẹp đẽ, đầu đội mũo anh lạc, mình mặc áo kim cương, mỗi mỗi đều trông thấy rõ ràng. Giờ lâu mới ản vào trong mây bạc.

Ai cũng cho đó là hóa thân của đức Bồ tát Quán thế âm. Từ đó người ta lấy ngày 19 tháng 6 Âm lịch làm ngày vía của Ngài.

Trích Nam ngũ đài sơn tích ký.

Ngài Huyền Tráng pháp sư trong thời gian còn ở Tứ Xuyên trông thấy một người bệnh, thân mình đầy cả ghẻ chốc, hôi thối không chịu nổi. Động mỗi từ tâm, ngài trao cho một ít tiền, áo quần và đồ ản. Rất lạ là người bệnh ấy đọc thuộc lòng bài Bát nhã tâm kinh, truyền dạy lại cho pháp sư và dặn rằng: Nếu đi đâu gặp hoạn nạn nên đọc bài kinh ấy thì khỏi. Về sau ngài đi Ấn Độ cầu Pháp, trải qua tám vạn dặm Lưu sa hà, gặp không biết bao nhiêu gian nan hiểm trở và vô số ma quỷ yêu quái đoanh vây, ngài chỉ niệm Tâm kinh ấy mà đều thoát nạn. Nhờ thế ngài đạt được mục đích, đến Ấn Độ bình an vô sự.

Trích Tây du ký.

Tại Giang Hạ có nhà làm chay. Một em bé gái đến xem, bỗng có một con quỷ hình thù to lớn bắt em ấy bỏ vào trong một phòng tối đóng cửa lại. Em la hét rầm lên mà người hai bên đều không nghe thấy. Chốc lát con quỷ dắt em bé chạy. Chạy độ một quãng đường, thoát thấy ánh sáng hồng chiếu đến, con quỷ sợ hãi, bỏ em bé trốn mất. Ánh sáng càng lại gần, em trông thấy một đoàn người hộ vệ một vị cao lớn mình đeo toàn ngọc anh lạc, cất tiếng hỏi em muốn đi về đâu và tự giới thiệu: "Ta là Nam hải đại sĩ, nên đi theo ta." Chốc lát em thấy đi đến một chỗ đền đài lầu các lung linh tráng lệ, không phải cảnh giới phàm trần sánh kịp. Đại sĩ cùng nhiều thị giả nói chuyện. Trong số đó có một thị giả dắt đến một con quỷ. Đại sĩ bảo một người bạn kim giáp đuổi đi. Lại trông thấy một người đội mũo vàng cúi đầu đánh lễ đại sĩ và thưa: "Người mẹ em bé này ản trường trai và thờ Phật rất thành kính." Đại sĩ nói với em bé: "Mẹ con làm lành rất đáng khen, con nên theo người đội mũo vàng này mà trở về, khi đi nên nhắm mắt lại." Em bé vâng lời nhắm mắt đi theo người đội mũo vàng, trong nháy mắt đã đến nhà, thấy mẹ ngồi

đầu giường tay bỗng một em bé giống hệt như mình. Nó bỗng mê đi rồi tỉnh lại liền ngồi dậy bên giường mở miệng kêu mẹ! mẹ! Hỏi ra mới biết từ khi em bé đang xem đám chay thì bị xâm ngạt nằm thiêm thiếp đã hơn một tháng nay, bây giờ mới tỉnh lại, cả nhà rất mừng rỡ. Về sau em bé ấy lớn lên phát nguyện ăn trường trai và thọ trì kinh Quán thế âm rất chuyên cần.

Trích Dạ đàm tùy lục.

---o0o---

6. LAO TỬ

Đời nhà Đường có một người tên Đông Hùng, ông ta làm chức Đại lý quang về triều vua Đường Thái Tôn, lúc nhỏ đã ăn chay thờ Phật rất thành kính. Nhon vì có hiềm khích với bạn đồng liêu, bị vu cáo phải tống giam vào ngục. Không biết kêu cứu vào đâu, chỉ nhất tâm đọc tụng Quán thế âm Bồ tát Phổ môn phẩm và niệm danh hiệu ngài. Rất lạ là gông xiềng tự nhiên được cởi mở mà khóa xiềng vẫn y nguyên. Giám mục bảm lên, ngự sử Trương Thủ Nhất đích thân đến khám nghiệm, cho là kỳ quái, cho xiềng khóa lại rất kỹ lưỡng. Đông Hùng chiếu thường lệ chí thành tụng kinh, khóa xiềng lại tự nhiên rớt xuống đất mà niêm phong vẫn như cũ. Nhờ thế được xét lại mới biết là oan, liền được trả lại tự do.

Trích Pháp uyển châu lâm.

Triều nhà Trần có một người tên là Đậu Truyền, khi làm chức bộ binh ở Cao Xương bị Lữ Hộ bắt làm tù binh, đồng đội bảy người đều bị giam vào ngục thất, định đến vài ngày sau sẽ đem giết. Đậu Truyền chuyên tâm niệm danh hiệu Quán thế âm Bồ tát ba ngày đêm, xiềng xích tự nhiên được cởi mở. Đậu Truyền nói: Cá nhon tôi tuy được nhờ đức từ bi Bồ tát cứu độ, nhưng bạn đồng đội còn bị bắt, nỡ nào một mình thoát nạn, cầu mong Đại Sĩ rủ lòng phổ độ. Nói xong bạn đồng đội tự nhiên cũng được tháo mở xiềng xích, cả bọn thừa lúc đêm tối, mở cửa trốn thoát.

Trích Pháp uyển châu lâm.

---o0o---

7. GIẶC CUỚP

Đời nhà Ngụy có một vị xuất gia tên là Lãng đại sư bị giặc bắt đem đi, giam tại trong vòng vây, đại sư cùng bạn đồng học muốn trốn thoát, nhưng bốn mặt đều bị canh phòng nghiêm mật, vô lộ khả đào, hai bên đều vách đá lởm chởm không biết mấy tầng lớp, có một cây đại thọ nằm sát ở góc thành, liền leo lên cây thông dây tụt xuống. Đêm đã tối, dưới hồ lại toàn gai góc chẳng biết sâu cạn, không biết để chân vào đâu mà xuống, níu dây mà thầm nghĩ: nguy rồi vậy! Thế rồi mặc niệm danh hiệu Quán thế âm Bồ tát! Giây lát thấy hào quang chiếu sáng. Lăn tuột xuống đến đất thì thấy một con cạp to lớn, đồng bọn hết sức sợ hãi không sao thoát khỏi miệng cạp. Đại sư nói: Chúng ta được cứu, quyết định là nhờ oai lực của Bồ tát, cạp này chắc chắn không ăn người, phải chăng là Bồ tát thị hiện để đem đường cho chúng ta, chúng ta cứ theo cạp mà đi, chắc thoát được tai nạn. Lạ thay, hễ người đi chậm thì cạp cũng đứng đợi. Trời sáng thấy được đường về thì cạp cũng biến đâu mất!

Trích Pháp uyển châu lâm.

Đời nhà Minh, niên hiệu Gia Tĩnh, có người tên Hoàng Ngạn Sỹ, cùng vợ Nhan Thị gặp thời loạn ly, mỗi người chạy một ngã. Nhan thị trốn ẩn vào chùa các ni cô, Ngạn Sỹ tìm đã ba năm không dò ra tung tích. Một hôm đi lang thang bên cạnh một ngôi chùa trông thấy một cây dương khô, trong cây có một cái bọng. Ông ta thò tay vào trong bọng lôi ra được một gói vàng và một bản phở khuyến, tự suy nghĩ: Đây không phải là vàng rơi mà lại là của mười phương Tam bảo. Ông ta đợi ở đó xem thử có người nào đến nhìn không. Cách vài ngày thấy có một ni cô già đến khóc lóc than van: Ta phát nguyện đúc một pho tượng Quán Thế âm nên đã khuyến giáo được ba ngàn lượng vàng, vì sợ gian đạo dòm thấy nên giấu vào trong bọng cây khô này, không ngờ ai đã lấy mất, bây giờ chỉ có nước chết để đền tội mà thôi! Hoàng Ngạn Sỹ nói: Tôi ở đây đã hai ngày đợi người đến nhìn, nay xin y số trả lại bà. Ni cô già bái tạ và xin mời ghé lại chùa xơi nước. Ông Hoàng theo ni cô vô chùa, đi đến cửa thì liền thấy vợ là Nhan thị ra đón, hai người nhìn nhau chảy nước mắt kể lại sự tình ly biệt! Kế đó có người nhà buôn nọ mời ông ta về kèm trẻ trong gia đình. Về sau ông thi đậu làm quan lên đến chức nhị phẩm, sanh hai con, vợ chồng đều lên thượng thọ!

Trích Hàng trung phẩm

---o0o---

GIẢI BA ĐỘC

1. THAM

Triều nhà Lương, ở Kim Lăng, có người đàn bà họ Châu nghe trên tổ chim ung có tiếng con nít khóc, liền bắc thang lên dòm, trông thấy một em bé, đem về nuôi làm con. Sau đi xuất gia lấy hiệu là Bửu Chí đại sỹ, chuyên tu thiền định. Đầu niên hiệu Thái Thủy nhà Tống, lập hạnh đặc biệt, trên vai thường mang một cái kéo và một cái gương, có khi mang một tấm vải. Niên hiệu Kiến Nguyên đời nhà Tề, lần lần hiện ra nhiều di tích, gặp người hay nói những việc chưa đến, lúc đầu người nghe không ai để ý, nhưng về sau đều có hiệu nghiệm. Vua Lương Võ Đế rất sùng mộ thường cung kính lễ bái và tán thán ngài rằng: Nước không trôi, lửa không cháy, rắn không cắn, cọp không sợ, nói đến Phật lý thì ở trên các hàng Thanh văn v.v... Nhà vua sai họa sỹ Trương Tăng Do vẽ tượng ngài. Bửu Chí biến hiện hình Quán thế âm 12 mặt, thân tướng vô cùng trang nghiêm, hoặc từ, hoặc oai, ông Do không thể vẽ được. Lại có ông Trần Chính Lỗ toàn gia đều cúng thờ Bửu Chí, ngài hiện ra nguyên hình, quang tướng hoàn toàn như hình Quán thế âm Bồ tát.

Ngài biến hiện vô số linh tích, không thể chép hết.

Trích Cao tăng truyện, tập đầu.

Đời nhà Đường niên hiệu Nguyên Hòa năm thứ 12 tại Hiệp Thanh trên thác Kim Sa, có một người con gái đẹp đẽ vô cùng, thường xách giỏ đi bán cá, ai trông thấy cũng muốn cưới làm vợ. Người con gái tuyên bố: "Trong một ngày ai đọc thuộc lòng được phẩm Phổ môn thì tôi xin nguyện theo sửa áo nâng khăn." Qua ngày thứ hai có đến hai chục người đến đọc thuộc phẩm Phổ môn. Nàng nói: "Không lẽ một mình tôi mà làm vợ cả hai chục người! Thôi thì ai đọc thuộc quyển kinh Kim cang Bát nhã tôi sẽ là vợ người đó." Lại có đến mười người đọc thuộc. Nàng lại nói: "Trong ba ngày nếu ai đọc thuộc bộ kinh Pháp hoa bảy quyển tôi xin làm vợ." Chỉ có một mình Mã Sanh đọc thuộc. Đến ngày nghênh hôn thì nàng chết tại trong phòng tân lang! Trong chốc lát thân hình vừa nát, thối tha hôi hám. Cả nhà vội vã lo mai táng. Về sau có một vị hòa thượng không biết từ đâu đến xin với Mã Sanh cho đào mả nàng, khi giờ quan tài để xem chỉ thấy dây vàng ròng khóa lấy xương cốt ở trong hòm. Hòa thượng nói: "Đây là Quán thế âm Bồ tát thị hiện để hóa độ người tham dục." Nói xong hòa thượng tay xách bộ hài cốt bay lên giữa hư không đi mất.

Trích Quán âm cảm ứng thiên.

Vua Minh Vương là Văn Túc Công cho tước người con gái là Đàm Dương Đạo nhân. Lúc nhỏ Đàm Dương thờ đức Quán thế âm rất chí thành. Một hôm mộng thấy Bồ tát dẫn đi xem tòa sen thất bửu ở Tây phương. Lại có một ngài Bồ tát hiện thân đầy đủ 32 tướng tốt trang nghiêm, hỏi Đàm Dương: Đẹp không? Đáp: Đẹp. Hỏi: Ưa không? Đáp: Không. Đã đẹp, vì sao không ưa? Đệ tử nghe Phật dạy: Nếu dùng sắc thấy ta, dùng âm thanh mà cầu ta, người ấy là tà đạo, không thể thấy Như lai (Nhược dĩ sắc kiến ngã, dĩ âm thanh cầu ngã, thị nhơn hành tà đạo, bất năng kiến Như lai. Kinh Kim Cang). Bồ tát hết sức hoan hỷ.

Trích Nhất hạnh cư tập.

Vua Văn Tông hoàng đế nhà Đường ưa ăn thịt bọ bọ (sò) có một hôm lý thiện (đầu bếp nhà vua) mua được một con bọ bọ rất lớn, dao mổ không ra. Tự tay Hoàng đế gõ vào thì hả ra, trong ruột có một tượng Quán thế âm Bồ tát. Hoàng đế rất kinh dị, liền sắc dùng vàng trang sức một cái khám bằng gỗ hương chiên đàn, đem đến chùa Hưng Hiện phụng thờ, từ đó nhà vua không ăn sò nữa.

Trích Truyền đăng lục.

---o0o---

2. SÂN

Đời nhà Tùy, ngài Huệ Cung, đương lúc gặp vua Châu Võ phá pháp, ngài qua Kinh Dương học đạo; ngài Huệ Viễn ở chung chùa thì qua Trường An nghe kinh. Hơn ba mươi năm hai ngài mới gặp lại nhau. Ngài Huệ Viễn thuyết pháp, lời lẽ lưu loát nghe như suối chảy, ngài Huệ Cung trái lại không biết thuyết pháp. Ngài Huệ Viễn nói: Cách nhau đã nhiều năm, nay vui mừng được hội ngộ, tại làm sao không nói được lời gì? Phải chăng ngài đã chứng được cảnh giới vô sở đắc ư? Huệ Cung đáp: Tôi chỉ tụng được một quyển kinh Quán thế âm. Huệ Viễn nói: Cái đó ai cũng biết tụng, ông trước cùng tôi thệ nguyện, trông mong chứng được đạo quả, không dè đã hơn ba mươi năm nay mà chỉ tụng được một quyển kinh ư? Nếu không phải ám độn thì cũng là biếng nhác! Vậy từ đây xin tuyệt giao. Huệ Cung nói: Một cuốn kinh tuy ít nhưng chính miệng Phật dạy ra, nếu ai tôn kính thì quyết được vô lượng phước đức, ngược lại khinh mạn thì bị vô lượng tội khổ. Mong rằng ngài bớt giận, tôi xin tụng một biến, rồi sẽ cùng ngài từ biệt. Nói xong, đánh lễ Phật, lên pháp tọa, xướng câu đề kinh thì hương thơm ngào ngạt khắp xa gần, đọc đến chánh văn thì nghe trên trời đánh nhạc, giữa hư không tự nhiên

rải hoa cúng dường, tiếng nhạc du dương vang dội cả trời, hoa bay xấp xới rải rắc khắp đất! Tụng xong hạ tọa, hoa nhạc mới ngưng. Ngài Huệ Viễn cúi đầu đánh lễ khốc lóc sám hối rằng: Huệ Viễn này ngu độn, đâu dám sống còn ở dưới mặt trời, cúi mong ngài tạm thời lưu trú dạy dỗ cho! Ngài đáp: Huệ Cung bất tài không có năng lực, đó chẳng qua là nhờ Phật lực mà thôi. Nói xong vái chào từ biệt.

Trích Cao tăng truyện.

Ông Du Tập đời nhà Tống làm quan ở quận Hưng Hóa. Nhân đi thuyền đến xứ Hội Thượng, người trong thuyền đến mua bọ bọ nấu ăn, Du Tập không ăn lại đem thả xuống nước. Một hôm gặp con rất lớn, Du Tập trả giá gấp hai để mua. Thuyền chủ không bán, bỏ vào nồi nấu. Bỗng nghe tiếng kêu rất lớn, ánh sáng từ trong nồi tuôn ra. Dở nắp xem, con bọ bọ há miệng, bên trong hiện ra một tượng Quán thế âm, tướng tốt trang nghiêm, áo mũ, chuỗi ngọc anh lạc và bụi trúc cành lá sum suê, đều là ngọc quý tạo thành. Du Tập gọi người cả thuyền đến xem, ai cũng niệm Phật sám hối, phát nguyện không ăn thịt bọ bọ nữa.

Trích Di kiên chi.

---o0o---

3. SI

Đời nhà Đường, ngài Huệ Nhật thiền sư đáp thuyền đi Ấn Độ lễ bái các thánh tích đức Phật Thích ca Mâu ni tại nước Kiên đa la. Khi lên núi hướng Đông cửa thành ấy, chí thành cầu đảo đức Quán thế âm Bồ tát, trông thấy Đại sĩ hiện thân bảo: Chuyên tâm tu niệm danh hiệu Phật A di đà và phát nguyện vãng sanh Cực lạc thế giới, thấy Phật và ta, được rất nhiều lợi ích! Nên biết pháp môn Tịnh độ hơn tất cả pháp môn khác.

Khi về nước, ngài Huệ Nhật được nhà vua sắc tứ hiệu là Từ mẫu Tam tạng, chuyên tu tịnh độ, viết sách Vãng sanh Tịnh độ lưu hành ở đời.

Trích Cao tăng truyện tập III.

Ở Ấn Độ, ngài Luận sư Giới Hiền, trong thời gian giảng luận Du già sư địa cho Pháp sư Huyền Tráng, có một người Bà la môn đến nói: Tôi từng phát nguyện trước tượng đức Quán thế âm Bồ tát tại núi Phổ đà lạc già, kiếp sau làm quốc vương, Bồ tát hiện thân quả tôi rằng tương lai có Luận sư Giới

Hiền, giảng luận Du già sư địa cho một vị Hòa thượng người Trung Quốc, người nên đến đó nghe, hơn nhờ nghe pháp đó rồi được thấy Phật, cần chi phải làm quốc vương! Nay quả nhiên như lời ngài dạy, được nghe giáo pháp.

Trích Đường Tam Tạng truyện.

Khi vua Thành Tổ nhà Minh đang làm Yên vương, bà vương hậu gặp ngày nguyên đán ngồi tịnh niệm, thấy mình đi đến chỗ đức Quán thế âm Bồ tát, hào quang rực rỡ, tràng phan bảo cái châu ngọc lung linh, đèn đài rất tráng lệ. Bồ tát bảo: Phật dạy kinh Đệ nhất hy hữu đại công đức, có thể tiêu tai chứng quả. Người sẽ làm quốc mẫu thiên hạ, phước đức quang minh, có thể lãnh nhận sự phó chúc này, để cừu bạt sinh linh. Nói xong liền dùng nước cam lồ rưới lên đánh có cảm giác thân tâm vô cùng mát mẻ! Khi tỉnh mộng, trong miệng còn nghe mùi thơm, bàn đọc tụng những kinh chú mà Bồ tát đã truyền thọ trong khi mộng, không sót một chữ. Về sau gặp nạn giặc binh vây thành rất nguy khốn đều nhờ trì tụng kinh chú ấy mà cả thành hơn dân đều được an ổn.

Ông Lý Văn Công đời nhà Đường hỏi ngài Dược Sơn thiền sư rằng: Thế nào gọi là Hắc phong xuy kỳ thuyền phưởng, phiêu nhập La sát quỷ quốc (Gió dữ thổi thuyền bè trôi vào nước quỷ La sát). Thiền sư đáp: Lý tiểu tử hỏi việc đó làm gì? Văn Công nổi giận đỏ mặt. Ngài cười bảo: Đó chính là gió dữ thổi thuyền bè vào nước quỷ La sát vậy.

Trích Cao tăng truyện.

---o0o---

CHIẾC PHI THUYỀN GIỮA BIỂN CẢ.

Câu chuyện linh cảm tôi sắp kể lại sau đây là tôi đã nghe chính ngài trụ trì chùa Huyền Tôn ở làng Thạnh Mỹ Lợi tỉnh Gia Định thuật lại:

Ông Brilliant, người Nam nhập Pháp tịch có một bà mẹ rất tin sùng đạo Phật, thường ngày được mẹ đem những điều hiểu biết về giáo lý và nhất là sự linh cảm của đức Quán thế âm giảng dạy cho. Nhờ đó, ông thường niệm danh hiệu ngài những lúc lâm nguy và đều được như ý.

Lớn lên ông đi lính và năm 1940, ông được đóng lon thiếu úy Thủy phi thuyền.

Một hôm ông cùng đại úy Touppant và trung úy Letournad, ba người ngồi phi thuyền ra đảo Côn Nôn. Lúc trở về vì hỏng máy, bị rơi xuống biển và giữa sóng to gió lớn, chiếc phi thuyền chồm lên ngụp xuống. Có một điều lạ là chỉ chực chìm mà chưa chìm. Trong lúc hai ông kia đành chờ chết thì thiếu úy Brillant nhất tâm cầu nguyện đức Quán thế âm Bồ tát. Chiếc phi thuyền vẫn lững lờ trôi trong hai tiếng đồng hồ, thì gặp chiếc tàu đánh cá của người Nhật đi đến dòng dây xuống kéo họ lên. Vừa lên được trên tàu, ngoảnh lại nhìn thì chiếc phi thuyền đã chìm dần xuống bể sâu. Tất cả mọi người trên tàu cho đến hai ông trung úy Letournad và đại úy Touppant đều ngạc nhiên cho sự lạ ấy: Vì từ nãy đến giờ sao nó không chìm. Lúc đó thiếu úy Brillant mới kể lại lời cầu nguyện của ông ta và mọi người đều cho rằng họ thoát khỏi tai nạn là nhờ sự linh cảm của đức Quán thế âm Bồ tát.

Từ đó, đại úy Touppant cũng trở thành một Phật tử thuần thành, và để tỏ lòng ghi ơn, ông đã lập nên một chùa nhỏ thờ Phật tại xóm Cát Lái, làng Thạnh Mỹ Lợi tỉnh Gia Định, và ông thường đích thân đến làm lễ.

Lê Trí An (Biên Hòa).

---o0o---

NGƯỜI DÂN CHÀI XÓM TẤN

Chuyện xảy ra tại xóm Tấn, cửa biển Quy Nhơn vào năm 1944. Vào độ tháng ba tiết trời bình lặng nên có mười chiếc ghe ra đánh cá ngoài khơi. Thành tình trời trở tố, bao nhiêu ghe đều theo sóng biển mà không về. Trong xóm nhà nào nhà nấy đều khóc rân và phát tang cả.

Thành tình mười ngày sau, hai anh Trần Tố và Lê Bá Cảnh cùng tất cả trai bạn trong ghe trở về làm trong nhà mừng quá đỗi. Bà con xúm lại hỏi chuyện thì các anh kể lại như sau:

"Khi trời nổi gió, tất cả các ghe đều không kịp trở tay, ngó chung quanh thì mấy ghe kia đều mất dạng cả, phần các anh cũng khó phương cứu thoát. Hai anh sức nhớ lại mới đồng chấp tay niệm danh hiệu đức Quán thế âm, cứ như thế ghe trôi đi xa, người trong ghe mê man cả, lúc tỉnh dậy thấy mình nằm trên bãi bể Nha Trang. Người trong làng chạy ra dìu họ vô, nấu cháo cho ăn. Và sau khi rõ chuyện, giúp cho họ tiền tàu để trở về làng."

Hồi đó, tôi là một hội viên của Phật học Quy Nhơn ở gần xóm Tấn, nên được thấy và nghe rõ câu chuyện này. Các đạo hữu kể trên, hiện còn ở trong xóm có thể làm chứng cho câu chuyện tôi vừa kể.

Nguyễn Văn Đảo, hiện ở Khuôn Hội

Thuận Lập, Đà Nẵng.

---o0o---

BÀ LÃO KỶ DỊ

Năm năm trước, tôi đã đau bàn tay rất lạ kỳ. Trước hết nó mọc lên nhiều mụn nhỏ li ti, mụn sanh ra rất mau, kết liên lại làm mũ, ăn phòng da lên, ăn mé vào thịt đau như dùi châm, ngứa hơn ráy chà, đêm như ngày xói vào da thịt, khó chịu hết nổi, làm cho tôi chỉ ngồi ôm tay mà khóc. Xức thuốc và tiêm kim rất nhiều vẫn không hiệu quả.

Tôi nhớ lại hôm đó là mùng 8 tháng 9 Âm lịch, tôi ôm tay ngồi trước bàn Phật, tính nhắm lại còn mười ngày nữa là vía đức Quán thế âm, mình đau tay như thế này, lấy ai mà lo sắp đặt dọn dẹp để làm lễ. Mắt tôi nhìn lên tượng Ngài, miệng lâm râm cầu nguyện Ngài rủ lòng độ trì cho tai qua nạn khỏi, hoặc gặp thầy hay thuốc tốt cho được mau lành.

Vào khoảng chiều hôm đó, trong lúc tôi đang ngồi ôm tay buồn bã, thì một bà lão ăn mày tướng mạo phương phi bước vào cất tiếng hỏi tôi: Bà khóc vì đau tay phải không? Cho tôi xem ra sao? Tôi đưa tay cho bà xem và nhờ bà cho biết thuốc chi hãy chỉ giùm. Bà coi xong bày cho tôi bài thuốc sau: Lấy lá trà và lá chổi rành nấu lên rồi ngâm tay vào rửa cho thật sạch, lấy một ít bồ hóng nghiền cho mịn, xức trong ba ngày, mỗi ngày ba bận là lành. Theo lời bà, tôi nhờ người làm và xức ngay tối hôm đó, thì rất may là bớt nhức, ngủ được. Sáng ngày thấy bớt được đôi ba phần. Liên tiếp trong ba ngày chỗ lở khô như vỏ cau khô, ở trong có lớp da non đỏ lói. Đến ngày vía, tôi đã tự mình sắp đặt làm lễ được. Có điều rất lạ là sau hôm đó, tôi và người nhà đã cố công tìm bà lão để tạ ơn, nhưng tìm khắp nơi mà vẫn không gặp được.

Bàn tay tôi không đau lại nữa, và bài thuốc trên tôi bày cho nhiều người đau tương tự nhờ ơn Phật đều được lành cả.

Bà Minh Hạnh, Huế.

---o0o---

NHIỆM MÀU THAY ĐỨC TIN

Cùng trong thời kỳ kháng chiến, một ông quận trưởng tại tỉnh Thừa Thiên, một Phật tử thuần thành am tường Phật pháp, nhân một cuộc đi bố ráp, bị thương ở sau mông bởi một mảnh lựu đạn của địch. Được đưa vào cấp cứu tại bệnh viện Huế, mặc dầu có sự săn sóc tận tụy của bác sĩ, máu ở vết thương vẫn rỉ rả chảy mãi không cầm (có loại máu không thuốc gì cầm chảy được một khi bị thương tích, ai bị bệnh này phải chịu chết). Biết sức người không sao cứu khỏi, ông chỉ mong ở hạnh từ bi của đức Quán thế âm, một là cứu cho khỏi bệnh, hai là nếu đã tận số thì tiếp dẫn cho về cõi cực lạc nên ông thành tâm tinh tấn niệm danh hiệu Ngài.

Một đêm đang mơ màng, ông thấy dạng một người đàn bà mặc đồ trắng, mở cửa phòng bước vào và nhẹ nhàng đi ra, sau khi đưa tay thoa vết thương. Giật mình tỉnh dậy, ông hỏi bà vợ nằm bên cạnh đây có thấy bóng người vào không, thì bà ta nói có thoáng thấy một người đàn bà vào và tưởng là y tá đến trông nom bệnh nhân.

Ngạc nhiên và sung sướng thay, ông ta đưa tay vào vết thương, thấy máu ướm khô, và từ đấy vết thương lành dần rồi khỏi hẳn.

Bùi Cúc, Nha Trang.

---o0o---

BÀ MẸ ÔNG LƯU

Từ mùa Đông năm Nhâm thìn, tôi bắt đầu suy nghiệm về bốn lời dạy của ông Viên Liễu Phàm và bài Du công tịnh ý. Tôi thấy được việc đời đều do nhân duyên mà tạo thành; và tự ta, gây nghiệp tốt xấu cho ta.

Đến mùa Đông năm Quý ty, tôi vui lòng ăn năn tội lỗi. Tôi sốt sắng giúp đỡ cho bà con xóm giềng nghèo khổ, và hằng ngày, tôi quỳ tụng kinh chú đức Quán thế âm để cầu cho mẹ tôi sống lâu.

Nhưng một hôm kia, bệnh hỏa đàm trước đây của mẹ tôi phát ra nặng hơn những lần trước. Mẹ tôi cũng tin Phật lắm, bèn gọi tôi đến bảo:

Bệnh ta trở đi trở lại đã ba mươi mốt năm rồi, thuốc thang không lành. Nay con chuyên chú đọc kinh mà bệnh mẹ lại nặng hơn thì là mẹ già bạc phước, nghiệp chướng nặng nề nên không thọ cảm được, con ạ!

Tôi cảm động quá. Tôi nghĩ rằng tất cả căn nguyên đều do tôi chưa thành tâm mấy nên vọng niệm chưa trừ mà thôi. Tôi an ủi mẹ rồi tôi đốt hương giữa trời quỳ niệm với tất cả chí thành. Tôi phát tâm làm mọi việc lành với hết lòng cầu nguyện đức Quán thế âm cứu mẹ tôi mau lành. Khi đứng dậy thì thấy đầu gối tôi rom rớm máu mà tôi chẳng biết đau tí nào.

Hai ngày sau mẹ tôi đã khỏe và đòi ăn cháo. Tôi mừng lắm. Hôm ấy tôi nằm mộng thấy một vị Đạo sĩ vào nhà bảo mẹ tôi ngồi dậy và cho uống một chén nước màu xanh. Mẹ tôi uống hết chén nước thì thấy tươi tỉnh hẳn, cảm ơn Đạo sĩ vô cùng.

Sáng ấy, bệnh mẹ tôi giảm đi phân nửa và ba bốn hôm sau thì lành hẳn. Và cái cố tật của hơn ba mươi năm về trước không còn thấy trở lại.

Điều cảm ứng trên khiến tôi càng tin đạo nhiệm mầu. Tôi lại càng thành tâm tiếp tục tu niệm và ăn ở theo đường lành.

Lưu Sơn Anh, người Trung Hoa.

---o0o---

ÁNH SÁNG LẠI VỀ

Đời nhà Thanh ông Đinh Truyền có người bà tên Khổng Thái Quân bị bệnh mù mắt đã hơn hai chục năm trời, chưa phương gì chữa khỏi.

Một ngày, vào khoảng đầu xuân năm Nhâm tý hình như cái đau đớn khổ sở vì sự không trông thấy gì của mình đã lên đến độ không thể kìm hãm chịu đựng được nữa, bà Thái Quân mới kêu cháu lại gần mà than rằng: Giá gì đôi mắt ta được hé sáng trong chốc lát, chỉ chốc lát thôi thì nguyện vọng của thân già này cũng đủ để thoải mái lắm rồi. Thông cảm tâm sự u buồn của bà, ông Đinh Truyền chỉ còn biết âm thầm thất vọng nhìn bà. Bỗng một ý nghĩ đột nhiên đến, Đinh Truyền bèn vui vẻ thưa rằng: Kính thưa bà, đức Quán thế âm là đáng mẹ hiền cứu khổ, ai nhứt tâm trì tụng cầu nguyện lên Ngài, chắc tâm thành sẽ linh ứng. Vậy theo ý con, từ nay đêm ngày bà nên chịu khó chuyên tụng thánh hiệu Đại bi Quán thế âm Bồ tát, niệm thánh hiệu thôi cũng đủ rồi bà ạ! Vì chú thì dài nhiều câu khó thuộc. Biết đâu ánh sáng lại

chẳng trở về trong đôi mắt đẹp thuở xưa của bà. Tin tưởng ở lời khuyên của cháu, từ đây Thái Quân ngày đêm tu niệm bảy chữ: Đại bi Quán thế âm Bồ tát, không nghỉ. Chưa đầy một tháng sau, một con mắt bà bắt đầu hé mí trông rõ bàn tay. Được nhìn cảnh con cháu quây quần vui sống, bà không khỏi thâm biết ơn đáng từ bi cứu khổ, nguyện phát thế tu hành cố gắng noi theo gương sáng của Ngài, giúp đỡ kẻ bần hàn đói rách.

Quán thế âm trì niệm ký.

---o0o---

PHẬT DẠY AN TỔNG KINH, TƯỢNG ĐƯỢC MƯỜI CÔNG ĐỨC

1. Đã lỡ phạm tội, nếu tội nhẹ thì liền được tiêu tan, nếu tội nặng thì được chuyển thành nhẹ.
2. Thường được thiện thần ủng hộ, tránh khỏi tất cả ôn dịch, đao binh, giặc cướp, tù tội, lửa cháy, nước trôi v.v...
3. Nhờ chánh pháp mà những kẻ oán thù với mình trong kiếp trước được giải thoát nên tránh được sự khổ sở về tội báo thù.
4. Ác Quỷ Dạ xoa không thể xâm phạm, cọp đói, rắn độc không hại được.
5. Tâm được yên ổn, ngày không có sự nguy hiểm, đêm không có ác mộng, nhan sắc sáng sủa tươi tắn, khí lực dồi dào, việc làm tốt, lợi.
6. Hết lòng phụng sự chánh pháp, tuy không mong cầu nhưng cơm ăn áo mặc tự nhiên đầy đủ, gia đình hòa thuận phước thọ miên trường.
7. Lời nói và việc làm, trời, người đều hoan hỷ; đến nơi nào cũng được nhiều người kính mến.
8. Nếu ngu si thì chuyển thành trí huệ, bệnh tật chuyển thành lành mạnh, nguy hiểm chuyển thành yên ổn, nếu là đàn bà sau khi chết sẽ chuyển thành đàn ông.
9. Xa lìa các đường dữ (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh), được sanh vào các cõi thiện (người, trời) tướng mạo đoan chánh, thông minh, xuất chúng phước lộc hơn người.

10. Dù năng lực để gây căn lành cho chúng sanh, lấy tâm chúng sanh làm ruộng phước và sẽ thu hoạch được nhiều quả tốt. Sanh vào chỗ nào cũng được thấy Phật, nghe pháp; ba thứ trí huệ (văn, tư, tu) mở rộng, chúng được sáu thần thông (thiên nhãn, thiên nhĩ, tha tâm, túc mạng, thần túc và lậu tận thông).

Ấn tống Kinh, Tượng được nhiều công đức thù thắng như thế. Cho nên, gặp khi chúc thọ, cầu an, sám hối, cầu siêu, nên hoan hỷ cố gắng ấn tống.

---o0o---

KINH BÁT ĐẠI NHÂN GIÁC

LIÊN HOA SỐ 4 VÀ 5 TRANG 30, NĂM 1958

Kinh Bát đại nhân giác này, nguyên bản dịch chữ Hán của Tổ An Thế Cao là kinh nhật tụng của mọi Phật tử. Lâu nay đã có vài vị phiên dịch ra Việt ngữ nhưng toàn văn xuôi, nay Thượng tọa Thích Trí Thủ lược dịch ra văn vần, bản ý của Thượng Tọa làm việc này là muốn cho hàng Phật tử được thuận tiện trong việc tụng niệm hằng ngày, để bồi bổ thân tâm, tăng phần phước trí.

---o0o---

LỜI TÒA SOẠN

Làm người Phật tử ở đời

Đêm ngày tụng niệm những lời dạy khuyên

Tám điều giác ngộ kinh truyền

Ghi lòng tạc dạ tinh chuyên tu hành

Thứ nhất là tâm thành giác ngộ

Cảnh thế gian quốc độ vô thường

Sắc, tâm, sanh diệt khôn lường

Tứ đại, ngũ uẩn, theo đường khổ, không.

Nguồn tội ác bởi lòng dục vọng
Nghịch oan gia như bóng theo hình
Suy đi nghĩ lại cho tinh
Lần lần giải thoát tử sinh luân hồi.
Thứ hai là ghi lời giác ngộ
Tham dục nhiều lụy khổ thêm nhiều
Dạt dào sanh tử bao nhiêu
Cũng vì tham dục mọi điều gây nên
Muốn sống đời bình yên tự tại
Hãy mở lòng quảng đại vô vi.
Thứ ba là nhớ ghi tâm trí
Lòng tham cầu như ý khó vừa
Chát chồng tội ác ngàn xưa
Cũng vì không chán, không chừa cầu mong.
Bạc Bò tát giữ lòng biết đủ,
An phận nghèo quy củ tu hành
Trau dồi trí thức thông minh,
"Huệ là sự nghiệp" bình sinh đạo thường.
Thứ tư là nhớ đường giác ngộ
Lười biếng gây gốc khổ làm than
Thường tu tinh tấn không ngần

Đẹp giấc phiên não ma quân phục tùng
Phá địa ngục muôn trùng kiên cố
Thoát thành sâu cùng khổ ám, duyên.
Thứ năm là giác ngộ cơ thiền
Ngu si là gốc nhân duyên mê lầm
Bạc Bò tát chuyên tầm học vấn
Nghe thấy nhiều diệt tận nguồn mê
Khai thông tâm trí bỏ đề
Biện tài thành tựu đề huề chúng sanh
Thường giáo hóa an lành tất cả
Ban nguồn vui hỷ xả cho nhau.
Thứ sáu là nhớ câu giác ngộ
Nghèo khổ nhiều đau khổ càng nhiều
Nợ oan vay trả bao nhiêu
Dây oan buộc chặt lắm điều đắng cay
Bạc Bò tát ra tay bố thí
Bình đẳng tâm không nghĩ oán thân
Càng thương những kẻ ác nhân
Quên điều tội cũ thương phần khổ đau.
Giác thứ bảy thân dầu ở tục
Lòng thương vui ngũ dục tránh xa

Giữ gìn ba áo ca sa
Tay bưng bình bát yên hà vui say
Chí xuất gia tháng ngày giữ dạ
Phẩm hạnh lành đức cả cao xa
Sao cho trong sạch lòng ta
Từ bi cứu thoát hằng hà chúng sanh.
Thứ tám là đỉnh ninh giác ngộ
Lửa tử sanh đau khổ vô cùng
Bồ đề tâm phát bao dung
Thề đều tế độ thoát vòng truân chuyên
Chúng sanh khổ lòng nguyện thay thế
Dầu lao đao chẳng kể chẳng phiền
Miễn cho muôn loại đều yên
Hoàn toàn giải thoát lên miền chân như.
Tám điều ấy lời chư Phật dạy
Bậc đại nhân như vậy tu hành
Đạo tâm tinh tấn chí thành
Giong thuyền lên bến vô sanh niết bàn.
Thừa nguyện lực nhân hoàn trở gót
Bể trầm luân cứu vớt sanh linh
Y theo tám việc thực hành

Tuyên dương tiếp dẫn siêu sinh giác đài

Ngộ tử sanh đêm dài đau khổ

Thoát năm trần siêu độ tâm linh

Là người Phật tử chân thành

Hằng ngày nhất niệm, phước sanh tội trừ

Đoạn sanh tử lên bờ giải thoát

Chúng bồ đề cực lạc huy hoàng

Cúi đầu lạy đấng Giác Hoàng

Cầu xin chúng giám đạo tràng từ bi.

Nam mô Bổn Sư Thích ca Mâu ni Phật.

---o0o---

BÁT NHÃ TÂM KINH

Bồ tát Quán Tự Tại, khi quán sâu phép Bát nhã Ba la mật đa, soi thấy năm uẩn đều không, độ thoát hết thảy khổ ách.

"Này Xá lợi phất! Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc; Sắc tức là không, không tức là sắc. Bốn uẩn Thọ, Tưởng, Hành, Thức, cũng đều như thế.

Này Xá lợi phất! Tướng chơn không các pháp, chẳng sanh chẳng diệt, chẳng uế chẳng tịnh, chẳng thêm chẳng bớt. Vì thế trong chơn không, không có Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức; không có Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân, Ý, không có Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc, Pháp; không có mười tám giới, từ nhãn giới cho đến ý thức giới; không có vô minh, cũng không có sự chấm dứt vô minh; không già chết, cũng không có sự chấm dứt già chết; không có Khổ, Tập, Diệt, Đạo; không có Trí mà cũng không có Đắc.

Vì không sở đắc, các đấng Bồ tát đều nương Bát nhã Ba la mật đa. Vì nương Bát nhã Ba la mật đa nên tâm không quái ngại. Vì không quái ngại nên

không kinh sợ, xa lìa được các món mê chấp điên đảo hư vọng, thể nhập Niết Bàn.

Chư Phật ba đời, vì nương Bát nhã Ba la mật đa nên chứng được đạo vô thượng Chánh đẳng Bồ đề. Vì thế nên biết Bát nhã Ba la mật đa là chú đại thần, là chú đại minh, là chú vô thượng, là chú tuyệt vời, trừ được hết thảy khổ não, chơn thật không dối. Vì vậy nói Thần chú Bát nhã Ba la mật đa:

"Yết đế, yết đế ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề tát bà ha." (3 lần)

---o0o---

NGHI THỨC CÚNG GIAO THỪA VÀ VÍA DI LẶC

1. NIỆM HƯƠNG BẠCH PHẬT

Nguyện đem lòng thành kính

Gởi theo đám mây hương,

Phưởng phất khắp mười phương,

Cúng dường ngôi Tam bảo.

Thề trọn đời giữ đạo,

Theo tự tánh làm lành,

Cùng pháp giới chúng sanh,

Cầu Phật từ gia hộ:

Tâm bồ đề kiên cố,

Chí tu học vững bền,

Xa bề khổ nguồn mê,

Chóng quay về bờ giác.

---o0o---

TÂM NIỆM

Nam mô thập phương thường trụ Tam bảo

Nam mô đạo tràng giáo chủ Bổn sư Thích ca Mâu ni Phật.

Ngưỡng khởi thập phương Chư Phật, chư Đại bồ tát, vô lượng Hiền thánh, Hộ pháp chư thiên, Già lam chơn tể, lịch đại Tổ sư, chư vị thiện thần, đồng thù lân mẫn tác đại chứng minh.

Hôm nay năm cũ đã qua, năm mới vừa đến, giờ phút giao thừa, chúng con hiện ở tại tỉnh ... quận ... xã ... chùa ... Thành tâm đốt nén hương lòng, hướng về Tam bảo hiến cúng cầu an nghênh tường tập phước.

Cúi xin mười phương Tam bảo, sát hải vạn linh, nhũ đức từ bi xót thương chiếu giám, điều giáng kiết tường. Phổ nguyện pháp giới chúng sanh hữu tình và vô tình đồng nhờ lợi lạc.

QUÁN TƯỞNG

Phật, chúng sanh, tánh thường rỗng lặng

Đạo cảm thông không thể nghĩ bàn,

Lưới đế châu ví đạo tràng,

Mười phương Phật bảo hào quang sáng ngời.

Trước bảo tọa thân con ảnh hiện,

Cúi đầu xin thệ nguyện quy y.

---o0o---

2. XƯỚNG LỄ TAM BẢO

Nhất tâm đánh lễ nam mô Tận hư không biến pháp giới, quá, hiện, vị lai chư Phật, tôn Pháp, Hiền thánh tăng thường trụ tam bảo (1 lạy).

Nhất tâm đánh lễ nam mô Ta bà giáo chủ, đại từ đại bi Bổn sư Thích ca Mâu ni Phật, Đương lai hạ sanh Di lạc tôn Phật, Linh sơn hội thượng Phật, Bồ tát (1 lạy).

Nhất tâm đánh lễ nam mô Đông phương giáo chủ Tịnh lưu ly thế giới Dược
sư lưu ly quang vương Phật (1 lạy).

Nhất tâm đánh lễ nam mô Tây phương cực lạc thế giới đại từ đại bi A Di Đà
Phật, Đại bi quán thế âm Bồ tát, Đại thế chí Bồ tát, Thanh tịnh đại hải chúng
Bồ tát Ma ha tát (1 lạy).

---o0o---

3. TÁN LƯ' HƯƠNG SẠ NHIỆT

Lư hương sạ nhiệt, pháp giới mông huân

Chư Phật hải hội tất diêu văn

Tùy xứ kiết tường vân, thành ý phương ân,

Chư Phật hiện toàn thân.

Nam mô hương vân cái Bồ tát Ma ha tát (3 lần)

---o0o---

KẾ TÁN

Hải chấn triều âm thuyết Phổ môn,

Cửu liên hoa lý hiện đồng chơn,

Dương chi nhất đích chơn cam lộ,

Tán tác sơn hà đại địa xuân.

Nam mô Đại bi quán thế âm Bồ tát (3 lần).

---o0o---

4. TỤNG ĐẠI BI (5 biến)

TỤNG BÁT NHÃ (5 biến)

TIÊU TAI CÁT TƯỜNG THẦN CHÚ

Nam mô tam mãn đa mẫu đà nẫm, a bát ra đễ hạ đa, xá ta nẵng nẫm, đát điệt

tha. Án khu khu, khu hê, khu hê, hồng hồng, nhập phạ ra, nhập phạ ra, bát ra nhập phạ ra, bát ra nhập phạ ra, đề sắc sá, đề sắc sá, sắc trí rị, sắc trí rị, ta phân tra, ta phân tra, phiên đề ca thất rị duê, ta phạ ha (3 lần).

---o0o---

5. TỤNG

Nguyện trú cát tường dạ cát tường

Trú dạ lục thời hằng cát tường,

Nhất thể thời trung cát tường giả.

Duy nguyện từ bi thù gia hộ.

Nguyện ngày an lành đêm an lành

Đêm ngày sáu thời thường an lành,

Hết thấy thời gian đều an lành.

Xin nguyện từ bi thường gia hộ.

(Đọc ba lần, lạy ba lạy).

---o0o---

6. TỤNG BẢY BIẾN CHÚ

Thất phật diệt tội chơn ngôn ...

---o0o---

7. CHÚ NGUYỆN

Thượng chúc Phật nhựt tăng huy, Pháp luân thường chuyển, Tăng luân cùng cố Đại đạo hà xương, Phong điều vũ thuận, Quốc thái dân an, Thế giới hòa bình, Chúng sanh an lạc.

Phục nguyện Đa sanh phụ mẫu tùng tư, nhập thánh siêu phàm. Pháp giới oan thân tự thử, thừa ân giải thoát. Tình dữ vô tình, tề thành Phật đạo.

---o0o---

8. TỰ QUY, HỒI HƯỚNG ...

NGHI THỨC CHÚC TÁN (Sáng mông một Tết và vía Di Lặc)

1. ĐỐT HƯƠNG

Đốt ba cây hương, mật niệm:

Hương vân kiết thể,

Thông suất tam giới

Ngũ uẩn thanh tịnh

Tam độc liễu nhiên.

Án phóng ba tra, tóa ha.

Dịch:

Mây lành hương quyện

Xông ngát mùi phương

Năm uẩn thanh tịnh

Ba độc biến tan

Án phóng ba tra, tóa ha.

2. NIỆM HƯƠNG

Qui, hai tay cầm hương đưa lên đầu mật niệm:

Tịnh khẩu nghiệp chơn ngôn: Tu lị tu lị ma ha tu lị, tu tu lị tát ba ha (3 lần).

Tịnh tam nghiệp chơn ngôn: Án ta phạ bà phạ, truyệt đà, ta phạ đạt ma, ta phạ bà phạ truyệt độ hám (3 lần).

Hư không tạng bồ tát phổ cúng dường chơn ngôn: Án nga nga nằng tam bà
phạ phiệt nhật ra hồng (3 lần).

Tịnh pháp giới chơn ngôn: Án lam toá ha (21 lần) .

KẾ NIỆM:

Nguyện đem lòng thành kính

Gởi theo đám mây hương,

Phảng phất khắp mười phương

Cúng dường ngôi Tam bảo.

Thề trọn đời giữ đạo,

Theo tự tánh làm lành,

Cùng pháp giới chúng sanh:

Cầu Phật từ gia hộ

Tâm bồ đề kiên cố,

Chí tu học vững bền,

Xa bề khổ nguồn mê.

Chóng quay về bờ giác.

CÚNG HƯƠNG

Giới hương, định hương, dũ huệ hương

Giải thoát, giải thoát tri kiến hương

Quang minh vân đài biến pháp giới

Cúng dường thập phương vô thượng tôn.

Nam mô Hương cúng dường Bồ tát, ma ha tát.

BẠCH PHẬT

Nam mô Thập phương pháp giới chư Phật tôn Pháp, Hiền thánh tăng Tam bảo.

Nam mô Đạo tràng giáo chủ Bổn sư Thích ca Mâu ni Phật.

Nam mô Đương lai hạ sanh Di lạc tôn Phật

Nam mô Đông phương tịnh lưu ly thế giới Dược sư lưu ly quang vương Phật.

Nam mô Tây phương cực lạc thế giới A Di Đà Phật.

Nam mô Thập phương chư Phật, chư đại Bồ tát, Linh sơn hội thượng vô lượng Thánh hiền, Hộ pháp chư thiên, Già lam chơn tế, lịch đại Tổ sư, chư vị Thiện thần, nguyện giáng oai quang chứng minh nhiếp thọ.

Đệ tử tên ... pháp danh ... hiện ở tại làng ... xã ... quận ... tỉnh ... chùa (hoặc tư gia) ... gặp năm ... ngày Nguyên đán vía Di lạc từ tôn. Nguyện đem lòng thành khẩn, đốt nén tâm hương cúng dường Thập phương Tam bảo, chư Phật, Bồ tát, vô lượng Thánh hiền, từ bi gia hộ cho đệ tử thân tâm thanh tịnh, bồ đề kiên cố, tự giác giác tha hạnh giác ngộ viên mãn, cùng khắp pháp giới chúng sanh nghiệp chướng tiêu trừ, căn lành tăng trưởng, một thời đồng chứng vô thượng chánh đẳng bồ đề. (Vái ba vái, đứng dậy cắm hương lên bàn)

3. XUỐNG LỄ

Đấng Pháp vương vô thượng,

Ba cõi chẳng ai bằng.

Thầy dạy khắp trời, người,

Cha lành chung bốn loài.

Quy y tròn một niệm:

Dứt sạch nghiệp ba kỳ.

Xung dương cùng tán thán,

Ức kiếp không cùng tận.

KẾ NIỆM

Phật, chúng sanh, tánh thường rỗng lặng.

Đạo cảm thông không thể nghĩ bàn.

Lưới đế châu, ví đạo tràng,

Mười phương Phật bảo hào quang sáng ngời.

Trước bảo tọa thân con ảnh hiện,

Cúi đầu xin thệ nguyện quy y.

4. ĐẢNH LỄ

Nhất tâm đảnh lễ Nam mô Tận hư không biến pháp giới, quá, hiện, vị lai chư Phật, tôn Pháp, Hiền thánh tăng thường trụ Tam bảo (1 lạy).

Nhất tâm đảnh lễ Nam mô Ta bà giáo chủ đại từ đại bi Bổn sư Thích ca Mâu ni Phật (1 lạy).

Nhất tâm đảnh lễ Nam mô Đương lai hạ sanh Di lặc tôn Phật, Linh sơn hội thượng vô lượng Thánh hiền (1 lạy).

Nhất tâm đảnh lễ Nam mô Đông phương tịnh lưu ly thế giới Dược Sư lưu ly quang vương Phật (1 lạy).

Nhất tâm đảnh lễ Nam mô Tây phương cực lạc thế giới đại từ đại bi tiếp dẫn Đạo sư A Di Đà Phật (1 lạy).

5. KHAI CHUÔNG MỒ. TÁN HƯƠNG:

Lư hương sạ nhiệt,

Pháp giới môn huân.

Chư Phật hải hội tất diêu văn.

Tùy xứ kết tường vân,

Thành ý phương ân,

Chư Phật hiện toàn thân.

Nam mô hương vân cái Bồ tát, ma ha tát (3 lần)

6. TỤNG CHÚ ĐẠI BI...

KẾ TỤNG:

Đại từ đại bi mẫn chúng sanh,

Đại hỷ đại xả tế hàm thức,

Tướng hảo quang minh dĩ tự nghiêm,

Chúng đẳng chí tâm quy mạng lễ.

Nam mô thập phương thường trụ Tam bảo.

(3 lần, lạy 3 lạy).

TỤNG NIỆM (Quì hoặc ngồi)

Khê thủ tam giới tôn,

Quy mạng thập phương Phật.

Ngã kim phát hoằng nguyện

Trì thủ Di lạc kinh,

Thượng báo tứ trọng ân,

Hạ tế tam đồ khổ.

Nhược hữu kiến văn giả,

Tất phát bồ đề tâm;

Tận thủ nhất báo thân

Đồng sanh cực lạc quốc.

Nam mô Bổn sư Thích ca Mâu ni Phật (3 lần)

Vô thượng thậm thâm vi diệu pháp

Bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ.

Ngã kim kiến, văn, đắc thọ trì.

Nguyện giải Như lai chơn thiệt nghĩa.

Nam mô Quán Di lạc thượng sanh Đâu suất kinh Hội thượng Phật, Bồ tát.

Như thị ngã văn/.

---o0o---

NGHI THỨC LỄ PHẬT ĐẢN

1. NIỆM HƯƠNG BẠCH PHẬT

(Theo nghi thức lễ Khánh đản)

2. XƯỚNG LỄ TAM BẢO

(Theo nghi thức lễ Giao thừa)

3. CÚNG HƯƠNG Tụng Đại bi ...

4. PHÁP NGŨ

Cung duy, Trung thiên điều ngự, vô thượng y vương, khai vạn tự u hung tiền, kim thân tú dị; nhiếp thiên luân ư túc hạ, ngọc tướng trang nghiêm. Thất thất niên chi giáo pháp tuyên dương, vô lượng vô biên vô số kiếp; vạn vạn thế chúng sanh chi hóa đạo, đại hùng đại lực đại từ bi. Thiệt duy công đức vô biên, tán thán mạc cập giả dả.

Hoặc bài: Tán lễ Thích tôn, vô thượng y vương, tam kỳ quả mãn tu nhơn, Đâu suất giáng trần, trường từ bửu vị kim luân, tọa bồ đề tòa, đại phá ma quân, nhất đồ minh tinh đạo thành, giáng pháp lâm, tam thừa chúng đẳng quy tâm, vô sanh dĩ chứng. Hiện tiền chúng đẳng quy tâm, vô sanh tức chứng.

5. ĐÁNH LỄ

Nhất tâm đánh lễ A tỳ ngục tốt, sơ phát thiện tâm,

Chúng hòa: BỔn sư Thích ca Mâu ni Phật.

Nhất tâm đánh lễ Tam kỳ quả mãn, bách kiếp nhơn viên,

Chúng hòa: BỔn sư Thích ca Mâu ni Phật.

Nhất tâm đánh lễ Nhất sanh bỏ xứ, hiện trú Đâu suất,

Chúng hòa: BỔn sư Thích ca Mâu ni Phật.

Nhất tâm đánh lễ Ta bà hóa độ, ứng hiện sanh thân,

Chúng hòa: BỔn sư Thích ca Mâu ni Phật.

Nhất tâm đánh lễ Đâu suất giáng trần, Ma da ứng mộng,

Chúng hòa: BỔn sư Thích ca Mâu ni Phật.

Nhất tâm đánh lễ Hoàng cung thác chất, hiện trú thai tạng,

Chúng hòa: BỔn sư Thích ca Mâu ni Phật.

Nhất tâm đánh lễ Vô ưu thọ hạ, thị hiện đản sanh, (15.4)

Chúng hòa: BỔn sư Thích ca Mâu ni Phật.

Nhất tâm đánh lễ Hiện thọ dục lạc, yếm ác vô thường,

Chúng hòa: BỔn sư Thích ca Mâu ni Phật.

Nhất tâm đánh lễ Du quán tứ môn, yếm lão bệnh tử ,

Chúng hòa: BỔn sư Thích ca Mâu ni Phật.

Nhất tâm đánh lễ Bán dạ du thành, xuất gia học đạo,

Chúng hòa: BỔn sư Thích ca Mâu ni Phật.

Nhất tâm đánh lễ Thanh sơn đoạn phát, phỏng đạo tầm sư,

Chúng hòa: BỔn sư Thích ca Mâu ni Phật.

Nhất tâm đánh lễ Tuyệt lãnh tu hành, lục niên khổ hạnh,

Chúng hòa: BỔn sư Thích ca Mâu ni Phật.

Nhất tâm đánh lễ Bồ đề thọ hạ, hàng phục ma quân

Chúng hòa: BỔn sư Thích ca Mâu ni Phật.

Nhất tâm đánh lễ Công viên quả mãn, đồ tinh thành đạo, (8.12)

Chúng hòa: BỔn sư Thích ca Mâu ni Phật.

Nhất tâm đánh lễ Tứ thập cửu niên thuyết pháp độ sanh,

Chúng hòa: BỔn sư Thích ca Mâu ni Phật.

Nhất tâm đánh lễ Tam thừa giáo bị, hóa độ di tât,

Chúng hòa: BỔn sư Thích ca Mâu ni Phật.

Nhất tâm đánh lễ Ta la song thọ thị hiện niết bàn, (15.2)

Chúng hòa: BỔn sư Thích ca Mâu ni Phật.

Nhất tâm đánh lễ Lưu bố xá lợi phước lợi nhơn thiên,

Chúng hòa: BỔn sư Thích ca Mâu ni Phật.

Nhất tâm đánh lễ Ta bà giáo chủ đại từ đại bi phụ,

Chúng hòa: BỔn sư Thích ca Mâu ni Phật.

KẾ TỤNG BÀI KHÁNH ĐẢN

Đệ tử hôm nay,

Gặp ngày Khánh đản

Một dạ vui mừng,

Cúi đầu đánh lễ
Thập phương tam thế
Điều ngự Như lai,
Cùng Thánh Hiền Tăng.
Chúng con cùng pháp giới chúng sanh,
Bởi thiếu nhơn lành,
Thấy đều sa đọa;
Tham sân chấp ngã,
Quên hẳn đường về,
Tình ái si mê,
Tù trong lục đạo,
Trăm dây phiền não,
Nghệp báo không cùng.
Nay nhờ Phật tổ năng nhân,
Nhũ lòng lân mẫn,
Không nỡ sinh linh thiếu phước,
Nặng kiếp luân hồi.
Đêm dày tăm tối
Đuốc tuệ rạng soi,
Nguyện cứu muôn loài,
Pháp dùng phương tiện,

Ta bà thị hiện,
Thích chủng thọ sanh,
Thánh Ma da mộng ứng điềm lành,
Vua Tịnh Phạn phước sanh con thảo,
Ba mươi hai tướng tốt,
Vừa mười chín tuổi xuân,
Lòng từ ái cực thuần,
Chí xuất trần quá mạnh,
Ngai vàng quyết tránh,
Tìm lối xuất gia,
Sáu năm khổ hạnh rừng già,
Bảy thất nghiêm tinh thiên tọa,
Chứng thành đạo quả,
Hàng phục ma binh,
Ba cõi đều dậy tiếng hoan nghênh,
Muôn vật thấy nhờ ơn tế độ,
Chúng con nguyện:
Dứt bỏ dục tình ngoan cố,
Học đòi đức tánh quang minh,
Cúi xin Phật tổ giám thành,
Từ bi gia hộ,

Chúng con cùng pháp giới chúng sanh,

Chóng thành đạo quả.

Nam mô Bổn sư Thích ca Mâu ni Phật (3 lần)

Nam mô Văn thù sư lợi Bồ tát(3 lần)

Nam mô Đại hạnh Phổ hiền Bồ tát(3 lần)

Nam mô Đại bi Quán thế âm Bồ tát(3 lần)

Nam mô Đạo tràng hội thượng Phật, Bồ tát(3 lần)

TIẾP ĐẾN TỰ QUY VÀ HỒI HƯỚNG CÔNG ĐỨC

Bị chú: Những danh hiệu trên, khi gặp ngày vía nào thì lạy danh hiệu ấy ba lạy.

---o0o---

NGHI THỨC LỄ THÀNH ĐẠO

Cũng y nghi thức lễ Phật đản chỉ khác bài tụng dưới đây:

Hào quang chiếu diệu,

Sáng tỏa mười phương,

Ngộ lý chơn thường,

Phá màn hôn ám.

Đệ tử lòng thành bái sám,

Trước điện dâng hoa,

Cúng dường Phật tổ Thích ca,

Ba ngôi thường trụ;

Đệ tử chúng con,

Nhân lành chưa đủ,
Nghệp báo theo hoài,
Nay nhờ Văn Phật Như Lai
Giáng trần cứu độ;
Sáu năm khổ hạnh,
Bảy thất tham thiền,
Ma oán dẹp yên,
Thần long che chở,
Tâm quang rực rỡ,
Chứng lục thần thông,
Lộ chiếu minh tinh,
Đạo thành chánh giác;
Trời, người hoan lạc,
Dậy tiếng hoan hô;
Năm mươi năm hóa độ,
Ba trăm hội đàm kinh,
Cứu phàm, ngu, thoát khỏi: mê đồ,
Tiếp Hiền, Thánh, siêu sinh tịnh độ,
Muôn đời xung tán,
Vạn đức Hồng danh!
Đệ tử chí thành,

Lễ bày kỷ niệm:

Tâm hương phụng hiến,

Gọi chút báo ân;

Ngửa trông vô thượng Pháp Vương,

Từ bi gia hộ.

Nam mô Bổn sư Thích ca Mâu ni Phật (3 lần)

Nam mô Văn thù sư lợi Bồ tát (3 lần)

Nam mô Đại hạnh Phổ hiền Bồ tát (3 lần)

Nam mô Đại bi Quán thế âm Bồ tát (3 lần)

Nam mô Đạo tràng hội thượng Phật, Bồ tát (3 lần)

---o0o---

NGHI THỨC TRÌ CHÚ ĐẠI BI

Ý NGHĨA THẦN CHÚ ĐẠI BI

Thời Phật còn tại thế, ở núi Bồ đà lạc ca, tại đạo tràng Bảo trang nghiêm cùng hàng tam thừa bát bộ và chư thần vân tập đông đủ, ngài Quán thế âm bí mật phóng hào quang soi khắp mười phương quốc độ, Ngài chấp tay bạch rằng:

" Bạch Đức Thế Tôn, con có thần chú bí mật muốn nói cho mọi người biết để trì tụng cho thân tâm được an lạc, không tật bệnh, sống lâu nhiều phước lộc. Thần chú này có công năng dứt trừ các tội ác và cầu mong gì thì như ý muốn."

Đức Phật chấp nhận cho ngài Quán thế âm được trình bày thần chú của mình. Ngài bạch Phật rằng:

"Thời quá khứ trải qua vô lượng ức kiếp có đức Phật xuất thế, hiệu Thiện Quang vương Tịnh trú Như lai, vì con mà nói thần chú Đại bi. Thuở ấy, con đang ở quả vị sơ địa mà một lần nghe thần chú Đại bi, con liền đạt đến quả vị thứ tám. Con phát đại nguyện: "Nếu thần chú này làm cho chúng sanh đời

sau có sự ích lợi to lớn thì phải khiến thân con có ngàn cánh tay và ngàn con mắt".

Nguyện như vậy rồi, quả thật thân con có ngàn cánh tay và ngàn con mắt, tha thứ vang động. Các đức Phật phóng hào quang chiếu nơi thân con. Hào quang cùng chiếu vô biên thế giới.

Con lại nguyện: "Nếu có người nào tụng thần chú này năm lần thì trừ được các tội nặng của nhiều đời kiếp trong vòng luân hồi sanh tử. Và người ấy khi thân mạng sắp mất được mười phương chư Phật đưa tay thọ ký cho họ sanh về cõi nước Tịnh độ".

Con thề rằng: "Nếu người tụng thần chú Đại bi mà bị đọa lạc vào ba đường dữ, không sanh về cõi nước của đức Phật, không được vô lượng tam muội biện tài và những sự cầu nguyện không như ý muốn thì không xứng đáng để gọi thần chú Đại bi".

Ngoại trừ những hạng người trì tụng thần chú này mà tâm không có thiện hảo, cứ độc ác, không tha thiết chí thành, chỉ có một chút nghi ngờ là không hiệu nghiệm.

Nếu có những người đã từng phạm mười trọng tội và gây ra năm thứ nghịch chương to lớn, hủy báng Phật pháp, phá giới cấm, làm các điều dơ bẩn trái qua nhiều đời nhiều kiếp, dầu có gặp Phật xuất thế mà không chịu sám hối chữa bỏ các tội ác, một lần chí thành không may may nghi ngờ mà tụng thần chú Đại bi này là bao nhiêu tội lỗi đã tạo ra trong quá khứ đều được dứt trừ hết.

Nếu có ai gặp các sự rủi ro tai nạn khốn khổ mà tụng Đại bi thần chú đều được thoát khỏi một cách dễ dàng.

Nếu người tụng Đại bi thần chú để cầu nguyện, kết luận cầu nguyện gì đều được như ý.

Kinh Lăng Nghiêm dạy rằng: Thần chú bí mật của chư Phật, chỉ có Phật với Phật mới biết mà thôi, còn ngoài ra không ai có thể hiểu được dù cho có đạt đến địa vị thánh hiền đi nữa. Nhưng rất hiệu nghiệm, có công năng làm tiêu mất tội nghiệp và chóng đạt đến quả vị giải thoát, cho những ai thành tâm trì tụng.

Thần chú là một ấn chú Phật tương truyền không thể diễn giải, chỉ có tín tâm đọc tụng hoặc thâm niệm là có sự linh cảm hiệu nghiệm tột bậc.

Bát nhã kinh dạy rằng: Thần chú là liều thuốc hay, là nước cam lồ vi diệu trị lành các thứ bệnh của mọi người. Nếu ai chuyên trì tụng sẽ thường được an lạc.

Trong Ký thủ kinh, đức Như Lai dạy có năm tạng: Kinh tạng, Luật tạng, Luận tạng, Bát nhã tạng, và Thần chú tạng. Mà hiệu quả nhất, chóng an lạc giải thoát nhất là tụng Thần chú.

Qua những lời Bồ tát Quán thế âm bạch Phật và các kinh dạy trên thì rõ ràng thần chú này quá diệu dụng, rất đáng được cho mọi người hành trì.

Kinh chú của Phật, tất cả mọi người đều có thể trì tụng, nhưng muốn được lợi lạc trong khi tụng kinh trì chú, người Phật tử hãy cố gắng giữ gìn thân, miệng và ý của mình được trong sạch, siêng năng ăn chay, giữ giới. Phật dạy: làm các việc bố thí, phóng sanh, dứt điều ác, làm việc thiện, thì mới được kết quả tốt đẹp.

---o0o---

NGHI THỨC TRÌ TỤNG

Tịnh pháp giới chơn ngôn:

An lam tóa ha (7 lần)

Tịnh tam nghiệp chơn ngôn:

An ta phạ bà phạ thuật đà ta phạ đạt

ma ta phạ bà phạ thuật độ hám (3 lần)

Kính lạy đức Thế tôn,

Quy y các Phật đà,

Nay con phát đại nguyện

Trì tụng chú Đại bi,

Trên trả bốn ơn nặng,
Dưới giúp ba đường khổ.
Những người thấy, nghe được
Đều phát tâm bồ-đề,
Thực hành hạnh trí huệ,
Tập hợp mọi phước đức
Báo thân này kết thúc,
Đồng sanh cõi cực lạc.
Nam mô Bổn sư Thích-ca Mâu-ni Phật (3 lần)
Phật pháp tuyệt diệu,
Cực kỳ cao xa,
Trăm ngàn vạn kiếp
Khó mà gặp được.
Nay con thấy nghe,
Lại được thọ trì
Nguyện cầu thấu hiểu
Ý thật của Phật.
Kính nghe
Đấng viên thông giáo chủ,
Về từ ái trắng tròn.
Hầu Di Đà nơi Cực lạc phương Tây,

Giúp Thích Ca cõi Ta bà uế trước.

Ở trên núi báu lưu ly

Ngự giữa sen hồng nghìn cánh,

Quá khứ là Chánh pháp minh vương,

Hiện nay là Quán âm tự tại,

Ba mươi hai ứng rộng độ quần sinh,

Bảy nạn, đa cầu, nhiều phương ứng vật.

Sức màu thù thắng

Tán thán khôn cùng.

Ngưỡng trông đức cả từ bi

Rũ lòng thương tưởng.

Hôm nay ngày ... tháng ... năm ... Đệ tử ... quy đầu Tam bảo, trì tụng chú Đại bi, hồi hướng công đức cầu nguyện (nguyện cầu ...) Cúi mong Phật đức từ bi không thể nghĩ bàn, ban ơn gia hộ.

Nam mô Đại từ đại bi cứu khổ cứu nạn Quán-thế-âm Bồ-tát.

Cúi lạy Quán âm đại bi chủ,

Nguyện lực sâu dày tướng hảo thân.

Nghìn tay trang nghiêm khắp hộ trì.

Nghìn mắt sáng ngời soi muôn nẻo.

Mật ngữ phô bày trong thật ngữ,

Bi tâm khơi dậy giữa vô tâm.

Khiến con sớm trọn các mong cầu,

Vĩnh viễn diệt trừ bao tội chướng.
Long thiên thánh chúng thường gia hộ.
Trăm nghìn tam muội trọn huân tu.
Thọ trì, thân con quang minh tràng.
Thọ trì, tâm con thần thông tạng.
Rửa sạch trần lao nương biển nguyện,
Siêu chúng bồ đề phương tiện môn.
Con nay xưng tụng, thề quy y
Sở nguyện như lòng thầy trọn đủ.
Nam mô Đại bi Quán Thế Âm,
Nguyện con chóng thông hết thầy pháp.
Nam mô Đại bi Quán Thế Âm,
Nguyện con sớm chứng mắt trí huệ.
Nam mô Đại bi Quán Thế Âm,
Nguyện con chóng độ hết muôn loài.
Nam mô Đại bi Quán Thế Âm,
Nguyện con sớm trọn phương tiện khéo.
Nam mô Đại bi Quán Thế Âm,
Nguyện con chóng lên thuyền bát-nhã.
Nam mô Đại bi Quán Thế Âm,
Nguyện con sớm vượt qua bể khổ.

Nam mô Đại bi Quán Thế Âm,

Nguyện con chóng tròn giới định đạo.

Nam mô Đại bi Quán Thế Âm,

Nguyện con sớm lên đỉnh niết bàn.

Nam mô Đại bi Quán Thế Âm,

Nguyện con chóng đến nhà vô vi.

Nam mô Đại bi Quán Thế Âm,

Nguyện con sớm đồng thân pháp tánh.

Nguyện con nhìn núi đao,

Núi đao tự gãy đổ.

Nguyện con nhìn vạc dầu,

Vạc dầu tự khô cạn.

Nguyện con nhìn địa ngục,

Địa ngục tự tiêu diệt.

Nguyện con nhìn ngạ quỷ,

Ngạ quỷ tự no đủ.

Nguyện con nhìn tu la,

Ac tâm tự dập tắt.

Nguyện con nhìn súc sanh,

Tự chứng thành đại trí.

Nam mô Đại bi hội thượng Phật, Bồ tát (3 lần)

Thiên thủ thiên nhãn vô ngại đại bi tâm đà la ni.

Nam mô hắc ra đát na đả ra dạ da. Nam mô a lị da bà lô kiết đế thước bát ra da. Bồ đề tát đỏa bà da. Ma ha tát đỏa bà da. Ma ha ca lô ni ca da. An tát bàn ra phạt duệ, số đát na đát tỏa.

Nam mô tất kiết lật đỏa y mông, a lị da bà lô kiết đế, thất Phật ra lăng đà bà.

Nam mô na ra cần trì, hê lị ma ha bàn đà sa mê. Tát bà a tha đậu thâu bằng a thệ dụng, tát ba tát đá, na ma bà dà, ma phạt đật đậu, đát diệt tha. An a bà lô hê lô ca đế, ca ra đế, di hê lị. Ma ha bồ đề tát đỏa, tát bà tát bà, ma ra ma ra, ma hê ma hê lị đà dụng. Câu lô câu lô kiết mông. Độ lô độ lô phạt xà da đế, ma ha phạt xà da đế. Đà ra đà ra địa ri ni, thất phạt ra da. Giá ra giá ra. Mạ mạ phạt ma ra, mục đế lệ. Y hê y hê, thất na thất na, a ra sâm phạt ra xá lợi, phạt sa phạt sâm. Phật ra xá da. Hô lô hô lô, ma ra hô lô hô lô hê rị. Ta ra ta ra, tát rị tát rị, tô rô tô rô. Bồ đề dạ bồ đề dạ, bồ đà dạ bồ đà dạ. Di đế rị dạ. Na ra cần trì địa rị sắc ni na. Ba dạ ma na, ta bà ha. Tất đà dạ ta bà ha, Ma ha tất đà dạ ta bà ha, Tất đà du nghệ thất bàn ra da, ta bà ha. Na ra cần trì, ta bà ha. Ma ra na ra ta bà ha. Tát ra tăng a mục khư da ta bà ha, ta bà ma ha a tất đà dạ ta bà ha. Giả kiết ra a tất đà dạ ta bà ha. Ba đà ma yết tất đà dạ, ta bà ha. Na ra cần trì bàn đà ra dạ, ta bà ha. Ma bà lị thắng kiết ra dạ, ta bà ha.

Nam mô hắc ra đát na đả ra dạ da. Nam mô a lị da bà lô kiết đế, thước bàn ra dạ ta bà ha. An tát điện đô mạn đả ra bạt đà dạ, ta bà ha.

(Trì tụng bao nhiêu lần tùy ý).

Nguyện ngày an lành, đêm an lành,

Đêm ngày sáu thời thường an lành,

Tất cả các thời đều an lành,

Nguyện đức Từ bi thường gia hộ.

Nguyện tiêu ba chương, trừ phiền não,

Nguyện chơn trí huệ thường sáng tỏ,

Nguyện bao tội chương thầy tiêu trừ,

Kiếp kiếp thường tu bồ tát đạo.
Nguyện sanh cực lạc cảnh phương Tây,
Chín phẩm hoa sen là cha mẹ,
Hoa nở thấy Phật, chúng vô sanh,
Bất thối bồ tát là bạn hữu.
Nguyện đem công đức này,
Hương về khắp tất cả,
Đệ tử và chúng sanh
Đều trọn thành Phật đạo.

---o0o---

NGHI THỨC CẦU AN - LỄ THÀNH HÔN

LỜI DẶN

Trước khi cử hành nghi thức Cầu an Lễ thành hôn, hai họ có mặt tại chùa sắp hai hàng nam giới đứng bên trái, nữ giới bên phải (từ trong chánh điện nhìn ra). Cô dâu chú rể đứng giữa. Dâu bên phía nữ, rể phía nam giới. Đốt đèn nhang, xông trầm rồi mới thỉnh Chư tăng và vị Chủ lễ. Đồ ba hồi chuông trống bát nhã khi vị chủ lễ niệm hương nơi bàn Tổ.

NGHI THỨC

I. CHỦ LỄ TỊNH TAM NGHIỆP

Trang nghiêm mật niệm:

Tịnh pháp giới chơn ngôn:

An lam tóa ha (21 lần, tưởng chữ... vào chén nước sái tịnh để trên bàn).

Tịnh tam nghiệp chơn ngôn:

Án ta phạ bà phạ, truyệt đà ta phạ đạ ma ta phạ, bà phạ truyệt độ hám (3 lần).

II. NIỆM HƯƠNG

A.Nguyễn Hương.

Nguyện đem lòng thành kính

Gởi theo đám mây hương

Ngát tỏa khắp mười phương

Cúng dường ngôi Tam Bảo

Thề trọn đời giữ đạo

Theo tự tánh làm lành

Cùng pháp giới chúng sanh

Cầu Phật từ gia hộ

Tâm bồ đề kiên cố

Chí tu học vững bền

Xa bể khổ nguồn mê

Chóng quay về bờ giác.

Đấng Pháp vương vô thượng

Ba cõi chẳng ai bằng

Thầy dạy khắp trời người

Cha lành chung bốn loài

Quy y tròn một niệm

Dứt sạch nghiệp ba kỳ

Xung dương cùng tán thán

Ức kiếp không cùng tận.

---o0o---

B. Bạch Phật cầu nguyện

Ngưỡng bạch thập phương Chư Phật, Tôn pháp, Hiền Thánh Tăng thường trụ Tam Bảo, chư long thiên hộ pháp, nhất thể thiện thần đồng thù chứng giám:

Hôm nay, ngày... có hai thiện nam tín nữ tên... và... pháp danh (nếu có)... vâng lời cha mẹ hai bên, long trọng cử hành lễ thành hôn tại...

Hai đệ tử xin cần cầu đánh lễ trước ngôi Tam Bảo, ngưỡng xin từ bi gia hộ cho hai đệ tử bồ đề tâm kiên cố, phước huệ trang nghiêm, vạn sự kiết tường, trăm năm hảo hợp, đời đời kiếp kiếp nguyện kết thành bồ đề quyến thuộc trong ánh đạo Từ bi, hộ trì chánh pháp thường tại thế gian lợi lạc hữu tình (cắm hương vào lư).

---o0o---

III. LỄ PHẬT

Xướng:

Quy mạng thập phương điều ngự sư

Diễn dương thanh tịnh vi diệu pháp

Tam thừa tứ quả giải thoát tăng

Nguyện tứ từ bi ai nhiếp thọ.

Chí tâm đánh lễ nam mô thập phương thường trụ Tam Bảo (1 lạy).

Xướng:

Thiên thượng thiên hạ vô như Phật

Thập phương thế giới diệc vô tỷ

Thế gian sở hữu ngã tận kiến

Nhất thế vô hữu như Phật giả

Chí tâm đánh lễ nam mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Đương lai hạ sanh Di Lặc Tôn Phật, Linh sơn hội thượng Phật, Bồ tát (1 lạy).

Xướng:

Phật thân thanh tịnh tợ lưu ly

Phật diện do như mãn nguyệt huy

Phật tại thế gian thường cứu khổ

Phật tâm vô xứ bất từ bi.

Chí tâm đánh lễ nam mô Đông phương giáo chủ Dược sư lưu ly Quang vương Phật, Tây phương giáo chủ A Di Đà Phật, biến pháp giới thanh tịnh đại hải chúng Bồ tát (1 lạy).

---o0o---

IV. TÁN HƯƠNG CÚNG PHẬT

Chủ lễ đọc văn sám tịnh Khai chuông mõ Tán hương... Tiếp tán: Quán âm bồ tát diệu nan thù... Chủ lễ bưng chén nước đọc:

Phù thủ thủy giả bát công đức thủy tự thiên chơn, tiên tủy chúng sanh nghiệp cấu trần, lưu nhập tỳ lô hoa tạng giới, cá trung vô xứ bất siêu luân, thủy bất tủy thủy, diệu cực pháp thân, trần bất nhiễm trần, phản tác tự kỷ, quyên trừ nội ngoại, đảng địch đàn tràng sái khô mộc nhi tác dương xuân, khiết uế bang nhi thành tịnh độ, sở vị đạo: nội ngoại trung gian vô trước ối, thánh phàm u hiển tổng thanh lương.

Bồ tát liễu đầu cam lồ thủy

Năng linh nhất đích biến thập phương

Tinh chuyên cầu ối tận quyên trừ

Linh thủ đàn tràng tất thanh tịnh.

Giáo hữu mật ngôn cần đương trì tụng. Tụng chú Đại Bi.

Lưu ý: Khi làm lễ sái tịnh, vị chủ lễ chỉ dùng một bông hoa nhỏ chấm vào chén nước rồi điểm ngay trên đỉnh đầu của hai người, không nên rải nước nhiều như các nghi thức khác. Trong lúc sái tịnh, vị chủ lễ thầm niệm "án lam tóa ha" ba lần, chấm nước ba lần.

Tụng:

Đại từ đại bi mẫn chúng sanh

Đại hỷ đại xả tế hàm thức

Tướng hảo quang minh dĩ tự nghiêm

Chúng đẳng chí tâm quy mạng lễ.

Nam mô thập phương thường trụ Tam Bảo.

Đọc lời cầu nguyện (Dâu rở đều qui, chú rở đọc trước lời cầu nguyện tự viết lậy).

Lời khuyên khi trao nhẫn

(Bảo hai trẻ qui, vị chủ lễ đến trước mặt tay cầm nhẫn nói lời khuyên)

Hôm nay là ngày thành hôn của hai con, ngày kỷ niệm trọng đại trong đời. Vì vậy nên về mặt tâm linh mới có phần nghi lễ trang nghiêm này. Thầy đã thay mặt ngôi Tăng Bảo ngưỡng bạch lên mười phương chư Phật, cầu thù từ chúng minh gia hộ cho hai con được an vui hạnh phúc và vạn sự kiết tường như ý. Sau đây, Thầy có đôi lời khuyên nhủ: Kể từ hôm nay các con không còn y lại vào mẹ cha mà các con đã thực sự nhận lãnh trách nhiệm của tuổi trưởng thành đối với bản thân, gia đình và xã hội.

a/ Đối với bản thân. Nói về tam quy.

Nếu các con chưa quy y ngôi Tam Bảo, thì nên cần cầu quy y. Nếu đã quy y rồi, thì các con phải giữ tròn tam quy ngũ giới và phải luôn luôn nghe lời Phật dạy, giữ đúng là một Phật tử tại gia, học tu đúng chánh pháp hầu làm lợi ích cho mình và cho mọi người mọi loài chung quanh mình.

Hai con luôn luôn khắc sâu vào tâm trí hình ảnh của chư Phật, bởi vì Phật là đấng phước trí vẹn toàn.

Hai con phải luôn nhớ rõ những lời Phật dạy, vì lời dạy của chư Phật là nguồn chơn lý thậm thâm vi diệu.

Hai con phải luôn tuân cứ với sự khuyên dạy của chư tăng vì Chư Tăng là bậc thay mặt Phật tu hành tinh nghiêm thường trụ tại thế gian truyền trì chánh pháp, làm nhiều ích cho chúng sanh.

(Giảng rộng thêm nếu có thì giờ)

Khi hai con đã hiểu sự lợi ích to lớn và ý nghĩa cao quý về Phật Pháp Tăng là ba ngôi báu nhất, thường còn ở thế gian này, các con đã hướng về quy ngưỡng rồi thì dầu gặp phải hoàn cảnh nào, trường hợp nào các con cũng không xa rời. Các con không quy ngưỡng theo trời thần ma quỷ, không tin theo ngoại đạo tà giáo, không tùy tùng bè bạn xấu ác. Được như vậy, các con chẳng những đời này đầy đủ phước đức mà vĩnh kiếp không còn sa đọa nơi ba đường dữ địa ngục Quỷ và súc sanh.

Về phần năm giới.

Phật dành riêng răn dạy cho hàng tại gia, hai con phải nhớ và làm theo:

Hai con không nên sát sanh, làm cho kẻ khác vì mình mà chết. Trái lại, luôn tôn trọng sự sống của người và muôn vật.

Không nên gian tham trộm cắp bất cứ vật quý báu hoặc nhỏ nhặt.

Không được phạm thuần phong mỹ tục, phá hoại hạnh phúc gia đình và tiết hạnh của người khác.

Phải giữ sự thành tín, không nói lời giãi trá để thủ lợi về mình, gieo họa cho kẻ khác.

Không nên vì sự buồn vui vô lý mà phạm vào việc say sưa rượu chè.

Tuân giữ đúng tam quy ngũ giới là điều kiện tiên quyết của người con Phật tại gia, không thể thiếu được.

Kinh dạy: Bốn điều TIN không thể mất. Bốn điều này phải giữ thanh tịnh không gì lay chuyển nổi (Bốn điều tin là tin Phật, tin Pháp, tin Tăng và tin Chánh giới).

b/ Đối với gia đình. Trong kinh Thiệt Sanh đức Phật dạy con người sống phải có mối tương quan giữa vợ và chồng.

Chồng đối với vợ có năm điều.

1. Lễ độ với vợ
2. Không xem thường vợ
3. Chung thủy với vợ
4. Trao quyền nội chính cho vợ
5. May sắm đầy đủ cho vợ.

Vợ đối với chồng cũng phải đủ năm điều.

1. Thay chồng quản lý nhà cửa ngăn nắp
2. Săn sóc giúp đỡ chồng
3. Trinh thuận với chồng
4. Giữ gìn gia sản chung
5. Siêng năng làm việc và thuận thảo với cha mẹ, thân bằng quyến thuộc hai bên.

Phần này hai con phải tìm học nơi kinh Thiệt sanh, kinh Ưu bà tắc, và phải giữ đúng lời Phật chỉ dạy. Thực hành đúng phần này là gây dựng được hạnh phúc cho bản thân, cho gia đình và làm nền tảng gây dựng phước đức an vui cho con cháu.

c/ Đối với xã hội

Quan hệ vợ chồng, gia đình, thân quyến khấn khít, sẽ giúp cho liên quan xã hội mật thiết. Vì gia đình là phần tử của xã hội. Nếu mọi người đều tốt thì xã hội tốt. Và nếu xã hội tốt thì cảnh thiên đường niết bàn ở ngay chốn trần

gian này. Chân lý nhân sinh vũ trụ là không có sự vật gì đơn độc mà tồn tại. Luôn có nhân duyên liên quan tương đối với nhau. Hai con phải có sự hiểu biết như thế để nhớ làm tròn phận sự đối với xã hội, chu toàn nghĩa vụ công dân đất nước và chung cùng trách nhiệm đời sống cũng như tình cảm với bà con chòm xóm láng giềng.

Ân Tam bảo, ân thầy bạn, ân cha mẹ, ân đất nước và chúng sanh là bốn ân người Phật tử phải làm tròn.

Trao nhẫn Vị chủ lễ cầm hai chiếc nhẫn khuyên nhủ:

Này hai con, tục lệ vào ngày lễ thành hôn có phần trao nhẫn để làm điều kết ước cùng nhau và cũng chính vật kết ước này nhắc nhở cho nhau ghi nhớ mãi mãi.

Chiếc nhẫn làm bằng vàng hình khoen vòng tròn đeo vào ngón tay. Vàng là một trong những vật quý của người đời, tượng trưng cho sự trong sạch không nhiễm ố, không thay đổi chất màu với thời gian. Vòng tròn tượng trưng cho sự tròn đầy trong quy luật gia đình. Tên của nó gọi là NHẪN nhắc nhở người đeo phải nhẫn nhịn nhau. Kinh Pháp Hoa Phật dạy là có nhẫn nhục được thì mới nhu hòa. Kẻ nào nhẫn nhục nhu hòa là kẻ ấy đang mặc áo Như lai, hưởng đủ đầy công đức.

Trong đời sống hằng ngày, hai con không sao tránh khỏi ngang trái. Khi gặp hoàn cảnh nghịch ý, hai con đưa ngón tay nhìn vào chiếc nhẫn để rồi nhẫn nhịn hoặc nhẫn nhục. Được như thế hai con mới xây dựng và bảo vệ hạnh phúc cho nhau và cho mọi thành viên của đại gia đình mình.

Phật dạy: "Nhẫn là gốc của muôn hạnh lành. Trong các hạnh, nhẫn ở địa vị cao nhất". Thay mặt người thân hai con, Thầy trao đôi nhẫn làm vật kết ước này để tượng trưng dẫn dắt hai con luôn sống với hạnh nhẫn.

(LƯU Ý: Khi trao nhẫn, vị chủ lễ không trực tiếp đeo mà bảo chú rể cô dâu ngửa tay nhận và đeo cho nhau. Chờ đeo xong, tiếp tục khuyên nhủ)

Được nhận nhẫn, hai con luôn nhớ sống theo hạnh nhẫn nhục và khắc ghi ân sanh thành nuôi dạy của cha mẹ đôi bên, bởi người đã lam lũ hy sinh và trao trọn tình thương vô bờ bến cho hai con. Có đức tin vững chắc và hạnh nhẫn nhục kiên trì, bước đường tương lai của hai con chắc chắn sẽ hoàn toàn an vui hạnh phúc.

V. TỤNG TIÊU TAI, TỰ QUY, HỒI HƯỚNG

A. Tiêu tai cát tường thần chú: Năng mô tam mãn đa một đà nẫm, a bát ra để hạ đa xá ta năng nẫm, đát điệt tha, án kê kê, kê hế, kê hế, hồng hồng, nhập phạ ra, nhập phạ ra, bát ra nhập phạ ra, bát ra nhập phạ ra, để sắc sá, để sắc sá, sắc trí rị, sắc trí rị, ta phẩn tra, ta phẩn tra, phiến để ca thất rị duệ, ta phạ ha.

B. Nguyên an lành:

Nguyên ngày an lành, đêm an lành,

Đêm ngày sáu thời thường an lành

Tất cả các thời đều an lành

Xin nguyện từ bi thường gia hộ.

Nam mô tiêu tai giáng kiết tường Bồ tát.

C. Tự quy:

Tự quy y Phật, xin nguyện chúng sanh,

Thê theo đạo cả, phát lòng vô thượng (lay).

Tự quy y Pháp, xin nguyện chúng sanh,

Thấu rõ kinh tạng, trí huệ như biển (lay).

Tự quy y Tăng, xin nguyện chúng sanh,

Thống lý đại chúng, hết thầy không ngại (lay).

D. Hồi hướng:

Nguyện đem công đức này

Hướng về khắp tất cả

Đệ tử và chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo.

GHI CHÚ: Sau lễ, đại diện hai họ nên đọc lời cảm tạ Tam Bảo, chư tăng, họ hàng thân hữu và nhắc nhớ cùng cố khắc ghi ở hai trẻ. Lễ tạ ba lạy rồi lui ra.

---o0o---

NGHI THỨC HỘ NIỆM KHI LÂM CHUNG

Người sắp chết, xung quanh phải tuyệt đối im lặng. Ngoài tiếng chuông mõ, niệm Phật, không có một tiếng gì loạn động, nhất là khóc lóc kể lể.

Chư tăng hoặc cư sĩ trước hết, nếu còn tỉnh thì tụng ba biến kinh Vô thường, hoặc kinh Di Đà và niệm Phật. Nếu kể lại công đức người sắp chết đã làm, giảng Bát nhã tâm kinh hoặc Mười hai nhân duyên cho nghe được càng quý. Tuyệt đối không kể những chuyện đời giàu nghèo sang hèn. Nếu không đủ thời giờ, người ấy đã tắt thở thì chỉ niệm Phật, tụng kinh Di Đà, kinh Vô thường. Không nên động chạm vào thân thể mà phải để nằm yên trong bốn mươi tám tiếng đồng hồ mới vuốt ve và tắm rửa thay áo quần.

Kinh dạy: nếu thấy bụng, đầu gối và gót chân nóng sau hết, thì nhờ chư tăng chú tâm niệm Phật, đưa hai tay (đừng đụng vào da) vuốt lên, may nhờ Phật, ra khỏi địa ngục.

---o0o---

NGHI NHẬP LIỆM NGƯỜI MẮT

Sửa soạn quan tài xong, đốt một lò trầm hoặc thấp nhang để vào trong quan tài. Vị chủ lễ dùng một chén nước tung cành hoa, chú tâm, tay bắt ấn tam muội niệm vào chén nước 108 biến chú tịnh pháp giới ... Tóa ha. Cử bài tán Dương chi tịnh thủy. Tụng Đại Bi, Thập chú, Bát nhã; trong khi đó chủ lễ sai tịnh vẽ chữ án lam và rải nước Đông Tây Nam Bắc, từ duy thượng hạ. Hồi hướng, nguyện trú cát tường...

Lễ xong vị chủ lễ dẫn tăng ni đến chỗ thi thể; trước hết niệm chú tẩy tịnh, rải nước rồi đọc:

Không không sắc sắc bản đồng nhiên

Sanh tử na năng một bạn biên

Hương hồn tu trượng Như lai giáo

Cử bộ cao đấng Bát nhã thiên.

Niệm Phật tiếp dẫn đưa thi thể vào quan tài. Hồi hương, nguyện sanh Tây phương. Đây nắp quan tài xong là thiết linh sàng.

---o0o---

NGHI THỨC CÚNG CÔ HỒN

1. KHAI ĐÀN SÁI TỊNH

Tán dương chi tịnh thủy

Quán âm Bồ tát diệu nan thù ...

Phù thủ thủy giá ...

Bồ tát liễu đầu cam lộ thủy (sái tịnh)

Tụng chú Đại bi ... Cam lộ vương Bồ tát.

Niệm tụng Nam mô thập phương thường trụ tam bảo.

2. TRIỆU THỈNH CÔ HỒN

a/ Niệm chú triệu thỉnh:

Thu võ ngô đồng diệp lạc thì

Dạ thê thê triệu thỉnh cô hồn lai phó hội

Nam mô bộ bộ đế rị dà rị đa rị ta bà ha (3 lần)

b/ Tán:

Cát tường hội khởi

Cam lộ môn khai

Cô hồn Phát tử giáng lâm lai

Văn pháp phú hương trai

Vĩnh thoát luân hồi

U ám nhất thời khai

Vân lai tập Bồ tát (3 lần)

Tán: Cô hồn văn triệu thỉnh lai lâm

c/ Triệu thỉnh:

Nhất tâm triệu thỉnh, hôm nay ngày ... tháng ... năm ... trai chủ ... hiện cư trú ... cung nghệ vu ... phụng Phật hiến cúng cầu siêu (hay cầu an) thiết lễ cúng thí thực cô hồn cầu âm siêu dương thái sự, sơ nhiệt danh hương sơ thân triệu thỉnh ... (theo những bài thỉnh). Thỉnh xong một bài dứt tụng bài: Duy nguyện thừa Tam bảo lực, trượng bí mật ngôn, thử dạ kim thời lai lâm pháp hội, lai thọ cam lồ vị.

Thỉnh lần thứ hai:

Tái nhiệt danh hương, tái thân triệu thỉnh .. (như trên).

Thỉnh lần thứ ba:

Tam nhiệt danh hương ... (như trên)

3. ĐỌC ĐIỆP: Có lòng điệp sau:

4. TÁN TRẠO: Tu thiết trai diên ...

5. TỤNG THÍ THỰC: Nhược nhưn dục liễu tri ...

(Lưu ý: Để cô hồn được nhờ cúng thí thực, nên chú tâm thanh tịnh tụng rãi rãi rõ ràng mỗi câu ba lần. Chú biến thực biến thủy, bảy lần)

6. TỤNG BÁT NHÃ TÂM KINH

7. QUY Y TAM BẢO: như cúng linh

8. TRUYỀN TAM TỰ TỊNH GIỚI

Âm linh đã quy y Tam Bảo nên phát Bồ đề tâm thọ trì tam tự tịnh giới:

Thứ nhất, nhiếp luật nghi giới: Các điều ác chẳng làm.

Thứ hai, nhiếp thiện pháp giới: Làm các điều lành.

Thứ ba, nhiều ích hữu tình giới: độ tận tất cả chúng sanh.

Ba tụ tịnh giới là con đường mà tất cả mười phương chư Phật đi đến cảnh giới niết bàn. Âm linh cô hồn nên phát bồ đề tâm thọ trì bắt đầu từ đây cho đến cùng kiếp vị lai.

---o0o---

NGHI CHẶN TẾ

A. PHẦN NGHI LỄ TRONG ĐIỆN PHẬT

1. CHỦ SÁM NIỆM HƯƠNG

2. LỄ PHẬT(Tùy ý)

3. TÁN CÚNG HƯƠNG

Hương vân di bố, thánh đức chiêu chương. Bồ đề tâm quảng thực năng lương. Xúc xú phóng hào quang. Vi thoai vi tường. Ngưỡng khởi pháp trung vương. Hương vân cái bồ tát.

4. CHỦ SÁM:

Cái văn hồng luân tây trụ. U ám sơ hôn. Mãn thiên tinh đầu thư quang. Đại địa hỏa cự phát diệm. U viên thước loại quy sào huyết. Hồng đồ nhân mã bồn già hương. Tiêu lâu cổ hưởng đỉnh đang, thảo gián khê thanh phẩm thiết. Cẩm môn cao tảo bế, sài hộ mật thâm quan. Chánh nãi nhân tàng quý xuất chi thời, đương th bị siêu cô độ u chi tế. Kim thần phụng Phật trượng ngã sa môn ... cung tựu án tiền, cao thiết nghệ đài, phóng thí mông sơn cam lộ pháp thực nhất diên. Sở hữu tham lễ giác hoàng. Ngưỡng lao đại chúng đồng âm tán dương Tam bảo.

Tả bạch cử tán: Nam mô tận hư không biến pháp giới quá hiện vị lai Phật Pháp Tăng tam bảo (3 lần).

5.ĐỌC SỚ

6.TẢ BẠCH CỬ TÁN:

Trong lúc kinh sư tán, vị chủ sám đội mũ tỳ lu lên đầu.

Đại bi Quán thế âm Bồ tát (3 lần)

Tất cả vừa tán bài này vừa đi ra ngoài đàn, đến bàn Tiêu diện.

B. PHẦN NGHI LỄ Ở ĐÀN THÍ THỰC

1. THỈNH TIÊU DIỆN:

Cử tán:

Diện nhiên vương Bồ tát (3 lần)

Đại bi Quán thế âm Bồ tát (3 lần)

Tất cả vừa tán hiệu Quán thế âm vừa đến bàn Giác ba.

2. CÚNG PHẬT Ở BÀN GIÁC BA.

Cử tán:

3. THỈNH SU.

Vị tả bạch đến đứng cạnh chỗ ngồi của mình nơi bàn kinh sư võ thủ xích, thán:

Chủ sám đáp:

Đánh chuông trống bát nhã, chủ sám và kinh sư an tọa chỗ ngồi của mình.

4. KHAI ĐÀN SÁI TỊNH

a/ Cử tán:

b/ Đọc pháp ngữ: Vị ngồi tả võ thủ xích, vị chủ sám nói bài pháp ngữ sau:

Phù thử thủy giả, bát công đức thủy tự thiên chơn, tiên tủy chúng sanh nghiệp cấu trần, biến nhập tỳ lô hoa tạng giới. Cá trung vô xứ bất siêu luân. Thủy bất tẩy thủy, diệu cực pháp thân; trần bất nhiễm trần, phản tác tự kỷ. Quyên trừ nội ngoại, đặng địch đàn tràng, sái khô mộc nhi tác dương xuân, khiết uế ban nhi thành tịnh độ. Sở vị đạo, nội ngoại trung gian vô trược uế, thánh phàm u hiển tổng thanh lương.

Thán:

Giáo hữu mật ngôn cần đương trì tụng:

c/ Tụng Đại bi, tán cam lộ vương (3 biến)

5. THỈNH TAM BẢO

Đồng tụng:

Chúng hòa: Hương hoa thỉnh (2 lần)

Chủ sám cầm hương thỉnh:

Nam mô nhất tâm phụng thỉnh tận hư không biến pháp giới, vi trần sát độ trung, chư Phật Pháp Tăng, Kim cương mật tích, Vệ pháp thần vương, Thiên long bát bộ, Bà la môn tiên, nhất thiết thánh chúng. Duy nguyện, bất vi bản thể lân mẫn hữu tình, thử nhật kim thời quang lâm pháp hội.

Chúng hòa: Hương hoa thỉnh (2 lần) v.v...

Sau khi chủ sám thỉnh lần thứ ba, chúng hòa:

Đăng bảo tọa Bồ tát Ma ha tát (3 lần)

6. THỈNH ĐỊA TẠNG

Đồng tụng:

Tả bạch:

Chúng hòa: Hương hoa thỉnh (2 lần)

Nhất tâm phụng thỉnh Lạc bang giáo chủ y chánh trang nghiêm, Tứ thập bát nguyện độ chúng sanh, Cửu phẩm hàm linh môg thác hóa, Đại từ đại bi tiếp dẫn đạo sư A Di Đà Phật. Duy nguyện bất vi bản thể, lân mẫn hữu tình, thử dạ kim thời quang lâm pháp hội.

Nam mô nhất tâm phụng thỉnh, Chúng sanh độ tận phương chứng bồ đề, địa ngục vị không thể bất thành Phật. Đại thánh Địa tạng vương Bồ tát ma ha tát, duy nguyện bất vi bản thể, lân mẫn hữu tình, thử dạ kim thời quang lâm pháp hội.

Chúng hòa: Hương hoa thỉnh (2 lần)

Nam mô nhất tâm phụng thỉnh, thủ kinh phan cái, thân quả hoa mang, đạo chúng sanh quy cực lạc chi bang, dẫn cô hồn phó đạo tràng chi hội, u minh lộ thượng dẫn hồn vương Bồ tát Ma ha tát. Duy nguyện bất vi bản thể, lân mẫn hữu tình, thử dạ kim thời quang lâm pháp hội.

Chúng hòa: Hương hoa thỉnh (2 lần)

7. SÁM THỈNH THẬP LOẠI

Vận tâm bình đẳng, pháp giới vô biên, cung đối hàn lâm tiền xưng dương bảo hiệu. Nam mô Đa bảo Như lai, Quảng bác thân, Diệu sắc tướng, Cam lộ vương Như lai, Nam mô Bạt già phật đế, Khốc thanh trực thượng hàn vân tiêu, Lộ thiêu thiêu, La hán sanh hoan, hôn trừ oán nạn Tô nạnh Tô nạnh, dĩ vi nhiều, hộ nạn tất tri tất xả Tả năng duệ hê hê, Duệ hê hê, Tát rị quan mẫu đà nẫm De tóa ha.

Tả bạch:

Thu võ ngô đồng diệp lạc thời, dạ thê thê, triệu thỉnh cô hồn lai phó hội. Ngạn thừa thử, Thừa thử thượng liên đài. Hộ nạn tất tri tất xả. Tả năng duệ hê hê, duệ hê hê tát rị quan mẫu đà nẫm, de tóa ha.

Hữu bạch:

Kim dạ đạo tràng pháp diên khai, hội nhiên lai triệu thỉnh cô hồn lai phú hội. Ngạn tiêu lâu tiêu lâu, cổ g3áo tất hộ nạn tất tri tất xả, tả năng duệ hê duệ hê, tát rị quan mẫu đà nẫm, de tóa ha. Ân bộ bộ đế rị già đá rị đất đá nga đa da.

Chúng hòa: Cô hồn văn triệu thỉnh lai lâm (2 lần).

Chủ sám: Nhất tâm triệu thỉnh:

Chúng hòa:

Duy nguyện thừa Tam bảo lực trọng bí mật ngôn, thử dạ kim thời lai lâm pháp hội, lai thọ vô giá cam lồ vị.

Chủ sám: Nhất tâm triệu thỉnh.

Kinh sư 1:

Chúng hòa: Ô hô!

Kinh sư 1:

Chúng hòa: Duy nguyện thừa ... (giống trước)

Chủ sám: Nhất tâm triệu thỉnh.

Kinh sư 2:

Chúng hòa: Ô hô!

Kinh sư 2:

Chúng hòa: Duy nguyện thừa ... (giống trước)

Chủ sám: Nhất tâm triệu thỉnh.

Kinh sư 3:

Chúng hòa: Ô hô!

Kinh sư 3:

Chúng hòa: Duy nguyện thừa ... (giống trước)

Chủ sám: Nhất tâm triệu thỉnh.

Kinh sư 4:

Chúng hòa: Ô hô!

Kinh sư 4:

Chúng hòa: Duy nguyện thừa ... (giống trước)

Chủ sám: Nhất tâm triệu thỉnh.

Kinh sư 5:

Chúng hòa: Ô hô!

Kinh sư 5:

Kinh sư 6:

Chúng hòa: Ô hô!

Kinh sư 6:

Chúng hòa: Duy nguyện thừa ... (như trước)

Chủ sám: Nhất tâm triệu thỉnh.

Kinh sư 7:

Chúng hòa: Ô hô!

Kinh sư 7:

Chúng hòa: Duy nguyện thừa ... (như trước)

Chủ sám: Nhất tâm triệu thỉnh.

Kinh sư 8:

Chúng hòa: Ô hô!

Kinh sư 8:

Chúng hòa: Duy nguyện thừa ... (như trước)

Chủ sám: Nhất tâm triệu thỉnh.

Kinh sư 9:

Chúng hòa: Ô hô!

Kinh sư 9:

Chúng hòa: Duy nguyện thừa ... (như trước)

Chủ sám: Nhất tâm triệu thỉnh.

Kinh sư 10:

Chúng hòa: Ô hô!

Kinh sư 10:

Chúng hòa: Duy nguyện thừa ... (như trước)

Chủ sám: Nhất tâm triệu thỉnh.

Kinh sư 11:

Chúng hòa: Ô hô!

Kinh sư 11:

Chúng hòa: Duy nguyện thừa ... (như trước)

Chủ sám: Nhất tâm triệu thỉnh.

Kinh sư 12:

Chúng hòa: Ô hô!

Kinh sư 12:

Chúng hòa: Duy nguyện thừa ... (như trước)

Chủ sám: Nhất tâm triệu thỉnh.

Kinh sư 13:

Chúng hòa: Ô hô!

Kinh sư 13:

Chúng hòa: Duy nguyện thừa ... (như trước)

Chủ sám: Nhất tâm triệu thỉnh.

Kinh sư 14:

Chúng hòa: Ô hô!

Kinh sư 14:

(Hoặc: Thương vong hoạnh tử chi lưu)

Chúng hòa: Duy nguyện thừa ... (như trước)

Chủ sám:

Kinh sư 15:

Chúng hòa: Duy nguyện ... (như trước)

Tả bạch:

8. TÁN TRẠO

9. ĐỌC ĐIỆP

10. TỤNG TIỂU MÔNG SƠN

11. QUY Y LINH: Hương linh quy y Phật ...

12. THUYẾT MƯỜI HAI NHÂN DUYÊN

Chủ sám:

Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay vì vô minh mê mờ che lấp bản tánh, sanh ra động lực mù quáng tạo thành thức hữu lậu, bị nghiệp kéo lôi. Rồi phát sanh các yếu tố tinh thần và vật chất. Ngoài có sáu trần, trong có sáu căn. Căn trần tiếp xúc nhau sanh tâm lãnh thọ. Không thích thì chán ghét, ưa thích thì đắm say. Đắm say thì chấp thủ lấy, đã chấp thủ thì có ra tam giới lục đạo; có tam giới lục đạo thì theo nghiệp mà thọ sanh. Có sanh thì có già chết, lo rầu khổ não, tạo thành bể khổ mênh mông không thời kỳ chấm dứt.

Nếu ngược dòng, giác ngộ vô minh thật tánh tức Phật tánh, thì vô minh hết. Vô minh hết tức không còn động lực mù quáng. Nghiệp thức biến thành trí huệ sáng suốt, không còn phân biệt vật chất và tinh thần sai khác. Căn trần là một. Không còn sự tiếp xúc, lấy gì mà sanh ra cảm thọ. Không cảm thọ thì không còn say đắm ưa ghét. Không ưa ghét thì không chấp thủ. Không chấp thủ thì không có tam giới lục đạo. Không có tam giới lục đạo thì không còn

bị nghiệp lôi cuốn đến thọ sanh. Không sanh thì không còn già chết. Tất cả sự khổ não đều tiêu tan. Bể khổ mênh mông quay đầu là bờ giác. Lành thay bốn đài sen không rời tác bước, tịnh độ trước mắt rõ ràng. Nhọc nhằn gì, như gãy móng tay, liền chứng quả quang minh tự tại.

13. TỤNG KINH DI ĐÀ, NIỆM PHẬT

14. HỒI HUỚNG: Thập phương tam thế Phật, A Di Đà đệ nhất ...

15. TẢ BẠCH XƯỞNG ĐỐT PHAN

16. TỤNG BÁT NHÃ, VÃNG SANH

CÁC NGÀY VÍA PHẬT

Tháng Giêng

Ngày mồng một, vía đức Phật Di Lặc

Tháng Hai

Ngày mồng tám, vía đức Phật Thích ca xuất gia

Ngày rằm, vía đức Phật Thích ca nhập diệt

Ngày 19, vía đức Quán thế âm Bồ tát

Ngày 21, vía đức Phổ hiền Bồ tát

Tháng Ba

Ngày 19, vía đức Chuẩn đề Bồ tát

Tháng Tư

Ngày mồng bốn, vía đức Văn thù Bồ tát

Ngày rằm, vía đức Thích ca giáng sinh

Tháng Sáu

Ngày 19, vía đức Quán thế âm Bồ tát

Tháng Bảy

Ngày 13, vía đức Đại thế chí Bồ tát

Ngày rằm, lễ Vu lan bồn

Ngày 30, vía đức Địa Tạng Bồ tát

Tháng Chín
Ngày 19, vía đức Quán thế âm Bồ tát

Ngày 30, vía đức Phật Dược Sư

Tháng Mười một
Ngày 17, vía đức Phật A di đà

Tháng Chạp
Ngày mồng tám, vía đức Thích ca thành đạo.

---o0o---

QUYỂN II : LUẬT

NHỮNG ĐIỀU CĂN BẢN

CHO CÁC PHẬT TỬ MỚI QUY Y TAM BẢO (1970)

Khi đức Phật mới thành đạo, Ngài dạy:

" Cửa vô sanh đã rộng mở

Ai có tai hãy nghe và

Dứt bỏ tà kiến mê lầm của mình "

---o0o---

LỜI NÓI ĐẦU

Chúng ta đương bị mê lầm thống khổ nên chúng ta tìm đến đấng Từ bi Giác ngộ để nương tựa, hầu dứt trừ đau khổ, hưởng sự an vui. Đức Phật dạy ai chí thành quy y Phật, Pháp, Tăng sẽ khỏi đọa vào ba đường ác là địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh và các nơi tà kiến hung ác.

Phàm mỗi khi làm lễ quy y, người Phật tử đều được Bôn sư truyền cho phép Tam quy, Ngũ giới và những điều căn bản khác.

Nhưng làm sao trong một lần mà người nghe có thể thu nhận và nhớ kỹ tất cả những điều mà bôn sư đã nói. Nó cần được nghe, được nói, hoặc đọc đi đọc lại nhiều lần mới có thể không quên.

Và lại trong đời sống thường nhật, phần đông các Phật tử phải lặn lội nhiều, vất vả lắm trên địa hạt sinh nhai, không rảnh thời giờ để học hỏi hết những điều mình cần phải học, phải làm cho đúng với tư cách một tín đồ đạo Phật.

Nên ở đây chúng tôi soạn ra tập tài liệu này gọi là Những điều căn bản cho các Phật tử mới quy y Tam Bảo để giúp có một sự hiểu biết căn bản khả dĩ hướng dẫn bước tu tiên, không đi sai với mục đích của Đạo.

Chúng tôi mong tập tài liệu này được phổ biến sâu rộng trong mọi tầng lớp Phật tử tại gia. Vậy yêu cầu quý vị cho truyền bá đến tận nơi các Phật tử chưa có để họ được học và thực hành.

Đó là điều lợi ích chung mà chúng tôi hằng mong muốn.

Nguyện sanh cực lạc cảnh phương Tây

Chín phẩm liên hoa là cha mẹ

Hoa nở thấy Phật, chúng vô sanh

Bồ tát bất thối làm bạn lữ.

---o0o---

I. SƠ LƯỢC VỀ MỤC ĐÍCH THỊ HIỆN CỦA ĐỨC PHẬT

Đức Phật xuất hiện nơi thế gian này không phải vì danh, vì lợi, cũng không phải để ngồi trên ngai vàng mà cai trị bốn châu thiên hạ. Mà với mục đích làm cho chúng sanh đều được giải thoát vòng sanh tử luân hồi đau khổ, giác ngộ như Ngài.

Trong kinh Pháp hoa đã nói: "Nhu Lai xuất hiện nơi thế gian này với mục đích làm cho chúng sanh khai, thị, ngộ, nhập Phật tri kiến". Nhưng vì chúng sanh căn cơ cao thấp không đồng, cho nên, giáo pháp của ngài chia ra từng bậc khác nhau mà bước đầu và căn bản là Tam quy, Ngũ giới: tam quy để tạo lòng chánh tín, ngũ giới tạo đức hạnh tốt lành; từ đó mà tiến dần lên bước đường tu học đưa đến niết bàn giải thoát.

---o0o---

II. SƠ LƯỢC VỀ CUỘC ĐỜI THỊ HIỆN CỦA ĐỨC PHẬT

Đức Giáo chủ của đạo Phật chúng ta là đức Bồn sư Thích-ca Mâu-ni Phật. Trong vô lượng kiếp về trước Ngài cũng là một chúng sanh như ta. Nhưng Ngài đã sớm giác ngộ nỗi khổ đau của chúng sanh, nên Ngài đã thành Phật.

Trong kiếp hiện tại, vì muốn cứu vớt chúng sanh ra khỏi biển khổ sanh tử, cho nên, cách đây hơn hai ngàn năm trăm năm (nhằm năm 624 trước Tây lịch), Ngài đã giáng sanh làm vị thái tử tên là Tất-đạt-đa con vua Tịnh Phạn và hoàng hậu Ma-da nước Ca-tỳ-la-vệ thuộc Bắc Ấn Độ.

Lúc còn làm thái tử, Ngài thông minh đỉnh ngộ, tài trí hơn người; hiểu, đức đầy đủ. Ngài rất được vua cha cùng tất cả mọi người thương mến và cung cấp cho đủ mọi thứ sung sướng trong đời. Nhưng mục đích xuất thế không phải để hưởng sự sung sướng vật chất. Cho nên, Ngài đã từ bỏ những vinh hoa phú quý của cuộc đời vương giả, vượt thành, xuất gia tìm đạo Giác ngộ.

Qua sáu năm khổ hạnh thực hành đủ các pháp tu, sau rốt, với 49 ngày tham thiền nhập định dưới gốc Bồ-đề, Ngài đã chứng ngộ và thành Phật.

Sau khi giác ngộ, Ngài đi khắp nơi trong xứ Ấn Độ để thuyết pháp độ sanh. Số người được độ bởi giáo pháp của Ngài nhiều không thể kể xiết. Năm 80 tuổi, cơ duyên độ sanh viên mãn, Ngài nhập niết-bàn nơi rừng ta-la song thọ xứ Câu-thi-na.

Hôm nay nhờ chút duyên lành, chúng ta được gọi nhuan trong biển pháp của Phật, biết đường lối tu tập để cầu thoát khổ. Vậy chúng ta phải cố gắng tu tập hơn và đem hết năng lực để hộ trì chánh pháp, hầu mong đền đáp công ơn cao dày của Ngài.

---o0o---

III. TAM QUY

Tam quy là gì? Là quy y Tam Bảo. Tức là quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng.

Phật là đấng giác ngộ hoàn toàn, phước, trí đầy đủ, bên trong không bị các phiền não hoặc nghiệp làm rối loạn, bên ngoài không bị hoàn cảnh thuận, nghịch, làm trở ngại. Được tự tại giải thoát.

Pháp là giáo thuyết vô thượng của Phật. Nghĩa là những phương thức, đường lối Phật nói ra cho chúng ta tu tập để được giác ngộ và giải thoát như Ngài.

Tăng là những vị xuất gia chân chính, luôn luôn y theo giáo pháp của Phật mà tu tập, đồng thời đem giáo pháp ấy truyền bá trong nhân gian, hầu mong tất cả mọi người đều được giác ngộ.

Phật, Pháp, Tăng (tam bảo) có đủ công năng tự giác ngộ và giác ngộ cho tất cả mọi người như thế, nên chúng ta cần phải chí thành quy y.

Chữ quy y có nghĩa là quay về để nương tựa. Ví như đứa con dại từ lâu xa cha mẹ đi lưu lạc xứ người, hôm nay tự thấy đời mình bơ vơ đau khổ, hồi tâm trở về nương tựa cha mẹ để được sự nuôi nấng an ủi.

Quy y còn có nghĩa bỏ trái trở về phải, bỏ ác trở về thiện. Xoay mê mờ trở về giác ngộ, ngược chiều sanh tử khổ đau xoay về niết-bàn an lạc.

Nhưng muốn cho việc tu hành của mình có kết quả thiết thực, người Phật tử cần phải chí tâm và duy nhất về sự quy y. Nghĩa là:

- Sau khi quy y Phật rồi, không quy y thiên, thần, quỷ, vật. Bởi những vị ấy còn là chúng sanh ở trong tam giới, vẫn bị sanh tử luân hồi, chưa được hoàn toàn giải thoát như Phật.
- Sau khi quy y Pháp rồi, không quy y ngoại đạo tà giáo. Vì những giáo thuyết ấy chưa được chu toàn hướng dẫn đến chỗ giác ngộ hoàn hảo.
- Sau khi quy y Tăng rồi, không quy y thầy tà bạn ác. Vì những người ấy thường đem lại cho ta những suy tưởng lỗi lầm dẫn đến đau khổ cho cuộc sống.

Vậy các Phật tử nên thận trọng và chín chắn trong vấn đề quy y này.

---o0o---

IV. NGŨ GIỚI

Ngũ giới là năm cấm giới của Phật .

Người Phật tử tại gia sau khi lãnh thọ pháp Tam quy rồi cần phải tiếp thọ năm cấm giới. Năm cấm giới này do Phật thân chế ra với mục đích là ngăn ngừa những lời nói và hành động bất thiện, phi pháp của chúng ta. Nó là căn

bản để làm người, mà cũng là bước thang đầu tiên để chúng ta hoàn thành đạo quả vô thượng Bồ-đề.

Năm cấm giới ấy là:

1. Không sát sanh, hại vật.- Tất cả các sanh vật đều tham sống sợ chết, biết đau khổ, lo buồn như ta. Để dứt oan nghiệp vay trả nhiều đời nhiều kiếp và để trau dồi lòng từ bi đối với tất cả sanh vật, cho nên, chúng ta không sát hại.

2. Không trộm cướp lường gạt.- Tất cả của cải mọi người đều do lao tâm nhọc sức làm ra mới có. Để cho họ yên vui sung sướng hưởng lấy của ấy và để khỏi chịu cảnh rượt bắt truy lùng kiếp này hoặc quả báo làm thân tôi mọi kéo cày mang nặng nhiều đời kiếp về sau, chúng ta không đem tâm trộm cướp.

3. Không tà dâm bất chính.- Để tránh cảnh nhà tan cửa nát trong xã hội, để xây dựng êm đẹp hạnh phúc của gia đình, và để giảm bớt tội lỗi sanh tử khổ đau. Cho nên, chúng ta không tà dâm bất chính.

4. Không nói dối.- Muốn cho tất cả mọi người đều sống an vui tin cậy, hòa thuận, không có sự thù hiềm ganh ghét và hãm hại lẫn nhau, chúng ta không nói lời láo xược, không nói lời đâm thọc, không nói lời thêu dệt và không nói lời hung dữ.

5. Không uống rượu.- Người rượu chè say sưa thì mất hết giống trí tuệ. Đạo nghiệp không bao giờ thành mà phải đổ vào địa ngục tội tăm đau khổ. Chúng ta muốn cho đạo nghiệp mau thành, trí huệ chóng khai phát, cho nên, chúng ta không rượu chè say sưa.

Trong năm cấm giới này, người Phật tử tại gia khi làm lễ quy y có thể lãnh thọ bao nhiêu và giới nào, tùy khả năng mà phát nguyện. Nhưng khi đã lãnh thọ thì dù có tan mất thân mạng cũng quyết không hủy phạm. Vì nó là thuyền đưa ta đến chỗ giải thoát. Ví như người qua biển, khi chưa đến bến thì quyết không rời thuyền.

Tam quy và Ngũ giới là nền móng căn bản cho sự tu trì của người Phật tử tại gia. Ngoài ra, còn cần phải có những trợ duyên thiết yếu giúp cho công hạnh tu trì chóng đến kết quả. Những trợ duyên thiết yếu đó như dưới đây.

V. ĂN CHAY

Ăn chay là ăn những rau trái dưa đậu mà không ăn thịt, cá, tôm, cua v.v... Vì ăn thịt, cá, tôm, cua ... tất nhiên phải làm tổn hại sinh mạng của chúng. Như ta đã biết tất cả chúng sanh đều tham sống sợ chết, cũng thích sung sướng và sợ đau khổ. Vì thế người Phật tử thể theo lòng từ bi của đức Phật, không nỡ giết hại chúng sanh để nuôi sống thân mạng mình.

Tùy theo khả năng và sự phát nguyện, chúng ta có thể ăn những trai kỳ như sau: Mỗi tháng ăn chay

Hai ngày (nhị trai) - Mồng một và rằm

Bốn ngày (tứ trai)- Ba mươi, mồng một, 14 và rằm

Sáu ngày (lục trai)- Mồng một, 14, rằm, 18, 23 và 30

Mười ngày (thập trai)- Mồng một, mồng tám, 14, rằm, 18, 23, 24, 28, 29 và 30

Mỗi năm ăn chay ba tháng (tam nguyệt trai) - tháng Giêng, Năm và tháng Bảy

Hoặc ăn chay những ngày vía Phật và ăn chay trường như các vị xuất gia thì càng quý.

Nên nhớ: Những ngày ăn chay thì chúng ta bắt không nghĩ đến chuyện cá, thịt. Nếu làm thêm được những việc thiện như bố thí, phóng sanh thì phước biết chừng nào.

---o0o---

VI. NIỆM PHẬT

Niệm Phật là nhớ nghĩ đến đức Phật. Nhớ nghĩ đến các đức tính từ bi, trí huệ và giải thoát. Nhớ nghĩ đến các đức tướng thanh tịnh trang nghiêm không ai sánh bằng. Nhớ nghĩ đến các công hạnh tự lợi, lợi tha hoàn toàn viên mãn của Phật. Hầu đem áp dụng vào cuộc sống của mình và mọi người cho được hữu ích; mong tất cả đều giải thoát và giác ngộ như Phật. Đây là một pháp môn trong muôn ngàn pháp môn mà Phật đã nói ra cho hàng Phật tử tu tập.

Niệm Phật có nhiều cách. Như nhớ nghĩ hình dung đức tánh hoặc nhắm đọc danh hiệu Phật.

Trong kinh Di Đà, đức Bồ-sư Thích-ca Mâu-ni có dạy: "Cách mười muôn ức cõi Phật về phương Tây có thế giới tên là Cực Lạc và hiện thời có đức Phật tên là A Di Đà đang thuyết pháp độ sanh ... Nếu có chúng sanh nào nghe lời nói này đem lòng tin chắc, phát nguyện muốn vãng sanh về nước Ngài và đồng thời hàng ngày chí thiết chấp trì danh hiệu của Ngài đến chỗ nhất tâm bất loạn thì sau khi lâm chung sẽ được vãng sanh về nước Ngài."

Nhưng tại sao chúng ta lại mong được vãng sanh về Thế giới cực lạc của đức Phật A Di Đà?

Vì ở thế giới đó không có sự khổ sanh, già, bệnh, chết và những nỗi thống khổ như thế giới mà chúng ta đang sống đây. Trái lại, chỉ thuần những sự an vui tự tại, luôn được gần gũi các vị Bồ-tát và luôn được nghe Pháp âm của Phật. Mau thành đạo, chứng quả. Vì thế nên chúng ta tha thiết mong muốn được vãng sanh về thế giới Cực Lạc của Ngài.

Về phương thức thực hành thì tùy theo hoàn cảnh và khả năng từng người. Như người không có nhiều thời gian rảnh rỗi, nên mỗi tối trước khi đi ngủ và buổi sáng lúc thức dậy, thực hành theo phương pháp "Mười niệm" của ngài Từ Vân Sám Chủ sau đây: Trước bàn thờ Phật kính lễ ba lạy, tụng một bài kinh ngắn rồi lấy hơi dài chí tâm niệm "Nam mô A Di Đà Phật" không luận bao nhiêu câu, cứ mãi một hơi là một niệm, mười hơi là mười niệm. Kế thiết tha hồi hướng cầu vãng sanh Cực lạc. Rồi lễ Phật mà lui ra. Nếu ở chỗ không có thờ Phật thì quay mặt về hướng Tây cung kính xá rồi niệm và phát nguyện như trên. Trong lúc niệm phải buộc tâm nghe rõ tiếng niệm của mình không cho tán loạn. Hoặc người có thì giờ rảnh rỗi thì niệm nhiều hơn tùy số mình định nhưng phải giữ cho thường, không nên bữa niệm bữa nghỉ.

Ngoài ra thường ngày, lúc đi đứng nằm ngồi hoặc làm việc, đi chơi, lúc nào cũng có thể thâm niệm; không nghĩ đến những chuyện xằng bậy khác. Niệm như vậy lâu dần, tịnh niệm nối liền, vọng niệm tiêu trừ. Khi còn sống luôn tưởng niệm đến Phật thì tâm an ổn, được Phật hộ trì và lúc chết quyết được vãng sanh về thế giới Cực Lạc của Ngài.

VII. SÁM HỐI

Tất cả chúng ta từ hồi nào đến giờ vì mê lầm, không nhận rõ lý chân thật của các pháp nên đã gây tạo vô lượng tội ác. Do đó, chúng ta bị sanh tử luân hồi chịu không biết bao nhiêu là đau khổ. Ngày nay muốn tiêu trừ tất cả tội ác mà chúng ta đã gây tạo thì cần phải chí thành sám hối. Sám hối có nghĩa là ăn năn tất cả tội ác đã gây ra từ trước và nguyện từ nay về sau không gây tạo thêm nữa. Nếu y theo nghĩa này mà sám hối thì bao nhiêu tội ác bất luận nặng hay nhẹ đều có thể tiêu tan hết. Cũng ví như trong một căn nhà tối không biết bao lâu, nhưng khi đem vào một cây đèn sáng thì sự tối tăm ấy đều tiêu hết.

Phương pháp sám hối có nhiều. Nay nói phương pháp thông dụng nhất là "tác pháp sám hối": Mỗi tháng vào tối 14 và 30 ở các chùa hoặc niệm Phật đường, chư tăng cùng tín đồ tập hợp đông đủ trước Tam Bảo chí thành lễ hồng danh các đức Phật để cầu xin sám hối. Đó là thực hành "tác pháp sám hối". Những ngày đó chúng ta nên về chùa mà cùng nhau chí thành sám hối.

Nhưng nên nhớ rằng đã sám hối như vậy thì từ ngày ấy về sau cần phải luôn giữ gìn ba nghiệp thân, miệng và ý không gây tạo lỗi lầm. Có như vậy, bao nhiêu tội từ trước mới tiêu trừ.

Phương pháp giữ gìn không tạo ba nghiệp tội thân, miệng, ý, không gì hơn là không hủy phạm năm giới cấm Phật dạy.

---o0o---

VIII. THỜ PHẬT

Tượng Phật ngự trị tại nhà để nhớ Phật tại tâm. Chúng ta ra vào hàng ngày chiêm ngưỡng để noi theo và luôn luyện tập những đức tánh cao quý sáng chói muôn thủa của Ngài như Từ bi, Hỷ xả, Hùng lực, Bình đẳng, Thanh tịnh, Trí huệ ...

Thờ Phật là thờ chân lý cao siêu tuyệt diệu. Không gì quý hơn có Phật ngự trị trong nhà.

---o0o---

IX. LẠY PHẬT

Đức Phật đã trải qua vô lượng kiếp tu hành, phước đức cao dày vô biên vô tận. Chúng ta lạy Phật sẽ được hăng sa phước đức, diệt trừ các phiền não nghiệp chướng. Lạy Phật để sửa mình, phục thiện, dẹp bỏ tánh cống cao ngã mạn. Lạy Phật để tỏ lòng tri ân sâu xa của mình đối với đấng cha lành đã cứu độ biết bao sanh linh ra khỏi trầm luân khổ hải.

---o0o---

X. CÚNG PHẬT

Hằng ngày chúng ta đốt một nén hương, dâng một cành hoa cúng Phật để tỏ lòng thành kính tri ân. Như thế, chúng ta sẽ tạo được phước đức trong hiện tại và ngày mai. Cúng Phật cần nhất là phải thành tâm. Câu chuyện cậu bé cúng đất sét cho Phật, bà già cúng đèn, người hành khất cúng muối ... đã chứng tỏ rằng với lòng thành thì vật nhỏ mọn cũng trở thành quý giá.

---o0o---

XI. TỤNG KINH

Tụng kinh để hiểu và nhớ lời Phật dạy, để ba nghiệp được thanh tịnh, thâm nhiếp vọng tâm, sanh định và phát huệ. Ăn uống để nuôi dưỡng cơ thể như thế nào thì tụng kinh để nuôi dưỡng tâm thần cũng cần thiết như thế. Phải tụng đọc rõ ràng, trang nghiêm và đúng đắn.

---o0o---

XII. BỒN PHẬN CỦA MỘT PHẬT TỬ TẠI GIA

Người Phật tử sau khi quy y Tam bảo rồi muốn xứng đáng mình là một Phật tử chân chính, cần phải nhận thức và thực hiện đúng với bốn phận của mình trên mấy phương diện sau đây:

a - Đối với Tam bảo: Phải có lòng tin Tam bảo đúng với ý nghĩa chân chính của nó và tin một cách vững chắc. Không để cho một thử thách cam go nào làm dao động. Không bao giờ làm điều gì có phương hại đến Tam bảo. Nhiệt tâm hộ trì và truyền bá chánh pháp. Nhất là ủng hộ các bậc xuất gia chân chính thực tâm tu học và hoằng dương đạo pháp.

b - Đối với xã hội: Dựa trên tinh thần từ bi và bình đẳng của đức Phật hết lòng phục vụ và xây dựng xã hội, làm cho cuộc sống giữa xã hội trở nên yên vui hòa hợp, không có sự tranh giành, ganh ghét hãm hại lẫn nhau.

c - Đối với gia đình: Phải hiếu thảo với cha mẹ. Hòa thuận vợ chồng, anh em họ hàng thân thích ... Làm thế nào cho tất cả mọi người trong gia đình đều trở về với Tam bảo và xây dựng gia đình trên nền tảng Phật hóa.

d - Đối với bản thân: Tinh tấn tu học đúng theo giáo pháp Phật dạy. Bỏ dần dục vọng, ích kỷ. Tập sống cuộc đời rộng rãi, giải thoát. Luôn luôn làm những điều lợi mình lợi người. Tin đúng nhân quả. Nhận rõ tất cả sự vật đều vô thường để không sanh tâm tham đắm. hướng cuộc đời đi đúng vào con đường giác ngộ.

---o0o---

VÀI CHI TIẾT CẦN BIẾT

Ý nghĩa lá phái: Lá phái là vật để đánh dấu và tiêu biểu nhắc nhở trên bước đường tu tập của mình. Dem lá phái về, chúng ta nên treo ở một nơi nào dễ thấy. Hằng ngày nên nhìn đến nó và luôn luôn nhớ rằng năm ấy tháng ấy ngày ấy, chúng ta đã đến chùa ấy, cầu thầy ấy truyền cho Tam quy, Ngũ giới, pháp danh là gì.

Luôn luôn nhớ rõ pháp Tam quy Ngũ giới như trong phái đã dạy, để y theo đó mà tu trì. Có như vậy thời thiện căn mỗi ngày mỗi tăng trưởng, sẽ hưởng phước lạc an lành. Không phải việc gói cất kỹ đợi khi chết ép đem theo.

Bồn phận, tư cách đối với bồn sư và nơi mình đã đến quy y: Sau khi quy y rồi, chúng ta nên xem vị bồn sư là người thay mặt đức Phật và chúng Tăng truyền Tam quy Ngũ giới cho ta. Nơi đến quy y như là từ đường của chúng ta. Chúng ta nên thường về chùa để được gần gũi bồn sư, gần gũi các thầy mà học hỏi giáo lý. Có điều gì sai lầm nên về sám hối trước bồn sư và cầu xin chỉ dạy. Nên xem chúng ta là người con trong gia đình, người con của thầy, phải hết lòng cung kính và giúp đỡ các thầy về mọi phương diện.

Tư cách khi gặp các vị tăng già: Tăng già là tiếng chỉ chung cho các bậc xuất gia chân chính, tức là ngôi Tăng Bảo mà mình đã quy y. Cho nên, bất cứ ở một nơi nào khi gặp vị xuất gia, chúng ta phải cung kính chấp tay chào hỏi, xem như vị bồn sư của mình. Lúc đến chùa phải giữ trang nghiêm thanh

tịnh. Đối với mọi người phải giữ lễ độ. Không mặc cảm tự tôn hoặc tự ty mà luôn tỏ thái độ xứng đáng mình là đệ tử của đấng Đại từ Đại bi Đại giác ngộ.

---o0o---

NGHI THỨC QUY GIỚI

LỜI NÓI ĐẦU

Từ khi đức Bổn sư truyền thọ pháp Tam quy Ngũ giới cho trưởng giả Đề vi, người đệ tử Ưu bà tắc đầu tiên trong hàng đệ tử tại gia của đức Phật; lấy đó làm điển hình, về sau giáo pháp truyền đến đâu cũng đều dùng tiếng bản xứ (thổ âm) để truyền thọ cho hàng đệ tử tại gia. Cốt người truyền, người thọ, người nói, người nghe phải hiểu biết nhau thì giới thể mới thành tựu.

Ở Trung Hoa, Việt Nam, các vị Tổ sư y luật quy định thành nghi thức riêng cho lễ Quy Giới bằng Hán văn (Các bản hoằng giới). Đến nay, ở nước ta Hán văn không còn người hiểu biết, mà nghi thức truyền quy giới, các vị giới sư cứ y theo văn mà đọc, giới tử chẳng hiểu nói gì; có vị làm một cách quá đơn giản, đơn giản đến nỗi chỉ đọc một cái số và truyền cái pháp quy y bằng Hán văn y như một lễ cúng khác.

Cái việc làm mà không hiểu, đương nhiên không tránh khỏi tệ, vấp vào hai lỗi rất lớn:

Một là việc truyền thọ không đúng chánh pháp. Nghĩa là người truyền và người thọ không hiểu gì nhau. Đức Phật dạy: "Người thọ giới không hiểu giới, thì truyền và thọ gì cũng bất thành cả."

Hai là làm cho Phật pháp suy đồi. Vì làm không đúng chánh pháp nên tín đồ chẳng hiểu bổn phận của mình là phải làm gì cho mình và cho đạo.

Chúng ta cần chú ý: Nền móng không chắc thì lâu dài sụp đổ. Tam quy Ngũ giới là nền móng của tất cả hàng đệ tử Phật, bất luận tại gia hay xuất gia; nếu bước đầu sai lạc thì đừng mong đạt đến đích tốt đẹp!

Từ lâu Tổng trị sự chúng tôi thấy cần phải ấn hành một nghi thức bằng Việt văn để chư tăng có thể theo đây mà làm lễ quy giới cho tín đồ.

Ủy viên nghi lễ là Thầy Thích Trí Thủ của Giáo hội tăng già Trung Việt đã nghiên cứu các bản tuyên giới Hán văn mà soạn cuốn Nghi thức này, ngoài

việc truyền Tam quy Ngũ giới, còn có nghi truyền thọ Bát quan trai, lịch sử đức Phật và ý nghĩa của quy giới để hướng dẫn tín đồ hiểu đức Phật và biết bổn phận người tại gia. Bài "Pháp trường tịnh cho tại gia" là cách bố tát cho hàng tại gia nửa tháng một lần như lễ bố tát của chư tăng vậy.

Tóm lại, Tổng trị sự muốn chư tăng truyền thọ giới pháp được thống nhất, nhất là không sai chánh pháp, làm cho tín đồ hiểu biết bổn phận. Rạch ròi đời sống mê mờ (khi chưa quy y), sống theo đời sống giác ngộ (sau khi đã quy y), để có thể tiến mạnh trên đường đạo, khả dĩ xứng đáng làm người trong loài người và xứng đáng làm đệ tử Phật.

Tổng trị sự rất mong chư Tăng vì nhiệm vụ hoằng truyền đạo pháp mà thiết tha với các việc truyền thọ giới pháp được rành mạch, làm cho Phật pháp được tái chỉnh, Tăng bảo được có thành quách ngoại hộ kiên cố, thì lo gì thiên ma ngoại đạo không kính phục, chánh pháp không được trường tồn, để lợi lạc cho chúng sanh?

Ấy là lòng tha thiết cầu nguyện của Tổng trị sự.

NAM MÔ HỘ PHÁP VI ĐÀ TÔN THIÊN BỒ TÁT

Tổng Trị sự Giáo hội Tăng già Trung Việt.

---o0o---

BA PHÁP QUY Y

Ba pháp quy y là quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng.

Phật là vị đã hiểu biết tất cả những điều cần phải hiểu biết, đã dứt trừ tất cả những điều cần phải dứt trừ và đủ năng lực làm tất cả những điều cần phải làm. Nói tóm, Phật là một đấng đã giác ngộ, đầy đủ vô lượng phước đức và trí huệ nên gọi là Lương túc tôn.

Pháp là giáo lý phân tích rõ ràng sự khổ não, vạch rõ nguyên nhân của khổ não và đề ra phương pháp diệt trừ nguyên nhân ấy. Nói tóm, Pháp là phương pháp để diệt khổ, nên gọi là Ly dục tôn.

Tăng là đoàn thể thoát ly tất cả những gì của mình, trên thì cầu được sự giác ngộ vô thượng và dưới thì phục vụ tất cả sanh linh. Nói tóm, Tăng là đoàn thể hành trì chánh pháp, gọi là Chúng trung tôn.

Quy y nghĩa là quay đời sống trái chân lý của mình lại mà sống theo Phật - Pháp - Tăng như trên. Khi đã quy y Phật rồi thì không được theo trời vớt quỷ thần; quy y Pháp rồi thì không được theo lý thuyết sai lạc; quy y Tăng rồi thì không được theo phe phái độc ác.

Như vậy, người nào quy y Phật - Pháp - Tăng rồi và quy y một cách duy nhất thì người đó là con của Phật, gọi là Phật tử.

---o0o---

NĂM ĐIỀU GIỚI CẤM

Năm điều giới cấm là không được sát sinh, không được trộm cướp, không được tà dâm, không được nói dối trá và không được rượu chè.

Không được sát sinh là không được tàn sát một cách vô lý; không được trộm cướp là không được gian giáo bóc lột; không được tà dâm, là không phóng dăng; không được nói dối trá là không được lừa đảo; không được rượu chè là không được say sưa.

Bản tánh của con người vốn thanh tịnh. Bản tánh của xã hội vốn bình đẳng. Nguyên nhân làm cho con người tội lỗi và làm cho xã hội bất bình đẳng là vì sát sanh, trộm cướp, tà dâm, dối trá và rượu chè. Nên năm giới cấm của Phật chính là điều kiện để cải tạo một con người tốt và một xã hội hoàn mỹ. Vì lẽ đó, người Phật tử đã quy y rồi thì gắng sức mà thọ trì năm cấm giới này. Nếu hoàn cảnh không thể thọ trì được cả năm giới thì lựa lấy mà thọ trì từ hai cho đến bốn trong năm giới đó.

---o0o---

NGHI THỨC QUY Y

A. TÁN LỄ TAM BẢO

1. Niệm hương bạch Phật
2. Tán hương cúng dường
3. Tụng chú Đại bi
4. Tán dương Tam bảo.

---o0o---

B. GIỚI TỬ ĐẢNH LỄ

Nhất tâm đảnh lễ Thập phương thường trụ Tam bảo.

Nhất tâm đảnh lễ Ta bà giáo chủ Bổn sư Thích ca Mâu ni Phật.

Nhất tâm đảnh lễ Thập phương thanh tịnh đại hải chúng Bồ tát.

Nhất tâm đảnh lễ Linh sơn hội thượng vô lượng Thánh hiền.

Nhất tâm đảnh lễ Hộ giáo chư vị Thiện thần, Tây thiên Đông độ lịch đại Tổ sư.

(Mỗi hiệu ba lạy, lạy xong quỳ xuống chắp tay).

---o0o---

C. THỌ PHÁP TAM QUY

1. GIỚI SỰ KHAI THỊ

Phật tử, các người hãy lắng nghe: Đời là bể khổ mênh mông không bờ bến. Nếu không có đấng Chí tôn (Phật) đủ vô lượng công đức và trí huệ thì chúng ta chẳng biết nương vào đâu để cầu thoát khổ. Vậy các người muốn thoát bể khổ, phải quy kính Tam bảo; muốn thoát khỏi luân hồi nên giữ gìn giới pháp.

Phật Pháp Tăng là thuyền từ qua bể khổ, là ánh sáng của đêm trường, là đường đi đến nhân thiên, là bước đầu tiên của đạo quả. Cho nên, kinh dạy: "Nếu chúng sanh nào muốn trừ khổ não, hưởng quả yên vui, thì nên quy y Tam bảo; nếu ai đem tâm thanh tịnh quy kính trong giây phút thì đời đời thế nào cũng được niết bàn an lạc."

Quy y là gì? Là tôn thờ, vâng theo hay quay về. Tôn thờ ngôi Tam bảo, vâng theo lời chỉ giáo và quay về với tâm thanh tịnh của chúng ta. Thầy khuyên các người trước phải nhận lãnh Tam quy, sau nên thọ trì ngũ giới.

Tam quy là quy y với Phật, Pháp và Tăng. Phật là đấng đã giác ngộ hoàn toàn. Chúng sanh mê lầm trong bể sanh tử, không biết tự giác; đức Phật giác ngộ tất cả đều vô thường, chúng được đạo niết bàn nên gọi là Giác giả. Đức

Phật trong hiện tại là đức Thích ca Mâu ni đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, là đạo sư cả ba cõi, cha lành của muôn loài, trí huệ vô lượng, phước đức cao cả!

Pháp là đạo pháp chơn chính. Nghĩa là những phương pháp Phật đã dạy, nếu ai tin tưởng tu hành sẽ được trừ hết phiền não, chứng quả yên vui thanh tịnh như Phật.

Tăng là chúng hòa hợp thanh tịnh, xuất gia đệ tử Phật, hiến đời mình cho đạo, tuân theo kinh luật mà tu trì, làm ruộng phước cho nhân thiên, làm gương lành cho muôn loài.

Tam bảo có đủ công đức như thế. Cho nên, Phật Pháp Tăng là ba ngôi quý báu nhất của thế gian và xuất thế gian. Nếu người nào phát tâm quy y thì không đọa vào ba đường dữ, luôn gặp Phật, mau chứng quả bồ đề. Nay các người đã có duyên lành biết quy y Tam bảo, nên vận hết thành tâm và phải nghĩ là khó gặp, chăm chú để nghe lời chỉ giáo. Bây giờ các người hãy nói theo đây:

---o0o---

2. PHÁT NGUYỆN QUY Y

(Phật dạy: Người quy y nếu tự mình không đọc Tam quy và không xưng tên họ thì quy y bất thành. Trong khi đọc, thầy đọc trước giới tử đọc sau, không được đọc một lần).

Đệ tử chúng con (xưng tên) nguyện suốt đời quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng (đọc ba lần, xá ba xá).

Đệ tử chúng con nguyện đã quy y Phật, đã quy y Pháp, đã quy y Tăng (đọc ba lần, xá ba xá).

---o0o---

3. GIỚI SƯ KHUYÊN BẢO

Phật tử, các người đã quy y Phật rồi, từ nay phải tôn Phật làm thầy, thà bỏ thân mạng, quyết không quy y với trời, thần, quỷ, vật vì những kẻ ấy là phàm phu còn quanh quẩn trong ba cõi, không đầy đủ trí huệ như Phật là đáng đã giải thoát vòng sanh tử của thế gian.

Quy y Pháp rồi, từ nay về sau phải tôn Pháp làm thầy, thà bỏ thân mạng, quyết không quy y với ngoại đạo tà giáo vì những đạo pháp ấy không phải là những phương pháp xuất thế, có thể làm cho chúng ta thoát khỏi vòng sanh tử luân hồi được.

Quy y Tăng rồi, từ nay về sau phải tôn Tăng làm thầy, thà bỏ thân mạng, quyết không quy y với bè đảng xấu ác vì những người ấy không thể so với hàng đệ tử Phật đã tu chứng Tam thừa, Tứ quả.

Giờ đây các người đã chân thành quy y, sẽ được Tam bảo luôn luôn cứu hộ, hiện tại chắc chắn yên vui, tương lai sẽ được sinh về Cực lạc. Tam bảo đã có công năng như thế, các người nên đêm ngày tưởng nhớ thì quyết chứng được quả Bồ đề vô thượng. Vậy các người hãy đọc theo thầy những lời thề nguyện:

Đệ tử đã quy y Phật, nguyện đời đời kiếp kiếp không quy y trời, thần, quỷ, vật.

Đệ tử đã quy y Pháp, nguyện đời đời kiếp kiếp không quy y ngoại đạo tà giáo.

Đệ tử đã quy y Tăng, nguyện đời đời kiếp kiếp không quy y bè đảng xấu ác.

(Theo luật thì: bước đầu tiên của một người phát tâm theo Phật, trước phải thọ tam quy sau mới thọ ngũ giới. Nếu người nào vì hoàn cảnh chưa thọ giới được thì nên thọ tam quy mà thôi. Nếu chỉ thọ tam quy thì đến đây là lễ thọ tam quy đã xong, giới sư nên thêm vài lời khuyến khích và hồi hướng là rồi lễ).

---o0o---

D. THỌ PHÁP NGŨ GIỚI

1. GIỚI SƯ KHAI THỊ

Phật tử! Các người đã lãnh thọ pháp tam quy, bây giờ thầy sẽ trao cho năm giới. Năm giới này là căn bản để làm người, là nền tảng của giới Sa di, Tỳ kheo, Bồ tát, cho đến đạo quả vô thượng Bồ đề. Ví như muốn xây lầu bốn tầng, chúng ta phải bồi đắp nền móng; muốn trải qua đường muôn dặm, chúng ta phải khởi hành từ bước đầu tiên. Chư Phật đạt đến mục đích Đạo quả viên mãn, đều đã nương vào giới pháp này.

Giờ đây, các người muốn được lợi ích thiết thực quyết nên thọ trì giới pháp.

Nhưng muốn thọ trì giới pháp, trước hết phải sám hối những tội lỗi đã chất chứa từ lâu, để cho thân tâm được trong sạch, thì sự lãnh thọ giới pháp mới được hoàn toàn. Bây giờ các người hãy nói theo thầy để chí thành sám hối:

---o0o---

2. TỎ BÀY SÁM HỐI

Đệ tử chúng con, chí thành sám hối: nhiều kiếp đến giờ chưa gặp Tam bảo, chẳng biết thiện ác nhân quả, biết bao tội lỗi do thân, khẩu, ý gây nên; khinh dể Tam bảo, tạo mười ác nghiệp. Ngày nay nhờ Phật, biết sự lỗi lầm, đối trước mười phương Tam bảo tỏ bày sám hối, nguyện đều tiêu diệt.

Đệ tử gây nên các vọng nghiệp

Đều do vô trí tham sân si

Từ thân, khẩu, ý phát sanh ra,

Đệ tử chí thành xin sám hối.

(đọc ba lần, lạy một lạy và quỳ xuống)

---o0o---

3. GIỚI SỰ TRAO GIỚI

Phật tử! Các người đã sám hối đúng pháp, bây giờ thầy sẽ trao cho năm giới pháp. Giới pháp này rất khó gặp, nếu Phật không ra đời thì không có. Giới pháp này đủ sức trừ sạch phiền não sanh tử và đưa chúng ta đến đạo quả bồ đề giải thoát. Bởi lẽ ấy, giờ đây các người muốn thoát sanh tử, cầu chứng niết bàn, nên gắng lãnh thọ giới pháp.

Lãnh giới pháp này, đàn ông thì gọi là Ưu bà tắc, đàn bà thì gọi là Ưu bà di, nghĩa là những người đã bỏ dũ làm lành, gàn gũi phụng sự Tam bảo. Trong năm giới này các người có thể tùy năng lực và hoàn cảnh của mình mà lãnh thọ một giới, gọi là nhất phần Ưu bà tắc (hay Ưu bà di); lãnh thọ hai giới gọi là thiếu phần; lãnh thọ ba giới gọi là bán phần; lãnh thọ bốn giới gọi là đa phần; và lãnh thọ cả năm giới gọi là mãn phần. Vậy, bây giờ các người

muốn lãnh thọ phần nào, giới nào, tùy theo hoàn cảnh và năng lực mình mà thọ lãnh. Nhưng phải nhớ: khi đã thọ lãnh giới nào thì dù gặp hoàn cảnh có thể mất tánh mạng, cũng thề quyết không hủy phạm. Vì sao thế? Vì giới pháp là thuyền bè đưa chúng ta ra khỏi bể khổ sanh tử luân hồi, thật là khó gặp mà thân mạng thì dễ mất, dầu có giữ gìn cho lắm rồi nó cũng sẽ mất; nếu không giữ giới thì thuyền bè bể rạc tất nhiên phải chìm đắm, khổ đau nhiều đời! Để câu giới pháp các người hãy nói theo thầy.

---o0o---

4. PHÁT NGUYỆN THỌ GIỚI

Đệ tử chúng con đã quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, nguyện suốt đời thọ trì mãn phần (hay đa, bán, thiếu phần ... tùy nguyện) Ưu bà tắc (hay Ưu bà di) giới. Phật là đáng chí tôn vô thượng giác, là bậc Thế tôn của chúng con (đọc ba lần, xá ba xá).

Đệ tử chúng con đã quy y Phật rồi, quy y Pháp rồi, quy y Tăng rồi, nguyện suốt đời thọ trì mãn phần (hay đa, bán, thiếu phần ... tùy nguyện) Ưu bà tắc (hay Ưu bà di) giới. Phật là đáng chí tôn vô thượng giác, là bậc Thế tôn của chúng con (đọc ba lần, xá ba xá).

Thầy dạy: Phật tử! Thầy đã trao giới pháp cho các người, giới thể đã được viên toàn. Bây giờ các người muốn biết giới tướng để tu trì, thầy sẽ chỉ bảo thêm, nếu giới nào giữ được thì trả lời giữ được.

1. Trọn đời không sát sanh là giới của Ưu bà tắc (hay Ưu bà di), các người giữ được không?
2. Trọn đời không trộm cắp là giới của Ưu bà tắc (hay Ưu bà di), các người giữ được không?
3. Trọn đời không tà dâm là giới của Ưu bà tắc (hay Ưu bà di), các người giữ được không?
4. Trọn đời không nói dối là giới của Ưu bà tắc (hay Ưu bà di), các người giữ được không?
5. Trọn đời không uống rượu hay dùng các chất loạn tánh tình ... là giới của Ưu bà tắc (hay Ưu bà di), các người giữ được không?

Phật tử! Các người được thọ giới rồi, từ nay phải khéo giữ gìn, dù gặp nhân duyên trắc trở cũng không nên hủy phạm. Nếu ai phạm những giới trên đây, hiện tại mất hết nhân cách và nền móng tốt đẹp; tương lai phải chịu nhiều kiếp đọa đày trong cảnh giới đau khổ. Các người hãy cố gắng lên!

---o0o---

5. GIỚI SƯ KHAI THỊ NIỆM PHẬT

Phật tử! Các người nên hiểu: chúng ta sinh nhằm đời mạt pháp chánh tà lộn xộn, ma Phật khó phân. Nếu không nhờ oai thần của Phật gia hộ, thì khó bề giữ vững đạo tâm và hoàn thành những lời thề nguyện và khó bề khỏi lạc vào đường ma lối quỷ. Cho nên, các người phải chăm lòng tưởng nhớ, niệm danh hiệu Phật, nhất là Phật A Di Đà ở thế giới Cực lạc phương Tây. Các người hãy nghe lời thề rộng rãi của Ngài: "Nếu ai niệm danh hiệu của Như lai, sẽ được Như lai hộ trì tiếp dẫn, sanh về cảnh giới của Như lai. Sanh trong hoa sen, hoa nở thấy Phật, gần gũi các vị Bồ tát, dứt hết luân hồi, mau thành chánh quả.

Vậy thời, các người hãy phát nguyện, hằng ngày chuyên tâm niệm Phật. Các người nên đọc theo lời thầy:

Nguyện sanh tịnh độ cảnh Tây phương,

Chín phẩm hoa sen làm cha mẹ,

Hoa nở thấy Phật chúng vô sanh

Bất thối Bồ tát làm bè bạn.

Nam mô Tây phương thế giới Đại từ đại bi A Di Đà Phật (đọc 3 lần, lay 3 lay)

---o0o---

6. GIỚI SƯ KHUYẾN KHÍCH

Phật tử! Một lần nữa, thầy nhắc lại với các người: Trên đây, các người đã phát nguyện thọ trì Tam quy và Ngũ giới. Về Tam quy các người phải luôn luôn giữ vững lòng chánh tín đối với Tam bảo, suốt đời giữ trọn lời thề và cúng dường phụng sự; không nên tin tưởng phụng thờ trời thần quỷ vật,

ngoại đạo tà giáo, bạn bè phe phái tàn ác. Về Ngũ giới pháp, các người nên nhớ lời phát nguyện mà giữ gìn cho trọn vẹn, không nên vì một lẽ gì mà xao lãng lời thề nguyện và hủy phạm giới pháp để phải chịu khổ nhiều đời!

Ngoài việc quy y và thọ giới, hằng ngày các người nên cố gắng niệm Phật để cầu Phật lực gia hộ. Cũng tùy ở hoàn cảnh và khả năng, các người có thể niệm nhiều hay ít, niệm nhỏ hay lớn, cần nhất phải chí thành và tin tưởng, hằng ngày không sai.

Các người thực hành được như thế, có thể gọi là làm tròn bốn phận Phật tử tại gia. Tuy nhiên, đó chỉ là phần tự lợi. Muốn được lợi tha, các người phải tận tâm hộ đạo. Tùy tài tùy sức góp của góp công, giúp đỡ vào mọi Phật sự, hoằng dương chánh pháp, cùng nhau duy trì nền chánh giáo của đức Bổn sư. Được thế mới thật xứng đáng một tín đồ trung thành với Tam bảo. Các người nên cố gắng!

Đáp: Chúng con xin vâng lời (3 lần 3 xá).

---o0o---

HỘI HƯỚNG TAM BẢO

1. LỄ TẠ TAM BẢO

Nhất tâm đánh lễ Thập phương thường trụ Tam bảo.

Nhất tâm đánh lễ Bổn sư Thích ca Mâu ni Phật.

Nhất tâm đánh lễ Truyền giới bổn sư.

Nhất tâm đánh lễ Hộ giới chư vị đại đức.

(Mỗi hiệu 1 lạy).

2. TRÌ TỤNG HỘI HƯỚNG

Tụng bài: "Đệ tử kính lạy ..."

3. TAM TỰ QUY

Tự quy y Phật, xin nguyện chúng sanh, thể theo đạo cả, phát lòng vô thượng.

Tự quy y Pháp, xin nguyện chúng sanh, thấu rõ kinh tạng, trí huệ như biển.

Tự quy y Tăng, xin nguyện chúng sanh, quản lý đại chúng, hết thảy không ngại.

4. PHÁT ĐIỆP VÀ XUỐNG PHÁP DANH

Lời dặn: Nếu muốn rút ngắn thời gian thì có thể lược qua một vài đoạn giải thích không cần lắm. Ngoài ra không thể bỏ được, vì liên quan lẫn nhau.

---o0o---

LỜI DẶN CẦN THIẾT TRONG KHI PHÁT PHÁI QUY Y

1. Y như pháp thì các người nay đã thành tựu một người Phật tử chơn chánh. Lá phái chẳng qua là vật để đánh dấu và tiêu biểu nhắc nhở các người. Hằng ngày các người nên nhìn đến lá phái mà luôn luôn nhớ rằng: Năm ấy, tháng ấy, ngày ấy, các người đã đến chùa ấy, cầu thầy ấy truyền thọ cho giới pháp Tam quy và Ngũ giới, pháp danh là gì. Có như thế thì thiện căn mỗi ngày một tăng trưởng và sẽ hưởng phước báo vô cùng.

2. Tam quy y cũng là một giới, nếu không giữ trọn thì mất. Ví dụ người đã quy y rồi mà cũng thờ cúng tín ngưỡng quỷ thần tà ma ngoại đạo hay tin theo tà thuyết của thế gian và nhập vào bè đảng tàn ác, là mất giới Tam quy. Người ấy không còn gọi là đệ tử Phật: mất hết công đức trong Phật pháp.

3. Người quy y Phật rồi, phải chánh tín nhơn quả. Vì nhơn quả là một định luật của thế gian và xuất thế gian mà đức Phật đã chứng minh một cách xác thực. Có tin nhơn quả mới tinh tấn bỏ ác làm lành, hoán cải cảnh đời xấu xa trở nên tốt đẹp. Như thế mới là chơn chính đệ tử của đức Phật.

4. Thế theo đức từ bi của đức Phật, người Phật tử tại gia ngoài bốn phận giữ gìn giới điều mình đã lãnh thọ, cần phải phát nguyện mỗi tháng ít nhất ăn chay từ hai ngày cho tới mười ngày và các ngày vía kỷ niệm chư Phật để tỏ lòng thương xót đối với loài vật.

5. Từ ý nghĩ, nói phô cho đến hành động, ít nhất mỗi ngày phải có một việc lành, như dùng lời giáo hóa, tán thán công đức Tam bảo hoặc khuyến khích ít nhất mỗi năm cũng phải có một người noi theo mình mà quy y Tam bảo. Đây là một điều vô cùng phước đức, cần phải chú ý.

6. Không được vô tình hay hữu ý trong lúc nói phô hoặc hành động để cho người bàng quan chê bai Tam bảo, có phương hại đến danh dự của chánh pháp. Nếu sơ lỡ, phải lạy Phật sám hối liền, vì đó là một điều vô cùng tội lỗi. Trái lại, phải luôn luôn tìm mọi cách hộ trì chánh pháp là bổn phận tối cao của người Phật tử.

7. Phải học hiểu chánh pháp, ít nhất cũng phải biết qua tôn chỉ, mục đích của đạo Phật và đời tu hành cao quý của đức Phật. Phải thuộc lòng những bài kinh thường tụng, để huân tập (tự kỷ ám thị) vô lậu nghiệp vào tâm thức.

THÀ GIỮ ĐẠO MÀ CHẾT, HƠN LÀ MÁT ĐẠO MÀ SỐNG

---o0o---

BÁT QUAN TRAI GIỚI

I. Ý NGHĨA

Mục đích của người tu theo đạo Phật là cầu giác ngộ và giải thoát. Nhưng nếu có trần sự bận rộn tâm trí, thì không thể nào đạt mục đích ấy được. Cho nên, không luận đại thừa hay tiểu thừa, chỉ có một con đường duy nhất là xuất gia.

Xuất gia là thoát ly hẳn những gì bận rộn ô nhiễm, thúc phược thân lẫn tâm. Xuất gia có ba nghĩa:

1. Xuất thế tục gia (thoát ly nhà thế tục): Nghĩa là thoát ly gia đình, vợ con, chức vụ, tất cả những gì ở thế tục này.
2. Xuất tam giới gia (thoát ly nhà ba cõi): Nghĩa là phát tâm tu hành theo vô lậu nghiệp, hầu mong chứng đến quả vị tam thừa, tứ quả. Không tham cầu những phước báo sang giàu nhân tịnh hữu lậu trong ba cõi dục, sắc và vô sắc giới.
3. Xuất phiền não gia (thoát ly nhà phiền não): Nghĩa là phát tâm hướng về quả vị vô thượng Phật đà. Đoạn sạch tất cả phiền não tham sân si mạn v.v... Thệ nguyện cứu độ tất cả chúng sanh. "Địa ngục chưa xong, thế chẳng thành Phật". Không tham cầu quả vị Thanh văn niết bàn tự lợi.

Quả vị cao rộng mệnh mông mà đường đi chỉ có một là xuất gia. Chúng sanh vì nghiệp hạnh bất đồng, căn cơ sai khác, không thể nào ai cũng xuất

gia được. Với lòng từ bi vô hạn, đức Phật muốn cho các hàng đệ tử Ngài, dù mau dù chậm, cuối cùng cũng sẽ đạt đến mục đích cứu cánh là giác ngộ và giải thoát như Ngài. Cho nên, Ngài chế ra nhiều lối xuất gia như:

Đồng chon xuất gia (xuất gia suốt đời từ khi còn nhỏ).

Bán thể xuất gia và xuất gia theo kỳ hạn phát nguyện.

Cuối cùng là xuất gia trong một ngày đêm 24 tiếng đồng hồ, tức là thực hành theo Bát quan trai giới này vậy.

Bát quan trai giới nghĩa là tám cửa trai giới. Những người tại gia trong mỗi tháng vào những ngày trai như : mồng 8, 14, 15 v.v... bỏ tất cả những sự bận rộn ở thế tục vào chùa nhờ một thầy tỳ kheo truyền cho tám giới và một trai (1 trai tức là không ăn quá giờ Ngọ) mà hành trì trong một ngày một đêm. Nếu xa chùa và không có thầy tỳ kheo thanh tịnh thì tự mình đèn trước Phật sám hối tội lỗi phát nguyện thọ trì trai giới cũng được. Thọ trì trai giới này tức là đóng bít cửa ác đạo mà mở cửa như thiên diệp thiện niết bàn. Nên gọi là tám cửa trai giới.

Tóm lại, đức Phật vì thương xót hàng đệ tử tại gia, nên chế ra pháp bát quan trai giới này để cho hàng tại gia tu tập theo tịnh hạnh của người xuất gia, gieo giống bồ đề vô thượng vào tâm khảm mọi hàng đệ tử, hầu tiến dần đến quả vị cứu cánh tuyệt đích của chư Phật.

Trong kinh thí dụ pháp bát quan trai giới này như ngọc bửu châu ma ni (ngọc như ý), dù nhỏ nhưng giá trị so với các thứ ngọc khác không sao sánh kịp.

---o0o---

II. TRUYỀN THỌ

Cầu thầy truyền thọ .Hàng tại gia thiện tín gặp những ngày trai như mồng 8, 14, rằm ... hoặc các ngày rảnh, dẹp bỏ tất cả công việc gia đình, chức vụ, phát tâm thanh tịnh hoan hỷ, đến chùa cầu một thầy tỳ kheo thanh tịnh làm giới sư truyền giới: bắt đầu từ sáu giờ sáng này đến sáu giờ sáng mai là xá giới. Nếu được thời đến chùa trước một hôm để nghe thầy giảng dạy ý nghĩa tu hành; cách thức hành lễ và lạy hồng danh sám hối cho thân tâm thanh tịnh thì tốt hơn.

Giới sư sẽ theo nghi thức hành lễ như sau: a- Niêm hương bạch Phật: Giới sư như nghi thức quy y trước mà niêm hương bạch Phật. b- Tán Phật và c- Lễ Phật; cũng như trước.

---o0o---

III. GIỚI SƯ KHAI THỊ

Khô hải vô biên, nếu không có thuyền từ thì không sao lên được bờ giải thoát; luân hồi mờ mịt, nếu thiếu hải tịnh giới thì khó mà ra khỏi cảnh tối tăm. Chính chư Phật cũng nhờ giới mà thành chánh quả. Bất luận đại thừa, tiểu thừa, thế gian hay xuất thế gian không ai là không thọ trì giới pháp mà được hưởng quả an vui. Ngặt nổi hàng tại gia bị trần lụy doanh vẫy, không thể chung thân theo dõi! Vì thế đức Như Lai phương tiện chế ra giới pháp này dạy cho hàng tại gia mỗi tháng gặp ngày trai phải một ngày một đêm thọ trì. Công đức của giới bát quan trai này, nó là tịnh hơn vô lậu hơn tất cả phước báo hơn thiên và là con đường thẳng đến đạo quả vô thượng bồ đề.

---o0o---

IV. SÁM HỐI

Các người từ vô thi kiếp đến nay, vì mê lầm nên thân, khẩu, ý đã tạo ra muôn ngàn tội lỗi. Giờ đây trước hết các người phải phát lòng chí thành đối trước Tam bảo cầu xin sám hối, để cho thân tâm thanh tịnh, rồi sau mới thọ lãnh giới pháp.

Các người hãy đọc theo đây: (giới sư đọc trước, giới tử đọc theo sau, không nên cùng đọc một lần).

Đệ tử chúng con (ai nấy đều xưng tên họ của mình) từ vô thi kiếp đến nay, gây nên ba nghiệp dữ, mười điều ác và các tội tà kiến. Nay đối trước mười phương Tam bảo cầu xin sám hối, nguyện đều tiêu diệt (đọc ba lần, vái 3 vái, đứng dậy) .

Nam mô Thập phương thường trụ Tam bảo (lạy ba lạy, quỳ xuống, đọc tiếp)

Xưa kia con đã tạo các vọng nghiệp, đều do vô thi tham sân si, bởi thân khẩu ý phát gây nên, tất cả, chúng con xin sám hối.

Nam mô Cầu sám hối Bồ tát ma ha tát. (đọc ba lần, lạy ba lạy rồi quỳ xuống)

---o0o---

V. THẦY KHAI THỊ TRUYỀN GIỚI

Này các Phật tử! Từ trước đến nay các người đã phát tâm chí thành sám hối, ba nghiệp đã được thanh tịnh, bắt đầu từ giờ này cho đến sáng mai phải học tập theo giới Bát quan trai. Bát quan trai là gì? Nghĩa là tám giới điều và một trai pháp : không được sát sanh, không được trộm cắp, không được dâm dục, không được nói dối, không được uống rượu, không được thoa ướp hương hoa và trang sức sắc phục, không được ca múa xướng hát và đi xem nghe, không được ngồi giường cao ghế đẹp và không được ăn phi thời (nghĩa là không ăn quá giờ Ngọ). Tám điều trước là giới; giữ tám điều này tức là đóng kín cửa ác đạo. Không ăn phi thời là trai. Trai nghĩa là tề, là ăn đúng giữa giờ Ngọ, để thích hợp với con đường trung đạo mà Tam thế chư Phật đã noi theo. Nói chung cả trai và giới nên gọi là Bát quan trai giới. Các người nên phát tâm vô thượng để được giới pháp vô thượng. Vậy, các người sẽ đọc theo đây để thọ trì giới pháp: (đọc như trên)

Đệ tử chúng con (xung tên họ) quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, xin một ngày một đêm làm người tịnh hạnh Ưu bà tắc, (nếu đàn bà thì gọi ưu bà di). Như Lai là bậc chí chơn vô thượng đẳng chánh giác, là Thế Tôn của chúng con (đọc ba lần)

Đã quy y Phật, thề suốt đời không quy y trời thần quỷ vật; đã quy y Pháp, thề suốt đời không quy y ngoại đạo tà giáo; đã quy y Tăng, thề suốt đời không quy y bè đảng tàn ác; xin một ngày một đêm làm người tịnh hạnh Ưu bà tắc, (nếu đàn bà thì gọi Ưu bà di). Như Lai là bậc chí chơn vô thượng đẳng chánh giác, là Thế Tôn của chúng con (đọc ba lần, vái ba vái).

---o0o---

VI. THẦY KHAI THỊ GIỚI TƯỞNG

Phật tử! Đã truyền cho các người pháp Tam quy xong là giới thể đã chu toàn. Nay vì các người sẽ nói rõ các giới tướng, để cho các người hộ trì và không hủy phạm. Vậy các người hãy nói theo thầy (thầy đọc trước, giới tử đọc theo sau):

1. Như chư Phật suốt đời không sát sanh, chúng con (xung tên họ) xin một ngày một đêm không sát sanh.

2. Như chư Phật suốt đời không trộm cắp, chúng con (xưng tên họ) xin một ngày một đêm không trộm cắp.
3. Như chư Phật suốt đời không dâm dục, chúng con (xưng tên họ) xin một ngày một đêm không dâm dục.
4. Như chư Phật suốt đời không nói dối, chúng con (xưng tên họ) xin một ngày một đêm không nói dối.
5. Như chư Phật suốt đời không uống rượu, chúng con (xưng tên họ) xin một ngày một đêm không uống rượu.
6. Như chư Phật suốt đời không thoa ướp hương hoa vào mình và không trang sức sắc phục, chúng con (xưng tên họ) xin một ngày một đêm không thoa ướp hương hoa vào mình và không trang sức sắc phục.
7. Như chư Phật suốt đời không ca múa xướng hát và không đi xem nghe, chúng con (xưng tên họ) xin một ngày một đêm không ca múa xướng hát và không đi xem nghe.
8. Như chư Phật suốt đời không ngồi giường cao ghế đẹp, chúng con (xưng tên họ) xin một ngày một đêm không ngồi giường cao ghế đẹp.
9. Như chư Phật suốt đời không ăn phi thời, chúng con (xưng tên họ) xin một ngày một đêm không ăn phi thời.

---o0o---

VII. THẦY KHUYẾN THỊ

Này các Phật tử, thân người khó được, tánh mạng vô thường, ngày giờ thấm thoát như thoi đưa, đời sống bấp bênh như bọt nổi! Nếu không tinh tấn tu hành thì về sau ăn năn không kịp. Nay các người đã có nhiều nhơn duyên lành, hãy cố gắng lên.

Đáp : Y giáo phụng hành.

---o0o---

VIII. HÒI HƯỚNG

Tụng bài Đệ tứ kính lạy. Xướng lễ Phật. Tam tự quy.

---o0o---

IX. XẢ GIỚI

Sớm hôm sau lúc trời sáng, giới tử cung thỉnh giới sư lên điện niêm hương bạch Phật xả giới.

Xướng hiệu Phật lay tạ, giới tử đồng lay.

Tụng Bát nhã tâm kinh, những bài hồi hướng, tự quy.

---o0o---

TỰ THỌ GIỚI

Nếu xa chùa, không có thầy truyền giới hay không tiện đến chùa, các thiện nam tín nữ đến ngày trai có thể tự mình đến trước bàn Phật phát nguyện thọ trì trai giới cũng được. Trước một hôm giới tử phải trai giới thanh tịnh lễ Phật sám hối: 6 giờ sáng đến trước bàn Phật niêm hương, khai tên họ pháp danh, tuổi, làng ... xin phát nguyện thọ trì bát quan trai giới trong một ngày một đêm. Niêm hương xong, xướng lay danh hiệu Phật, Bồ tát, các vị Tổ sư và Hộ pháp, Thiện thân. Lay xong quỳ sám hối:

Con, xưa đã tạo các vọng nghiệp, đều do vô thi tham, sân, si; bởi thân khẩu ý phát sanh ra, tất cả, chúng con xin sám hối. Nam mô Cầu sám hối Bồ tát ma ha tát (đọc ba lần, lay ba lay).

Quỳ thọ giới, tự mình phải đọc:

Đệ tử chúng con (xưng tên) quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Xin một ngày một đêm làm người tịnh hạnh Ưu bà tắc (nếu đàn bà thì Ưu bà di). Như Lai là bậc chí chơn vô thượng đẳng chánh giác; là Thế Tôn của chúng con (đọc ba lần, vái ba vái).

Đệ tử đã quy y Phật, nguyện đời đời kiếp kiếp không quy y trời thần quỷ vật; đã quy y Pháp, nguyện đời đời kiếp kiếp không quy y ngoại đạo tà giáo; đã quy y Tăng, nguyện đời đời kiếp kiếp không quy y bè đảng tàn ác. Con xin một ngày một đêm làm người tịnh hạnh Ưu bà tắc (nếu đàn bà thì Ưu bà di). Như Lai là bậc chí chơn vô thượng đẳng chánh giác; là Thế Tôn của chúng con (đọc ba lần, lay ba lay). Rồi quỳ đọc thọ giới.

1. Như chư Phật suốt đời không sát sanh, con (xưng tên họ) xin một ngày một đêm không sát sanh.
2. Như chư Phật suốt đời không trộm cắp, con (xưng tên họ) xin một ngày một đêm không trộm cắp.
3. Như chư Phật suốt đời không dâm dục, con (xưng tên họ) xin một ngày một đêm không dâm dục.
4. Như chư Phật suốt đời không nói dối, con (xưng tên họ) xin một ngày một đêm không nói dối.
5. Như chư Phật suốt đời không uống rượu, con (xưng tên họ) xin một ngày một đêm không uống rượu.
6. Như chư Phật suốt đời không thoa ướp hương hoa vào mình và không trang sức sắc phục, con (xưng tên họ) xin một ngày một đêm không thoa ướp hương hoa vào mình và không trang sức sắc phục.
7. Như chư Phật suốt đời không ca múa xướng hát và không đi xem nghe, con (xưng tên họ) xin một ngày một đêm không ca múa xướng hát và không đi xem nghe.
8. Như chư Phật suốt đời không ngồi giường cao ghế đẹp, con (xưng tên họ) xin một ngày một đêm không ngồi giường cao ghế đẹp.
9. Như chư Phật suốt đời không ăn phi thời, con (xưng tên họ) xin một ngày một đêm không ăn phi thời.

(Đứng dậy lạy ba lạy)

Quý tụng bài hồi hướng "Đệ tử chúng con ..." Tam tự quy. Thọ giới xong, tùy mình phân thời gian tu tập.

Sáng mai, khi trời sáng, đến trước bàn Phật niệm hương xin xả giới:

Niệm hương bạch Phật. Tụng Bát nhã. Hồi hướng. Tự quy.

NIÊM HƯƠNG

Hương là tiêu biểu cho Giới, Định, Huệ, ...

Cho nên, hành giả trong khi niệm hương bạch Phật cần phải thân tâm tinh khiết, nhất tâm chuyên chú hướng về Tam bảo. Trước hết đứng ngay thẳng trước Phật, chiêm ngưỡng Phật, quán tưởng đức tướng Phật, đọc thầm 21 biến Tịnh pháp giới chơn ngôn: "An lam tóa ha", quán tưởng chữ Lam (...) đổ lửa từ trong miệng theo tiếng đọc tuôn ra lên trên đánh phủ xuống và bao quanh cả toàn thân, làm cho từ thân thể đến cả pháp giới đều thanh tịnh. Kế đến, cầm hương đốt, miệng đọc: "Hương vân kiết thể, thông xuất tam giới; ngũ uẩn thanh tịnh, tam độc liễu nhiên. An phóng ba tra tóa ha". Quý xuống đưa hương lên đầu đọc bài tán hương: "Lư hương sạ nhiệt, pháp giới mông huân, chư Phật hải hội tất diêu văn, tùy xứ kiết tường vân, thành ý phương ân, chư Phật hiện toàn thân. Nam mô hương vân cái Bồ tát ma ha tát (Lò hương vừa đốt, xông ngát mười phương, chư Phật Bồ tát thấy đều nghe, tùy chỗ kết mây lành, một niệm chí thành, chư Phật hiện toàn thân). Tiếp niệm bài cúng hương:

Giới hương Định hương dũ Huệ hương,

Giải thoát, Giải thoát tri kiến hương,

Quang minh vân đài biến pháp giới;

Cúng dường thập phương vô thượng tôn.

Nam mô Hương cúng dường Bồ tát ma ha tát.

Kế niệm:

Nguyện thử diệu hương vân

Biển mãn thập phương giới

Cúng dường nhất thiết Phật,

Tôn Pháp, chư Bồ tát,

Vô biên Thanh văn chúng,

Cập nhứt thiết Thánh hiền.

Duyên khởi quang minh đài

Quá ư vô biên giới,

Vô biên Phật độ trung;
Xứng tánh, tác Phật sự.
Phổ huân chư chúng sanh
Giai phát bồ đề tâm,
Viễn ly chư vọng nghiệp
Viên thành vô thượng đạo.
Nam mô Đại hạnh Phổ hiền Bồ tát (3 lần).
Kể tưởng niệm tán Phật:
Pháp vương vô thượng tôn,
Tam giới vô luân thất.
Thiên như chi đạo sư,
Tứ sanh chi từ phụ.
Ư nhưt niệm quy y,
Năng diệt tam kỳ nghiệp.
Xung dương nhược tán thán
Ức kiếp mạc năng tận.
Thiên thượng thiên hạ vô như Phật,
Thập phương thế giới diệc vô tỷ,
Thế gian sở hữu ngã tận kiến
Nhất thiết vô hữu như Phật giả.
Sát trần tâm niệm khả sở tri,

Đại hải trung thủy khả ẩm tận,

Hư không khả lượng phong khả kế,

Vô năng tận thuyết Phật công đức.

Nam mô Ta bà thế giới tam giới đạo sư, tứ sanh từ phụ, nhơn thiên giáo chủ, thiên bách ức hóa thân Bổn sư Thích ca Mâu ni Phật.

Nam mô Thập phương tam thế nhất thiết chư Phật, biến pháp giới chư tôn Bồ tát Ma ha tát. Linh sơn hội thượng vô lượng thánh hiền, Hộ pháp hộ giáo hộ giới già lam chư vị Thiện thần. Tây thiên Đông độ Nam quốc truyền giáo chư vị Tổ sư Hòa thượng Liên hoa tọa hạ tác đại chứng minh.

Ư kim ... niên ... nguyệt ... nhật ... Việt Nam quốc ... phủ, huyện ... xã ... tự viện ... Đệ tử ... Pháp danh ... Tự ... Hiệu ... quy đầu Tam bảo phát nguyện thọ trì tam quy ngũ giới pháp (tùy việc mà canh cải). Ngưỡng khởi thập phương Tam bảo sát hải vạn linh, từ bi vô lượng thệ hải hồng thâm, nguyện giáng oai quang chứng minh mặc hộ. Tỷ đệ tử chúng đặng quy y chi hậu, thân tâm thanh tịnh, nghiệp chướng tiêu trừ, trí tánh thường minh, bồ đề khai phát. Nguyện sanh sanh thế thế, tại tại xứ xứ thường vi Tam bảo tiếp thọ cứu hộ, sanh phùng Phật pháp, tri ngộ thiện hữu, bất vong quang đại bồ đề chi tâm, thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sanh, phàm hữu kiên văn giai phát đạo tâm, đồng triêm lợi lạc. Cánh kỳ: Pháp giới oán thân, tình dữ vô tình đồng thành Phật đạo. Thiệt lại Phật đức chi bất khả tư nghì dã.

Cắm hương lên bàn. Đọc bài danh lễ Phật:

Sở hữu thập phương thế giới trung

Tam thế nhất thiết nhơn sư tử,

Ngã dĩ thanh tịnh thân, ngữ, ý,

Nhất thiết biên lễ tận vô dư ...

Xướng và lạy:

Nam mô Thập phương thường trụ Tam bảo.

Mặc tưởng:

Năng lễ sở lễ, tánh không tịch.

Cảm ứng đạo giao nan tư nghị.

Ngã, thử đạo tràng, như đế châu:

Thập phương chư Phật ảnh hiện trung.

Ngã thân ảnh hiện chư Phật tiền,

Đầu, diện tiếp túc, quy mạng lễ.

(Tùy tâm phát nguyện lạy nhiều hay ít, và tùy theo việc mà lạy danh hiệu chư Phật, Bồ tát ...Lạy xong bắt đầu làm lễ).

---o0o---

PHÁP TRƯỞNG TỊNH (BỒ TÁT) CHO NGƯỜI TẠI GIA

Duy na xướng:

Tam quy ngũ giới giả xuất ban (xếp hàng). Đánh lễ tam bái. Hồ quỳ hiệp chương.

Thầy gọi : Các người Ưu bà tắc, Ưu bà di! (Dạ)

Phải lắng lòng nghe đây. Hôm nay gặp tháng hắc nguyệt (hoặc bạch nguyệt) 15 ngày (hoặc 14 ngày nếu tháng thiếu) là ngày chúng Tăng vân tập để sám hối và bồ tát. Các người đã phát tâm hướng về Phật đạo, thọ trì ba quy y và năm điều giới pháp để xây đắp nền phước báo nhơn thiên và niết bàn diệu quả. Các người nên xét lại nửa tháng vừa qua, có điều gì trái phạm thì nên chí thành tỏ bày sám hối, để cho thanh tịnh. Nếu ẩn tàng thì tội lỗi mỗi ngày một tăng, không phải là Phật tử chân chính, mất hết tất cả công đức lợi ích.

Này các người! Quy y Phật là đáng phước đức và trí huệ cao cả; quy y Pháp là giáo lý vô thượng thậm thâm; Quy y Tăng là đoàn thể hòa vui thanh tịnh. Là ba ngôi báu nhất của thế gian và xuất thế gian.

Đã quy y Phật, suốt đời phụng thờ Phật làm Thầy, không được quy y với trời thần quỷ vật.

Đã quy y Pháp, suốt đời lấy chánh pháp làm phương châm tu hành, không được quy y với ngoại đạo tà giáo.

Đã quy y Tăng, suốt đời thân cận chư Tăng làm gương mẫu, không được bè đảng với kẻ tàn ác.

Vậy các người có khi nào quên Tam bảo, móng tâm quy y với trời thần quý vật, ngoại đạo tà giáo và bè đảng với kẻ tàn ác không ?

Đáp: Không.

Còn năm điều cấm giới là:

1. Không được sát sanh, các người có phạm không?
2. Không được trộm cắp, các người có phạm không?
3. Không được tà hạnh, các người có phạm không?
4. Không được nói dối, các người có phạm không?
5. Không được uống rượu, các người có phạm không?

Lành thay! Nay các Phật tử! Thân người khó được, nay các người đã được; Phật pháp khó nghe, nay các người đã nghe; Chúng Tăng khó gặp, nay các người đã gặp. Thật là vô cùng may mắn. Các người hãy sanh lòng sung sướng mà cố gắng lên.

Đáp : Xin vâng lời dạy.

Chí thành đánh lễ lui ra.

---o0o---

NGHI THỨC TRUYỀN GIỚI VÀ BỒ TÁT CHO THẬP THIỆN VÀ BỒ TÁT TẠI GIA

TỰA

Kể từ khi đạo Phật truyền vào nước ta, hàng Phật tử tại gia trong bất cứ thời đại nào và hoàn cảnh nào cũng đã có những đóng góp thiết thực trong sứ mạng hộ trì và hoằng dương chánh pháp, song song với sự nghiệp bảo vệ và

xây dựng Tổ quốc. Sở dĩ được như thế, là do tinh thần cùng học cùng tu hòa hợp như nước với sữa. Tinh thần ấy càng được củng cố và phát triển thì giáo pháp của Phật càng được phát huy đem lại an lạc cho tất cả mọi người. Giới luật là nền tảng của tinh thần hòa hợp ấy.

Cũng như trong mọi sinh hoạt của thế gian, mỗi một đoàn thể nào có thể còn tồn tại lâu dài và có thể cống hiến thiết thực cho nhân quần xã hội, ấy là nhờ có một nội quy thích hợp khiến cho các thành viên của nó cùng sống chung hòa hợp và cùng sinh hoạt phục vụ một cách nhịp nhàng. Cũng vậy, giới luật là những nguyên tắc chỉ đạo đời sống và sinh hoạt của Phật tử trong trách nhiệm bản thân và trách nhiệm liên đới giữa xã hội.

Chính vì lý do đó mà từ ngày đạo Phật được phục hưng thì một trong những công việc quan trọng hàng đầu là tổ chức đời sống hòa hợp của Phật tử tại gia trong nếp sống Lục hòa và Tứ nhiếp pháp, để cùng học cùng tu, cùng hỗ tương sách tấn, để cùng hộ trì và hoàng dương chánh pháp.

Tuy nhiên, cũng giống như trăm con sông đổ vào biển cả đều trở thành một vị duy nhất; cũng vậy, mọi giai tầng xã hội khi xuất gia trong chánh pháp đều trở thành một tập thể thuần nhất. Trong khi đó, chúng Phật tử tại gia vì trần vụ đa đoan, các sinh hoạt nghề nghiệp khác nhau rất nhiều, vai trò xã hội của mỗi người mỗi khác, do đó điều kiện để hành trì Phật pháp không thể thuần nhất được. Vì vậy đức Phật đã chế nhiều trình độ và nhiều loại giới luật khác nhau cho các chúng đệ tử tại gia. Tựu trung có chúng ngũ giới, chúng thập thiện, chúng Bồ tát giới. Nói rộng ra nữa, về chúng Bồ tát giới, còn có giới pháp của luật Phạm võng, luật Anh lạc, luật Du già sư địa, luật Thắng man, luật Ưu bà tắc giới kinh v.v... Tùy theo đó, mỗi địa phương và mỗi thời đại, tùy theo phong tục tập quán, tùy theo hoàn cảnh lịch sử của mỗi nước mà sự hành trì có khác nhau. Thí dụ ở Nhật Bản, từ thời Thánh Đức Thái tử đã có nghi thọ giới Thắng man mà nước ta và nước Trung Hoa không có tổ chức, mặc dù kinh Thắng man cũng được truyền bá, được giảng giải rộng rãi ở các nơi như nhau.

Do hoàn cảnh đặc biệt của nước Việt Nam ta và do hoàn cảnh lịch sử đặc biệt trong khoảng hơn một nửa thế kỷ trở lại đây, các giới pháp Thập thiện và Bồ tát tại gia được tổ chức truyền thọ cho người tại gia càng lúc càng nhiều. Căn bản của các học giới này chính do đức Thích Tôn chế định. Nhưng theo đà phát triển của lịch sử xã hội loài người và phạm vi địa lý mà đạo Phật được truyền bá trong đó, các Thánh tăng và các Bồ tát trong từng thời từng xứ có một đôi chỗ châm chước cho thích hợp.

Ở Việt Nam, để thích hợp với căn cơ và hoàn cảnh đất nước, hai hệ thống học giới được áp dụng cho Phật tử tại gia, ngoài học giới căn bản là Tam quy ngũ giới. Đó là giới Thập thiện được rút ra từ trong kinh Thọ thập thiện giới và giới tại gia bồ tát được rút ra từ kinh Ưu bà tắc giới.

Nguyên lai, Thọ thập thiện giới và Ưu bà tắc giới lấy luật tạng Thanh văn làm căn bản. Tức nội dung chủ yếu là thuộc về Nhiếp luật nghi. Nhưng do xu hướng đại thừa ở truyền thống đạo Phật của dân tộc ta, hai hệ thống học giới này ngày nay đang được áp dụng ở nước ta theo xu hướng phát thú đại thừa. Trong đó giới Thập thiện áp dụng như là căn bản của Bồ đề tâm giới, là điểm phát thú đầu tiên có khả năng dẫn đến chỗ thành tựu viên mãn ba tụ tịnh giới của Đại thừa bồ tát.

Giới tại gia bồ tát căn cứ theo kinh Ưu bà tắc giới được áp dụng như là toàn bộ của ba tụ tịnh giới ấy, lấy phát bồ đề tâm làm nền tảng, lấy bồ tát đạo làm môi trường tiền thủ, lấy Phật thừa làm cứu cánh.

Do sự áp dụng đặc biệt này mà các nghi thức truyền thọ và bồ tát có một vài chỗ châm chước so với nguyên xuất xứ. Đây không phải là việc làm tùy kiến giải cá nhân, mà được y cứ một cách nghiêm túc trên tinh thần truyền thọ và hành trì của các loại học giới với các nguyên tắc chỉ đạo của Luật tạng Thanh văn và luật tạng Bồ tát.

Tập biên soạn về các nghi thức truyền thọ và bồ tát của giới Thập thiện và tại gia bồ tát này, như vậy về nội dung thật sự không phải là một tập sáng tác. Tuy nhiên, nếu có chỗ nào không phù hợp với các nguyên tắc chỉ đạo của Luật tạng, kính mong các bậc Cao tăng thạc đức, uyên thâm luật tạng chỉ giáo cho để nghi thức được áp dụng sẽ trở thành ổn định và phù hợp với căn cơ của Phật tử Việt Nam hơn.

Quảng Hương già lam, ngày Phật thành đạo

Phật lịch 2534

HT. THÍCH TRÍ THỦ

---o0o---

NGHI THỨC TRUYỀN GIỚI THẬP THIỆN

(Phần mở đầu y theo nghi thức thọ tam quy ngũ giới)

Các Phật tử,

Các người đã vâng lãnh ba pháp quy y đã thọ trì năm giới cấm, tức đã thành tựu phần thứ nhất của ba tụ tịnh giới. Trong giây lát nữa đây, tôi sẽ trao truyền cho các người mười pháp nghiệp đạo, là phần thứ hai của ba tụ tịnh giới. Giờ đây các người hãy chuyên tâm nhất ý lắng nghe tôi nói về giới tánh của mười pháp thiện nghiệp đạo.

Mười thiện nghiệp đạo là mười hành vi thiện của thân miệng và ý, là con đường mà mười hành vi thiện đi qua, để đưa đến phước lạc nhân thiên, đưa đến đạo quả niết bàn. Các người từ vô thủy đến nay đã trải qua vô số kiếp, trôi lăn trong biển bần lây sinh tử do những ác nghiệp lôi kéo mà đã từng nhận lãnh bao thống khổ của địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Ngày nay may mắn được sanh làm thân người, được nghe Phật pháp, ấy là do thiện căn đã được gieo trồng từ trước. Vậy các người hãy nỗ lực tinh tấn tu tập cho thiện căn ấy càng ngày càng lớn mạnh thêm lên. Bởi vì một phen mất thân người thì muôn kiếp khó gặp lại.

Đức Phật ra đời vì thương tưởng chúng sanh do vô minh mà tạo nên những ác nghiệp, rồi do ác nghiệp mà lãnh thọ khổ quả, cho nên, Ngài đã phương tiện, tùy theo căn cơ, tùy theo trình độ của nhiều loại chúng sanh mà thiết lập nhiều thứ bậc giới pháp. Chúng sanh có vô lượng vô biên phiền não ác nghiệp, thì Phật pháp cũng có vô lượng vô biên giới pháp để phòng hộ và đối trị.

Như chiến sĩ ra trận có áo giáp hộ thân kiên cố mới có thể chiến thắng địch. Cũng vậy, người học Phật phải có giới pháp kiên cố phòng hộ để có thể chiến thắng được ma quân.

Giới pháp của Phật tuy nhiều vô lượng vô biên như vậy, nhưng tựu trung được bao gồm lại trong ba tụ chính yếu gọi là ba tụ tịnh giới. Tụ thứ nhất là nhiếp luật nghi giới, người học Phật phải tu tập để tránh xa mọi hành vi bất thiện. Tụ thứ hai là nhiếp thiện pháp giới, người học Phật phải thực hiện hết thảy mọi điều lành, vì phước lạc cho mình và cho mọi người trong đời này và trong đời sau. Tụ thứ ba là nhiếp ích hữu tình giới, người học Phật phải phát tâm quảng đại phụng sự hết thảy chúng sanh, đem lại phước lạc cho hết thảy mọi loài.

Nay các người sau một thời gian dài đã thọ trì năm giới cấm, là những học xứ thuộc về nhiếp luật nghi giới, tự mình xét thấy đã thanh tịnh, tự mình xét thấy đã có khả năng tránh xa những ác nghiệp của thân và miệng vì chúng

mà gây tổn hại cho mình và cho người khác, nay các người lại muốn tiến thêm bước nữa trên con đường học Phật, gieo trồng thêm gốc rễ thiện nghiệp dẫn đến phước lạc nhân thiên và đạo quả niết bàn, để làm lợi ích cho chính mình và cho hết thảy chúng sanh; Cho nên, các người phát nguyện thọ trì và tu hành mười thiện nghiệp đạo. Mười thiện nghiệp đạo này là căn bản của Bồ đề tâm giới, là bước đầu đi lên Bồ tát đạo; các người phải cẩn trọng hành trì, không nên xem thường!

Bây giờ, các người hãy nhất tâm thanh tịnh, nhớ lại hết thảy những việc đã làm từ trước đến nay, suy xét kỹ càng xem trong năm điều cấm giới mà các người đã phát nguyện thọ trì có được thanh tịnh chăng, có sai phạm điều gì chăng. Nếu có sai phạm thì hãy phát lồ sám hối, không được che giấu, sau khi sám hối sẽ được an lạc. Các người hãy nghe tôi hỏi, thành khẩn mà trả lời, nếu có thanh tịnh thì hãy đáp là thanh tịnh. Bằng nếu chưa thanh tịnh thì hãy đáp là chưa thanh tịnh.

Các Phật tử,

Trong đây, các người đối với ba pháp quy y và năm điều cấm giới đã được thanh tịnh chưa?

Tôi hỏi lần thứ hai:

Trong đây, các người đối với ba pháp quy y và năm điều cấm giới đã được thanh tịnh chưa?

Tôi hỏi tiếp lần thứ ba:

Trong đây, các người đối với ba pháp quy y và năm điều cấm giới đã được thanh tịnh chưa?

Lành thay, trong đây, các người đối với ba pháp quy y và năm điều cấm giới đã được hoàn toàn thanh tịnh, nay tôi sẽ hướng dẫn các người sám hối những tội lỗi sai lầm từ vô thủy đến nay, do tham, sân, si mà tạo ra mười bất thiện nghiệp khiến cho nhiều đời phải đọa lạc những nơi thống khổ. Vậy nên các người hãy chí thành sám hối ba bất thiện nghiệp thuộc về thân, bốn bất thiện nghiệp thuộc về miệng và ba bất thiện nghiệp thuộc về ý. Đây gọi là mười bất thiện nghiệp đạo, là con đường đưa đến các cõi khổ địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

Bây giờ các người hãy chí thành cung kính hướng về mười phương Tam Bảo mà sám hối những tội lỗi thuộc về mười bất thiện nghiệp đạo ấy. Các người hãy nhất tâm nói theo tôi:

Đệ tử từ vô thủy đến nay, do ngu si vô trí mà gây ra ba ác nghiệp thuộc về thân: một là sát sanh, hai là trộm cướp, ba là tà dâm, nay chí thành cầu xin sám hối để cho thân nghiệp được thanh tịnh.

Đệ tử từ vô thủy đến nay, do ngu si vô trí mà gây ra bốn ác nghiệp thuộc về miệng: một là nói dối, hai là nói hai lưỡi, ba là nói thêu dệt, bốn là nói lời thô lỗ, nay chí thành cầu xin sám hối để cho khẩu nghiệp được thanh tịnh.

Đệ tử từ vô thủy đến nay, do ngu si vô trí mà gây ra ba ác nghiệp thuộc về ý: một là tham lam bòn sẻn, hai là sân hận thù oán, ba là tà kiến cố chấp, nay chí thành cầu xin sám hối để cho ý nghiệp được thanh tịnh.

Xưa con đã tạo các ác nghiệp

Đều do vô thủy tham sân si

Từ thân miệng ý phát sinh ra

Tất cả con đều xin sám hối.

(Ngã tích sở tạo chư ác nghiệp

Giai do vô thủy tham sân si

Tùng thân ngữ ý chi sở sanh

Nhất thiết ngã kim giai sám hối).

Nam mô Cầu sám hối bồ tát ma ha tát.

Các Phật tử, Các người đã chí thành sám hối các tội lỗi từ vô thủy đến nay thuộc về mười bất thiện nghiệp đạo, như thế, thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp đã thanh tịnh, vậy nay tôi có thể truyền trao cho các người mười pháp thiện nghiệp đạo.

Các Phật tử,

Các người nên biết rằng, trong giờ phút này đang có vô số thiên long bát bộ hộ pháp thiện thần, hiện diện đầy khắp hư không, đang rải đủ các thứ hoa trời hoan hỷ tán thán rằng: "Kể từ giờ phút này, một số chúng sinh đang tránh xa mười bất thiện nghiệp đạo để bước lên mười thiện nghiệp đạo, đang vượt qua những ác thú để tiến về các cảnh giới phước lạc của thiên nhân.

Các người nên biết rằng, trong giờ phút này, hết thầy chư Phật và chư Đại Bồ Tát trong mười phương vô tận thế giới đang tập hội và đang phóng ra vô lượng ánh sáng của đại trí, đại bi, đại nguyện của vô lượng ba la mật, hoan hỷ gia hộ và tán thán rằng, hiện tại trong cõi Diêm phù đề (ở nước Việt Nam, tại..). có những Phật tử vừa gieo trồng gốc rễ của Bồ đề tâm, đang bước đầu phát nguyện tu học các hạnh ba la mật của các Bồ Tát để được sanh vào chủng tộc của Như Lai. Vậy, các người hãy trân trọng! Hãy trân trọng!

Các Phật tử,

Các người hãy nhất tâm thanh tịnh, hướng đến chư Phật, chư Đại Bồ Tát trong mười phương vô tận thế giới, chí thành khẩn nguyện đọc theo tôi để thọ trì mười thiện nghiệp đạo.

Như chư Phật, Bồ Tát vĩnh viễn không giết hại sự sống, mà còn đem sự sống đến cho mọi loài, con... nguyện từ nay cho đến trọn đời, không giết hại sự sống mà còn đem sự sống đến cho mọi loài.

Như chư Phật, Bồ Tát vĩnh viễn không lấy của không cho, mà còn đem của mình bố thí cho kẻ khác, con... nguyện từ nay cho đến trọn đời, không lấy của không cho mà còn đem của mình bố thí cho kẻ khác.

Như chư Phật, Bồ Tát vĩnh viễn không tà dâm, mà còn đem tịnh hạnh đến cho kẻ khác, con... nguyện từ nay cho đến trọn đời, không tà dâm, mà còn đem tịnh hạnh đến kẻ khác.

Như chư Phật, Bồ Tát vĩnh viễn không nói dối, mà còn luôn luôn nói lên sự thật, con... nguyện từ nay cho đến trọn đời, không nói dối mà còn luôn luôn nói lên sự thật.

Như chư Phật, Bồ Tát vĩnh viễn không nói hai lưỡi, mà còn luôn luôn nói những lời đưa đến sự hòa hợp, đoàn kết, con... nguyện từ nay cho đến trọn đời, không nói hai lưỡi, mà còn luôn luôn nói những lời đưa đến sự hòa hợp đoàn kết.

Như chư Phật, Bồ tát vĩnh viễn không nói lời thêu dệt, mà còn luôn luôn nói những lời đưa đến sự hữu ích, con... nguyện từ nay cho đến trọn đời, không nói lời thêu dệt, mà còn luôn luôn nói những lời đưa đến sự hữu ích.

Như chư Phật, Bồ tát vĩnh viễn không nói lời thô lỗ, mà còn luôn luôn nói những lời dịu dàng từ ái, con... nguyện từ nay cho đến trọn đời, không nói lời thô lỗ, mà còn luôn luôn nói những lời dịu dàng từ ái.

Như chư Phật, Bồ tát vĩnh viễn không tham lam bòn sẻn, mà còn luôn luôn hướng tâm đến sự thí xả, con... nguyện từ nay cho đến trọn đời, không tham lam bòn sẻn, mà còn luôn luôn hướng tâm đến sự thí xả.

Như chư Phật, Bồ tát vĩnh viễn không sân hận thù oán, mà còn luôn luôn hướng tâm đến từ bi, con... nguyện từ nay cho đến trọn đời, không sân hận thù oán, mà còn luôn luôn hướng tâm đến từ bi.

Như chư Phật, Bồ tát vĩnh viễn không tà kiến cố chấp, mà còn luôn luôn hướng tâm đến chánh kiến và trí huệ, con... nguyện từ nay cho đến trọn đời, không tà kiến cố chấp, mà còn luôn luôn hướng tâm đến chánh kiến và trí huệ.

Các Phật tử,

Nay các người đã phát nguyện thọ trì và tu hành theo mười pháp thiện nghiệp đạo, không chỉ xa lánh ba bất thiện nghiệp thuộc về thân mà còn tu tập phát triển ba thiện nghiệp thuộc về thân, không chỉ xa lánh bốn bất thiện nghiệp thuộc về miệng mà còn tu tập phát triển bốn thiện nghiệp thuộc về miệng, không chỉ xa lánh ba bất thiện nghiệp thuộc về ý mà còn tu tập phát triển ba thiện nghiệp thuộc về ý. Vậy từ đây về sau, các người hãy nỗ lực tinh tấn tu hành cẩn thận chớ buông lung.

Giới tử đồng thanh đáp:

Y giáo phụng hành.

Hồi hướng, Theo thường lệ.

---o0o---

NGHI THỨC TRUYỀN GIỚI BỒ TÁT TẠI GIA

A. PHẦN MỞ ĐẦU

Chung với Bồ tát xuất gia. Nhưng lúc truyền giới, Bồ tát tại gia được truyền trước, Bồ tát xuất gia sau, hoặc ngược lại, hoặc giới sư được phân làm hai ban, một ban truyền giới xuất gia, một ban truyền giới tại gia, tại chánh điện (cho xuất gia) và tại giảng đường (cho tại gia).

I. TẠI NHÀ PHƯƠNG TRƯỢNG HOẶC TẠI TĂNG ĐƯỜNG

LỄ THỈNH SƯ

1. Vị dẫn thỉnh: Sau khi nghe ba tiếng chuông báo hiệu giờ truyền giới bắt đầu, khoảng mười phút, vị dẫn thỉnh đánh ba hồi khánh và bốn tiếng, xướng rằng:

Cung thỉnh chư Tôn đức an tọa.

Chư giới tử cầu thọ Bồ tát giới tỳ ban.

(Xuất gia trước, tại gia sau).

2. Đại diện giới tử tác bạch cầu thỉnh Giới sư.

Nam mô Bốn sư Thích ca Mâu ni Phật; Ngưỡng bạch chư Tôn đức, chúng con có duyên sự xin đầu thành đánh lễ tác bạch (tất cả đồng lễ một lạy, quỳ bạch):

Ngưỡng bạch chư Tôn đức, chúng con là...bấy lâu có lòng khát ngưỡng Giới pháp Bồ tát, hôm nay gặp đủ duyên lành, chúng con thành tâm đánh lễ thỉnh chư Tôn đức, không quản lao nhọc, đăng đàn truyền cho chúng con Giới pháp Bồ tát (xuất gia và tại gia). Cúi xin chư Tôn đức ai mãn hứa khả để chúng con được ân triêm công đức (Bạch ba lần).

3. Lời hứa khả của giới sư. Giới sư đáp rằng:

Lành thay, để truyền thừa sự nghiệp của đức Phật, chư Tôn đức hiện tiền đều hoan hỷ hứa khả.

4. Đại diện giới tử bạch.

Nam mô Bổn sư Thích ca Mâu ni Phật; trên chư Tôn đức đã từ bi hứa khả cho rồi, chúng con xin đầu thành đánh lễ cúng dường, tam bái (đồng lạy ba lạy).

5. Thỉnh chư Tôn đức lên Tổ đường. Dẫn thỉnh xướng:

Chư giới tử xuất ban.

Cung thỉnh chư Tôn đức tề nghệ tổ đường.

(Đoàn cung thỉnh gồm có tàn, lọng, bê tích, khánh pháp hiệu, ngũ âm... dẫn đầu, giới tử quì hai hàng từ tầng đường đến tổ đường).

---o0o---

II. TẠI TỔ ĐƯỜNG

1. Giới sư và giới tử lễ Tổ. Dẫn thỉnh xướng:

Cung thỉnh chư Tôn đức lập ban, niêm hương cáo Tổ (Niêm hương xong, xướng lễ Tổ) :

Nhất tâm đánh lễ Tây thiên Đông độ Việt Nam lịch đại chư vị Tổ sư Hòa thượng, tam bái (Xướng sau khi đã niêm hương).

Cung thỉnh chư Tôn đức phân lập lưỡng ban.

Chư giới tử bỏ tát tỵ ban.

Nhất tâm đánh lễ Tây thiên Đông độ Việt Nam lịch đại chư vị Tổ sư Hòa thượng, tam bái (giới tử đồng lễ).

2. Thỉnh chư Giới sư lên chánh điện.

Chư giới tử thối ban (giới tử và đoàn cung nghinh tiếp tục cung nghinh giới sư lên chánh điện).

Cung thỉnh chư Tôn đức tề nghệ Tam bảo tiền.

---o0o---

III. TẠI CHÁNH ĐIỆN

1. Lễ niệm hương bạch Phật. Dẫn thỉnh xướng:

Cung thỉnh chư Tôn đức lập ban.

Chư giới tử tỳ ban.

Chư giới tử! Hồ qui, hiệp chưởng.

Khởi bát nhã chung cổ.

Cung thỉnh Giới sư niệm hương bạch Phật cầu gia bị.

2. Giới sư đánh lễ (giới tử vẫn qui)

Sau khi giới sư niệm hương, dẫn thỉnh xướng lễ:

Nhất tâm đánh lễ tận hư không biến pháp giới, quá hiện vị lai, thập phương thường trụ chư Phật (1 lạy, đại chúng đồng lạy nếu chỗ rộng, không thì chỉ xá).

Nhất tâm đánh lễ tận hư không biến pháp giới, quá hiện vị lai, thập phương thường trụ Tôn pháp (1 lạy).

Nhất tâm đánh lễ tận hư không biến pháp giới, quá hiện vị lai, thập phương thường trụ Hiền thánh tăng (1 lạy).

Nhất tâm đánh lễ Đạo tràng giáo chủ Bổn sư Thích ca Mâu ni Phật (1 lạy).

Nhất tâm đánh lễ Phạm võng giáo chủ Lô xá na Phật (1 lạy).

Nhất tâm đánh lễ Thiên hoa đài thượng thiên bách ức hóa thân Thích ca Mâu ni Phật (1 lạy).

Nhất tâm đánh lễ Đương hội đạo tràng nhất thiết chư Phật (1 lạy).

Nhất tâm đánh lễ Đương hội đạo tràng nhất thiết Tôn pháp (1 lạy)..

Nhất tâm đánh lễ Đại trí Văn thù sư lợi Bồ tát (1 lạy)..

Nhất tâm đánh lễ Đại hạnh Phổ hiền vương Bồ tát (1 lạy)..

Nhất tâm đánh lễ Đại từ Di lạc Bồ tát (1 lạy)..

Nhất tâm đánh lễ Bồn tôn Địa tạng vương Bồ tát (1 lạy)..

Nhất tâm đánh lễ Chư vị hộ pháp Bồ tát (1 lạy)..

3. Tán hương. A xà lê cử tán:

Nhất trần tài nhiệt

Hải tạng viên châu

Hà sa chư Phật hiện mao đầu

Xứ xứ tiện quy hưu

Hương ái sư phù

Tâm địa giới châu lưu.

Nam mô Hương vân cái Bồ tát.

4. Thỉnh chư Tôn đức thăng tòa. Dẫn thỉnh xướng:

Chư giới tử! Hồ quý, hiệp chưởng (Dẫn thỉnh quý phía hữu, phía để chuông gia trì, quay mặt vào giữa, chấp tay, xướng rằng:)

Nhất chú chiên đàn hương

Cử khởi biến thập phương

Thỉnh sư đăng bảo tọa

Bình pháp quảng tuyên dương.

(Giới sư thăng tòa. Có thể chia thành hai ban, nếu giới tử đông. Một ban ở tại chánh điện truyền giới bồ tát xuất gia. Một ban khác được cung thỉnh ra giảng đường truyền giới bồ tát tại gia).

Dẫn thỉnh đứng lên, xướng:

Chư giới tử! Khởi thân, chí thành đánh lễ tam bái.

Chư giới tử, xuất ban.

Vị dẫn thỉnh về chỗ cùng ngồi như chư Tôn đức.

---o0o---

B. PHẦN TRUYỀN GIỚI BỒ TÁT

1. Khai luật kệ

Giới sư chủ đàn đứng dậy, cầm thủ lư cử tụng:

Nguyện thử hương hoa vân

Biển mãn thập phương giới

Nhất thiết chư Phật độ

Vô lượng hương trang nghiêm

Cụ túc bồ tát đạo

Thành tựu Như lai hương.

Nam mô Bổn sư Thích ca Mâu ni Phật.

Khai luật kệ

Vô thượng thậm thâm Tỳ ni pháp

Bách thiên vạn kiếp nan tao ngộ

Ngã kim kiến văn đắc thọ trì

Nguyện giải Như lai Tỳ ni nghĩa.

Giới sư chủ đàn để thủ lư xuống bàn, ngồi kiết già an tọa.

---o0o---

I. HỌP TẶNG KIẾT TIỂU GIỚI

1. Họp tặng:

Yết ma a xà lê vỗ thủ xích, hỏi rằng:

Đại đức Tăng đã họp đông đủ chưa?

Tăng đã họp (dẫn thỉnh đáp).

Hòa hiệp không ?

Hòa hiệp.

Người chưa thọ giới bồ tát đã ra chưa ?

Đã ra.

Các tỳ kheo không đến họp có thuyết dục không ?

Không.

Tăng hòa hiệp hội họp để làm gì ?

Vì người hảo tâm, yết ma truyền bồ tát đại giới.

2. Kết tiểu giới: (Nếu gặp chỗ chưa kiết giới. Chỗ đã kiết giới rồi thì không cần) Yết ma a xà lê bạch rằng:

Đại đức Tăng lắng nghe, Tăng nay họp một chỗ, kiết tiểu giới, nếu Tăng phải thời mà đến, Tăng thuận cho, kiết tiểu giới, bạch như thế. Tác bạch có thành không?

Thành (chúng tăng đồng đáp).

Đại đức Tăng lắng nghe, Tăng nay họp một chỗ, kiết tiểu giới, các Trưởng lão có bằng lòng thì im lặng, ai không bằng lòng thì nói. Yết ma có thành không?

Thành (chúng tăng đồng đáp).

Tăng đã bằng lòng kiết tiểu giới xong, Tăng bằng lòng cho nên im lặng, việc này tôi ghi nhận như vậy (tất cả đồng chấp tay cúi đầu xá).

---o0o---

II. TRUYỀN GIỚI BỒ TÁT TẠI GIA

1. Giới tử tựu ban, đánh lễ. Dẫn thỉnh đánh khánh xướng:

Giới tử cầu thọ giới bồ tát tại gia tựu ban (nam phía trái, nữ bên phải).

Các giới tử hãy nghe tôi xướng và theo mỗi tiếng chuông, chí thành đánh lễ.

Nhất tâm đánh lễ tận hư không biến pháp giới, quá, hiện, vị lai, thập phương thường trụ chư Phật (1 lạy).

Nhất tâm đánh lễ tận hư không biến pháp giới, quá, hiện, vị lai, thập phương thường trụ Tôn pháp (1 lạy).

Nhất tâm đánh lễ tận hư không biến pháp giới, quá, hiện, vị lai, thập phương thường trụ Hiền thánh tăng (1 lạy).

Nhất tâm đánh lễ Đạo tràng giáo chủ Bổn sư Thích ca Mâu ni Phật (1 lạy).

Nhất tâm đánh lễ Phạm võng giáo chủ Lô xá na Phật (1 lạy)..

Nhất tâm đánh lễ Thiên hoa đài thượng thiên bách ức hóa thân Thích ca Mâu ni Phật (1 lạy).

Nhất tâm đánh lễ Đương hội đạo tràng nhất thiết chư Phật (1 lạy).

Nhất tâm đánh lễ Đương hội đạo tràng nhất thiết Tôn pháp (1 lạy).

Nhất tâm đánh lễ Đại trí Văn thù sư lợi Bồ tát (1 lạy).

Nhất tâm đánh lễ Đại hạnh Phổ hiền vương Bồ tát (1 lạy).

Nhất tâm đánh lễ Đại từ Di Lạc Bồ tát (1 lạy).

Nhất tâm đánh lễ Bổn tôn Địa tạng vương Bồ tát (1 lạy).

Nhất tâm đánh lễ Đương hội đạo tràng chư tôn Bồ tát (1 lạy).

Nhất tâm đánh lễ Lịch đại chư vị Tổ sư Bồ tát (1 lạy).

Nhất tâm đánh lễ A xà lê Hòa thượng (1 lạy).

Nhất tâm đánh lễ Yết ma A xà lê (1 lạy).

Nhất tâm đánh lễ Giáo thọ A xà lê (1 lạy).

Nhất tâm đánh lễ Thất vị tôn chứng sư (1 lạy).

Nhất tâm đánh lễ Hiện tiền chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức tăng già (1 lạy).

2. Hướng dẫn giới tử thỉnh sư. Dẫn thỉnh xướng và hướng dẫn:

Chư giới tử, Hồ quỳ, Hiệp chướng.

Các giới tử, các vị đã nhất tâm đánh lễ chư Phật, chư Bồ tát, chư Tổ và liệt vị Giới sư. Giờ này, để khỏi ngỡ ngàng trong khi nói lời tác bạch cần cầu được truyền trao Đại giới bồ tát, các giới tử hãy nói lặp lại theo lời tôi hướng dẫn sau đây:

Đại đức nhất tâm niệm, đệ tử pháp danh là... cầu xin Đại đức truyền trao cho tất cả tịnh giới Bồ tát. Cúi xin Đại đức không vì mệt nhọc, thương tưởng, hứa khả lời thỉnh cầu của chúng con (Bạch ba lần theo tiếng khánh, ba lần cúi đầu lễ bái).

Giới sư đáp rằng:

Lành thay! Chư Tôn đức đều hoan hỷ hứa khả.

3. Khai đạo giới tử. Giáo thọ sư dạy bảo các giới tử rằng:

Này các giới tử! Nên biết rằng theo tiếng Phạn, Giới được gọi là Ba la đề mộc xoa, dịch là bảo giải thoát, có nghĩa là giới thường bảo hộ người tu hành giải thoát sinh tử đạt đến vô thượng bồ đề. Bởi thế, Giới là vị đạo sư của quả vị Tối thượng bồ đề, là đường tắt vào Vô thượng đại niết bàn. Quá khứ chư Phật nhờ giới mà thành đạo. Hiện tại chư Phật lấy giới để độ sinh. Và lại, người tu hành sẽ nhờ giới mà được giải thoát. Giới là nền tảng của thiền định và trí huệ. Muôn đức trang nghiêm, giới là căn bản. Vì thế, kinh có nói rằng: Giới như đất bằng, muôn giống lành từ nơi đất mà sinh. Giới như vị lương y hay trị ba độc tham, sân, si. Giới như thuyền bè đưa người qua bể khổ. Giới như chuỗi anh lạc để trang nghiêm pháp thân. Nhưng giới này có ba thứ: một là giới tại gia là năm giới và tám giới; hai là giới xuất gia

là mười giới và 250 giới; ba là đạo tục thông hành giới, là bồ tát tam tụ tịnh giới, là giới mà các Phật tử sắp lãnh thọ.

Thế nào là tam tụ tịnh giới?

1. Nhiếp luật nghi giới: không làm các điều ác, để cầu chứng pháp thân.
2. Nhiếp thiện pháp giới: làm mọi việc lành để cầu chứng báo thân.
3. Nhiêu ích hữu tình giới: làm lợi ích cho hết thảy chúng sanh, để cầu chứng hóa thân.

Giới thể tuy một, nhưng vì nhân duyên của các hàng xuất gia và tại gia không giống nhau nên sự hành trì do đó có khác. Tức là phân biệt có xuất gia bồ tát và tại gia bồ tát giới.

Giới pháp tại gia bồ tát này do đức Thích Tôn vì thương tưởng các hàng tại gia bị nhiều trần duyên trói buộc, nhưng đã đồng mãnh phát bồ đề tâm, cầu thành Phật đạo, hộ trì chánh pháp vĩnh viễn trường tồn, giáo hóa chúng sanh tu hành thiện nghiệp, nên Ngài đã phương tiện khai thị trong kinh Ưu ba tắc giới.

Giới pháp này chính là căn bản của hết thảy thiện pháp. Nếu ai thành tựu được giới pháp như vậy, chẳng những sẽ chứng đắc tu đã hoàn quả cho đến a na hàm quả, mà còn sẽ dẫn đến bồ tát đạo. Nếu ai phá giới này sẽ bị đọa lạc trong ba ác đạo.

Giới pháp này là bất khả tư nghi. Vì sao vậy? Vì người đã thọ giới pháp này tuy là tại gia hưởng thọ ngũ dục mà không bị chướng ngại các thánh đạo.

Các giới tử! Các người có phải vì thương tưởng hết thảy chúng sanh mà cầu thọ giới pháp này chăng?

Bạch Hòa thượng, chính phải (giới tử đáp).

4. Hỏi về già nạn. Về các già nạn, giáo thọ sư lại hỏi tiếp rằng:

Các giới tử! Để được thọ giới Bồ tát, các giới tử phải không có bảy tội chướng. Bây giờ tôi hỏi các vị, các vị cứ như sự thật mà đáp.

1. Nay Phật không còn ở đời, nhưng những hành động moi khoét tượng Phật, phá chùa hoại tháp đều đồng loại với tội làm thân Phật ra máu. Phật tử có phạm tội này không?

- Mô Phật, không (giới tử đáp).

2. Phật tử có giết cha không ?

- Mô Phật, không.

3. Phật tử có giết mẹ không ?

- Mô Phật, không.

4. Phật tử có giết Hòa thượng không ?

- Mô Phật, không.

5. Phật tử có giết A la hán không ?

- Mô Phật, không.

6. Phật tử có phá Yết ma tăng không ?

- Mô Phật, không.

7. Phật tử có giết thánh nhân tăng không ?

- Mô Phật, không.

Dẫn thỉnh xương:

Khởi thân đánh lễ tam bái (giới tử lễ ba lạy)

Hồ quỳ, hiệp chương.

5. Giới sư thỉnh Phật và Bồ tát làm thập sư.

Giới sư hướng dẫn giới tử thỉnh Phật và Bồ tát làm Thập sư, để cầu giới.
Giới sư dạy rằng:

Các giới tử, các vị đã không có các già nạn, tức các vị có thể thọ lãnh giới Bồ tát. Bây giờ các vị phải hết lòng cầu thỉnh Phật Thích Ca làm Hòa thượng, Bồ tát Văn Thù và Di Lặc làm A xà lê, mười phương Như lai làm Tôn chứng sư, mười phương Bồ tát là bạn lữ đồng học. Các vị hãy nhất tâm lập lại theo lời tôi hướng dẫn để cầu thỉnh.

Đệ tử pháp danh là... Nhất tâm phụng thỉnh Nam mô Thích Ca Như Lai vì con làm Hòa thượng. Con nương theo Hòa thượng để được thọ giới tại gia Bồ tát, xin thương xót chúng con (ba lần thỉnh, ba lần cúi đầu xá).

Đệ tử pháp danh là... Nhất tâm phụng thỉnh Văn Thù Sư Lợi Bồ tát vì con làm Yết ma A xà lê. Con nương theo A xà lê để được thọ giới tại gia Bồ tát, xin thương xót chúng con (ba lần thỉnh, ba lần cúi đầu xá).

Đệ tử pháp danh là... Nhất tâm phụng thỉnh Di Lặc Bồ tát vì con làm Giáo thọ A xà lê. Con nương theo A xà lê để được thọ giới tại gia Bồ tát, xin thương xót chúng con (ba lần thỉnh, ba lần cúi đầu xá).

Đệ tử pháp danh là... Nhất tâm phụng thỉnh Thập phương Như Lai vì con làm Tôn chứng. Con nương theo các đức Như lai để được thọ giới tại gia Bồ tát, xin thương xót chúng con (ba lần thỉnh, ba lần cúi đầu xá).

Đệ tử pháp danh là... Nhất tâm phụng thỉnh Thập phương chư đại Bồ tát vì con làm bạn lữ đồng học. Con nương theo các Bồ tát để được thọ giới tại gia Bồ tát, xin thương xót chúng con (ba lần thỉnh, ba lần cúi đầu xá).

Hướng dẫn giới tử đánh lễ, Dẫn thỉnh xướng:

Khởi thân đánh lễ chư Phật, chư Đại Bồ tát, tam bá.

Hồ quỳ, hiệp chưởng.

6. Giới sư thay giới tử bạch xin giới.

Hướng dẫn giới tử thỉnh, Giới sư dạy rằng:

Các giới tử, nay tôi lại hướng dẫn các vị cầu xin giới Bồ tát tại gia. Các vị hãy lập lại theo lời tôi nói.

Chúng con pháp danh là... thành tâm cầu xin chư Đại đức thương xót trao cho chúng con tất cả tịnh giới Bồ tát tại gia (ba lần thỉnh, ba lần cúi đầu xá).

Lành thay! Hiện tiền chư tôn đức đều hứa khả (Lời đáp của giới sư).

8. Khuyến phát Bồ đề tâm

Giới sư dạy rằng:

Các giới tử! Các vị muốn cầu giới pháp, các vị hãy chuyên tâm, thành kính hướng về cảnh giới thanh tịnh, chớ có vọng tưởng đến cảnh khác. Hãy khởi tâm suy nghĩ như thế này: Tôi nay không bao lâu sẽ được đại công đức tạng không lường, không cùng, không có công đức nào hơn giới pháp này.

Các giới tử! Các vị nên biết, muốn thọ giới Bồ tát cần phải phát Bồ đề tâm. Bồ đề tâm là tâm đại đạo. Thế nào gọi là tâm đại đạo? Nghĩa là tâm thật rộng lớn, trên cầu Phật đạo, dưới hóa độ tất cả chúng sanh, đó là đại đạo tâm. tức là Phật tâm. Vì muốn cầu Phật đạo, hàng Bồ tát phát tâm không hạn lượng, phụng thờ cúng dường không những chỉ một đức Phật, hai đức Phật mà cho đến trăm ngàn đức Phật ở khắp mười phương vô tận thế giới, hư không giới, để cầu nhưt thiết trí, thành tựu không lường trăm ngàn pháp môn. Lại vì cứu độ chúng sanh, hàng Bồ tát phát tâm không hạn lượng, không những chỉ độ chúng sanh trong một thế giới, hai thế giới mà cho đến độ thoát tất cả chúng sanh khắp mười phương vô tận pháp giới, hư không giới. Đó là hai mục đích mà Bồ tát phát tâm Bồ đề. Người phát tâm và lập nguyện như thế chính là Bồ tát. Trong giờ phút trang nghiêm và thanh tịnh này, các vị đã phát tâm như thế chưa?

Giới tử đáp: Mô Phật đã phát.

Giới sư dạy rằng:

Các giới tử! Bồ tát mới chỉ phát tâm bồ đề thôi mà đã có căn lành, công đức không hạn lượng. Vì sao? Vì Bồ tát này không dứt chủng tánh Như lai, vì do phát tâm mà hàng Bồ tát được tất cả chư Phật trong đời thường nhớ tưởng, hộ niệm và sẽ được Vô thượng bồ đề của tất cả chư Phật trong ba đời đồng thời cũng được nhập vào thể tánh bình đẳng như tất cả chư Phật. Bởi thế, ngay lúc phát tâm bồ đề liền được tất cả Như lai khen ngợi, liền được trừ diệt tất cả khổ trong các ác đạo; liền có thể sẽ được thanh tịnh quốc độ Phật, và được chủng tánh Phật, rồi đây các Phật tử sẽ ở trong các thế giới, sẽ thị hiện làm Phật.

Các giới tử! Các vị có phải là Bồ tát không?

Giới tử đáp: Mô Phật, phải.

Giới sư lại hỏi tiếp: Các giới tử đã nguyện phát tâm bồ đề chưa?

Giới tử đáp: Mô Phật, đã phát tâm bồ đề.

Dẫn thỉnh đánh khánh xướng: khấu thủ.

9. Gạn hỏi pháp thọ giới

Giới sư hỏi rằng:

Các giới tử! Hãy lắng nghe tôi hỏi. Trong giờ phút trang nghiêm thanh tịnh này, các vị muốn nương nơi tôi để thọ tất cả học xứ của Bồ tát, thọ tất cả tịnh giới của Bồ tát; đó là nhiếp luật nghi giới, nhiếp thiện pháp giới và nhiều ích hữu tình giới. Học giới như thế, tịnh giới như thế, quá khứ tất cả Bồ tát đều đã đầy đủ, vị lai tất cả Bồ tát đều sẽ đầy đủ; hiện tại tất cả Bồ tát đều có đầy đủ. Học xứ này, tịnh giới này, quá khứ tất cả Bồ tát đã học; vị lai tất cả Bồ tát sẽ học; hiện tại tất cả Bồ tát đang học. Các vị có thể thọ trì được không?

Giới tử đáp: Mô Phật, thọ được (ba lần hỏi đáp, ba lần đánh khánh, khấu thủ).

10. Thọ bốn tín tâm bất hoại

Giới sư dạy bảo rằng:

Các giới tử! Trong giờ phút này, các vị còn phải thọ bốn điều tin kiên cố, kinh gọi "tứ bất hoại tín". Các vị hãy lặp lại theo lời tôi hướng dẫn và hãy chí thành lãnh thọ:

Đệ tử pháp danh là... từ thân này cho đến thân cùng tột đời vị lai, nguyện quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng, quy y chánh pháp giới (ba lần lặp lại, ba lần cúi đầu xá).

11. Sám hối tội trong ba đời. Giới sư dạy bảo rằng:

Các giới tử! Các vị đã thọ bốn đức tin kiên cố rồi. Giờ này trước Tam Bảo các vị nên sám hối tội lỗi trong ba đời. Các vị hãy lặp lại lời tôi nói:

Đệ tử pháp danh là... nếu trong quá khứ thân, khẩu, ý đã tạo mười điều tội ác thì hôm nay nguyện cùng tận đời vị lai không bao giờ sinh khởi tái phạm (ba lần lặp lại, ba lần cúi đầu xá).

Đệ tử pháp danh là... nếu đời hiện tại thân, khẩu, ý đã tạo mười điều tội ác thì hôm nay nguyện cùng tận đời vị lai không bao giờ sinh khởi (ba lần lặp lại, ba lần cúi đầu xá).

Đệ tử pháp danh là... nếu đời vị lai thân, khẩu, ý tạo mười điều tội ác thì hôm nay nguyện cùng tận đời vị lai không bao giờ sinh khởi (ba lần lặp lại, ba lần cúi đầu xá).

Giới sư lại dạy tiếp:

Các giới tử! Các vị cần phải dốc lòng cần cầu sám hối các tội lỗi. Hãy lặp lại lời tôi hướng dẫn:

Xưa con đã tạo các ác nghiệp

Đều do vô thí tham, sân, si

Từ thân, miệng, ý phát sinh ra

Tất cả con đều xin sám hối.

Nam mô Cầu sám hối Bồ tát Ma ha tát (ba lần cúi đầu xá).

Dẫn thỉnh xướng:

Khởi thân, chí thành đánh lễ Tam Bảo tam bái.

Hồ quỳ, hiệp chưởng.

12. Khuyên phát nguyện rộng lớn. Giới sư khuyên dạy rằng:

Các giới tử! Các vị đã sám hối rồi, ba nghiệp đều thanh tịnh, như bình lưu ly trong sạch, trong ngoài sáng chói. Bây giờ, các vị nên đối với bốn chân lý khổ, tập, diệt, đạo, phát bốn lời thệ nguyện rộng lớn.

Thế nào là khổ đế? Khổ là các thứ quả báo mà tất cả chúng sinh trong lục đạo đều phải gánh chịu. Bồ tát thấy thế liền phát nguyện cứu độ tất cả chúng sinh thoát ly khổ quả. Tức là chúng sinh vô biên thệ nguyện độ.

Thế nào là tập đế? Tập là những phiền não vọng tưởng mà tất cả chúng sinh đã tích lũy từ vô thủy kiếp đến nay, để chiêu cảm vô lượng quả khổ ở vị lai, xoay vần trong ba cõi, không hẹn ngày ra khỏi. Bồ tát thấy thế liền phát nguyện cứu độ tất cả chúng sinh bằng cách diệt trừ thoát ly tất cả phiền não nghiệp cảm. Tức là phiền não vô tận thế nguyện đoạn.

Thế nào là diệt đế? Đây là niết bàn vắng lặng. Tất cả chúng sinh vì không biết tu hành theo chánh pháp nên không chứng được niết bàn không sinh không diệt của chư Phật Như lai. Bồ tát thấy thế liền phát nguyện chóng thành Phật đạo để hóa độ chúng sanh. Tức là Phật đạo vô thượng thế nguyện thành.

Thế nào là đạo đế? Đây là con đường, là phương pháp tu chân chính để được giải thoát. Tất cả chúng sinh vì không biết tu tập chánh pháp Cho nên, phải trôi lăn trong sáu đường không thể vào được an lạc, tự tại. Bồ tát thấy thế liền tuyên dương vô lượng pháp môn để giáo hóa chúng sanh tu học. Tức là pháp môn vô lượng thế nguyện học.

Bốn chân lý mà tôi vừa trình bày, là nơi nương tựa cho bốn thế nguyện rộng lớn. Các giới tử phải nhất tâm phát bốn lời thế nguyện rộng lớn bằng cách lặp lại theo lời tôi hướng dẫn.

Đệ tử pháp danh là... dốc lòng phát nguyện: chúng sanh không số lượng thế nguyện đều độ thoát, phiền não không cùng tận thế nguyện đều dứt sạch, pháp môn không số kể thế nguyện đều tu học, Phật đạo không gì hơn thế nguyện đều viên thành.

Chúng sanh vô biên thế nguyện độ

Phiền não vô tận thế nguyện đoạn

Pháp môn vô lượng thế nguyện học

Phật đạo vô thượng thế nguyện thành.

Nam mô Đại hạnh Phổ Hiền vương Bồ tát (3 lần, 3 lần cúi đầu xá).

13. Khải bạch yết ma

Giới sư dạy bảo:

Các giới tử! Các vị đã phát nguyện rộng lớn rồi, tôi nay vì các vị mà khai bạch Tam Bảo chứng minh cho các vị thọ giới. Vậy các vị nên nhất tâm lắng nghe để ý suy nghĩ kỹ.

Nên biết rằng: Bạch yết ma lần thứ nhất rồi, giới pháp tốt lành to lớn trong mười phương thế giới, do năng lực tâm nghiệp cảm cách của quý vị mà thầy đều chấn động. Bạch yết ma lần thứ hai rồi, pháp giới tốt lành to lớn trong mười phương thế giới, như mây như lọng che trên đánh các vị. Bạch yết ma lần thứ ba xong, pháp giới tốt lành to lớn trong mười phương thế giới từ đánh môn quý vị chảy vào trong thân tâm các vị, sẽ được chánh báo tốt đẹp đầy đủ, cùng tột đời vị lai, hằng tiếp nối làm giống Phật.

Đây là giới thể vô tác, đạo pháp vô lậu do chỗ cơ cảm tăng thượng thiện tâm của quý vị mà thành tựu. Bởi thế, quý vị phải chí thành cúi đầu thọ lãnh.

14. Chính thức bạch yết ma

Giới tử vẫn quì như cũ. Giới sư đến trước tượng Phật quán tưởng Thập phương Tam bảo, cầm ba nén hương quì bạch rằng:

Nguỡng bạch chư Phật, chư Bồ tát trong mười phương vô biên thế giới, trong đạo tràng này, các Phật tử đã ba lần cầu xin giới sư chúng con cho thọ giới Bồ tát tại gia. Con đã tác chứng cho các giới tử. Cúi xin chư Phật, chư Bồ tát, chư Hiền Thánh tăng trong mười phương pháp giới tử bi chứng giám cho các giới tử tại đạo tràng này được thọ giới Bồ tát tại gia (3 lần bạch, 3 lần cúi đầu xá).

15. Dặn bảo tồn giữ giới pháp

Sau khi bạch Phật, trở về chỗ, Giới sư dặn bảo giới tử rằng:

Các giới tử! Từ trước đến đây, chư Tôn đức đã cung đôi trước chư Phật, chư Bồ tát, đã ba lần bạch yết ma.

Ở trong Thánh chúng, đức Thích ca có dặn bảo như thế này: Đại chúng hãy lắng nghe, ở trong thế giới ta bà này, cõi nước Việt Nam này, có Phật tử pháp danh là...câu thọ tịnh giới Bồ tát. Vì Phật tử này không thầy, tôi rất xót thương, xin đừng làm thầy. Trong giờ phút này, mười phương các đức Như lai nghĩ tưởng các vị là con, các Đại bồ tát nghĩ tưởng các vị là em. Nhờ lòng từ bi thương tưởng của chư Phật, chư Bồ tát, từ nay cho đến về sau, các vị sẽ được tăng trưởng công đức, thiện căn không bao giờ mất. Các vị hãy

ting chuyên nhớ nghĩ bền giữ không phạm, để giới thể tròn đầy, trọn không lụi sụt, cho đến ngày chứng quả bồ đề, thành tựu ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Các vị có đầy đủ tất cả chủng trí thần thông diệu dụng, không lường các pháp môn, để đi khắp trong mười phương rộng độ chúng sanh lòng không mỏi mệt.

Dẫn thỉnh xướng:

Khâu thủ (giới tử cúi đầu xá).

16. Truyền sáu trọng pháp.

Đề truyền sáu trọng pháp, Giới sư dạy rằng:

Các giới tử! Hãy lắng nghe cho kỹ, Bồ tát tại gia có sáu trọng pháp, nếu người nào thọ giới rồi mà phạm là không phải hạnh bồ tát, sẽ mất 42 quả vị hiền thánh. Các vị hãy lắng nghe và lãnh thọ:

1. Từ thân này đến thân thành Phật, ở trong khoảng giữa không được sát sanh. Các Phật tử giữ được không?

- Mô Phật, giữ được (giới tử đáp, cúi đầu xá).

2. Từ thân này đến thân thành Phật, ở trong khoảng giữa không được trộm cắp. Các Phật tử giữ được không?

- Mô Phật, giữ được (giới tử đáp, cúi đầu xá).

3. Từ thân này đến thân thành Phật, ở trong khoảng giữa không được tà dâm. Các Phật tử giữ được không?

- Mô Phật, giữ được (giới tử đáp, cúi đầu xá).

4. Từ thân này đến thân thành Phật, ở trong khoảng giữa không được nói dối. Các Phật tử giữ được không?

- Mô Phật, giữ được (giới tử đáp, cúi đầu xá).

5. Từ thân này đến thân thành Phật, ở trong khoảng giữa không được nói lời của người tại gia và xuất gia. Các Phật tử giữ được không?

- Mô Phật, giữ được (giới tử đáp, cúi đầu xá).

6. Từ thân này đến thân thành Phật, ở trong khoảng giữa không được bán rượu, nấu rượu. Các Phật tử giữ được không?

- Mô Phật, giữ được (giới tử đáp, cúi đầu xá).

17. Khuyên học và giữ 28 giới khinh.

Giới sư truyền dạy:

Các giới tử! Vừa rồi, tôi đã trao cho các Phật tử sáu trọng pháp, còn hai mươi tám tội thất ý các Phật tử phải học mới biết và giữ gìn không được phạm. Tiếp theo đây, tôi nói về 28 tội thất ý này, các Phật tử hãy lắng nghe.

1. Không cúng dường cha mẹ, sư trưởng, đó là bỏ tát tại gia phạm tội thất ý.
2. Say đắm rượu chè, đó là bỏ tát tại gia phạm tội thất ý.
3. Có ý góm ghê không chăm sóc người bệnh khổ, đó là bỏ tát tại gia phạm tội thất ý.
4. Gặp người hành khất, không nhiều thì ít, phải tùy tâm mà bố thí, nếu để người hành khất về không, đó là bỏ tát tại gia phạm tội thất ý.
5. Nếu thấy tỳ kheo, tỳ kheo ni, trưởng lão, bậc tôn đức, ưu bà tắc, ưu bà di... không đứng dậy nghinh tiếp hỏi thăm, đó là bỏ tát tại gia phạm tội thất ý.
6. Nếu thấy tỳ kheo, tỳ kheo ni, ưu bà tắc, ưu bà di hủy phạm giới đã thọ, sinh tâm kiêu mạn, rồi nói rằng: Ta hơn người kia, người kia không bằng ta..., đó là bỏ tát tại gia phạm tội thất ý.
7. Trong mỗi tháng có sáu ngày trai, nếu không đi thọ bát quan trai giới, không cúng dường Tam bảo, đó là bỏ tát tại gia phạm tội thất ý.
8. Trong khoảng tám mươi dặm, nơi có thuyết pháp mà không đến nghe, đó là bỏ tát tại gia phạm tội thất ý.
9. Thọ dụng vật của thường trụ tặng như ngọc cụ, giường, tòa ngồi, đó là bỏ tát tại gia phạm tội thất ý.
10. Nghi trong nước có vi trùng nhưng vẫn tùy tiện dùng, đó là bỏ tát tại gia phạm tội thất ý.

11. Không có bạn mà vẫn một mình đi vào nơi hiểm nạn, đó là bồ tát tại gia phạm tội thất ý.

12. Một mình ngủ lại tại chùa ni nếu là ưu bà tắc, hoặc chùa tăng nếu là ưu bà di, đó là bồ tát tại gia phạm tội thất ý.

13. Vì của cải, thân mạng mà đánh mắng người giúp việc, trẻ con hầu hạ hoặc người ngoài..., đó là bồ tát tại gia phạm tội thất ý.

14. Nếu đem thức ăn dư thừa dâng cúng tỳ kheo, tỳ kheo ni hoặc cung cấp cho người đồng giới, đó là bồ tát tại gia phạm tội thất ý.

15. Nếu nuôi những loài ăn thịt như mèo, chồn..., đó là bồ tát tại gia phạm tội thất ý.

16. Có các loài vật như voi, ngựa, trâu, dê, lạc đà... nếu không làm phép tịnh thí mà cho những người chưa thọ giới, đó là bồ tát tại gia phạm tội thất ý.

17. Nếu không sắm cất các thứ y bát tích trượng ngoại cụ (để phòng khi cần cúng dường cho vị xuất gia thọ bồ tát giới), đó là bồ tát tại gia phạm tội thất ý.

18. Nếu vì nuôi thân mạng mà cần làm ruộng, nhưng không tìm nước trong (để tưới..). và đất ruộng cũ (để trồng trọt), đó là bồ tát tại gia phạm tội thất ý.

19. Nếu vì nuôi thân mạng mà mở phố buôn bán, cân đong hàng hóa; không được đã thỏa thuận giá cả rồi lại đem bán cho người trả giá cao hơn; cân đẩu dùng để cân đong hàng hóa phải đúng mức quy định, nếu chưa đúng mức phải bảo sửa chữa lại, không làm như vậy, đó là bồ tát tại gia phạm tội thất ý.

20. Nếu không phải chỗ, không phải thời mà hành dục, đó là bồ tát tại gia phạm tội thất ý.

21. Nếu vì sinh sống mà buôn bán đem giá lên xuống, mua rẻ bán quá đắt, gian lận, trốn thuế, đó là bồ tát tại gia phạm tội thất ý.

22. Trái phạm luật pháp nhà nước, đó là bồ tát tại gia phạm tội thất ý.

23. Nếu có lúa mới, hoa trái, dưa rau các thứ đầu mùa, không hiến cúng Tam bảo mà thọ dụng trước, đó là bồ tát tại gia phạm tội thất ý.

24. Nếu chúng tăng không chấp thuận mà vẫn tự mình thuyết pháp, tán thán quan điểm riêng của mình, đó là bồ tát tại gia phạm tội thất ý.

25. Trên đường đi mà dành đi trước tỳ kheo, sa di, đó là bồ tát tại gia phạm tội thất ý.

26. Khi dọn thức ăn ở giữa tăng chúng nếu vì thiên vị thầy mình mà lựa chọn các thứ ngon lành dâng cho nhiều hơn các vị khác, đó là bồ tát tại gia phạm tội thất ý.

27. Nếu nuôi tằm, đó là bồ tát tại gia phạm tội thất ý.

28 Trên đường đi gặp người bệnh tật mà không dừng lại chăm sóc, làm các phương tiện, dặn bảo những người tại chỗ giúp đỡ lại thản nhiên bỏ đi, đó là bồ tát tại gia phạm tội thất ý.

Các giới tử! Sau khi đã thọ giới bồ tát tại gia rồi, mà phạm một trong 28 tội thất ý trên đây, giới thể sẽ không còn được vững vàng, giới thể bị đọa lạc, giới thể trở thành bất tịnh, giới thể bị chướng ngại. Vậy các người phải cẩn thận mà hành trì.

Dẫn thỉnh xướng: Khẩu thủ (các giới tử cúi đầu xá)

18. Lợi ích của giới Bồ tát

Giới sư nói lợi ích của giới Bồ tát và khuyên giới tử nghiêm trì. Giới sư dạy bảo rằng:

Các giới tử! Vừa rồi tôi đã truyền cho các Phật tử sáu giới trọng và hai mươi tám tội thất ý.

Các Phật tử nên biết rằng: Giới Bồ tát là giới nặng về phần lợi tha. Hàng Bồ tát luôn luôn quên mình vì người, thay người khác chịu khổ, nhận cái vui của người khác làm cái vui của mình. Nhân đã cao thượng, rộng lớn như thế, cho nên, quả cũng thật tốt đẹp vô biên. Bởi thế, kinh còn gọi giới của Bồ tát là giới vô tận tạng, nghĩa là trong giới có hàm chứa các công đức rất lớn lao, không cùng tận, các giới khác không thể sánh kịp. Giới Bồ tát giúp người qua khỏi bên mê, vượt ra ngoài sinh tử. Từ đời này đến đời khác giới thường

hỗ trợ người tu hành, theo người tu hành cho đến ngày thành Phật. Người thọ giới Bồ tát tức là đã tham dự vào địa vị Phật đà.

Vậy các Phật tử hãy nỗ lực tinh tấn hành trì, cẩn thận chớ buông lung (Câu này giới sư nói ba lần để giới tử đáp ba lần).

Giới tử đồng thanh:

Y giáo phụng hành (ba lần)

Giới sư lại tiếp rằng:

Các giới tử đã nguyện y giáo phụng hành, hãy đứng dậy lễ tạ Tam bảo.

Dẫn thỉnh xướng:

Nhất tâm đánh lễ tận hư không biến pháp giới quá, hiện, vị lai, chư Phật, tôn Pháp, Hiền Thánh Tăng, thường trụ Tam bảo tam bá.

---o0o---

C. CÚNG HƯƠNG (nếu có)

Dẫn thỉnh xướng:

Hồ quy, hiệp chưởng (giới tử đồng quy).

Vài lời khai đạo giới tử về lễ cúng hương, Giới sư dạy rằng:

Các giới tử! Các người đã phát Bồ đề tâm, thọ giới Bồ tát tại gia, chí cầu Phật thừa, nguyện hành Bồ tát đạo, ấy là làm những việc khó làm, Cho nên, từ đây cho đến tận vị lai, trên vì Phật đạo, dưới vì hết thảy chúng sinh không bao giờ được thối ý khiếm nhược, không bao giờ tiếc nuôi cái gì dù cả thân mạng của mình. Như Bồ tát Địa tạng nguyện mãi mãi ở chốn u đồ để hóa độ chúng sinh ác nghiệp. Như Bồ tát Dược Vương tự đốt cháy thân mình để trên cúng dường chư Phật và chánh pháp, dưới để rọi sáng chúng sinh trong chỗ tối tăm. Các hạnh nguyện đại hùng đại lực ấy, đức hy sinh vô úy ấy, các người phải từ nay cho đến cùng tận vị lai luôn luôn noi theo mà học tập và hành trì.

Nay để phát dương chí nguyện cao vời ấy, các người cần đối trước Tam bảo tự đốt lên một phần nhỏ của thân thể để chứng minh ý chí đại hùng của người đã thọ Bồ tát giới.

Đối trước Tam bảo, các Phật tử đã phát tâm cúng hương, vậy hãy dũng mãnh lên và chí thành niệm Phật cầu gia hộ.

Dẫn thỉnh xướng:

Khởi thân. Chí thành đánh lễ Tam bảo tam bái.

Chư giới tử kiết già an tọa.

Cung thỉnh chư Tôn đức hộ hương tấn đàn

Lễ cúng hương bắt đầu.

Giới sư cùng Đại chúng hướng về Tam bảo nhất tâm niệm Phật. Giới sư cử tụng:A Di Đà Phật thân kim sắc...

---o0o---

D. HỒI HƯỚNG

Sau khi hoàn tất lễ cúng hương, Giới sư cùng đại chúng hướng về Tam bảo, tụng hồi hướng:

Ma ha Bát nhã Ba la mật đa tâm kinh....

Thiên A tu la Dược xoa....

Thọ giới công đức thù thắng hạnh....

Tự quy y Phật....

---o0o---

E. GIỚI TỬ LỄ TẠ

Sau ba tự quy, Giới sư vẫn an tọa, giới tử lễ tạ.

Dẫn thỉnh xướng:

Nhất tâm đánh lễ tận hư không biến pháp giới quá, hiện, vị lai, thập phương thường trụ Tam bảo, tam bái.

Nhất tâm đánh lễ Ta bà thế giới Bốn sư Thích ca Mâu ni Phật, tam bái.

Nhất tâm đánh lễ Văn Thù Sư Lợi Bồ tát, tam bái.

Nhất tâm đánh lễ Di Lặc Bồ tát, tam bái.

Nhất tâm đánh lễ Thập phương Như Lai, tam bái.

Nhất tâm đánh lễ Thập phương chư đại Bồ tát, tam bái.

Nhất tâm đánh lễ Đắc giới Hòa thượng, tam bái.

Nhất tâm đánh lễ Liệt vị A xà lê, tam bái.

Nhất tâm đánh lễ Hiện tiền chư vị Đại đức tăng già, tam bái.

Giới tử thoái ban (Ra xếp hàng đọi tiền chư Tôn đức).

---o0o---

F. GIẢI TIÊU GIỚI (nếu có kết giới)

I.Họp tăng. Như phần kết tiêu giới

II. Giải tiêu giới. Vị yết ma bạch rằng:

Đại đức Tăng nghe, Tăng nay họp để giải giới, nếu Tăng phải thời mà đến Tăng thuận cho, xin giải giới, bạch như thế. Tác bạch có thành không ?

Thành (chúng đồng đáp)

Đại đức Tăng nghe, Tăng nay họp để giải giới, các trưởng lão nào bằng lòng Tăng họp để giải giới thì im lặng, ai không bằng lòng thì nói. Yết ma có thành không?

Thành (chúng đồng đáp)

Tăng đã bằng lòng giải giới xong. Riêng Tăng bằng lòng nên đã im lặng, việc ấy tôi ghi nhận như vậy.

Nguyện dĩ thử công đức...

Hòa nam thánh chúng.

---o0o---

G. THỈNH SƯ VỀ TỔ ĐƯỜNG, TẠ TỔ, VỀ TỊNH PHÒNG AN NGHỈ

Dẫn thỉnh xướng: Cung thỉnh chư Tôn đức thối ban, hồi nghệ Tổ đường.

Chuông trống bát nhã.

---o0o---

GIỚI LUẬT

Viên Âm - Số 89 trang 14 năm 1950

I. ĐỊNH NGHĨA GIỚI LUẬT

GIỚI: Nguyên tiếng Phạn là thi la (sila). Tàu dịch là Giới, có nghĩa là phòng bị, răn cấm, câu thúc. Đức Phật chế giới luật để người học đạo phòng ngừa tội lỗi, răn cấm hành động trái pháp, kìm hãm dục vọng, và câu thúc đời sống tư hữu của mình, hầu mong tiến dần đến quả vị giác ngộ.

Giới có nghĩa là phòng phi chỉ ác. Giới điều là những phương tiện giúp Phật tử sống thanh tịnh cao cả, bằng cách ngăn ngừa đoạn trừ những tâm niệm xấu xa, những hành động bạo ngược. Giới cũng gọi là biệt biệt giải thoát. Vì không phạm một điều ác, tất phá tan một hình ngục; làm được một điều thiện, tất có ảnh hưởng tốt đẹp cho phong hóa. Giới cũng vậy, nếu giữ trọn một giới nào, tức là giải thoát được quả báo đày bởi nghiệp lực của giới ấy mà chúng ta đã phạm, đồng thời cũng hưởng được quả báo phước nghiệp của giới ấy, do chúng ta đã thọ trì. Thí dụ: Người không ăn trộm, tức không có kết quả tù đày lao ngục, đồng thời được người đời khen ngợi tán thán v.v... Ấy gọi là giới.

LUẬT: Tiếng Phạn là ưu ba la xoa (upalaksa), Tàu dịch là Luật: kỷ luật, pháp luật, luật lệ, nghĩa là những khuôn khổ, pháp tắc, điều luật thống nhất của Phật giáo Phật tử không có quyền phủ nhận, phải triệt để tuân hành. Nên nhớ pháp luật này, không ai có quyền thêm bớt, dù các hàng đại bồ tát cũng vậy; duy chỉ có đức Phật mới có quyền sáng chế thiết lập mà thôi. Cho nên, người nào đã phạm những kỷ luật ấy, nhất là chính mình đã một phen bạch

kiết ma thọ lãnh, tức là phạm luật; và người xử tội, cũng phải triệt để y cứ trên khuôn mẫu pháp luật, do đức Phật đã thân hành chế ra, mà xử đoán trọng khinh. Thí dụ: người nào đã phạm vào những luật lệ chung của nước nhà, tức là phạm tội, và người mang trách nhiệm xử đoán tội nhân, cần phải căn cứ trên quốc pháp để chuẩn định nặng nhẹ. Ấy gọi là luật.

Trong đạo Phật, nhất về luật tạng, chúng ta thấy rất phiền toái và phức tạp, bởi có vô số danh tướng và thể thức riêng biệt nhau như danh, chủng, tánh, tướng, khai giá, trì, phạm v.v... Cũng bởi vì sự sai khác ấy, Cho nên, đồng làm một việc, có người thì phạm, mà có kẻ thì gọi là trì.

Cắt nghĩa một cách tóm tắt cho dễ hiểu: Giới luật tức là những quy củ, khuôn khổ, phép tắc do đức Phật thuận theo lý tánh chân thật mà kiến lập, để chế ngự và đối trị nghiệp duyên của chúng sanh. Cho nên, Phật tử cần phải triệt để tuân hành, nếu lơ đãng hay trái phạm, tức là phá hủy lời dạy vô thượng của đức Phật, và không hướng thuận về pháp tánh chơn như, nghĩa là tự chìm mình xuống đáy sâu tội lỗi.

---o0o---

II. PHƯƠNG PHÁP THỰC HÀNH GIỚI LUẬT

Với phần định nghĩa trên, chúng ta đã khái quát tinh thần thuần túy giới luật, nhưng cách áp dụng giới luật trên đời sống thực tại bằng phương tiện nào, thì chúng ta chưa thấy, Cho nên, đoạn này cần phải chỉ thị. Chúng sanh rất có nhiều chủng loại, trình độ khả năng cũng như niên lạp rất sai khác nhau, nên đức Phật kiến lập và truyền thọ giới luật cũng có nhiều tầng bậc. Tuy nhiên, lượng có sai khác, nhưng phẩm vẫn đồng nhất. Vì đồng nhất nên không ngoài bốn câu kệ sau đây:

a. Chư ác mạc tác: tránh xa tất cả những hành động tàn ác bạo ngược.

Giới luật cũng như hàng rào ngăn ngừa những điều phi pháp và đoạn trừ những cử chỉ bất lương. Cho nên, người nào không hành động hại mình hại người, ở hiện tại và tương lai, chính là người tuân hành giới luật. Đây là đứng về phương diện chỉ trì, giới tự lợi của hàng Tiểu thừa Thanh văn.

b. Chúng thiện phụng hành: triệt để thực hành tất cả những điều thiện.

Muốn hoàn thành tinh thần giới luật, không những chỉ chuyên trọng đoạn ác mà cần phải làm điều thiện. Tránh ác đã là một việc đáng quý nhưng làm

thiện lại càng hi hữu hơn. Vì đây là cử chỉ xả kỷ vị tha, là những bước hướng mạnh đến chân lý. Thọ trì giới luật tức là phụng sự điều thiện; một người chú trọng và tôn thờ điều thiện, tức là vâng giữ giới luật. Đây là đứng trên quan điểm tác trì của hàng Đại thừa Bồ tát.

c. Tự tịnh kỳ ý: chỉ trì và tác trì thiên trọng về nơi thân nghiệp, câu này mới thật căn cứ trên tác tư của ý nghiệp.

Nếu thực hành đúng hai phương diện chỉ, tác mà ý nghiệp chưa thanh tịnh, nghĩa là còn cấu đục bởi vô minh ích kỷ, tất nhiên không phải thuần thiện. Trạng thái này có thể quan sát trên hành động của kẻ đi cầu thì sẽ thấy rõ. Cho nên, đánh giá một hành vi nào, muốn khỏi sai lầm, cần phải xét đoán trên tâm niệm, nhất là kết quả của hành vi ấy, và người nào ý niệm thuần lương, tức là thanh tịnh giới thể.

d. Thị chư Phật giáo: Không làm điều ác, phụng sự điều thiện, và ý niệm thuần khiết, là lời dạy bất di bất dịch của mười phương ba đời các đức Phật. Đây là một câu kết thúc, khuyến chúng sanh phải triệt để thực hành theo tinh thần và ý nghĩa của ba phương tiện trên. Nói một cách khác tức là đức Phật sách tấn chúng ta phải tôn trọng và tuân hành giới luật.

---o0o---

III. SỰ QUAN HỆ CỦA GIỚI LUẬT

Giới luật học là môn học trong ba tạng giáo điển của đức Phật, Cho nên, giới luật là một vấn đề quan hệ, Phật tử không thể nào bỏ qua.

Kinh có câu: "Giới tức là hạnh của Phật." Cho nên, nếu người nào không giữ giới mà mong giải thoát, thời cũng đồng như người tìm sự thật trong mộng tưởng.

Sự tu hành cũng như cuộc khởi đi của kẻ lữ khách, muốn đến đích cần phải cù bị lương thực, và tinh tấn tiến bước. Thiếu cần mẫn và tư lương tức không thể phát hành và đến đích. Và Tư lương của kẻ tu hành là Giới, Định, Huệ.

GIỚI: Như trên đã cắt nghĩa, giới là phòng phi chỉ ác, nghĩa là năng lực ngăn ngừa điều trái và đoạn phục các hành động bất thiện. Một người muốn thờ không khí trong sạch giải thoát, cần phải thận trọng và tu trì giới pháp. Giới là cơ sở duy nhất của Định và Huệ; thiếu giới, định, huệ không thành; cũng

như không có đất, dinh thự và lâu đài phải sụp đổ. Định và huệ của phàm phu ngoại đạo, sở dĩ chênh lệch và sai khác với định và huệ của Phật giáo cũng do điểm này.

ĐỊNH: Trừng tịnh tâm duyên, sản phẩm trung thành của giới. Do giới chỉ trì nên thân, khẩu nghiệp không làm điều phi pháp, đồng thời ý nghiệp được thanh tịnh, không còn tâm tư xao xuyến khi nhập thiền định. Tự nhiên hành động của thân, miệng, ý xứng hợp với luật nghi, gọi là định cộng giới. Chúng ta nên nhớ, chỉ có định lực mới đủ khả năng kìm hãm vọng tâm và làm cho chơn tâm hiển hiện, nhưng lực sở dĩ thành tựu là do giới làm căn bản.

HUỆ: Năng lực minh mẫn chiếu liễu của trí. Huệ là phản ảnh của định. Có Định, Huệ mới phát sanh; ví như nước có lắng trong, mặt trăng mới tỏ hiện. Nhờ ánh sáng trí huệ soi đường, sự tu hành khỏi lạc vào ma đạo. Cũng như muốn đi trúng đích, kẻ bộ hành phải có nhãn quan tinh diệu. Nên nhớ: có trì giới, tu định, huệ mới phát sanh. Tam thừa thánh nhân do tu vô lậu thiền định mà phát sanh vô lậu trí huệ, tương ứng với vô lậu luật nghi. Giới thể phòng phi chỉ ác cùng với trí huệ cộng sanh thì gọi là đạo cộng giới.

Giới Định Huệ là cơ quan nguyên yếu của đạo Niết bàn An tịnh.

---o0o---

IV. HIỆU LỰC VÀ ÍCH LỢI CỦA GIỚI LUẬT

Chúng ta đã nhận thấy phương pháp thực hành và sự quan hệ của giới luật, nhưng chưa thấy sự hiệu lực và ích lợi của giới luật.

Như chiếc xe hỏa, nếu bánh xe không ăn khớp với lề đường thì không thể chạy được và xe sẽ trật đở. Hiệu lực của giới luật đối với sự tu hành cũng vậy. Nếu vượt ngoài quy củ giới luật tất nhiên không thể tăng tấn trên đường giải thoát, nếu không phải là tăng thượng duyên của sự đọa lạc. Trì giới đã khó khăn, tất nhiên kết quả cũng vĩ đại, nhưng không ngoài ba quan điểm sau đây:

a. Đối với quá khứ: Một nhà bác học chuyên cần nghiên cứu thí nghiệm, lẽ dĩ nhiên phát minh, sáng tạo được nhiều nguyên lý và ứng dụng tinh xảo. Sự ngờ vực ngu dốt lúc thiếu thời do đó mà tiêu tan. Cũng vậy, người tu trì giới luật nhờ năng lực trì giới, có thể chuyển nghiệp bất thiện ở quá khứ, và ảnh hưởng trực tiếp đến sự hưởng thọ đầy đủ hiện tại.

b. Đối với hiện tại: Quả báo hiện tại là phản ảnh trung thành của nghiệp nhân quá khứ. Một khi chuyển được nghiệp quá khứ, quả báo hiện tại phải thanh tịnh an lành. Lại hiện tại đã tu trì giới luật, nghĩa là làm tất cả điều thiện, diệt trừ điều ác, thời lòng được sáng khoái vui tươi, và những nỗi niềm hồi hộp lo sợ không còn nữa. Giải thoát triền phược, diệt tận dục vọng mê mờ là phương châm cao đẹp của người trì giới. Không phạm hình luật, lương tâm không ăn năn hối hận. Đây chính là hiệu quả của người thọ trì giới luật .

c. Đối với vị lai: Nhà nghệ sĩ chuyên môn rèn luyện nghệ thuật, người học trò siêng năng trau dồi học và hạnh, tương lai phải rực rỡ, kết quả sẽ phải tốt đẹp. Người trì giới thanh tịnh, nghĩa là chuyên trọng huân tập vô lậu chủng tử, dĩ nhiên kết quả vị lai phải trong sáng ngát hương. Đây là định luật nhân quả, một sự thật tuyệt đối, không ai có quyền phủ nhận.

Một bằng chứng rõ ràng nữa, là nhờ có nền giới luật thiết thực và rộng rãi, Phật giáo không bị hoen ố bởi sự chi phối của thời gian, bao giờ cũng giữ màu sắc thuần túy đạo Phật. Vì sống trong quy củ giới luật, bất cứ thời đại nào, phương sở nào, dưới một hình thức nào Phật tử cũng có thể nhịp nhàng, dung hòa và chung sống với nhau như hòa hợp một bản đàn kỳ diệu. Bởi hiệu quả và ích lợi như trên, Cho nên, Phật tử cần phải lãnh thọ và tu trì giới luật.

---o0o---

V. CÁCH TRUYỀN THỌ GIỚI LUẬT

Vì giới luật có quan hệ mật thiết với sự tu hành giải thoát nên đức Phật sau khi thành đạo mười hai năm, đã kiến lập và chế ra giới luật. Cho nên, Phật tử, nghĩa là người tiếp tục thi hành sứ mệnh vị tha, nhất là hạng xuất gia, cần phải truyền thọ giới luật. Nhưng truyền thọ bằng cách nào?

Muốn truyền giới cho người khác, tất nhiên mình phải thanh tịnh đầy đủ giới đức, và ít nhất người truyền giới cần phải hơn người được truyền một bậc, kể cả giới pháp và đức hạnh. Thí dụ, bậc tỳ kheo mới có quyền trao năm giới hay mười giới cho một hay nhiều người khác. Nếu không thì tất nhiên sự truyền giới không hợp pháp và giới thể không thành tựu. Cũng vì điều này nên hàng tại gia cư sĩ không được truyền thọ giới pháp cho ai.

Còn người thọ giới trước tiên phải tinh thành sám hối, tẩy trừ nghiệp chướng. Khi thân tâm đã rỗng không, sạch các túc chướng phiền não, mới

được thọ giới. Đây cũng như muốn nhuộm áo, cần phải giặt sạch trước khi nhuộm. Cần nhất phải hợp xứ, hợp thời, và đầy đủ mọi điều kiện, giới thể mới được thành tựu. Phải trao thọ giới pháp trước ngôi Tam bảo, vì thọ giới chính là vâng theo lời dạy của ngôi Tam bảo và cũng để cầu khải hộ trì của Tam bảo.

Chúng ta lại cần phải biết rằng: thọ giới là một cử chỉ tùy nguyện, do thân tâm chân thành phát ra chớ không phải một sự miễn cưỡng ép buộc; cũng như người muốn qua sông, cần phải vịn vào dây nổi, đây là một lẽ tự nhiên, chứ không ai có quyền áp chế bắt buộc. Vậy nên sau khi thọ giới, chúng ta cần phải triệt để tuân hành, dù có phương hại đến tánh mạng cũng vậy. Và lại, giới luật chính đức Phật y cứ nơi tự tâm thanh tịnh của chúng sanh mà kiến lập. Thọ giới chính là vâng theo những đức tánh thuần lương mỹ diệu của tự tâm, như thế có gì là ép buộc miễn cưỡng? Cũng như muốn bảo tồn cơ thể tất nhiên đói phải ăn, khát phải uống. Sự thọ trì giới luật cũng như thế mà thôi.

Bởi thế, muốn khỏi thói đọa duy trì tự tâm, kiến lập một cơ đồ giải thoát giác ngộ, Phật tử chúng ta cần phải triệt để tuân hành giới luật. Vô thượng thay đức Phật, người đã sáng lập giới luật; cao quý thay người đã sưu tầm, kiết tập và truyền bá giới luật. Đáng thán phục và đáng tôn trọng thay người đã phát nguyện vâng giữ giới luật.

---o0o---

GIỚI LUẬT

Viên Âm - Số 91 trang 7 năm 1950

I. YẾU ĐIỂM GIỚI LUẬT

Bài trước đã nói đại cương sự quan hệ của giới luật, ở đây nói rõ thêm và phân biệt ranh giới giữa đại thừa luật và tiểu thừa luật.

Giới luật là một trong ba tạng giáo điển của Phật đà. Hai tạng Kinh và Luận có xen sự nghị luận của các Bồ tát và các đệ tử Phật v.v... Về luật thì nhất định chỉ có đức Phật mới chế định mà thôi. Đức Phật căn cứ vào nhất thể chủng trí, như sự thật mà thuyết minh giới luật cốt xứng hợp hành vi của hàng đệ tử với thường trú chơn tâm cứu cánh chơn thật của muôn loài vạn vật. Muốn thấy sự thật của muôn loài vạn vật như Phật, phải nghiêm trì giới luật; muốn đạt được chơn hạnh phúc hoàn toàn của nhơn sinh, tức là cảnh giới Phật Đà, cũng phải nghiêm trì giới luật. Đức Phật dạy: "Thọ Phật giới

tức nhập chư Phật vị", "Giới luật là đại sư của các người, cũng như ta còn tại thế", "Giới luật còn là đạo ta còn". Người không nghiêm trì giới luật là người phản bội đức Phật, đi ngược cảnh giới giải thoát là cảnh giới thường trú chơn tâm, không thể thấy sự thật và hưởng hạnh phúc chơn chính. Người thọ trì giới luật, không những không phạm đến các điều ngăn cấm của Phật đã chế ra, mà hành vi hàng ngày càng xứng hợp với oai nghi khuôn mẫu. Oai nghi là những hành vi như đi đứng nằm ngồi v.v.... đúng theo một khuôn mẫu, quy tắc đã định. Đại thừa hay tiểu thừa luật đều y vào bốn yếu điểm sau:

1. TÁC: Nghĩa là tạo tác. Những người chưa thọ trì giới pháp, nay y theo pháp tắc oai nghi, làm lễ thọ giới. Nếu xét lại từ trước đến giờ, vì làm lạc đã tạo ra nhiều điều phi pháp, cũng y theo quy tắc luật chế mà sám hối; về sau nếu còn vô tình phạm đến các giới điều đã cấm, thì cũng y theo phương pháp mà sám hối lại.

2. CHỈ: Nghĩa là ngăn dứt. Đối với những hành vi bất thiện như ngũ nghịch, thập ác ... quyết ngăn dứt mà không làm. Một nghĩa nữa nếu giữ gìn giới luật tinh tấn thì vô minh vọng tưởng sẽ ngăn dứt mà không phát sanh lại được nữa.

3. TRÌ: Có hai nghĩa: a) Trì xả, nghĩa là đối với những điều ác, quyết bỏ hẳn, không bao giờ làm lại, dù có hại đến tánh mạng. b) Trì thủ, nghĩa là đối với việc thiện quyết giữ gìn làm theo không để bỏ qua, dù là một việc thiện rất nhỏ.

4. PHẠM: Nghĩa là những hành vi không hợp pháp, trái với điều đã ngăn cấm; điều này mới là quan hệ. Người cầm cân giới luật cần phải sáng suốt, thông hiểu tất cả những tâm lý hành vi của hành giả. Căn cứ vào giới luật Đại thừa hay Tiểu thừa mà ấn định có phạm luật hay không. Lại còn phải căn cứ vào tâm niệm (nhất là tâm niệm) vào thời gian và nghiệp cảnh () là thế nào mới có thể định đoạt là phạm hay không phạm. Ví dụ về giới sát sanh: Giết một con vật, đối với Thanh văn tiểu thừa là phạm nhẹ, đối với Đại thừa bỏ tát thì phạm giới nặng, vì làm mất căn bản Từ bi tâm. Còn phải căn cứ vào tâm niệm cố ý làm lạc, khi khởi tâm giết hại mạnh hay yếu, trong thời gian khởi tâm giết hại, đến khi giết và sau khi giết, trong khoảng thời gian ấy, trực tiếp hay gián tiếp, hối hận hay không hối hận, ác niệm tăng hay giảm, và nghiệp cảnh giết hại có thích hợp với lòng ưa muốn không (Nhu móng tâm muốn giết con bò mà khi giết lại giết làm con trâu v.v..). . Từ khi móng tâm, trải qua thời gian đến nghiệp cảnh kết quả, một tâm niệm không

thay đổi là tội nặng nhất. Nếu trong đó, móng tâm thì hăng hái hoặc vì một thiện niệm đến khi làm và sau khi làm thì hối hận hoặc gián tiếp, hoặc làm việc không kết quả như ý muốn, thì phạm tội nhẹ. Tùy theo những cảnh huống ấy mà định đoạt phạm hay không phạm, tội lỗi nhẹ hay nặng. Tội lỗi nặng nhẹ có chia làm ba loại thượng, trung và hạ. Về Đại thừa thì chú trọng nhất về tâm niệm. Bốn điểm yếu trên này làm khuôn khổ cho tất cả giới luật, dù Đại thừa hay Tiểu thừa cũng vậy.

---o0o---

II. NĂM THỪA LUẬT

Giáo pháp của Phật dạy có chia ra năm thừa sai biệt khác nhau, giới luật cũng y theo đó mà có năm thừa.

Năm thừa luật là Nhơn thừa luật, Thiên thừa luật, Thanh văn thừa luật, Duyên giác thừa luật và Bồ tát thừa luật. Nhơn thừa luật là năm giới của Ưu bà tặc, ưu bà di. Thiên thừa luật là mười thiện giới. Hai hạng trên này gồm cả tại gia và xuất gia (Bát quan trai giới cũng nhiếp ở trong này). Thanh văn thừa luật và Duyên giác thừa luật chỉ đặc biệt riêng cho hàng xuất gia, gồm có bốn chúng Sa di (con trai), Sa di ni (con gái), có mười giới; Tỷ kheo (đàn ông) có hai 250 giới, Tỷ kheo ni (đàn bà) có 350 giới; có luật tăng đến 500 giới. Duyên giác thừa luật gồm ở trong Thanh văn chứ không có luật riêng. Bồ tát thừa luật gồm cả tại gia và xuất gia, phổ thông đều theo giới kinh Phạm võng, có tất cả 58 giới, chia ra 10 giới nặng và 48 giới khinh.

Năm thừa luật trên đây, tùy theo căn cơ trình độ, hoàn cảnh mà lãnh thọ, trong đó chia ra có đại thừa và tiểu thừa sai khác nhau. Như bốn thừa trước thuộc về tiểu thừa luật, một thừa sau tức bồ tát thừa là thuộc về đại thừa luật.

---o0o---

III. NHẤT THỪA LUẬT

Nhất thừa luật, không phải ngoài năm thừa luật trước mà có, tức là chỉ cho Đại thừa bồ tát. Đây cũng căn cứ vào giới kinh Phạm võng, 10 điều trọng và 48 điều khinh làm căn bản. Như người tùy theo hoàn cảnh, muốn làm khuôn mẫu đạo đức về nhơn đạo, chỉ thọ trì năm giới tại gia, nhưng thâm tâm muốn phát bồ đề tâm, hồi hướng về quả vô thượng bồ đề, nên dù ở hoàn cảnh triền phược gia đình, có thể thọ trì thêm giới bồ tát luật gọi là Ưu bà tặc bồ tát hay Ưu bà di bồ tát. Còn hàng xuất gia, chí khí trượng phu, trang nghiêm nhơn

tướng làm khuôn mẫu cho muôn loài, cũng thọ giới bồ tát là hàng sa di bồ tát, sa di ni bồ tát, tỷ kheo bồ tát, tỷ kheo ni bồ tát v.v... Cho nên, năm thừa luật cũng không ngoài nhất thừa luật mà có, mà cuối cùng năm thừa luật đều quy nạp vào nhất thừa luật cả. Nhất thừa luật mới thật là mục tiêu cứu cánh về giới luật. Và cũng chính bản ý của Phật hiện thân ở thế gian này. Muốn chỉ định hành vi của Nhất thừa bồ tát luật (tức Đại thừa luật) cần phải căn cứ vào ba phương diện sau này:

a) Phương diện tiêu cực nghĩa là nghiêm trì tất cả giới luật oai nghi một cách rốt ráo thanh tịnh, tuyệt hẳn bao nhiêu lỗi lầm nhỏ nhiệm không có thể phạm được.

b) Phương diện tích cực nghĩa là thâm nhiếp tất cả những điều thiện mỹ thế gian, xuất thế gian, hữu lậu vô lậu, để áp dụng vào hành vi đạo đức của mình. Hai phương diện trên này thiên trọng về tự lợi.

c) Phương diện cứu cánh lợi tha. Đến phương diện thứ ba này mới thật hoàn toàn cứu cánh của người thọ trì giới pháp đại thừa. Nghĩa là một hành vi gì, không cần kể đến có lợi hay có hại cho mình, miễn hành vi ấy có lợi cho quần chúng, một cách thiết thực về hiện tại cũng như về tương lai, thì chon chính đại thừa Phật tử triệt để thi hành ngay, không do dự lùi bước. Chỉ có người phát đại bồ đề tâm, mới thọ trì nhất thừa luật. Người ấy mới xứng với hai chữ Phật tử.

---o0o---

LỜI PHẬT

Thọ giới Phật dạy là được dự vào hàng chư Phật.

Giới luật còn là đạo ta còn.

Giới luật là vị đạo sư của các người,

cũng như ta còn tại thế, không có sai khác.

---o0o---

TAM QUY

Viên Âm - Số 84 trang 18 năm 1949

I. ĐỊNH NGHĨA QUY Y TAM BẢO

A. QUY Y

1. QUY nghĩa là trở về. Người đi tha phương cầu thực nay trở về với cố hương, kẻ lạc đường trong đêm tối, nhờ có ánh sáng của trăng sao, liền quay lại con đường chơn chánh. Tự tâm chúng ta sẵn có giác tánh tức là Phật tánh, nhưng từ lâu đời bị vọng trần ngăn che, nay nhờ có ánh sáng của giáo lý khai ngộ; theo ngoại đạo, bạn dữ, thầy tà, nay ta trở về với đạo lý chơn chánh, với thầy sáng suốt, bạn thuần lương.

2. Y nghĩa là nương tựa, y cứ theo, như cây trầu nương tựa và y cứ theo cây cau để sống và phát triển. Từ trước đến nay ta y theo vọng cảnh vọng trần, y theo tà giáo mà hành động thành thử bị luân chuyển trong đau khổ, nay nhờ được người chỉ đường sáng suốt, chúng ta quyết y cứ trên tự tánh thanh tịnh, tâm nương tựa những bậc dẫn đường, những giáo lý chân chánh để sống mà hành động.

Trong chữ quy y chúng ta nhận thấy có ba ý chính:

- 1) Đem cả thân mạng để quy hướng.
- 2) Quy thuận theo giáo pháp chơn chánh.
- 3) Thâu nhiếp sáu căn, không dong ruổi theo sáu trần mà tu tập, phản vọng quy chơn, để trở về với nhất tâm thanh tịnh sẵn có của mình.

---o0o---

B. QUY Y TAM BẢO

Quy y Tam bảo là quy y Phật, Pháp, Tăng. Phật, Pháp, Tăng là ba ngôi quý báu nhất trên đời nên gọi là Tam bảo.

1. QUY Y PHẬT là trở về nương tựa trên tự tánh thanh tịnh tâm (Phật tánh) của ta. Tất cả chúng sanh đều có tánh giác rõ biết cùng khắp (giác tánh), tánh ấy tức là Phật tự tâm. Kinh có câu "nhứt thiết chúng sanh cụ hữu Như lai trí huệ đức tướng" chính là nghĩa này. Ngặt vì chúng ta đã lâu đời bị vô minh ngăn che, giác tánh không được hiển lộ, nên phải mê muội lăn lộn trong vòng chúng sanh. Người nào thể nhận được tự tâm ấy tức gọi là Phật. Mười phương ba đời các đức Như lai là những vị đã giác ngộ tự tâm, đều

xứng đáng để ta quy y. Gần với chúng ta hơn là đức Phật Thích ca Mâu ni, Ngài đã xa mọi sự quyến luyến của dục tình để đi tìm nguồn đạo cao cả, Ngài đã chiến thắng mọi phiền não bên trong, cũng như bao cảnh tráo trở giả dối bên ngoài để chúng đến địa vị cứu cánh thanh tịnh. Chúng ta nhận thấy Ngài là một vị toàn giác, đủ khả năng đem ta đến chỗ giải thoát, nghĩa là chúng ngộ được tự tâm. Vì những lẽ trên nên ta trở về nương tựa với Phật. Ấy gọi là Quy Y Phật.

2. QUY Y PHÁP nghĩa là trở về nương tựa trên thật tánh của muôn pháp. Thật tánh tức là chỉ cho tự tánh như như bình đẳng của sự vật. Mặc dù hiện tượng giữa đời này có sanh diệt còn mất, nhưng thật tánh ấy vẫn không biến dịch. Mây, mù, hơi, nước, tuy khác nhau nhưng không ngoài tánh ướt. Từ trước đến nay vì mê mờ nên chúng ta không thể nhận được thực tánh ấy, mà cứ đắm say theo vọng trần giả cảnh của tâm thức biến hiện, rồi do đó mà tạo nghiệp thọ quả luân hồi sanh tử trong ba cõi. Nay ta nguyện trở về với thật tánh tức là quy y pháp. Tuy thế, nhưng muốn thể hội được thật tánh cũng không phải tìm đâu xa mà vẫn căn cứ trên cảnh giả hữu để thể nhận thật tánh mà thôi.

Khi nào ngộ được tánh chơn thường của sự vật tức là được ngộ Phật pháp. Với căn tánh ám độn như chúng ta, nếu không có giáo pháp chỉ bày thì khó nhận được tánh chơn thường ấy lắm. Cho nên, ta phải quy y Pháp, nghĩa là trở về nương tựa ba tạng giáo điển của đức Phật đã dạy mà tu học, mong đoạn trừ mê chướng, chứng ngộ thật tướng bình đẳng của các pháp và thế không còn quy y theo một phương pháp nào khác nữa.

3. QUY Y TĂNG nghĩa là trở về nương tựa với vị thầy giác ngộ chính đáng. Như trên chúng ta đã biết, tự tâm thanh tịnh sẵn đủ trong tất cả chúng sanh, chỉ vì mê không nhận thấy đó thôi. Nay ta đã biết trong tâm sẵn đủ giác tánh, chính giác tánh ấy là một bực thầy chơn chính của chúng ta, đủ đạo lực khai ngộ trí huệ cho ta, đem ta đến chỗ giải thoát. Cho nên, không chi hơn bằng quy y với vị thầy tự tâm ấy. Kinh có câu "Một niệm cùng khắp mười pháp giới", như thế thì mười phương chúng Tăng cũng chính trong tâm niệm của chúng ta nên ta quy y với mười phương chúng Tăng tức là quy y tự tâm chúng ta đó vậy. Chữ Tăng đây là chỉ cho mười phương chúng Tăng.

Nói một cách hẹp hơn thì gần chúng ta đây cũng có Hiện tiền tăng. Tức là những đoàn thể tăng già học hạnh kiêm toàn. Phật pháp là một giáo điển siêu việt, nếu không nhờ các vị tinh thông chỉ bày thì ta làm sao thấu hiểu. Nên ta quy y Tăng bảo, nghĩa là trở về nương tựa những đoàn thể tăng già chân

chính, để học đòi giáo điển, tinh tấn tu hành, nếu ta muốn thể nhận được tự tánh thanh tịnh của ta.

---o0o---

II. VÌ SAO CẦN PHẢI QUY Y

Phật dạy: "Bồ tát sợ non, chúng sanh sợ quả". Nghĩa là bồ tát bao giờ cũng sợ hãi hành vi nhân địa không chơn chánh, chứ không sợ quả vị hưởng thọ có hay không; trái lại chúng sanh nước đến trôn mới nhảy, một khi đụng đầu đau khổ mới than van, chứ không kể gì gây non bất thiện.

Ở đời chỉ có hạng người mê mờ ích kỷ sống không có ngày mai mới "nhắm mắt đưa chân"; ngoài ra ai lại không muốn có một cuộc đời an ủi có ý nghĩa. Muốn thế mà không được, suy nguyên chính chỉ vì muốn ăn quả mà không muốn trồng cây. Mà đời đau khổ là do nguyên nhân mê lầm, vì mê lầm nên phát sanh hành vi sai lại rồi sẽ chịu quả đau thương. Nay muốn khỏi đau khổ phải cải tạo hành vi, phải nương nhờ chỗ quy chí chơn chánh; chỗ quy chí chơn chánh là Phật, Pháp, Tăng vậy.

Hơn nữa, chúng ta quy y Tam bảo là vì ta nhận thấy tuy trong tâm ta sẵn có tự tánh Tam bảo, nhưng vì đã lâu đời bị vô minh ngăn che, mãi mãi dong ruổi theo cảnh trần giả hữu, gây nên vô lượng nghiệp nhân, luôn luôn quay cuồng trong vòng sanh tử. Chúng ta không khác một người mù lòa quờ quạng trong đêm tối, nếu không nhờ có ánh sáng đèn hay người dắt dẫn thì làm sao thoát khỏi được. Đức Phật đối với ta là một người cảm được trong đêm tối, là một vị lương y có lòng từ bi không cùng tận! Chỉ có lòng từ bi tuyệt vời ấy mới có thể an ủi chúng ta trong lúc lệ nóng đang chan hòa với dòng sông và mới có thể áp ủ được những tâm hồn khắc khoải vì đau thương ... Nhưng lòng thương ấy không phải phát sanh với một tâm hồn tiêu cực bi quan, mà duyên khởi bởi một tấm lòng từ bi vô hạn. Vì thế nên Ngài lại đem những phương thức chính đáng, những đạo lý siêu phàm để dạy vẽ chỉ bày, làm cho ta thoát khổ được vui. Những phương pháp ấy chính là ngọn hải đăng của kẻ thủy thủ lạc đường vậy. Còn Tăng đồ là những đoàn thể làm gương mẫu xứng đáng cho ta noi theo. Các ngài không phải làm trung gian giữa thực thể và cá nhân, mà chỉ có bổn phận dạy vẽ và làm kiểu mẫu cho ta trên đường giải thoát mà thôi. Nói tóm lại, vì Tam bảo đủ điều kiện khả năng làm cho ta thoát mê thành ngộ, lìa khổ được vui nên ta nhất tâm quy y cung kính.

---o0o---

III. QUY Y PHẢI THỂ NÀO ?

Có người vì không hiểu nghĩa của quy y nên tin tưởng rằng: Tam bảo là đáng thiêng liêng, đủ uy lực ban phước gieo họa cho người đời, vì thế nên họ đến chùa quy y cầu để tránh các tai biến hoạn nạn có thể sẽ xảy đến cho gia đình hoặc bản thân họ.

Quan niệm này sở dĩ mà có là vì chưa hiểu rõ chính nghĩa của chữ quy y. Quy y chính là phương tiện đưa ta đến quả vị giải thoát và nhất là để thể nhận tự tâm của chúng ta. Với những người lầm lạc ấy, sự quy y cũng không phải hoàn toàn vô ích; một khi đã đến nhà chùa, dù trong một thời gian rất ngắn, nhưng nhờ thâm nhuần được mùi đạo cũng có thể hoán cải người độc ác trở nên thuần lương và chính nhờ sự kết duyên với Tam bảo mà chúng tử thiện pháp ấy được gieo vào trong bát thức tâm điền, Cho nên, ở một đời sau, khi đủ duyên thì chúng tử ấy sẽ phát hiện ra và gặp được Tam bảo, tinh tiến tu hành.

Nếu chúng ta muốn sự quy y có nhiều kết quả lợi ích thiết thực ở hiện tại cũng như về tương lai thì ngay bây giờ đây trong khi trở về với nguồn đạo cao cả, chúng ta hãy tìm những vị tăng già gồm cả tu và học, vì chỉ có tăng già mới đủ sức đảm nhiệm sứ mệnh của đức Như Lai là hoằng pháp lợi sanh; nhất là phải chọn lựa những vị hợp với căn cơ trình độ của mình để học hỏi theo những giáo pháp của Phật đã dạy. Nhưng không phải học suông mà đủ. Quy y suông thì cũng chẳng lợi ích gì như đọc sách mà không hiểu. Cho nên, trong sự quy y, chúng ta hãy đem tâm niệm chí thành, quyết thực hành theo những phương pháp của Phật dạy, thề không bao giờ quy y theo một tôn giáo hay đạo lý khác nữa. Như thế cũng chưa hoàn toàn, chúng ta hãy đem một tâm niệm vị tha bình đẳng, làm cho người khác cũng được lợi ích như mình, bằng cách khuyên bảo chỉ bày cho họ phát khởi chánh tín, nghĩa là cung kính và quy y Tam bảo. Bởi vậy khi chúng ta làm lễ quy y, chúng ta có phát ba lời tâm nguyện lớn:

1. Đệ tử quy y Phật, nguyện đời đời kiếp kiếp không quy y thiên thần quỷ vật.
2. Đệ tử quy y Pháp, nguyện đời đời kiếp kiếp không quy y ngoại đạo tà giáo.
3. Đệ tử quy y Tăng, nguyện đời đời kiếp kiếp không quy y tôn hữu ác đảng.

Có thể mới mong rằng sự quy y của chúng ta có nhiều kết quả tốt đẹp cho mình và cho người, ở hiện tại cũng như về tương lai, và sự quy y ấy mới tránh khỏi cái tệ chỉ nói suông mà không thực hành vậy.

---o0o---

IV. KẾT LUẬN

Phật giáo với đạo lý Tam Quy có đủ điều kiện hoán cải tâm hồn của loài người, giới thiệu một con đường mới mẻ và đặt một lòng tin tưởng ở khả năng vô tận của loài người.

Là Phật tử, chúng ta cần phải chân chánh quy y Tam bảo, đem những gì trong trẻo cao đẹp nhất của chính mình mà hướng về Tam bảo, thể theo chánh nghĩa Tam bảo làm chỗ y cứ cho hành vi ý nghĩ của chính mình. Có vậy mới là chơn chánh Phật tử, khỏi cô phụ lời dạy dỗ của đức Bổn Sư chúng ta mà cũng khỏi cô phụ tánh linh của chúng ta vậy.

---o0o---

LUẬT TỖ KHEO

CHƯƠNG MỞ ĐẦU TỰA THUYẾT GIỚI

1. Cúi đầu lễ chư Phật.

Tôn Pháp, Tỳ kheo Tăng.

Nay nói pháp Tỳ ni,

Để chánh pháp trường tồn.

2. Giới như bể không bờ,

Như báu cầu không chán.

Muốn hộ tài sản Thánh,

Chúng họp nghe tôi nói.

3. Muốn trừ bốn tội khí,

Và diệt tội Tăng tàn.

Ngăn ba mươi xả đọa,

Chúng họp nghe tôi nói.

4. Tỳ bà thi, Thi khí,

Tỳ xá Câu lưu tôn,

Câu na hàm Mâu ni,

Ca diếp, Thích ca vãn,

5. Các đại đức Thế tôn,

Vì tôi dạy sự này,

Tôi nay muốn nhắc rõ,

Các ngài thầy cùng nghe.

6. Ví như người què chân,

Không thể đi đâu được.

Người phá giới cũng vậy,

Không thể sanh trời, người.

7. Muốn được sanh lên trời,

Hoặc sanh vào cõi người,

Thường phải giữ chân giới,

Đừng để bị thương tổn.

8. Như xe vào đường hiểm,

Lo hư chột gãy trục,

Phá giới cũng như vậy.

Khi chết lòng sợ hãi.

9. Như người tự soi kiếng

Đẹp, xấu, sanh vui, buồn.

Thuyết giới cũng như vậy,

Vẹn, hỏng, sanh mừng, lo.

10. Như hai trận xáp chiến

Gan, nhát, có tiến, thối.

Thuyết giới cũng như vậy,

Tịnh, nhiễm sanh vui, sợ.

11. Thế gian vua là lớn,

Sông ngòi bể rộng hơn,

Các sao, trăng sáng nhất,

Các thánh, Phật trên hết.

12. Trong tất cả các luật,

Giới kinh là tối thượng.

Như Lai lập cấm giới,

Nửa tháng nói một lần.

13. Tăng họp chưa?

- Tăng đã họp.

Hòa hiệp không?

- Hòa hiệp.

Người chưa thọ cụ túc đã ra chưa?

- Đã ra.

Các tỳ kheo không đến có thuyết dục và thanh tịnh không?

(Nếu không thì đáp: Trong đây không có tỳ kheo thuyết dục và thanh tịnh).

(Nếu có thì đáp: Có. Người thọ dục đứng ra giữa Tăng, lễ một lễ, quỳ chấp tay bạch:)

Bạch Đại đức Tăng, tỳ kheo Tăng sự như pháp, có gọi dục và thanh tịnh cho tôi. Tôi có nhận lãnh sự gọi dục và thanh tịnh của vị ấy.

Thượng tọa nói: Thiện.

Đáp: Nhĩ.

Thượng tọa hỏi tiếp:

Có ai sai tỳ kheo ni đến thỉnh giáo giới?

(Có hay không có, tác bạch như được nói trong "Yết ma yếu chỉ")

Tăng nay hoà hiệp để làm gì?

Thuyết giới kết ma.

Đại đức Tăng lắng nghe. Hôm nay là ngày bạch (hay hắc) nguyệt, ngày thứ 15 (hoặc 14), chúng tăng thuyết giới. Nếu thời gian thích hợp đối với Tăng, Tăng chấp thuận hòa hiệp thuyết giới. Đây là lời tác bạch.

Thưa các Đại đức, nay tôi sẽ thuyết giới ba la đề mộc xoa, các tỳ kheo cùng tập họp tại một chỗ, hãy lắng nghe, suy niệm kỹ. Nếu ai tự biết có phạm, hãy tự phát lộ. Ai không phạm thì im lặng. Do sự im lặng, tôi biết các đại đức thanh tịnh. Như một người được kẻ khác hỏi riêng điều gì, thì như thực mà trả lời. Cũng vậy, tỳ kheo nào ở trong chúng sau khi đã ba lần hỏi, nhớ nghĩ mình có tội mà không phát lộ, vị ấy mắc tội cố ý vọng ngữ. Phật dạy cố ý

vọng ngữ là pháp chương đạo. Tỳ kheo nào nhớ nghĩ mình có tội, muốn cầu thanh tịnh, hãy tự phát lộ. Do phát lộ mà được an lạc.

Thưa các Đại đức, tôi đã thuyết xong tựa Giới kinh. Nay hỏi, các Đại đức trong đây có thanh tịnh không? (3 lần).

Các Đại đức trong đây thanh tịnh. Vì im lặng. Việc ấy tôi ghi nhận như vậy.

---o0o---

CHƯƠNG MỘT BA LA DI

Thưa các Đại đức, đây là bốn pháp Ba la di xuất từ Giới kinh, mỗi nửa tháng tụng một lần.

1. Tỳ kheo nào đã thọ trì học xứ và chấp nhận đời sống của tỳ kheo, chưa hoàn giới, giới sút kém nhưng không phát lộ, mà hành pháp dâm dục, cho đến cùng với loài súc sinh, tỳ kheo ấy là kẻ ba la di, không được sống chung.

2. Tỳ kheo nào, hoặc từ làng xóm hoặc từ rừng vắng lấy vật không cho với tâm trộm cắp, tùy theo sự lấy vật không cho ấy mà vua hay đại thần của vua hoặc bắt, hoặc giết, hoặc trói, hoặc đuổi khỏi nước, hoặc khiển trách: "Người là kẻ trộm, người là kẻ ngu, người là kẻ không biết gì", tỳ kheo ấy là kẻ ba la di, không được sống chung.

3. Tỳ kheo nào, cố ý tự tay mình làm dứt sinh mạng loài người, hoặc cầm dao đưa người khác dứt, hoặc khen ngợi cho chết, hoặc khích lệ cho chết, nói rằng: "Ôi, này bạn, ích gì đời sống xấu xa ấy. Bạn nên chết đi tốt hơn" Hoặc với tác ý như vậy, tư duy như vậy, bằng mọi phương tiện khen ngợi cho chết, khích lệ cho chết. Người kia nếu do thế mà chết, tỳ kheo ấy là kẻ ba la di, không được sống chung.

4. Tỳ kheo nào, thật sự không chứng ngộ mà tự mình tuyên bố rằng: "Tôi đã chứng đắc pháp của bậc thượng nhân, tôi đã chứng nhập thánh trí, chứng nhập pháp thù thắng. Tôi biết pháp này, tôi thấy pháp này". Vì ấy vào lúc khác bị người cật vấn, hoặc không bị cật vấn, muốn cho được thanh tịnh nói như vậy: "Tôi thật sự không biết không thấy, nhưng đã nói là có biết có thấy. Đó là lời nói hư dối". Ngoại trừ tăng thượng mạn, tỳ kheo ấy là kẻ ba la di, không được sống chung.

Các Đại đức, tôi đã tụng xong bốn pháp ba la di. Tỳ kheo nào phạm bất cứ một pháp nào không còn được sống chung với các tỳ kheo. Cũng như trước kia, sau khi phạm cũng vậy, tỳ kheo ấy là kẻ ba la di, không được sống chung.

Nay hỏi các Đại đức trong đây có thanh tịnh không? (3 lần)

Các Đại đức trong đây thanh tịnh. Vì im lặng. Việc ấy tôi ghi nhận như vậy.

---o0o---

CHƯƠNG HAI

TẶNG GIÀ BÀ THI SA

Thưa các Đại đức, đây là mười ba pháp Tặng già bà thi sa, xuất từ Giới kinh, nửa tháng tụng một lần.

1. Tỳ kheo nào cố ý làm xuất tinh, trừ chiêm bao, tặng già bà thi sa.
2. Tỳ kheo nào, do dục tâm dồn nén, xúc chạm thân thể người nữ, hoặc nắm tay, hoặc nắm tóc, hoặc xúc chạm bất cứ một thân phần nào, tặng già bà thi sa.
3. Tỳ kheo nào do dục tâm dồn nén, nói lời thô tục về dâm dật với người nữ, tùy theo lời nói thô tục về dâm dật, tặng già bà thi sa.
4. Tỳ kheo nào, do dục tâm dồn nén, đối trước người nữ, tự khen thân mình "Này cô, tôi tu phạm hạnh, trì giới tinh tấn, tu tập pháp thiện, nên đem pháp dâm dục ấy cung phụng tôi, sự cung phụng ấy là bậc nhất", tặng già bà thi sa.
5. Tỳ kheo nào, qua lại người này người kia làm mai mối, đem ý người nam nói với người nữ, đem ý người nữ nói với người nam, hoặc để thành việc vợ chồng, hoặc để cho tư thông dầu trong chốc lát, tặng già bà thi sa.
6. Tỳ kheo nào, tự khát cầu để cát thát, không có thí chủ mà tự mình cát lấy, cần phải làm đúng lượng. Trong đây đúng lượng là dài mười hai gang tay Phật, bên trong rộng bảy gang tay Phật. Phải mời các tỳ kheo đến chỉ định nơi chốn. Các tỳ kheo ấy cần chỉ định nơi chốn, là nơi không có nguy hiểm, nơi không bị bít lối. Nếu tỳ kheo, nơi có nguy hiểm, nơi bị bít lối, tự khát

cầu để cất thắt không có thí chủ mà tự mình cất lấy, không mời các tỳ kheo đến chỉ định nơi chốn, hoặc làm quá lượng, tăng già bà thi sa.

7. Tỳ kheo nào muốn cất tịnh xá lớn, có thí chủ làm cho mình, cần phải mời các tỳ kheo khác đến chỉ định nơi chốn. Các tỳ kheo ấy cần chỉ định nơi chốn là nơi không có nguy hiểm, không bị bít lối. Nếu tỳ kheo, nơi có nguy hiểm, nơi bị bít lối, cất tịnh xá lớn, có thí chủ làm cho mình mà không mời các tỳ kheo chỉ định nơi chốn, tăng già bà thi sa.

8. Tỳ kheo nào, vì giận hờn, dựa lấy một phần tương tự của sự kiện khác, đối với tỳ kheo không phải là ba la di mà vu khống bằng pháp ba la di không căn cứ, muốn hủy hoại đời sống phạm hạnh của vị ấy. Về sau, dù bị cật vấn hay không bị cật vấn, sự việc ấy được biết là dựa lấy một phần tương tự của sự kiện khác, tỳ kheo này tự nói rằng: "Tôi vì thù hận nên nói như vậy". Tỳ kheo nào nói như vậy, tăng già bà thi sa.

10. Tỳ kheo nào, muốn phá hoại hòa hiệp tăng, tiến hành phá hòa hiệp tăng, chấp chặt pháp phá hòa hiệp tăng kiên trì không bỏ. Các tỳ kheo nên can gián tỳ kheo này rằng: "Đại đức, chớ phá hòa hiệp tăng, chớ tiến hành phá hòa hiệp tăng, chớ chấp chặt pháp phá hòa hiệp tăng kiên trì không bỏ. Đại đức nên cùng tăng hòa hiệp. Vì cùng tăng hòa hiệp, hoan hỷ không tranh chấp, đồng một thầy học, hòa hiệp như nước với sữa, thì ở trong Phật pháp có sự tăng ích, sống an lạc." Tỳ kheo ấy sau khi được can gián như vậy, vẫn kiên trì không bỏ, các tỳ kheo nên can gián ba lần cho bỏ sự ấy. Cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt nếu không bỏ, tăng già bà thi sa.

11. Hoặc có tỳ kheo có bè đảng, từ một, hai, hoặc ba cho đến vô số tỳ kheo. Các tỳ kheo bè đảng ấy nói với chúng tỳ kheo rằng: "Đại đức, chớ cản trở tỳ kheo ấy. Tỳ kheo ấy là tỳ kheo nói đúng pháp. Tỳ kheo ấy là tỳ kheo nói đúng luật. Những điều tỳ kheo ấy nói, chúng tôi ưa thích. Những điều tỳ kheo ấy nói, chúng tôi chấp nhận". Chúng tỳ kheo nên can gián các tỳ kheo bè đảng đó rằng: "Đại đức chớ nói như vậy: "Tỳ kheo ấy là tỳ kheo nói đúng pháp. Tỳ kheo ấy là tỳ kheo nói đúng luật. Những điều tỳ kheo ấy nói, chúng tôi ưa thích. Những điều tỳ kheo ấy nói, chúng tôi chấp nhận". Nhưng thật ra, tỳ kheo ấy là tỳ kheo nói phi pháp, là tỳ kheo nói phi luật. Đại đức, chớ phá hoại hòa hiệp tăng. Các ngài nên hoan hỷ hòa hiệp tăng. Đại đức cùng tăng hòa hiệp, hoan hỷ không tranh chấp, đồng một thầy học, hòa hiệp như nước với sữa, ở trong Phật pháp mới có sự tăng ích, sống an lạc. Các tỳ kheo bè đảng đó được can gián như vậy mà không bỏ, chúng tỳ kheo nên ba lần

can gián cho bỏ sự ấy. Cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt, nếu không bỏ, tặng già bà thi sa.

12. Tỳ kheo nào sống nương tựa nơi xóm làng hay thành ấp, mà làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu, sự làm hoen ố nhà người mọi người đều thấy đều nghe, hành vi xấu mọi người đều thấy đều nghe. Các tỳ kheo nên nói với tỳ kheo này rằng: "Đại đức là người làm hoen ố nhà người, là người có hành vi xấu, sự làm hoen ố nhà người mọi người đều thấy đều nghe. Đại đức, ngài làm hoen ố nhà người, có hành vi xấu, nay nên xa lánh xóm làng này, không nên sống ở đây nữa". Tỳ kheo này nói với các tỳ kheo rằng: "Đại đức, các tỳ kheo có tư vị, có thù nghịch, có sợ hãi, có si mê. Vì có tỳ kheo đồng tội như vậy mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi". Các tỳ kheo nên trả lời tỳ kheo ấy rằng: "Đại đức chớ nói rằng: Các tỳ kheo có tư vị, có thù nghịch, có sợ hãi, có si mê. Vì có tỳ kheo đồng tội như vậy mà có người bị đuổi, có người không bị đuổi. Nhưng sự thật các tỳ kheo không có tư vị, không có thù nghịch, không có sợ hãi, không có si mê. Mà vì Đại đức là người làm hoen ố nhà người có hành vi xấu. Sự làm hoen ố nhà người mọi người đều thấy đều nghe, hành vi xấu mọi người đều thấy đều nghe. Tỳ kheo ấy được can gián như vậy mà kiên trì không bỏ. Các tỳ kheo nên can gián ba lần cho bỏ sự ấy. Cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt, nếu không bỏ, tặng già bà thi sa.

13. Tỳ kheo nào, có tánh ngoan cố không nghe người khuyên, đã được các tỳ kheo khuyên can như pháp những điều trong học giới, tự thân không nhận lời can gián, lại nói "Các Đại đức chớ nói với tôi điều gì hoặc tốt hoặc xấu; tôi cũng không nói với các Đại đức điều gì hoặc tốt hoặc xấu. Các Đại đức, hãy thôi, chớ can gián tôi. Các tỳ kheo can gián các tỳ kheo ấy rằng: "Đại đức chớ tự thân không nhận lời can gián, Đại đức hãy tự thân nhận lời can gián. Đại đức như pháp can gián các tỳ kheo. Các tỳ kheo cũng như pháp can gián Đại đức. Như vậy, chúng đệ tử Phật được tăng ích, can gián lẫn nhau, phát lộ với nhau." Tỳ kheo ấy được can gián như vậy, kiên trì không bỏ. Các tỳ kheo nên can gián ba lần cho bỏ sự ấy. Cho đến ba lần can gián, bỏ thì tốt, nếu không bỏ, tặng già bà thi sa.

Các Đại đức, tôi đã tụng xong mười ba pháp tặng già bà thi sa. Chín giới đầu lần đầu làm tức thị phạm, bốn giới sau cho đến ba lần can gián. Tỳ kheo nào phạm bất cứ một pháp nào, biết mà che giấu, cần phải cưỡng bức cho ba lị bà sa. Hành ba lị bà sa xong, cho thêm sáu đêm ma na đỏa. Hành ma na đỏa xong, còn phải xuất tội. Cần phải giữa tăng gồm hai mươi vị để xuất tội của tỳ kheo ấy. Nếu thiếu một vị, không đủ chúng hai mươi người mà xuất tội,

thì tội của tỳ kheo ấy không được trừ, các tỳ kheo bị khiển trách, như thế là hợp thức.

Nay hỏi, các Đại đức trong đây thanh tịnh không? (3 lần).

Các Đại đức trong đây thanh tịnh. Vì im lặng. Việc ấy tôi ghi nhận như vậy.

---o0o---

CHƯƠNG BA

PHÁP BẤT ĐỊNH

Thưa các Đại đức, đây là hai pháp Bất định xuất từ Giới kinh, nửa tháng tụng một lần.

1. Tỳ kheo nào, cùng với một người nữ một mình ngồi tại chỗ khuất, chỗ kín, chỗ có thể hành dâm, nói lời phi pháp. Có vị Ưu bà di trụ tín nói một pháp nào trong ba pháp, hoặc ba la di, hoặc tăng già bà thi sa, hoặc ba dật đề, và tỳ kheo ngồi ấy tự xác nhận rằng "Tôi phạm tội ấy", vậy cần xử trị một trong ba pháp, hoặc ba la di, hoặc tăng già bà thi sa, hoặc ba dật đề, đúng như lời vị Ưu bà di trụ tín. Cần phải như pháp xử trị tỳ kheo ấy. Đây gọi là pháp bất định.

2. Tỳ kheo nào cùng với một người nữ ngồi tại chỗ trống, chỗ không thể hành dâm, nói lời thô tục. Có vị Ưu bà di trụ tín nói một trong hai pháp hoặc tăng già bà thi sa, hoặc ba dật đề, và tỳ kheo ấy ngồi tự xác nhận: "Tôi phạm tội ấy", vậy cần xử trị một trong hai pháp hoặc tăng già bà thi sa, hoặc ba dật đề đúng như lời vị Ưu bà di trụ tín. Cần phải như pháp xử trị tỳ kheo ấy. Đây gọi là pháp bất định.

Các Đại đức, tôi đã tụng hai pháp bất định.

Nay hỏi, các Đại đức trong đây có thanh tịnh không? (3 lần)

Các Đại đức trong đây thanh tịnh, vì im lặng. Việc ấy tôi ghi nhận như vậy.

---o0o---

CHƯƠNG BỐN

NI TÁT KỲ BA DẬT ĐỀ

Thưa các Đại đức, đây là ba mươi pháp Ni tát kỳ ba dật đề xuất từ Giới kinh, mỗi nửa tháng tụng một lần.

1. Tỳ kheo nào, y đã xong, ca thi na y đã xả, chứa y dư trong mười ngày, không tịnh thí được phép cất, nếu quá mười ngày, ni tát kỳ ba dật đề.

2. Tỳ kheo nào, y đã xong, ca thi na y đã xả, lìa một trong ba y ngủ đêm chỗ khác, trừ tăng yết ma, ni tát kỳ ba dật đề.

3. Tỳ kheo nào, y đã xong, ca thi na y đã xả, nếu tỳ kheo được vải phi thời, cần thì nhận, nhận xong nhanh chóng may thành y, đủ thì tốt, không đủ thì được phép cất một tháng vì đợi cho đủ, nếu cất quá hạn, ni tát kỳ ba dật đề.

4. Tỳ kheo nào, thọ nhận y từ tỳ kheo ni không phải thân quyến, trừ đôi chác, ni tát kỳ ba dật đề.

5. Tỳ kheo nào, khiến tỳ kheo ni không phải thân quyến giặt y cũ, hoặc nhuộm, hoặc đập, ni tát kỳ ba dật đề.

6. Tỳ kheo nào, xin y từ cư sĩ hay vợ cư sĩ không phải thân quyến, ni tát kỳ ba dật đề, trừ trường hợp đặc biệt. Trường hợp đặc biệt là nếu tỳ kheo y bị cướp, y bị mất, y bị cháy, y bị nước cuốn. Đây gọi là trường hợp đặc biệt.

7. Tỳ kheo nào, y bị cướp, y bị mất, y bị cháy, y bị nước cuốn, nếu có cư sĩ hay vợ cư sĩ không phải thân quyến đem cho nhiều y yêu cầu tùy ý nhận, tỳ kheo ấy nên biết đủ mà nhận y, nếu nhận quá, ni tát kỳ ba dật đề.

8. Tỳ kheo nào, có cư sĩ hay vợ cư sĩ không phải thân quyến vì tỳ kheo để dành tiền sắm y, nghĩ rằng: "Mua y như thế cho tỳ kheo có tên như thế". Tỳ kheo ấy, trước không được yêu cầu tùy ý mà đi đến nhà cư sĩ, nói như vậy: "Lành thay, cư sĩ, nên vì tôi mua y như vậy, như vậy cho tôi. Vì muốn đẹp, nếu nhận được y, ni tát kỳ ba dật đề.

9. Tỳ kheo nào, có hai cư sĩ hay vợ cư sĩ để dành tiền sắm y cho tỳ kheo, đều nghĩ rằng: "Mang tiền sắm y như thế để mua y như thế, cho tỳ kheo có tên như thế. Tỳ kheo ấy, trước chưa nhận được sự yêu cầu tùy ý của hai nhà cư sĩ, mà đi đến hai nhà cư sĩ, nói như vậy: "Lành thay dành số tiền may y như thế cho tôi, hãy chung lại làm một y, vì muốn đẹp, nếu nhận được y, ni tát kỳ ba dật đề.

10. Tỳ kheo nào, vua hoặc đại thần, hoặc bà la môn hoặc cư sĩ hay vợ cư sĩ, sai sứ mang tiền đến tỳ kheo nói rằng: "Cần số tiền như thế sắm y cho tỳ kheo có tên như thế". Người ấy đến chỗ tỳ kheo nói với tỳ kheo: "Đại đức, nay tiền sắm y này được gửi đến ngài, ngài hãy nhận". Tỳ kheo ấy có thể nói với sứ giả này rằng: "Tôi không được phép nhận tiền may y này. Khi nào cần y hợp thời và thanh tịnh, tôi sẽ nhận". Người sứ này có thể hỏi tỳ kheo rằng "Đại đức có người chấp sự không?" Tỳ kheo cần y có thể chỉ một tịnh nhân tăng già lam, hoặc một ưu bà tắc, nói rằng: "Đó là người chấp sự của tỳ kheo, thường chấp sự cho các tỳ kheo". Bấy giờ người ấy tự đi đến chỗ người chấp sự trao tiền sắm y rồi trở lại chỗ tỳ kheo nói như vậy: "Đại đức, tôi đã trao tiền sắm y cho người chấp sự mà ngài chỉ. Đại đức khi nào cần, hãy đến người ấy sẽ được y". Tỳ kheo cần y sẽ đi đến chỗ người chấp sự, hoặc hai hoặc ba lần khiến cho nhớ lại bằng cách nói rằng: "Tôi cần y". Hoặc hai hoặc ba lần khiến nhớ lại, nếu được y thì tốt, bằng không được y thì lần thứ tư, thứ năm, lần thứ sáu, đứng im lặng trước người ấy, được y thì tốt, bằng không được y mà có cầu quá số lần ấy, nếu được y, ni tát kỳ ba dật đề. Nếu không được y, tự mình hoặc sai người đến chỗ đưa tiền sắm y nói rằng: "Ngài trước sai người cầm tiền sắm y cho tỳ kheo tên như vậy. Tỳ kheo ấy cuối cùng không được y. Ngài hãy lấy lại, đừng để mất". Như vậy là hợp thức.

11. Tỳ kheo nào trộm tơ tầm sống làm ngọa cụ mới, ni tát kỳ ba dật đề.

12. Tỳ kheo nào, làm ngọa cụ mới bằng lông dê toàn đen, ni tát kỳ ba dật đề.

13. Tỳ kheo nào, làm ngọa cụ mới phải dùng hai phần lông dê toàn đen, phần thứ ba trắng, phần thứ tư xám. Nếu tỳ kheo không dùng hai phần đen, thứ ba trắng, phần thứ tư xám làm ngọa cụ mới, ni tát kỳ ba dật đề.

14. Tỳ kheo nào, làm ngọa cụ mới phải trì sáu năm; chưa đủ sáu năm, không xả mà làm thêm cái mới, trừ Tăng yết ma, ni tát kỳ ba dật đề.

15. Tỳ kheo nào, làm tọa cụ mới, phải lấy một miếng của cái cũ vuông vức một gang tay đắp lên cái mới để cho hoại sắc. Nếu tỳ kheo làm tọa cụ mới không lấy một miếng của cái cũ vuông vức một gang tay đắp lên cái mới để cho hoại sắc, ni tát kỳ ba dật đề.

16. Tỳ kheo nào, khi đi đường gặp lông dê, nếu cần dùng, không có người cầm, được phép tự cầm đi cho đến ba do tuần. Nếu không có người cầm, tự mình cầm đi quá ba do tuần, ni tát kỳ ba dật đề.

17. Tỳ kheo nào, sai tỳ kheo ni không phải thân quyền giặt, nhuộm hay chải lông dê, ni tát kỳ ba dật đề.

18. Tỳ kheo nào, tự tay cầm tiền, hoặc vàng bạc, hoặc người cầm, hoặc đi xuống đất mà nhận, ni tát kỳ ba dật đề.

19. Tỳ kheo nào, đổi chác bảo vật dưới mọi hình thức, ni tát kỳ ba dật đề.

20. Tỳ kheo nào, buôn bán dưới mọi hình thức, ni tát kỳ ba dật đề.

21. Tỳ kheo nào, chứa bát dư không tịnh thí, được phép chứa trong hạn mười ngày, quá hạn, ni tát kỳ ba dật đề.

22. Tỳ kheo nào, có bát rạn nứt dưới năm chỗ không chảy rỉ lại tìm xin bát mới, vì muốn đẹp, ni tát kỳ ba dật đề. Tỳ kheo ấy phải đến giữa Tăng mà xả. Tăng lần lượt đổi, lấy bát xấu nhất đưa cho, khiến trì cho đến vỡ. Như vậy là hợp thức.

23. Tỳ kheo nào, tự mình xin chỉ sợi, khiến thợ dệt không phải thân quyền dệt làm ba y, ni tát kỳ ba dật đề.

24. Tỳ kheo nào, có cư sĩ hay vợ cư sĩ khiến thợ dệt vì tỳ kheo dệt làm ba y. Tỳ kheo kia, trước chưa được yêu cầu tùy ý, liền đến chỗ thợ dệt nói rằng: "Y này vốn làm cho tôi. Hãy dệt thật khéo, khiến cho rộng lớn bền chắc, tôi sẽ cho người ít nhiều tiền". Tỳ kheo ấy cho tiền, dù chỉ đáng giá bằng một bữa ăn, nếu được y, ni tát kỳ ba dật đề.

25. Tỳ kheo nào, trước cho người khác y, sau vì giận hờn, tự mình đoạt hay sai người đoạt lấy, nói rằng: "Hãy trả lại tôi, tôi không cho ngài". Nếu tỳ kheo kia trả y, tỳ kheo này nhận lấy, ni tát kỳ ba dật đề.

26. Tỳ kheo nào có bệnh, các loại thuốc dài hạn như tô, dầu, sanh tô, mật ong, thạch mật, trong thời hạn bảy ngày được phép dùng, nếu quá bảy ngày còn dùng, ni tát kỳ ba dật đề.

27. Tỳ kheo nào, xuân còn một tháng, có thể xin áo tắm mưa, còn lại nửa tháng, có thể dùng tắm. Nếu tỳ kheo quá trước một tháng xin áo tắm mưa, quá trước nửa tháng dùng tắm, ni tát kỳ ba dật đề.

28. Tỳ kheo nào, còn mười ngày nữa mới hết ba tháng hạ, các tỳ kheo được y cấp thí, tỳ kheo biết đó là y cấp thí, có thể thọ nhận, thọ xong, có thể chứa cho đến thời của y, nếu chứa quá hạn, ni tát kỳ ba dật đề.

29. Tỳ kheo nào, hạ ba tháng đã hết, một tháng hậu ca đề cũng mãn, sống tại a lan nhã, ở chỗ có nghi ngờ, có sợ hãi, tỳ kheo sống tại trú xứ như thế, trong ba y, có thể lưu một y để lại trong nhà dân, các tỳ kheo có nhân duyên được lìa y, ngủ cho đến sáu đêm, nếu quá, ni tát kỳ ba dật đề.

30. Tỳ kheo nào, biết đó là một vật thuộc Tăng mà tự xoay về cho mình, ni tát kỳ ba dật đề.

Nay hỏi các Đại đức trong đây có thanh tịnh không? (3 lần)

Các Đại đức trong đây thanh tịnh. Vì im lặng. Việc ấy tôi ghi nhận như vậy.

---o0o---

CHƯƠNG NĂM

BA DẬT ĐỀ

Thưa các Đại đức, đây là chín mươi pháp Ba dật đề, xuất từ Giới kinh, nửa tháng tụng một lần.

1. Tỳ kheo nào, cố ý nói dối, ba dật đề.
2. Tỳ kheo nào, nói lời nhục mạ bằng các chủng loại, ba dật đề.
3. Tỳ kheo nào, nói hai lưỡi, ba dật đề.
4. Tỳ kheo nào, ngủ cùng nhà với phụ nữ, ba dật đề.
5. Tỳ kheo nào, ngủ cùng phòng với người chưa thọ đại giới quá hai đêm, ba dật đề.
6. Tỳ kheo nào, cùng tụng đọc với người chưa thọ đại giới, ba dật đề.
7. Tỳ kheo nào, biết vị khác có tội thô ác, đem nói với người chưa thọ đại giới, trừ Tăng kiết ma, ba dật đề.

8. Tỳ kheo nào, nói pháp thượng nhân với người thọ cụ túc giới rằng: "Tôi thấy thế, tôi biết thế", nếu lời ấy là sự thật, ba dật đề.
9. Tỳ kheo nào, thuyết pháp cho một người nữ quá năm, sáu lần (lời), trừ phi có mặt người nam có trí, ba dật đề.
10. Tỳ kheo nào, tự tay đào đất hoặc bảo người đào, ba dật đề.
11. Tỳ kheo nào, phá hoại cây cỏ, ba dật đề.
12. Tỳ kheo nào, cố ý nói quanh làm phiền Tăng, ba dật đề.
13. Tỳ kheo nào, biếm nhẽ (tri sự tăng), ba dật đề.
14. Tỳ kheo nào, lấy giường nằm, ghé ngồi hoặc ngoạ cụ, đệm ngồi của Tăng bày ra chỗ đất trống, hoặc khiến người bày, rồi bỏ đi không tự mình cất, không khiến người cất, ba dật đề.
15. Tỳ kheo nào, ở trong phòng của Tăng, trải ngoạ cụ của Tăng, tự mình trải hay khiến người trải, hoặc ngồi hoặc nằm, khi đi, không tự mình cất, không khiến người cất, ba dật đề.
16. Tỳ kheo nào, biết là trú xứ của tỳ kheo đến trước, mình đến sau, chen vào giữa trải ngoạ cụ ngủ, với ý nghĩ rằng: "Vị ấy nếu hiềm chật sẽ tự lánh ta mà bỏ đi" làm với nhân duyên này chứ không gì khác, không phải oai nghi khác, ba dật đề.
17. Tỳ kheo nào, giận hờn, không ưa tỳ kheo khác, tự mình lôi kéo ra khỏi tăng phòng, hay khiến người khác lôi ra, ba dật đề.
18. Tỳ kheo nào, hoặc tại tăng phòng, hoặc trên tầng gác, nằm hay ngồi trên giường ghé bằng chân lấp, ba dật đề.
19. Tỳ kheo nào, biết nước có trùng, hoặc tự mình tưới lên cỏ trơn đất bùn, hoặc khiến người tưới, ba dật đề.
20. Tỳ kheo nào, làm tịnh xá lớn, có cửa cánh cửa sổ và các thức trang sức khác, chỉ bảo người lợp tranh chùng hai ba lớp, nếu quá, ba dật đề.
21. Tỳ kheo nào, không được tăng sai mà giáo thọ tỳ kheo ni, ba dật đề.

22. Tỳ kheo nào, được tặng sai, nhưng giáo thọ tỳ kheo ni cho đến mặt trời lặn, ba dật đề.
23. Tỳ kheo nào, nói với các tỳ kheo như vậy: "Tỳ kheo vì sự ăn uống mà giáo thọ tỳ kheo ni", ba dật đề.
24. Tỳ kheo nào, cho y tỳ kheo ni không phải thân quyến, trừ trao đổi, ba dật đề.
25. Tỳ kheo nào, may y cho tỳ kheo ni không phải thân quyến, ba dật đề.
26. Tỳ kheo nào, ngồi với tỳ kheo ni ở chỗ kín đáo, ba dật đề.
27. Tỳ kheo nào, cùng với tỳ kheo ni đi chung một đường, từ một xóm đến một xóm, trừ trường hợp đặc biệt, ba dật đề. Trường hợp đặc biệt là cùng đi với khách buôn, hoặc nghi ngờ có nguy hiểm. Đây gọi là trường hợp đặc biệt.
28. Tỳ kheo nào, cùng với tỳ kheo ni hẹn đi chung một thuyền, đi ngược dòng hay xuôi dòng, trừ qua đò ngang, ba dật đề.
29. Tỳ kheo nào, ăn đồ ăn mà biết là có được do sự tán thán, giáo hóa của tỳ kheo ni, trừ đàn việt có ý trước, ba dật đề.
30. Tỳ kheo nào, cùng với phụ nữ hẹn cùng đi chung một đường, dù chỉ trong quãng xóm, ba dật đề.
31. Tỳ kheo nào, tại phước xá cúng một bữa, tỳ kheo không bình chỉ nên ăn một lần, nếu thọ nhận quá, ba dật đề.
32. Tỳ kheo nào, ăn nhiều lần, trừ các trường hợp khác, ba dật đề. Các trường hợp khác là khi bệnh, khi cúng y. Đây gọi là trường hợp khác.
33. Tỳ kheo nào, ăn biệt chúng, trừ các trường hợp khác, ba dật đề. Các trường hợp khác là khi bệnh, khi làm y, khi cúng y, khi đi đường, khi đi thuyền, khi đại chúng tập hội, khi sa môn mới ăn. Đây gọi là các trường hợp khác.
34. Tỳ kheo nào, đi đến nhà bạch y, họ dâng cho tỳ kheo bánh, hoặc bột, hoặc cơm, nếu cần dùng, nên thọ hai hoặc ba bát, trở về trong tăng già lam

nên chia cho các tỳ kheo khác. Nếu tỳ kheo không bịnh, thọ lãnh quá hai ba bát, mang về trong tăng già lam, không chia cho các tỳ kheo khác, ba dật đề.

35. Tỳ kheo nào, ăn đã đủ, hoặc khi được mời thêm, không làm pháp dư thực mà ăn nữa, ba dật đề.

36. Tỳ kheo nào, biết tỳ kheo kia ăn đã đủ, nếu được mời thêm, không làm phép dư thực mà ân cần mời vị kia ăn, nói rằng: "Trưởng lão, hãy dùng món ăn này" chỉ với mục đích này chứ không gì khác, tức là muốn người khác phạm, ba dật đề.

37. Tỳ kheo nào, ăn phi thời, ba dật đề.

38. Tỳ kheo nào, ăn thức ăn cách đêm, ba dật đề.

39. Tỳ kheo nào, đưa vào miệng thức ăn hoặc thuốc không được mời, trừ nước và tắm, ba dật đề.

40. Các thứ ẩm thực mỹ vị như sữa, lạc, cá và thịt, tỳ kheo nào không bịnh mà xin những thứ ẩm thực mỹ vị ấy cho mình, ba dật đề.

41. Tỳ kheo nào, tự tay cho thức ăn đến nam ngoại đạo, nữ ngoại đạo, ba dật đề.

42. Tỳ kheo nào, trước đã nhận lời mời, nhưng trước hay sau bữa ăn đi đến nhà khác mà không báo cho tỳ kheo khác biết, trừ trường hợp đặc biệt, ba dật đề. Trường hợp đặc biệt là khi bịnh, thời gian làm y, thời gian thí y. Đây là trường hợp đặc biệt.

43. Tỳ kheo nào, trong nhà mình thọ thực có vật báu mà cố nén ngòi, ba dật đề.

44. Tỳ kheo nào, trong nhà mình thọ thực có vật báu mà ngòi ở chỗ kín, ba dật đề.

45. Tỳ kheo nào, một mình ngòi với một người nữ tại chỗ trống, ba dật đề.

46. Tỳ kheo nào, nói với tỳ kheo khác như vậy: "Đại đức hãy cùng tôi đi đến xóm ấy, tôi sẽ cho thức ăn đến ngài". Tỳ kheo ấy rút lại không khiến cho thức ăn đến tỳ kheo kia, lại nói rằng: "Ngài hãy đi chỗ khác. Tôi không thích nói chuyện hay ngòi một chỗ với ngài. Tôi thích ngòi một mình, nói chuyện

một mình" chỉ với mục đích ấy chứ không gì khác là cố tình đuổi đi, ba dật đề.

47. Tỳ kheo được thỉnh cầu thọ nhận thuốc bốn tháng. Tỳ kheo không bệnh có thể nhận, nếu quá hạn mà nhận, trừ có sự thỉnh thường xuyên, thỉnh thêm nữa, thỉnh phần riêng, thỉnh suốt đời, ba dật đề.

48. Tỳ kheo nào, đi xem quân đội bố trận, ba dật đề, trừ có nhân duyên hợp thời.

49. Tỳ kheo nào, có nhân duyên được phép đến trong quân đội ngủ lại hai đêm, ba đêm, nếu quá, ba dật đề.

50. Tỳ kheo nào, ở trong quân đội hai đêm, ba đêm, hoặc đi xem quân đội bố trận, chiến đấu, hoặc xem thế lực quân đội, quân voi, quân ngựa (diễn tập), ba dật đề.

51. Tỳ kheo nào, uống rượu, ba dật đề.

52. Tỳ kheo nào, đùa giỡn trong nước, ba dật đề.

53. Tỳ kheo nào, lấy ngón tay thọc léc người khác, ba dật đề.

54. Tỳ kheo nào, không nhận lời can gián, ba dật đề.

55. Tỳ kheo nào, dọa tỳ kheo khác, ba dật đề.

56. Tỳ kheo nào, nửa tháng tắm một lần, tỳ kheo không bệnh nên thọ, nếu quá, trừ trường hợp đặc biệt, ba dật đề. Trường hợp đặc biệt là thời tiết nóng, khi bệnh, khi lao tác, khi gió và mưa, khi đi đường. Đó là các trường hợp đặc biệt.

57. Tỳ kheo không bệnh, để sưởi ấm, tự mình đốt lửa tại đất trống, hoặc bảo người đốt, trừ có nhân duyên, ba dật đề.

58. Tỳ kheo nào, giấu y bát, tọa cụ, ống đựng kim của tỳ kheo khác, tự mình giấu hoặc bảo người giấu, dù chỉ giỡn chơi, ba dật đề.

59. Tỳ kheo nào, đã cho y cho tỳ kheo, tỳ kheo ni, thức xoa ma na, sa di, sa di ni, về sau không nói với chủ, lấy lại mà mặc, ba dật đề.

60. Tỳ kheo nào, được y mới tùy ý dùng một trong ba màu hoặc là xanh, hoặc đen, hoặc mặc lan làm cho hoại sắc, nếu không làm hoại sắc mà mặc nguyên mới, ba dật đề.

61. Tỳ kheo nào, cố ý giết chết mạng sống súc sanh, ba dật đề.

62. Tỳ kheo nào, biết nước có trùng mà uống hoặc dùng, ba dật đề.

63. Tỳ kheo nào, cố ý gây phiền muộn cho các tỳ kheo khác, khiến cho không vui dù chỉ trong chốc lát, ba dật đề.

64. Tỳ kheo nào, biết tỳ kheo khác phạm tội mà cố ý che giấu, ba dật đề.

65. Người tuổi đủ hai mươi nên cho thọ đại giới, nếu tỳ kheo biết người chưa đủ tuổi hai mươi mà cho thọ đại giới, người ấy không đắc giới, tỳ kheo ấy đáng bị khiển trách, vì ngu si, ba dật đề.

66. Tỳ kheo nào, biết tránh sự đã được như pháp giải quyết rồi, sau đó lại khơi dậy, ba dật đề.

67. Tỳ kheo nào, biết đó là đồng bọn giặc cướp, mà giao hẹn cùng đi chung một đường, dù chỉ trong khoảng một xóm đến một xóm, ba dật đề.

68. Tỳ kheo nào, nói như vậy: "Tôi biết rằng, theo pháp mà Phật dạy, hành dâm dục không phải là pháp chương đạo". Các tỳ kheo kia nên can gián tỳ kheo này rằng: "Đại đức chớ nói như vậy, chớ xuyên tạc Thế Tôn, xuyên tạc Thế Tôn là không tốt. Thế Tôn không nói như vậy. Thế Tôn bằng vô số phương tiện nói rằng phạm dâm dục là pháp chương đạo". Khi các tỳ kheo can gián, tỳ kheo này vẫn kiên trì không bỏ. Các tỳ kheo can gián đến ba lần cho bỏ sự ấy. Sau ba lần can gián, bỏ thì tốt, nếu không bỏ, ba dật đề.

69. Tỳ kheo nào, biết người nói lời như thế chưa được tác pháp (giải), tà kiến như thế chưa bỏ, lại cung cấp nhu yếu, cùng kiết ma, cùng ngủ, cùng nói chuyện, ba dật đề.

70. Tỳ kheo nào, biết sa di nói như vậy: "Tôi nghe pháp tử đức Phật nói rằng: hành dâm dục không phải là pháp chương đạo". Các tỳ kheo nên can gián sa di ấy như vậy: "Người chớ xuyên tạc Thế tôn, xuyên tạc Thế tôn là không tốt. Thế tôn không nói như vậy. Nay sa di, Thế tôn bằng vô số phương tiện nói rằng hành dâm là pháp chương đạo" Khi các tỳ kheo can gián sa di ấy, mà kiên trì không bỏ, thì các tỳ kheo phải can gián ba lần cho

bỏ sự ấy. Cho đến ba lần can gián mà bỏ thì tốt, nếu không bỏ, các tỳ kheo nên nói với sa di ấy rằng: "Người từ nay trở đi hãy đi khỏi đây, không được nói rằng đức Phật là Thế tôn của tôi. Không được đi theo các tỳ kheo khác. Như các sa di được phép ngủ hai, ba đêm cùng với các tỳ kheo, nhưng người nay không có sự kiện ấy. Người hãy ra khỏi đây, hãy đi khuất chỗ này, không được sống ở đây nữa". Nếu tỳ kheo biết sa di đã bị đuổi giữa chúng như vậy, mà dụ đem về nuôi dưỡng, cùng ngủ chung, ba dật đề.

71. Tỳ kheo nào, khi được các tỳ kheo như pháp can gián lại nói rằng: "Thưa Đại đức, tôi nay không học điều giới này, trừ khi tôi hỏi vị tỳ kheo trì luật có trí khác", ba dật đề. Nếu muốn biết, muốn học thì nên hỏi.

72. Tỳ kheo nào, khi tụng giới nói như vậy: "Đại đức, nói những giới vụn vặt ấy có ích lợi gì? Khi nói giới ấy chỉ làm cho người ta phiền muộn, xấu hổ, hoài nghi, vì coi nhẹ và chê bai giới, ba dật đề.

73. Tỳ kheo nào, khi tụng giới nói như vậy: "Nay tôi mới biết pháp này ghi trong giới kinh, mỗi nửa tháng tụng một lần, xuất từ giới kinh". Các tỳ kheo khác biết tỳ kheo này đã từng ngồi dự tụng giới hoặc hai hoặc ba lần, huống nữa là nhiều lần. Tỳ kheo ấy vì không biết nên không tránh khỏi tội, nếu có phạm tội, thì phải được xử trị như pháp, rồi lại chòng thêm tội không hiểu biết, rằng: "Trường lão, thật không ích lợi gì cho ngài, không có sở đắc tốt đẹp gì cho ngài, vì trong khi tụng giới ngài không dụng tâm, không nhất niệm lắng tai nghe pháp", vị ấy vì không hiểu biết, ba dật đề.

74. Tỳ kheo nào, sau khi đã cùng chung yết ma lại nói như vậy: "Các tỳ kheo theo chỗ thân cận mà cho vật của tăng", ba dật đề.

75. Tỳ kheo nào, khi chúng tăng giải quyết sự việc chưa xong, không dữ dục mà đứng dậy bỏ đi, ba dật đề.

76. Tỳ kheo nào, đã dữ dục, sau đó tỏ sự bất bình, ba dật đề.

77. Tỳ kheo nào, sau khi hai tỳ kheo tranh cãi nhau, nghe lời người này đem nói với người kia, ba dật đề.

78. Tỳ kheo nào, vì giận hờn, không hoan hỷ, đánh tỳ kheo khác, ba dật đề.

79. Tỳ kheo nào, vì giận hờn, không hoan hỷ, hoa tay đánh tỳ kheo khác, ba dật đề.

80. Tỳ kheo nào, vì giận hờn, vu khống tỳ kheo khác bằng pháp tăng già ba thi sa không căn cứ, ba dật đề.

81. Tỳ kheo nào, khi nhà vua quán đánh thuộc dòng Sát đế lị chưa ra khỏi (chỗ ngủ), khi bảo vật chưa được thu cất mà vào cung vua, bước qua khỏi ngạch cửa, ba dật đề.

82. Tỳ kheo nào, tự mình cầm nắm bảo vật hay đồ trang sức bằng bảo vật, hoặc bảo người cầm nắm, trừ ở trong tăng già lam hay chỗ ký túc, ba dật đề. Nếu tùy theo khi ở trong tăng già lam hay chỗ ký túc mà tự mình cầm nắm bảo vật hay đồ trang sức bằng bảo vật hoặc bảo người cầm, nên nghĩ như vậy: "Nếu sở hữu chủ nhận ra sẽ lấy lại". Chỉ với nhân duyên ấy chứ không gì khác.

83. Tỳ kheo nào, vào xóm phi thời mà không báo cho tỳ kheo khác biết, ba dật đề.

84. Tỳ kheo làm giường hoặc ghế, chân phải cao bằng tám ngón tay của Như lai, đã trừ phần từ lỗ mộng đề ráp thành giường trở lên, nếu quá, ba dật đề, phải cắt bỏ.

85. Tỳ kheo nào, dùng bông đầu la dòn làm nệm lớn, nệm nhỏ lót giường, ghế, dòn thành, ba dật đề.

86. Tỳ kheo nào, dùng xương, ngà, sừng làm ống đựng kim, khoét và đục thành, ba dật đề.

87. Tỳ kheo nào, làm ni sư đàn, cần phải đúng lượng. Trong đây đúng lượng là dài hai gang tay và rộng một gang rưỡi tay Phật, rồi thêm dài và rộng nửa gang nữa làm lè, nếu quá, ba dật đề, phải cắt bỏ.

88. Tỳ kheo làm y che ghế, cần phải làm đúng lượng. Trong đây đúng lượng là bề dài bốn gang và rộng hai gang tay Phật, nếu quá, ba dật đề, phải cắt bỏ.

89. Tỳ kheo làm y tắm mưa, cần phải làm đúng lượng. Trong đây đúng lượng là bề dài sáu gang và rộng hai gang tay Phật, nếu quá, ba dật đề, phải cắt bỏ.

90. Tỳ kheo nào may y bằng lượng y của Như lai, hoặc may quá lượng ấy, ba dật đề. Trong đây, lượng y của Như lai là dài mười gang và rộng sáu gang tay Phật. Đây gọi là lượng y của Như lai.

Thưa các Đại đức, tôi đã tụng xong chín mươi pháp ba dật đề.

Nay hỏi các Đại đức trong đây có thanh tịnh không? (3 lần).

Các Đại đức trong đây thanh tịnh. Vì im lặng. Việc ấy tôi ghi nhận như vậy.

---o0o---

CHƯƠNG SÁU

BA LA ĐỀ ĐỀ XÁ NI

Thưa các Đại đức, đây là bốn pháp Ba la đề đề xá ni xuất từ Giới kinh, mỗi nửa tháng tụng một lần.

1. Tỳ kheo vào thôn xóm, nếu không bệnh mà tự tay nhận thức ăn từ tỳ kheo ni không phải thân quyến, và ăn, tỳ kheo ấy cần phải đối trước tỳ kheo khác mà phát lộ rằng: "Bạch Đại đức, tôi phạm pháp đáng khiển trách, làm điều không đáng làm. Nay đối trước Đại đức xin phát lộ sám hối". Đây gọi là pháp hồi quá.

2. Tỳ kheo ăn trong nhà bạch y, trong đó có một tỳ kheo ni chỉ bảo rằng: "Mang canh cho vị này, dâng cơm cho vị kia". Tỳ kheo nên nói với tỳ kheo ni ấy rằng: "Này sư cô, hãy thôi. Hãy để yên các tỳ kheo thọ thực". Nếu không có tỳ kheo nào nói với tỳ kheo ni ấy rằng: "Này sư cô, hãy thôi. Hãy để yên các tỳ kheo thọ thực". Tỳ kheo ấy cần phải phát lộ rằng: "Bạch Đại đức, tôi phạm pháp đáng khiển trách, làm điều không đáng làm. Nay tôi đối trước Đại đức xin phát lộ sám hối". Đây gọi là pháp hồi quá.

3. Có các gia đình mà Tăng trước đã tác pháp kiết ma học gia, tỳ kheo nào biết đó là học gia, trước không được thỉnh, lại không bệnh, tự tay nhận thức ăn và ăn, tỳ kheo ấy cần đối trước tỳ kheo khác phát lộ rằng: "Tôi phạm pháp đáng khiển trách, làm điều không đáng làm. Nay tôi đối trước Đại đức xin phát lộ sám hối". Đây gọi là pháp hồi quá.

4. Tỳ kheo ở tại a lan nhã xa xôi, có nghi ngờ, đáng sợ hãi, tỳ kheo nào sống tại a lan nhã như vậy, trước không nói cho đàn việt biết, nếu không thọ nhận thức ăn bên ngoài tăng già lam, trái lại, không bệnh mà ở bên trong tăng già lam tự tay nhận thức ăn thì cần phải đối trước tỳ kheo khác mà phát lộ rằng: "Bạch Đại đức tôi phạm pháp đáng khiển trách, làm điều không đáng làm. Nay tôi đối trước Đại đức xin phát lộ sám hối". Đây gọi là pháp hồi quá.

Thưa các Đại đức, tôi đã tụng xong bốn pháp ba la đề đề xá ni.

Nay hỏi các Đại đức trong đây có thanh tịnh không? (3 lần).

Các Đại đức trong đây thanh tịnh. Vì im lặng. Việc ấy tôi ghi nhận như vậy.

---o0o---

CHƯƠNG BẢY

PHÁP CHÚNG HỌC

Thưa các Đại đức, đây là một trăm pháp Chúng học xuất từ Giới kinh, mỗi nửa tháng tụng một lần.

1. Phải bận niết bàn tăng cho tề chỉnh, cần phải học.
2. Phải khoác ba y cho tề chỉnh, cần phải học.
3. Không nên vắt ngược y khi đi vào nhà bạch y, cần phải học.
4. Không nên vắt ngược y khi ở trong nhà bạch y, cần phải học.
5. Không nên quấn y nơi cổ khi đi vào nhà bạch y, cần phải học.
6. Không nên quấn y nơi cổ khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học.
7. Không nên trùm đầu khi đi vào nhà bạch y, cần phải học.
8. Không nên trùm đầu khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học.
9. Không nên nhảy nhót khi đi vào nhà bạch y, cần phải học.
10. Không nên nhảy nhót khi ở trong nhà bạch y, cần phải học.
11. Không nên ngồi chồm hồm trong nhà bạch y, cần phải học.
12. Không nên chống nạnh khi đi vào nhà bạch y, cần phải học.
13. Không nên chống nạnh khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học.
14. Không nên uốn éo thân mình khi đi vào nhà bạch y, cần phải học.

15. Không nên uốn éo thân mình khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học.
16. Không nên đánh đồng xa khi đi vào nhà bạch y, cần phải học.
17. Không nên đánh đồng xa khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học.
18. Phải trùm kín thân thể khi đi vào nhà bạch y, cần phải học.
19. Phải trùm kín thân thể khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học.
20. Không nên nhìn ngấm ngang dọc khi đi vào nhà bạch y, cần phải học.
21. Không nên nhìn ngấm ngang dọc khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học.
22. Phải khẽ tiếng khi đi vào nhà bạch y, cần phải học.
23. Phải khẽ tiếng khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học.
24. Không được cười cợt khi đi vào nhà bạch y, cần phải học.
25. Không được cười cợt khi ngồi trong nhà bạch y, cần phải học.
26. Phải dụng ý khi thọ nhận thức ăn, cần phải học.
27. Thọ nhận thức ăn vừa ngang bát, cần phải học.
28. Thọ nhận canh vừa ngang bát, cần phải học.
29. Ăn cơm và canh đồng đều, cần phải học.
30. Theo thứ lớp mà ăn, cần phải học.
31. Không nên moi giữa bát mà ăn, cần phải học.
32. Tỳ kheo không bịnh, không được vì mình yêu sách cơm canh, cần phải học.
33. Không nên dùng cơm che lập canh để mong được thêm, cần phải học.
34. Không nên liếc nhìn vào trong bát người ngồi cạnh sanh hiềm tâm, cần phải học.

35. Phải chú tâm vào bát mà ăn, cần phải học.
36. Không nên ăn vớt cơm lớn, cần phải học.
37. Không nên há miệng lớn đợi cơm mà ăn, cần phải học.
38. Không nên ngậm cơm mà nói, cần phải học.
39. Không nên vớt cơm thả vào trong miệng, cần phải học.
40. Không nên ăn cơm rơi rớt, cần phải học.
41. Không nên búng má mà ăn, cần phải học.
42. Không nên nhai cơm có tiếng khi ăn, cần phải học.
43. Không nên hớp canh có tiếng mà ăn, cần phải học.
44. Không nên lấy lưỡi liếm khi ăn, cần phải học.
45. Không nên rảy tay khi ăn, cần phải học.
46. Không nên dùng tay lượm cơm rời mà ăn, cần phải học.
47. Không nên tay dơ cầm đồ đựng thức ăn, cần phải học.
48. Không nên đổ nước rửa bát trong nhà bạch y, cần phải học.
49. Không nên đại tiểu tiện, hỷ, nhỗ lên rau cỏ tươi, trừ bệnh, cần phải học.
50. Không được đại tiểu tiện, hỷ, nhỗ trong nước sạch, trừ bệnh, cần phải học.
51. Không nên đứng mà đại tiểu tiện, trừ bệnh, cần phải học.
52. Không nên thuyết pháp cho người vắt ngược áo không cung kính, trừ người bệnh, cần phải học.
53. Không nên thuyết pháp cho người quần áo nơi cổ, trừ người bệnh, cần phải học.

54. Không nên thuyết pháp cho người trùm đầu, trừ người bệnh, cần phải học.
55. Không nên thuyết pháp cho người quấn khăn trên đầu, trừ người bệnh, cần phải học.
56. Không nên thuyết pháp cho người chống nạnh, trừ người bệnh, cần phải học.
57. Không nên thuyết pháp cho người mang dép da, trừ người bệnh, cần phải học.
58. Không nên thuyết pháp cho người mang guốc gỗ, trừ người bệnh, cần phải học.
59. Không nên thuyết pháp cho người ngồi trên ngựa, trừ người bệnh, cần phải học.
60. Không nên ngủ nghỉ trong tháp Phật, trừ canh giữ, cần phải học.
61. Không được chôn giấu tài vật trong tháp Phật, trừ muốn cho chắc chắn, cần phải học.
62. Không được mang dép da vào tháp Phật, cần phải học.
63. Không được tay cầm dép da đi vào tháp Phật, cần phải học.
64. Không được mang dép da đi nhiều lần quanh tháp Phật, cần phải học.
65. Không được mang giày phú la vào trong tháp Phật, cần phải học.
66. Không được xách giày phú la vào trong tháp Phật, cần phải học.
67. Không được ngồi dưới tháp mà ăn, lưu lại cỏ và thức ăn làm dơ đất, cần phải học.
68. Không được khiêng tử thi đi qua dưới tháp, cần phải học.
69. Không được chôn tử thi dưới tháp, cần phải học.
70. Không được thiêu tử thi dưới tháp, cần phải học.

71. Không được đối diện tháp thiêu tử thi, cần phải học.
72. Không được thiêu tử thi quanh bốn phía tháp Phật, cần phải học.
73. Không được mang áo và giường người chết đi qua dưới tháp Phật, cần phải học.
74. Không được đại tiểu tiện dưới tháp Phật, cần phải học.
75. Không được đại tiểu tiện đối diện tháp Phật, cần phải học.
76. Không được đại tiểu tiện quanh bốn phía tháp Phật, cần phải học.
77. Không được mang tượng Phật đến chỗ đại tiểu tiện, cần phải học.
78. Không được nhổ răng dương (đánh răng súc miệng) quanh bốn phía tháp Phật, cần phải học.
79. Không được nhổ răng dương (đánh răng súc miệng) đối diện tháp Phật, cần phải học.
80. Không được nhổ răng dương (đánh răng súc miệng) quanh bốn phía tháp Phật, cần phải học.
81. Không được hi nhỏ trước tháp Phật, cần phải học.
82. Không được hi nhỏ đối diện với tháp Phật, cần phải học.
83. Không được hi nhỏ quanh bốn phía tháp Phật, cần phải học.
84. Không được ngồi duỗi chân về phía tháp Phật, cần phải học.
85. Không đặt (thờ) tháp (nhỏ) ở phòng dưới, mình ở trên, cần phải học.
86. Không nên thuyết pháp cho người ngồi mà mình đứng, trừ người bệnh, cần phải học.
87. Không nên thuyết pháp cho người nằm mà mình ngồi, trừ người bệnh, cần phải học.
88. Không nên thuyết pháp cho người ngồi chính giữa còn mình ngồi một bên, cần phải học.

89. Không nên thuyết pháp cho người ngồi chỗ cao còn mình ngồi chỗ thấp, trừ người bệnh, cần phải học.

90. Không nên thuyết pháp cho người đi phía trước còn mình đi phía sau, trừ người bệnh, cần phải học.

91. Không nên thuyết pháp cho người ở chỗ kinh hành cao còn mình ở chỗ kinh hành thấp, trừ người bệnh, cần phải học.

92. Không nên thuyết pháp cho người ở giữa đường còn mình ở bên đường, trừ người bệnh, cần phải học.

93. Không nên nắm tay khi đi đường, cần phải học.

94. Không nên leo lên cây cao quá đầu người, trừ khi có nhân duyên, cần phải học.

95. Không được để bình bát vào trong đẫy, xô vào đầu gậy quấy trên vai mà đi, cần phải học.

96. Không nên thuyết pháp cho người cầm gậy, không cung kính, trừ người bệnh, cần phải học.

97. Không được thuyết pháp cho người cầm grom, trừ người bệnh, cần phải học.

98. Không nên thuyết pháp cho người cầm mâu, trừ người bệnh, cần phải học.

99. Không được thuyết pháp cho người cầm dao, trừ người bệnh, cần phải học.

100. Không nên thuyết pháp cho người cầm dù, trừ người bệnh, cần phải học.

Thưa các Đại đức, tôi đã tụng xong một trăm pháp chúng học.

Nay hỏi các Đại đức trong đây có thanh tịnh không? (3 lần).

Các Đại đức trong đây thanh tịnh. Vì im lặng. Việc ấy tôi ghi nhận như vậy.

CHƯƠNG TÁM

PHÁP DIỆT TRÁNH

Thưa các Đại đức, đây là bảy pháp Diệt tránh xuất từ Giới kinh, mỗi nửa tháng tụng một lần.

Nếu có tránh sự nổi lên giữa các tỳ kheo, tức thì phải trừ diệt.

1. Cần giải quyết bằng hiện tiền tỳ ni, phải giải quyết bằng hiện tiền tỳ ni.
2. Cần giải quyết bằng ức niệm tỳ ni, phải giải quyết bằng ức niệm tỳ ni.
3. Cần giải quyết bằng bất si tỳ ni, phải giải quyết bằng bất si tỳ ni.
4. Cần giải quyết bằng tự ngôn trị, phải giải quyết bằng tự ngôn trị.
5. Cần giải quyết bằng mịch tội tướng, phải giải quyết bằng mịch tội tướng.
6. Cần giải quyết bằng đa nhân mịch tội tướng, phải giải quyết bằng đa nhân mịch tội tướng.
7. Cần giải quyết như thảo phú địa, phải giải quyết như thảo phú địa.

Thưa các Đại đức, tôi đã tụng xong bảy pháp diệt tránh.

Nay hỏi các Đại đức trong đây có thanh tịnh không? (3 lần).

Các Đại đức trong đây thanh tịnh. Vì im lặng. Việc ấy tôi ghi nhận như vậy.

---o0o---

CHƯƠNG KẾT

I. KẾT THUYẾT

Thưa các Đại đức, tôi đã tụng tựa của Giới kinh, đã tụng bốn pháp ba la di, đã tụng mười ba pháp tăng già bà thi sa, đã tụng hai pháp bất định, đã tụng ba mươi pháp ni tát kỳ ba dật đề, đã tụng chín mươi pháp ba dật đề, đã tụng bốn pháp ba la đề đề xá ni, đã tụng các pháp chúng học, đã tụng bảy pháp diệt tránh. Đó là những điều Phật đã thuyết, xuất từ Giới kinh, mỗi nửa

tháng tụng một lần. Và còn có các Phật pháp khác nữa, trong đây cần phải cùng hòa hiệp học tập.

---o0o---

II. THẤT PHẬT GIỚI KINH

1. Nhẫn : khổ hạnh bậc nhất.

Niết bàn : đạo tối thượng.

Xuất gia, nã hại người,

Không xứng danh sa môn.

Đây là Giới kinh mà đức Tỳ bà thi Như lai, bậc Vô sở trước, Đẳng chánh giác, đã giảng dạy.

2. Cũng như người mắt sáng

Tránh khỏi lối hiểm nghèo,

Bậc có trí trong đời

Tránh xa các xấu ác.

Đây là Giới kinh mà đức Thi khí Như lai, bậc Vô sở trước, Đẳng chánh giác, đã giảng dạy.

3. Không bán bỏ, tạt đổ,

Vâng hành các học giới,

Ăn uống biết vừa đủ,

Thường ưa chỗ nhàn tịnh,

Tâm định, vui tinh tấn.

Là lời chư Phật dạy.

Đây là Giới kinh mà đức Tỳ điếp la Như lai, bậc Vô sở trước, Đẳng chánh giác, đã giảng dạy.

4. Như ong đến tìm hoa

Không hại sắc và hương

Chỉ hút nhụy rồi đi.

Vậy tỳ kheo vào xóm,

Không dòm ngó việc người

Người làm hay không làm,

Chỉ xét hành vi mình

Đoan chính không đoan chính.

Đây là Giới kinh mà đức Câu lưu tôn Như lai, bậc Vô sở trước, Đẳng chánh giác, đã giảng dạy.

5. Chớ để tâm buông lung,

Hãy cần học thánh pháp,

Như thế, dứt ưu sầu.

Tâm định, nhập niết bàn.

Đây là Giới kinh mà đức Câu na hàm Mâu ni Như lai, bậc Vô sở trước, Đẳng chánh giác, đã giảng dạy.

6. Hết thấy ác chớ làm.

Hãy vâng hành các thiện.

Tự lóng sạch tâm chí.

Là lời chư Phật dạy.

Đây là Giới kinh mà đức Ca diếp Như lai, bậc Vô sở trước, Đẳng chánh giác, đã giảng dạy.

7. Khéo phòng hộ lời nói,

Tâm chí, tự lắng trong,

Thân không làm các ác;

Thực hành được như thế,

Ba tịnh nghiệp đạo này

Là đạo đáng Đại tiên.

Đây là Giới kinh mà đức Thích ca Mâu ni Như lai, bậc Vô sở trước, Đẳng chánh giác, đã giảng dạy cho các tỳ kheo vô sự trong khoảng mười hai năm đầu. Từ đó về sau được phân biệt rộng rãi. Các tỳ kheo tự mình hâm mộ chánh pháp, hâm mộ sa môn hành, có tầm có quý, hâm mộ học giới, hãy tu học ở trong đây.

---o0o---

III. KHUYẾN GIỚI

1. Kẻ trí khéo hộ giới,

Sẽ được ba điều vui:

Danh thơm và lợi dưỡng

Sau khi chết sanh thiên.

2. Hãy quán sát điều này:

Bậc trí siêng hộ giới,

Giới tịnh, sanh trí huệ,

Thành tựu Đạo tối thượng.

3. Như chư Phật quá khứ,

Và chư Phật vị lai,
Các Thế tôn hiện tại,
Đáng chiến thắng khổ đau,
Thảy đều tôn kính Giới.
Đây là pháp chư Phật.

4. Nếu ai vì tự thân
Mong cầu nơi Phật đạo
Hãy tôn trọng chánh pháp
Đây lời chư Phật dạy.

5. Bảy đấng Thế tôn Phật,
Diệt trừ mọi kiết sử
Thuyết bảy Giới kinh đây
Giải thoát các hệ phược.
Các ngài đã niết bàn,
Các lý luận vắng bật.

6. Các đệ tử tuân hành
Lời dạy đấng Đại tiên.
Giới thánh hiền khen ngợi,
Thảy đều nhập niết bàn.

7. Thế Tôn khi niết bàn
Vận khởi tâm đại bi

Họp các tỳ kheo chúng

Ban giáo Giới như vậy:

8. Chớ nghĩ ta niết bàn

Không còn ai chẵn dất,

Giới kinh và Tỳ ni

Những điều ta dạy rõ,

Hãy xem đó như Phật.

Dù ta nhập niết bàn.

9. Giới kinh này còn mãi,

Phật pháp còn sáng rõ.

Do sự sáng rõ ấy

Niết bàn được chứng nhập.

10. Nếu không trì giới này

Không bỏ tát như pháp

Khác gì mặt trời lặn

Thế giới thành tối tăm.

11. Hãy hộ trì giới ấy,

Như trâu mao tiếc đuôi

Hòa hiệp ngồi một chỗ

Như lời Phật đã dạy.

12. Tôi đã thuyết Giới kinh,

Chúng Tăng bố tát xong.

13.Tôi nay thuyết Giới kinh,

Công đức thuyết giới này,

Nguyện ban khắp chúng sanh,

Cùng trọn thành Phật đạo.

---o0o---

LUẬT TỖ KHEO YẾT MA YẾU CHỈ

Hòa thượng THÍCH TRÍ THỦ

Soạn

LỜI GIỚI THIỆU

Trước khi nhập Niết bàn, đức Phật đã huấn thị tối hậu: "Giới luật là thọ mạng của Phật pháp. Giới luật còn, Phật pháp còn."

Giới luật là sinh mệnh, là sự sống của Phật tử, nhất là của hàng Tỳ kheo thừa Như lai sứ, hành Như lai sự.

Sống theo giới luật tức là sống đời sống phạm hạnh, tự mình đã tìm được nơi an trú của tất cả thiện pháp. Đó cũng là một cách sống " ung vô sở trú."

Giới luật là một trong ba tạng giáo điển của Phật giáo: Kinh, Luật và Luận tạng. Luật tạng có nhiều bộ không mấy đơn giản, trên nguyên tắc phân cơ bản đều đồng nhất nhưng các giới điều nhẹ và sự tác pháp có nhiều khác biệt tùy hoàn cảnh và quốc độ sinh hoạt của Tăng đoàn.

Việc nghiên cứu, phiên dịch, biên soạn về giới luật hiện nay bằng Quốc văn còn ít ỏi, phần lớn còn bằng chữ Hán. Đây cũng là vấn đề có hạn chế nhất định đối với Tăng ni trong sự nghiệp tu trì.

Hòa thượng Thích Trí Thủ, sau mấy mươi năm chuyên trách nhiệm vụ hoằng pháp, giảng dạy giới luật tại các Phật Học viện: Báo Quốc, Hải Đức,

Quảng Hương Già Lam, Tịnh xá Trung Tâm, tuổi đời đã cao sức khỏe giảm sút, nhưng với hạnh nguyện thượng cầu Phật đạo, hạ hóa chúng sinh, Hòa thượng hằng lưu tâm đến tiền đồ của Đạo pháp trong sự nghiệp "Tục diệm truyền đăng", đã nỗ lực vừa hành trì, vừa tìm tòi, nghiên cứu, dịch thuật và biên soạn bộ LUẬT TỶ KHEO, chú trọng trình bày ý nghĩa có đối chiếu giữa các bộ Kinh, Luật, Luận, và sự thi hành Luật của Tăng già Bắc tông và Nam tông hiện nay.

Nội dung có hai phần:

Phần 1 : "YẾT MA YẾU CHỈ", trình bày các nguyên lý căn bản của Yết ma song song với tác pháp tức là phần tác trì.

Phần II : "TỨ PHẦN HIỆP CHÚ", giảng giải (tập I), thiên tụ của giới bốn tức là phần chỉ trì (tập 2).

Nói cách khác, là trình bày phương cách hành trì giới luật và giảng giải bản thân của giới luật.

Đây là một sự đóng góp lớn cho Tăng Ni chúng ta, qua đó Tăng Ni có thể dễ lãnh hội, dễ thu thập đối với việc thọ trì giới luật, phát huy đạo nghiệp. Đạt đến mục đích có thể bằng nhiều con đường nhưng con đường rút ngắn được không thời gian cho chúng ta vẫn là con đường thẳng ngắn nhất. Đó là điểm mà Hòa thượng có thể giúp cho Tăng Ni chúng ta là một phần không nhỏ.

Nếu đã hiểu giới luật chính là bước thang đầu của đạo quả Giác ngộ, là nền tảng của Thiên định, Trí tuệ, là ngọc Anh lạc để trang nghiêm Pháp thân, là thuyền bè để đưa người qua biển khổ sanh tử, là kho tàng vô lượng công đức của bậc đại thiện hữu đối với chúng ta.

Tôi xin nhất tâm tùy hỷ với sự tùy hỷ của Hòa thượng đã dành cho tôi đọc bản văn này. tôi trân trọng giới thiệu với toàn thể Tăng Ni làm hành trang VĂN, TU, TU trong đạo nghiệp.

Hy vọng càng tiếp cận với đời sống phạm hạnh càng tích lũy được muôn hạnh lành, chánh pháp càng có cơ thường trú tại thế gian. đó chính là kết quả vô lượng vô biên của người thọ trì giới luật. Và đó chính cũng là đại nguyện của hàng đệ tử Phật, của Tăng Ni chúng ta.

Nha Trang Mùa An Cư năm Quý Hợi

---o0o---

LỜI TỰA

Theo quan điểm Bộ phái Đàm Vô Đức, tức các vị thọ trì Luật Tứ phần thì một trong các dấu hiệu về sự diệt tận của chánh pháp là các pháp yết ma hoàn toàn không được thực hiện, không có pháp yết ma sẽ không có các Tỷ kheo đắc giới như pháp, bản thể của Tăng không thành tựu. Không có sự tồn tại của Tăng thì chánh pháp mà Phật giảng dạy không có người tu và chứng. Như vậy có nghĩa là Chánh pháp sẽ không tồn tại. Cho nên, việc học hỏi các học xứ trong giới Kinh và thông suốt các pháp yết ma là phận sự hàng đầu của Tỷ kheo trong suốt 5 năm đầu kể từ khi đắc giới cụ túc. Đây là điều kiện căn bản tác thành tư cách bậc thầy hàng Thượng tọa trong Tăng chúng. Nếu Tỷ kheo không hoàn tất phận sự học hỏi này không bao giờ được phép rời Y Chi sư dù cho tuổi đời 80 và tuổi hạ 60, nghĩa là luôn luôn phải sống nương tựa vào bậc Thượng tọa, không được phép thế độ người xuất gia. Đây là điều quy định trong tất cả Luật Tạng, cần phải nghiêm chỉnh chấp trì vì sự tồn tại bền vững của Phật pháp.

Về các nguyên lý căn bản của yết ma, tất cả các bộ Luật đều đồng nhất, nhưng sự tác pháp có rất nhiều khác biệt, do điều kiện lịch sử và địa lý nơi mà Tăng đoàn sinh hoạt. Nếu không có sự lý giải về các nguyên tắc căn bản, tất sẽ khó có thể hội thông các điều sai biệt này. do đó việc nghiên cứu và học hỏi các phép Yết ma cần phải hội đủ hai mặt: nắm vững sự lý giải và thông suốt tác pháp. tổng quát mà nói, có hai bộ phận chính của tất cả pháp yết ma. Một bộ phận chi phối các sinh hoạt tập thể của Tăng, tức gồm các luật yết ma như kiết giới, truyền thọ cụ túc, thuyết giới, tự tứ v.v... Bộ phận khác chi phối sinh hoạt cá nhân một Tỷ kheo, tức các yết ma trị phạt như sám tăng tàn, ba dật đề....

Bộ luật này gồm có hai phần:

Phần thứ nhất là YẾT MA YẾU CHỈ, trình bày các nguyên lý căn bản của yết ma song song với tác pháp.

Phần thứ hai là TỨ PHẦN HIỆP CHÚ, giảng giải các thiên tự của giới bản.

Bộ luật này ra đời là do kết quả nhiều năm giảng dạy luật cho tăng chúng tại các Phật học viện: Báo Quốc, Hải Đức, Quảng Hương Già Lam. Nhưng sự biên tập được hoàn thành là do công đức đóng góp của các thầy ĐỒNG MINH và NGUYỄN CHÚNG. Hai vị đã cố gắng rất nhiều trong công việc ghi chép lại những điều tôi đã giảng giải, tham khảo các luật bộ, đối chiếu và thảo luận đã thông những điểm sai biệt giữa các luật bộ.

Ở đây tôi ghi nhận công đức đóng góp của hai vị và cùng hồi hướng công đức này cầu nguyện chánh pháp tồn tại lâu dài ở thế gian để lợi lạc hữu tình.

Quảng Hương Già Lam, mùa hạ

PL. 2527 - 1983

Tỳ kheo THÍCH TRÍ THỦ

---o0o---

QUYỂN III : LUẬN

PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ

LỜI NÓI ĐẦU

Giáo pháp của đức Bổn Sư hiện được lưu truyền khắp thế giới gồm có nhiều Pháp môn. Ở nước Việt Nam ta pháp môn phổ biến nhất là pháp môn Tịnh độ. Pháp môn này cơ hồ như lán át luôn cả pháp môn Thuyền tông là pháp môn chính truyền từ phái Tỳ Ni Đa Lưu Chi cho đến Tổ Thiệt Diệu Liễu Quán.

Hiện nay, trong từ các Đại đức Tăng Ni, ngoài đến Tín đồ Hội viên các hội Phật giáo Cư sĩ, không ai là không thực hành Pháp môn này. Thậm chí các đơn vị Phật giáo ở cấp xã, thôn tại Trung Việt đều lấy hai chữ Tịnh độ gọi tên chung cho đơn vị.

Nhận thấy nơi nơi đều thực hành Pháp môn Tịnh độ, để cho ý nghĩa và phương pháp hành trì Pháp môn này được thêm sâu rộng và để góp phần công đức thêm cao dày, tôi phỏng theo quyển Tịnh Pháp Khái Thuật soạn ra sách này hầu mong giúp quý Phật tử sơ cơ hiểu rõ thêm cái pháp môn vi diệu mà mình đang thực hành.

Sách này gồm tóm yếu nghĩa ba bộ kinh: Thập lục quán, Quán vô lượng thọ, Phật thuyết A Di Đà do chính kim ngôn Đức Thích Tôn dạy ra, và một bộ luận là luận Vãng sanh do Ngài Bồ tát Vô Trước soạn. Về đời nhà Tùy, có ngài Lô Sơn tức Tổ sư Huệ Viễn dựa vào ba kinh và luận nói trên mà sáng lập tôn Tịnh độ. Từ bấy giờ tôn này không ngớt bành trướng và lan khắp các nước Phật giáo ở miền Đông Á.

Vậy trong tòa nhà Tịnh độ mà quý Phật tử hiện đang kiến tạo, họa đồ là của Đức Bổn Sư, gạch ngói và công xây là của quý Phật tử, tôi chỉ xin nguyện góp thêm vào đó một chút ít đường mật cho vôi gạch chóng ăn nhau hầu mong tòa nhà sớm thành tựu.

Có đạt được sở nguyện con con ấy không là tùy lượng quý Phật tử hưởng ứng nhiều hay ít. Riêng soạn giả thì tự cho là đã làm xong một việc đáng làm.

Soạn giả Cẩn Chí

THÍCH TRÍ THỦ, 1961

---o0o---

CHƯƠNG I - Ý NGHĨA TỊNH ĐỘ

A- SAO GỌI LÀ TỊNH ĐỘ ?

Tịnh độ là chỉ cho quốc độ trang nghiêm thanh tịnh khiết an tịnh quốc, độ ấy tối thiểu phải có những điều kiện về nhân dân và thổ địa như sau:

a) Về nhân dân (Chánh báo)

1) An lạc vô bệnh.

2) Thọ mạng lâu dài.

3) Thân tướng đẹp đẽ.

4) Không có sự bất bình đẳng về giàu nghèo, sang hèn.

5) Tâm tánh nhu hòa, đạo đức cao thượng.

6) Đạo tâm kiên cố.

7) Mọi người đều do hóa sanh mà có, không do thai sanh là kết quả của dâm dục ô trược.

8) Không có sự sai khác về nhỏ lớn, già trẻ, mạnh yếu.

9) Không dơ bản ô uế.

10) Tâm trí phóng khoáng, thông đạt.

11) Hết luân hồi trong lục đạo.

12) Đủ sáu món thần thông.

13) Đầy đủ huệ nhãn, chánh kiến.

Mười ba món trang nghiêm thanh tịnh trên đây thuộc phần chúng sanh thế gian (chánh báo).

b) Về thổ địa (y báo)

1) Đất đai bằng phẳng đầy châu ngọc trong suốt; không có khe hồ núi gò lởm chởm và ao rãnh sông ngòi hùng hê.

2) Không có các nạn thiên tai như lụt bão, sấm sét, đại hạn, địa chấn, gây ra mất mùa đói rét.

3) Bầu trời luôn luôn quang đặng, không cần ánh sáng mặt trời mặt trăng hay đèn nến.

4) Tất cả vật dụng luôn luôn mới mẻ, không vỡ, không hư, không mục nát, không cũ nhớp.

5) Phong cảnh xinh tươi, cây hoa đẹp đẽ lâu gác mỹ lệ, không cần nhọc công kiến trúc trang hoàng mà tự nhiên hiện thành.

6) Khí trời luôn luôn mát mẻ.

7) Âm nhạc nhiệm màu hòa tấu tự nhiên hay ngưng dứt tùy theo sở thích người nghe.

8) Không có động vật nào khác, ngoài loài người, trừ sự biến hóa của Phật.

- 9) Hồ nước trong thơm ngọt ngào; cạn sâu ấm mát tùy từng sở thích.
- 10) Cảnh vật tiếp xúc gây được khoái cảm nhẹ nhàng mà không làm chao động đạo niệm.
- 11) Bảy báu và vật dụng tự nhiên thành tựu đủ cung ứng đầy đủ mà không cần đến sức người.
- 12) Không có các sự trần lao phiền não.
- 13) Không có nạn nhân mãn, mặc dù dân số vãng sanh mỗi ngày mỗi tăng.
- 14) Nhân dân sống trong thái bình an lạc, không có tà ma ngoại đạo bức hiếp.

Mười bốn món trang nghiêm thanh tịnh thứ hai này thuộc phần "Khí thể gian" (y báo).

Có đầy đủ cả hai phần "chúng sanh thế gian" và "khí thể gian" trang nghiêm thanh tịnh như thế mới được gọi là Tịnh độ.

---o0o---

B- CÁC CỘI TỊNH ĐỘ TRONG MƯỜI PHƯƠNG

Trong mười phương hư không có vô lượng vô số quốc độ với những trạng huống khổ vui ngàn sai muôn khác. Nguyên nhân thành tựu các quốc độ sai khác ấy tuyệt đối không do một sức thần thánh nào hoặc một sự ngẫu nhiên nào tạo thành.

Quốc độ tuy nhiều, nhưng khái quát có thể chia thành hai loại:

- 1) Quốc độ do cộng nghiệp của chúng sanh duyên khởi. Cộng nghiệp ấy cảm thành quốc độ y báo chung, để chúng sanh tùy từng biệt nghiệp thiện hay ác mà thọ quả báo hoặc vui hoặc khổ.
- 2) Quốc độ do Phật và Bồ tát hóa hiện để dùng làm chốn đạo tràng độ sanh.

Loại trước gọi là uế độ. Vì nguyên nhân trong quá khứ, chúng sanh làm điều phước đức ít, mà gây điều tội ác nhiều nên cảm báo thành quốc độ vui ít khổ nhiều.

Loại sau gọi là Tịnh độ. Vì nguyên nhân tạo nên quốc độ này là do sức phước huệ của Chư Phật Bồ tát, sức gia trì của bốn tâm vô lượng: Từ, bi, hỷ, xả. Thêm vào các nguyên nhân ấy lại có tăng thượng duyên là công đức tu tập của chúng sanh hồi hướng nguyện sanh về các cõi ấy. Có sự cảm ứng đạo giao giữa nội nhân và ngoại duyên ấy liên hệ với nhau nên mới duyên khởi được quốc độ trang nghiêm thanh tịnh thuận vui không có khổ nhơn tội báo xen vào.

Trong mười phương thế giới có vô số uế độ nhưng cũng có vô số Tịnh độ. Trong các uế độ, thế giới Ta bà của chúng ta mới chỉ là một. Nếu ta tưởng rằng chỉ có một uế độ này thôi thì đó là một sự đại lầm lẫn. Cũng như trong các Tịnh độ, thế giới Cực lạc của Đức A Di Đà cũng mới chỉ là một. Nếu không hiểu rằng giữa hư không vô tận còn có vô lượng Tịnh độ khác của Chư Phật, đó lại cũng là một sự đại lầm lẫn khác nữa.

Trong ba bộ kinh nói về Tịnh độ sơ dĩ Đức Phật chỉ chuyên nói về thế giới Cực lạc là chỉ vì một lý do sẽ nói ở sau. Ngoài ra, trong kinh "Dược sư lưu ly bản nguyện công đức." Ngài còn nói đến cõi Tịnh độ Tịnh lưu ly của Đức Dược sư Như Lai; trong kinh "Đại Bửu tích Ngài còn nói đến cõi Tịnh độ Diệu hỷ của Đức Bất Động Như Lai; hay trong kinh "Di Lạc thượng sanh" Ngài còn nói đến cõi Tịnh độ Đâu Suất của Đức Di Lạc Bồ tát. Tuy nhiên, đó cũng chỉ mới sơ lược kể qua vài ba cõi mà thôi. Kỳ thật, trong mười phương thế giới có hằng hà sa số chư Phật thì cũng có hằng hà sa số cõi Tịnh độ. Những chúng sanh nào được sanh về các Tịnh độ ấy đều do nhơn duyên riêng và tại mỗi cõi đều có phương pháp tu hành khác nhau, phù hợp với từng nhơn duyên. Tu hành y theo phương pháp nào thì đến khi thuận thực sẽ được vãng sanh về cõi Tịnh độ đó. Phương pháp tu hành cầu quả vãng sanh Tịnh độ thì gọi là phép tu Tịnh độ.

Các cõi Tịnh độ trong mười phương có nhiều vô lượng mà pháp tu cũng có nhiều vô số. Vậy ai theo phương pháp của cõi nào cũng đều có thể tùy nguyện được vãng sanh ở cõi ấy.

Ở đây riêng đối với thế giới Cực lạc Tây phương, Đức Phật đặc biệt tán thán và giới thiệu một cách tường tận hơn cả là vì chúng sanh ở cõi này, lòng tham dục quá nặng, đức tin quá yếu nên tâm chí loạn động; trong tình trạng đó, nếu giới thiệu nhiều cõi Tịnh độ quá thì sợ khó thành tựu. Cho nên, chỉ đặc biệt nói nhiều về một cõi Tây phương Cực lạc, khiến nghe chuyên nhất tập trung ý chí hướng về một mối, mới ghi nhớ dễ dàng và thấu hoạch có hiệu quả.

C- CÁC LOẠI TỊNH ĐỘ SAI KHÁC

Tịnh độ hay uế độ tuy hình như thuộc ngoại cảnh nhưng sự thật thì đều do nhứt tâm biến hiện. Chư Phật khi lấy diệu dụng của tịnh thức biến hiện ra Tịnh độ, vì tác dụng có sai khác nên danh nghĩa Tịnh độ cũng tùy đó mà có sai khác.

Căn cứ vào Tây phương Hiệp luận đã chép thì Tịnh độ có 10 loại không đồng nhau.

1) TỶ LÔ GIÁ NA TỊNH ĐỘ

Tỷ lô giá na tức là pháp thân của Chư Phật, Hán dịch là biến nhứt thế xứ (nghĩa là cùng khắp nơi chốn). Cõi Tịnh độ này bất luận ở đâu cũng hóa hiện được, vì ở đâu cũng có vô lượng hóa Phật. Đây cũng tức là báo độ của chư Phật.

2) DUY TÂM TỊNH ĐỘ

Loại Tịnh độ này tùy tâm biến hiện. Tâm uế thì quốc độ uế, tâm tịnh thì quốc độ tịnh. Như trong kinh Duy Ma Cật dạy: "Trực tâm là Tịnh độ của Bồ tát; khi Bồ tát thành Phật những chúng sanh trung trực đều vãng sanh về cõi ấy ... Nếu Bồ tát muốn được quả Tịnh độ phải tịnh lòng mình; tùy lòng mình tịnh thì cõi Phật tịnh."

Đó là nghĩa của Duy tâm Tịnh độ.

3) HẰNG CHƠN TỊNH ĐỘ

Hằng chơn Tịnh độ tức như cảnh giới mà Đức Phật đã thị hiện trên hội Linh Sơn để hướng dẫn hàng tam thừa quyền giáo Bồ tát, cho họ biết rằng ở cõi này tuy ô uế nhưng cũng chính đó là cõi thanh tịnh vậy. Trong kinh chép rằng trên hội Linh Sơn, các đệ tử hỏi Phật vì sao cảnh giới của Ngài hiện đương sống lúc bấy giờ (núi Linh Thứu) lại cũng ô uế bất tịnh, thế thì nhơn địa tu hành của Ngài cũng bất tịnh chăng? Phật liền lấy ngón chân ấn xuống đất, cảnh uế độ liền biến thành trang nghiêm thanh tịnh.

Như vậy cảnh hằng chơn Tịnh độ này là một cảnh hằng thường, nhưng biến hiện tùy theo nghiệp nhơn của chúng sanh mà thấy có tịnh hay có uế.

4) BIẾN HIỆN TỊNH ĐỘ

Biến hiện Tịnh độ là do sức gia cảm của Phật mà có biến hiện. Như trong kinh bát nhã nói đức Phật dùng thần lực biến thế giới này thành một thế giới như ngọc lưu ly, có đủ bảy báu trang nghiêm và hoa sen rải khắp mặt đất. Cảnh giới ấy tức là cảnh giới mà Đức Phật tạm thời biến hiện để cho chúng ta thấy rằng bản lai diện mục của uế độ tức cũng chính là Tịnh độ vậy.

5) KÝ BÁO TỊNH ĐỘ

Luận Khởi Tín chép rằng: "Khi Bồ tát hoàn mãn công đức, sanh lên cung trời Sắc Cứu Kình thì hiện ra thân tướng rất cao lớn. Trước khi bỏ xứ kế vị thành Phật, Bồ tát tạm ký thác báo thân ở đó một thời gian, nên gọi cung trời ấy là ký báo Tịnh độ", như cung trời Đâu Suất của đức Bồ tát Di Lặc hiện an trú trước khi sẽ bỏ xứ thành Phật.

6) PHÂN THÂN TỊNH ĐỘ

Theo kinh Niết Bàn, Phật bảo Ương Quật rằng: "Người không biết rằng ta đã an trú trong thực tại vô sanh. Nếu người không tin, cứ qua Đông phương hỏi Đức Phật ở đấy tên gì thì sẽ nghe Ngài tự giới thiệu: "Thích Ca là ta"!

Không có gì đáng ngạc nhiên cả, vì nên biết rằng pháp thân của Phật đã an trú trong thực tại vô sanh thì đức Phật ở Đông phương hay ở cùng khắp mười phương đều cũng chỉ là phân thân của một đức Phật mà thôi vậy.

7) Y THA TỊNH ĐỘ

Kinh Phạm Võng: "Nay ta là Lô Xá Na ngồi trên đài sen gồm có ngàn hoa. Trên ngàn hoa ấy lại thị hiện ngàn thân Thích Ca. Mỗi hoa lại biến thành trăm ức cõi Phật và trong mỗi cõi lại hiện ra một thích Ca."

Các cõi được thị hiện như vậy gọi là báo thân tha thọ dụng (hiện báo thân cho người khác thọ dụng) mà chỉ có Đấng Địa Bồ tát mới trông thấy. (Đấng địa nghĩa là đã lên từ nhứt địa tới thập địa).

8) THẬP PHƯƠNG TỊNH ĐỘ

Thập phương Tịnh độ là các cõi Tịnh độ trong mười phương. Như ở Đông phương thì có các cõi Tịnh độ của đức Phật A súc, đức Phật Dược sư, đức Phật Tu Di Đấng Vương ... Nam phương có cõi Tịnh độ của đức Phật Nhật Nguyệt Đấng ..., Thượng phương có cõi Tịnh độ của đức Phật Hương tích v.v...

Mỗi đức Phật đều an trú tại một cõi Tịnh độ thanh tịnh trang nghiêm không còn có trần cấu.

9) NHỨT TÂM TỊNH ĐỘ

Loại Tịnh độ này nương nơi tâm mà biến hiện và tùy theo công năng tu chứng cao thấp nên có phân ra bốn bậc không đồng.

a) Phàm Thánh đồng cư Tịnh độ

Đây là quốc độ của hàng nhị thừa và nhơn thiên. Nhị thừa là Thánh; nhơn thiên là phàm. Thánh phàm cùng ở chung nên gọi là Phàm Thánh đồng cư, lại vì tính chất tịnh uế không đồng mà có chia thành hai thứ. Như cõi Ta bà là đồng cư uế độ; cõi Cực lực là đồng cư Tịnh độ.

b) Phương tiện hữu dư Tịnh độ

Đây là cảnh giới an trú của hàng tiểu thừa. Hàng tiểu thừa nhờ đoạn được phiền não của kiến hoặc và tư hoặc nên thoát ra khỏi tam giới. Kiến hoặc là sự mê lầm về kiến thức, tư hoặc là sự mê lầm về tư tưởng. Trên con đường tu chứng, đoạn trừ kiến hoặc và tư hoặc chỉ là mới đạt được phương tiện chứ chưa đạt được cứu cánh. Còn cần phải tiến lên nữa và phải đoạn hai món mê lầm là trần sa hoặc (mê lầm nhỏ như cát bụi) và vô minh hoặc (mê lầm căn bản) mới thật gọi là chứng quả. Trần sa hoặc là sự mê lầm nhỏ nhặt như vi trần; vô minh hoặc là sự mê lầm cội gốc do căn bản vô minh gây nên. Đoạn kiến hoặc và tư hoặc chỉ là mới đạt được phương tiện, nên hành giả còn phải tu tiến thêm nữa; vì vậy gọi là phương tiện hữu dư. Hữu dư nghĩa là còn sót, chưa tốt ráo.

c) Thật báo vô chướng ngại Tịnh độ

Đây là cảnh giới an trú của các vị đại Bồ tát. Các vị đại Bồ tát nương theo phương pháp chơn thật mà tu hành cảm được quả báo thù thắng chơn thật; sắc giới (vật chất) cũng như tâm giới (tinh thần) không còn gây chướng ngại

đối với Bồ tát nên gọi là thật báo vô chướng ngại. Cảnh giới của các vị Bồ tát đã tu chứng.

d) Thường tịch quang Tịnh độ

Đây cũng tức là cảnh giới đại Niết bàn của Chư Phật an trú. Thể tánh của cảnh giới này thường vắng lặng mà vẫn thường quang minh vì do trí huệ của Phật hằng thường tỏa chiếu cùng khắp. Vì thế nên gọi là thường tịch quang độ. Thường tịch nghĩa là thường vắng lặng, thường quang nghĩa là thường soi sáng.

10) BÁT KHẢ TƯ NGHÌ TỊNH ĐỘ

Bát khả tư nghì Tịnh độ tức là cảnh giới Cực lạc của đức Phật A Di Đà để thâm nhiếp, tiếp nhận chúng sanh trong mười phương. Sức thâm nhiếp ấy không thể nghĩ bàn, vì ngoài sức tư tưởng và luận bàn của chúng sanh.

Đây là chỉ đúng về nghĩa thù thắng của cảnh giới Cực lạc mà nói, chứ sự thật thì tất cả các cõi Tịnh độ trong mười phương đều có công năng thâm nhiếp tiếp nhận và đều có tác dụng bất khả tư nghì như thế.

Tóm lại, 10 cảnh Tịnh độ trên này tuy có sai khác về danh từ, nhưng cùng đồng nhất tâm biến hiện, vì cõi Tịnh độ nào cũng đều lấy sự thâm tiếp nhận chúng sanh bất khả tư nghì làm căn bản, Cho nên, nói một cõi tức gồm đủ cả bốn cõi: đồng cư, phương tiện, thật báo và tịch quang. Sự lập danh sai khác chẳng qua là tùy theo mỗi phương tiện mà thôi.

Ở đây chỉ riêng chú trọng về cõi Tịnh độ Cực lạc của đức Phật A Di Đà là vì cõi ấy rất có quan hệ mật thiết với chúng ta, như Đức Thích Ca đã dạy.

Vì vậy cõi Cực lạc Tịnh độ là mục tiêu chính để cho chúng ta tập trung tất cả lực lượng tư tưởng vào đó. Nếu thật chứng được một cõi Tịnh độ ấy thì bao nhiêu cõi Tịnh độ khác cũng đều chứng được.

---o0o---

CHƯƠNG II - PHẠM VI CÔI CỰC LẠC

TIẾT MỘT: Y BÁO VÀ CHÁNH BÁO TRANG NGHIÊM

Kinh Vô lượng thọ chép rằng: Đức Phật A Di Đà khi đương còn làm Tỳ kheo, tên là Pháp Tạng. Tỳ kheo Pháp Tạng nhắm mục đích trang nghiêm cõi Tịnh độ để dễ giáo hóa các loài hữu tình, nên đã từng xin với Đức Phật Thế Tụ Tại dạy cho biết tướng trạng (hình thức) vào nội dung 210 ức quốc độ của Chư Phật. Nghe xong, Ngài lại yêu cầu biến hiện cho thấy để y cứ vào đó mà tham khảo làm ấn tượng trong khi tu hành.

Sau khi thấy nghe tường tận bao nhiêu cảnh giới quốc độ của Chư Phật, Tỳ kheo Pháp Tạng mới bắt đầu vận hết tinh thần tu nhơn "tạo quốc độ." Trải 5 kiếp tư duy nhiếp thủ. Ngài mới thành tựu thế giới Cực lạc.

Xét kỹ về mặt kiến lập, các thế giới trong mười phương đều do công nghiệp của chúng sanh tạo thành và đều chỉ do thức biến hiện. Trong sự tạo tác biến hiện, tất cả đều nương vào nhơn duyên, gá mượn nhau mà sanh khởi, Cảnh giới biến hiện bên ngoài in tuồng như có, nhưng sự thật thì chỉ do nội thức biến chuyển, nghĩa là đều quy về nhứt tâm cả. Ở đây, chư Phật là những bậc đã tịnh hóa được tâm thức, dùng tâm thức thanh tịnh ấy mà biến hiện thì tạo thành Tịnh độ. Nếu chúng sanh nhứt tâm niệm Phật tức là gieo chánh niệm vào tịnh thức của Phật, như đổ một chậu nước vào biển cả. Nước chậu dung hòa với nước biển, cùng chung một hương vị. Cũng thế, khi chúng sanh đã sanh vào quốc độ của chư Phật, y báo và chánh báo của chúng sanh cũng trở thành trang nghiêm như Phật và cũng sẽ được dung thông vô tận vậy.

Bây giờ, chúng ta thử tìm hiểu vì sao Ngài Tỳ kheo Pháp tạng phải trải qua năm kiếp tư duy nhiếp thủ mới hoàn thành được cảnh giới Cực lạc. Ta hãy cử một thí dụ cho rõ nghĩa: thí dụ về cách tạo nhơn để thành tựu một cây bửu thọ.

Ngài Pháp Tạng tỳ kheo trong lúc tu quán, tập trung tư tưởng vào một khoảng hư không. Trong khoảng hư không ấy vốn không có gì hết, nhưng Ngài tưởng tượng ra một cây bửu thọ gốc vàng, cành bạc, nhánh lưu ly, chồi thủy tinh, lá san hô, hoa mã não, trái xa cừ. Sự tưởng tượng như thế gọi là tư duy. Khi tư duy đã thuần thực, cây bửu thọ đã hoàn thành, Ngài nắm giữ lấy tư tưởng ấy không phóng xả; cây bửu thọ ấy cũng sẽ do đó mà vĩnh viễn tồn tại!

Bây giờ Ngài mới mong ý muốn cho cây bửu thọ "chết" ấy thoát khỏi trạng thái tĩnh để trở nên sống động: Muốn nó nở hoa kết quả, nó liền nở hoa kết quả; muốn nó phát ra thanh âm, nó liền phát ra thanh âm v.v... Cứ y như thế mà hành trì thì gọi là nhiếp thủ nghĩa là thu hoạch và giữ lấy.

Đối với cây bửu thọ kia, chỉ có Phật nhãn mới biết cây bửu thọ nó là hư huyền không thật, kỳ dư chúng sanh trong chín cảnh giới khác, kể từ địa ngục sắp lên và Bồ tát sắp xuống, hết thấy đều thấy cây bửu thọ là thật có. Chúng sanh dùng mắt mà trông thì nó có sắc thật; dùng tai mà nghe thì nó có tiếng thật; dùng mũi mà ngửi thì nó có mùi thật; dùng lưỡi mà nếm thì nó có vị thật; dùng thân mà sờ thì nó có chất thật; dùng ý mà suy nghĩ thì nó có hình dáng thật. Sở dĩ có các cảm giác như thật ấy vì sự cấu tạo cây bửu thọ đã hoàn thành rồi.

Lấy sự tạo thành của một cây bửu thọ đơn cử ra đây, chẳng qua là để làm thí dụ cho ta hiểu rằng sự hoàn thành cả cõi Tịnh độ đòi hỏi công phu và thời gian lâu dài đến bậc nào. Ở thế giới Cực lạc không riêng gì một cây này mà tất cả sự vật, hình hình sắc sắc ngàn sai muôn khác, thấy đều có một nguồn gốc tạo thành giống như thế cả.

Còn lý do khiến Ngài pháp Tạng Tỳ kheo phát tâm tu tập tư duy nhiếp thủ để tạo thành cảnh giới Tịnh độ là cốt nhằm xây dựng một chốn đạo tràng thanh tịnh trang nghiêm để tiếp độ chúng sanh. Ngài đã vận hết tinh thần trải qua năm đại kiếp mới thành tựu xong. Đến nay, thế giới Cực lạc là nơi quy túc () của chúng ta về sau. Sanh về đó là nấc thang thoát ly sanh tử luân hồi để cho chúng ta bước lên đường cứu kính giải thoát. Vậy xem đó, chúng ta có thể ý niệm được lòng từ bi vô hạn của đức Phật A Di Đà đối với chúng sanh là nhường nào vậy.

Phật học chia quả báo làm hai loại: quả báo hiện trong tự thân là chánh báo; quả báo hiện ngoài tự thân, như hoàn cảnh, quốc độ và tất cả sự vật chung quanh, là y báo.

Sự tôn nghiêm của y báo và chánh báo ở cõi Cực lạc đại khái đều có chép trong ba bộ kinh dạy về pháp môn Tịnh độ () Nhưng trong ba bộ kinh ấy cũng chỉ mới giải bày một cách khái quát mà thôi, và những điều của ba bộ kinh ấy trình bày chẳng qua cũng chỉ như một giọt nước so với bể cả mênh mông! Nếu nói cho rõ ràng đầy đủ, tưởng e cùng kiếp mãn đời cũng không bao giờ nói hết được.

Tuy không tài nào diễn tả được hết, nhưng đại phạm "trăm nghe không bằng một thấy", người tu hành nếu kiên cố nhất tâm niệm Phật, trong tương lai được vãng sanh Tịnh độ rồi, khi tự thân mình đã an trú trong cảnh giới đó, tất nhiên tự mình trông thấy rõ ràng khỏi cần ai thuyết giáo nhiều lời.

Trong khi chờ đợi một sự thân chứng đích xác hơn, bây giờ ta hãy tạm y cứ vào kinh điển để biết một cách khái lược về trạng thái trang nghiêm của thế giới Cực lạc.

a) Chánh báo trang nghiêm ()

Chánh báo trang nghiêm gồm có các chi tiết lược kê như sau:

1) Thân tướng trang nghiêm. Nhân dân trong cõi Tịnh độ, thân toàn sắc vàng, có đủ 32 tướng tốt, hình mạo giống nhau, không kẻ đẹp người xấu, dung sắc vi diệu, cao lớn khôi ngô, vô cùng xinh đẹp.

2) Thọ mạng vô hạn. Sống lâu vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp (a tăng kỳ = vô số), tự chủ hoàn toàn, tùy theo bản nguyện.

3) Có phép thần thông. Từ thiên nhãn thông (thấy suốt tất cả) đến thiên nhĩ thông (nghe suốt tất cả), tha tâm thông (biết suốt tâm niệm kẻ khác), túc mạng thông (biết rõ kiếp trước), thần túc thông (đi lại tự tại); nếu chứng được quả vị A la hán thì còn được thêm lậu tận thông (dứt sạch nghiệp luân hồi)

4) Thường an trú chánh định. Tâm trí luôn luôn an định, không bị hoàn cảnh chi phối tán động.

5) Không còn đọa ác đạo. Đã sanh Tịnh độ thì không bao giờ còn bị sa đọa vào ba đường dữ tại: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

6) Hoa sen hóa sanh. Nhân dân ở Tịnh độ đều hóa sanh từ hoa sen mọc trong hồ bảy báu; tuyệt nhiên không do ái dục giữa nam nữ mà thành.

7) An vui thanh tịnh. Thân tâm được an lạc như các vị Tỳ kheo đã chứng quả A la hán (lậu tận thông).

8) Không còn có tên bất thiện. Ở cõi Tịnh độ không còn có gì được gọi là bất thiện; danh từ bất thiện cũng không có, huống nữa là sự thật bất thiện.

9) Đạo tâm bất thoái. Được sanh về cõi Tịnh độ, tâm niệm luôn luôn vững mãnh tinh tấn, một mạch thẳng tiến đến đạo quả vô thượng Bồ đề, không còn thoái chuyển.

10) Trí huệ biện tài. Đọc tụng kinh văn thọ trì giáo pháp một cách tinh tế và có đủ tài biện luận vô ngại.

11) Được vô sanh nhẫn. Chứng quả vô sanh pháp nhẫn tức là phá trừ hết ngã chấp và pháp chấp, đạt được chơn trí, và chơn trí ấy xứng hợp với chơn lý; lý và trí không hai.

12) Oai lực tự tại. Có đủ năng lực lớn lao và thần thông tự tại như các bậc Thanh văn và Bồ tát đủ năng lực nắm tất cả thế giới vào trong lòng bàn tay.

13) Thân sáng chói lợi. Hàng Thanh văn thân thì chiếu sáng được một tâm; hàng Bồ tát thì thân chiếu sáng được từ một trăm do tuần cho đến tam thiên đại thiên thế giới.

14) Vô số Thanh văn. Trong hội đầu tiên của Đức Phật A Di Đà đã giáo hóa, số chúng sanh chứng quả Thanh văn không thể kể xiết. Số Bồ tát cũng vậy. Về số lượng Thanh văn và Bồ tát chứng quả này. Đức Thích Ca đã bảo cho Ngài A Nan hay rằng: "Có sức thần như Mục Kiền Liên và dùng sức thần thông ấy trải qua trăm ngàn muôn ức vô số kiếp, cũng không thể biết được số lượng Thanh văn Bồ tát chứng quả trong đại hội đầu tiên của Đức A Di Đà giáo hóa; dù cho có biết được một phần nào mà nếu đem so với số chưa biết được thì cũng không khác nào một giọt nước so với biển cả."

15) Vô số bồ xứ Bồ tát. Ở quốc độ Cực lạc, chúng sanh đều bất thoái chuyển; trong số bất thoái chuyển đó, số người sẽ bồ xứ "bồ xứ = sắp thành Phật" không thể đếm hết được.

b) Y báo trang nghiêm()

Y báo trang nghiêm gồm có các chi tiết lược kê như sau:

1) Quốc độ bằng phẳng thanh tịnh: Toàn quốc không có bụi nhơ, không có núi Tu Di và các núi non gò đống khác; cũng không có biển lớn biển nhỏ mênh mông hoặc khe ngòi hang hồ trập trùng.

2) Mặt đất do bảy báu tạo thành: Ở quốc độ Cực lạc, ngọc lưu ly rải khắp mặt đất, xen lộn với bảy báu, trong suốt từ trong ra ngoài. Dưới đáy đất có đế bằng vàng, kim cang và thất bảo chống đỡ đất lưu ly. Xung quanh đế, trong tám phương có tám góc; mỗi góc khảm bằng thất bảo; mỗi thứ trong thất bảo chiếu ra trăm ngàn ánh sáng có tám vạn bốn ngàn màu sắc chói sáng rực rỡ lên mặt đất lưu ly có dây chuyền vàng bùa giảng, xen lộn với thất bảo,

tạo thành những ranh giới ngay thẳng phân minh, rộng rãi bao la, mênh mông bát ngát, tráng lệ thanh kỳ, trang nghiêm tuyệt diệu!

3) Khí hậu ôn hòa: Khí hậu không lạnh không nóng, mát mẻ quanh năm, không phân chia bốn mùa: xuân, hạ, thu, đông.

4) Lưới báu bùa giảng: Vô lượng lưới báu giảng khắp cõi Phật. Dây giảng toàn bằng vàng, kết tủa bằng ngọc trên châu, xen lẫn với trăm ngàn thứ ngọc báu khác xinh đẹp lạ lùng. Chung quanh bốn phía lưới có treo các linh báu sáng ngời chói lợi vô cùng tráng lệ. Mỗi khi gió diệu thổi qua, linh báu phát ra vô lượng phát âm khiến chúng sanh ở đây, hãy nghe tiếng linh thì tự nhiên sanh tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

5) Sáu thời mưa hoa: Ngày đêm chia sáu thời có gió diệu phảng phất; đồng thời từ trên trời, hoa mạn đà la rơi xuống cùng khắp bờ cõi thơm tho mát dịu. Mỗi lần mưa hoa, chân bước xuống lún bốn tấc, như đi trên nệm gấm nhưng theo bước chân đỡ lên, lớp hoa lại hợp liền lại như cũ. Tuần tự trước sau, hoa ấy héo dần rồi biến mất, mặt đất trở lại sạch sẽ. Ngày đêm có sáu lần cảnh tượng ấy diễn đi diễn lại như thế.

6) Sen báu đầy dãy: Các thứ hoa sen báu mọc lên cùng khắp cả cõi Phật. Mỗi một hoa sen báu lại có trăm ngàn ức cạnh. Từ các cạnh, sức chói sáng của hoa ánh ra vô lượng màu sắc. Sắc xanh phóng ra hào quang xanh; sắc trắng phóng ra hào quang trắng; các sắc huyền, vàng, đỏ, tím, mỗi mỗi đều phóng một loại hào quang riêng vô cùng rực rỡ chói lợi, lấn áp cả ánh sáng mặt trăng mặt trời.

7) Hóa Phật thuyết pháp: Từ mỗi hoa sen báu tuôn ra ba mươi sáu trăm ngàn ức hào quang; trong mỗi hào quang hiện ra ba mươi sáu trăm ngàn ức đức Phật, với thân vàng sáng chói, tướng tốt trang nghiêm mỗi một đức Phật, lại phóng ra vô số hào quang chiếu sáng khắp mười phương và nói pháp nhiệm màu cho mười phương nghe.

8) Cây đạo tràng của Phật: Cây đạo tràng của Đức Phật A Di Đà là do các báu hợp thành. Ngài lại dùng trên châu mã não trang sức thêm. Chung quanh cây, trên các nhánh lớn cành con, các thứ chuỗi ngọc treo lủng lẳng, tỏa ra trăm ngàn vạn sắc tân kỳ. Trên cây đạo tràng, lưới báu xinh đẹp bùa giảng; hết thảy đều trang nghiêm và tùy ý ứng hiện.

9) Cây báu phát âm thanh: Vô số cây báu mọc cùng khắp cõi Tịnh độ. Có cây chỉ do một ngọc báu tạo thành; có cây do hai, ba cho đến bảy loại ngọc

báu xen lẫn nhau mà đúc lên. Các loại cây báu ấy mọc từng hàng ngang nhau, trở từng cành đối nhau, đâm từng nhánh so nhau lá lá hướng với nhau hoa hoa giao với nhau, trái trái tương đương nhau, xanh tươi xinh đẹp không thể tả xiết. Khi một làn gió nhẹ thoảng qua, từ cành từ lá, từ hoa, từ quả mỗi mỗi đều phát ra năm thứ thanh âm hòa nhã như trăm ngàn điệu nhạc hòa tấu một cách tự nhiên. Nhạc điệu du dương tuyệt diệu hơn gấp trăm ngàn muôn ức lần tiếng nhạc của cung trời Lục dục và phát ra vô lượng thanh âm màu nhiệm. Nghe tiếng nhạc ấy rồi chúng sanh liền lần lượt chứng nhập giáo pháp sâu xa, tiến lên bậc bất thoái, tiến mãi cho đến khi thành tựu quả Phật. Nghe tiếng nhạc ấy rồi thì tai trở nên thanh tịnh không còn các khổ hoạn, mắt trông thấy được sắc cây, mũi ngửi được hương cây, miệng nếm được vị cây, thân tiếp xúc được ánh sáng của cây tỏa ra, ý suy nghĩ hình dáng của cây. Sáu căn đã lãnh hội được hoàn toàn cây báu rồi thì liền đó ngộ được thậm thâm pháp nhẫn mà lên bậc bất thoái. Từ đó mãi cho đến khi thành đạo quả, không còn có sự nhiễu hại và lục căn luôn luôn được thanh tịnh.

10) Muôn vật nghiêm lệ: Hết thấy muôn vật đều trang nghiêm thanh tịnh, sáng suốt xinh đẹp. Hình sắc đặc biệt và lộng lẫy một cách vi diệu, không thể tả xiết.

11) Không có ba đường dữ: Không có các khổ nạn của ba cảnh giới địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh

12) Cung điện trang nghiêm: Hết thấy nhà cửa như giảng đường tịnh xá, cung điện, lầu gác đều tự nhiên thành tựu và đều trang hoàng bằng bảy thứ báu. Trên nhà cửa cung điện còn có giảng phủ một lớp mặt võng làm bằng các thứ báu trân châu, ma ni, minh nguyệt. Lại nữa nhà cửa cao thấp, rộng hẹp, lớn nhỏ và được xây cất bằng một, hoặc hai, hoặc vô lượng thứ báu, hết thấy đều tùy sở nguyện mà liền có ứng hiện.

13) Quốc độ thanh tịnh: Quốc độ thanh tịnh trong suốt như một thể giới pha lê, chiếu tỏa khắp mười phương, khiến từ đó có thể trông thấy được vô lượng vô biên vô số thể giới của Chư Phật bất khả tư nghì.

14) Hồ tắm trong thơm: Nước trong các hồ tắm yên lặng trong suốt, bản chất thanh tịnh mùi vị thơm tho như nước cam lồ và có đầy đủ tám tính chất gọi là "bát công đức thủy." Nếu là hồ hoàng kim thì dưới đáy là cát bạch ngân; nếu là hồ bạch ngân thì dưới đáy là cát vàng; nếu là hồ thủy tinh thì dưới đáy là cát lưu ly; nếu là hồ lưu ly: thì dưới đáy là cát thủy tinh; nếu là hồ san hô thì dưới đáy là cát hổ phách; nếu là hồ hổ phách thì dưới đáy là cát san hô;

nếu là hồ xa cù thì dưới đáy là cát lưu ly; nếu là hồ lưu ly thì dưới đáy là cát xa cù; nếu là hồ bạch ngọc thì dưới đáy là cát vàng tía; nếu là hồ vàng tía thì dưới đáy là cát bạch ngọc. Các nhóm báu ấy còn thay đổi tùy theo ý người muốn: hoặc do hai thứ báu, hoặc do ba, bốn cho đến bảy thứ báu mà hợp thành hồ.

15) Nước hồ lên xuống tùy nguyện: Nhân dân ở quốc độ Cực lạc, một khi bước chân xuống hồ, mực nước lên xuống cao thấp đều tùy theo ý nguyện. Cũng tùy theo ý nguyện mà nước hồ có ấm lạnh một cách tự nhiên. Tắm xong, tinh thần thấy sáng khoái và tẩy trừ hết tâm cấu nhiễm. Mỗi khi bước xuống tắm bốn phía bờ hồ có tiếng sóng vỗ lao xao như một điệu nhạc, phát ra tiếng niệm Phật niệm Pháp niệm Tăng tiếng tịch tịnh xa vắng, tiếng vô ngã, tiếng đại từ đại bi, tiếng ba la mật. Những tiếng phát ra như vậy rất xứng hợp với người nghe và khiến người nghe sanh tâm hoan hỷ vô lượng

16) Hương xông ngào ngạt: Từ mặt đất lên đến hư không, hết thảy cung điện, lầu gác hồ sen, cây hoa v.v... Cho đến tất cả vạn vật đều xông ướp trong trăm ngàn thứ hương thơm, kết hợp do vô lượng tạp bảo đặc biệt. Hương ấy tỏa khắp mười phương thế giới; Bò tát người thấy mùi hương liễn dững mãnh tu theo hạnh Phật.

17) Thức ăn tinh khiết: Thức ăn gồm các thứ hương hoa vô cùng tinh khiết và thù thắng hơn ở cả cảnh trời. Khi muốn ăn, chén bát thất bảo tự nhiên hiện ra với trăm thức ăn uống đầy đủ. Cách ăn không như ở cảnh giới chúng ta, mà chỉ bằng tác ý và bằng mắt thấy tai nghe, tức thời tự nhiên bảo mãn. Ăn xong, thức ăn tiêu hóa; đến giờ ăn sau, những thức ăn mới lại tự nhiên hiện ra như trước.

18) Y phục tùy niệm: Y phục của nhân dân tùy niệm tùy hiện, không cần may, cắt, giặt, nhuộm.

19) Chim biết thuyết pháp: Các thứ chim ở cõi này đều là hóa thân của đức A Di Đà. Ngài biến hóa ra các thứ chim tạp sắc kỳ diệu như bạch hạc, hồng tước, anh vũ, xá lợi, ca lăng tằng già, cọng mạng, chim phù, chim nhận, chim oan ương v.v... ngày đêm sáu thời, kêu tiếng hòa nhã. Tiếng ấy giảng giải pháp ngũ căn, ngũ lực, bảy phẩm bồ đề, tám pháp chánh đạo v.v... Khiến người nghe đều phát tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

---o0o---

TIẾT HAI: 48 LỜI NGUYỆN

Như trong một đoạn trước đã nói. Đức Phật A Di Đà, trong thời làm thầy Tỳ kheo, lấy pháp danh là Pháp Tạng. Pháp Tạng Tỳ kheo, sau khi đã được nghe giảng về quốc độ thanh tịnh của Chư Phật, liền đến quỳ trước đức Phật Thế Tụ Tại Vương, phát 48 lời đại nguyện cứu độ chúng sanh. Bốn mươi tám lời đại nguyện ấy có ghi chép trong kinh Quán Vô lượng Thọ. Tinh thần các lời thề nguyện thật là bao la bát ngát. Ở đây chỉ riêng trích những lời có liên hệ mật thiết với sự tu hành của chúng ta, hầu giúp chúng ta có sự quan tâm và sách lệ trên bước đường tu tập. Một khi chúng ta đã rõ được phần nào ân đức rộng rãi bao la của Phật, chúng ta há lại không nỗ lực tinh tấn để khỏi phụ lòng từ bi vô hạn của Phật ư ?

Nguyện thứ nhất: Trong nước không có ba ác đạo.

Nguyện rằng: "Thề quyết không thủ ngôi Chánh giác nếu khi tôi thành Phật mà trong quốc độ còn có ba ác đạo: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh."

Nguyện thứ 2: Người trong nước khi thọ chung không còn đọa ba ác đạo

Nguyện rằng: "Thề quyết không thủ ngôi Chánh giác, nếu khi tôi thành Phật mà thiên nhơn trong quốc độ sau khi thọ chung còn đọa lạc ba ác đạo."

Nguyện thứ 3: Người trong nước đều toàn sắc vàng.

Nguyện rằng: "Thề quyết không thủ ngôi Chánh giác, nếu khi tôi thành Phật mà thiên nhơn trong quốc độ không được sắc vàng như chơn kim."

Nguyện thứ 4: Người trong nước đều có hình tướng xinh đẹp giống nhau.

Nguyện rằng: "Thề quyết không thủ ngôi Chánh giác, nếu khi tôi thành Phật mà thiên nhơn trong quốc độ còn có hình tướng kẻ đẹp người xấu không đồng."

Nguyện thứ 5: Người trong nước đều được túc mạng thông.

Nguyện rằng: "Thề quyết không thủ ngôi Chánh giác, nếu khi tôi thành Phật mà nhân dân trong quốc độ không chúng được túc mạng thông, không biết suốt trăm ngàn ức kiếp về trước."

Nguyện thứ 6: Người trong nước đều được thiên nhãn thông.

Nguyện rằng: "Thề quyết không thủ ngôi Chánh giác, nếu khi tôi thành Phật mà nhân dân trong quốc độ không chứng được thiên nhãn thông, không thấy suốt trăm ngàn muôn ức quốc độ Chư Phật trong 10 phương."

Nguyện thứ 7: "Thề quyết không thủ ngôi Chánh giác, nếu khi tôi thành Phật mà thiên nhơn trong quốc độ không chứng được thiên nhĩ thông, không nghe suốt trăm ngàn muôn ức lời thuyết pháp của chư Phật trong mười phương và không thọ trì được tất cả lời thuyết pháp ấy."

Nguyện thứ 8: Người trong nước đều được tha tâm thông.

Nguyện rằng: "Thề quyết không thủ ngôi Chánh giác, nếu khi tôi thành Phật mà thiên nhơn trong quốc độ không chứng được tha tâm thông, không hiểu suốt tâm trí kẻ khác cùng là tâm niệm của chúng sanh trong trăm ngàn muôn ức quốc độ của chư Phật."

Nguyện thứ 9: Người trong nước đều được thần túc thông.

Nguyện rằng: "Thề quyết không thủ ngôi Chánh giác, nếu khi tôi thành Phật mà nhân dân trong quốc độ không chứng được thần túc thông, không bay khắp trăm ngàn muôn ức thế giới chư Phật trong khoảng một niệm."

Nguyện thứ 15: Người trong nước thọ mạng vô lượng và đều tự tại trong sự sống chết

Nguyện rằng: "Thề quyết không thủ ngôi Chánh giác, nếu khi tôi thành Phật mà nhân dân trong quốc độ không được sống lâu vô lượng và không được sống chết tự tại tùy theo bản nguyện riêng."

Nguyện thứ 18: Chúng sanh trong mười phương chỉ tu phép thập niệm cũng đủ được vãng sanh.

Nguyện rằng: "Thề quyết không thủ ngôi Chánh giác, nếu khi tôi thành Phật, có chúng sanh trong mười phương một lòng tin tưởng tôi, hằng ngày niệm được 10 lần tên hiệu tôi để cầu vãng sanh Cực lạc mà đến khi lâm chung chẳng đặng như nguyện."

Nguyện thứ 19: Chúng sanh trong mười phương phát nguyện vãng sanh Cực lạc đều được tiếp đón.

Nguyện rằng: "Thề quyết không thủ ngôi Chánh giác, nếu khi tôi thành Phật, có chúng sanh trong mười phương phát tâm Bồ đề, tu hành các món công đức, cầu được vãng sanh Cực lạc mà đến khi họ lâm chung, tôi và đại chúng Bồ tát không phóng quang hiển hiện ra trước mắt để tiếp dẫn họ về nước Cực lạc"

Nguyện thứ 20: Chúng sanh trong mười phương hồi hướng công đức đều được vãng sanh Tịnh độ.

Nguyện rằng: "Thề quyết không thủ ngôi Chánh giác, nếu khi tôi thành Phật, chúng sanh trong mười phương, nghe đến danh hiệu tôi, tưởng nghĩ đến quốc độ tôi, làm các việc công đức để hồi hướng nguyện vãng sanh về nước Cực lạc mà không được như nguyện."

Nguyện thứ 21: Người trong nước đều có đủ 32 tướng tốt.

Nguyện rằng: "Thề quyết không thủ ngôi Chánh giác, nếu khi tôi thành Phật mà nhân dân trong quốc độ không có đủ 32 tướng tốt của trượng phu."

Nguyện thứ 27: Vạn vật trong nước đều trang nghiêm, thanh tịnh, sáng suốt, đẹp đẽ vô lượng vô biên

Nguyện rằng: "Thề quyết không thủ ngôi Chánh giác, nếu khi tôi thành Phật mà tất cả vạn vật trong quốc độ, thân tướng không trang nghiêm thanh tịnh, không sáng suốt đẹp đẽ và hình sắc không thù thắng đặc biệt, không tinh vi huyền diệu. Giả có chúng sanh dù đã chứng được thiên nhãn đi nữa, vẫn không thể biện biệt hết số lượng của vạn vật trang nghiêm ấy."

Nguyện thứ 31: Quốc độ thanh tịnh chiếu khắp các thế giới.

Nguyện rằng: "Thề quyết không thủ ngôi Chánh giác, nếu khi tôi thành Phật mà quốc độ không thanh tịnh không soi suốt mười phương vô lượng vô số bất khả tư nghì thế giới chư Phật như gương sáng trong suốt mọi vật."

Nguyện thứ 32: Tạp bảo cung điện ngào ngạt hương xông.

Nguyện rằng: "Thề quyết không thủ ngôi chánh giác, nếu khi tôi thành Phật mà cung điện, lầu gác, cây hoa, cũng như tất cả vạn vật trong quốc độ không ngào ngạt trăm ngàn hương thơm do vô lượng tạp bảo chung cộng hợp thành, xông ngát từ mặt đất lên đến hư không. Hương thơm ấy phải kỳ diệu

hơn tất cả hương trời, tỏa khắp mười phương thế giới và sẽ khiến Bồ tát nghĩ thấy đều dũng mãnh tu theo hạnh Phật."

Nguyện thứ 34: Chúng sanh trong mười phương nghe được danh tự Phật đều chứng được vô sanh pháp nhẫn.

Nguyện rằng: "Thề quyết không thủ ngôi Chánh giác nếu khi tôi thành Phật, mà các loại chúng sanh trong mười phương vô lượng bất khả tư nghì thế giới của chư Phật nghe đến danh tự tôi, mà không chứng được vô sanh pháp nhẫn của Bồ tát cùng là các phép tông trì thâm diệu."

Nguyện thứ 35: Nữ chuyển thành Nam

Nguyện rằng: "Thề quyết không thủ ngôi Chánh giác, nếu khi tôi thành Phật, có những người nữ trong mười phương vô lượng bất khả tư nghì thế giới chư Phật, chán ghét thân phụ nữ nghe đến hiệu tôi, phát tâm Bồ đề, hoan hỷ tin tưởng, cầu xả bỏ thân phụ nữ mà đến lúc thọ chung vẫn không xả bỏ được thân phụ nữ."

Nguyện thứ 38: Y phục của nhân dân tùy niệm liền hiện, khỏi cần phải cắt may giặt nhuộm.

Nguyện rằng: "Thề quyết không thủ ngôi Chánh giác, nếu khi tôi thành Phật mà nhân dân còn có người cần phải cắt may giặt nhuộm mới có áo quần, chứ không được tùy niệm liền hiện như lời Phật tán thán: Diệu phục đúng pháp, tự nhiên đắp lên trên mình."

Nguyện thứ 39: Người trong nước an lạc như hàng lậu tận.

Nguyện rằng: "Thề quyết không thủ ngôi Chánh giác, nếu khi tôi thành Phật mà nhân dân trong quốc độ không hưởng thọ an lạc như các hàng lậu tận Tỳ kheo."

Hai mươi một lời nguyện trọng yếu trong số 48 đại nguyện lược trích trên đây quan hệ mật thiết vô cùng đối với chúng ta. Hai mươi bảy lời nguyện còn lại chỉ riêng liên quan với các hàng đại Bồ tát, nên đối với chúng ta chưa phải là nhu cầu cần thiết. Vì vậy nên ở đây miễn nói đến. Ai muốn biết tường tận xin hãy xem trong kinh Quán Vô Lượng Thọ.

Trong mỗi lời nguyện đều có câu "Thề quyết không thủ ngôi Chánh giác." Xin lưu ý rằng đó là một điều quan trọng. Không thủ ngôi Chánh giác tức là

từ chối quả vị Phật, không chịu làm Phật để riêng an hưởng thường, lạc, ngã, tịnh một mình, trong khi chúng sanh trong quốc độ còn đau khổ. Lời nguyện vừa hợp tình, vừa xứng lý, vừa quảng đại bao la, thể hiện hoàn toàn được cả một trời đại từ đại bi thăm thẳm, khó thể nghĩ bàn.

Trong kinh "Phật thuyết A Di Đà", đức Thích Ca dạy rằng: Đức Phật A Di Đà thành Phật đã từ mười kiếp rồi và 48 lời đại nguyện của Ngài đều đã được thực hiện hoàn toàn viên mãn. Nếu không như thế, Ngài quyết không chịu thành Phật.

Đọc lại các lời đại nguyện của đức Phật A Di Đà trên đây, ngay trong hàng tín đồ rất có thể có kẻ móng tâm bán tín bán nghi. Mà bán tín bán nghi là lẽ thường tình, vì chính ngay đức Phật Thích Ca cũng đã tiên đoán như vậy khi Ngài dạy rằng đây là một "nan tín chi pháp", khó thể nghĩ nghĩ. Nhưng chúng ta hãy xét rằng người quân tử ở thế gian còn không bao giờ dám nói sai lời, huống hồ là đức Phật, đáng đầy đủ phước đức trí huệ, muôn hạnh vẹn toàn. Vì vậy, chúng ta phải thật lòng chí thành thâm tín. Có thâm tín mới quyết nghị và chỉ khi nào quyết nghị được, thì muôn hạnh muôn đức mới phát sanh ra. Kinh dạy: "Nghĩ tắc hoa bất khai" nghĩa là hễ còn ngờ vực thì hoa không nở. Dù công hạnh nhiều đến đâu mà lòng thâm tín chưa kiên cố thiết tha thì rất khó có kết quả.

Ta cũng nên lưu ý thêm rằng các đại nguyện trên đây đều thuộc trách nhiệm riêng của Phật. Duy có ba điểm 18, 19 và 20 thì cả đôi bên, Đức Phật và người tu cùng liên đới chịu trách nhiệm. Đại nguyện thứ 18 nói rằng người tu hành dù chỉ đều đều xưng danh hiệu Ngài mười lần mỗi ngày (tu phép thập niệm), cũng được vãng sanh. Nếu không được vãng sanh, ấy là trách nhiệm của Ngài. Nhưng nếu ta không chí tâm tin tưởng và không giữ được phép thập niệm đều đặn mỗi ngày thì đó là lỗi của ta. Hai đại nguyện 19 và 20 kế tiếp liền đó cũng bao hàm cái ý liên đới trên trách nhiệm như thế cả.

Nếu chúng ta nhứt tâm tin tưởng, dũng mãnh thực hành ba sự kiện: niệm danh hiệu, nguyện vãng sanh và hồi hướng tất cả công đức để cầu sanh Tịnh độ, tức là chúng ta đã làm xong nhiệm vụ. Việc đáng làm, cần làm, chúng ta đã làm. Kỳ dư bao nhiêu điều khác hoàn toàn do trách nhiệm của đức Phật A Di Đà tất cả.

Nói tóm lại, pháp môn niệm Phật cầu vãng sanh Tịnh độ đặt căn cứ trên hai yếu tố cơ bản: đức từ bi quảng đại của chư Phật và lòng ưa muốn thiết tha của chúng sanh, trên dưới giao cảm nhau, nương tựa nhau mà có khai hoa

kết trái. Khi sự giao cảm tương duyên đã thấm thiết đậm đà đến mức không còn ranh giới của giao cảm nữa tức nhiên trong nhơn tướng, quả thể đã hiện bày một cách cụ thể. Đến lúc ấy, nhơn cũng tức là quả, mà quả cũng tức là nhơn. Hiện tiền, kết quả đã có thể chứng nghiệm được, lo gì lúc lâm chung không vãng sanh lạc quốc! Sự quan trọng chỉ cốt ở chỗ đức tin có vững không. Lòng tin đã thấm thiết chưa và sự thực hành có thường xuyên và đúng đắn không? Tất cả chánh yếu của vấn đề là tại chỗ đó mà thôi.

Hơn nữa, pháp môn niệm Phật còn hàm súc một đạo lý rất vi diệu thậm thâm và còn có nhiều tác dụng bất khả tư nghì, chứ không phải đơn giản như người thường hay lầm tưởng. Chính đức Thích Ca đã than rằng đây là một pháp "nan tín" mà đây cũng là một pháp có diệu dụng bất khả tư nghì nhất.

---o0o---

TIẾT BA: BA BẬC VÀ CHÍN PHẨM VẮNG SANH

Với pháp môn niệm Phật, bất luận là bậc Đại đức bác thông tam tạng hay là hạng độn căn tối dạ một chữ không học, hễ cứ nhất tâm chuyên niệm, dứt trừ được các mối nghi thì thấy đều được vãng sanh, không bỏ sót một ai. Sở dĩ thành tựu được toàn vẹn như thế là vì sự vãng sanh không chỉ riêng do tự lực mà đơn độc thành tựu. Phải còn nhờ Phật lực nhiếp thọ. Phần này là phần quan trọng có ảnh hưởng đều, ai cũng như ai. Nhưng tuy cùng vãng sanh như nhau, song vì sự bất tề về trí thức và công hạnh nên phẩm vị cao thấp bất đồng có khác biệt nhau.

Sự bất đồng về phẩm vị theo kinh Đại Bản nói có ba, theo Quán kinh nói có chín. Ba hay chín, tuy có khác nhau ở con số, nhưng so về ý nghĩa thì không có gì là chênh lệch. Một bên nói phớt về đại cương, một bên đi sâu vào chi tiết chẳng qua là sự sai biệt vì tường tận hay khái lược mà thôi.

Sự phân chia ra ba bậc chín phẩm đại khái được quy định như sau:

Ba phẩm bậc trên dành riêng cho hàng xuất gia ly dục thanh tịnh, nhờ đọc tụng Đại thừa, thâm giải đệ nhất nghĩa đế (chơn lý tuyệt đối), rộng tu các công đức.

Ba phẩm bậc trung dành cho hàng chúng sanh phụng trì trai giới, hồi hướng công đức, hiếu dưỡng cha mẹ, tu các nhơn lành ở đời, chuyên niệm danh hiệu Phật.

Ba phẩm bậc dưới dành cho hàng chúng sanh biết sám hối tội lỗi sau khi đã lỡ lầm, biết tinh tấn tu theo phép thập niệm. Cả ba đều cùng lấy sự phát Bồ đề tâm làm động cơ căn bản.

Sau đây xin căn cứ theo kinh Quán Vô lượng thọ, lược giải chín phẩm vãng sanh:

---o0o---

A- SANH VỀ 3 PHẨM BẬC TRÊN (thượng)

1. PHẨM THƯỢNG THƯỢNG

a) Hành động trong lúc sanh tiền

Dấy động từ tâm không sát hại sanh vật, cụ túc các giới hạnh, đọc tụng kinh điển Đại thừa, tưởng niệm 6 phép tu hành (tưởng niệm Phật, tưởng niệm Pháp, tưởng niệm Tăng, tưởng niệm bồ thí, tưởng niệm giới hạnh, tưởng niệm phước đức) hồi hướng công đức, phát nguyện cầu sanh Tịnh độ. Tròn đầy các công đức ấy rồi thì từ 1 ngày đến 7 ngày sẽ được vãng sanh.

b) Trạng huống lúc lâm chung

Đức Phật A Di Đà, đức Quán Thế Âm, đức Đại Thế Chí cùng các đấng Hóa Phật và Thánh chúng, tay nâng đài kim cang đến trước người hành giả. Phật và Bồ tát đều phóng hào quang chiếu sáng khắp thân hình hành giả, đưa tay tiếp dẫn tán thán công đức và khuyến khích tinh tấn. Hành giả hoan hỷ bước lên đài kim cang, tùy hành theo Phật và Thánh chúng. Trong khoảnh khắc, vãng sanh Cực lạc.

c) Kết quả sau khi vãng sanh

Sau khi sanh về cõi Tịnh độ rồi, thấy được rừng cây ao báu, khắp nơi Phật và Bồ tát, sắc tướng trang nghiêm hiện ra diễn thuyết pháp mầu. Nghe xong, liền ngộ vô sanh pháp nhẫn. Trong chốc lát, dạo khắp mười phương, phụng sự hằng sa chư Phật. Theo thứ lớp được thọ ký, chứng đặng vô lượng pháp môn tổng trì rồi trở về quốc độ mình tùy nguyện hóa độ chúng sanh

---o0o---

2. PHẨM THƯỢNG TRUNG

a) Hành động trong lúc sanh tiền

Chưa thọ trì đọc tụng kinh điển Đại thừa, chưa hiểu rõ thâm nghĩa, nhưng đối với chơn lý đệ nhất nghĩa đế, lòng không kinh động. Đã thâm tín hơn quả, không hủy báng Đại thừa, đem công đức ấy hồi hướng cầu sanh Cực lạc.

b) Trạng huống lúc lâm chung

Đức Phật A Di Đà và toàn thể Thánh chúng, tay nâng đài vàng đến trước hành giả, tỏ lời tán thán công đức khuyến tu học lý đệ nhất nghĩa của Đại thừa. Hành giả ngồi lên đài vàng chấp tay tán Phật, trong khoảnh khắc liền sanh Tịnh độ.

c) Kết quả sau khi vãng sanh

Ở trên đài vàng như hoa sen lớn một đêm hoa nở để lộ ra một thân tướng sắc vàng. Hành giả nghe các âm thanh thuần nói pháp đệ nhất nghĩa rất sâu xa. Trải qua bảy ngày, không thoái chuyển Bồ đề tâm, liền sau đó bay đi khắp mười phương, lễ bái chư Phật, tu các pháp tam muội. Qua một kiếp, chứng được vô sanh pháp nhẫn và được thọ ký thành Phật.

---o0o---

3. PHẠM THƯỢNG HẠ

a) Hành động trong lúc sanh tiền

Tin nhân quả, không hủy báng Đại thừa. Có phát đạo tâm vô thượng, đem công đức ấy hồi hướng cầu sanh Tịnh độ.

b) Trạng huống lúc lâm chung

Thấy đức Phật A Di Đà, đức Quán Âm, đức Thế Chí cùng 500 hóa Phật đến rước, đồng thanh tán rằng: "Pháp tử! người đã phát đạo tâm vô thượng nên nay chúng ta đến rước ngươi." Hành giả thấy mình ngồi trên đài hoa sen vàng. Ngồi xong, hoa búp lại, theo Phật và Bồ tát vãng sanh trong ao sen thất bảo ...

c) Kết quả sau khi vãng sanh

Ngồi trong hoa sen được một ngày một đêm thì sen nở. Sau 7 ngày mới thấy tướng tốt của Phật nhưng chưa rõ lắm. Sau 21 ngày, mắt mới thấy tỏ tường đồng thời tai cũng nghe tiếng thuyết pháp. Rồi cũng chu du khắp mười phương để nghe chư Phật nói các pháp nhiệm màu. Trải qua 3 tiểu kiếp, chứng được bách pháp minh môn an trú ở địa vị Hoan hỷ (tức sơ địa Bồ tát).

---o0o---

B- SANH VỀ BA PHẨM BẬC GIỮA (Trung)

4. PHẨM TRUNG THƯỢNG

a) Hành động lúc sanh tiền

Thọ trì ngũ giới, tu bát quan trai giới, giới đức Thanh tịnh, không tạo nghiệp ngũ nghịch, không phạm các lỗi lầm, đem các công đức ấy nguyện vãng sanh Cực lạc.

b) Trạng huống lúc lâm chung

Khi gần lâm chung, thấy đức Phật A Di Đà cùng Thánh chúng phóng hào quang sắc vàng đến trước mặt hành giả. Tai nghe Phật thuyết bốn chơn lý: vô thường, khổ, không, vô ngã và tán thán hạnh Xuất gia. Hành giả rất hoan hỷ, ngồi trên hoa sen chấp tay lễ Phật, trong chốc lát liền vãng sanh.

c) Kết quả sau khi vãng sanh

Hoa sen liền nở và liền nghe thuyết pháp tán thán 4 chơn đế: Khổ, tập, diệt, đạo. Chứng quả A la hán, có đủ tam minh, lục thông và tám môn giải thoát đầy đủ.

---o0o---

5. PHẨM TRUNG TRUNG

a) Hành động lúc sanh tiền

Hoặc đã từng tu giới bát quan trai, hoặc đã từng thọ giới sa di, hoặc đã từng thọ giới cụ túc, mỗi công hạnh trong một ngày một đêm với đầy đủ oai nghi. Đem công đức ấy hồi hướng, cầu nguyện vãng sanh Cực lạc.

b) Trạng huống lúc lâm chung

Lúc gần lâm chung, thấy đức Phật A Di Đà phóng hào quang sắc vàng, tay nâng đài sen thất bảo, cùng với Thánh chúng đến trước mắt hành giả, tán thán rằng: "Thiện nam tử! Vì nhà ngươi tùy thuận theo lời Phật dạy nên ta đến rước ngươi." Hành giả ngồi lên hoa sen. Hoa sen búp lại rồi sanh về Cực lạc.

c) Kết quả sau khi vãng sanh

Ở trong hồ thất bảo bảy ngày, hoa sen mới nở. Mở mắt chấp tay tán thán đức Phật, nghe pháp hoan hỷ rồi chứng được quả Tu đà hoàn. Qua nửa kiếp liền chứng quả A la hán.

---o0o---

6. PHẨM TRUNG HẠ

a) Hành động lúc sanh tiền

Hiếu dưỡng cha mẹ, làm các việc nhân từ ở đời.

b) Trạng huống lúc lâm chung

Khi sắp lâm chung, được gặp Thiện tri thức, được nghe các việc an vui của thế giới đức Phật A Di Đà và được nghe 48 lời đại nguyện của Ngài Pháp Tạng Tỳ kheo. Nghe xong rồi thì mạng chung. Trong chốc lát, liền vãng sanh Cực lạc.

c) Kết quả sau khi vãng sanh

Trải qua 7 ngày, gặp đức Quán Thế Âm và đức Đại Thế Chi, nghe pháp hoan hỷ, chứng quả Tu đà hoàn. qua một tiểu kiếp, chứng quả A la hán.

---o0o---

C- SANH VỀ BA PHẨM BẬC DƯỚI (Hạ)

7. PHẨM HẠ THƯỢNG

a) Hành động lúc sanh tiền

Tuy không phi báng kinh điển Đại thừa, nhưng gây rất nhiều tội lỗi, làm nhiều điều ác ngu si không biết tự hổ.

b) Trạng huống lúc lâm chung

Lúc gần lâm chung, may mắn được gặp bậc đại Thiện tri thức nói cho nghe danh tự và đề mục 12 bộ kinh Đại thừa. Nhờ nghe tên 12 bộ kinh, trừ diệt được ác nghiệp nặng nề. Theo lời chỉ bảo của vị đại Thiện tri thức, chấp tay niệm danh hiệu Phật. Nhờ sự xưng danh ấy, trừ diệt được nhiều kiếp tội lỗi trong đường sanh tử luân hồi. Bảy giờ hóa Phật và hóa Bồ tát Quán Thế Âm và Đại Thế Chí đến trước người gần chết, tán thán rằng: "Thiện nam tử! Nhà ngươi nhờ có xưng danh hiệu chư Phật, tội lỗi được tiêu trừ, nên ta đến rước ngươi."

Thấy nghe xong, sanh lòng hoan hỷ, tức thời mạng chung. Liền cười hoa sen theo Phật sanh về hồ thất bảo.

c) Kết quả sau khi vãng sanh

Trải qua 49 ngày, hoa sen mới nở. Trong lúc hoa đương nở, đức Quán Thế Âm và đức Đại Thế Chí phóng hào quang sáng, đứng ở trước mặt, nói cho nghe giáo lý thâm thâm của 12 bộ kinh. Nghe rồi tín hiệu phát lòng vô thượng. Trải qua 10 tiểu kiếp, thông hiểu đầy đủ các pháp và thể chứng quả Sơ địa Bồ tát.

---o0o---

8. PHẨM HẠ TRUNG

a) Hành động lúc sanh tiền

Nghiệp chướng nặng nề. Hủy phạm ngũ giới, bát giới hay cụ túc giới. Ăn cắp vật dụng của Thường trú, của hiện tiền Tăng. Thuyết pháp không thanh tịnh, không biết hổ với mình thẹn với người. Tạo các tội như đã kể trên, đáng lẽ phải đọa địa ngục.

b) Trạng huống lúc lâm chung

Lúc gần lâm chung, tướng địa ngục hiện bày trước mắt. May mắn gặp được Thiện tri thức nói cho nghe oai đức quang minh, thần lực quảng đại của đức Phật A Di Đà và tán thán công năng của ngũ hương là giới hương, định hương, huệ hương, giải thoát hương và giải thoát tri kiến hương. Nghe xong liền tiêu trừ được tội nặng trong nhiều kiếp sanh tử, lửa dữ địa ngục liền chuyển hóa thành gió mát. Liền đó có mưa hoa rải rác, trên hoa có Phật và

Bồ tát hóa hiện ra để tiếp dẫn. Trong chốc lát, liền được vãng sanh vào hồ sen thất bảo.

c) Kết quả sau khi vãng sanh

Trải qua sáu kiếp, sen nở, đức Quán Thế Âm, đức Đại Thế Chí dùng pháp âm an ủi và nói cho nghe nghĩa lý sâu xa của kinh điển Đại thừa, nghe xong liền phát tâm vô thượng Bồ đề.

---o0o---

9. PHẨM HẠ HẠ

a) Hành động lúc sanh tiền

Làm các nghiệp bất thiện, gây đủ mọi tội lỗi như phạm tội ngũ nghịch, thập ác. Đã gây các nghiệp ác ấy là phải đọa địa ngục trải qua nhiều kiếp để chịu mọi khổ não.

b) Trạng huống lúc lâm chung

Lúc gần lâm chung, may gặp được Thiện tri thức nói cho nghe pháp mâu và bảo niệm danh hiệu Phật. Kẻ kia bị khổ não bức bách không thể niệm được. Thiện hữu thương xót khuyến khích và nhất tâm hộ niệm. Tiếng niệm Phật liên tục bất tuyệt, khiến kẻ kia có thể họa theo. Nếu họa niệm theo đủ 10 lần "Nam mô A Di Đà Phật" tức thời nhờ niệm lực ấy mà tội lỗi trong nhiều kiếp được tiêu tan. Lúc mạng chung liền thấy hoa sen vàng như vàng mặt nhứt hiện ra trước mắt. Trong khoảnh khắc liền vãng sanh thế giới Cực lạc.

c) Kết quả sau khi vãng sanh

Nằm trong hoa sen đủ 12 đại kiếp, sen mới nở đức Quán Thế Âm và đức Đại Thế Chí nói cho nghe thật tướng của các pháp và dạy cho phép diệt trừ tội chướng. Nghe xong, sanh tâm hoan hỷ, phát tâm vô thượng Bồ đề.

Như trên là tóm tắt trạng huống theo như quả của chín phẩm vãng sanh thuộc ba bậc: Thượng, Trung, Hạ.

Trong chín phẩm ấy, năm phẩm trước là kết quả của sự tu tập hồi hướng công đức nguyện cầu sanh về thế giới Cực lạc. Phẩm vị sở dĩ có cao thấp bất đồng là căn cứ nơi công tu tập sâu cạn mà có sai biệt.

Chỉ như bốn phẩm sau thì lại không cùng có nguyên nhân như trên. Những kẻ được vãng sanh thuộc 4 phẩm này chưa từng tu pháp xuất thế gian. Như phẩm thứ 6 (Trung hạ) chẳng hạn, thì chỉ có nguyên nhân là hiếu thuận với cha mẹ, nhơn từ với làng xóm, nghĩa là chỉ cần tu theo thiện pháp thông thường của thế gian mà thôi. Ba phẩm chót thuộc bậc Hạ sanh thì không những chưa tu thiện pháp thế gian mà lại còn tạo nhiều trọng tội nữa. Theo luật quả báo, lúc lâm chung, ác tướng hiện bày, lẽ đáng phải đọa ba đường dữ là địa ngục, ngã quỷ hay súc sanh. Thế mà, nhờ gặp thiện tri thức, phát được tín tâm trong lúc ấy, cũng được vãng sanh. Các trường hợp này, trong kinh mệnh danh là "đói nghiệp vãng sanh." Đói nghiệp vãng sanh toàn là nhờ nguyện lực rộng lớn của đức Phật A Di Đà vô cùng vô tận vậy. Vì lẽ đó, tôn Tịnh độ này đem so với các pháp môn tu trì khác, không pháp môn nào bì kịp. Cho nên, trong "Phật giáo Sơ học Khóa bản" nói rằng: "Những điều trong Quán kinh dạy thật rất kinh dị: Tạo tội ngũ nghịch mà vẫn được vãng sanh. Nguyện lực Phật quả khó lường. Trong tam tạng giáo điển, trừ Quán kinh ra, không thấy có chỗ nào nói như thế", thật là một pháp môn đặc biệt hy hữu.

Điểm thứ hai cần chú ý về Tịnh độ tôn là sức hộ niệm của thiện hữu tri thức phối hợp với nguyện lực bất khả tư nghì của Đức Phật A Di Đà, điểm đặc biệt này cũng choán hết 4 phẩm sau. Quả vậy, những kẻ được vãng sanh thuộc 4 phẩm sau lúc sanh tiền, chưa từng nghe đến vấn đề sanh Tịnh độ, chưa hề lưu ý đến Phật pháp, thế mà khi sắp lâm chung được gặp thiện tri thức khuyến khích tán thán xưng niệm danh hiệu, kết quả cũng được ngồi lên đài sen sanh về nước Phật, như thế, chúng ta thấy công năng gia trì hộ niệm của thiện tri thức vô cùng quý báu, quý báu cơ hồ như ngang với Phật lực!

Đồng thời, ta cũng nên ý thức sự quan trọng của giờ phút lâm chung là như thế nào? Mặc dù bình sanh có tu hay không tu, căn cứ vào trạng huống lúc lâm chung, người ta có thể quyết đoán rằng: "Hễ trong giờ phút lâm chung mà được thanh tịnh thì bất luận là ai, cũng đều được vãng sanh tất cả." Trái lại, giả sử cả đời tu hành, nhưng đến giờ phút lâm chung mà còn luyến tiếc, nghi ngờ, rối loạn, thì không thể nào vãng sanh được. Cho nên, những bậc thiện tri thức và ban hộ niệm không thể vắng mặt trong giờ phút "thiên thu vĩnh biệt" mà dù là Phật tử hay không Phật tử, nếu người ấy muốn có một cuộc đời hạnh phúc vĩnh cửu sau khi bỏ đời này qua đời khác.

Điểm thứ ba cần chú ý nữa là: không nên lầm lẫn giữa kết quả tất nhiên là 5 phẩm trước và kết quả hy hữu là 4 phẩm sau.

Khi nghe nói rằng chúng sanh trong 4 phẩm sau, lúc sanh tiền chưa từng niệm Phật, ngược lại còn làm các điều dữ, miễn lúc lâm chung gặp được Thiện tri thức chỉ điểm khai đạo, niệm được 10 lần danh hiệu Phật cũng vãng sanh; nghe nói như vậy rồi cho rằng lúc sanh tiền cần gì tu hành niệm Phật và làm các điều phước thiện cho nhọc sức, đợi lúc gần lâm chung nhờ người niệm hộ và tự mình chỉ cần niệm mười lần là đủ rồi. Quan niệm như thế, thật là vô cùng lầm lạc. Như vậy tỏ ra không hiểu ý nghĩa và tác dụng của pháp niệm Phật.

Bình thời, niệm Phật là gây cho mình một thói quen. Nhờ thói quen ấy nên lúc lâm chung, dù gặp hoàn cảnh nào cũng không quên niệm Phật. Có như thế mới có cảm ứng. Đó là hiện tượng chánh thường. Chứ như bình thời không niệm Phật vì không biết Phật, nhưng (lúc lâm chung, nhờ cơ duyên tốt, gặp được thiện tri thức hộ niệm dạy bảo), như đó phát sanh chánh niệm, liền được vãng sanh. Đây là hiện tượng đặc biệt

Cả hai trường hợp đều xuất ở lòng thành thật. Có khác chăng là hiện tượng chánh thường, chúng ta nên nương tựa vì ta là chủ động. Hiện tượng đặc biệt khó mà ý lại vì ta không chủ động được và trong muôn người chưa có được một thừa hưởng đặng cơ duyên hy hữu ấy.

Hơn nữa, biết mà không làm, đợi đến phút lâm chung mới chịu phát tâm, sự phát tâm ấy làm sao gọi được là chơn chánh? Với một bộ óc tính toán và vụ lợi như thế thì chỉ có thể phát sanh ra tà niệm mà thôi!

Tình cảnh chết chóc của loài người thật là thiên hình vạn trạng. Có kẻ chết không được an lành như chết trong lao tù, chết trên chiến địa, chết bên đường ngoại nội, chết trên bàn mổ ở dưỡng đường v..v... và v..v... Những cảnh chết như thế thì làm thế nào gặp được thiện tri thức hộ niệm? Không phải ai cũng chết an lành và chung quanh có kẻ thân thuộc hết? Đó là chưa kể trường hợp gia nưon vì bối rối hoặc vì không tin nên không mời kịp hay không chịu mời Thiện tri thức hộ niệm! Lại có kẻ chết bất thân không thể nào mời kịp, hoặc có mời kịp nhưng tâm thần bệnh nhân hỗn loạn không thể nghe và không thể niệm theo thì biết làm thế nào? Biết bao nhiêu là vấn đề nan giải trong lúc bối rối ấy.

Trong lời đại nguyện thứ 19 của Đức A Di Đà chỉ nói khi thân mạng gần lúc lâm chung có Phật và Bồ tát đến đoan vạy, chứ không nói trạng huống lúc lâm chung như thế nào. Vì thế kẻ hành giả đã từng phát nguyện cầu vãng sanh thì bất luận chết cách nào, hoặc bằng pháo đạn gươm dao, thuốc độc,

huyết dư, dịch tả, hoặc bị đánh đòn, bị cộp bắt, bị điện giật, bị lửa cháy, bị nước trôi v.v... Hoặc kịp niệm Phật, hoặc không kịp niệm Phật, trong giờ phút lâm chung thấy đều được Phật và Thánh chúng đoan vẫy tiếp dẫn.

Tóm lại, ý lại vào Thiện tri thức không bằng tự trông cậy vào mình, cầu Phật lúc lâm chung không bằng cầu Phật thường xuyên hằng ngày. Sở dĩ hành giả bình thời xưng niệm danh hiệu Phật chính là ứng hợp với đại nguyện thứ 18: "Mỗi ngày mười niệm, quyết được vãng sanh"; bình thời phát nguyện cầu vãng sanh tức là ứng hợp với đại nguyện thứ 19: "Kẻ nào phát nguyện vãng sanh Cực lạc, lúc lâm chung sẽ có Phật đến rước"; và bình thời làm các công đức hồi hướng công đức về quả Cực lạc tức là ứng hợp với đại nguyện thứ 20: "Kẻ nào hồi hướng công đức, nhất định được vãng sanh."

Hằng ngày, tu phép thập niệm, phát nguyện vãng sanh và hồi hướng công đức cũng như người có đóng bảo hiểm nhơn thọ. Một bên là đóng bảo hiểm vật chất, một bên là đóng bảo hiểm tinh thần; cả hai đều nhất định toại nguyện như nhau.

Như trên, ta thấy quả vãng sanh là một quả có bảo đảm chắc chắn. Mà nhơn vãng sanh lại là một nhơn dễ tu tập. Điều cốt yếu là phải thật hiểu nhơn tinh thần của Pháp môn niệm Phật mới sanh được chánh niệm. Đừng có như anh chàng nào đó thấy người sa chân xuống hố sâu, gặp may không chết lại lượm được vàng, rồi cũng tham lam bắt chước chúm chân nhảy xuống hố sâu để được lượm vàng, nào dè vàng tìm không gặp mà chỉ gặp Tử thần đương mừng rỡ đón chào. Bị tan xương nát thịt một cách oan uổng như thế, thật đáng thương thay!

---o0o---

CHƯƠNG III - ĐƯỜNG LỐI TU TỊNH ĐỘ

TIẾT MỘT: BA TƯ LƯƠNG: TÍN, NGUYỆN, HẠNH

Pháp môn Tịnh độ dễ tu nhưng khó tin. Trong kinh "Phật thuyết A Di Đà", đức Thích Tôn cũng thừa nhận như thế.

Đã thế rồi, pháp môn này lại còn nương tựa hoàn toàn vào lòng tin để thành tập, nương tựa vào lòng tin để duy trì; có lòng tin rồi mới sanh khởi hành động, rồi mới đạt được nguyện vọng nhơn viên quả mãn. Nếu không có lòng tin vững chắc thì tuy cửa Phật rộng mở, cũng không thể vào được. Vì vậy nên Tín, Nguyện, Hạnh gọi là ba món tư lương về Tịnh độ

Nói tư lương cũng ví như nói người muốn đi xa cần phải có tiền của (tư) và lương thực (lương). Nếu thiếu một trong hai thứ đó thì khó mà đạt mục đích mình muốn đến. Cũng thế, ba món tư lương cần có để lên đường về Tịnh độ cũng không thể thiếu một. Hơn nữa, ba món này liên hệ mật thiết với nhau theo thứ tự trước sau tiếp nối sanh khởi. Trước hết phải do có lòng tin thấm thiết mới có phát sanh nguyện cầu; do nguyện cầu thành khẩn mới hăng hái hành động. Nếu lòng tin không có thì quyết nhiên nguyện và hạnh không thể thành lập được.

TÍN là căn bản của người tu hành pháp môn Tịnh độ, phải:

Thứ nhất, phải tin rằng ba bộ kinh nói về Tịnh độ là do Đức Thích Tôn vì lòng từ bi chân thật mà dạy cho chúng ta, quyết không phải như sách ngụ ngôn giả thiết để khuyên tu.

Thứ hai, phải tin rằng ngoài thế giới ô uế mà chúng ta hiện sống, chắc thật có thế giới Tịnh độ trang nghiêm.

Thứ ba, phải tin rằng 48 lời đại nguyện của đức Phật A Di Đà cùng là những công hạnh kiến lập cõi Tịnh độ của Ngài là chơn thật, cũng như việc Ngài đang ứng hóa độ sanh tại cảnh giới Tịnh độ ấy là chơn thật.

Thứ tư, phải tin rằng sanh Tịnh độ hay uế độ là do trồng nhơn tịnh thì hoàn quả tịnh, trồng nhơn uế thì quả uế, tuyệt nhiên toàn do tự tâm ứng hiện. Hễ trồng nhơn tịnh thì được tịnh không liên quan gì đến vấn đề thường phật

Thứ năm, phải tin rằng chánh niệm của ta cùng tâm niệm của đức Phật A Di Đà chắc chắn cảm ứng với nhau, lâm chung thế nào cũng được Ngài tiếp dẫn vãng sanh.

Thứ sáu, phải tin rằng tuy ác nghiệp của chúng ta có nhiều, nhưng một khi sanh về Tịnh độ, nhờ có hoàn cảnh tốt đẹp thuận tiện, nhờ ơn giáo huấn thường xuyên của Phật và Bồ tát, ác niệm không thể sanh khởi lại và ác báo do đó sẽ lần lần tiêu trừ.

Thứ bảy, phải tin rằng sức mình và sức Phật, cả hai đều bất khả tư nghì. Trong hai sức cùng bất khả tư nghì ấy, sức Phật lại bất khả tư nghì, gấp trăm ngàn muôn ức lần hơn, Cho nên, một khi được tiếp dẫn, sức mình còn kém cõi thì với sức Phật cũng đủ giúp ta vãng sanh.

Thứ tám, phải tin rằng Phật có vô số Pháp môn giải thoát, Phật có công năng kiến lập thế giới trong một mảy trần. Giả như chúng sanh trong mười phương đều sanh ở trong mảy trần ấy, hết thảy phòng ốc dụng cụ đều trang nghiêm đầy đủ, không thiếu một thứ gì.

Thứ chín, phải tin rằng khi mình niệm một tiếng niệm Phật là tức thời đức Phật liền nghe và liền thấu nhiếp.

Thứ mười, phải tin rằng hễ mình niệm Phật thì chắc chắn lúc lâm chung được Phật và Thánh chúng đến tiếp dẫn vãng sanh về thế giới Cực lạc, quyết không còn đọa lạc luân hồi trong sáu đường nữa.

Tóm lại, phải tin chắc chắn rằng những lời Phật dạy trong kinh đều chơn thật, cần phải thâm tín, tuyệt đối không nên sanh tâm ngờ vực. Lòng ngờ vực là chướng ngại vật không thể vượt qua trên con đường dẫn đến đạo quả. Có lòng ngờ vực rồi thì tất nhiên nguyện và hạnh sẽ không có cứ điểm để sanh khởi. Nếu lòng tin kiên cố, tự nhiên phát nguyện cầu sanh Cực lạc và đã phát tâm nguyện cầu, tự nhiên chuyên tâm tinh tấn, y pháp hành trì, không đợi ngoại duyên thúc đẩy.

Người đời nhờn vì căn khí bất đồng, Cho nên, kiến thức cũng bất đồng. Có người cho rằng Tịnh độ là cõi hư vô không thật, nên không tin. Có người cho rằng chết là mất hẳn, không có đời sau, nên không tin. Có người cho rằng sanh đông sanh tây, chịu khổ hưởng vui đều là việc ngẫu nhiên, không có việc gây nhơn hưởng quả, nên không tin. Có người cho rằng niệm Phật cầu sanh Tây phương là lối giả thiết để khuyên người làm lành tránh dữ, chứ không có cảnh Tây phương Tịnh độ, giả sử có thật thì quyết không thể chỉ niệm ít lần danh hiệu Phật mà được vãng sanh, nên không tin. Có người cho rằng con người vốn đã nặng nghiệp tham, sân, si và ích kỷ, dù có sanh về Tịnh độ thì thói cũ vẫn khó trừ, quyết không thể trong khoảnh khắc biến thành người hiền thiện được, nên không tin. Có người cho rằng con người ở thế gian này tạo nghiệp ác quá nhiều, đương nhiên phải theo từng nghiệp mà thọ quả báo, không thể nhờ vãng sanh mà tiêu trừ tất cả nghiệp dữ trong một lúc, như thế thì không hợp nhân quả, nên không tin. Có người cho rằng mỗi ngày chỉ cần niệm 10 lần danh hiệu Phật mà cũng được vãng sanh, đó là lời nói mơ hồ, giả như tất cả chúng sanh ai nấy đều làm y như thế thì địa ngục hẳn sẽ trống không, thế giới này hẳn không còn người ở, không thể có việc dễ dàng như thế, nên không tin. Có người cho rằng tại quốc độ Cực lạc, dù cho số phòng ốc dụng cụ có nhiều đến đâu vẫn có số lượng, trong khi ấy thì số chúng sanh được vãng sanh từ vô thủy đến giờ, theo lời Phật dạy là vô

lượng, thế mà không bị nạn nhân mãi thì thật là mâu thuẫn, vì thế mà không tin. Có người cho rằng sanh về Tịnh độ, nghĩ gì có nấy, muốn áo có áo, muốn ăn có ăn, khỏi nhọc công người tạo tác, thật không khác nào lời nói trong mộng, nói như thế chỉ phỉnh phờ được kẻ ngu phu, thất phụ, vì vậy nên không tin. Có người cho rằng tại thế giới Cực lạc, đất vàng, hồ sen, lâu đài thủy đều bằng thất bảo, không cần kiến tạo mà tự nhiên thành tựu, đó là chuyện thần thoại của đời thượng cổ còn sót lại, không hợp với khoa học hiện đại, vì vậy nên không tin. v.v... và v.v...

Vì vậy, chúng ta chỉ nên tin lời Phật mà thực hành theo, quyết không bị lầm lạc và để khỏi bỏ phí thì giờ luống trôi qua không hí đàm. Nếu tự phụ là thông minh trí tuệ không chịu tin theo, chung quy sẽ trở lại thua những người thật thà chất phát mà có tín tâm mạnh mẽ. Sở dĩ sanh tâm tự phụ kiêu căng như thế, chẳng qua là vì phước đức thiếu bạc nên mới không thọ nạp được một pháp môn giản dị và rất khó gặp như pháp môn Tịnh độ. Thật cũng đáng tiếc lắm thay!

Trên đây, hoàn toàn đúng về phương diện Tín mà nói, chứ chưa đề cập đến hai phương diện Nguyện và Hạnh. Nhưng hễ Tín đã vững chắc thì Nguyện và Hạnh tự nhiên thành tựu, khỏi cần phải nhắc nhở, khuyến hóa. Vì như khi đã tin chắc rằng trước sân nhà có hầm vàng thì tự nhiên không ai sai bảo, vẫn hăng hái đào bới tìm tòi. Còn nếu nghe nói có hầm vàng mà chưa chịu đi đào là vì lòng tin chưa vững chắc vậy.

---o0o---

TIẾT HAI: THẬP THIỆN LÀ CƠ BẢN TU HÀNH

Thập thiện là mười điều thiện, thuộc ba nghiệp thân, khẩu, ý.

Thuộc thân nghiệp có 3 điều: không sát sanh, không trộm cắp, không dâm dục (nếu là tại gia thì không tà dâm)

Thuộc khẩu nghiệp có 4 điều: không nói láo, không nói lời thêu dệt, không nói hai lưỡi, không nói lời thô bạo.

Thuộc ý nghiệp có 3 điều: không tham lam, không sân nhuế, không ngu si.

Mười điều thiện này là căn bản phát sanh tất cả các điều thiện khác. Đó cũng là nền tảng xây dựng mọi cảnh giới an vui.

Người tu hành mà không tu mười điều thiện này thì không khác kẻ xây lầu đài cao ngán thước trên vũng bùn, quyết không hy vọng thành công.

Đức Phật trong lúc nói kinh Thập thiện nghiệp đạo, đã dạy cho Long Vương rằng: "Mười thiện nghiệp này có công năng làm cho các pháp như thập lực, tứ vô sở úy, thập bát bất cộng, tất cả các pháp mà Phật đã chứng, thấy đều được viên mãn. Vì vậy nên các người cần phải tu học thập thiện. Nay Long Vương! Ví như tất cả thành ấp xóm làm đều y vào đại địa mà an trú, tất cả cỏ cây rừng rú đều y vào đại địa mà sanh trưởng, thì mười điều thiện này cũng lại như vậy. Tất cả thiên nhơn đều y vào "đại địa" thập thiện mà thành lập, tất cả Thanh văn, Duyên giác. Bồ tát và tất cả Phật pháp cũng đều y vào "đại địa" thập thiện mà thành tựu được các hạnh Bồ đề."

Trong kinh Quán Vô lượng thọ, Phật bảo bà Vi Đề Hy rằng: "Muốn sanh về nước Cực lạc, phải tu ba phước. Trong ba phước ấy, phước thứ nhất là hiếu dưỡng cha mẹ, phụng sự sư trưởng, từ tâm bất sát, tu mười nghiệp thiện."

Vì thế, người tu pháp môn niệm Phật cần phải tu mười điều thiện để làm cơ bản cho tịnh nghiệp. Nếu đạo niệm không tha thiết, mười thiện nghiệp không tu, thì thật e khó vắng cảnh giới chư Phật.

Tóm lại, muốn chắc chắn vắng sanh, một mặt cần phải luôn luôn gìn giữ ba nghiệp, thân, khẩu, ý, chớ để phạm các điều ác: mặt khác lại phải luôn luôn chuyên cầu niệm Phật thường xuyên.

---o0o---

TIẾT BA: ĐÓN ĐÓC HẾT BỔN PHẬN

Đời và đạo có tương quan mật thiết với nhau và giúp ích lẫn nhau, nhất là đối với hàng Phật tử tại gia chưa thoát ly được gia đình xã hội. Ai trong nhiệm vụ nào phải lo tròn nhiệm vụ ấy. Là trưởng quan, phải nhất tâm vì dân, vì nước. Là liêu thuộc, phải hết bổn phận của liêu thuộc, trung thành với chức vụ. Là người buôn bán, phải giữ đúng hàng thật giá, đừng lừa trẻ dối già. Là thầy thuốc, phải biết thương xót con bệnh, nâng đỡ kẻ nghèo hèn, và hết lòng điều trị v.v... Nói tóm lại, trong bách công kỹ nghệ, mỗi mỗi đều phải làm tròn bổn phận tận tâm với chức vụ, lại vừa lo tích công đồn đức, tu học Phật pháp thì nhất định có ngày giải thoát. Đó là ngoài xã hội.

Trong gia đình lại còn những bổn phận khác. Là cha mẹ, phải nuôi nấng dạy dỗ con cái thành người. Là con cái, phải biết lòng hiếu thảo với cha mẹ. Là

vợ chồng, anh em, thầy trò, bầu bạn, phải đôn đốc hết bốn phận vợ chồng, anh em, thầy trò, bầu bạn, hợp với lẽ đời. Có làm tròn hết các bốn phận ấy bấy giờ mới nói đến lẽ đạo. Nếu trái lại, việc đời bấy như tương, tự thân mình chỉ là "y quan cầm thú" (cầm thú mang áo đội mũ) thì làm sao có thể nói đến lẽ Đạo được ? Với các sự kiện khách quan và chủ quan thiếu tốt đẹp ấy mà mong thành Phật hoặc mong cầu sanh nước Phật thời sợ e tịnh nghiệp chưa kịp thành mà nghiệp quả đã chín trước. Tương khó tránh khỏi quỷ vô thường dắt dẫn vào địa ngục, ngạ quỷ súc sanh!

Vì thế, hy vọng rằng toàn thể Phật tử, khi muốn thoát ly sanh tử, tu theo pháp xuất thế, không những không nên xa bỏ việc đời, lấy việc đời làm cơ bản cho đạo, khiến cho đời trở nên tốt đẹp hơn và khiến cho đạo sáng tỏ trong lòng đời. Có như thế, Phật tử tại gia mới mong thành công chắc chắn và mau chóng.

Thảng hoặc, có người trước kia trót lỡ tạo các ác nghiệp, thì hôm nay nên chí thành ăn năn hối cải, nguyện không tái phạm. Cửa Phật rộng mở chờ đón người biết sám hối. Một phen đã sám hối rồi, thì quyết không bao giờ tái phạm trở lại. Hơn nữa, phải cố gắng đền bù tội lỗi trước bằng cách làm nhiều việc thiện mới. Được như thế thì ác báo sẽ tiêu tan và phước đức sẽ tăng trưởng. Ví như cái chai trước kia đựng thuốc độc nhưng giờ đây sức chùi sạch sẽ rồi, tự nhiên độc không còn nữa

---o0o---

TIẾT BỐN: RỘNG TU CÔNG ĐỨC, HỒI HƯỚNG QUẢ VÃNG SANH

Trong kinh Quán Vô lượng thọ chép: "Phật bảo ngài A Nan và bà Vi đề Hy rằng nếu có chúng sanh nào nguyện cầu sanh về Tây phương Tịnh độ, nên phát khởi 3 tâm thì liền đặng vãng sanh. Ba tâm ấy là:

1. Chí thành tâm, 2. Thâm tâm, 3. Hồi hướng phát nguyện tâm. Có đủ ba tâm ấy, quyết được vãng sanh về cõi nước kia."

Danh từ "thâm tâm" trong kinh, chỉ cho cái tâm tu hành các công đức và thích làm các điều lành.

Danh từ "Hồi hướng phát nguyện tâm" chỉ cho cái tâm muốn đem các công đức đã tu hoặc đem các việc lành đã làm, hướng về quả Cực lạc để nguyện cầu vãng sanh.

Trong Phật pháp, việc hồi hướng công đức có một giá trị trọng yếu. Đại nguyện thứ 20 của Đức Phật A Di Đà đã có nói đến. Vậy xin sơ lược giải thích ý nghĩa của việc hồi hướng công đức như sau:

- 1) Đức và hiệu của Phật có công năng bất khả tư nghì;
- 2) Tâm thức thanh tịnh của chúng sanh có công năng bất khả tư nghì;
- 3) Tâm niệm của chúng sanh cũng có công năng bất khả tư nghì. Hợp cả ba công năng bất khả tư nghì ấy tạo thành phương pháp Tịnh độ. Cho nên, pháp môn Tịnh độ cũng bất khả tư nghì.

Trên lý thì hành giả chỉ niệm hiệu Phật là đã đủ vãng sanh, nhưng trong thân tâm hành giả khi tu pháp môn Tịnh độ, ngoài sức niệm Phật ra, còn cần phải rộng tu các công đức, hồi hướng quả vãng sanh, là vì:

- 1) Cần cúng dường đức Phật A Di Đà để trang nghiêm Phật độ.
- 2) Cần làm các trợ duyên tăng thượng cho đạo quả.
- 3) Cần phát tâm Đại thừa học theo hạnh Bồ tát.

Vì các lẽ trên nên không những chỉ niệm hiệu Phật mà đã cho là đủ được. Bất cứ việc gì cũng không ly được nhơn quả; dù là pháp thế gian hay pháp xuất thế gian. Bất luận tâm niệm thiện hay ác hoặc hành động thiện hay ác đều có hậu quả về sau. Căn cứ vào lẽ ấy, ta có thể biết hành giả tu tập thiện pháp, trong tương lai quyết phải được phước báo. Giả sử điều thiện ấy thuộc loại nhơn hữu lậu nhơn thiên, thì trong tương lai sẽ hưởng phước báo nhơn thiên, chứ chưa phải cứu cánh an lạc, vì còn đọa lạc luân hồi. Giả sử điều thiện ấy thuộc loại nhơn vô lậu xuất thế gian thì trong tương lai sẽ sanh về Ngũ bất hoàn thiên (cảnh giới của 4 quả thánh: Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm, A la hán) hoặc mười phương Tịnh độ.

Nếu vì lý do không muốn thọ hưởng quả báo nhơn thiên vì sợ còn luân hồi đọa lạc mà hành giả tự nguyện hồi hướng tất cả công đức của mình hoặc công đức hữu lậu hoặc công đức vô lậu, làm trợ duyên tăng thượng để cầu vãng sanh Cực lạc của đức A Di Đà. Như thế thì bao nhiêu nhơn gây phước báo nhơn thiên hữu lậu hoặc vô lậu trước kia sẽ không thành thực được mà địa điểm thành thực sẽ chỉ ở thế giới Cực lạc. Đã quy tụ được về một nơi rồi thì dù tịnh nghiệp chưa hoàn toàn nhưng phước quả vẫn thành tựu. Vì rằng hết thảy các pháp đều do tâm đạo. Tâm lực đã có công năng trồng nghiệp

quả thì cũng có công năng chuyển nghiệp quả. Vì thế, khi hành giả hướng tất cả thiện nghiệp về quả Cực lạc, tâm niệm ấy không những có công năng điều hòa các chủng tử vô lậu đã huân tập trong đệ bát thức, nó lại còn khiến cho các chủng tử ấy biết chất thành chủng tử tịnh pháp hoàn toàn vô lậu, Chủng tử đã quyết định được rồi, như vậy địa điểm tương lai sẽ hưởng thọ quả báo cũng có thể biết trước một cách chắc chắn rồi vậy. Đây là giải thích theo học lý duy thức, một nền học lý rất thâm diệu trong Phật pháp.

Trong pháp môn Tịnh độ, hồi hướng chiếm một địa vị rất trọng yếu. Hành giả quyết phải thâm tín mới có hiệu lực.

Vạn nhất, nếu còn nhứt điểm hồ nghi ở trong lòng thì tâm lực sẽ mất công dụng, không làm sao chuyển biến được chủng tử trong bát thức. Nếu tâm hồn còn hồ nghi, pháp môn Tịnh độ sẽ không đem lại hiệu quả nào cho hành giả hết. Kinh dạy: "Còn nghi thì hoa không nở" là chỉ cho duyên có ấy.

Đức Phật A Di Đà biết rõ chủng tử có thể biến từ hữu lậu sang vô lậu, công đức có thể từ cõi này di dịch qua cõi khác, nên mới phát đại nguyện thứ 20. Trăm ngàn năm trở lại đây, các vị Đại đức cũng hiểu rõ lý đó, nên mới soạn ra các bài văn phát nguyện hồi hướng, cực lạc khuyên ta đem công đức tu hành hồi hướng về quả vãng sanh thế giới Cực lạc.

Hành giả bất luận làm công đức gì, dù chỉ giúp kẻ khó một đồng tiền hay chỉ cứu mạng sống cho một con kiến, sau khi làm xong, cũng phải quán tưởng đức Phật A Di Đà như đương đứng trước mặt mà chấp tay cung kính đọc bài kệ hồi hướng sau đây:

Nguyện đem công đức này

Trang nghiêm chốn Phật độ

Trên đền bốn ơn sâu

Dưới cứu ba đường khổ

Nếu có kẻ thấy nghe

Đồng phát tâm Bồ đề

Khi mãn báo thân này

Nước Cực lạc cùng về

Sau khi đọc bài kệ ấy rồi, bao nhiêu công đức đã làm liền cảm ngay tâm lực của Phật ứng với tâm ta. Sức cảm ứng của hai bên tức là "tu lương" vãng sanh Cực lạc về sau này.

Tất cả công đức hồi hướng, bất luận công đức thuộc loại hữu lậu hay vô lậu, đều trở thành tư lương vãng sanh, ứng hợp với đại nguyện thứ 20 của đức Phật A Di Đà. Chắc chắn về sau sẽ được toại nguyện không sai

---o0o---

TIẾT 5: CẦN THẬN LÚC LÂM CHUNG

Trong sự chuyển tiếp từ kiếp nọ sang kiếp kia, cái niệm chót (nhất niệm tối hậu) có một lực lượng mãnh liệt quyết định cho việc chuyển sanh. Vì lý do đó nên lúc lâm chung, người tu hành phải làm thế nào để chỉ còn nhớ Phật niệm Phật thì chắc chắn sẽ sanh về cõi Phật.

Kinh "Phật thuyết A Di Đà" dạy rằng: "Nếu người nào niệm Phật trong bảy ngày được nhất tâm bất loạn, lúc lâm chung, có Phật và Thánh chúng hiện ra trước mặt: người ấy, tâm không còn điên đảo và liền được vãng sanh." Nhất tâm bất loạn nghĩa là ngoài sự nhớ Phật, tưởng Phật, không có một vọng niệm nào xen lẫn ở trong lòng: lòng mình và lòng Phật đã xứng hợp làm một. Kinh văn đã dạy rõ ràng như thế, đương nhiên tuyệt đối chúng ta phải tin. Có e ngại chẳng là e ngại tịnh nghiệp tu chưa tinh tấn nên phút lâm chung, tâm còn điên đảo khiến khó thấy được Phật tiếp dẫn. Tâm còn điên đảo thì cũng khó mà vãng sanh. Vì vậy, trong khi gần lâm chung rất cần có người hai bên trợ niệm. Có kẻ trợ niệm mới dẫn phát được tâm người bệnh niệm Phật, lý do cần thiết lập các ban hộ niệm là thế.

Hiện tại ở các khuôn hội đều có thiết lập ban Hộ niệm. Bất luận trai gái già trẻ, là Phật tử, ai ai cũng nên gia nhập vào ban ấy càng đông càng tốt. Hễ khi nào gặp một bệnh nhân lâm nguy, trong ban nên cắt phiên thay nhau đến nơi phòng người bệnh, đốt hương niệm Phật. Như vậy, mắt trông thấy tượng Phật, tai nghe tiếng niệm Phật, mũi ngửi mùi hương thơm từ bàn Phật xông ra, người bệnh có đủ duyên sanh khởi tịnh niệm, rất hữu ích cho sự vãng sanh Tịnh độ.

Nay xin đem những biện pháp của người tu hành cần gìn giữ trong phút lâm chung, sơ lược giải bày như sau, đề các ban hộ niệm y cứ hành trì. Mong

rằng các đạo hữu lưu ý, công đức sẽ vô lượng, vì nó quyết định cho tương lai của cả một đời tu hành.

a) Lúc bệnh nặng sắp lâm chung

Khi có một đạo hữu bệnh nặng sắp lâm chung, thân thuộc nên tin cho ban hộ niệm và mời đến nhà hộ niệm. Nếu tinh thần người bệnh còn tỉnh táo, ban hộ niệm nên nhất thiết khuyên thân thuộc đừng khóc lóc và cũng đừng đem việc nhà ra nói với người bệnh làm gì nữa. Khóc lóc hay hỏi về việc nhà lúc ấy không giải quyết được gì hết mà chỉ khiến cho người bệnh sanh khởi niệm luyến tiếc việc đời một cách vô ích.

Nên khuyến khích bệnh nhân đem tâm phóng xả tất cả, chỉ nhớ Phật và niệm Phật mà thôi. Nên nói với bệnh nhân rằng: "Thế giới Cực lạc rất là an vui sung sướng. Nay ngươi nên xả bỏ tất cả, nguyện sanh về thế giới kia. Được sanh về đây sẽ không còn có hạnh phúc nào bằng. Hiện tại sở dĩ bị bệnh hoạn đau đớn là do ác nghiệp nhiều kiếp tích lũy gây nên. Tạm thời nên chịu khó nhẫn nại."

Nếu thân hoặc bệnh nhân có việc gì khổ tâm lắm, nhứt đáng không thể xả bỏ được, nên tìm mọi phương tiện thuyết pháp giải trừ. Hoặc dùng lời dịu ngọt vui vẻ để khuyến khích an ủi; hoặc đem bao nhiêu điều hay việc tốt hay công đức tu hành mà bình sanh người ấy đã làm để tán thán ngợi khen. Các phương tiện ấy sẽ có công năng khiến bệnh nhân hoan hỷ và tin tưởng rồi nhờ đó mà sẽ được vãng sanh Tịnh độ.

Nếu gặp phải bệnh nhân thần trí hôn mê không còn biết gì nữa, ban hộ niệm đứng bên cạnh trợ niệm hoặc đánh chuông mõ hết sức nhẹ nhàng, đừng cho tiếng xảng và ồn, khiến gây nên trạng huống lộn xộn trong thân thức của bệnh nhân. Nếu như phút lâm chung kéo dài quá lâu, nên luân phiên tụng niệm, thế nào cho tiếng niệm Phật đừng dứt đoạn. Niệm đến khi nào bệnh nhân hết thở và toàn thể châu thân lạnh đều mới thôi.

b) Sau khi lâm chung

Khi bệnh nhân đã hết thở rồi, ban hộ niệm vẫn tiếp tục niệm Phật và tuyệt đối không nên cho bà con khóc lóc. Cũng không nên đựng đến thi thể hoặc vội tắm rửa thay áo quần. Tránh đừng nên đụng chạm gây ra huyền não hay nói to tiếng cho vong giả kinh loạn.

Sở dĩ phải tuyệt đối giữ thanh tịnh là vì dù ngực hết thở, quả tim hết đập, nhưng thần thức (thức thứ 8) của người chết vẫn chưa lìa khỏi xác. Nếu xung quanh có tiếng khóc lóc hoặc ồn ào va chạm, thì thể còn cảm giác sẽ sanh lòng sân hận, rồi có thể vì đó mà bị đọa lạc. Kinh chép khi vua A Kỳ Đạt chết, vì người giữ thầy dùng quạt đuổi ruồi, rũi đung nhăm mặt nhà vua, khiến nhà vua phẫn nộ do đó nhà vua đọa làm thân con rắn!

Vì những lẽ trên nên cần phải thận trọng trong giờ phút trước và sau khi lâm chung. Tốt hơn hết là nên luôn luôn có người ngồi bên cạnh tiếp tục niệm Phật không hở, khiến cho chánh niệm được liên tục. Nếu không làm được như vậy thì nên đuổi hết mèo chó, cấm hẳn người ra vào và đóng kín cửa phòng lại. Chỉ như muốn tắm rửa, thay quần áo và uồn nắn tay chân cho người chết để nhập liệm thì nên đợi sau tám tiếng đồng hồ mới chắc chắn không làm hại cho người chết.

Trong Duy thức học có dạy rằng muốn biết một người chết sẽ thác sanh về thế giới nào, hãy xem thần thức người đó lìa khỏi xác tại điểm nào. Điểm mà thần thức xuất tức là điểm còn hơi nóng cuối cùng, sau khi toàn thể châu thân đã lạnh buốt. Bài kệ sau đây sẽ cho ta biết cảnh giới tương lai của người chết sắp đầu thai:

Đánh Thánh, nhân sanh thiên

Nhơn tâm, ngạ quỷ phúc

Bàn sanh túc hạ hành

Địa ngục khước đề xuất

Nghĩa là: Thân thức xuất ở đánh đầu là sanh về cõi Thánh, xuất ở chạng con mắt thì sanh về cõi trời, xuất ở trên chân thủy thì sanh về cõi người, xuất ở dưới bụng thì sanh về cảnh giới ngạ quỷ; xuất ở đầu gối thì sanh về cảnh giới súc sanh, xuất ở dưới bàn chân thì sanh về cảnh giới địa ngục. Vì thế, trong khi thần thức sắp rời khỏi xác, mà ví như sẽ được sanh về cõi trời thì chỗ còn nóng sau cùng là ngang khoảng con mắt. Nếu không khéo, để cho thi thể va chạm hoặc để cho tiếng ồn ào kinh động khiến thần thức tán loạn sanh phiền não, phải bị đọa lạc thì thật là oan uổng cho người chết biết chừng nào!

Thiết tha mong toàn thể tín đồ Phật tử hãy lưu tâm điểm này để cứu giúp nhau trong giờ phút lâm chung, giờ phút nghiêm trọng có ảnh hưởng cho cả một kiếp sau. Mong thay!

c) Cứu độ thân trung ấm

Thân thể con người do năm uẩn: sắc, thọ, tưởng, hành, thức tạo thành. Năm uẩn lại cũng gọi là năm ấm. Vì thế thân thể hiện còn gọi là tiền ấm sau khi chết rồi và đã thác sanh gọi là hậu ấm, nằm ở khoảng giữa tiền ấm và hậu ấm (chết rồi mà chưa đầu thai lại) gọi là trung ấm.

Thân trung ấm bắt đầu từ giây phút thức thứ 8 mới lìa khỏi thể xác người chết. Theo luận Cu xá thì thân trung ấm của người ở dục giới lớn bằng em bé, 5, 6 tuổi, nhanh sáng, có sức thông đạt, có sức ký ức nhạy hơn chín phần, so với lúc sanh tiền.

Sau khi người chết, tuy thân thức ly khai thân xác chuyển thành thân trung ấm, nhưng thân trung ấm ấy trừ trường hợp quá dày phúc đức hay quá nhiều tội ác thì trong giây phút hoặc được sanh nhơn thiên hoặc bị đọa ác thú liên, ký dư trong các trường hợp bình thường thì thân thức vẫn còn loanh quanh lưu luyến bên cạnh thân cũ. Cho nên, nếu quyến thuộc khóc lóc hoặc tắm rửa, thay áo quần cho người chết v.v... thân thức đều biết cả. Bảy giờ thân thức tưởng như mình còn sống nên nó vẫn đến hỏi việc này việc khác, nhưng ngất vì không ai thấy nghe mà đáp lại, vì vậy vô cùng bức tức, sợ hãi, bối rối, rồi giận dữ bỏ ra đi. Vì thế đối với người chết rồi, thân thể tuy đã lạnh cứng, nhưng người sống không nên nói điều gì hay làm việc gì có tánh cách khêu gợi lòng tham, sân si, khêu gợi sự luyến tiếc cho người chết. Như là người sắp chết thì chỉ nên thuyết pháp, an ủi, khuyến khích nhất tâm cầu nguyện vãng sanh Cực lạc; nếu người ấy đã chết rồi thì nên tụng kinh niệm Phật cho thân trung ấm nghe.

Nếu người chết lúc sanh tiền chưa từng niệm Phật, trong giờ phút gần lâm chung, lòng không chón nương tựa, thân không còn là chủ tử, hoàn cảnh thật là hết sức thê lương ảm đạm. Trong giờ phút ấy, nếu được nghe một tiếng niệm Phật, một lời thuyết pháp, người chết nhờ nhất niệm đó mà có thể vãng sanh Tịnh độ. Cho nên, đối với vong nhân, không kể sanh tiền có tin Phật hay không tin Phật, có tu Tịnh độ hay không tu Tịnh độ ban hộ niệm đều nhất thiết nên đến giúp đỡ và cao tiếng niệm danh hiệu Phật. Đó là phương pháp cứu độ thân trung ấm, hết sức hữu ích và cần phải thi hành.

d) Cúng vong, cầu siêu

Đám tiệc nên tùy nghi phương tiện. Cốt nhất phải thanh tịnh, không nên bày vẽ rộn ràng, sát sanh cúng tế một cách linh đình. Trong kinh Phật dạy: "hình thức người chết (thân trung âm) chỉ dùng mùi hương làm thức ăn." Vì thế ta chỉ nên dùng hương thơm, hoa đẹp đèn sáng mà cúng là đủ. Nhất là tiếng niệm Phật và lời thuyết pháp thì rất bổ ích cho vong linh

Sau khi đám tiệc xong xuôi, người con hiếu thảo nên vì vong linh làm các Phật sự để cầu siêu độ, bất luận vong giả đã vãng sanh hay chưa. Nếu đã vãng sanh rồi thì lại càng được tăng thêm phước huệ, nếu chưa vãng sanh thì có thể nhờ đó mà tức nghiệp tiêu trừ, sanh về các cõi thiện. Đó là cách báo ân hay nhất của người con hiếu thảo.

Làm Phật sự thì không gì hơn là chuyên tụng kinh bái sám và trì niệm danh hiệu Phật. Có thể tự trong gia thuộc mình tụng lấy, hoặc mời đạo hữu tụng thêm. Các kinh thường tụng là Di Đà. Kim cang hoặc Đại bi thần chú v.v... Tụng niệm xong, nên hồi hướng công đức cho vong giả làm tư lương cầu sanh Cực lạc. Gián hoặc như trong gia thuộc mình không ai tụng kinh được thì chuyên niệm hiệu Phật cũng đủ rồi.

Còn như di sản của vong giả để lại, nếu là của cải thì nên đem làm việc phước thiện như; bố thí, giúp đỡ kẻ nghèo khó, giúp đỡ người tàn phế, cấp dưỡng cô nhi quả phụ hay phụ nữ sanh đẻ, hoặc làm chùa chú tượng, ấn tống kinh điển, cúng dường chúng tăng v.v... Làm các việc phước thiện ấy rồi đem công đức hồi hướng cầu cho vong giả tội diệt phước sanh vãng sanh Cực lạc. Như thế thì người còn kẻ mất, thấy đều công đức lớn lao không thể kể siết. Kinh địa tạng nói: "Trong khi vì người chết mà làm việc công đức thì người sống đã hưởng hết sáu phần mà người chết chỉ nhờ được một phần thôi."

---o0o---

CHƯƠNG IV - TRÌ DANH NIỆM PHẬT

TIẾT MỘT: SO SÁNH BA PHÁP THẬT TƯỚNG NIỆM PHẬT, QUÁN TƯỚNG NIỆM PHẬT, VÀ TRÌ DANH NIỆM PHẬT

Nói niệm Phật không phải chỉ niệm nơi niệm mà thôi. Theo nghĩa đen, niệm nghĩa là nhớ, nghĩ. Cho nên, khi tâm ta nhớ nghĩ đến Phật tức là niệm Phật. Vì vậy, phương pháp niệm Phật gồm có 3 loại:

a) Trì danh niệm Phật tức là chuyên trì tụng danh hiệu Phật nơi niệm.

b) Thật tướng niệm Phật tức là thâm nhập nghĩa lý chơn thật của Phật dạy (đệ nhất nghĩa đế).

c) Quán tưởng niệm Phật tức là quán tưởng cảnh giới Cực lạc của đức Phật A Di Đà.

Thật tướng niệm Phật cũng tức là quán tưởng thật tướng của Phật. Kết quả sở đắc của phương pháp này là Chơn như tam muội, cũng gọi là Nhứt hạnh Tam muội nghĩa là chánh định, chỉ cho cảnh giới đạt được trong định khi sự tu tập đã thành tựu. Pháp môn này vốn thuộc về Thuyền tông, nhưng cảnh giới hiển hiện sau khi công hạnh tu thuyền thành tựu chính là cảnh giới Tịnh độ, nên cũng nhiếp vào trong Pháp môn Tịnh độ. Với Pháp môn này, nếu không phải là bậc căn khí tối thượng thì không thể ngộ nhập, Cho nên, những hàng trung, hạ trí không thể tu tập được. Trong Pháp môn Tịnh độ vì thế ít khi đề cập đến phương pháp này mà riêng nhường cho Thuyền tông đề xướng.

Quán tưởng niệm Phật là một Phương pháp y theo kinh quán Vô lượng thọ mà thiết lập. Phương pháp này chia cảnh giới Y báo và Chánh báo trang nghiêm ở quốc độ Cực lạc của đức Phật A Di Đà thành 16 phép quán qua 16 giai đoạn. Khi quán hạnh đã thành thực, sức quán đã mạnh mẽ thời mở mắt nhắm mắt đều thấy cảnh giới Cực lạc. Trong hiện tại có thể chuyển biến Thế giới Ta bà thành Thế giới Cực lạc. Không cần phải đợi đến lúc lâm chung sanh về Cực lạc mới hưởng thọ cảnh giới ấy mà ngay trong hiện tại đã hưởng thọ rồi. Công hiệu của Phương pháp Quán tưởng niệm Phật thật là lớn lao. Không thể tả xiết.

Chánh định Tam muội chứng được là do tu theo phương pháp này nên có tên riêng là "Ban châu Tam muội" hay "Phật lập Tam muội." Phương pháp quán hạnh này quá Vi tế huyền diệu và có 5 điều khó thành tựu:

- 1) Căn cơ ám độn, khó thành tựu.
- 2) Tâm thô tháo, khó thành tựu
- 3) Thiếu phương tiện thiện xảo, khó thành tựu
- 4) Nhận thức không sâu, khó thành tựu
- 5) Tinh lực bất cập, khó thành tựu

Nếu có 5 điều kiện nghịch lại 5 điều kiện trên là căn cơ thông lợi, tâm niệm tế nhuyễn, phương tiện thiện xảo, nhận thức sâu sắc, gây được ấn tượng mạnh mẽ, tinh thần cương kiện thì kết quả được xem như được nắm chắc trong tay. Nhưng có đủ điều kiện như thế, thật là vạn người chưa được một. Vì thế, Phương pháp này cũng ít phổ cập trong quần chúng.

Phương pháp trì danh niệm Phật, so với hai Phương pháp trên thì thật là dễ dàng hơn bội phần. Bất luận là trung hay hạ trí, hễ có phát tâm chuyên niệm danh hiệu Phật, không ai là không làm được. Niệm niệm tích lũy lâu ngày cho đến khi được "Nhất tâm bất loạn" thì liền chứng Tam muội. Tam muội này có tên riêng là "Niệm Phật Tam muội." Trải qua hơn 2000 năm, các bậc Đại đức nối tiếp nhau đề xướng và thực hành Phương pháp này, đã thâm hoạch được nhiều kết quả ... Hiện tại, phương pháp này thâm nhập nhơn gian, phổ cập khắp quần chúng và không ai là không biết niệm 6 tiếng "Nam mô A Di Đà Phật." Lý do thâm nhập và phổ biến của Phương pháp này là hễ có tu là có thành, rất thích hợp cho mọi căn cơ, bất cứ người nào cũng đều thâm nhiếp được một cách dễ dàng. Số người nhờ phương pháp này mà được độ thoát, so với các tông phái khác, chiếm đến trên bảy tám mươi phần trăm.

Cứ xác thực mà nói thì Đạo lý của Pháp môn này hàm chứa tinh ba của hết thảy các Pháp môn khác một cách sâu xa rộng rãi. Không những so với các pháp môn khác, nó đã không kém thua, mà trái lại, tinh ba của các pháp môn khác đều thu trọn vào trong một pháp môn này. Nó có đủ khí độ rộng rãi tập hợp sự đại thành của các tông phái khác. Vì vậy, nếu bàn đến hiệu quả, bàn đến học lý, bàn đến khó dễ, không một tông phái nào so sánh kịp!

---o0o---

TIẾT HAI: CÁC PHƯƠNG PHÁP TRÌ DANH

Niệm Phật hay trì danh tức là đọc sáu chữ "Nam mô A Di Đà Phật." Hoặc chỉ đọc bốn chữ "A Di Đà Phật" cũng được.

Sáu chữ này từ tiếng Phạn phiên âm ra. Nếu cắt nghĩa từng chữ một theo một Phạn ngữ thì chỉ có bốn chữ mà thôi. Trước hết, chữ "Nam mô" có sáu nghĩa; kính lễ, quy y, phụng thờ, cứu ngã, độ ngã, quy mạng. Chữ "A" nghĩa là không, là vô. Chữ "Di Đà" nghĩa là lượng. Chữ "Phật" nghĩa là giác giả. Hợp cả bốn chữ lại có nghĩa là quy y kính lễ đáng Giác ngộ Vô lượng.

Đức Phật A Di Đà là Giáo chủ Thế giới Cực lạc, Ngài đã từng phát nguyện rằng ai niệm danh hiệu Ngài, lúc lâm chung sẽ được Ngài tiếp dẫn sanh về

nước Cực lạc (xem lại đại nguyện 18, 19 và 20). Vì thế, về sau căn cứ về đó mà xưng niệm danh hiệu Ngài.

Lại nữa, trong kinh "Phật thuyết A Di Đà" dạy rằng: "Đức Phật kia cùng nhân dân đều có thọ mạng vô lượng vô biên A tăng kỳ kiếp Cho nên, gọi là A Di Đà." Thọ mạng nghĩa là thân mạng sống lâu; A tăng kỳ nghĩa là vô số không thể đếm được. Vì thế, có chỗ gọi Ngài là đức Phật Vô lượng thọ. Khi xưng niệm, ta có thể đọc: "Nam mô vô lượng thọ Phật." Nhưng nói vô lượng thọ thì hai chữ vô lượng bị hạn cuộc trong phạm vi hẹp hòi của sự thọ mạng mà thôi. Kỳ thực ra, A Di Đà còn bao hàm cả nghĩa vô lượng quang minh, vô lượng công đức v.v... Bất cứ đức tánh nào của Ngài cũng vô lượng cả. Vì vậy cứ để nguyên âm mà xưng niệm, ý nghĩa mới rộng rãi, hợp lý và bao quát được mọi khía cạnh khác như: Tôn nghiêm Vô lượng, Từ bi Vô lượng, Trí tuệ Vô lượng Thân thông Vô lượng, Thiện xảo Vô lượng v.v...

Vì muốn thích hợp với mọi hoàn cảnh mọi tâm niệm, mọi căn cơ, nên cùng một việc niệm Phật mà có nhiều phương pháp sai khác nhau, mỗi phương pháp lại có một tác dụng đặc biệt riêng của nó. Khi niệm Phật, người tu hành nên y theo các phương pháp nêu ra sau đây, chọn lấy phương pháp nào thích hợp nhất với căn cơ và hoàn cảnh mình mà hành trì. Nếu tu niệm trong một thời gian mà thấy rằng phương pháp mình đã chọn lựa không trấn tĩnh được tâm cảnh vọng động thì nên bỏ phương pháp đó, chọn lại một phương pháp khác, lắm lúc phải chọn đi chọn lại năm bảy lần mới tìm ra một phương pháp thật thích hợp. Phương pháp nào trấn định được tâm cảnh, tiêu trừ được mọi vọng niệm thì là phương pháp hay nhất đối với mình. Cũng như đối với thầy thuốc, phương thang nào chữa đúng căn bệnh là phương thang hay. Đối với chúng sanh, vọng niệm là căn bệnh, thuốc là danh hiệu Phật, hễ phương pháp nào trừ được căn bệnh vọng niệm, ấy là phương pháp thiện xảo nhất, đừng nên câu nệ.

Sau đây, xin giải thích rõ từng phương pháp một để hành giả y theo mà hành trì cho phải phép. Lại nên nhớ thêm rằng "Trì danh" là phương pháp tụng niệm của đường lối tu Tịnh độ. Đó là một điểm trọng yếu.

a) Niệm cao tiếng: Đem hết cả tinh lực toàn thân dồn vào trong một câu niệm Phật khác nào những tiếng đại hồng chung, những tiếng sư tử rống ác cả trời đất Vũ trụ. Theo phương pháp này bị hao hơi rất cổ nhiều, không thể trì niệm lâu được. Tuy nhiên, nó có công năng đối trị được bệnh hôn trầm giải đãi, trừ khử được tạp niệm lăng nhăng. Khi niệm Phật nếu thấy mơ màng muốn ngủ gục, hoặc thấy tư tưởng bị chao động, hành giả nên mạnh

mẽ đề khởi tinh thần, cất cao vọng niệm to tiếng làm trí não thức tỉnh, chánh niệm khôi phục và sẽ được linh hoạt như cũ. Niệm Phật cao tiếng có tác dụng rất lớn lao. Hơn nữa nó còn làm cho người hai bên nghe rõ tiếng niệm và khiến họ lần lần sanh khởi tâm niệm Phật.

Ngày xưa, lúc Ngài Vĩnh Minh Thọ Thuyền sư niệm Phật tại chóp núi Nam Bình, tỉnh Hàng Châu, những người qua lại dưới chân núi nghe tiếng rang rảng như tiếng nhạc trời đánh giữa hư không, khiến cho ai nấy đều rất thâm cảm. Chính Ngài đã áp dụng phương pháp này vậy.

b) Mặc niệm: Lúc niệm, môi miệng chỉ hơi mấp máy, không phát ra tiếng; Người ngoài nhìn vào, không biết là đang niệm. Tuy không phát ra tiếng, nhưng 6 chữ "Nam mô A Di Đà Phật" đương sáng ngời và rang rảng trong tâm thức hành giả, vô cùng rõ ràng. Nhờ sự sáng ngời và rang rảng ấy mà tâm thần định tĩnh, chánh niệm ngưng tụ thành một khối, khiến cho hiệu lực của nó không khác hiệu lực của niệm Phật có tiếng

Phương pháp niệm này có thể áp dụng trong khi nằm nghỉ, khi tắm rửa, lúc bệnh hoạn, lúc phóng uế, hoặc trong khi đương ở hội trường công cộng hay khi lữ thứ tha phương v.v... tóm lại là trong những trường hợp không tiện niệm ra tiếng.

c) Niệm Kim Cang: Niệm thư thả, hòa hoãn tiếng không lớn quá, không nhỏ quá. Bất luận là niệm 4 chữ, hay 6 chữ, hành giả vừa niệm vừa lắng tai nghe lại tiếng niệm của mình từng chữ một, thật rõ ràng. Cứ vừa niệm vừa nghe như thế, trí óc sẽ không bị xao lãng và tâm thần định được.

Phương pháp niệm này hiệu lực rất lớn lao, Cho nên, đem ví dụ với ngọc kim cương. Kim nghĩa là vàng, thí dụ cho sự cô đọng cần mật; cương nghĩa là cứng, thí dụ cho sự cứng rắn. Vừa cần mật vừa cứng rắn thì ngoại cảnh khó xâm nhập và tạp niệm dễ bị đánh tan.

Trong lúc phương pháp niệm Phật, phương pháp này thường được dùng hơn hết. Với phương pháp này lại có tên là phản văn niệm Phật nghĩa là niệm chữ nào trở lại nghe chữ ấy, chữ ra từ miệng lại trở về lại tai.

d) Niệm giác chiếu Một mặt xung danh hiệu Phật, một mặt quay tâm trí của mình trở lui soi xét tự tánh. Với phương pháp này, cảnh đối tượng trước mắt đều bị đẩy lùi hết, chỉ còn một cảm giác linh động trong tâm thôi. Ấy là cảm giác tâm Phật, thân Phật, cả hai cùng ngưng tụ thành một khối sáng chói lợi, tròn vành vạnh. Ngoài ra, các cảnh giới bao la trong mười phương như sơn

hà đại địa, nhà cửa khí cụ, nhất nhất thấy đều mất tung tích cho đến thân tứ đại của hành giả cũng không biết lạc mất chỗ nào. Được như vậy thí báo thân tuy chưa xả mà cảnh Tịch quang đã chứng. Danh hiệu Phật vừa tuyên lên là đồng thời hành giả chứng nhập tam muội, đem thân phàm phu dục vào cảnh giới chư Phật.

Thật không có phương pháp nào so bằng phương pháp này. Nhưng có điều đáng tiếc là, phi bậc thượng trí, ít ai lãnh hội và thực hành nổi. Vì vậy mà sức cảm hóa của phương này có hơi hẹp

đ) Niệm quán tượng: Một mặt xưng danh hiệu Phật, mặt khác quán tưởng thân Phật và Bồ tát trang nghiêm đang đứng trước mặt ta. Do tự kỷ ám thị tưởng tượng ra các cảnh như cảnh Phật đương đưa tay thoa đầu ta hoặc lấy áo phủ lên mình ta, hoặc như cảnh đức Quan Âm và đức Thế Chí đương đứng hầu hai bên đức Phật, còn Thánh chúng thì đương đonanh vây hai bên thân ta. Lại có thể quán tưởng cảnh đất vàng, hồ báu của thế giới Cực lạc với lâu đài tráng lệ, lưới báu bủa giăng, hoa nở chim kêu đương phát ra tiếng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng v.v...

Nếu quán tưởng này đã thành thực, thì tuy nhục thân đương ở cõi Ta bà mà thức thần đã dạo chơi trên Cực lạc. Hoặc nếu quán tưởng chưa chơn thuần thì nó vẫn có thể làm trợ duyên cho sự niệm Phật bằng cách giúp cho tịnh nghiệp dễ dàng thành tựu.

Phép tu quán tưởng này lâu ngày càng thuần thực càng tạo được một ấn tượng rõ ràng và sâu sắc trong tâm mắt của hành giả. Một ngày kia, khi báo thân suy tạ, trần duyên ở cõi đời này dù bám đở đến đâu, cũng khó lôi cuốn khiến phải liên lụy. Như vậy, thắng cảnh Cực lạc nhất thời đã hiển hiện ra trước mắt rồi.

e) Niệm truy đánh: Cũng giống như phép niệm Kim cang nói đoạn trước, nhưng giữa chữ trước và chữ sau, giữa câu trước và câu sau, đừng để xen hở. Chữ nọ bồi vào chữ kia, câu sau chồng lên câu trước, trung gian không cho dứt hở, nên gọi truy đánh. Truy nghĩa là đuổi theo, đánh nghĩa là đầu.

Nhơn vì chữ truy đánh, câu câu truy đánh một cách chặt chẽ, nên tạp niệm không cách gì xen vào được. Trong lúc niệm, do trong lòng tình tự khẩn trương, tâm và khẩu cùng xúc tiến một lần, phát sanh được chánh niệm. Oai lực của chánh niệm càng lớn càng lấn át tất cả, làm cho tâm tưởng vô minh tạm thời phải chìm lặng.

Phương pháp niệm này có hiệu lực rất lớn, xưa nay thường được số đông các bậc tu tịnh nghiệp dùng đến.

g) Niệm lễ bái: Đồng thời trong khi miệng niệm thì thân lạy, hoặc niệm xong một câu lạy một lạy, hoặc bất câu miệng niệm nhiều hay ít, hễ cứ miệng niệm thì thân lạy, thân lạy thì miệng niệm.

Có niệm có lạy liên tục nên khiến cho thân khẩu hợp nhất; đồng thời trong lúc ấy, ý nghĩ đến Phật nên cả tam nghiệp thân, khẩu, ý cũng tập trung, 6 căn đều thu nhiếp. Như vậy, toàn bộ thân tâm cùng hết thảy các giác quan đều quy về một mối, không còn có chỗ hở nào cho trần sự chen vào, cũng không có một tâm niệm nào khác làm chao động tâm niệm tưởng Phật, nhớ Phật.

Muốn áp dụng phương pháp này, phải đặc biệt tinh tấn. Hiệu lực của nó cũng đặc biệt lớn lao. Duy chỉ có một điều hại là lễ bái quá nhiều thì sinh nhọc sức, phí hơi thở; người yếu không làm nổi. Vậy chỉ nên kiêm dụng với các phương pháp khác, chứ không nên chuyên trì, sợ e mất sức, sanh bệnh.

h) Niệm từng loạt 10 niệm (số thập): Khi niệm dùng chuỗi hạt để ghi số loạt, cứ mỗi loạt mười câu. Sự ghi số có nhiều cách: hoặc niệm 3 câu một hơi, làm như vậy 3 lần, đến câu tiếp thì lần một hạt chấm câu; hoặc 3 câu một hơi, rồi 2 câu một hơi nữa, như vậy 2 lần rồi lần một hạt. Như vậy là cứ mỗi khi lần một hạt chuỗi tức là đã niệm xong 10 niệm.

Phương pháp này bắt buộc tâm hành giả vừa niệm Phật, lại vừa phải nhớ số câu niệm, Cho nên, dù tâm không chuyên, buộc cũng phải chuyên. Nhờ có sự cưỡng bức ấy mà đối trị được các tạp niệm lăng xăng, tâm trở nên chuyên nhất. Thật là một phương pháp hay và rất thích nghi với những kẻ nào tâm niệm quá chao động.

i) Niệm đếm theo hơi thở (số tức): Niệm như pháp truy đánh trước kia, không kể số danh hiệu Phật niệm được nhiều hay ít, chỉ dùng hơi thở làm chừng. Bắt đầu thở ra thì niệm cho đến khi hết hơi thở, nghỉ niệm mà hít thở vào. Khi thở ra lại, tiếp tục niệm như trước. Cứ 10 lần như vậy, thì gọi là 10 hơi niệm.

Phương pháp này sở dĩ thiết lập ra đặc biệt dành riêng cho những người quá bận rộn, tiện cho sự thực hành hằng ngày. Chẳng hạn như, mỗi ngày sáng sớm ngủ dậy, sau khi rửa mặt súc miệng xong, day mặt về hướng Tây hoặc hướng trước Phật đài, bỏ ra 5 phút là niệm xong 10 hơi. Công việc không

khó, như người tập thể thao làm những cử động hô hấp. Nếu ngày nào cũng chuyên cần như vậy, thì cũng nhất định được vãng sanh.

Đây là căn cứ theo đại nguyện thứ 18 của đức Phật A Di Đà (xem trước) mà thiết lập phương này. Các vị Cổ đức nghiên cứu và tu tập phương pháp thập niệm, chính là phương pháp niệm theo 10 hơi thở này.

k) Niệm theo thời khóa nhất định: Điều tối kỵ nhất trong phép niệm Phật là lúc bắt đầu thì hăng hái mà về sau lại giải đãi. Sở dĩ có sự thủy chung dai như vậy là vì không có tâm hằng thường. Cho nên, để giữ cho được thủy chung như nhứt, ngay từ khi sơ phát tâm niệm Phật, hành giả cần phải tự vạch cho mình một thời khóa biểu nhứt định. Một khi thời khóa biểu đã vạch sẵn rồi thì ngày ngày cứ y theo đó mà thực hành, tự gây cho mình một thói quen, và có như thế mới giữ được đạo tâm bất thoái. Trong buổi đầu, niệm nhiều hay ít chưa phải là điều quan trọng vì nhiều hay ít còn tùy thuộc năng lực và hoàn cảnh riêng biệt của từng cá nhân; quan trọng là tại chỗ thường thời thực hành, đều đều và chuyên nhất.

Người xưa có vị mỗi ngày niệm đến 10 vạn hiệu. Vị nào ít lắm cũng 5 vạn. Công hạnh tu hành của họ thật là tinh tấn dũng mãnh! Ngày nay, hoàn cảnh thay đổi khác xưa rất xa mà lực lượng của tự thân ta cũng không bằng, vậy ta nên châm chước hoạch định một công khóa, thật sát với hoàn cảnh và vừa sức của ta, để thực hành cho đúng mức. Sau khi đã hoạch định rồi thì dù gặp phải công việc bận rộn đến đâu, cũng phải cố gắng hoàn thành công khóa. Vạn nhất, vì một lẽ nào đó mà không hoàn tất được ngày ấy thì qua hôm sau phải bổ khuyết kịp thời, chớ nên để rày lần mai lửa, tạo thành cho ta một thói xấu rất có hại về sau.

Trong khi vạch khóa trình, nên tránh hai cực đoan. Cực đoan thứ nhứt là vì sự hăng hái trong buổi đầu, tự định cho mình một khóa trình quá nhiều, về sau đuối sức theo không kịp, rồi vì vậy bỏ luôn. Cực đoan thứ hai là vì sự e ngại về sau theo không kịp, nên dè dặt tự định cho mình một khóa trình quá ít, không thấm vào đâu, rồi cũng dễ sinh ra giải đãi. Cả hai cực đoan đều đến kết quả như nhau. Cho nên, trong khi quyết định khóa trình, cần phải tế nhị châm chước dung hòa giữa hoàn cảnh và năng lực thể nào thích trung mới được lâu dài và hữu hiệu

l) Niệm bất cứ lúc nào: Với những hành giả đã huân tập được tịnh chủng khá thành thực thì tự nhiên phát ra những tiếng niệm Phật bất cứ lúc nào, cơ hồ như có một sức lực dũng mãnh nào bên trong thúc đẩy, khiến cho hành giả

hằng tiến không lùi. Vì vậy mà dù công khóa đã hoàn tất, các vị này vẫn chưa cho là đủ, nên trừ ngoài giấc ngủ, bất luận ngày đêm, trong bốn oai nghi là đi, đứng, nằm, ngồi, không lúc nào, không chôn nào, là không niệm Phật. Như vậy câu "Nam mô A Di Đà Phật" không lúc nào rời khỏi miệng, lâu ngày thành tập quán.

Truyện vãng sanh của người xưa còn ghi chép lại rất nhiều trường hợp vãng sanh do pháp môn niệm Phật này đem lại. Như có ông thợ rèn, tay đập búa miệng niệm Phật; bà làm nghề đập hủ, tay xay đậu miệng niệm Phật; về sau, khi vừa dứt tiếng niệm Phật, cả hai đều được đức Phật phóng hào quang tiếp dẫn và đều được tọa hóa vãng sanh Cực lạc.

Chúng ta nên lấy đó làm gương. Nếu niệm được đến trình độ ấy thì dù có định khóa trình, hay không còn định khóa trình, không còn là vấn đề nữa.

m) Niệm hay không niệm vẫn là niệm: Phép niệm Phật nói ở đoạn trên là chỉ sự niệm thành tiếng, phát ra nơi cửa miệng, trong 4 oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi. Chữ NIỆM trong đoạn này là chỉ tâm niệm (tâm niệm nhớ nghĩ đến Phật). Nói "niệm hay không niệm vẫn là niệm" có nghĩa là bất kể niệm thành lời hay không, luôn luôn trong tâm vẫn tưởng nhớ đến Phật, tức là vẫn có niệm Phật.

Sở dĩ miệng phải niệm Phật là cốt nhắc cho trong tâm tưởng nhớ đến Phật. Giờ đây, dù cho khi miệng không niệm mà tâm vẫn có tưởng nhớ, như thế cứu cánh của phép trì danh niệm Phật đã đạt được rồi vậy.

Nếu hành giả thực hiện được phép "không niệm mà niệm" thì bất luận thời gian nào, bất luận miệng có trì danh hay không trì danh, tâm lý lúc nào cũng vẫn để vào Phật. Như vậy, tịnh niệm đã kiên cường liên tục không hở, lòng như rào sắt vách đồng, gió thổi cũng không lọt, ai muốn đập phá cũng không xuể, quyết không còn một trần niệm ô nhiễm nào có thể đột nhập, khiến cho tâm chao động được. Lúc ấy, phép niệm Phật tam muội tự nhiên thành tựu, quả vãng sanh không cầu mà tự đến.

Người xưa nói "niệm mà không niệm, không niệm mà niệm" tức là chỉ cho cảnh giới này vậy. Nếu không phải là người niệm Phật đã lâu năm, và do đó, công hạnh đã thuần thực, thì quyết không thực hành được pháp môn này. Hàng sơ cơ quả thật khó mà noi theo.

CHƯƠNG V: PHÁT NGUYỆN VÃNG SANH CỰC LẠC

TIẾT MỘT: TÍNH CÁCH TRỌNG YẾU CỦA SỰ PHÁT NGUYỆN

Trong một chương đã nói sự quan trọng của lòng tin. Nay xin giải rõ tính cách trọng yếu của sự phát nguyện.

Ngài Ngẫu ích Đại sư nói: "Được vãng sanh hay không là do Tín Nguyện có hay không; còn phẩm vị vãng sanh cao hay thấp là tùy việc trì danh sâu hay cạn"

Ở đây, chưa bàn đến phẩm vị cao thấp sau khi vãng sanh. Vấn đề cấp thiết cần phải giải quyết là có được vãng sanh hay không đã. Vì vậy mà chưa bàn đến vấn đề hành trì sâu hay cạn, mà chỉ nên bàn đến tín nguyện có hay không mà thôi.

Tín, Nguyện, Hạnh là ba tư lương sanh về Tịnh độ. Nếu tư lương không đủ, quyết không được vãng sanh. Sở dĩ vì thế mà sự phát nguyện chiếm một địa vị tối quan trọng trong pháp môn tu Tịnh độ.

Đức Phật A Di Đà ngày xưa phát 48 lời nguyện làm duyên khởi tạo thành Thế giới Cực lạc. Từ đó về sau, chúng sanh trong mười phương đều lấy sự phát nguyện vãng sanh làm căn cứ tu hành của tông Tịnh độ. Một đảng Phật nguyện tiếp dẫn, một đảng chúng sanh nguyện vãng sanh, hai nguyện gặp nhau, hai lực lượng tự, tha, hỗ trợ nhau mới đủ sức kết thành quả vãng sanh. Vì thế, người tu tịnh nghiệp quyết phải phát nguyện dững mãnh.

Trong 48 lời đại nguyện của đức A Di Đà, lời đại nguyện thứ 19 nói một cách rõ ràng, rằng nếu có người chí tâm phát nguyện muốn sanh về nước Ngài, lúc lâm chung nhất định Ngài sẽ đến tiếp dẫn. Cho nên, hễ có phát nguyện là quyết định phải được vãng sanh.

Lại nữa, trong kinh "Phật thuyết A Di Đà" đức Phật Thích Ca bảo ngài Xá Lợi Phất: "Nếu có người đã phát nguyện, đương phát nguyện, sắp phát nguyện, nguyện sanh về thế giới đức Phật A Di Đà, các người ấy tất đã sanh, hoặc đương sanh hoặc sắp sanh tại thế giới kia, và, hết thảy đều được quả bất thoái chuyển vô lượng Chánh đẳng Chánh giác." Đoạn trích dẫn đây cũng thuyết minh rằng phàm hễ có nguyện tức có vãng sanh vậy.

Lại nữa, trong kinh Hoa nghiêm cũng từng dạy rằng: "Người ấy khi gần lâm chung, trong sát na tối hậu, tất cả các căn thảy đều bại hoại, tất cả thân thuộc

thầy đều xa rời, tất cả uy thế đều tan rã ... chỉ còn nguyện vương là hằng cùng theo dõi, hướng dẫn trước mắt; trong một khoảnh khắc, liền được vãng sanh thế giới Cực lạc." Căn cứ vào các kinh văn trích dẫn trên đây, ta thấy công dụng của phát nguyện là như thế nào rồi vậy.

Bây giờ, trên thực tế, đây là câu chuyện mà thầy Bạch Sa ở Quy Nhơn đã kể cho tôi nghe:

Bà Thái Xương, vợ một Hoa kiều nguyên buôn bán ở Quy Nhơn, là một đàn việt chùa Bạch Sa và đã giúp thầy ấy kiến tạo ngôi chùa Bạch Sa hiện nay. Bà chuyên tu pháp môn niệm Phật và chỉ phát nguyện khi thọ chung được gặp ngày vía đức A Di Đà (tức là ngày 17 tháng 11 âm lịch) và được biết trước giờ phút thọ chung ấy. Năm bà mất, đã 80 tuổi mà vẫn khỏe mạnh. Đầu tháng 11 năm ấy, bà đến xin thầy Bạch Sa tụng cho một bộ kinh Thủy Sám và một bộ kinh Pháp Hoa để kịp đến ngày 17 tháng ấy bà về châu Phật. Thầy Bạch Sa lấy làm kinh ngạc vô cùng, nhưng vì bà là bồng đạo thuần thành đã lâu năm nên thầy cũng phải chiều theo. Cái tin ấy đã làm cho bà con và đạo hữu kinh ngạc. Đến ngày 17, họ tu tập đến nhà bà rất đông để thỏa mãn tánh hiếu kỳ. Suốt buổi sáng hôm ấy, bà vẫn khỏe mạnh và bình tĩnh như thường ngày, khiến thầy Bạch Sa trong thâm tâm e sợ, không khéo phen này làm trò cười cho thiên hạ. Bỗng đâu đến khoảng quá 10 giờ sáng, bà bảo người giúp việc in một in cơm đem lên nhờ thầy cúng Phật rồi đem xuống cho bà, bà chần in cơm làm hai phần, tự mình ăn một nửa, còn một nửa bảo người giúp việc ăn mà từ tạ rằng: "Gọi là đền đáp công ơn mụ giúp đỡ tôi trong mười mấy năm trường, nay đến ngày vĩnh biệt, xin biếu mụ ăn nửa phần cơm này để sau nhờ Phật tiếp dẫn mụ về Tây phương." Nói xong, rửa mặt súc miệng và thay áo quần thì đúng 12 giờ trưa, bà chào tất cả mọi người, ngồi xếp bằng, hai tay chắp trước ngực mà hóa một cách vui vẻ trước sự kinh ngạc của tất cả mọi người trong nhà. Năm ấy ở Quy Nhơn, thiên hạ xôn xao bàn tán rất nhiều về cái chết của bà Thái Xương, tiếng đồn bà thành Phật lan ra khắp các tỉnh.

Xem đó đủ biết sự phát nguyện vãng sanh Cực lạc là một điều tối cần thiết cho người tu theo pháp môn Tịnh độ. Phát nguyện là một nhu kiện không thể không có, ta không nên suất lượt để phải mất công hiệu và lợi ích rất đồng, nhưng lớn về sau.

Từ xưa nay, người tu theo pháp môn Tịnh độ đã làm ra rất nhiều bài văn phát nguyện vãng sanh Cực lạc. Mỗi bài đều có một ý nghĩa hoặc sâu hoặc cạn nhưng mục đích chung vẫn là: "Nguyện khi thân mạng gần chung, biết

trước giờ chết mà thân tâm vẫn được an vui, được thấy Phật và Bồ tát đến tiếp dẫn."

Trong các bài phát nguyện, nổi tiếng nhất là bài "Khể thủ Tây phương" của ngài Liên Trì đại sư, bài "Nhứt tâm quy mạng" của ngài Từ Vân Sám chủ, bài "Thập phương tam thế Phật" của ngài Đại Từ Bồ Tát. Bài nào bài nấy, lời văn rất hay, ý nghĩa rất đầy đủ và hàm xúc. Trong quốc văn ta thì có bài "Đệ tử chúng con tư vô thủy" và bài "Đệ tử kinh lạy." Sau một thời kinh và trì niệm danh hiệu Phật, ta nên vận hết thành tâm đọc một trong những bài ấy, hoặc đọc tiếp hai ba lần cũng được. Đọc như thế tức là mượn lời văn để tự mình phát lời nguyện rồi vậy. Lúc lâm chung, nhất định sẽ được nhờ Phật tiếp dẫn vãng sanh Thế giới Cực lạc

Nếu không muốn lặp theo khuôn cơ sẵn, ta có thể tự mình viết lấy bài phát nguyện riêng cho thích hợp cũng được. Đại cương lời phát nguyện không ngoài việc cầu vãng sanh, cầu Phật tiếp dẫn, cầu chứng quả, để trở lui tam giới cứu độ chúng sanh đồng sanh Lạc quốc. Còn nếu muốn thêm những chi tiết nào thâm thiết khác, ấy là tùy hoàn cảnh và sở nguyện riêng từng người.

Trong văn phát nguyện bao giờ cũng có câu cầu Phật và chúng Bồ tát đến tiếp dẫn là vì lẽ gì ? Xin thưa: Người tu Tịnh độ, nếu công phu chưa được thuần thực, thường hay bị hãm vào trong những trạng thái sau đây, nên khi lâm chung không niệm được, hoặc lắm khi cũng không kịp mời người khác hộ niệm giúp. Các trạng thái ấy có thể là: hoặc vì bệnh khổ bức bách nên sinh hôn mê, hoặc bị bà con thương tiếc khó bề xả bỏ nên sinh si luyến, hoặc vì sự nghiệp của tiền khó dứt lòng tham đắm nên sinh bi ai, hoặc vì thù hận đầy dẫy khó giải nổi lòng nên sinh sân hận v.v... Đó là chưa kể cả trường hợp hoạnh tử, miệng chưa kịp niệm đã vong.

Nếu lúc gần lâm chung mà không được Phật hiện đến tiếp dẫn thì không được vãng sanh, lại còn vì các sự đau khổ tham sân luyến tiếc mà bị đọa lạc ba đường dữ nữa là khác. Vì các lý do ấy nên trong văn phát nguyện, bao giờ cũng phải cầu Phật đến rước để tiếp dẫn mới là chu đáo. Sự phát nguyện hằng ngày có thể ở tại chùa vào bất luận giờ nào cũng được, miễn là sau khi lễ Phật xong thì quỳ ngay trước điện Phật mà đọc lời phát nguyện. Nếu ở nhà có bàn thờ Phật thì hằng ngày nên đốt hương lạy Phật rồi phát nguyện. Hoặc giả, nếu không tiện thờ Phật thì viết câu: "Nam mô Thập phương Tam thế Phật Bồ tát" dán lên trên vách, hằng đêm trước khi đi ngủ, đối mặt vào vách mà đốt hương phát nguyện. Gặp khi đi đường, chưa kịp trở về thì nên xây mặt về hướng tây chấp tay niệm năm, mười hiệu Phật rồi lâm râm đọc

lời phát nguyện. Ta lại có thể phát nguyện mỗi khi làm được một việc thiện nào, bất luận lớn nhỏ v.v...

Trong nghi lễ phát nguyện, điều tuyệt đối cấm hẳn là không được đòi trước đền tháp thờ thần thánh ma quỷ mà phát nguyện.

---o0o---

TIẾT HAI: GIỚI THIỆU VÀI BÀI PHÁT NGUYỆN CỦA NGƯỜI XƯA VÀ NGHI THỨC PHÁT NGUYỆN

a) NỘI DUNG PHÁT NGUYỆN

Bài của Ngài Từ Vân sám chủ:

NGUYÊN VĂN

Nhứt tâm quy mạng!

Cực lạc Thế giới

A Di Đà Phật

Nguyện dĩ tịnh quang chiếu ngã

Từ thệ nhiếp ngã

Ngã kim chánh niệm

Xung Như Lai danh

Vị Bồ đề đạo

Cầu sanh Tịnh độ

Phật tích bốn thệ:

"Nhược hữu chúng sanh,

Dục sanh ngã quốc

Chí tâm tín nhạo,

Nãi chí thập niệm,
Ngược bắt sanh giả.
Bất thủ chánh giác";
Dĩ thử niệm Phật nhân duyên,
Đắc nhập Như Lai
Đại thế hải trung.
Thừa Phật từ lực,
Chúng tội tiêu diệt,
Thiện căn tăng trưởng,
Nhược lâm dục mạng chung
Dự tri thời chí,
Thân vô bệnh khổ,
Tâm bất tham luyến,
Ý bất điên đảo,
Như nhập thiền định.
Phật cập thánh chúng,
Thủ chấp kim đài.
Lai nghinh tiếp ngã,
Ư' nhứt niệm khoảnh
Sanh Cực lạc quốc.
Hoa khai kiến Phật,

Tức vãn Phật thừa,
Đón khai Phật huệ,
Quảng độ chúng sanh
Mãn Bồ đề nguyện.

DỊCH

Một lòng quy kính
Phật A di đà
Thế giới Cực lạc
Nguyện lấy tịnh quang chiếu con
Từ thế nhiếp con,
Con nay chánh niệm
Xưng hiệu Như Lai,
Vị đạo Bồ đề
Cầu sanh Tịnh độ
Phật xưa có thề:
"Nếu có chúng sanh,
Muốn sanh nước ta
Hết lòng tín niệm,
Dù chỉ mười niệm,
Mà chẳng đặng sanh.
Thề chẳng làm Phật";

Nhờ ơn duyên niệm Phật này

Được vào trong biển đại thế

Của Đức Như Lai

Nhờ từ lực Phật

Các tội tiêu diệt,

Căn lành tăng trưởng,

Khi thân mạng gần chung

Biết trước giờ chết

Thân không bệnh khổ,

Tâm không tham luyến,

Ý không điên đảo,

Như vào thuyền định,

Phật và Thánh chúng,

Tay nâng kim đài.

Đến nghinh tiếp con,

Trong khoảng một niệm

Sanh về Cực lạc

Sen nở thấy Phật.

Liền nghe Phật thừa.

Bừng tỏ Phật huệ,

Lui về độ sanh,

Tròn nguyện Bồ đề

Bài của Ngài Đại từ Bồ tát:

NGUYỄN VĂN DỊCH

Thập Phương Tam thế Phật, Trong ba đời mười phương.

A Di Đà đệ nhất. Phật Di Đà thứ nhất,

Cửu phẩm độ chúng sanh Chín phẩm độ chúng sanh.

Oai đức vô cùng cực. Oai đức cao tột bậc.

Ngã kim đại quy y. Con nay nguyện quy y.

Sám hối tam nghiệp tội. Sám hối tội ba nghiệp.

Phàm hữu chư phước thiện Phàm làm được phước thiện,

Chí tâm dụng hồi hướng, Thấy như tâm hồi hướng.

Nguyện đồng niệm Phật nơn. Nguyện cùng người niệm Phật,

Cảm ứng tùy thời hiện; Tùy thời hiện cảm ứng;

Làm chung Tây phương cảnh Khi làm chung thấy rõ,

Phân minh tại mục tiền; Cảnh Tây phương trước mắt;

Kiến văn giai tinh tấn. Thấy nghe đều tinh tấn

Đồng sanh Cực lạc quốc; Đồng sanh về Cực lạc;

Kiến Phật liễu sanh tử, Thấy Phật đoạn sanh tử,

Như Phật độ như thế. Như Phật độ hết thấy.

Vô biên phiền não đoạn, Dứt vô biên phiền não,

Vô lượng pháp môn tu, Tu vô lượng pháp môn,

Thệ nguyện độ chúng sanh. Độ hết thầy chúng sanh.

Tổng nguyện thành Phật đạo. Đều trọn thánh Phật đạo.

Hư không hữu tận, Hư không có hạn,

Ngã nguyện vô cùng. Nguyện con không cùng.

Tình dữ vô tình, Hữu tình vô tình,

Đồng viên chủng trí. Đều trọn trí giác.

Một bài phát nguyện khác:

NGUYÊN VĂN DỊCH

Nguyện dĩ thử công đức, Nguyện đem công đức này,

Trang nghiêm u Phật độ, Trang nghiêm nơi cõi Phật,

Thượng báo tứ trọng ân, Trên đền bốn ơn sâu,

Hạ tế tam đồ khổ. Dưới độ ba đường khổ,

Nhược hữu kiến văn giả Nếu có kẻ thấy nghe

Giai phát bồ đề tâm. Đều phát lòng Bồ đề.

Tận thử nhứt báo thân, Khi báo thân này mãn,

Đồng sanh Cực lạc quốc Đồng sanh về nước Cực lạc.

b) NGHI THỨC PHÁT NGUYỆN

Chuẩn bị: Rửa tay, súc miệng, y phục chỉnh tề

Hành lễ: Đến trước Phật đài đốt hương cúng dường Phật. Chắp tay trước ngực, đọc:

Đại từ đại bi thương chúng sanh,

Đại hỷ đại xả cứu muôn loài.

Tướng tốt rục rờ tự trang nghiêm.

Đệ tử chi thành quy mạng lễ

Nam mô Thập phương Thường trú Tam Bảo.

(1 lạy)

Đệ tử, pháp danh nguyện Quy y Phật, là Đấng Phước Huệ vô biên, thề đời đời kiếp kiếp không quy y thiên thần quỷ vật (1 lạy)

Đệ tử, pháp danh nguyện Quy y Pháp, là nền Giáo lý vô thượng, thề đời đời kiếp kiếp không quy y ngoại đạo tà giáo (1 lạy)

Đệ tử, pháp danh nguyện Quy y Tăng là những bậc Thánh hiền thanh tịnh, thề đời đời kiếp kiếp không quy y tổn hữu ác đảng (1 lạy)

Nam mô Ta bà giáo chủ Bổn sư Thích Ca Mâu Ni Phật (1 lạy)

Nam mô Tây phương Cực lạc Thế giới Đại từ Đại bi A Di Đà Phật (1 lạy)

Nam mô Quan Thế Âm Bồ tát (1 lạy)

Nam mô Đại thế Chí Bồ tát (1 lạy)

Nam mô Thanh tịnh đại hải chúng Bồ tát (1 lạy)

Nam mô Thập phương tam thế, nhưt thế chư Phật, vô lượng Bồ tát (1 lạy)

Xong quỳ niệm danh hiệu Phật (càng nhiều càng tốt)

Tiếp theo, đọc lời phát nguyện (một trong các bài trên)

Đọc xong lời phát nguyện, đứng dậy, đọc Tam tự quy và Hồi hướng.

TAM TỰ QUY:

Tự quy y Phật, xin nguyện chúng sanh thể nhập đạo cả, phát lòng vô thượng (1 lạy)

Tự quy y Pháp, xin nguyện chúng sanh, thẩm nhuần giáo lý (hay thấu rõ kinh tạng), trí tuệ như biển (1 lạy)

Tự quy y Tăng, xin nguyện chúng sanh thông lý đại chúng, hết thảy không ngại (1 lạy)

HỒI HUỚNG

Nguyện đem công đức này

Chung cùng khắp tất cả

Đệ tử và chúng sanh

Đều trọn thành Phật đạo

(vái 3 vái, lui ra)

Có thể áp dụng nghi thức này hằng ngày, hoặc một thời, hoặc hai thời, trước khi đi ngủ và sau khi thức dậy.

Nếu nhà không thiết được bàn Phật thì ngồi ngay ngắn trên giường hay trước bàn viết, bàn ăn, chắp tay ngang ngực, quán tưởng như có tượng Phật trước mặt, rồi đọc trọn cả nghi thức như trên. Chỗ nào trong nghi thức có ghi 1 lạy thì thay vào 1 vái. Điều cốt yếu là phải thực hành đều đều và nhứt thiết tránh cho được cái thông bệnh là "thủy cần chung đãi."

---o0o---

CHƯƠNG VI - PHÁP QUÁN TƯỚNG

TIẾT MỘT: TRÌ DANH VÀ QUÁN TƯỚNG

Trong pháp môn Tịnh độ, quán tưởng cũng là một pháp trọng yếu như pháp trì danh. Những ai vì ngán hơi, không theo được pháp trì danh mà chỉ chuyên tu pháp quán tưởng, kết quả vãng sanh hai đàng vẫn như nhau.

Kinh Quán Vô lượng Thọ dạy có 16 pháp quán, trình bày rất chí lý rõ ràng. Luận Vãng sanh của ngài Vô Trước lại chia thành 29 pháp quán. Công năng tán trợ vãng sanh của các pháp quán, như trên đã nói, không khác công năng của pháp trì danh. Có khác chăng là một đàng dễ theo, một đàng khó theo, như sẽ nói rõ sau đây;

Với pháp quán tưởng, cảnh quán thường rất rộng rãi và tế nhị nên khó hành trì. Hơn nữa, vì chưa từng trải qua cảnh đó nên ấn tượng dễ trở nên mờ lung. Cảnh chỉ hoàn toàn căn cứ vào ức tưởng nên khó tránh khỏi sai sự thật. Những sự khó khăn trên lại càng tăng thêm lên nữa, đối với chúng sanh trong đời mạt pháp này. Quả vậy, nghiệp chướng nặng nề, trí huệ cam cọt, tâm tư tạp loạn hoàn cảnh nhiễu nhương; với những điều kiện như thế tự lự thật khó tập trung vào một cảnh chuyên nhất trong quán pháp. Vì các lý do như trên, nên pháp quán tưởng khó áp dụng hơn pháp trì danh. Nếu chỉ chuyên tu quán tưởng mà không tu các pháp khác, sợ ít hy vọng thành công, vì vậy mà người tu Tịnh độ hiện thời ít kẻ thực hành quán tưởng, phần đông chuyên theo pháp trì danh mà thôi.

Tuy nhiên, nếu gác ngoài sự thực hành khó khăn, pháp quán tưởng còn có một tác dụng rất lớn lao ở trong pháp môn Tịnh độ. Nó có hiệu lực phát huy công năng phục diệt chủng tử ô nhiễm và đồng thời đề khởi chủng tử thanh tịnh ở trong tâm thức chúng ta, khiến cho các chủng tử thanh tịnh ấy mau thành thực để hiện hạnh mạnh mẽ. Khi hiện hạnh mạnh mẽ tức là kiến tánh thành Phật vậy. Nếu lập chí vững bền, quán tâm mạnh mẽ tinh tấn, thì lại có thể chuyển biến thế giới Ta bà thành thế giới Cực lạc được, Pháp quán tưởng có công năng lớn lao như vậy, thế mà chỉ có một số ít người thực hành được, quả thật đáng tiếc!

Nay xin đề nghị một biện pháp để dễ thích nghi với mọi hoàn cảnh, mọi năng lực là lấy pháp trì danh làm nòng cốt tu hành, đồng thời lấy pháp quán tưởng làm trợ duyên giúp thêm sức. Đã có trì danh làm căn bản thì cho dù quán tưởng có thành công hay không, công phu tu tập cũng không vì thế mà mất. Trái lại, nếu bên quán tưởng cũng đồng thời thành công thì kết quả hai bên hợp lại thật là vô cùng rực rỡ. Trong trường hợp không thành công, ít nhất nó cũng đóng được vai trò tăng thượng duyên cho pháp trì danh. Do đó, ta có thể kết luận một cách quả quyết và minh bạch rằng:

a) Nếu chỉ chuyên tu quán tưởng mà không kiêm tu các pháp khác, rủi không thành công thì thật là tổn phí thì giờ.

b) Nếu dùng pháp quán tưởng phụ giúp cho pháp trì danh thì nó có thể làm tăng thượng duyên cho tịnh nghiệp, bồi thêm hiệu quả cho pháp trì danh mà không mấy may lưu tệ.

Tóm lại, dùng phương pháp quán tưởng giúp cho phương pháp niệm Phật thì thật là nhiệm mầu vậy. Chúng ta cần phải biết châm chế mà thực hành cho chóng có kết quả.

Sau đây xin cung lục 16 pháp quán trong kinh Quán Vô lượng thọ và 29 pháp quán trong Luận Vãng sanh. Mong rằng các bậc hành giả tinh tấn y theo, công đức sẽ vô lượng.

Đối với 16 pháp quán trong kinh Quán Vô lượng thọ hay đối với 29 pháp quán trong luận Vãng sanh, nếu hành giả, trong khi tu, cảm thấy cảnh giới quá rộng rãi phiền phức hoặc già cảnh quán hiện ra quá mơ màng mông lung, không thể quán tưởng hết cùng một lượt, thì bắt đầu chỉ nên đọc quán một pháp hoặc hai pháp mà thôi. Hoặc cũng có thể chỉ quán tưởng một bộ phận nhỏ trong một pháp, hay thay đổi, hôm nay quán bộ phận này hôm sau quán bộ phận khác.

Trong khi tu quán, đừng nên bắt đầu "quán không" và đừng sợ bị pháp chấp. Đặc sắc của pháp môn tu Tịnh độ là không cấm kỵ sự muốn thấy Phật, sự muốn đến cảnh giới Phật, tức là "quán hữu." Đã có phương pháp trì danh làm căn bản (dù chỉ trì 10 danh hiệu một ngày) phép quán kiêm thêm là cốt để phụ giúp cho tịnh nghiệp mà thôi. Vì ở địa vị phụ, nên quán tưởng có thành công hay không cũng không hại. Ví như trong công việc thành tựu một cái bàn, công thợ và cây ván có thể ví với phương pháp trì danh, dầu véc ni và sự đánh bóng có thể ví với phương pháp quán tưởng. Lại như trong công việc dệt sa lụ, trì danh như canh chỉ, quán tưởng như bông hoa. Miễn rằng đầu được cái bàn chắc chắn hay dệt xong cây lụ tốt bền thì gọi là hoàn thành, có đánh bóng hay không, có bông hoa hay không, chưa phải là điều quan trọng. Nếu hiểu được lẽ đó, ta nên khéo léo vận dụng thế nào cho phần chính được đặc biệt chú trọng hơn phần phụ, nếu có thêm phần phụ là chỉ tăng thêm vẻ mỹ miều cho phần chính được chừng nào hay chừng đó mà thôi vậy.

Nghe nói như trên, không khỏi có người sẽ phản đối lại mà đàn hạch rằng: "Sở dĩ thấy chúng sanh bị giặc phiền não làm hại, nên đức Thích Tôn đặc biệt khai ra pháp môn quán tưởng này trong kinh Quán Vô lượng thọ, nay vì sao ở đây có chủ trương hạ thấp giá trị nó xuống và gán cho nó một vai trò phụ phương pháp trì danh"

Nếu có sự khiển trách ấy, tôi xin nhận lỗi ngay, nhưng cũng xin bình tĩnh xét kết quả hai bên thì sẽ rõ. Từ khi đức Phật khai ra pháp môn Tịnh độ, chúng

sanh y theo phương pháp trì danh mà tu hành, thử tính xem kết quả được vãng sanh là bao nhiêu! Lại cũng thử tính xem số chúng sanh y theo phép quán tưởng mà tu hành. Kết quả vãng sanh là bao nhiêu! Kết quả hai bên so nhau thật quá huyền thù. Sự kiện này, chính đức Phật cũng đã nêu rõ. Hơn nữa trong đời mạt pháp này vì nhơn tâm dễ tán loạn, vì hoàn cảnh quá nhiều nhương nên ở đây mới giám tùy cơ duyên khuyên hành giả lấy phương pháp trì danh làm chủ và lấy phương pháp quán tưởng làm phụ. Nếu người hành giả thành công được cả hai, kết quả sẽ vô cùng tốt đẹp. Nếu chỉ riêng thành tựu được phương pháp trì danh, cũng quyết định được vãng sanh, vì với phương pháp trì danh, mười người tu là mười người đạt kết quả, chứ không khó như phương pháp quán tưởng. Vì các lẽ ấy, ở đây quyền biến chủ trương bên chính bên phụ, tưởng cũng không trái với ý kinh.

Ngày xưa, khi Ngài Thiện Đạo đại sư trước tác quyển "Pháp môn Quán niệm A Di Đà Phật tướng hảo công đức" để giải rõ phương pháp tu hành quán tưởng Niệm Phật, nhưng vẫn không quên khuyên hành giả chuyên trì danh hiệu Phật. Lý do Ngài đưa ra là: "Vì chúng sanh, nghiệp chướng nặng, cảnh quán vi tế mà tâm thô tháo, thức bay nhảy, thần tản mát, nên quán tưởng khó thành tựu." Mặc dù vậy, Ngài vẫn nói pháp quán tưởng, mục đích chính cốt để giáo hóa hàng lợi căn thượng trí mà thôi, chứ đối với hàng quần chúng phổ thông thì Ngài khuyên nên chuyên trì danh hiệu Phật là đặc sách hơn cả, đó chính là phương tiện thiện xảo của các bậc Cổ đức sáng chế ra để dắt dẫn kẻ hậu tấn vậy.

---o0o---

TIẾT HAI: 16 PHÁP QUÁN THEO KINH QUÁN VÔ LƯỢNG THỌ

a) Quán tưởng mặt trời: Ngồi xây mặt về hướng Tây. Quán tưởng mặt trời như cái trống treo lơ lửng giữa hư không, tròn chói lợi: về hướng mặt trời sắp lặn, ánh sáng rực rỡ, bất cứ nhắm hay mở mắt đều trông thấy rõ ràng.

b) Quán tưởng nước: Thử lại, quán tưởng nước. Tập trung tâm ý nhìn vào nước trong lạng. Khi nhắm mắt cũng vẫn thấy được nước thì quán tưởng nước ấy kết thành băng. Đã thấy được băng rồi thì quán tưởng băng ấy thành lưu ly. Tiếp theo, đem lưu ly ấy biến thành đất của thế giới Cực lạc trong suốt sáng ngời: dưới đất lưu ly ấy có một đê vàng thất bảo chống đỡ: đê có 8 góc 8 cạnh, mỗi góc cạnh toàn do trăm ngàn châu bảo tạo thành, mỗi một châu bảo chiếu ra trăm ngàn hào quang lóe ra 84.000 sắc, chiếu lên đất lưu ly, lung linh như muôn ngàn mặt trời, không thể nhìn xiết

Lại quán trên đất lưu ly ấy có vô số dây chằng, toàn bằng vàng ròng, xen lẫn chằng chịt có bảy báu làm giới hạn và phân khoản rõ ràng; trong mỗi thứ báu có 500 sắc hào quang tung ra, rực rỡ như hoa, lung linh như trăng sao, treo lỏng lẻo giữa hư không, kết thành đài quang minh gồm có muôn ngàn lầu gác do trăm thứ báu hợp thành; xung quanh đài có trăm ngàn tràng hoa và vô lượng nhạc khí bằng châu báu, lại có 8 khí gió mát từ trong ánh sáng phe phẩy thổi ra, nhẹ rung các nhạc khí, khiến trỗi lên những khúc nhạc vô thường, khổ, không vô ngã, một cách hòa nhã và tự nhiên.

c) Quán tưởng đất: Khi phép quán tưởng nước đã thành tựu, nghĩa là khi đã thấy rõ được các cảnh như trên, bất cứ mở mắt hay nhắm mắt, lúc nào các cảnh ấy cũng hiện ra, ngoại trừ lúc ăn, như vậy gọi là đã thấy sơ qua đất nước Cực lạc rồi. Nếu được Tam muội rõ ràng phân minh, không thể nghĩ nghĩ hết được. Một quán tưởng đất thành tựu rồi, thì lúc xả bỏ thân này, tức liền vắng sanh Tịnh độ.

d) Quán tưởng cây: Quán tưởng 7 lớp hàng cây, mỗi cây cao 8 ngàn do tuần, hoa lá toàn bằng thất bảo, sum suê im mát. Trong mỗi hoa lá tỏa ra nhiều sắc khác nhau, lại trong mỗi sắc ánh ra hào quang riêng, như sắc lưu ly ánh ra hào quang vàng, sắc pha lê ánh ra hào quang hồng, sắc mã não ánh ra hào quang xa cừ, sắc xa cừ ánh ra hào quang quang lục v.v... Các loại châu báu như lưu ly, pha lê, xa cừ, trân châu, san hô, hổ phách đều dùng để trang sức cho cây

Trên mỗi hàng cây đều có lưới che bằng ngọc trân châu, trên mỗi cây lại có một lớp lưới, trong lưới có năm trăm ức diệu hoa cung điện giống như cung trời Phạm Vương; trong cung điện có Chư thiên đồng tử nhờn nhờn qua lại. Mỗi đồng tử đeo một vòng chuỗi anh lạc gồm năm trăm hạt ngọc ma ni kết thành. Ánh sáng của ngọc ma ni tỏa chiếu hàng trăm do tuần, lóng lánh như trăm ngàn mặt trời mặt trăng, đẹp đẽ tuyệt vời không thể tả xiết.

Các cây báu ấy, hàng hàng nối nhau, lá lá chen nhau; giữa các kẽ lá lại nhô lên nhiều cụm hoa đẹp, trô ra vô số trái thất bảo. Chóp cây tỏa thành một tàn lá rộng, che phủ 25 do tuần. Tàn lá có ngàn sắc, trên mỗi lá có hàng trăm đường chỉ quay tròn như vòng lửa xoay, óng ánh sắc vàng ròng, chói sáng rực rỡ. Những vòng quang minh lớn hóa thành vô lượng tràng phan bảo cái; trong mỗi bảo cái hiện ra tam thiên, đại thiên thế giới và hết thấy các Phật sự trong mười phương cõi Phật.

Thấy được cây rồi, sẽ lần lượt theo thứ lớp mà quán tướng nhánh, cành, lá hoa, mỗi mỗi riêng biệt cho thật phân minh.

đ) Quán tướng nước Công đức: Thứ lại, quán tướng 8 hồ nước của Thế giới Cực lạc. Các hồ ấy đều do thất bảo tạo thành Thất bảo này là những thứ báu mát mẻ nhu nhuyễn do như ý bảo châu phát sanh. Mỗi hồ phân ra 14 chi lưu, bờ bằng vàng ròng, đáy bằng tạp sắc kim cương lót thể cát. Trong hồ có vô số hoa sen thất bảo. Mỗi hoa sen tròn trặn 12 do tuần. Trong hoa tuông ra một thứ nước như ngọc ma ni, theo cây lên xuống; nước chảy phát ra những thanh âm nhiệm màu dạy các đạo lý vô thường, khổ, không vô ngã và các phép ba la mật. Cũng trong những thanh âm ấy, thỉnh thoảng lại vang lên những lời tán thán tướng hảo của chư Phật. Đồng thời, từ những viên ngọc như ý châu, những hào quang sắc vàng lại được phóng ra một cách vô cùng nhiệm màu. Trong hào quang, bay ra từng đàn chim lộng lẫy muôn màu muôn vẻ, cùng nhau hát những tiếng hòa nhã tán thán sự niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

e) Tổng quán tướng: Tổng quán tướng tức là quán tướng toàn thể quốc độ Cực lạc. Quốc độ chia thành nhiều khu vực với ranh giới phân minh. Trong mỗi khu vực có 500 ức lâu các với vô số chư thiên hòa tấu ca nhạc bằng những nhạc khí treo lơ lửng giữa hư không như những tràng phan bảo cái. Các nhạc khí ấy tự nhiên phát ra những âm thanh thường thời nói pháp niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Một khi đã thấy được đất báu, cây báu, hồ báu cùng là tổng tướng của thế giới Cực lạc rồi, pháp quán tướng như vậy là đã thành tựu. Ai thành tựu được các phép quán tướng trên, tức trừ được các ác nghiệp rất nặng từ vô lượng kiếp; về sau, khi lâm chung nhất định sẽ được vãng sanh.

g) Quán tướng tòa sen Sau khi việc quán tướng đất đã thành tựu, tiếp là quán tướng hoa sen. Nên bắt đầu quán tướng từng bộ phận, từ cành hoa cho đến đài hoa.

Cành sen làm bằng trăm thứ báu, màu sắc rực rỡ. Trên mỗi cành có 84.000 đường gân chạy dọc, mỗi đường gân tỏa ra 84.000 hào quang lộng lẫy như những bức vẽ tuyệt trần. Mỗi hoa sen có 84.000 cánh và hoa nào nhỏ nhất cũng rộng đến 250 do tuần. Trên mỗi cánh hoa lại có nạm trăm ức ngọc ma ni dùng làm trang sức. Mỗi viên ngọc ma ni phóng ra ngàn hào quang giống như hình bảo cái che khắp mặt đất.

Đài hoa làm bằng thứ ngọc thích ca tỳ lăng già, và lại trang sức thêm bằng 8 vạn thứ ngọc kim cương, châu báu ca, ngọc phạm ma ni, ngọc diệu trân châu v.v.v...

Nếu muốn niệm đức Phật A Di Đà, trước hết phải quán tưởng đài sen ấy. Lúc quán tưởng, không nên để các tạp tưởng xen vào. Phải quán tưởng từng bộ phận một cho phân minh như nhìn mặt trong gương.

Quán tưởng này mà thành tựu thì liền diệt trừ được 5 vạn ức kiếp sanh tử tội chướng và quyết định sẽ được vãng sanh Cực lạc.

h) Quán tưởng hình tượng: Khi đã thấy đài sen rồi, tiếp theo là quán tưởng thân tướng của đức Phật ngồi trên đài sen ấy. Quán cho đến khi nào nhắm mắt, mở mắt đều thấy một ngôi tượng Phật, thân sắc vàng ròng ngồi trên đài hoa kia thì tâm nhãn đều khai thông, khiến thấy được thế giới Cực lạc với đất báu, ao báu, cây báu cùng là tràng phan bảo cái giăng bủa đầy trời, lưới ngọc che khắp hư không. Tất cả cảnh ấy hiện ra trước mặt như khi ta xem một trái cây nằm giữa lòng bàn tay vậy.

Lại quán tưởng thêm hai đài sen khác ở hai bên tả hữu Phật. Bên tả là đức Quán Âm, bên hữu là đức Thế Chí. Khi quán tưởng hai tượng này đã thành tựu thì liền thấy từ tượng Phật và Bồ tát đều phóng ra hào quang sắc vàng, chiếu khắp các hàng cây báu. Ở dưới mỗi góc cây báu đều hiện ra 3 đài sen; trên các đài sen đều có Phật và Bồ tát ngồi, từ góc này qua góc khác, trùng trùng điệp điệp, cùng khắp cả nước ...

Quán tưởng ấy thành, hành giả sẽ nghe các dòng nước, các luồng hào quang, các hàng cây báu, cho đến chim phụng, chim nhật v.v.v... đều nói lên pháp mầu bất cứ nhập định hay xuất định, vẫn thường nghe văng vẳng lời thuyết pháp bên tai

Những điều mà hành giả nghe trong lúc nhập định nếu khi xuất định mà còn nhớ lại và thấy hoàn toàn xứng hợp so với kinh giáo tức là hành giả đã thấy sơ qua cảnh giới Cực lạc rồi vậy. Còn nếu những điều kia so với kinh giáo thấy không xứng hợp, tức là vọng tưởng.

Quán tưởng được như trên thì sẽ trừ diệt được tội nặng trong vô lượng ức kiếp sanh tử và hiện thân chứng được Niệm Phật tam muội.

i) Quán tưởng toàn thể sắc thân Phật Tiếp theo là quán tưởng thân tướng quang minh của đức Phật Vô lượng thọ (tức đức Phật A Di Đà). Thân Phật

sắc vàng, cao sáu mươi ức hàng sa do tuần. Bạch hào ở giữa hai chân mày uyển chuyển xoay về bên hữu, vòi vọi như năm chóp núi Tu di. Mắt Phật trong xanh, mông mênh như nước bốn bề. Các lỗ chân lông trong mình Ngài phóng ra hào quang lớn như núi Tu di, trong mỗi vòng hào quang hiện ra trăm ức đại thiên thế giới và trăm ức na do tha hàng sa Hóa Phật, mỗi vị Hóa Phật có vô số Hóa Bồ tát làm thị giả.

Đức Phật Vô lượng thọ có 84.000 tướng trong mỗi tướng 84.000 quang minh, và mỗi một quang minh chiếu khắp chúng sanh đương niệm Phật trong mười phương thế giới, để tiếp dẫn không sót một chúng sanh nào. Các tướng tốt của Phật, hào quang của Phật và các hóa thân của Phật nhiều không thể kể xiết. Trong khi quán tưởng chỉ cần nên tưởng nhớ các cảnh giới nói trên thì trong tâm và ngoài mắt cùng đều thấy cả.

Thấy được như thế tức là đã thấy được tất cả các Đức Phật trong mười phương. Vì thấy được các Đức Phật trong mười phương nên gọi là Niệm Phật tam muội. Phép quán tưởng này gọi là quán tưởng toàn thể sắc thân Phật. Đã quán tưởng được thân Phật nên cũng thấy được tâm Phật. Tâm Phật tức là lòng Đại từ Đại bi lấy Vô duyên từ (1) độ tất cả chúng sanh

Nếu quán tưởng được như thế thì liền sau khi bỏ thân này sẽ được vãng sanh trước mặt các Đức Phật và chứng ngay quả vô sanh nhẫn. Vì lý do ấy, nên kẻ trí giả nên đem lòng chơn thành quán tưởng Đức Phật Vô lượng thọ;

Muốn quán tưởng Đức Phật Vô lượng thọ cho có hiệu quả, nên tuần tự quán tưởng từng tướng tốt một. Giả sử, trước tiên chỉ nên quán tưởng bạch hào giữa đôi chân mày. Nhưng khi đã thấy rõ tướng bạch hào này rồi, thì 84.000 tướng khác tự nhiên hiển hiện.

k) Quán tưởng toàn thể sắc thân đức Bồ tát Quán Thế Âm: Thân tướng đức Bồ tát Quán Âm cao 80 ức na do tha do tuần, sắc vàng tía. Trên đỉnh có nhục kế, cổ có hào quang tròn. Trong hào quang có 500 Hóa Phật, mỗi Hóa Phật có 500 Hóa Bồ tát và vô lượng Chư thiên làm thị giả. Toàn thân Ngài đều phóng hào quang, trong hào quang ấy đều hiện ra hết thấy sắc tướng của 5 đạo chúng sanh. Đầu Ngài đội mũ làm bằng thứ ngọc báu Tỳ lăng già ma ni, trong mũ có một Hóa Phật đứng, mình cao 25 do tuần. Mặt Ngài sắc vàng, tướng bạch hào ở giữa hai chân mày có đủ sắc thát bảo, phóng ra 84.000 thứ hào quang, mỗi hào quang có vô số Hóa Phật, mỗi Hóa Phật có vô số Hóa Bồ tát đi theo làm thị giả, tràn đầy cả 10 phương thế giới. Bàn tay Ngài ánh ra 500 ức tạp liên hoa sắc; đầu 10 ngón tay đều có 84.000 nét vẽ rõ

ràng như nét in, mỗi nét vẽ có 84.000 sắc, mỗi sắc có 84.000 hào quang uyển chuyển khắp mười phương. Chính nơi bàn tay rực hào quang ấy mà Ngài tiếp dẫn chúng sanh đưa về Cực lạc. Dưới mỗi bước đi của Ngài, như có muôn ngàn bánh xe, hóa thành 500 ức đài quang minh. Khi Ngài đặt bàn chân xuống là có hoa kim cang ma ni tỏa nở để nâng chân.

Hầu hết thân tướng của Bồ tát Quán Âm đều có đầy đủ vẻ đẹp như Phật, duy chỉ nhục kế trên đầu và vô kiến đánh tướng là không so được với Phật. Quán tướng thân tướng đức Quán Âm thì tránh được tai họa, trừ sạch nghiệp chướng và hết thảy tội lỗi từ vô số kiếp đến nay.

Muốn quán tướng đức Quán Âm thì nên theo thứ lớp như sau. Trước hết, quán tướng nhục kế ở trên đầu, kế đó quán tướng cái mũ, rồi mới đến các tướng khác mỗi mỗi cho thật phân minh.

1) Quán tướng toàn thân sắc thân của đức Bồ tát Đại Thế Chí Thân tướng cũng lớn như đức Quán Âm. Lòng kính vòng hào quang của Ngài đo được 125 do tuần, sáng rực cả thân, ánh quang minh chiếu khắp mười phương quốc độ, ngời sắc vàng chói. Tất cả chúng sanh có duyên với Ngài đều được trông thấy sắc vàng chói ấy. Chỉ thấy được một hào quang từ lỗ chân lông ngoài tỏa ra là đủ thấy được hết thảy hào quang tinh diệu của 10 phương chư Phật. Vì hào quang của Ngài sáng chói rực rỡ như vậy nên Ngài có hiệu Vô biên quang. Ngài có năng lực tối thượng là đem ánh sáng trí huệ chiếu khắp thế giới chúng sanh, khiến chúng sanh thoát ly được ba đường dữ nên tên hiệu chính của Ngài là Đại Thế Chí.

Mũ Ngài đội có 500 hoa báu, trong mỗi hoa báu có 500 đài báu, trong mỗi đài báu hiện ra các cõi Tịnh độ của 10 phương chư Phật. Nhục kế của Ngài như hoa bát đầu ma, trên nhục kế có một bình báu ánh quang minh hiện đủ các Phật sự. Các thân tướng khác của Ngài cũng giống như đức Quán Âm.

Mỗi khi Ngài cất bước, tất cả 10 phương thế giới đều rung động, tại mỗi chỗ đất bị rung động hiện ra 500 ức hoa báu, các hoa báu thảy đều trang nghiêm cao hiên như thế giới Cực lạc. Khi Ngài ngồi, các quốc độ thắt bảo đều đồng loạt đều động, từ quốc độ của Phật Kim quang dưới hạ phương đến quốc độ của Phật Kim quang Minh vương trên thượng phương; tại khoảng giữa thì vô lượng vô số phân thân của đức Phật Vô lượng thọ và các phân thân của đức Quán Âm, đức Thế Chí đều vân tập về, đầy khắp hư không, hết thảy đều ngự trên tòa sen và cùng diễn thuyết pháp màu.

Quán tướng được như thế sẽ trừ được vô số kiếp tội ác sanh tử, không còn bị thai sanh thường được hóa sanh và được tự tại ngao du các quốc độ tịnh diệu của chư Phật.

m) Phổ quán tướng: Phổ quán tướng tức là tướng tượng thân mình khi sanh về thế giới Cực lạc, chân xếp lại ngồi trong hoa sen đang búp. Đến khi hoa nở, có 500 sắc hào quang chiếu vào thân mình. Khi mở mắt liền thấy Phật và chúng Bồ tát đầy khắp cả hư không, đương nói pháp màu. Những lời Phật và Bồ tát dạy cũng như tiếng nước, tiếng chim, tiếng cây, tiếng rừng phát ra đều là diễn xuất chơn lý xứng hợp với 12 bộ kinh. Nếu sau khi xuất định mà vẫn nhớ tướng mãi các cảnh ấy tức gọi là thấy thế giới Cực lạc, thấy đức Phật Vô Lượng Thọ, thấy được vô số hoá thân của Ngài, cùng là 2 đức Quán Âm, Thế Chí thường đến chỗ ngồi của mình.

n) Tọa quán tướng: Như trên đã nói, thân lượng của đức Phật Vô Lượng Thọ thật là vô biên, thân lượng của hai đức Bồ Tát Quán Âm, Thế Chí cũng thế. Tâm lực phàm phu không tài nào quán tướng nổi, vì vậy mới có thiết lập một loại quán tướng mệnh danh là tọa quán tướng mở đầu cho các quán tướng trên. Phương pháp tọa quán tướng này dạy ta chỉ nên quán tướng tượng Phật cao một trượng sáu, ngồi trên hoa sen. Trong hồ báu, thân sắc vàng vờng; Hoá Phật ở trong vòng hào quang cùng các đức Quán Âm, Thế Chí đều lớn bằng thân chúng sanh với các tướng trên đầu, như đức Quán Âm thì có Đức Phật đứng trong mũ, đức Thế Chí thì có bình báu trên nhục kế. Còn hồ sen, cây báu v.v... thì giống như các loại hồ sen cây báu có thể tìm thấy ở mọi xứ sở.

o) Quán tướng 3 bậc thượng phẩm vãng sanh

p) Quán tướng 3 bậc trung phẩm vãng sanh

q) Quán tướng 3 bậc hạ phẩm vãng sanh.

(Xin xem lại một chương trên đã nói).

---o0o---

TIẾT BA: 29 PHÁP QUÁN THEO LUẬN VÃNG SANH

Luận Vãng sanh Tịnh độ do ngài Bồ Tát Thế Thân trước tác còn có tên là "Vô Lượng thọ kinh Ưu Bà Đề và nguyện sanh kệ." Nội dung bộ luận ấy

chia chúng sanh thế gian Thanh Tịnh và khí Thế gian Thanh Tịnh của Thế Giới Cực Lạc làm 3 loại:

- Loại công đức thành tựu của Phật có 8 món.
- Loại công đức thành tựu của Bồ Tát có 4 món.
- Loại công đức thành tựu của Quốc độ có 17 món.

Sở dĩ có chia chẻ ra như vậy là cốt để dạy hành giả biết phân biệt quán sát cho tinh tường từng loại một. Vì thế nên đó cũng là những phép Quán Tưởng. So với 16 phép Quán Tưởng trong Quán Kinh, phương pháp hai bên có sự bất đồng, chẳng qua là vì ở đây đặt nặng về phần nhận thức hơn mà nhẹ về phần suy gẫm đó thôi. Nếu Hành Giả biết nương vào đây mà Quán Tưởng thì cũng sẽ gọi được một ấn tượng tốt về Thế Giới Cực Lạc và do đó có thể tán trợ cho sự vãng sanh rất nhiều.

---o0o---

THUỘC CHÚNG SANH THẾ GIỚI THANH TỊNH

a) Tám món công đức thành tựu của Phật:

1) Chỗ ngồi trang nghiêm

Kệ dạy:

"Vô lượng đại Bửu Vương.

Vi diệu tịnh hoa đài".

Nghĩa là: Đức Phật là đấng Vô Lượng đại Bửu Vương, Ngài ngồi trên đài hoa Thanh Tịnh vi diệu.

2) Thân trang nghiêm

Kệ dạy:

"Tướng hảo quang nhất tâm,

Sắc tượng siêu quần sanh."

Nghĩa là: Tướng tốt của Ngài chiếu sáng một tâm, hình dung xinh đẹp hơn tất cả chúng sanh.

Vì không thể quán được thân tướng và ánh sáng của Đức A Di Đà, nên chỉ căn cứ vào quan niệm của chúng sanh ở cõi này mà Quán tưởng tướng tốt và ánh sáng một tâm từ thân đức Thích Ca chiếu ra làm tiêu chuẩn. Đức Phật có hào quang và tướng tốt như thế nên siêu việt hơn quần sanh.

3) Miệng trang nghiêm

Kệ dạy:

"Như Lai vi diệu âm,

Phạm hưởng văn thập phương."

Nghĩa là: Ngữ ngôn và âm thanh của Phật rất nhiệm màu như tiếng nói của Phạm Thiên, âm hưởng nghe khắp cả mười phương.

4) Tâm trang nghiêm

Kệ dạy:

"Đồng địa thủy hỏa phong.

Hư không vô phân biệt."

Nghĩa là: Tâm Phật bình đẳng như thể tánh của địa, thủy, hỏa, phong và hư không.

Phật dùng tâm bình đẳng độ khắp chúng sanh, không có lòng phân biệt. So với vật khí thế gia, tính chất bình đẳng vốn đồng, không luận tinh thô tốt xấu, đất đều chở hết, nước đều cuốn hết, lửa đều đốt hết, gió đều thổi hết, hư không đều dung nạp hết,

5) Chủng trang nghiêm

Kệ dạy:

"Thiên như bất động chúng.

Thanh tịnh trí hải sanh."

Nghĩa là: Hết thấy chúng thiên, hơn bất động; đều nhờ trí huệ lớn Thanh Tịnh mà được vắng sanh Cực Lạc.

6) Thượng thủ trang nghiêm

Kệ dạy:

"Nhu Tu Di sơn vương

Thắng diệu vô quá giả.

Nghĩa là: Nhu Tu Di là ngôi núi chúa, thù thắng đẹp đẽ không ai hơn.

Các bậc Bồ Tát bất thoái Đại thừa làm Thượng Thủ, có công đức đồ sộ như núi Tu Di, không ai hơn nổi.

7) Chủ trang nghiêm

Kệ dạy:

"Thiên hơn Trượng Phu chúng,

Cung kính nhiều Chiêm Ngưỡng.

Nghĩa là: Trên hàng Thượng Thủ, Đức Phật là đấng Giáo Chủ được chúng thiên hơn Trượng Phu cung kính đảnh lễ chiêm ngưỡng.

8) Trú trì trang nghiêm

Kệ dạy:

"Quán Phật bốn nguyện lực,

Ngộ vô không quá giả.

Năng linh tốc mãn túc,

Công đức đại bửu hải.

Nghĩa là: Sanh về Cực Lạc được gặp A Di Đà thật không uổng công phu, vì nhờ bốn nguyện lực của Ngài, chúng sanh mau được đầy đủ công đức lớn lao như đại hải.

b) Bốn món công đức thành tựu của Bồ Tát:

1) Trú thanh tịnh

Kệ dạy:

"An Lạc quốc Thanh Tịnh,

Thường chuyển vô cầu luân,

Hóa Phật Bồ Tát nhứt,

Như Tu Di trú trì.

Nghĩa là: Bồ Tát an trú nơi cõi Cực Lạc Thanh Tịnh, mà vẫn thường du hành khắp nơi để nói pháp Thanh Tịnh giáo hóa chúng sanh xa lìa các ô nhiễm phiền não. Trong khi Du Hành giáo hóa, tuy hóa hiện thân Phật và thân Bồ Tát rất nhiều, nhưng báo thân vẫn an trú bất động và vẫn vững chắc như núi Tu Di.

2) Niệm thanh tịnh

Kệ dạy:

"Vô cầu trang nghiêm quang,

Nhứt niệm cập nhứt thời,

Phổ chiếu chư Phật hội,

Lợi ích chư quần sanh.

Nghĩa là: Bồ Tát có đại Trí Tuệ Thanh Tịnh Trang Nghiêm. Trí ấy có công năng trong một niệm hay trong suốt một thời gian, soi khắp các Quốc Độ của chư Phật và làm lợi ích cho hết thảy Chúng sanh diệt trừ các khổ não.

3) Cúng dường thanh tịnh

Kệ dạy:

"Vũ thiên nhạc hoa y,

Diệu hương đấng cúng dường,

Tán Phật chư công đức

Vô hữu phân biệt tâm."

Nghĩa là: Bồ Tát thường rưới xuống các vật báu trang nghiêm như: Thiên Nhạc, Thiên Hoa, Thiên Y và Diệu Hương để cúng dường Phật và Tán thán công đức của Phật mà không hề có tâm phân biệt năng sở.

4) Hóa độ Thanh Tịnh

Kệ dạy:

"Hà đấng thế giới vô,

Phật pháp công đức bảo,

Ngã giai nguyện vãng sanh,

Thị Phật Pháp như Phật."

Nghĩa là: Bồ Tát thường dùng Huệ Nhãn quan sát xem Thế Giới nào không có Phật Bảo và Pháp Bảo thì nguyện vãng sanh về Thế Giới ấy để giảng dạy Phật Pháp, như Đức Phật không khác.

THUỘC KHÍ THẾ THANH TỊNH:

Mười bảy món công đức thành tựu của Quốc độ:

1) Thanh tịnh công đức thành tựu

Kệ dạy:

"Quán bỉ thế giới tướng,

Thắng quá tam giới đạo."

Nghĩa là: Quốc độ Cực lạc do thiện căn vô lậu thanh tịnh xuất thế gian tạo thành; Quốc độ ấy hơn hết các Quốc Độ khác trong ba cõi sáu đường.

2) Vô lượng công đức thành tựu

Kệ dạy:

"Cứu cánh như hư không,

Quảng đại vô biên tế."

Nghĩa là: Quốc độ Cực lạc mênh mông như hư không, không biết đâu là giới hạn; dù cho tất cả chúng sanh trong mười phương đều vãng sanh hết về bên ấy, Quốc độ ấy vẫn còn đủ chỗ chứa rộng rãi.

3) Tánh công đức thành tựu

Kệ dạy:

"Chánh đạo đại từ bi

Xuất thế thiện căn sanh."

Nghĩa là: Quốc Độ Cực Lạc là kết quả vô tận thanh tịnh do công đức tu hành Bát Chánh Đạo của hàng tam thừa Bồ Tát mà sanh khởi hiển hiện.

Tánh ở đây, tức là chủng tử, cũng tức là nhân tánh. Tánh công đức thành tựu tức là nói chủng tử thiện căn huân tập, cấu tạo thành Thế Giới Cực Lạc.

4) Hình tướng công đức thành tựu

Kệ dạy:

"Tịnh quang minh mãn túc,

Như cảnh nhựt nguyệt luân."

Nghĩa là: Tất cả hình sắc trong Quốc Độ Cực Lạc thảy đều sáng chói vắng lặng chiếu khắp mười phương, trong suốt như gương, rực rỡ như ánh sáng mặt trăng, mặt trời.

5) Chủng chủng công đức thành tựu

Kệ dạy:

"Bị chư trân bảo tánh,

Cụ túc diệp trang nghiêm."

Nghĩa là: Mọi sự vật đều có đủ tính chất trân bảo, đầy đủ vẻ trang nghiêm đẹp đẽ, bất khả tư nghì.

6) Diệp sắc công đức trang nghiêm

Kệ dạy:

"Vô cấu quang diệm xí,

Minh tịnh diệp thế gian."

Nghĩa là: Bao nhiêu hình sắc của Quốc Độ Cực Lạc đều tinh khiết, quang minh rực rỡ không vương bụi nhơ; chói sáng rạng ngời tất cả thế gian bất khả tư nghì.

7) Xúc công đức trang nghiêm

Kệ dạy:

"Bảo tánh công đức thảo,

Nhu duyên tả hữu triền.

Xúc sanh thù thắng lạc,

Quá Ca chiên lân đà."

Nghĩa là: Cỏ công đức do chủng tử Thanh Tịnh sanh ra, mịn màng như gấm trải; đặng đến cỏ ấy cũng đều có cảm giác êm dịu thích thảo lạ lùng, hơn xa thứ cỏ Ca Chiên Lân Đà là một thứ cỏ rất mịn ở Ấn Độ.

8) Trang nghiêm công đức thành tựu, có 3 loại:

a) Nước trang nghiêm

Kệ dạy:

"Bảo hoa thiên vạn chủng.

Di phú trì lưu tuyền.

Vi phong động hoa diệp,

Giao thác quang loạn chuyển."

Nghĩa là: Hoa báu ngàn muôn thứ, che phủ các suối hồ, gió diu rung cành hoa, lung linh mặt nước động!

b) Đất trang nghiêm

Kệ dạy:

"Cung điện chư lâu các

Quán thập phương vô ngại

Tạp thọ dị quang sắc,

Bảo lan biên vi nhiều."

Nghĩa là: Từ cung điện lâu gác trông ra, thấy suốt được mười phương không chướng ngại; Hào quang màu sắc tân kỳ xuyên qua các hàng cây, lan can báu doanh vây bốn phía cung điện.

c) Hư không trang nghiêm

Kệ dạy:

"Vô lượng bảo giao lạc,

La võng biến hư không.

Chủng chủng linh phát hương,

Tuyên dương diệu pháp âm."

Nghĩa là: Vô lượng châu ngọc xen nhau kết thành lưới, bao phủ khắp hư không;

Các thứ linh rung động tạo thành những âm hưởng tuyên dương các pháp mầu.

9) Mưa trang nghiêm

Kệ dạy:

"Vũ hoa y trang nghiêm

Vô lượng hương phổ huân."

Nghĩa là: Tại Quốc Độ Cực Lạc có những trận mưa hoa, mưa y phục, mưa đồ trang sức và vô lượng hương báu xông khắp Quốc Độ.

10) Quang minh công đức thành tựu

Kệ dạy:

"Phật huệ minh tịnh nhựt.

Trừ thế si ám minh."

Nghĩa là: Hào quang trí huệ của Phật chiếu tan màn ngu si của chúng sanh như ánh sáng mặt trời soi tan màn tối tăm của thế gian.

11) Âm thanh công đức thành tựu

Kệ dạy:

"Phạm thanh ngữ thâm viển

Vi diệu văn thập phương."

Nghĩa là: Ở quốc độ Cực Lạc, âm thanh của Phật, Bồ Tát và chúng Thanh Văn cho đến âm thanh của gió và nước.v.v... mỗi mỗi đều thâm diệu như tiếng Phạm Thiên và vọng ra xa đến tận mười phương, khiến tất cả thính chúng đều nghe thấy được.

12) Chủ công đức thành tựu

Kệ dạy:

"Chánh giác A Di Đà.

Pháp vương thiện trụ trì."

Nghĩa là: Đức Phật A Di Đà làm chủ Thế Giới Cực Lạc. Ngài là vị Pháp Vương khéo chủ trì Thế Giới ấy.

13) Quyên thuộc công đức thành tựu

Kệ dạy:

"Nhu Lai tịnh hoa chúng.

Chánh giác hoa hóa sanh.

Nghĩa là: Nhân dân ở Thế Giới Cực Lạc đều là quyên thuộc Thanh Tịnh của Phật và đều do hoa sen chánh giác mà hóa sanh.

14) Thọ dụng công đức thành tựu

Kệ dạy:

"Thọ lạc pháp trung vi.

Thuyền Tam Muội vi thực.

Nghĩa là: Chúng sanh ở Thế Giới Cực Lạc hưởng thọ hương vị của chánh pháp và Thuyền Định Tam Muội làm thức ăn.

15) Vô chur nạn công đức thành tựu

Kệ dạy:

"Vĩnh ly thân tâm não

Thọ lạc thường vô gián.

Nghĩa là: Vĩnh viễn xa lìa các sự khổ não của thân như thiếu thốn cơm áo vật dụng, lại cũng vĩnh viễn xa lìa các sự khổ não của tâm như tham sân si v.v... Cho nên, chúng sanh ở quốc độ Cực Lạc thường hưởng thọ sự vui thích, không lúc nào gián đoạn.

16) Đại thừa thâm lý công đức thành tựu

Kệ dạy:

"Đại thừa thiện căn giới,
Đẳng vô cơ hiềm danh,
Nữ nhon cập căn khuyết,(1)
Nhị thừa chủng bất sanh."

Nghĩa là: Quốc độ Cực Lạc là cảnh giới của những kẻ có thiện căn Đại thừa, nhứt loạt bình đẳng; không có hàng nhị thừa, phụ nữ và những kẻ lục căn khiếm khuyết, vì vậy ở đây tuyệt đối không có cái gì đáng chê trách. Mà cũng không có danh từ chê trách.

17) Hy cầu công đức thành tựu

Kệ dạy:

"Chúng sanh sở nguyện lạc,
Nhứt thể năng mãn túc".

Nghĩa là: Những nguyện vọng gì của Chúng sanh, một khi sanh về đó thì đều được thỏa mãn.

Trên đây là 29 món công đức trang nghiêm thành tựu của Thế Giới Cực Lạc mà luận Vãng sanh đã trình bày. Hành giả trong khi tu hành phép trì danh niệm Phật, nên chiếu ý nghĩa từng món một mà quán tưởng để huân tập thêm tịnh nghiệp và giúp cho phương pháp niệm Phật mau thành tựu khiến cho kết quả vãng sanh càng thêm chắc chắn.

---o0o---

CHƯƠNG VII - CHUNG QUANH VẤN ĐỀ VÃNG SANH ()

TIẾT MỘT: KHÔNG SANH VỀ TỊNH ĐỘ TẮT PHẢI ĐẠO ÁC ĐẠO

Trong mười phương, số thế giới tuy nhiều vô tận. Nhưng xét về phương diện tịnh uế thì chỉ có thể chia làm hai loại mà thôi: Một là Tịnh độ của chư Phật, hai là tam giới (uế độ) của chúng sanh; không sanh về bên nọ, tất là phải sanh về bên kia. Sanh về Tịnh độ tức là thoát ly sanh tử, sanh trong tam giới tức là còn sống chết luân hồi.

Người đời, nếu chỉ làm việc thiện thế gian hoặc chỉ tin phép ngũ giới, thập thiện mà không niệm Phật, tức là chưa kết duyên với Phật. Đã cùng với Phật vô duyên thì chúng tử thanh tịnh vô lậu xuất thế gian sẵn có trong đệ bát thức không có trợ duyên để phát sanh; nếu chúng tử thanh tịnh không phát sanh thì dù cho có tu điều thiện nhiều đến đâu cũng chỉ được sanh về cõi trời là cùng, chứ tuyệt đối không thể sanh về cõi Phật được. Ở cõi trời, phước báo tuy nhiều, nhưng vẫn có hạn và sai khác nhau nên cuối cùng sẽ có ngày phước hết, báo cùng, thọ mạng tất phải chấm dứt, để rồi tùy nghiệp mới mà thác sanh qua kiếp khác, quanh quẩn trong tam giới. Sự thác sanh hoàn toàn tùy thuộc các nghiệp nhơn, thiện hay ác, đã từng được gây thêm trong thời gian sanh ở cõi trời ấy. Nếu nghiệp nhơn ấy là thượng phẩm thập thiện thì vẫn sẽ sanh trở lại ở cõi trời; nếu trung phẩm thập thiện thì sanh về cõi người; nếu là hạ phẩm thập thiện thì sanh về cõi A tu la; nếu là thượng phẩm thập ác thì đọa vào địa ngục; nếu là trung phẩm thập ác thì đọa vào ngạ quỷ; nếu là hạ phẩm thập ác thì đọa vào súc sanh.

Chỉ vì các chúng tử thiện, ác trong sáu đường ấy đều là những chúng tử hữu lậu, có công năng hỗ trợ cho nhau thuận thực, nên đều có tính chất luân hồi. Vì thế mà chúng sanh cứ mãi luân quẩn vô ra trong tam giới, lên xuống trong sáu đường không bao giờ dừng nghỉ. Lại thêm, tư tưởng và hành động của hết thảy trong sáu đường đều xuất phát bởi khởi điểm thân kiến ngã chấp, Cho nên, dù nhiều lành ít và do đó, thiện nghiệp ít thua ác nghiệp. Kết quả là số chúng sanh, sanh vào ba đường dữ nhiều hơn số chúng sanh sanh vào ba đường thiện, thời gian ở trong ba đường dữ cũng lâu hơn. Vì lẽ ấy, Phật dạy: "Chúng sanh lấy ba đường dữ làm cố hương."

Bởi các lẽ trên, ta có thể kết luận một cách quả quyết rằng: Tất cả chúng sanh, nếu không được sanh về cõi Phật, tất nhiên sẽ phải đọa vào ác đạo, không trước thời sau. Nếu muốn sanh về cõi Phật, đương nhiên là phải niệm Phật. Đó là một sự thật đương nhiên không thể phủ nhận.

---o0o---

TIẾT HAI: TÔNG TỊNH ĐỘ LÀ THUYÊN TỪ DUY NHẤT CỦA ĐỜI MẠT PHÁP

Trong thời kỳ Chánh pháp (thời kỳ đức Phật mới nhập diệt), chúng sanh nhờ phước đức dày mà nghiệp chướng nhẹ, Cho nên, bất cứ tu theo pháp môn nào cũng đều được thành tựu. Bước qua thời kỳ tượng pháp (thời kỳ cách Phật niết bàn 1000 năm), vì cách Phật hơi xa, nhơn tâm lần lần đi xuống, tư lự lần lần phức tạp thêm, trong mười người tu hành may được năm, ba

người thành tựu. Đến ngày nay, gặp buổi mạt pháp, nhơn tâm càng suy đốn thêm, tư lự càng nhiều tạp hơn và phong tục thì đồi bại đến cực điểm. Nhơn tâm như thế, người phát tâm chân chính tu hành đã là hãn hữu rồi, nói chi đến việc đắc đạo chứng quả nữa! Lại thêm, pháp môn nào cũng đòi hỏi sự cố gắng của tư lự quá nhiều, nên kết quả thu lượm được lại càng hẹp nhỏ!

Muốn chống đỡ với những khó khăn chướng ngại của thời mạt pháp không còn có pháp môn nào hơn pháp môn niệm Phật. Pháp môn này tự nó đã đơn giản dễ theo, ngoài ra nó lại còn được cả hai sức: Tự, tha, để hỗ trợ cho nhau nên dễ thành tựu. Trong kinh Đại tập dạy: "Đời mạt pháp, trong số ức triệu người tu hành, chưa có được một người đắc đạo, duy chỉ có nương vào pháp môn niệm Phật mới được độ thoát sanh tử." Vì thế nên biết, sau khi các Tông phái khác suy tàn, duy có mỗi một Tông Tịnh độ là còn tồn tại để nối dài pháp vận, cứu độ chúng sanh mà thôi; các Tông khác như Thuyền tông, Giáo tông, Luật tông v.v... đều phụ thuộc làm trợ duyên cho Tông Tịnh độ, chứ không có thể đơn độc tồn tại được.

Trong kinh Quán vô lượng Thọ. Phật đã dạy: "Trong đời vị lai, khi kinh đạo diệt hết ta dùng lòng từ bi, đặc biệt lưu lại kinh này tồn tại trong một trăm năm: chúng sanh nào gặp được kinh này, đều có thể được độ thoát như ý sở nguyện."

Nên nhớ rằng cuối đời mạt pháp, sau khi kinh đạo diệt hết, do lòng từ bi của đức Phật, đặc biệt lưu lại một pháp môn mà thôi ấy là pháp môn Tịnh độ. Nhờ sự đặc biệt ấy, đạo pháp sẽ kéo dài thêm được một trăm năm nữa để độ cho hết những chúng sanh còn chút nhơn duyên với Phật. Với một trí huệ sâu xa vi diệu như Ngài, vì sao Ngài không lưu lại pháp môn khác mà chỉ riêng lưu pháp môn Tịnh độ? Là vì Ngài biết rằng với chúng sanh cuối đời mạt pháp chỉ có một pháp môn ấy là có thể thoát khỏi sanh tử được mà thôi. Xem đó đủ biết pháp môn Tịnh độ là pháp môn thích ứng bậc nhất cho đời này và về sau. Đó là con thuyền Từ duy nhất đưa chúng sanh lên bờ giải thoát cho đời mạt pháp này vậy.

---o0o---

TIẾT BA: CHƯA ĐOẠN TRỪ HẾT HOẶC NGHIỆP MÀ VẪN ĐƯỢC DỰ VÀO HÀNG THÁNH

Tất cả chúng sanh sở dĩ bị đọa vào con đường sanh tử luân hồi là vì hoặc nghiệp (nghiệp mê lầm) gây nên từ đời vô thủy. Hoặc nghiệp cũng tức là vô minh gồm có căn bản vô minh và chi mạt vô minh. Chính hai thứ vô minh

ấy xua đuổi chúng sanh vào trong 3 cõi và quanh quẩn mãi trong 6 đường, khiến chịu không biết bao nhiêu là khổ sở. Vì vô minh có công năng xô đẩy chúng sanh trôi nổi mãi, nên gọi là lưu chuyển môn (cửu lưu chuyển).

Căn cứ vào lẽ thường tu hành thì phải đoạn hoặc (dứt mê lầm) mới chứng được chơn lý. Nếu chỉ mới phá được một phần vô minh tức là chỉ mới chứng được một phần pháp thân. Chứng được một phần pháp thân thì gọi là hoàn diệt môn (cửa đưa về đạo Tịch diệt). Từ khi bắt đầu tu tập đoạn hoặc cho đến khi rốt ráo chứng được chơn lý, trong giai đoạn trung gian ấy, hành giả cần phải có con mắt trạch pháp tinh vi, có trình độ trí huệ minh xác, mới tránh khỏi lầm lẫn. Hơn nữa, phải trải qua 3 a tăng kỳ kiếp (vô số kiếp) rồi sau mới chứng được quả Vô thượng chánh giác. Cho dù chỉ cần chứng quả A la Hán thôi, cũng cần phải vận hết tự lực của mình để phá trừ hết 112 phẩm kiến hoặc (mê lầm về kiến thức) và 81 phẩm tư hoặc (mê lầm về tư tưởng) ở trong 3 cõi này, rồi mới thành tựu được công phu tu chứng. Xem đó thì biết những bước khó khăn mà hành giả phải trải qua lớn lao biết là dường nào!

Trái lại, với pháp môn Tịnh độ thì không cần kể sanh tiền hành động như thế nào, miễn có chuyên tâm niệm Phật là nhất định được vãng sanh. Khi đã vãng sanh, tức thời bước lên địa vị bất thoái. Như vậy là chưa đoạn hoặc nghiệp mà đã được dự vào hàng Thánh. Sau khi vãng sanh rồi, nhờ hoàn cảnh thuận tiện, tự nhiên nghiệp chướng tiêu trừ, trí huệ phát triển, công quả thành tựu viên mãn một cách dễ dàng, khác nào như thả một bè gỗ từ trên dòng nước; bè gỗ tự nhiên trôi xuôi về biển, không cần phải phí nhiều công sức. Được như vậy là nhờ tha lực hỗ trợ một cách rất đặc lực vậy. Đặc điểm ấy của pháp môn Tịnh độ, ai là bậc trí giả đều có thể nhận rõ ràng và y cứ mà thực hành chính chắn, khỏi phải giới thiệu dông dài.

---o0o---

TIẾT BỐN: HỌC PHẬT, NIỆM PHẬT KHÔNG PHẢI LÀ YẾM THỂ, TIÊU CỰC

Có lắm người muốn học Phật, niệm Phật mà trong lòng lại ngại dư luận gán cho là tiêu cực, yếm thế hoặc mê tín dị đoan. Họ lầm nghĩ rằng việc tu niệm là việc dành riêng cho ông già bà lão gần đất xa trời; còn đối với những người như họ là phải có những việc khác tích cực hơn, trí thức hơn. Vì vậy, mặc dầu trong lòng họ vẫn thầm mong muốn, nhưng khi ra giữa công chúng, họ không dám công khai lễ Phật niệm Phật. Thật là một điều sai lầm tai hại!

Đạo Phật là một tôn giáo, nhưng đó cũng chính là một triết học rất cao thâm vi diệu. Đã là học giả thì cần phải nghiên cứu môn triết học này, và khi đã nghiên cứu rồi, lại còn cần phải đem ra thực hành. Vì Phật học là một môn học gồm đủ cả lý lẫn sự, phần lý cốt để hướng dẫn cho phần sự và phần sự cốt để làm sáng tỏ thêm phần lý, lý và sự vốn dung thông nhau, nên nếu thực hành được sự thì có thể đạt được cảnh giới tối cao thâm và càng viên mãn hóa phần lý vi diệu. Phật học khác với các môn triết lý thế gian, lại cũng chính tại chỗ đó mà Phật học khác với các tôn giáo khác: Lý nào có sự nấy và sự nào có lý nấy, lý thì đều có thể thực hành được, sự thì đều có thể lý giải được. Vì vậy, tùy từng sở cầu, ai muốn nghiên cứu riêng về phần lý giải cũng được, mà ai muốn y lý thực hành để cho sáng tỏ hơn thì cũng lại càng tốt. Sở nguyện nào cũng đều thỏa mãn được cả. Nói một cách đơn giản hơn là từ những sự lý thiên cận áp dụng hằng ngày đến những cảnh giới thâm diệu siêu tuyệt, không một điều gì mà Phật học không giải quyết một cách viên mãn.

Chúng ta nên hiểu rằng, pháp môn niệm Phật không riêng gì ông gia, bà cả tu theo mà ngay đến các đức Đại Bồ Tát, như các Ngài Đại Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, Vô Trước, Thế Thân v.v.... và các nhà đại Văn hào Cư Sĩ như Bạch Cư Dị, Văn Ngạn Bác, Vương Nhật Hưu v.v... cũng đã từng áp dụng có hiệu quả. Như thế, pháp môn niệm Phật là một pháp môn rất phổ thông.

Hằng ngày hành trì như trên là cốt mượn cảnh giới Thanh tịnh, vận dụng tâm niệm Thanh tịnh để gột tẩy hoặc nghiệp ô nhiễm chất chứa vô thỉ kiếp đến nay trong tâm và đang hiện ra ngoài thân, đồng thời cũng để vun xới cho hạt giống thanh tịnh xuất thế mỗi ngày một tăng trưởng. Vì thế tôi dám khuyên các bậc thiện tri thức Phật tử trong khi làm Phật sự, không những không nên sợ dư luận mà đồng thời lại còn phải tinh tấn khuyến khích mọi người làm theo. Phật dạy: "nhơn thân nan đắc, Phật pháp nan vãn," Nay đã được làm thân người mà lại được gặp Phật Pháp, nếu chẳng cố công học hỏi thì nào có khác gì người nghèo được đến non vàng mà lại đành cam phận khó và chịu bỏ về không, há chẳng uổng lắm ru!

---o0o---

TIẾT NĂM: TÁN TÂM NIỆM PHẬT VÃN CÓ CÔNG HIỆU

Miệng niệm Phật, tâm chuyên nhất tưởng nghĩ đến Phật gọi là định tâm niệm Phật. Miệng niệm Phật, tâm không tưởng nghĩ đến Phật mà lại suy

ngĩ vẫn vơ gọi là tán tâm niệm Phật. Tán tâm niệm Phật so với định tâm niệm Phật, công hiệu hai bên vốn cách nhau rất xa. Vì thế, xưa nay các bậc đại đức đều khuyên hành giả định tâm niệm Phật, chứ không bao giờ khuyên tán tâm niệm Phật. Nhưng sự thật thì nhứt cử nhứt động gì bên ngoài đều ảnh hưởng đến nội tâm nên dù là tán tâm niệm Phật, sự niệm Phật ấy không phải hoàn toàn vô công hiệu. Và lại, trong khi miệng ta niệm lục tự Di Đà, đó há không phải là phát xuất tự trong tâm ta mà ra hay sao?

Cho nên, trong khi miệng ta niệm, bắt đầu là sáu chữ ấy phải bắt nguồn từ ý muốn do trong tâm ta phát ra, thứ lại, khi sáu chữ đã phát thành tiếng, âm thanh phát ra nhứt định phải trở lui huân tập tâm ta; Như thế không thể nói rằng nó hoàn toàn không có hiệu lực, chẳng qua công hiệu của nó so với công hiệu của định tâm niệm Phật có kém thua mà thôi. Chỉ vì công hiệu kém thua nên Cổ Đức không đề xướng, kỳ thực sức hàm ân và công hiệu của nó không thể tuyệt đối vô công.

Người xưa có bài kệ rằng:

" Di Đà nhất cú pháp trung vương.

Tạp niệm phân vân giả bất thường.

Vạn lý phù vân giả xích nhật.

Nhơn gian xử xử hữu dư quang."

Tạm dịch là:

"Di Đà sáu chữ lớn lao thay,

Tạp niệm lăng nhăng chẳng ngại bày.

Muôn dặm mây mờ che mặt nhật,

Nhơn gian ánh sáng vẫn còn đây."

Bài kệ nói rất xác đáng. Tịnh chủng (chủng tử thanh tịnh) ở trong đệ bát thức, một khi đã thuần thực, tất nhiên trở ra huân tập đệ lục ý thức phát sanh tịnh niệm; rồi đệ lục ý thức lại dắt dẫn 5 thức trước (từ nhãn thức đến thân thức) sanh khởi hiện hạnh. Nhưng khi đi ngang qua ý thức, có lúc bị trần cấu ô nhiễm quá dày, sóng lòng bị kích động quá mạnh đến nỗi lấn át cả tịnh

niệm. Ý thức tuy tán loạn nhưng tịnh niệm vẫn liên tục phát khởi và vẫn xuyên qua được, khác nào ánh sáng mặt trời xuyên qua đám mây dày đặc. Tuy mây che phủ cùng khắp, nhưng ở giữa nhơn gian vẫn còn có chỗ lập lòe ánh sáng, chứ không tối hẳn như ban đêm. Mây mù chưa tan, song ánh sáng lập lòe kia của mặt trời vẫn có công dụng.

Riêng kinh nghiệm bản thân, bình nhứt lắm lúc tôi cũng gặp phải tán niệm quá rối. Gặp phải trường hợp như thế, tôi vẫn cứ niệm, không cần kể tính chất tạp niệm ấy là như thế nào, miễn giữ cho niệm niệm đừng xen hở; niệm một lúc lâu rồi tự nhiên lần hồi tỉnh định trở lại, không cần phải dụng tâm điều nhiếp, lâu ngày định niệm trở nên thuần thực. Vì thế, cận lai, bất cứ ngày đêm, lúc nào tôi cũng niệm Phật, không cần nghĩ đến tán tâm hay định tâm.

Người xưa, trong 4 oai nghi: đi, đứng, nằm, ngồi không lúc nào là không niệm. Nếu bảo rằng phải định tâm mới nên niệm Phật thì trong lúc đi đường vấp ngã hoặc khi mặc áo, viết chữ v.v... làm sao thành tựu được sự niệm Phật ? Vì thế Cho nên, biết rằng tán tâm niệm Phật cũng vẫn có lợi.

Chủ trương như trên đây, không có nghĩa rằng tôi nhất thiết cố xúy cho sự tán tâm niệm Phật. Cố nhiên có định tâm niệm Phật được thì rất quý, nhưng rủi có bị tán tâm cũng đừng lo ngại. Lý do thứ nhứt là: Dù định tâm hay tán tâm, đã có niệm Phật tức nhiên có chủng tử sanh hiện hạnh và ngược lại hiện hạnh ấy sẽ huân tập trở lại đệ bát thức tạo thành chủng tử; đặng nào cũng vẫn có sanh khởi và huân tập cả, chẳng qua sức huân tập của tán tâm thì không mạnh bằng sức huân tập của định tâm mà thôi. Lý do thứ hai là: Dù bị tán tâm, cũng cứ nên niệm và phải niệm cho chuyên thì tự nhiên tán tâm sẽ được chuyển thành định tâm, chứ không phải tự thỉ chí chung luôn luôn tán tâm. Vì hai lý do ấy nên ở đây vẫn tùy hỷ sự tán tâm niệm Phật vậy.

---o0o---

TIẾT SÁU: CHỮ A ĐỌC LÀ "A" NẾU TỒN TẠI, CÁC CHỮ A (A) KHÁC TỒN TẠI

Trong khi niệm Lục tự Di Đà: "Nam mô A Di Đà Phật", nếu hành giả sợ tâm niệm mình rong ruổi lãng nhãng thời có thể thực hành theo phương pháp "Thập niệm" như đã nói trên chương IV, tiết 2 để đối trị lại. Mỗi khi miệng niệm xong 10 hiệu Phật thì tay lần một hạt; như vậy, một đặng vừa phải nhớ số, tâm lực tập trung hết vào đó, tự nhiên không thể nào sanh khởi.

Nếu phương pháp thập niệm ấy lại cũng không theo được thì trong mỗi câu niệm chỉ nên nhớ tưởng riêng một chữ A (a) cho rõ ràng, chớ để xao lãng. Miệng niệm, tâm tưởng nhớ, thì các chữ kế tiếp cũng nhớ được. Điều cốt yếu là hành giả phải làm thế nào khiến được tâm tư tập trung duy nhất; khi tâm tư đã duy nhất rồi thì dễ đi đến cảnh "Nhất tâm bất loạn", chứng được niệm Phật tam muội và chắc đạt kết quả vãng sanh về sau.

---o0o---

TIẾT 7: NĂM THÁNG KHÔNG CHỜ ĐỢI ĐỪNG NÊN HẸN LẠI NGÀY MAI

Trên con đường tu hành, việc niệm Phật là một việc vừa cần thiết, vừa cấp bách. Hễ gặp dịp tu được là tu liền, gặp dịp niệm được là niệm ngay, chớ nên chần chờ để cho thời gian luống trôi qua một cách vô ích.

Phật dạy mạng người ở trong một hơi thở, thở ra mà không thở vào nữa là đời tàn! Bất luận lúc nào, giờ phút nào, con người cũng có thể chết được, không một ai có đủ tài năng bảo đảm đời sống vững chắc lâu dài. Thế gian lại có câu ca rằng: "Đời người khác thể bóng câu, sớm còn tối mất biết đâu mà lường."

Sự thật đơn giản và phũ phàng ấy, từ Thánh nhân cho đến thế tục, không ai là không xác nhận. Sinh hữu hạn, tử vô kỳ, Cho nên, muốn kịp thời đối phó với cái chết bất thần, ta không nên để lỡ một thời gian nào trôi qua mà không tu niệm. Bất cứ lúc nào tu được, niệm được thì phải gấp rút và tinh tấn hành trì; có thể phút lâm chung mới tránh khỏi cảnh hoang mang tay quàng chân rối, lúng túng chẳng biết về đâu!

Có một số thường nghĩ sai lầm rằng tay chân còn tráng kiện, đời sống còn dài, việc tu niệm xin để gác lại, đợi khi nào già yếu sẽ bắt đầu hạ thủ công phu cũng không muộn gì. Trong sự tu niệm bằng cách sắp đặt tính toán như trên thường hay đưa đến hỏng việc.

Ngày xưa, có người đến nhà bạn là Trương Tô Lưu khuyên niệm Phật. Trương nghe theo, nhưng xin khất lại một ngày khác vì có ba việc chưa làm xong: một là cha mẹ đang còn cần phải phụng dưỡng, hai là con cái chưa dựng gả xong, ba là việc nhà chưa thu xếp gọn. Trương hẹn khi nào làm xong 3 việc ấy, sẽ hạ thủ công phu, nhất tâm niệm Phật. Sau khi cáo từ ra về được vài ba tháng, người kia trở lui thăm với chủ ý khiến được ông bạn

đừng nên chần chờ nữa, nhưng than ôi! Khi đến mới biết rằng bạn đã là người thiên cổ! Bèn ngậm ngùi than thở và làm một bài thơ điệu rằng:

" Ngộ hữu danh vi Trương Tô Lưu

Khuyến y niệm Phật thuyết tam đầu,

Khước hận Diêm công na phân hiệu

Tam đầu vị liễu tiện lai câu."

Tạm dịch là:

" Ông bạn tôi tên Trương Tô Lưu

Tôi khuyên niệm Phật hẹn ba điều.

Diêm vương ác hại không thềm hiệu,

Ba việc chưa xong vội bật liền."

Người đời dù quyền cao chức trọng đến đâu, vẫn không thể bảo đảm cho tương lai đời mình một cách chắc chắn được. Trường hợp như Trương Tô Lưu trên đây không phải là hiếm, vì thế nếu đã có chí tu hành thì tâm phải cho quyết và phải biết lợi dụng thời gian mới khỏi để ân hận về sau. Vậy, lúc nào tu được là nên tu liền, phút nào niệm được là phải niệm ngay.

---o0o---

TIẾT TÁM: TÁC DỤNG CỦA PHÁP MÔN NIỆM PHẬT GỒM THẬU HẾT TÁC DỤNG CÁC TÔNG THUYỀN, LUẬT, GIÁO VÀ MẬT

a) So với Thuyền: Phép niệm Phật, khi chưa đạt được Nhất tâm bất loạn, so với phép tu Thuyền định hai bên khác nhau rất xa. Buổi sơ phát tâm, với phép tu Thuyền định, hành giả không được có tâm ưa, chán, thủ, xả; với phép tu niệm Phật, hành giả lại phải ưa thủ cảnh cực lạc và mong xả cảnh Ta bà. Với phép tu thuyền định, tâm không được trú trước vào cảnh giới, nếu còn trú trước tức là sai lạc; với phép tu niệm Phật, tâm lấy cảnh làm đối tượng, tâm năng duyên và cảnh sở duyên phải rõ ràng. Với phép tu thuyền định tâm phải xa lìa pháp chấp; với phép tu niệm Phật, hành giả cần phải lợi dụng pháp chấp. Với phép tu thuyền định, hành giả phải thể nhận được tánh

pháp thân ngay trong thế gian này; với phép tu niệm Phật, hành giả khởi tướng sẽ chết ở thế gian này này và sẽ sanh về thế giới bên kia. Vì các lý do trên, Thuyền Tông và niệm Phật có chỗ bất đồng.

Nhưng khi niệm Phật đã đến chỗ nhất tâm bất loạn, nghĩa là đã đắc định rồi, thì lại là việc khác. Đạt được cảnh giới Tam muội, tức thời hư không tan rã, đại địa lấp bằng, hiện tiền một niệm dung hợp được với pháp thân chư Phật trong mười phương như trăm ngàn ngọn đèn cùng dung hợp ánh sáng và cùng chiếu chung trong một căn nhà, không tan mất, không lẫn lộn. Lúc ấy, ý thức phân biệt ly khai. Cảnh giới này so với cảnh giới chơn như Tam muội của Thuyền Tông không hai không khác. Xem thế thì đủ biết rằng Tịnh độ tức là Thuyền Tông, kết quả của hai bên nào có khác gì nhau?

b) So với Luật: Tác dụng của Giới luật là giữ gìn ba nghiệp thân, khẩu, ý được trong sạch. Mục đích là làm điều lành, tránh điều dữ. Khi tu theo pháp môn Tịnh độ, thân lễ Phật, miệng niệm Phật, ý tưởng nghĩ đến Phật, cả ba nghiệp đều tập trung, hết thảy sáu căn mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý đều thâm nhiếp. Nếu nói làm lành thì chẳng có lành nào hơn. Nếu nói bỏ ác thì thử hỏi khi ba nghiệp đã tập trung hết vào Phật, đâu còn có chỗ nào hờ hững để làm ác? Như thế, vì sao lại không nói được rằng tu Tịnh độ tức là tu Giới Luật?

c) So với Giáo: Còn nói đến Giáo nghĩa thì tuy câu: "Nam mô A Di Đà Phật" chỉ có sáu chữ mà thôi, nhưng nếu bàn đến tác dụng thì 3 Tạng 12 Bộ giáo lý của Đức Phật thuyết pháp suốt trong 45 năm đều hàm chứa trong đó cả.

Vả lại, mục đích nghiên cứu giáo lý là cốt để hiểu rõ lý nghĩa mà phát lòng chánh tín, thiết thực tu trì để thật chứng quả Phật. Mục đích của pháp môn niệm Phật là cắt đứt vọng tâm, duy trì chánh niệm, vãng sanh Cực lạc, lên bậc bất thoái rồi cuối cùng cũng chứng quả Vô thượng bồ đề. Vì thế nên hành giả phát tâm thành thật tu niệm thì không cần phải nhọc công nghiên cứu giáo lý mà tựu trung tất cả giáo lý đều đã đầy đủ. Như vậy, vì sao không nói được rằng tu Tịnh độ tức là tu theo Giáo nghĩa?

d) So với Mật: Phép tu của Mật tông chú trọng về "Tam mật gia trì." Tam mật gia trì nghĩa là giữ gìn thân mật (thân bất ẩn), khẩu mật (miệng đọc chú) và ý mật (ý quán tưởng tự mẫu). Nếu tinh tấn hành trì đúng ba phép mật ấy thì "tức thân thành Phật" và chứng được 6 món vô úy. Đó là điểm đặc sắc của Mật Tông. Nhưng với pháp môn Tịnh độ thì khi ba nghiệp đã tập trung, kết quả thật tế so với tam mật gia trì của Mật Tông không khác nhau mấy.

Và lại, tác dụng của các pháp môn niệm Phật có công năng khiến tâm ta và tâm Phật dung hợp làm một, liền chứng được niệm Phật Tam muội. Trong lúc Tam muội hiện tiền, Phật và ta không hai không khác, không thể phân biệt rằng đó là ta hay là Phật. Vì vậy, trong lúc đương niệm "Nam mô A Di Đà Phật", tự thân ta chính là A Di Đà rồi vậy. Như thế cũng có thể nói là "tức thân thành Phật." Dù cho chưa đạt được niệm Phật, được sự cảm ứng đạo giao và được hào quang Phật nhiếp thọ, thì bản thân hành giả có oai lực thần thông của Phật gia bị, có cái gì đáng sợ hãi nữa đâu ? Như vậy, vì sao lại không nói được rằng Tịnh độ tức là Mật Tông ?

Tóm lại, căn cứ vào các ý nghĩa như trên, ta có thể thấy lý do vì sao xưa nay các bậc cao tăng, đại đức, các hàng cư sĩ đại nhơn khi tu học Phật pháp đều đề xướng pháp môn Tịnh độ. Phạm Cổ Nông tiên sanh cũng nói: "Học thì nên theo Duy thức, Hành thì nên quy về Tịnh độ." Vì vậy cho nên, hễ cứ hành giả càng thâm nhập kinh tạng chùng nào thì lại càng tán dương pháp môn Tịnh độ chùng ấy. Chỉ có những ai còn đứng ngoài cửa nhìn vào mới xem thường Tịnh độ. Phải có con mắt tinh vi mới phân biệt được ngọc và đá; biết được ngọc Biện hòa để có mấy ai ?

---o0o---

TIẾT CHÍN: CHON NGHĨA CỦA PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ CHỈ CÓ PHẬT MỚI BIẾT HẾT

Ba bộ kinh Phật dạy về pháp môn Tịnh độ không hề trình bày một luận lý nào thâm diệu. Trái lại, từ lời văn cho đến ý nghĩa, hết thấy rất bình dị đơn giản; do đó một số người lầm tưởng rằng phương pháp niệm Phật không có học lý. Họ cho rằng đó chỉ là một phương pháp để an ủi các ông già bà lão mà thôi, chứ không phải phương pháp dành cho các bậc thức giả triết sĩ tu tập: họ nghĩ rằng nếu những người như họ mà cũng làm theo thì nào có khác gì ông già bà lão hay kẻ ngu phu! Họ sẽ làm trò cười cho thiên hạ. Nhưng không, chính họ đã lầm to!

Trong các kinh nói về Tịnh độ, sở dĩ Phật không dùng lý để lập luận một cách chặt chẽ mà chỉ chuyên khuyên phát tín tâm và thực hành, không phải vì pháp môn Tịnh độ không có lý nghĩa vững chãi chẳng qua vì nghĩa lý ấy quá thâm diệu và "bất khả tư nghì" nên không thể nào nói hết. Cảnh giới Tịnh độ đã "bất khả tư nghì", lại thêm ngôn ngữ chỉ hữu hạn, không thể nào nói đầy đủ được; dù cho có nói nhiều đến đâu, cũng chỉ diễn tả được một khía cạnh nào đó thôi, không sao tránh được thiếu sót, không sót bên nọ

cũng sót bên kia, hoặc nói được một thì sót đến mười. Đó là các lý do khiến Phật không lý luận mà chỉ chuyên khuyên tu trì, thực hành phép niệm Phật. Nếu hành giả quyết tâm tu trì, một cách chơn chánh và thiết thực thì tất cả nền giáo lý Phật Đà đều đã hàm chứa trong đó rồi. Tu theo pháp môn Tịnh độ ví tấm nước biển, trong nước biển vốn đã có nước trăm sông ngàn rạch quy tụ về.

Còn nói đến lý nghĩa và cảnh giới của pháp môn ấy thì duy chỉ có Phật mới liễu ngộ được hết cái tinh vi uẩn áo, cái cao thâm diệu vợi của nó mà thôi, dù cho với trí tuệ của các bậc Đại Bồ Tát như Văn Thù, Phổ Hiền; Quán Âm, Thế Chí v.v... cũng chưa hiểu biết đến chỗ cùng tận.

Chúng ta thử nghĩ, nếu phương pháp trì danh niệm Phật không phải thật có nghĩa cao siêu và công đức bất khả tư nghì thì tại sao trong kinh "Phật thuyết A Di Đà", Phật dạy rằng khi Phật nói kinh đó thì hết thầy Chư Phật trong sáu phương đều tán thán và hộ niệm ? Như vậy, thì biết rằng pháp môn ấy đặc biệt và nhiệm màu như thế nào ?

Vả lại, trong kinh có nói: "Không thể nhờ một ít nhơn duyên phước đức thiện căn mà có thể vãng sanh được." Tiếp đó, ngài lại dạy: "Bảy ngày chấp trì danh hiệu, đạt được nhất tâm bất loạn thì liền được vãng sanh." Như thế thì thiện căn phước đức nhơn duyên của sự chấp trì danh hiệu quả không phải nhỏ vậy.

---o0o---

TIẾT MƯỜI: KHÔNG NÊN NGỘ NHẬN LÝ LUẬN: TỰ TÁNH DI ĐÀ, DUY TÂM TỊNH ĐỘ

Có người vì quá thiên trọng lý thuyết, nên sinh ra khinh lờn thực hành. Lý họ thường viện ra câu: Tự tánh Di Đà, duy tâm Tịnh độ", rồi liền làm cho rằng Tịnh độ chỉ ở trong tâm, làm gì có cõi Tây phương mà hằng mong về! Thế là, họ phủ nhận tất cả 48 đại nguyện của đức A Di Đà và thế giới Cực lạc trang nghiêm.

Có sự chấp nệ tai hại ấy, nguyên do chỉ vì họ lầm lẫn hai hiện tượng chơn đế và tục đế mà họ vô tình đem trộn lại làm một. Vì lấy thể làm dụng nên thể dụng hỗn loạn, chơn tục bất phân. Đã là người học Phật, ít nhất cũng đã từng đọc qua bài Bát nhã Tâm kinh. Trong Tâm kinh có dạy rằng: "Vô trí diệt vô đắc, dĩ vô sở đắc cố" (không có Trí mà cũng không có sở đắc). Nhưng liền sau đoạn ấy, Tâm kinh lại dạy: "Đắc a nậu đa la tam miệu tam bồ đề" (...)

được quả vô thượng bồ đề). Qua hai đoạn kinh ấy, ta thấy rằng: nếu y vào chơn đế thì nói rằng không có sở đắc (chỗ đạt được), nhưng nếu y vào tục đế thì phải nói rằng có sở đắc. Nếu lầm lẫn chơn đế và tục đế, tức là tự mâu thuẫn rồi vậy.

Các câu như trên, không riêng gì tâm kinh mới có, trong các kinh thường cũng nói đến. Đó là y cứ vào hai phương diện chơn và tục bất đồng mà khai thị cho rõ khía cạnh, xin các học giả đừng ngộ nhận khiến sai lạc hết ý nghĩa uẩn áo của kinh văn. Còn như Ngài Lục Tổ, khi Ngài phủ nhận cảnh giới Tây phương, chính là lúc Ngài đương y vào chơn lý thường trú để thuyết minh chơn tâm, chứ không phải y vào tục lý để nói về các cảnh giới () Vì duy chơn thì hết thấy đều không, nhưng duy tục thì vạn hữu đều có.

Chúng ta không nên tuyệt đối nhận làm rồi chấp trước ý Tổ, khiến sinh tâm mạt sát pháp môn Tịnh độ. Có hiểu được như vậy thì mới thật là biết cách đọc sách cổ nhân một cách thiện xảo và thâm hiểu ý cổ nhân một cách tinh vi.

Vì lý do trên, một lần nữa, ta phải cân nhắc lại thật kỹ để định lại một cách chuẩn xác giá trị và phạm vi của câu danh ngôn "Tự tánh Di Đà, Duy tâm Tịnh độ." Nếu đứng về phương diện Chơn đế mà nói thì không một pháp gì tồn tại (nhất pháp bất lập), ngay đến Phật cũng không còn trú trước, huống nữa là Cực lạc và niêm Phật cầu vãng sanh! Vì thế mà nói ngoài bản tánh không có Di Đà (tự tánh Di Đà) và ngoài tâm không có Tịnh độ (duy tâm Tịnh độ). Cảnh giới ấy là cảnh giới tuyệt đối của đệ nhất nghĩa không, Cho nên, đem "dụng" quy về "thể" thì không một pháp nào được gọi là pháp sở đắc cả.

Ngược lại, khi chưa đạt được đệ nhất nghĩa không thì phải trụ trên "dụng" mà nói và phải nương theo từng bậc tu chứng để làm bàn đạp và tiến lên, do đó mỗi tầng bậc đều có những pháp sở đắc riêng biệt. Đối với công phu nội chứng của hành giả chưa đạt đến trình độ tuyệt đối thì không thể bảo rằng tâm cảnh đều không, thọ tướng đều tịch. Tâm cảnh chưa thông, thọ tướng chưa tịch thì hiển nhiên là năng và sở còn tồn tại, y báo và chánh báo đều phân minh: một sắc, một hương, một cành hoa, một ngọn lá của cảnh giới Cực lạc trang nghiêm, thấy đều là đối tượng của ta và ta cần phải mong cầu đạt đến chứ không thể bỏ qua. Nếu không tự lượng sức, chỉ nhắm mắt học thuộc luận điệu của kẻ khác, có thể rất xác thực với kẻ ấy, nhưng chỉ là lý suông đối với mình thì có khác nào kẻ điên rồ chưa qua khỏi sóng đã toan bỏ thuyền bè!

Ta hãy xem lại trong 3 bộ kinh thuyết minh Tịnh độ, khi nói đến tướng tốt của Phật thì không mấy lông nào, một chân tóc nào, một hào quang nào, một sắc đẹp nào mà không diễn tả ra một cách tuyệt trần vi diệu; khi nói đến cảnh giới trang nghiêm của Tịnh độ thì nào là hoa thơm, quả báu, hồ ngọc, cây vàng v.v... không một cảnh nào mà không phải là cảnh hy hữu trên thế gian ? Tướng ấy, cảnh ấy toàn là sự thật mà Phật đã thân chứng, chứ đâu phải vẽ vời đặt để ra cho thêm hoa mỹ. Ta không nên có tà kiến cho các cảnh ấy là không có mà bị đọa vào không vọng ngoại đạo rất là nguy hiểm.

---o0o---

TIẾT MUỖI MỘT: LÝ VÀ SỰ CẦN PHẢI TƯƠNG XỨNG()

Trên bước đường tu tập, Lý và Sự phải hô ứng nhau, cùng phối hợp để hỗ trợ giúp đỡ nhau mới mong đi đến thành tựu. Có Lý, Sự mới có chỗ y cứ dùng làm cương lĩnh và mục tiêu để khởi tác dụng. Ngược lại, có Sự, Lý mới chánh xác và có hiệu quả. Lý soi đường cho Sự, Sự thực hiện mục tiêu của Lý. Phạm làm việc gì mà có Lý có Sự, việc mới thành tựu, ví như đã biết lộ trình mà lại còn chịu cất bước ra đi. Nếu có Lý mà không có Sự thì nào có khác gì kẻ biết đường nhưng lại không chịu đi; cũng như có Sự mà không có Lý thì không khác kẻ muốn đi nhưng lại không biết đường. Người đã biết đường và chịu đi theo con đường ấy, Lý Sự tương xứng nhau, nhất định phải thành công. Còn như hai hạng trên kia thật là khó có hy vọng thành tựu, nhất là hạng không chịu đi. Hạng chịu đi, mặc dù không biết đường nhưng còn tự biết trình độ mình thấp kém, trí không kiêu căng, lòng không tự mãn, trên lộ trình chưa từng biết đích xác, hạng này với một ý chí cương quyết, cứ lần theo con đường mòn của người trước đã đi qua và đã vạch sẵn, một mạch thẳng tiến không chần chờ không do dự; như vậy cuối cùng rồi cũng sẽ đạt đến đích. Kinh, luận và sách trước tác của các bậc cổ đức thuật lại các sự tích xưa đều là những mũi tên chỉ đường, người sau nên chiếu theo đó mà thực hành, quyết sẽ được thành công như người xưa không khác.

Vì các lẽ ấy Cho nên, mặc dù thiếu Lý soi đường, những người chịu thực hành cũng chưa lấy gì làm lo. Có lo chẳng là với hạng người chỉ ngồi nói suông mà không chịu thực hành thì dù có nói đến suốt đời cũng không tiến bộ được nửa bước. Phê phán một cách xác thực hơn nữa thì người không có Sự, quyết nhiên cũng không thể có Lý. Ví như biết nhà gần sập mà không biết tự liệu để tránh, cứ ngồi nói suông cho khoái khẩu đến nỗi bị nhà đè chết, sao còn gọi được là biết ? Vì vậy Phật pháp có công năng độ kẻ ngu

phu thất phụ một cách dễ dàng, chứ khó độ người thế tri biện thông hoặc người không chịu thiết thiết tu hành.

Ngày xưa, khi Phật còn tại thế, có ngài Châu lợi bàn đà già là người rất độn căn. Khi xuất gia làm đệ tử Phật, chỉ được Phật dạy cho hai chữ là Thiều và Chử, thế mà học mãi không thuộc. Hễ nhớ được chữ sau thì liền quên chữ trước, học chữ trước thì lại quên mất chữ sau. Tuy thế, ngài vẫn không nản chí, hết lòng cố gắng, không hề xao lãng, cuối cùng vọng niệm tiêu trừ, hoặc nghiệp đoạn giải, ngài chứng được quả A la hán.

Đồng thời với Ngài Châu lợi bàn đà già có Ngài Đề bà đạt đa, một đệ tử rất thông minh và có biện tài vô ngại. Đề bà học đủ hết các môn thần thông, đọc lâu cả sáu vạn pháp tụng, nhưng vì bản tánh kiêu căng, không chịu tu tập nên cuối cùng bị đọa địa ngục. Xem đó đủ biết, dù bác thông giáo lý biện luận như thác nước chảy, nhưng nếu không thiết thực tu trì hoặc nghiệp từ vô thì vẫn còn nằm yên bất động, không giảm được một hào ly; thử hỏi sự hiểu biết ấy có bổ ích gì không? Công hiệu lợi ích thiết thực so với một bà già nấu búp, mặt lem mày luốc, nửa chữ không tường, chưa chắc đã ai hơn ai, nhất là khi bà già này tinh tấn niệm Phật, luôn luôn một lòng tin tưởng, lúc lâm chung nhất định sẽ được vãng sanh.

Hành giả nếu suốt đời vùi đầu vào các danh lý luận để cầu hiểu biết, những mong làm nhà bác sĩ trong Phật giáo, nhưng không chịu hạ thủ tu hành thì luôn luôn nhớ hai ví dụ mà Phật đã từng dùng để răn bảo đệ tử; ví dụ món ăn và ví dụ đếm tiền. Người học mà không tu chẳng khác gì nói món ăn ngon mà tự mình không ăn, hoặc đếm của cho người mà tự mình không có xu nhỏ; chung quy bụng đói vẫn đói, túi rỗng vẫn rỗng.

Tóm lại, người học Phật mà thông đạt Lý và y Lý hành Sự một cách đúng đắn thì nhất định phước đức và trí huệ đều đầy đủ; phần lý giải và phần thực hành đã tương xứng, thì nhọn viên quả mãn; quả vị Phật chắc chắn mười phần bảo đảm. Thản hoặc, nếu Lý không thể thiếu Sự, đích thành công mới có phần nào khả vọng. Ai là người học Phật chân chính nên lưu ý điểm này.

---o0o---

TIẾT MƯỜI HAI: TỊNH ĐỘ LÀ PHÁP MÔN THÍCH HỢP CỦA HÀNG PHẬT TỬ TẠI GIA

Nếu muốn tu bất cứ một pháp môn nào cũng tương đối dễ dàng chỉ cần chịu khó gia công là thành tựu. Trái lại hàng tại gia bị gia đình ràng buộc, mưu

sinh khó khăn, công việc xã hội phức tạp, thực khó mà thực hành cho được các pháp môn thuyên định quán tưởng và đồng thời nghiên cứu cho thấu đáo nền giáo lý thâm diệu của Phật đà.

May thay, Đức Phật đã vận dụng trí tuệ vô biên và từ bi vô lượng, đề ra pháp môn Tịnh độ rất giản tiện mà có hiệu lực rất lớn, giúp được tín đồ không phí thì giờ, khỏi bỏ công việc, mà vẫn có thể thành tựu được đạo quả một cách chắc chắn. Hễ ai có tu là có chứng, không luận tại gia hay xuất gia, không bỏ sót một ai. Hàng Phật tử tại gia, ngoài pháp môn niệm Phật này ra, tưởng cũng khó có hy vọng thành công đối với các pháp môn khác. Càng khó thành công thì lại càng dễ hay sinh chán nản, lắm lúc còn làm cho thoái thất rồi mất hẳn tín tâm. Tai hại biết bao! Vì các lẽ ấy nên nói rằng pháp môn niệm Phật là pháp môn thích hợp cho hàng Phật tử tại gia.

Rất mong các đạo hữu tại gia nhận thức tròn đầy tất cả công hiệu viên dung của pháp môn này để cùng nhau niệm Phật và một ngày kia cùng gặp nhau trên ao sen bảy báu của đức Phật A Di Đà.

Nam mô Liên trì Hải hội Phật Bồ tát

(Phỏng theo Tịnh pháp Khái thuộc)

---o0o---

PHỤ LỤC

Quên mất tâm Bồ Đề mà tu hành các thiện pháp, gọi là hành động của ma.

KINH HOA NGHIÊM

Phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, đó chính là Xuất- gia, đó chính là đầy đủ Giới Pháp.

KINH DUY MA CẬT

(Phẩm LA HẦU LA)

"Sa di thuyết pháp sa môn thánh

Bất tại niên cao tại tánh linh"

LUẬT NGHI

Một người không phải sinh ra liền thành Bà La Môn hay hạng Chiên Đà La, chính phải do việc làm của người ấy ở đời, mới trở thành một người Bà La Môn hay một người Chiên Đà La.

KINH HOA NGHIÊM

Không phải chỉ có chùa to Phật lớn hoặc danh xưng kêu là có sự hiện diện của Chánh Pháp; mà chỉ có: ở đâu có các Tăng, Ni, Phật tử: CHÂN TU THẬT HỌC, thì ở đó mới đích thật: có sự hiện diện của Chánh Pháp.

HIỀN NHÂN

Phàm người xuất gia là cất bước đến phương trời cao rộng, tâm hình khác tục. Nổi thanh giống thánh, hàng phục ma quân, nhằm trả bốn ân, cứu giúp ba cõi.

QUY SƠN CẢNH SÁCH

Vị Bồ Tát học Bát Nhã nên khởi tâm đại bi, phát lời nguyện rộng lớn, tinh tấn tu pháp Tam Muội, khắp độ chúng sanh, không vì riêng thân mình mà cầu giải thoát. Rồi phóng xả các duyên, dứt nghĩ muôn việc, thân tâm được nhất như, động tĩnh không xen hở, lường sức ăn uống, không nhiều không ít, điều hòa ngủ nghỉ, không ép ngặt, không phóng túng.

TỌA THUYỀN NGHI

Nếu không có một mục đích lý tưởng cao thượng trong đời sống thì sống lâu có lợi ích gì? Phải chăng để tạo thêm nghiệp ác.

Nếu ham thích tiền của, danh vọng, địa vị... ta sẽ hoảng sợ khi tử thân đến.

Niết bàn chính là sự xả bỏ hoàn toàn. Trước sau gì cũng phải xả bỏ, tốt hơn hết là nên bố thí, cúng dường cho tất cả chúng sanh.

BỒ TÁT HẠNH

Yếu chỉ niệm Phật:

PHÓNG HẠ VẠN DUYÊN

NHẤT TÂM NIỆM PHẬT

THƯỜNG HÀNH LỤC ĐỘ

NGUYỄN THẤY DI ĐÀ

TỊNH ĐỘ

Phàm hễ có tướng, thấy đều hư vọng. Nếu thấy các tướng là chẳng phải tướng, liền thấy NHƯ LAI.

Pháp ta nói ra, như bè độ khách sang sông. Pháp còn phải bỏ huống nữa là phi Pháp.

KINH KIM CANG

Tôi thuở xưa chưa PHÁT TÂM VÔ THƯỢNG BỒ ĐỀ có những bổ úy:

" SỢ CHẴNG ĐỦ NUÔI SỐNG

" SỢ TIẾNG XẤU

" SỢ CHẾT

" SỢ ĐỌA ÁC THÚ

" SỢ OAI ĐỨC CỦA ĐẠI CHÚNG

Từ khi một phen đã phát tâm thời đều xa lìa CHẴNG CÒN KINH SỢ. TẤT CẢ CHÚNG MA VÀ NGOẠI ĐẠO KHÔNG PHÁ HOẠI ĐƯỢC.

KINH HOA NGHIÊM

* Đừng vội tin tưởng một điều gì vì thường nghe nhắc nhở đến điều ấy luôn.

* Đừng vội tin tưởng điều gì vì đó là một tập tục đã qua rồi của ngàn xưa để lại.

* Đừng tin tưởng những điều sáo ngữ hay bất cứ một điều gì mà người ta thường nói đến quá nhiều.

* Đừng tin tưởng bất cứ điều gì, vì cho đó là bút tích của một thánh nhân xưa để lại bảo ta tin điều ấy.

* Đừng vội tin tưởng một điều gì dù điều ấy được những ý kiến thiên vị bên vực hay một tập tục lâu đời khiến ta theo đó là thật.

* Đừng tin tưởng bất cứ điều gì dù điều ấy dưới mãnh lực của Ông thầy hay Nhà truyền đạo.

* Tất cả những sự thật theo kinh nghiệm riêng của người và sau khi xác nhận rõ ràng phù hợp với lẽ phải, tạo thành hạnh phúc cho riêng người và hạnh phúc cho tất cả mọi loại thì chính đó là sự thật và người cố gắng sống theo sự thật ấy.

KINH KALAMA

---o0o---

10 ĐIỀU TÂM NIỆM

1- Nghĩ đến thân thể thì đừng cầu không tật bệnh, vì không tật bệnh thì tham dục dễ sanh.

2- Ở đời đừng cầu không khó khăn, vì không khó khăn thì kiêu xa nổi dậy.

3- Cứu xét tâm tánh thì đừng cầu không khúc mắc, vì không khúc mắc thì sở học không thấu đáo.

4- Sự nghiệp đừng mong không bị chông gai, vì không bị chông gai thì chí nguyện không kiên cường.

5- Làm việc đừng mong dễ thành, vì việc dễ thành thì lòng thị thường kiêu ngạo.

6- Giao tiếp đừng mong lợi mình, vì lợi mình thì mất đạo nghĩa.

7- Với người đừng mong thuận chiều ý mình, vì được thuận chiều ý mình thì tật sanh tự kiêu.

8- Thi ân đừng cầu đền đáp, vì cầu đáp trả là thi ân mà có mưu tính.

9- Thấy lợi đừng nhúng tay, nhúng tay thì hắc ám tâm trí.

10- Oan ức không cần bày tỏ, vì bày tỏ là hèn nhát mà trả thù thì oán đối kéo dài.

Bởi vậy, Phật Đà thiết lập Chánh Pháp, lấy bệnh khổ làm thuốc hay, lấy hoạn nạn làm thành công, lấy gai góc làm giải thoát, lấy ma quân làm đạo bạn, lấy khó khăn làm sự tác thành, lấy bạn tệ bạc làm người giúp đỡ, lấy kẻ chống nghịch làm người giao du, lấy sự thi ân như đôi dép bỏ, lấy xả lợi làm vinh hoa, lấy oan ức làm đà tiến thủ. Thế nên, ở trong chướng ngại mà vượt qua tất cả.

Đức Thế Tôn được giác ngộ chính trong mọi sự chướng ngại, Ương quật hành hung, Đề Bà khuấy phá, mà Phật Đà giáo hóa cho thành đạo tất cả. Như vậy há không phải sự tác nghịch là sự tác thành mà sự khuấy phá là sự giúp đỡ cho ta.

Ngày nay những người học đạo, trước hết không dẫn mình vào mọi sự trở ngại, nên khi trở ngại xấp tới thì không thể nào đối phó. Chánh Pháp chí thượng vì vậy mà mất cả, đáng tiếc đáng hận biết bao.

LUẬN BẢO VƯƠNG TAM MUỘI

---o0o---

PHÁT BỒ ĐỀ TÂM LUẬN

Bồ tát Thiên thân tạo
Pháp sư Cru ma la thập dịch
Phạn văn ra Hán văn
Thích Trí Thủ dịch Hán văn ra Việt văn 1962

Bồ tát Thiên Thân Ngài sanh trưởng trong gia đình thế phiệt, tại thành La duyet kỳ, Ấn Độ, sau Phật nhập diệt 900 năm. Thân sinh tên là Quang Cái, mẹ tên là Nghiêm Nhất, anh ruột là ngài Vô Trước Bồ tát.

Hai ông bà Quang Cái tin Phật chân thành, hằng ngày chuyên lo tu nhân tích đức, nhân dân trong xứ bấy giờ vô cùng kính phục, ca ngợi, nhất là nhờ có hai người con thông minh tài trí cũng như đức hạnh không ai sánh kịp.

Lớn lên, Vô Trước và Thiên Thân cả hai anh em đều xuất gia học Phật, nhưng hướng đi của hai người khác nhau: Ngài Vô Trước xu hướng Đại thừa, ngài Thiên Thân thực hành theo Tiểu thừa.

Nhờ nhân duyên trong nhiều kiếp trước, các ngài xuất gia không bao lâu, Tam tạng kinh điển đều thông hiểu sâu rộng. Bây giờ cả hai ngài đều hết sức xiển dương giáo pháp theo đường lối riêng của mình.

Ngài Vô Trước tạo luận đề tuyên dương giáo pháp Đại thừa thì ngược lại ngài Thiên Thân trước tác 500 bộ luận đề bài xích Đại thừa và nêu cao giáo pháp Tiểu thừa.

Ngài Vô Trước rất lo ngại em mình đã lạc hướng, không những có hại cho bản thân mà còn có hại cho đạo pháp nữa. Tìm cách cứu em quay trở lại với giáo pháp Đại thừa, nên ngài Vô Trước liền thị hiện bệnh nặng, cho mời ngài Thiên Thân đến ngỏ lời vĩnh biệt:

- Anh chắc không qua khỏi!
- Anh đau bệnh gì mà mau yếu thế ?
- Vì em!

Ngạc nhiên, ngài Thiên Thân hỏi tiếp :

- Em có chuyện gì làm cho anh phải đau?
- Em hủy báng giáo pháp Đại thừa, tội ấy cực trọng, sợ em sẽ đọa địa ngục vô gián, anh quá lo nên sanh bệnh!

Ngài Thiên Thân vô cùng cảm động, nhận thấy chỗ lỗi lầm của mình, nhân sẵn có con dao bên cạnh, muốn tỏ cho ngài Vô Trước thấy lòng hối hận của mình, bèn cầm dao đưa lên và nói:

Giờ đây, trước anh, em xin cắt lưỡi, chặt tay để chuộc tội.

Không! Không! Làm thế không chuộc được tội đâu! Em đã dùng lưỡi biện luận, tay trước tác, hủy báng Chánh pháp. Giờ đây cũng dùng chính lưỡi ấy, tay ấy mà xiển dương chánh pháp mới chuộc được tội!

Từ đấy, ngài Thiên Thân vận dụng hết tâm trí và năng lực, trong thời gian ngắn đã trước thuật 500 bộ luận xiển dương Đại thừa, thuyết phục hàng muôn người trở về Đại thừa, làm cho Đại thừa chói sáng khắp nơi.

Ngài Thiên Thân suốt đời chăm lo tu luyện, một niệm hiến thân vì Đạo, xiển dương chánh pháp, phục vụ chúng sanh. Ngài đã chứng đến bậc Đại thừa gia hạnh vị.

Do tài trước tác ngàn bộ luận cả tiểu thừa và đại thừa, nên mọi người tôn xưng ngài là Thiên Thân hay Thiên bộ luận sư (Vị luận sư làm ngàn bộ luận) và cũng do tài thuyết phục thâm nhiếp nên người đời hầu hết hướng về Ngài, thân cận học hỏi, cúng dường nên còn có tên là Thế Thân. Tên ngài tiếng Phạn là Vasubandhu, dịch âm là Bà tu bàn đầu.

Ngài là vị tổ thứ 23 ở Ấn Độ, đắc pháp với ngài Xà dạ da. Ngài cùng anh là Vô Trước bồ tát chân hưng giáo pháp đại thừa Duy thức tôn, nên riêng về tôn này, ngài là vị tổ thứ ba, thừa tiếp giáo nghĩa của đức Di lặc từ tôn và ngài Vô Trước bồ tát.

Ngài Thiên Thân thọ tám mươi tuổi, tịch tại thành A du ca.

Hiện nay, nếu ai nghiên học về Duy thức thì không ai là không nhớ đến công hạnh và quy ngưỡng cao danh của Ngài.

---o0o---

PHẨM THỨ NHẤT KHUYẾN PHÁT

Kính lễ vô biên trần sát độ

Vị lai, quá khứ, hiện tại Phật,

Bậc trí bất động như hư không,

Đấng Cứu thế Đại bi Đại nguyện.

Có diệu pháp tối thượng đại phương đẳng, là pháp tu hành của đại Bồ tát Ma đắc lạc già tạng () là pháp khuyến khích ưa thích tu tập đạo vô thượng bồ đề, pháp ấy thường khuyến chúng sanh phát tâm sâu rộng, xây dựng thế nguyện đến mức tuyệt đối trang nghiêm, xả bỏ thân mạng, của cải, thân phục kẻ tham lẫn; tu năm tụ giới (), hóa đạo kẻ phạm cấm; thực hành rốt ráo nhẫn nhục, điều phục những kẻ sân si; phát tâm dũng mãnh tinh tấn an lạc cho chúng sanh; tu tập các pháp thiền định, để soi thấu mọi tâm địa, tu hành trí huệ, diệt trừ vô minh; chứng nhập pháp môn chân như, hầu xa lìa các chấp trước; nêu rõ hạnh vô tướng thậm thâm, xung tán công đức, làm cho Phật

chúng không đoạn. Có vô lượng phương tiện như vậy để tán trợ làm pháp nhập môn thanh tịnh vào đạo bồ đề nên tôi vì tất cả những bậc Thượng thượng thiện hơn phân biệt chỉ bày khiến hết thấy đều chứng quả vô thượng Chánh đẳng chánh giác (Phật quả).

Này các Phật tử! Nếu các đệ tử của Phật, thọ trì lời Phật và vì chúng sanh diễn thuyết chánh pháp, thì trước tiên nên xưng dương tán thán công đức của Phật. Chúng sanh nghe rồi mới phát tâm cần cầu trí huệ Phật; nhờ sự phát tâm đó mà Phật chúng bắt đoạn.

Nếu tỳ kheo, tỳ kheo ni, ưu bà tắc, ưu bà di trong khi tu đạo bồ tát nhớ nghĩ Phật, nhớ nghĩ pháp, lại nhớ nghĩ Như lai vì sự cần cầu chánh pháp, trải qua vô số kiếp chịu các cần khổ. Vì nhớ nghĩ như thế nên nói pháp cho các bồ tát nghe, dù chỉ một bài kệ, bồ tát được nghe pháp ấy hoan hỷ lợi ích (thị giáo lợi hỷ), trông được căn lành, tu tập theo Phật pháp, chúng được quả vô thượng Chánh đẳng chánh giác.

Vì muốn đoạn trừ các khổ não vô thí sanh tử cho vô lượng chúng sanh Cho nên, đại bồ tát muốn thành tựu vô lượng thâm tâm tinh tấn tu tập phát nguyện rộng lớn, thi hành đại phương tiện, khởi đại từ bi, cầu đại trí tuệ tối thượng tuyệt đỉnh. Cầu đại pháp của chư Phật, như vậy thì nên biết pháp ấy là vô lượng vô biên. Vì pháp vô lượng nên phước đức quả báo cũng vô lượng. Như lai dạy rằng: các vị bồ tát lúc đầu phát tâm tuy chỉ trong một niệm rất sơ sài mà phước đức quả báo dầu nói đến trăm ngàn muôn kiếp cũng không hết, huống nữa một ngày một tháng một năm hay suốt đời phát tâm bồ đề tu tập tinh tấn thì phước đức quả báo đâu có thể nói hết được. Vì sao? Vì rằng chỗ sở hành của bồ tát là vô tận là muốn khiến cho tất cả chúng sanh đều an trú Vô sanh pháp nhẫn, được thật chứng Phật quả vô thượng Chánh đẳng chánh giác.

Này các Phật tử! Bồ tát sơ thi phát tâm bồ đề, ví như biển lớn bắt đầu có , nên biết đó là chỗ an trú của ngọc như ý bảo châu, giá trị tăng dần từ hạ trung thượng cho đến vô giá, vì thứ bảo châu ấy đều từ biển lớn phát sanh. Bồ tát phát tâm bồ đề cũng như thế. Khi mới bắt đầu sanh khởi, sơ phát tuy nhỏ, nhưng nên biết đó là chỗ khởi thi của tất cả thiện pháp thiên định, trí huệ của hơn, thiên, thanh văn, duyên giác, bồ tát và chư Phật.

Lại nữa, như tam thiên đại thiên thế giới, khi mới bắt đầu thành lập, nên biết về sau đó là chỗ che chở, nương tựa của tất cả chúng sanh trong 25 cõi. Bồ tát phát tâm bồ đề cũng như vậy. Khi bắt đầu sanh khởi, bồ đề tâm là chỗ y

chỉ che chở và nương tựa cho tất cả vô lượng chúng sanh trong sáu cõi, bốn loài. Chánh kiến, tà kiến, tu thiện, làm ác, giữ giới, phạm giới, tôn thờ tam bảo hay hủy báng chánh pháp, tà ma ngoại đạo, phạm chí, sa môn, sát đê lợi, bà la môn, tỳ xá, thủ đà ... Bồ đề tâm là y chỉ hết thảy.

Bồ tát phát tâm lấy lòng từ bi làm đầu. Lòng đại từ của bồ tát vô lượng vô biên nên sự phát tâm cũng vô lượng vô biên mênh mông như chúng sanh giới. Như hư không giới, không chỗ nào là không cùng khắp, sự phát tâm của bồ tát cũng như thế, vô lượng vô biên không có cùng tận. Hư không vô cùng tận Cho nên, chúng sanh cũng vô cùng tận. Chúng sanh không cùng tận Cho nên, bồ tát phát tâm cũng không cùng tận như chúng sanh giới...Giờ đây tôi xin vâng lãnh trình bày sơ lược để gợi một ý niệm về sự không cùng tận ấy, từ đây qua Đông phương cùng tột ngàn ức hằng hà sa vô lượng thế giới chư Phật, Tây, Nam, Bắc phương bốn phía và Thượng phương Hạ phương, mỗi mỗi đều có ngàn ức hằng hà sa vô lượng thế giới chư Phật, mỗi mỗi thế giới đều nghiên vụn làm vi trần, các vi trần ấy nhỏ đến nỗi mắt thường không trông thấy được. Rồi cho những chúng sanh ở trong trăm ngàn ức hằng hà sa vô lượng tam thiên đại thiên thế giới đến nhóm họp, chung nhau lấy một vi trần; cho đến chúng sanh ở trong hai trăm ngàn ức hằng hà sa số vô lượng tam thiên đại thiên thế giới cũng đến nhóm họp chung nhau lấy ra hai vi trần; cứ như thế lần lượt lấy hết trăm ngàn ức hằng hà sa số vi trần trong khắp mười phương thế giới chư Phật, số chúng sanh kia chỉ mới một phần ít thôi. Số vi trần ấy hết rồi, thế mà số chúng sanh kia vẫn còn chưa hết được. Lại nữa, ví như có người chẻ một sợi lông chia làm trăm phần, dùng một phần lông ấy nhúng vào biển lớn để lấy ra một giọt nước, tôi nay nói một phần ít chúng sanh thì các người nên hiểu phần ít ấy cũng chỉ bằng giọt nước, còn những chúng sanh chưa nói đến còn nhiều vô cùng vô tận, như nước trong biển cả, giả sử chư Phật ở trong vô lượng vô biên a tăng kỳ kiếp, rộng nói thí dụ cũng không làm sao hết được số lượng chúng sanh. Bồ tát phát tâm thấy đều che chở cùng khắp số chúng sanh rộng lớn ấy.

Thế nào các thiện nam tử, tâm bồ đề ấy có cùng tận được không? Nếu có bồ tát nghe nói như vậy mà không kinh hãi, không lo sợ, không thối tâm, không tránh trút thì nên biết người đó quyết định phát bồ đề tâm được. Dù cho vô lượng chư Phật ở trong vô lượng a tăng kỳ kiếp tán thán công đức kia cũng không thể hết được. Vì sao vậy? Vì tâm bồ đề kia không có hạn lượng không thể hết được. Có vô lượng lợi ích như thế đó, Cho nên, cần phải tuyên thuyết khiến cho chúng sanh thấy đều được nghe sự phát tâm bồ đề vậy.

PHẨM THỨ HAI

PHÁT TÂM

Bồ tát phát tâm như thế nào? Vì nhân duyên gì mà tu tập đạo Bồ đề?

Bồ tát phát tâm bằng cách thân cận thiện tri thức, cúng dường chư Phật, tu tập thiện căn, lập chí cầu chánh pháp, tâm thường nhu hòa, gặp khổ chịu nhẫn nhục được, từ bi thuần hậu, thâm tâm bình đẳng, ưa thích pháp đại thừa, mong cầu được trí huệ Phật. Nếu ai có đầy đủ mười điều nói trên mới có thể phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Phát tâm tu tập vô thượng bồ đề lại cần có bốn duyên; một là suy nghĩ đến chư Phật; hai là quán các tội lỗi của tự thân; ba là thương xót chúng sanh; bốn là cầu quả tối thắng, tức quả Phật. Nhờ có bốn nhân duyên kia mà tâm bồ đề thêm kiên cố.

I. Suy nghĩ đến chư Phật lại có năm việc

1. Nghĩ rằng các đức Phật trong ba đời mười phương, lúc mới bắt đầu phát tâm, cũng đầy dẫy phiền não như ta ngày nay, nhưng cuối cùng các ngài trọn thành được quả chánh giác để làm đấng Vô thượng tôn. Vì nhân duyên đó nên phát bồ đề tâm.

2. Nghĩ rằng hết thấy các đức Phật trong ba đời nhờ sự phát tâm đại đồng mãnh nên thấy đều chứng đạo quả vô thượng bồ đề; đạo quả bồ đề ấy đã là pháp có thể đạt được, thì ta ắt cũng phải đạt được. Vì nhân duyên đó nên phát bồ đề tâm.

3. Nghĩ rằng hết thấy các đức Phật trong ba đời, nguyện cũng chìm đắm trong cõi vô minh như ta, nhưng nhờ tích tập khổ hạnh, đập tan thành trì mê lầm, phát sanh trí huệ sáng ngời mà gầy dựng được tâm thù thắng và thấy đều tự cất mình vượt ra khỏi ba cõi. Vậy thì ta cũng phải bắt chước theo mà tự cứu độ. Vì nhân duyên đó nên phát bồ đề tâm.

4. Nghĩ rằng hết thấy các đức Phật trong ba đời, là những bậc đại hùng lực trong nhân gian, thấy đều thoát khỏi bể lớn sanh tử phiền não thì ta đây cũng là bậc trượng phu hãn cũng có thể tự độ, cũng phải vượt khỏi bể lớn phiền não sanh tử. Vì nhân duyên đó nên phát bồ đề tâm.

5. Nghĩ rằng hết thầy các đức Phật trong ba đời phát tâm đại tinh tấn, xả bỏ thân mạng của cải để cầu nhứt thể trí, thì ta nay cũng nên học theo chư Phật để đạt được như Phật. Vì nhân duyên đó nên phát bồ đề tâm.

---o0o---

II. Quán sát tội lỗi của tự thân lại cũng có năm việc

1. Quán sát tự thân ta là bởi năm uẩn bốn đại cấu hợp lại mà thành rồi vì nó, ta đã gây ra vô lượng ác nghiệp. Nay muốn xả bỏ nên phát bồ đề tâm.
2. Quán sát tự thân ta có chín lỗ thông, thường hay lưu xuất những đồ ô uế bất tịnh nên sanh tâm nhàm chán. Vì nhàm chán nên phát bồ đề tâm.
3. Quán sát tự thân ta có vô lượng phiền não tham sân si thường thiêu đốt thiện tâm. Vì muốn diệt trừ các phiền não ấy nên phát bồ đề tâm.
4. Quán sát tự thân ta không có gì là vững chắc mà chỉ là một chuỗi dài sanh diệt tiếp nối nhau, chờn vờn như mây bay, mong manh như bọt nổi, toàn là những pháp hư hoại vô thường. Vì muốn vứt bỏ các thứ ấy nên phát bồ đề tâm.
5. Quán sát tự thân ta bị vô minh bao phủ, thường tạo ác nghiệp, luân hồi trong sáu đường quanh quẩn mãi không làm được việc gì lợi ích. Vì không lợi ích đó nên phát bồ đề tâm.

---o0o---

III. Cầu quả tối thắng

1. Thấy các đức Như lai tướng tốt trang nghiêm, hào quang chói lọi, kẻ nào trông thấy đều dứt trừ được phiền não. Vì muốn tu tập nên phát bồ đề tâm.
2. Thấy các đức Như lai pháp thân thường trú, thanh tịnh không bị nhiễm ô. Vì muốn tu tập nên phát bồ đề tâm.
3. Thấy các đức Như lai tu tập đủ năm pháp thanh tịnh là giới, định, huệ, giải thoát và giải thoát tri kiến. Vì muốn tu tập nên phát bồ đề tâm.
4. Thấy các đức Như lai có đủ mười lực, bốn vô sở úy, đại bi và ba niệm xứ. Vì muốn tu tập nên phát bồ đề tâm.

5. Thấy các đức Như lai có nhưt thể trí, thương xót chúng sanh, đem lòng từ bi che chở khắp tất cả, có thể hướng dẫn tất cả kẻ ngu mê theo đường chánh đạo. Vì muốn tu tập nên phát bồ đề tâm.

---o0o---

IV. Thương xót chúng sanh lại cũng có năm việc

1. Thấy các chúng sanh bị vô minh ràng buộc nên phát bồ đề tâm.
2. Thấy các chúng sanh bị vô số khổ đau doanh vẫy nên phát bồ đề tâm.
3. Thấy các chúng sanh chiêu tập các nghiệp bất thiện nên phát bồ đề tâm.
4. Thấy các chúng sanh tạo những tội cực ác nên phát bồ đề tâm.
5. Thấy các chúng sanh không tu chánh pháp nên phát bồ đề tâm.

V. Vô minh ràng buộc lại có bốn điều

a/ Thấy các chúng sanh bị si ác mê hoặc phải chịu đại kịch khổ.

b/ Thấy các chúng sanh không tin như quả tạo tác ác nghiệp.

c/ Thấy các chúng sanh xa bỏ chánh pháp tin theo tà đạo.

d/ Thấy các chúng sanh trôi dạt trong sông phiền não bị bốn dòng nước sanh già bệnh chết lôi cuốn.

---o0o---

VI. Các khổ doanh vẫy lại cũng có bốn điều

a/ Thấy các chúng sanh sợ sanh lão bệnh tử mà không cầu giải thoát lại gây thêm ác nghiệp.

b/ Thấy các chúng sanh lo buồn khổ não mà vẫn thường tạo nghiệp, không hề dừng nghỉ.

c/ Thấy các chúng sanh khổ vì ân ái chia lìa mà không giác ngộ để trừ nhiễm trước.

d/ Thấy các chúng sanh vì hay gặp gỡ oan gia mà vẫn thường ganh ghét nhau gây thêm oán hận mới.

---o0o---

VI. Chiêu tập nghiệp bất thiện lại cũng có bốn điều

a/ Thấy các chúng sanh vì lòng ái dục tạo các ác nghiệp.

b/ Thấy các chúng sanh biết tham dục sanh ra khổ mà chẳng chịu bỏ tham dục.

c/ Thấy các chúng sanh tuy muốn cầu an vui mà không chịu xây dựng giới hạnh.

d/ Thấy các chúng sanh tuy không ưa khổ não mà vẫn tạo nhơn khổ không ngừng.

---o0o---

VII. Tạo những tội cực ác lại cũng có bốn điều

a/ Thấy các chúng sanh hủy phạm trọng giới, tuy là lo sợ nhưng vẫn buông lung.

b/ Thấy các chúng sanh tạo năm nghiệp vô gián rất ác độc, vẫn ngoan cố giấu che không sanh lòng tàm quý.

c/ Thấy các chúng sanh hủy báng chánh pháp phương đẳng đại thừa chuyên chấp lòng ngu khởi tâm kiêu mạn.

d/ Thấy các chúng sanh tuy có chút thông minh triết sĩ mà không có chánh tín, cứ dương dương tự đắc không biết hối cải.

---o0o---

VIII. Không tu chánh pháp lại cũng có bốn điều

a/ Thấy các chúng sanh sanh trong tám nạn mà chẳng nghe chánh pháp, chẳng biết tu thiện.

b/ Thấy các chúng sanh may gặp Phật ra đời được nghe chánh pháp mà chẳng chịu thọ trì.

c/ Thấy các chúng sanh tập nhiễm theo ngoại đạo ép mình tu theo khổ hạnh không chịu thoát ly.

d/ Thấy các chúng sanh mới tu được định phi tướng, phi phi tướng mà đã cho là chứng niết bàn, nên khi thiện báo đã hết, trở lại sa đọa ba đường dữ (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh).

Bồ tát thấy chúng sanh vì vô minh mà liên miên tạo nghiệp đem dài chịu khổ, xa bỏ chánh pháp, mê lầm đường xuất ly; vì các lẽ ấy, Bồ tát phát tâm đại từ bi, lập chí cầu đạo vô thượng bồ đề, vội vã như cứu lửa cháy trên đầu, nếu chúng sanh còn có người bị khổ não thì tức thời sẽ đến cứu vớt không bỏ sót một chúng sanh nào.

Này các Phật tử! Như trên đây là ta chỉ mới nói sơ lược về sự duyên khởi phát tâm của các vị muốn tu tập hạnh bồ tát. Nếu quảng diễn ra cho rộng rãi thêm thì thật là vô lượng vô biên, không bao giờ nói hết được.

---o0o---

PHẨM THỨ BA

THỆ NGUYỆN

Bồ tát làm thế nào mà phát tâm xu hướng bồ đề và dùng hành động gì để thành tựu bồ đề? Người phát tâm bồ tát an trú địa vị Càn huệ () trước tiên phải có phát nguyện chơn chánh thâm nhiếp tất cả vô lượng chúng sanh. Ta cầu đạo vô thượng bồ đề là để cứu hộ độ thoát không phân biệt một loài nào đều được cứu cánh chúng vô dư niết bàn () không bỏ sót một ai. Vậy nên sơ thí phát tâm lấy đại bi làm căn bản, vì do lòng đại bi ấy, Cho nên, có công năng này nở lần lượt tăng trưởng mười đại chánh nguyện.

Mười chánh nguyện ấy là những gì?

1. Nguyện ta đời trước cho đến đời này, có làm những thiện căn gì, xin đem thiện căn ấy ban bố cho tất cả vô biên chúng sanh đều cùng nhau hồi hướng quả vô thượng bồ đề; giữ thế nào cho nguyện ấy của ta mỗi niệm tăng trưởng chuyển từ đời này qua kiếp khác, sanh vào đâu cũng được sự thủ hộ của đại tổng trì, luôn luôn giữ ở lòng không vì một lẽ gì mà quên mất.

2. Nguyên ta hồi hướng đại bồ đề rồi, nhờ thiện căn ấy không sanh vào quốc độ không có Phật, hễ sanh ra thường được cúng dường hết thầy chư Phật.
3. Nguyên ta được sanh vào quốc độ chư Phật rồi, thường được thân cận hầu hạ tả hữu như bóng theo hình, không một giây lát xa rời chư Phật.
4. Nguyên ta được thân cận chư Phật rồi, tùy lòng mong muốn của ta mà chư Phật vì ta thuyết pháp, liền được thành tựu năm pháp thân thông của bồ tát.
5. Nguyên ta đã được năm pháp thân thông của bồ tát rồi, liền thông đạt giả danh lưu bố của thế đế (chơn lý thế tục) được trí chánh pháp đúng như tánh chơn thật mà chứng ngộ nhất nghĩa đế (chơn lý tuyệt đối).
6. Nguyên ta được trí chánh pháp rồi, đem tâm thích thú vì chúng sanh thuyết pháp, đều khiến cho khai giải "thị giáo lợi hỷ" (khai thị chơn giáo lợi lạc hoan hỷ).
7. Nguyên đã khai giải cho chúng sanh được rồi, dùng sức thần thông của Phật, khắp đến mười phương vô tận thế giới cúng dường chư Phật và thỉnh thọ chánh pháp, nhiếp hóa mọi loài chúng sanh.
8. Nguyên ta ở trước chư Phật thỉnh thọ chánh pháp rồi, liền hay tùy theo căn cơ chuyển pháp luân thanh tịnh (thanh tịnh thuyết pháp); mười phương thế giới tất cả chúng sanh nghe ta thuyết pháp, nghe danh hiệu của ta, đều được phát tâm bồ đề, xả bỏ hết thầy phiền não.
9. Nguyên khi ta đã làm cho chúng sanh phát tâm bồ đề rồi, thường theo dõi hộ trì, trừ bỏ các việc không lợi ích, gây cho chúng sanh vô lượng nguồn vui chơn chánh, xả bỏ thân mạng, tài sản, phụ trách chánh pháp hóa độ chúng sanh.
10. Nguyên khi ta đã phụ trách với chánh pháp, tuy thực hành chánh pháp mà tâm không chấp trước chỗ sở hành; cũng như sự thực hành chánh pháp của các bồ tát, không chấp trước chỗ sở hành hay không sở hành, chỉ vì hóa độ chúng sanh mà không xa bỏ chánh nguyện.

ấy gọi là mười đại chánh nguyện của bồ tát phát tâm. Mười đại chánh nguyện này cùng khắp chúng sanh giới thấu nhiếp tất cả hằng sa các nguyện, nêu chúng sanh giới hết, nguyện ta mới hết. Mà thật ra chúng sanh giới không khi nào hết, thì đại nguyện ấy của ta cũng không bao giờ hết.

Lại nữa, bồ thí là nhơn của bồ đề, vì để nhiếp thủ tất cả chúng sanh. Trì giới là nhơn của bồ đề, vì được đầy đủ các điều thiện và thỏa mãn bản nguyện. Nhẫn nhục là nhơn của bồ đề, vì thành tựu ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Tinh tấn là nhơn của bồ đề, vì tăng trưởng hạnh lành, siêng năng giáo hóa mọi loài chúng sanh. Thiển định là nhơn của bồ đề, vì tự điều phục mình và biết được các tâm hạnh của chúng sanh. Trí huệ là nhơn của bồ đề, vì biết được đầy đủ tánh tướng của các pháp vậy. Nói tóm lại thì sáu pháp ba la mật là chánh nhơn của bồ đề, bốn vô lượng tâm (từ, bi, hỷ, xả), ba mươi bảy phẩm trợ đạo và muôn hạnh lành là cùng nhau trợ thành bồ đề. Nếu bồ tát tu tập sáu pháp ba la mật, thì tùy năng lực thực hành lần lượt được đến gần đạo vô thượng bồ đề.

Các Phật tử! Người cầu đạo vô thượng bồ đề không buông lung. Hành động buông lung nó bại hoại gốc lành, nếu bồ tát chế ngự sáu căn (mắt tai mũi lưỡi thân ý) không để nó buông lung thì người ấy đủ năng lực tu sáu pháp ba la mật. Bồ tát phát tâm trước hết vận lòng chí thành, lập thệ quyết định. Người đã lập thệ quyết định thì không bao giờ còn buông lung giải đãi, trễ nải, khinh lờn. Vì sao? Vì đã lập thệ quyết định, thì có năm việc duy trì:

1. Tâm được kiên cố.
2. Chế ngự được phiền não.
3. Ngăn đón được sự buông lung.
4. Phá trừ được năm điều ngăn che (ngũ cái)
5. Siêng năng tu hành sáu pháp ba la mật.

Như lời Phật đã tán thán

Như Lai bậc đại trí

Nói rõ các công đức

Nhẫn, huệ và phước nghiệp

Sức thệ nguyện hơn cả.

Lập thệ nguyện như thế nào? Nếu có người đến cầu xin các thứ, lúc bấy giờ ta tùy theo đó mà ban cho, tuyệt nhiên không sanh tâm niệm bòn sẻn, dù chỉ

một niệm nhỏ nếu sanh ác ý thời gian chỉ như một gậy móng tay, dùng nhọn duyên bố thí ấy để cầu quả báo tốt, thì ta đã khinh dối mười phương thế giới vô lượng vô biên a tăng kỳ hiện tại chư Phật, qua đời vị lai cũng quyết chắc không thành quả vị vô thượng chánh đẳng bồ đề. Nếu ta trì giới gặp cảnh đến đời mất thân mạng, quyết tâm thanh tịnh thì không thay đổi, thối hối. Nếu ta nhẫn nhục, thì dù có kẻ vô lý xâm hại, dù đến cắt da xẻo thịt đi nữa vẫn thường giữ lòng thương xót thì không sân hận. Nếu ta tu hạnh tinh tấn, rủi gặp khí hậu lạnh nóng, chính quyền hà khắc, giặc giã, lửa nước, sự tử, cọp beo, đại hạn mất mùa, lụt bão, đói rét v.v... thì cần phải kiên gan trì chí thì quyết không thối chuyển. Nếu ta tu về thiền định bị ngoại cảnh làm rối loạn không thể nhiếp tâm thì cần phải buộc tâm niệm vào một chỗ, thì quyết không bao giờ khởi loạn tưởng phi pháp. Nếu ta tu trí huệ, quan sát tánh như thật của tất cả các pháp, cương quyết tùy thuận thọ trì tánh như thật ấy, đối với thiện, bất thiện, hữu vi, vô vi, sanh tử, niết bàn v.v... không khởi tâm phân biệt kiến chấp bên này bên kia. Nếu tâm ta loạn tưởng, thối hối, bực tức, chướng ngại, chỉ trong một gậy móng tay mà sanh khởi kiến chấp bên này bên kia, dùng tư tưởng ấy mà tu các hạnh như trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ v.v... để cầu quả báo tốt, thì ta đã khinh dối mười phương thế giới vô lượng vô biên a tăng kỳ hiện tại chư Phật; qua đời vị lai cũng sẽ quyết không thành tựu được quả báo vô thượng bồ đề.

Bồ tát dùng mười đại nguyện hành trì chánh pháp và dùng sáu đại thế chế ngự tâm buông lung, thì quyết đủ năng lực tinh tấn tu tập sáu pháp ba la mật thành tựu đạo quả vô thượng bồ đề (a nậu đa la tam miệu tam bồ đề).

---o0o---

PHẨM THỨ TƯ

BỐ THÍ BA LA MẬT

Bồ tát tu hạnh bố thí như thế nào? Bố thí mà nếu vì tự lợi lợi tha và cả hai đều lợi, sự bố thí như thế mới có thể trang nghiêm được đạo bồ đề. Bồ tát sở dĩ tu hạnh bố thí là vì muốn điều phục chúng sanh, làm cho xa lìa sự khổ não. Người tu hạnh bố thí đối với tài vật của mình thường sanh lòng xả bỏ; đối với người đến cầu xin thường khởi tâm tôn trọng, tưởng như cha mẹ, sư trưởng, thiện tri thức; đối với người bản cùng hạ tiện thường khởi tâm lân mẫn tưởng như con một của mình và tùy sự cần dùng mà đem lòng cung kính hoan hỷ cung cấp. Thế mới gọi là sơ phát tâm tu hạnh bố thí của bồ tát. Sự bố thí như vậy, tiếng tốt đồn khắp, ngày sau sanh vào chỗ nào của cõi

cũng sung túc, ấy là tự lợi. Làm cho lòng chúng sanh được thỏa mãn, hoan hỷ, điều phục, giáo hóa mọi người không còn tâm bồn sấn, ấy gọi là lợi tha. Đem đức tu bồ thí vô tướng lớn lao của mình cảm hóa chúng sanh khiến đồng tu như mình đồng hướng công đức lợi lạc lớn lao như mình, ấy gọi là cả hai đều lợi.

Nhơn tu hạnh bố thí, tương lai sẽ được quả vị Chuyển luân thánh vương, cảm hóa vô lượng chúng sanh, lần lượt hưởng được vô tận pháp tạng của chư Phật, ấy gọi là trang nghiêm được đạo bồ đề.

Bố thí có ba loại: Pháp thí (bố thí chánh pháp), Vô úy thí (bố thí sự an vui), Tài thí (bố thí bằng của cải).

Pháp thí là đánh tan tà kiến, chỉ rõ các tội lỗi chấp đoạn (chết là hết), chấp thường (hằng còn mãi mãi), phân biệt, giải thích ý nghĩa chơn lý tuyệt đối, tán thán công đức tinh tấn, chê trách tội ác buông lung, khuyến khích tu trì giới pháp, kêu gọi phát lòng xuất gia, ấy gọi là pháp thí.

Vô úy thí là khi thấy chúng sanh lâm vào cảnh sợ hãi như chánh quyền hà khắc, cọp beo thú dữ, nước lửa, giặc cướp, thiên tai như họa v.v. Bồ tát trông thấy hoàn cảnh ấy vận hết năng lực tìm mọi phương tiện cứu chữa, ấy gọi là vô úy thí.

Tài thí là đem tài vật thân mạng của mình bố thí cho mọi người mà không lẫn tiếc, trên từ thân thể, ngọc ngà châu báu, xe cộ ngựa voi, gấm vóc hàng lụa, gạo thóc cơm áo, dưới đến một cây kim, một ngọn cỏ v.v... hoặc nhiều hoặc ít, tùy sự cần dùng cung cấp thỏa mãn, gọi là tài thí.

Tài thí lại có năm thứ : 1. đem lòng chí thành mà bố thí. 2. đem lòng chánh tín mà bố thí. 3. tùy thời mà bố thí. 4. tự tay mình bố thí. 5. đúng như pháp mà bố thí. Ngược lại có năm việc không nên bố thí: của cải phi nghĩa không nên bố thí, vì đó là tài vật bất tịnh; rượu và thuốc độc không nên bố thí, vì làm tán loạn chúng sanh vậy; lưới bẫy nơm nò không nên bố thí, vì não hại chúng sanh vậy; gươm đao súng đạn không nên bố thí, vì sát hại chúng sanh vậy; âm nhạc mỹ sắc không nên bố thí, vì làm bại hoại tinh thần của chúng sanh vậy. Tóm lại, những của cải không hợp pháp, gây não loạn cho chúng sanh, không nên đem bố thí. Ngoài ra tất cả những gì làm cho chúng sanh được an vui thì gọi là bố thí đúng như pháp.

Những người ưa thích bố thí thì lại được năm thứ danh dự thiện lợi:

1. Thường được thân cận các bậc hiền thánh. 2. Tất cả chúng sanh ưa thích nhìn thấy và gần gũi. 3. Ở giữa đại chúng được mọi người tôn kính. 4. Tiếng tốt khen ngợi đồn khắp mười phương. 5. Gây nhơn thượng diệu cho quả vị bồ đề. Người tu hạnh bồ tát gọi là bồ thí tất cả (nhất thiết thí).

Bồ thí tất cả không phải là vụ nhiều của cải, mà chính là vụ lòng bồ thí vậy. Đúng như pháp mà cầu tài để đem dùng vào việc bồ thí, gọi là thí tất cả. Đem lòng thanh tịnh, không mưu cầu quanh co mà bồ thí, gọi là bồ thí tất cả. Thấy người bần cùng đem lòng thương xót mà bồ thí, gọi là bồ thí tất cả. Thấy người lâm tai ách, đem lòng từ bi mà bồ thí, gọi là bồ thí tất cả. Vật quý trọng ưa thích mà sẵn lòng bồ thí, gọi là bồ thí tất cả. Không cần biết trì giới hay phá giới phước điền hay không phước điền đều bình đẳng bồ thí, gọi là bồ thí tất cả. Không cầu quả báo an lạc cảnh nhơn thiên hoan hỷ bồ thí, gọi là bồ thí tất cả. Nhất chí cầu cầu đạo vô thượng đại bồ đề mà bồ thí, gọi là bồ thí tất cả. Ưa thích bồ thí, trong khi bồ thí thì hoan hỷ, bồ thí rồi không ân hận, gọi là bồ thí tất cả.

Bồ thí tất cả là gây nhơn lành: Nếu đem hoa mà bồ thí là vì để đầy đủ pháp đà la ni thất giác hoa vậy. Nếu đem hương mà bồ thí là vì muốn đầy đủ hương giới, định, huệ xông ướp vào thất vậy. Nếu đem quả (trái cây) bồ thí là vì muốn đầy đủ thành tựu quả vô lậu vậy. Nếu đem đồ ăn uống bồ thí là vì muốn đầy đủ mạng sống lâu dài, biện tài vô ngại, thân hình đẹp đẽ (sắc), sức lực dồi dào và an lành vui vẻ vậy. Nếu đem áo quần bồ thí là vì muốn trang sức thanh tịnh, trừ bỏ sự hổ thẹn vậy. Nếu đem đèn sáng mà bồ thí là vì muốn được đầy đủ Phật nhãn soi rõ tất cả thật tánh và các pháp vậy. Nếu đem ngựa voi xe cộ bồ thí là vì muốn được vô thượng, đầy đủ thần thông vậy. Nếu đem anh lạc (chuỗi ngọc) mà bồ thí là vì muốn đầy đủ tám mươi vẻ đẹp của thân hình vậy. Nếu đem trân bảo bồ thí là vì muốn đầy đủ ba mươi hai tướng tốt của đáng trọng phu vậy. Nếu đem sức lực mà bồ thí là vì muốn đầy đủ mười sức lực và bốn vô sở úy của Phật vậy. Tóm lại, cho đến đem thành trì vợ con, đầu mắt tay chân, cả thân mạng mà bồ thí, lòng không lẫn tiếc là muốn đạt đến quả vị vô thượng bồ đề để cứu tất cả chúng sanh vậy.

Bồ tát Ma ha tát (Đại bồ tát) tu hạnh bồ thí đến mức không thấy của cải bồ thí, người bồ thí, kẻ nhận bồ thí, vì đức vô tướng đó, Cho nên, đầy đủ Đản na Ba la mật (Bồ thí thanh tịnh cứu cánh).

PHẨM THỨ NĂM

TRÌ GIỚI BA LA MẬT

(Thi la ba la mật)

Thế nào là bồ tát tu hạnh trì giới ? Nếu vì tự lợi, lợi tha và cả hai điều lợi mà trì giới thì sự trì giới như thế mới trang nghiêm được đạo bồ đề. Bồ tát vì muôn điều phục chúng sanh khiến xa lìa khổ não Cho nên, trì giới.

Người tu hạnh trì giới là điều luyện ba nghiệp: thân, khẩu, ý đều được thanh tịnh, xả bỏ tất cả hành vi bất thiện, luôn luôn thống trách các hạnh phá giới, trong lòng thường sợ hãi đối với những tội nhỏ; ấy gọi là bồ tát bắt đầu phát tâm trì giới. Vì sự tu trì giới hạnh mà xa lìa tất cả những tội lỗi xấu xa, thường được sanh vào cảnh giới tốt đẹp; ấy gọi là tự lợi. Cảm hóa chúng sanh, khiến đừng phạm các điều ác, ấy gọi là lợi tha. Dùng chỗ tu hành của mình hướng về quả vị bồ đề dắt dẫn chúng sanh đồng hưởng lợi lạc như mình, ấy gọi là cả hai điều lợi. Nhân sự trì giới lần lượt sẽ được xả bỏ dục vọng cho đến chúng quả vô lậu, thành bậc tối thượng chánh giác; ấy gọi là trang nghiêm đạo bồ đề.

Giới có ba loại : Thân giới, khẩu giới và ý giới.

Thọ trì về thân giới là thường xa lìa hành vi ác như sát sanh, trộm cắp và dâm dục; không giết hại thân mạng người và vật, không chiếm đoạt của cải ai, không xâm phạm đến ngoại sắc, cũng không tạo các nhờn duyên và phương tiện sát hại, trộm cắp và dâm dục, không dùng cây, gậy, gạch, đá làm thương tổn chúng sanh. Nếu là tài vật thuộc về của người, người ta thọ dụng, dầu là một cây cỏ, một ngọn lá, họ không cho là không nên lấy. Cũng không nên liếc nhìn nữ sắc. Ở trong bốn oai nghi đi, đứng, nằm, ngồi phải dịu dàng cẩn trọng, gọi là thân giới.

Hành trì khẩu giới là đoạn trừ tất cả lời nói dối, lời nói hai lưỡi, lời nói thô dữ, lời nói thù dết, thường không gạt găm, ly gián sự hòa hợp, phỉ báng, chê bai, trau chuốt giọng lưỡi và tạo những phương tiện xúc não đến người; nói phải thành thật, êm dịu, ngay thẳng và lợi ích, khuyến hóa mọi người quay về điều thiện, gọi là khẩu giới.

Hành trì ý giới là phải diệt trừ lòng tham lam, sân hận và tà kiến; thường giữ tâm chân chánh, tu tập đức từ bi, không gây các tội lỗi, tin chắc rằng đã gây ra tội nghiệp thế nào cũng bị quả báo xấu, nhờ sức tư duy ấy mà không tạo

các ác nhơn, đối với tội nhẹ tưởng như là rất nặng, dù cho việc làm lầm lẫn cũng rất sợ hãi ăn năn; không bao giờ khởi tâm sân hận đến với chúng sanh, thấy chúng sanh liền sanh tâm ái hộ, nhớ đến ân chúng sanh lòng mong đền đáp mà không tiếc lẫn vật gì, thường ưa thích làm các phước đức để giáo hóa mọi người, luôn luôn tu tập từ tâm lân mẫn đối với tất cả, gọi là ý giới.

Tu mười giới thiện nghiệp trên đây là sẽ có năm việc lợi ích: 1. chế phục được hành vi ác. 2. tạo nên những thiện tâm. 3. ngăn đón được các phiền não. 4. thành tựu được tịnh tâm. 5. tăng trưởng được giới hạnh. Nếu ai khéo tu hạnh bất phóng dật (không buông lung) giữ niệm chơn chánh phân biệt thiện ác, nên biết người đó quyết định đủ năng lực tu mười thiện nghiệp giới. Tám vạn bốn ngàn vô lượng giới phẩm thấy đều thâm nhiếp vào trong mười giới thiện nghiệp cả. Mười thiện nghiệp này là căn bản cho tất cả điều thiện, nó đủ năng lực đoạn trừ tội ác của thân, khẩu và ý, chế phục tất cả những pháp bất thiện, Cho nên, gọi là giới.

Giới có năm loại: 1. Giới Ba la đề mộc xoa (Tàu dịch là biệt giải thoát). 2. Giới định cộng (do tu thiền định mà không phạm các tội lỗi). 3. Giới vô lậu (do tu trí huệ vô lậu mà không phạm các tội lỗi). 4. Giới nhiếp căn (thâm nhiếp các căn mắt tai mũi lưỡi, không buông lung). 5. Giới vô tác (một lần thọ giới, vĩnh viễn không tạo tội, không thọ giới lần thứ hai, nên gọi là vô tác).

Trước giới đàn, do tam sư thất chứng bạch tứ kiết ma cầu xin lãnh thọ, gọi là giới ba la đề mộc xoa. Tu theo bốn thiền căn bản, bốn thiền vị đáo, gọi là giới định cộng. Do tu thiền định, phát sinh trí huệ vô lậu, gọi là giới vô lậu. Thâm nhiếp các căn giữ lòng chánh niệm, thấy, nghe, hay, biết đối với sắc, thanh, hương, vị, xúc không bị lôi cuốn quyến rũ, gọi là giới nhiếp căn. Dù bỏ thân mạng, quyết không gây các điều ác, gọi là giới vô tác.

Bồ tát tu tịnh giới không như Thanh văn, Độc giác, vì không chung cùng một giới, nên gọi là khéo trì giới. Vì khéo trì giới nên được lợi ích tất cả chúng sanh; vì từ tâm trì giới nên cứu hộ chúng sanh đều khiến an lạc; vì bi tâm trì giới, nhẫn thọ các khổ nên cứu vớt ách nạn cho tất cả; vì hỷ tâm trì giới, nên hoan hỷ tu điều thiện không bê trễ, biếng nhác; vì xả tâm trì giới, nên người oán kẻ thân đều bình đẳng, xả bỏ được lòng thương ghét; vì ân huệ bố thí mà trì giới, Cho nên, điều phục giáo hóa được chúng sanh; vì nhân nhục mà trì giới, nên lòng thường êm dịu, không còn sân hận; vì tinh tấn mà trì giới, nên nghiệp thiện mỗi ngày mỗi tăng trưởng không còn thoái lui; vì thiền định mà trì giới, nên xa lìa dục vọng không tốt, thiền quán được

lên cao; vì trí huệ mà trì giới, nên căn bản đa văn không bao giờ nhàm chán; vì thân cận thiện tri thức mà trì giới, nên giúp nhau chóng thành đạo vô thượng bồ đề; vì xa lìa ác tri thức mà trì giới, nên xả bỏ cảnh giới ba đường dữ và tám hoạn nạn.

Bồ tát tu hạnh trì giới thanh tịnh, không nương vào dục giới, không gần sắc giới, không trú trước vô sắc giới, gọi là giới thanh tịnh. Xả bỏ dục trần, diệt trừ sân nhuế ngu si, đánh tan vô minh chướng ngại, gọi là giới thanh tịnh. Không chấp trước những tướng giả danh của năm uẩn sắc, thọ, tưởng, hành, thức, gọi là giới thanh tịnh. Không bận tâm đến nguyên nhân đầu tiên, không sanh khởi các tà kiến, không còn ngờ vực, gọi là giới thanh tịnh. Không còn ba căn bản phiền não tham sân si, gọi là giới thanh tịnh. Không còn ngã mạn, kiêu mạn, tăng thượng mạn, mạn quá mạn và đại mạn, khiêm tốn thuận hòa, gọi là giới thanh tịnh. Không bị khen chê lợi hại khổ vui, thương ghét khiến động tâm chí, gọi là giới thanh tịnh. Không nhiễm giả danh hư vọng của thế tục mà thường tùy thuận chơn lý, gọi là giới thanh tịnh. Không bứt rứt, không nóng nảy, trầm lặng, vô tư, gọi là giới thanh tịnh. Tóm lại, cho đến không tiếc thân mạng, quán sát lẽ vô thường, sanh tâm nhàm chán, đồng mãnh, tinh tấn, chuyên tu thiện nghiệp, gọi là giới thanh tịnh.

Bồ tát Ma ha tát tu hạnh trì giới, vì xa lìa được vọng tưởng, nên không còn thấy lòng mình được thanh tịnh, mới gọi là trì giới ba la mật (trì giới cứu cánh).

---o0o---

PHẨM THỨ SÁU

NHÃN NHỤC BA LA MẬT

(Sàn đề ba la mật)

Bồ tát tu hạnh nhẫn nhục như thế nào ? Nếu vì tự lợi, lợi tha và cả hai điều lợi mà tu hạnh nhẫn nhục thì mới trang nghiêm được đạo bồ đề.

Bồ tát vì muốn điều phục chúng sanh làm cho đều xa lìa khổ não nên tu nhẫn nhục. Người tu nhẫn nhục, tâm thường khiêm nhường đối với tất cả chúng sanh, những hành vi tự đắc, kiêu mạn không còn tồn tại, thấy người thô ác thì khởi lòng lân mẫn, lời nói thường êm dịu để khuyến hóa mọi người tu theo điều thiện. Phân biệt giảng giải một cách rõ ràng sự sai khác tốt xấu

giữa quả báo sân hận và hòa nhẫn, gọi là bỏ tất sơ phát tâm tu hạnh nhẫn nhục. Vì tu nhẫn nhục mà xả bỏ tất cả các điều ác, nên thân tâm thường được an vui, như thế gọi là tự lợi. Cảm hóa chúng sanh khiến thấy đều hòa thuận, như thế gọi là lợi tha. Đem sự lợi ích của công phu tu vô lượng hạnh nhục của mình giáo hóa chúng sanh đều hưởng lợi lạc như mình, như thế gọi là cả hai đều lợi. Nhờ nhờ tu hạnh nhẫn nhục mà được thân hình đẹp đẽ. mọi người trông thấy sanh lòng tôn kính mến yêu, lần lượt sẽ được tướng đẹp thiện diệu như chư Phật, như thế gọi là trang nghiêm đạo bồ đề.

Nhẫn nhục có ba: nhẫn về thân, nhẫn về miệng và nhẫn về ý. Thế nào gọi là nhẫn về thân? Nếu gặp trường hợp bị người xâm phạm đánh đập gây thương tích đến thân thể, vẫn chịu đựng nhẫn nại không sân hận, thấy chúng sanh bị oai vũ bức bách khủng bố, mình đem thân thay thế mà không tránh trút sợ hãi, như thế gọi là nhẫn về thân. Thế nào gọi là nhẫn về miệng? Nếu nghe người chửi rủa mà mình vẫn thản nhiên im lặng không trả lời, bị la mắng một cách phi lý mà vẫn dùng lời dịu ngọt hòa thuận ứng đáp lại, bị phao vu nhục nhã làm cho dư luận chê bai xôn xao mà vẫn thản nhiên thọ được tất cả, như thế gọi là nhẫn về miệng. Thế nào gọi là nhẫn về ý? Thấy có người đối xử sân si với mình mà lòng vẫn không giận, bị người xúc náo một cách vô lý mà lòng vẫn bất động, bị hủy báng tàn tệ mà lòng vẫn không oán trách, như thế gọi là nhẫn về ý.

Ở đời bị đánh đập có hai loại: một là đánh phải, hai là đánh ngang trái. Nếu mình có tội lỗi, bị người hiềm khích đánh đập, ta nên nhẫn thọ như uống cam lồ và phải sanh lòng cung kính đối với người ấy. Vì sao? vì người ấy có lòng dạy dỗ điều phục ta, làm cho ta xa tránh được các tội lỗi. Nếu gặp trường hợp không phân biệt phải trái, bị xâm hại đánh đập một cách vô lý ngang ngược, thì nên suy nghĩ rằng ngày nay tuy ta vô tội nhưng biết đâu không vì túc nghiệp của đời quá khứ gây nên? Như vậy, cũng nên nhẫn nại. Lại nữa, nên suy nghĩ thêm rằng thân ta do bốn đại đất nước gió lửa và năm uẩn sắc-thọ-tướng-hành-thức cấu hợp giả dối tạo thành hoàn toàn vô ngã. Như thế, ai là người bị đánh? Lại nữa nên xem người đó như say, như điên, sanh lòng thương xót họ mới phải, sao lại không nhẫn nại?

Lại nữa, lời chửi mắng cũng có hai thứ: một là đúng hai là sai. Nếu mắng chửi mà đúng thì ta nên sanh lòng hổ thẹn cải tiến, còn mắng chửi không đúng thì có can hệ gì với ta? Mắng chửi không đúng cũng như tiếng vang, như gió thoảng, không tổn hại gì đến ta cả. Vậy nên cần nhẫn nại. Sự sân si cũng thế, người ta sân si với mình, mình nên nhẫn thọ, nếu mình sân si lại với người ta, vì sự sân si ấy, đời sau sẽ đọa vào ác đạo, chịu quả báo khổ não

vô lượng. Vì nhân duyên đó, nên dù thân ta có bị cắt xẻ phân ly cũng không nên sân hận, cần phải quan sát nhân duyên của nghiệp trước mà phát lòng từ bi thương xót tất cả. Cái khổ não nhỏ nhỏ như vậy mà mình chưa nhẫn nại được, thì làm thế nào tự điều phục được tâm mình, huống nữa là điều phục chúng sanh, khiến tất cả được giải thoát hết thảy các pháp mà thành tựu đạo quả vô thượng bồ đề.

Nếu là người trí ưa tu hạnh nhẫn nhục thì người ấy sẽ được dung nhan đẹp đẽ, giàu có của báu, ai trông cũng hoan hỷ kính phục. Lại nữa, quan sát những người thân hình tàn tật, nhan sắc xấu xí đui què mẽ sứt nghèo hèn thiếu thốn đều là kết quả của nhân duyên sân si gây nên. Vì những lý do đó, người có trí cần phải tu hạnh nhẫn nhục. Nhân duyên sanh trưởng nhẫn nhục có mười việc như sau:

1. Không còn thấy tướng ngã (ta) và vật sở hữu của ngã,
2. Không nhớ nghĩ đến dòng dõi,
3. Phá trừ các kiêu mạn,
4. Không báo thù điều ác,
5. Quán sát tướng vô thường,
6. Tu tập hạnh từ bi,
7. Tâm không buông lung,
8. Thản nhiên trước hoàn cảnh đói no, vui khổ,
9. Đoạn trừ sân hận,
10. Tu tập trí huệ,

Nếu người nào thành tựu được mười việc trên đây, nên biết người ấy tu tập được hạnh nhẫn nhục.

Bồ tát ma ha tát trong khi tu tập hạnh thanh tịnh nhẫn nhục rất ráo, nếu chứng nhập không, vô tướng và vô tác mà không cùng hòa hợp với kiến, giác, nguyện, tác và cũng không ý trước vào không, vô tướng, vô nguyện và

vô tác. Như vậy kiến, giác, nguyện, tác đều không. Nhẫn như vậy mới là nhẫn không hai tướng, gọi là nhẫn thanh tịnh rốt ráo.

Nếu chứng nhập cảnh giới hết kiết phược hoặc chứng nhập cảnh giới tịch diệt mà không cùng hòa hợp với cảnh giới hết kiết phược sanh tử và cũng không ý trước vào cảnh giới hết kiết phược tịch diệt như vậy các kiết phược sanh tử đều không, nhẫn như vậy là nhẫn không hai tướng, gọi là nhẫn thanh tịnh rốt ráo.

Nhẫn như vậy là thuộc về tánh nhẫn, mà đã là tánh thì không phải tự nhiên mà có, không phải do cái khác mà có, không phải hòa hợp (tự nhiên và cái khác) mà có, cũng không phải là không có, nó là bất khả phá hoại. Vì là bất khả phá hoại, nên nó là vô tận. Nhẫn như vậy là nhẫn không hai tướng, gọi là nhẫn thanh tịnh rốt ráo. Nhẫn ấy không còn có tác vi hay không tác vi, không chỗ ý trước, không phân biệt, không trang nghiêm, không tu trì, không tiên phát, hoàn toàn không tạo tác sanh khởi. Nhẫn như vậy gọi là "vô sanh nhẫn". Bồ tát trong khi tu hạnh nhẫn như thế, tức là đã được thọ ký nhẫn.

Bồ tát ma ha tát tu hạnh nhẫn nhục, vì không thấy có chúng sanh nên tánh tướng đều không. Như thế gọi là đầy đủ sàn đề ba la mật, cứu cánh nhẫn nhục.

---o0o---

PHẨM THỨ BẢY

TINH TẤN BA LA MẬT

Bồ tát tu hạnh tinh tấn như thế nào ?

Tinh tấn mà nếu vì tự lợi, lợi tha và tự tha đều lợi, như thế mới hay trang nghiêm được đạo bồ đề. Bồ tát sở dĩ tu hạnh tinh tấn là vì muốn thuyết phục chúng sanh làm cho xa lìa sự khổ não. Người tu hạnh tinh tấn không quản thời gian, luôn luôn siêng năng tu tập thực hành phạm hạnh thanh tịnh, xả bỏ biếng nhác, lòng không buông lung, đối với việc lợi ích, dù cho gian nan, lòng vẫn tinh tấn không bao giờ thôi lui. Thế mới gọi là sơ phát tâm tu hạnh tinh tấn của bồ tát. Vì tu tinh tấn nên được thiện pháp tối thượng nhiệm mầu ở thế gian và xuất thế gian, ấy gọi là tự lợi. Giáo hóa chúng sanh, làm cho mọi người phát tâm siêng năng tu thiện, gọi là lợi tha. Đem chánh nhơn tu tập đạo pháp bồ đề của mình, giáo hóa tất cả chúng sanh đều được lợi lạc

như mình, gọi là cả hai đều lợi. Nhơn tu hạnh tinh tấn mà thu hoạch được quả nhiệm màu, mỗi ngày càng tiến đến thanh tịnh, siêu việt các cấp bậc, địa vị, thăng tiến đến quả vị Toàn giác một cách mau chóng, ấy gọi là Bồ tát trang nghiêm đạo Bồ đề.

Tu hạnh tinh tấn có hai mục đích: 1. Vì cầu đạo vô thượng, 2. Vì muốn cứu độ tất cả chúng sanh đang đau khổ.

Muốn phát tâm tu hạnh tinh tấn, Bồ tát cần phải thành tựu mười điều tâm niệm sau đây: 1. Nhớ nghĩ Phật có vô lượng công đức. 2. Nhớ nghĩ chánh pháp là pháp giải thoát bất khả tư nghì. 3. Nhớ nghĩ chúng tăng là thanh tịnh vô nhiễm. 4. Nhớ nghĩ hạnh Đại từ là ban vui cho chúng sanh. 5. Nhớ nghĩ hạnh Đại bi là cứu khổ đau cho muôn loài. 6. Nhớ nghĩ chánh định là để khuyến khích chúng sanh ưa thích tu thiện. 7. Nhớ nghĩ chúng sanh đang mê theo tà định, khuyến khích quay trở về chánh pháp. 8. Nhớ nghĩ thương xót nỗi đau khổ đói khát của loài ngựa quý. 9. Nhớ nghĩ thương xót nỗi khổ đau của loài súc sanh. 10. Nhớ nghĩ thương xót cảnh nước lửa đau thương vô hạn của địa ngục. Đó là mười điều tâm niệm mà Bồ tát phải luôn nhớ nghĩ. Bồ tát còn phải ghi nhớ công đức của Tam bảo ta phải tu học, từ bi, chánh định, ta phải khuyến khích; những chúng sanh mê theo tà định và nỗi khổ của ba đường dữ địa ngục, ngựa quý, súc sanh ta phải cứu vớt. Bồ tát chuyên tâm suy nghĩ như vậy không xao lãng và ngày đêm phải siêng năng tu tập không ngừng, mới gọi là phát tâm chánh niệm tinh tấn.

Hạnh tinh tấn của Bồ tát lại còn có bốn việc cần làm theo. Nghĩa là tu hành theo bốn pháp chánh cần:

1. Những điều ác chưa sanh, ngăn ngừa đừng cho phát sanh.
2. Những điều ác đã sanh, phải liền trừ diệt
3. Những điều thiện chưa sanh, nên tìm cách làm cho phát sanh.
4. Những điều thiện đã sanh, nên cố gắng phát triển tăng tiến.

Bồ tát tu tập theo bốn pháp chánh cần như thế không dừng nghỉ, mới gọi là tu tinh tấn. Sự tinh tấn như thế có công năng phá hoại tất cả những chủng tử phiền não và được tăng trưởng chánh nhơn vô thượng Bồ đề. Bồ tát nếu đủ năng lực chịu đựng tất cả các khổ não về tâm hồn cũng như thể xác, chỉ vì muốn đem lại an lạc cho tất cả chúng sanh, nên không từ mệt nhọc, ấy gọi là tinh tấn.

Bồ tát xa lìa sự tinh tấn tà vạy siểm khúc tội ác để tu hành tinh tấn chơn chánh, nghĩa là tu theo chánh tín, bố thí, nhẫn nhục, thiền định, trí huệ, từ, bi, hỷ, xả, đã tu, đang tu và sẽ tu, thành tâm chuyên chú thường xuyên dừng tiến không ân hận, đối với các thiện pháp và sự cứu khổ cho chúng sanh, như cứu lửa cháy trên đầu, lòng không thoái khuất, ấy gọi là tinh tấn ba la mật.

Bồ tát tuy không tiếc thân mạng, nhưng vì cứu độ chúng sanh và truyền bá chánh pháp, nên cần phải bảo trọng giữ đúng oai nghi và thường tu thiện pháp, tâm không giải đãi, dù mất thân mạng cũng không bỏ chánh pháp. Ấy gọi là bồ tát thực hành tinh tấn, tu đạo bồ đề. Những người giải đãi, không thể nhất thời mà bố thí tất cả, cũng không thể trì giới, nhẫn nhục đối với khổ não mà siêng năng tinh tấn, thâm nhiếp thân tâm, nhớ nghĩ đến thiền định và phân biệt được thiện hay ác. Vậy nên nói rằng sáu pháp Ba la mật là nhờ có tinh tấn mới phát triển lớn lao. Nếu Bồ tát ma ha tát tu hạnh tinh tấn phát triển mạnh mẽ thời được mau chóng chúng đạo quả A nậu đa la Tam miệu Tam bồ đề (Vô thượng chánh đẳng chánh giác = Phật đà).

Bồ tát khởi tâm tu hạnh tinh tấn là vì phát tâm đại trang nghiêm, lại còn có bốn việc:

- 1- Phát đại trang nghiêm,
- 2- Tích tập dũng kiện,
- 3- Tu các thiện căn,
- 4- Giáo hóa chúng sanh.

Thế nào gọi là Bồ tát phát đại trang nghiêm? Bồ tát phát tâm chịu đựng tất cả sự khổ đau trong đường sống chết không kể đến số kiếp, dù phải trải qua vô lượng vô biên trăm ngàn muôn ức na do tha hằng hà sa a tăng kỳ kiếp mới được thành Phật lòng vẫn không chán nản mệt nhọc biếng nhác, gọi là đại trang nghiêm tinh tấn.

Thế nào gọi là tích tập dũng kiện? Bồ tát tích tập dũng mãnh thường hành tinh tấn. Giả như lửa dữ đây đây cả tam thiên đại thiên thế giới, chỉ vì muốn thấy Phật, muốn nghe chánh pháp, muốn hướng dẫn và điều phục chúng sanh an trú vào thiện pháp mà cần phải đi qua đường lửa ấy do vì lòng từ bi thúc đẩy nên thề quyết vượt qua không quản sự thiêu đốt khổ sở, ấy gọi là dũng kiện tinh tấn.

Thế nào gọi là tu các thiện căn? Bồ tát chỉ muốn tu tập thiện căn nên khởi tâm tinh tấn, vì muốn thành tựu quả vị Nhất thiết trí nên đem tất cả thiện căn đã gieo trồng thấy đều hồi hướng về đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác, ấy gọi là tu tập thiện căn tinh tấn.

Thế nào gọi là giáo hóa chúng sanh? Nghĩa là Bồ tát khi phát tâm khởi hạnh tinh tấn để giáo hóa chúng sanh, thì nên biết các tâm chúng sanh không thể kể xiết, thật là vô biên rộng rãi như hư không. Bồ tát lập thế nguyện, ta sẽ cứu độ hết tất cả chúng sanh không bỏ sót một loài nào. Bồ tát sở dĩ chuyên cần tu hành tinh tấn là chỉ vì giáo hóa chúng sanh ấy mà thôi. Như thế gọi là tinh tấn giáo hóa chúng sanh.

Nói tóm lại, sở dĩ Bồ tát khởi tâm tinh tấn tu hành công đức mục đích là giúp cho sự tu hành Phật pháp thành tựu trí huệ vô thượng. Công đức của chư Phật vô lượng vô biên, nên Bồ tát ma ha tát phát tâm đại trang nghiêm tu hạnh tinh tấn cũng vô lượng vô biên.

Bồ tát ma ha tát tu hạnh tinh tấn không rời tâm từ chỉ vì cứu thoát sự khổ cho chúng sanh. Như thế mới cụ túc tinh tấn ba la mật.

---o0o---

PHẨM THỨ TÁM

THIÊN BA LA MẬT

Thế nào là tu tập thiên định ?

Tu tập thiên định, nếu vì tự lợi, lợi tha và tự tha đều lợi, thiên định như thế mới trang nghiêm được đạo Bồ đề. Bồ tát sở dĩ tu tập thiên định là vì muốn điều phục chúng sanh, khiến chúng sanh xa lìa khổ não. Người tu tập thiên định khéo thâm nhiếp lòng mình, hết thấy loạn tướng không cho quấy động. Đi đứng nằm ngồi, luôn luôn giữ gìn chánh niệm, ngược xuôi quán sát, từ đầu đến cổ, xương sống, cánh tay, ngực, bụng, hông, rún, bàng quang, bắp vế, đầu ống chân, gối, bàn chân, hơi thở ra vào, tuần tự rõ ràng không còn chao động. Như vậy gọi là Bồ tát bắt đầu tu tập định tâm.

Nhờ tu định tâm nên không thọ các điều ác, mà tâm thì được thường vui vẻ; như vậy gọi là tự lợi. Giáo hóa chúng sanh, khiến chúng sanh tu tập chánh niệm; như vậy gọi là lợi tha. Đem pháp tam muội thanh tịnh đã lìa khỏi ác

giác ác quán của mình đã tu tập được mà hóa độ chúng sanh, khiến chúng sanh cũng đồng được lợi như mình; như vậy gọi là tự tha đều lợi.

Nhân tu thiên định, thu hoạch được tám món giải thoát, cho đến Thủ lạng nghiêm, Kim cang tam muội; như vậy gọi là trang nghiêm đạo Bồ đề.

Thiên định sanh ra là nhờ có ba pháp: một là văn huệ, hai là tư huệ, ba là tu huệ. Nhờ thực hành ba pháp ấy mà lần lần phát sanh hết thảy tam muội.

Thế nào gọi là Văn huệ ?

Như đối với giáo pháp đã được nghe sanh tâm ưa thích. Lại phải như thế này: Tất cả các Phật pháp như vô ngại, giải thoát v.v... cần phải nghe nhiều mới được thành tựu. Có được quan niệm như thế thời bất cứ lúc nào cũng học chánh pháp, lòng mình cũng càng thêm tinh tấn, ngày đêm thường thích nghe chánh pháp, không khi nào nhàm chán. Như vậy gọi là Văn huệ.

Thế nào gọi là Tư huệ ?

Suy nghĩ quan sát hết thảy các pháp đúng như thật tướng. Đúng như thật tướng nghĩa là các pháp hữu vi đều vô thường, khổ, không, vô ngã và bất tịnh. Chúng vốn niệm niệm sanh diệt, tồn tại không lâu và rất chóng hư hoại. Chúng sanh không biết như thế để lòng bị trói buộc trong yêu ghét cầu lo theo các pháp ấy, chỉ vì lửa tham, sân, si thiêu đốt khiến tăng trưởng thêm nhiều khổ não, chông chất cho kiếp sống vị lai. Nếu biết được rằng các pháp hữu vi chỉ là huyễn hóa không có thật tánh, thời đối với bất cứ pháp hữu vi nào, lòng mình cũng sanh nhàm chán, xa lìa càng thêm tinh tấn và xu hướng về trí huệ Phật. Xu hướng về trí huệ Phật bằng cách tư duy: trí huệ ấy bất khả tư nghì không thể đo lường, trí huệ ấy có một đại thế lực không ai hơn nổi. Nhờ tư duy như thế mà tự xây dựng được cho mình một thành trì an ổn lớn lao, khiến tâm không lo sợ, không thôi chuyển, lại cứu độ được vô lượng chúng sanh khổ não. Biết và thấy trí huệ Phật vô lượng như thế, thấy các pháp hữu vi vô lượng như thế, chí nguyện cầu vô thượng đại thừa mới càng phấn chấn thêm lên. Như vậy gọi là Tư huệ.

Thế nào gọi là Tu huệ ?

Từ khi bắt đầu quán sát cho đến khi đạt được quả vị A nậu đa la tam miệu tam bồ đề , gọi là Tu huệ .

1. Bắt đầu xa lìa các pháp bất thiện về dục giới, còn có giác, có quán ly sanh hỷ lạc, đi vào định sơ thiền.

2. Diệt hết giác và quán, bên trong được tâm thanh tịnh duy nhất, không còn giác và quán nữa nhờ thiền định và hỷ lạc, tức đi vào định nhị thiền.

3. Muốn xa lìa tâm hỷ lạc thô trọng nên tu hành xả; thân tâm an hưởng niềm vui tế nhị không thể mô tả, các bậc hiền thánh có nói ra cũng xả bỏ. Thường niệm tho lạc, tức đi vào định tam thiền.

4. Đoạn hết khổ và lạc, trước hết phải diệt sạch niệm mừng và lo, không còn khổ, không còn lạc, tu theo niệm hành xả được thanh tịnh, tức đi vào định tứ thiền.

5. Vượt qua hết thấy sắc tướng; diệt trừ hết thấy các tướng đối đãi; không nhớ nghĩ hết thấy các tướng sai biệt; thấy được hư không vô biên, tức đi vào định sắc vô hư không.

6. Vượt qua hết thấy các tướng hư không, đến một cõi không còn thức nữa, tức đi vào định thức vô sắc.

7. Vượt qua hết thấy thức tướng, đến một cõi không còn sở hữu nữa, tức đi vào định vô sắc vô sở hữu.

8. Vượt lên một tầng qua các cõi vô sở hữu, đến một cõi không còn tướng hay phi tướng; an ổn trong cõi ấy tức đi vào định phi tướng phi phi tướng.

Trải qua các giai đoạn tu định trên đây, hành giả chỉ tùy thuận tu hành theo các pháp, tâm không đắm trước sự an vui của thiền định mà chỉ quyết cầu nguyện đạt đến vô thượng thừa để hoàn thành quả tối chánh giác. Như vậy gọi là Tu huệ.

Bồ tát theo ba pháp Văn huệ, Tư huệ và Tu huệ mà tinh tấn điều nhiếp lòng mình, thời thành tựu được "Thông minh tam muội" tức là Thiền Ba la mật.

Lại nữa, Bồ tát tu định còn phải thực hành thêm mười pháp không chung với hàng Thanh văn và Bích chi Phật. Mười pháp ấy là những pháp nào?

1. Tu thiền định vì muốn đủ các thiền định của Phật trước hết phải dẹp bỏ ngã chấp riêng biệt.

2. Tu thiền định vì muốn xả bỏ tâm ô nhiễm, không cầu vui riêng cho mình nên không say đắm cảnh vui trong thiền định.
3. Tu thiền định vì muốn biết tâm hạnh của chúng sanh nên đầy đủ các hạnh nghiệp thân thông.
4. Tu thiền định vì muốn độ thoát chúng sanh nên cần phải biết tâm niệm của chúng sanh.
5. Tu thiền định vì muốn dứt trừ sự phiền não ràng buộc cho chúng sanh nên phải tu hạnh đại bi.
6. Tu thiền định vì muốn thiện xảo thấy biết sự nhập định, xuất định vượt ngoài tam giới, nên phải tu hết các thiền tam muội.
7. Tu thiền định vì muốn đầy đủ tất cả các thiện pháp, nên thường được tự tại.
8. Tu thiền định vì muốn thắng hơn các thiền tam muội của nhị thừa nên tâm thường vắng lặng.
9. Tu thiền định vì muốn thoát ngoài thế gian đến bờ cứu cánh nên thường trau dồi trí huệ.
10. Tu thiền định vì muốn hưng thịnh tam bảo khiến không đoạn tuyệt, nên thường tuyên dương chánh pháp.

Mười loại thiền định như vậy, không chung cùng với hàng Thanh văn và Bích chi Phật.

Lại nữa, để biết tâm phiền não của hết thảy chúng sanh cho nên tu tập các pháp thiền định, giúp thành tâm an trú, khiến thiền định ấy an trú trong tâm bình đẳng; vì thế nên gọi là Định.

Các loại thiền định bình đẳng như thế, thời bình đẳng với không, vô tướng, vô nguyện, vô tác. Không, vô tướng, vô nguyện, vô tác bình đẳng thời chúng sanh bình đẳng. Chúng sanh bình đẳng thời các pháp bình đẳng. Vào trong chỗ bình đẳng như thế cho nên gọi là Định.

Lại nữa, Bồ tát tuy hành động thiệp thế nhưng không nhiễm theo đời. Bồ tát bỏ đời bước vào chánh pháp, cắt đứt sợi dây trói buộc, xa lìa những cảnh

huyền não, ưa thích nơi vắng lặng. Tu hành thiền định như vậy, nên tâm Bồ tát an ổn bình lặng, luôn luôn xa lìa mọi tác động phiền não của thế gian.

Lại nữa, Bồ tát thiền định, có đầy đủ thông trí và phương tiện huệ.

Thế nào gọi là thông trí?

Hoặc được thấy sắc tướng, hoặc nghe được âm thanh, hoặc biết được tha tâm, hoặc nhớ được quá khứ, hoặc soi khắp được các thế giới chư Phật, như vậy gọi là Thông. Còn nếu biết sắc tướng tức là pháp tánh, nếu biết rõ âm thanh là do tác động của tâm, nếu thấu suốt tánh tướng đều tịch diệt, ba đời thấy bình đẳng, nếu rõ các cõi Phật đồng với tướng hư không mà không bao giờ thiên về diệt tận; như vậy gọi là Trí.

Thế nào gọi là phương tiện huệ?

Khi vào thiền định, khởi đại từ bi, không xả bỏ thế nguyện, tâm rắn như kim cương, quán sát thế giới chư Phật trang nghiêm Bồ đề đạo tràng; như vậy gọi là Phương tiện. Bây giờ, tâm ấy vĩnh viễn vắng lặng, không còn tướng ngã và tướng chúng sanh, tư duy các pháp bản tánh vốn bất loạn, thấy thế giới chư Phật đồng với hư không, quán đạo tràng đồng với trang nghiêm đồng với tịch diệt; như vậy gọi là Huệ.

Các pháp tu như thế gọi là pháp tu thiền định thông trí và phương tiện sai biệt của Bồ tát. Thực hành một loạt tất cả bốn việc ấy, tức là đã gần được A nậu đa la Tam miệu Tam bồ đề.

Bồ tát tu hành thiền định, vận dụng pháp bất động nên không còn sót lại các tâm. Như vậy tức là đã hoàn thành đầy đủ các pháp Thiên na Ba la mật.

---o0o---

PHẨM THỨ CHÍN

BÁT NHÃ BA LA MẬT

Thế nào gọi là Bồ tát tu tập trí huệ ? Tu tập trí huệ, nếu vì tự lợi, lợi tha và tự tha đều lợi, trí huệ như thế mới hay trang nghiêm được đạo Bồ đề. Bồ tát sở dĩ tu tập trí huệ là vì muốn điều phục tất cả chúng sanh khiến xa lìa khổ não. Người tu tập trí huệ phải học tất cả công việc trong thế gian, dứt trừ tham sân si và tô bồi từ tâm. Thương xót và làm lợi ích cho tất cả chúng sanh.

Thường suy nghĩ, tìm phương tiện làm người hướng dẫn, cứu giúp cho tất cả; hay phân biệt, thuyết minh tà đạo, chánh đạo, thiện báo, ác báo. Như vậy gọi là Bồ tát sơ phát tâm tu trí huệ.

Vì tu tập trí huệ mà xa lìa được vô minh, diệt trừ được chướng ngại phiền não và chướng ngại trí huệ, như thế gọi là tự lợi. Giáo hóa chúng sanh khiến được điều phục, gọi là lợi tha. Đem phương pháp tu hành cầu đạo vô thượng bồ đề của mình, giáo hóa cho tất cả chúng sanh, khiến đồng được lợi lạc như mình, ấy gọi là tự, tha đều lợi. Nhơn tu tập trí huệ nên được chứng quả từ sơ địa cho đến trí huệ bát nhã, như vậy gọi là trang nghiêm đạo bồ đề.

Bồ tát tu hành trí huệ lần lượt xây dựng hai mươi tâm sau đây:

1. Tâm xa lìa kiêu mạn và buông lung.
2. Tâm tùy thuận lời dạy bảo và thích nghe chánh pháp.
3. Tâm nghe chánh pháp say sưa không chán và luôn luôn suy nghiệm nghĩa lý.
4. Tâm thật hành bốn phạm hạnh và tu tập chánh trí.
5. Tâm quán pháp bất định và nhằm chán xa lìa.
6. Tâm quán bốn đế và mười sáu thánh tâm.
7. Tâm quán mười hai nhân duyên và tu pháp minh huệ.
8. Tâm nghe các pháp ba la mật suy nghĩ muốn tu tập.
9. Tâm quán các pháp là vô thường, khổ, không, vô ngã, tịch diệt.
10. Tâm quán không, vô nguyện, vô tác.
11. Tâm quán âm, nhập, giới là nhiều tội lỗi.
12. Tâm hàng phục phiền não như là bạn lành.
13. Tâm giữ gìn các thiện pháp như là bạn ác.
14. Tâm đè nén các ác pháp khiến đều đoạn diệt.

15. Tâm tu tập chánh pháp khiến càng tăng trưởng.
16. Tâm tuy tu theo pháp nhị thừa nhưng thường xa lìa.
17. Tâm nghe Bồ tát tạng ưa thích phụng hành.
18. Tâm tự lợi lợi tha, tùy thuận tăng tiến các thiện nghiệp.
19. Tâm tu trì hạnh chơn thật tham cầu tất cả Phật pháp.
20. Tâm phát sanh ưa thích việc thiện, gần gũi những bạn lành.

Thứ lại, Bồ tát tu hạnh trí huệ có mười thiện tư duy tâm, mười pháp này không cùng chung với hàng Thanh văn và Bích chi Phật. Mười tư duy tâm là:

1. Suy nghĩ phân biệt căn bản định, huệ.
2. Suy nghĩ không bỏ hai biên kiến : đoạn, thường.
3. Suy nghĩ như duyên sanh khởi các pháp.
4. Suy nghĩ không có tướng chúng sanh, ngã, như, thọ, mạng.
5. Suy nghĩ không có pháp ba đời qua lại và dừng nghỉ.
6. Suy nghĩ không có phát hành mà không đoạn như quả.
7. Suy nghĩ các pháp là không mà vẫn siêng năng gieo trồng việc lành.
8. Suy nghĩ vô tướng mà không bỏ phế việc cứu độ chúng sanh.
9. Suy nghĩ vô nguyện mà vẫn không xa bỏ chí cầu đạo Bồ đề.
10. Suy nghĩ vô tác mà không bỏ sự hiện thọ thân.

Thứ lại, Bồ tát tu hạnh trí huệ có mười hai pháp thiện nhập pháp môn. Mười hai pháp ấy là:

1. Thiện nhập các pháp tam muội: không, vô tác, vô nguyện v.v... mà không đắm trước quả chứng.

2. Thiện nhập các pháp thiên tam muội mà không chướng ngại vì thiên.
3. Thiện nhập các thông trí mà không chứng pháp vô lậu.
4. Thiện nhập pháp nội quán mà không chứng quyết định.
5. Thiện nhập quán sát tất cả chúng sanh là không tịch, nhưng không bỏ lòng đại từ.
6. Thiện nhập quán sát tất cả chúng sanh là vô ngã mà không bỏ lòng đại bi.
7. Thiện nhập sanh vào các ác thú mà không phải vì nghiệp buộc.
8. Thiện nhập pháp ly dục mà không chứng pháp ly dục.
9. Thiện nhập xả bỏ những dục lạc mà không xả pháp lạc.
10. Thiện nhập xả bỏ tất cả cảm giác hý luận mà không bỏ các quán phương tiện.
11. Thiện nhập suy lường các pháp hữu vi là tội lỗi, mà không bỏ pháp hữu vi.
12. Thiện nhập pháp vô vi là thanh tịnh viển ly, mà không trú trước vô vi.

Bồ tát khéo léo tất cả các pháp môn thiện nhập tức là hiểu rõ được ba đời là không, không có sở hữu. Nếu quán sát như thế là nhờ sức trí huệ mà quán sát ba đời là không vậy. Nếu đem vô lượng công đức đã gieo trồng trong ba đời chư Phật đều hồi hướng về đạo vô thượng Bồ đề, như vậy gọi là Bồ tát dùng phương tiện khéo léo quán sát ba đời.

Lại nữa, tuy hiểu rõ cùng tận các pháp quá khứ đến vị lai, mà thường tu thiện căn tinh tấn không giải đãi, quán sát các pháp vị lai tuy là chưa đến, mà không rời tinh tấn, nguyện hướng đến quả Bồ đề, quán sát các pháp hiện tại tuy mỗi niệm mỗi niệm tiêu diệt không ngừng, nhưng tâm không xu hướng bồ đề. Như vậy gọi là Bồ tát dùng phương tiện khéo léo quán sát ba đời. Quá khứ đã diệt, vị lai chưa đến, hiện tại không ngừng, tuy như vậy quán sát tâm vương tâm sở sanh diệt tan hoại, mà thường không bỏ sự chứa nhóm căn lành để trợ giúp cho pháp bồ đề. Đó gọi là Bồ tát dùng phương tiện khéo léo quán sát trong ba đời.

Lại nữa, Bồ tát quán sát tất cả các pháp thiện, bất thiện, ngã, vô ngã, thật, không thật, không, chẳng phải không, thế đế, chơn đế, chánh định, tà định, hữu vi, vô vi, hữu lậu, vô lậu, hắc pháp, bạch pháp, sanh tử, niết bàn, như tánh của pháp giới, là nhất tướng, vô tướng, trong ấy không có một pháp gì có thể gọi là vô tướng, cũng không có một pháp gì cho là vô vô tướng. Như vậy gọi là nhất thể pháp ấn, bất khả hoại ấn, ở trong ấn ấy cũng không có tướng ấn. Được như vậy gọi là chơn thật trí huệ phương tiện Bát nhã Ba la mật. Bồ tát Ma ha tát phát tâm bồ đề nên như thế mà tu học, nên như thế mà hành trì, hành trì được như thế mới gần gũi được đạo quả vô thượng bồ đề. Bồ tát Ma ha tát tu hạnh trí huệ an tâm bất động, pháp tánh thanh tịnh. Như vậy là đầy đủ Bát nhã Ba la mật.

---o0o---

PHẨM THỨ MƯỜI

PHÁP MÔN NHƯ THẬT

Nếu thiện nam, tín nữ nào tu tập sáu phép ba la mật, cầu đạo vô thượng chánh đẳng chánh giác thì phải xa lìa bảy pháp sau đây:

1. Xa lìa ác tri thức. Ác tri thức hay khuyên người bỏ mất đức chánh tín, lòng mong muốn và sức tinh tấn tối thượng chân chánh, để chạy theo dục vọng
2. Xa lìa nữ sắc, không tham đắm dục lạc và những tập tục theo thói đời.
3. Xa lìa ác giác. Ác giác là cảm giác sai lầm; tự quán hình dung, sanh tâm tham ái, luyến tiếc, chấp đắm và cho rằng có thể bảo tồn trường cửu.
4. Xa lìa sân nhuế, tàn bạo, kiêu căng, ganh ghét, khơi dậy sự tranh tụng, làm rối loạn thiện tâm.
5. Xa lìa sự buông lung, kiêu mạn, biếng nhác, tự ý có chút tiểu xảo khinh miệt kẻ khác.
6. Xa lìa sách luận ngoại đạo và những văn chương thù dật giả dối của thế tục, không nên tán tụng những lời không phải Phật dạy.
7. Không nên thân cận những kẻ tà kiến, ác kiến.

Bảy pháp kể trên Bồ tát phải nên xa lìa. Phật dạy: không thấy còn có pháp gì chướng ngại Phật đạo bằng bảy pháp trên, Cho nên, Bồ tát cần phải xa lìa.

Nếu muốn chóng đạt vô thượng bồ đề, nên tu bảy pháp sau đây:

1. Bồ tát cần phải thân cận thiện tri thức. Thiện tri thức là chư Phật, bồ tát, hoặc hàng thanh văn có công năng khiến Bồ tát an trú thâm nhập pháp tạng và các pháp ba la mật, gọi là bồ tát Thiện tri thức.

2. Bồ tát nên thân cận người xuất gia, cũng nên thân cận pháp a lan nhã, lánh xa nữ sắc và các thị dục, không cùng với người đời làm những điều tục lụy.

3. Bồ tát nên tự quán sát hình hài như đất, phân chứa đầy ô uế, phong đàm, nhiệt huyết, không nên tham đắm, nay còn mai mất mỗi ngày bước gần đến cửa chết, nghĩ thế mà nhàm chán cảnh vô thường, lo siêng năng tu đạo.

4. Bồ tát thường tu hạnh nhu hòa, nhẫn nhục, thuận thảo, cung kính và khuyên người khác cũng tu những pháp ấy.

5. Bồ tát nên tu hành tinh tấn, thường biết tầm quý, cung kính, phụng thờ sư trưởng, thân cận, xót thương những kẻ bần cùng; thấy người nguy khốn, đem thân mình thay thế.

6. Bồ tát cần phải tu tập Phương đẳng đại thừa bồ tát tạng và thọ trì đọc tụng những pháp Phật thường khen ngợi.

7. Bồ tát phải tu tập đệ nhất nghĩa đế (chơn lý tuyệt đối) nghĩa là thật tướng, nhất tướng, vô tướng.

Nếu Bồ tát muốn mau được quả vị vô thượng bồ đề phải luôn luôn thân cận thực hành bảy pháp nói trên.

Lại nữa, nếu người phát tâm bồ đề mà lại đem tâm hữu sở đắc trong vô lượng a tăng kỳ kiếp tu tập từ, bi, hỷ, xả, bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, nên biết người đó không thể lìa sanh tử cũng không đến được bồ đề. Vì sao? Vì có tâm sở đắc và các kiến chấp về sở đắc, kiến chấp ngũ ấm, thập nhị nhập, thập bát giới, kiến chấp ngã, kiến chấp Nhơn, kiến chấp chúng sanh, kiến chấp thọ mạng, kiến chấp từ, bi, hỷ, xả, bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ. Tóm lại, có kiến chấp Phật pháp, tăng và kiến chấp niết bàn. Có những kiến chấp hữu sở đắc như thế tức là có tâm chấp trước, tức là tà kiến. Mà người tà kiến thì hằng bị luân

chuyển trong tam giới khó giải thoát được. Người chấp trước cũng khó được giải thoát. Cuối cùng không thể chứng được vô thượng chánh đẳng bồ đề.

Ngược lại, nếu người phát tâm bồ đề phải nên quán xét tâm ấy là không tướng. Tâm ấy là gì? Và tại sao gọi là không tướng?

Tâm gọi là ý thức, tức là thức ấm, ý nhập và ý giới. Tâm không tướng là tâm không tướng tâm, cũng không tác giả. Vì sao? Vì tâm ấy thật tướng là không, không có tạo tác, không có sự sai sử tác giả. Nếu không tác giả thì làm gì có tác tướng. Nếu bồ tát hiểu rõ các pháp như thế thì đối với tất cả các pháp không còn chấp trước. Vì không chấp trước nên đối với các pháp thiện, ác, hiểu rõ, không bị quả báo, với các công đức tu tập lòng từ, tuyệt đối không còn ngã kiến; đức bi, tuyệt đối không còn chúng sanh kiến; đức hỷ, tuyệt đối không có thọ mạng kiến; đức xả, tuyệt đối không có nhơn kiến. Tuy thật hành bố thí, không thấy vật bố thí; tuy thật hành trì giới, không thấy tâm thanh tịnh; tuy thật hành nhẫn nhục, không thấy có chúng sanh; tuy thật hành tinh tấn, không thấy có tâm ly dục; tuy thật hành thiền định, không tâm trừ ác; tuy thật hành trí huệ, tâm an bất động. Đối với mười duyên đầu là trí huệ mà không chấp trước trí huệ, không sở đắc trí huệ, không thấy có trí huệ. Hành giả tu hành trí huệ như thế mà không thấy có chỗ tu, cũng không phải không tu. Vì hóa độ chúng sanh nên thị hiện thực hành lục độ mà thật ra trong tâm thường thanh tịnh.

Hành giả khéo léo tu tập tâm niệm như thế, trong một khoảnh khắc gieo trong thiện căn, thì phước đức quả báo vô lượng vô biên, trăm ngàn vạn ức a tăng kỳ kiếp không thể cùng tận, tự nhiên được gần đạo quả A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

---o0o---

PHẨM MƯỜI MỘT

KHÔNG VÔ TƯỚNG

Một hôm, đức Phật cùng đại chúng đông đảo vân tập tại rừng trúc Ca lan đà.

Bấy giờ Đức Thế Tôn ban dạy chánh pháp, bảo Đại chúng rằng: "Nhu lai nói các pháp là vô tánh, không, không sở hữu. Tất cả thế gian khó hiểu và khó tin điều ấy. Vì sao? Vì sắc, không buộc không mở. Thọ, tướng, hành, thức cũng không buộc không mở. Sắc vô tướng, lìa các tướng; thọ, tướng, hành, thức cũng vô tướng, lìa các tướng. Sắc vô niệm, lìa các niệm; thọ, tướng,

hành, thức cũng vô niệm, lia các niệm. Mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân tiếp xúc, ý đối với pháp trần cũng đều như thế cả; không thủ, không xả, không nhiếp, không sạch, không khứ, không lai, không mặt, không trái, không tối, không sáng, không ngu si, không trí huệ, không bờ bên này, không bờ bên kia và cũng không phải giữa dòng, ấy gọi là không trói buộc. Vì không trói buộc cho nên gọi là không. Không ấy gọi là vô tướng. Vô tướng ấy cũng không, mới gọi là không. Không ấy gọi là vô niệm. Vô niệm ấy cũng không, mới gọi là không. Trong cái "không" ấy, không thiện, không ác, cho đến cái tướng "không" cũng không, Cho nên, gọi là không. Bồ tát nếu rõ ngũ ấm, thập bát giới, lục nhập, tánh của nó là như thế, tức không còn chấp trước, bảo thủ, gọi là pháp nhãn. Bồ tát nhờ pháp nhãn này mà được thọ ký nhãn."

Các Phật tử! Ví như có người viết lên giữa hư không, viết đủ mười hai bộ kinh của Phật. Trải qua vô lượng kiếp, Phật pháp đã diệt hết. Những người cầu chánh pháp hoàn toàn không thấy nghe gì cả, nên chúng sanh điên đảo, tạo ra vô biên ác nghiệp. Thì có một người trí huệ thanh tịnh ở phương khác đến, vì thương xót chúng sanh, cùng khắp tìm cầu Phật pháp, đi đến chỗ ấy thấy giữa hư không có chữ, văn tự rõ ràng, liền biết đó là Phật pháp, nên đọc tụng, thọ trì, y pháp tu hành và phân biệt quảng diễn lợi ích cho tất cả chúng sanh. Người viết giữa hư không và người biết chữ giữa hư không ấy khó mà nghĩ bàn được, huống nữa còn thọ trì, tu tập và đem truyền bá hướng dẫn chúng sanh khiến xa rời triền phược?

Lại nữa, Đức Phật dạy rằng: Về đời quá khứ, khi Ngài cầu đạo Bồ đề, được gặp 3.298.000 đức Phật, thời ấy Ngài đều làm chuyển luân thánh vương, dùng đủ tất cả các sự vui sướng cúng dường chư Phật và hàng chúng tăng, nhưng vì có tâm sở đắc nên không được thọ ký. Về sau tiếp tục, lại gặp được tám vạn bốn ngàn Bích chi Phật, cũng trọn đời đem tứ sự cúng dường. Sau đó lại gặp 6 201 261 đức Phật nữa, Ngài vẫn làm chuyển luân thánh vương cũng đem tất cả các sự vui sướng, trọn đời cúng dường. Khi chư Phật diệt độ, lại xây tháp bằng bảy thứ báu để cúng dường xá lợi. Sau lại có Phật ra đời, Ngài vẫn cung phụng nghinh tiếp, ân cần khuyến thỉnh chuyển đại pháp luân. Liên tiếp cúng dường như thế, trải qua trăm ngàn vạn ức chư Phật. Các đức Phật ấy đều ở trong pháp không mà nói ra các pháp tướng, nhưng vì còn có tâm sở đắc, Cho nên, Ngài vẫn không được thọ ký.

Cứ lần lượt như thế cho đến khi gặp được đức Phật Nhiên Đăng ra đời, thấy Phật, nghe pháp mới chứng được nhất thiết vô sanh pháp nhãn. Được vô sanh pháp nhãn ấy rồi mới được thọ ký.

Đức Phật Nhiên Đăng cũng ở trong pháp không nói ra các pháp tướng, độ thoát vô lượng trăm ngàn chúng sanh mà không thấy mình có nói pháp, cũng không thấy có độ sanh.

Đức Phật Thích ca Mâu ni ra đời, cũng ở trong pháp không mà nói ra văn tự để khai thị chánh giáo, lợi lạc chúng sanh, khắp nơi đều được lãnh thọ tu hành, nhưng cũng không thấy có người hóa độ và người được độ. Nên biết pháp ấy, tánh, tướng, hoàn toàn không tịch, người viết cũng không, người biết cũng không, người nói cũng không, người hiểu cũng không, từ trước đến sau vốn không, về sau cũng không, hiện tại cũng chẳng có. Nhưng các hàng bồ tát nhờ sức phương tiện tinh tấn không ngừng tích tập muôn hạnh, công đức viên mãn, được chứng quả A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, điều ấy thật vô cùng khó khăn, không thể nghĩ bàn. Ở trong vô đắc, nói ra pháp hữu sở đắc, sự việc như thế là cảnh giới của chư Phật, phải dùng vô lượng trí mới hiểu được, chớ không phải dùng tâm phân biệt mà có thể hiểu thấu.

Bồ tát mới phát tâm, phải thành tâm kính ngưỡng ưa thích bồ đề, tin theo lời Phật dạy, dần dần mới được thâm nhập.

Phải tin như thế nào ?

Phải tin rằng quán tứ đế sẽ diệt trừ được các phiền não vọng kiến ràng buộc, chứng quả A la hán. Tin rằng quán mười hai nhân duyên sẽ diệt trừ được vô minh, sanh khởi các hạnh, chứng quả Bích chi Phật. Tin rằng tu bốn vô lượng tâm, sáu ba la mật được chứng quả A nậu đa la tam miệu tam bồ đề. Như thế gọi là tín nhẫn.

Chúng sanh từ vô thủy sống chết, bị vọng tưởng chấp trước mà không thấy được pháp tánh, nên trước hết phải quán sát tự thân do năm ấm giả hợp mệnh danh là chúng sanh, kỳ thật, trong đó không có ngã, không có chúng sanh. Vì sao thế? Vì nếu quả có ngã thì ngã ấy phải được tự tại, nhưng hiện tại chúng sanh thường bị sanh lão bệnh tử, không hề được tự tại. Vì thế, biết là vô ngã. Đã vô ngã, tức là không tác giả, không tác giả, tức là không thọ giả và không thọ giả thì pháp tánh thanh tịnh như thật thường trú. Quán sát như thế, dù chưa thành tựu cứu cánh, nhưng cũng gọi là thuận nhẫn.

Bồ tát tu tín thuận nhẫn ấy rồi, không bao lâu sẽ thành pháp nhẫn tối thượng.

---o0o---

PHẨM MƯỜI HAI

CÔNG ĐỨC THỌ TRÌ KINH

Bồ tát tu luyện đầy đủ về tâm vô tướng, nhưng chưa bao giờ an trú nơi tác nghiệp. Đối với nghiệp tướng, Bồ tát dù đã biết rõ mà vẫn làm. Vì cầu đạo Bồ đề mà tu tập thiện căn, nên các Ngài không xa rời pháp hữu vi. Vì độ chúng sanh mà tu tập đại bi, nên không an trú nơi vô vi. Vì cầu diệu trí chơn thật của chư Phật, nên không rời sanh tử. Vì độ hết thảy vô biên chúng sanh, nên không an trú nơi niết bàn. Đây là các vị bồ tát đem thân tâm cầu quả vị vô thượng bồ đề vậy.

Các Phật tử! Bồ tát nhờ thành tựu mười pháp nên đối với đạo bồ đề không còn bị thối thất. Mười pháp ấy là:

1. Bồ tát phát tâm cầu vô thượng bồ đề một cách sâu xa, đồng thời giáo hóa chúng sanh cùng phát tâm bồ đề ấy.
2. Thường mong cầu thấy Phật để được gieo trồng thiện căn bằng cách đem trân bảo của mình cúng dường lên Phật.
3. Vì cầu chánh pháp nên đem tâm tôn kính cúng dường các vị pháp sư và nghe pháp không bao giờ nhàm chán.
4. Nếu thấy các thầy tà kheo phân chia làm hai bộ phái để tranh tụng công kích nhau, thì cố gắng tìm phương tiện khuyên giải để được hòa hợp.
5. Nếu gặp quốc độ đầy dẫy tà ác, làm cho Phật pháp phải suy vi, thì siêng năng đọc tụng, diễn giảng cho đến một bài kệ để làm cho chánh pháp không bị đoạn tuyệt, chuyên tâm hộ trì chánh pháp không tiếc thân mạng.
6. Thấy chúng sanh lâm cảnh sợ hãi khổ não thì phát tâm cứu độ ban bố lòng vô úy.
7. Phát tâm tu hành chuyên cần theo các kinh điển phương đẳng đại thừa thâm diệu trong bồ tát tạng.
8. Khi đã cầu được chánh pháp, phát tâm thọ trì đọc tụng, đúng như lời kinh dạy mà tu hành và an trú.
9. Khi mình đã an trú trong chánh pháp, lại khuyến dẫn chúng sanh cùng an trú trong chánh pháp.

10. Khi đã được an trú trong chánh pháp, nên diễn giảng chỉ bày điều ích lợi cho tất cả chúng sanh được khai ngộ vui mừng.

Các vị bồ tát thành tựu được mười pháp như trên thì đối với đạo vô thượng bồ đề không còn bị thối chuyển. Các vị bồ tát phải đúng như kinh này mà tu hành. Kinh điển này thật không thể nghĩ nghĩ, vì hay phát sanh tất cả hạt giống đại từ bi, hay khai ngộ dắt dẫn chúng sanh phát tâm bồ đề, hay làm nguyên nhân chính cho những người hướng về đạo bồ đề, hay thành tựu tất cả công hạnh của bồ tát, cũng là kinh được các đức Phật trong các đời đã qua, hiện tại và sẽ đến hộ niệm.

Nếu có nam hay nữ Phật tử nào muốn tu tập đạo vô thượng bồ đề, hãy nên thường xuyên hoằng dương và lưu truyền kinh điển này trong cõi Diêm phù đề cho vô lượng vô biên chúng sanh đều được nghe được biết.

Nếu có nam hay nữ Phật tử nào được nghe kinh điển này thì tất cả đều được đại trí huệ mãnh lợi và quả báo phước đức bất khả tư nghị. Vì sao? Vì kinh này hay mở vô lượng thanh tịnh huệ nhãn, hay làm cho giống Phật tương tục không đoạn, hay cứu độ vô lượng chúng sanh khổ não, hay chiếu phá hết thảy vô minh, hay phá trừ tứ ma và tất cả ma nghiệp, hay phá trừ tất cả ngoại đạo tà kiến, hay dập tắt tất cả lửa dữ phiền não, hay tiêu trừ nhơn duyên sanh khởi các hành nghiệp, hay đoạn trừ sáu thứ trọng bệnh là xan tham, phá giới, sân nhuế, giải đãi, loạn ý, ngu si, hay đoạn trừ được các nghiệp chướng, pháp chướng, phiền não chướng, kiến chướng, vô minh chướng, trí chướng, tạp chướng. Tóm lại, kinh này hay tiêu diệt tất cả ác pháp không sót mảy may và làm cho thiện pháp ngày càng tăng trưởng mãnh liệt.

Nếu có nam hay nữ Phật tử nào sau khi nghe kinh này, phát tâm hoan hỷ ưa mến, nên biết người ấy đã từng cúng dường vô lượng đức Phật và đã gieo trồng thiện căn nhiều lắm. Vì sao? Vì kinh này là chỗ đi lại của ba đời các đức Phật. Vì thế nên người tu hành khi đã được nghe kinh này rồi, phải tự lấy làm vinh hạnh là được đại thiện lợi. Nếu người nào biên chép và đọc tụng kinh này, nên biết người ấy sẽ được phước báo vô lượng vô biên. Vì sao? Vì kinh này có sở duyên rộng rãi vô biên phát khởi vô lượng đại thế nguyện, nhiếp thọ tất cả chúng sanh, trang nghiêm quả vị vô thượng bồ đề. Vì thế, người nào thọ trì kinh này sẽ được phước đức vô lượng vô biên không hạn lượng. Nếu còn thấu đạt được nghĩa lý và đúng như lời dạy mà tu hành thì dù tất cả các đức Phật ở trong vô lượng a tăng kỳ kiếp, dùng vô lượng trí mà diễn nói đến các phước báo kia cũng không cùng tận được. Nếu nơi nào có vị pháp sư giảng kinh này thì nơi đó hãy nên xây tháp cúng

dường. Vì sao? Vì đó là nơi mà chánh pháp chơn thật phát sanh. Ở quốc độ, thành ấp, xóm làng, chùa miếu, tịnh xá nào có kinh này, nên biết nơi ấy có pháp thân. Nếu người nào đem cúng dường các thứ hương hoa, âm nhạc, tràng phan, bảo cái hoặc ca xướng tán thán, chấp tay cung kính, nên biết người ấy đã gieo giống Phật. Nếu còn thọ trì kinh này thì các người ấy thành tựu công đức trí huệ trang nghiêm, tương lai sẽ được thọ ký, thành tựu quả vị vô thượng bồ đề.

---o0o---

SỰ TÍCH ĐỨC PHẬT THÍCH CA MÂU NI

I. VÀI NHẬN ĐỊNH KHI HỌC LỊCH SỬ ĐỨC PHẬT

1. Ngài là một vị Đại Bồ tát ra đời vì bản nguyện độ sanh, vì lẽ đó, lịch sử của Ngài có tính cách siêu việt hơn người thường.
2. Vì lòng từ bi lợi tha và tự chủ trong sự thọ sanh, nên mỗi cử động trong đời Ngài đều hướng về sự giáo hóa trên đường giải thoát.
3. Nên nhận rõ ý nghĩa của lịch sử hơn là câu nệ từng chi tiết nhỏ.

---o0o---

II. THÂN THỂ CỦA NGÀI

Đức Phật Thích ca nguyên tên là Tất đạt đa. Họ Ngài là Thích ca, một chi nhánh của họ Kiều tất la, là một quý tộc. Tên Ngài nói đủ là Kiều tất la Thích ca Tất đạt đa (Kosala akya Siddhrtha). Còn Mâu ni là đức tính trong sạch, vắng lặng của Ngài, chỉ là tiếng để khen ngợi.

Ngài là con vua Tịnh Phạn nước Ca tỳ la vệ (Kapilavastu), mẹ Ngài là Hoàng hậu Ma da. Nước Ca tỳ la vệ tức là xứ Pipaova ở phía Bắc thành Ba la nại (Bénares) ngày nay.

---o0o---

III. NGÀY VÀ CHỖ SINH CỦA NGÀI

Thái tử sinh lúc mặt trời vừa mọc, nhằm ngày trăng tròn tháng hai Âm Độ, tức là ngày mồng tám tháng tư lịch Tàu. Ngài sinh vào khoảng 563 năm trước Tây lịch. Theo tục lệ Âm Độ đàn bà có chồng lúc sinh nở phải trở về

nhà cha mẹ. Bà Hoàng hậu Ma da trở về ngang qua vườn Lâm tỳ ni của vua Thiện Giác thì sinh Ngài dưới cây vô ưu. Khi mới sinh, Ngài đứng trên hoa sen, một tay chỉ trời, một tay chỉ đất, miệng nói: "Trên trời dưới trời chỉ một mình ta là lớn."

---o0o---

IV. TƯỚNG MẠO VÀ TÀI NĂNG CỦA THÁI TỬ

Thái tử sinh ra có nhiều điềm lạ: quả đất rung động, vừa sinh ra Ngài đã đi bảy bước,... mọi người đều hân hoan đón mừng vị cứu tinh xuất hiện. Thái tử sinh ra đã có 32 tướng tốt báo trước Ngài là một vị xuất chúng và Ngài sẽ thành Phật để diu dắt muôn loài. Ngài sinh ra vừa được bảy ngày, mẹ Ngài từ trần. Bà dì Ngài là bà Ma ha Ba xà ba đề nuôi nấng chăm sóc Ngài. Ngài rất thông minh, các vị giáo sư danh tiếng dạy Ngài đều phải bái phục.

---o0o---

V. ĐỜI SỐNG CỦA THÁI TỬ

Thái tử sống trong cảnh cực kỳ sung sướng và được sự nuông chiều hết sức của vua cha. Xung quanh Ngài luôn luôn có vũ nữ ngày đêm đờn ca xướng hát để làm vui lòng Ngài. Tuy nhiên, Thái tử vẫn trầm tư mặc tưởng. Trên mặt luôn luôn lộ nét buồn kín đáo và, một đôi khi Ngài đã tỏ với vua cha xin đi xuất gia để tìm phương cứu mình, cứu đời. Đoán biết ý con, vua Tịnh Phạn sinh sợ sệt và tìm đủ mọi cách tăng thêm dục lạc, mong làm khuây được chí nguyện xuất gia của Ngài.

---o0o---

VI. CHÍ NGUYỆN XUẤT GIA CỦA THÁI TỬ

Sau nhiều lần mục kích những thảm trạng già, đau, bệnh, chết và sự bất công mạnh hiếp yếu, khôn lẩn đại, trong những cuộc du ngoạn ở bốn cửa thành. Thái tử Tất đạt đa cảm nhận được những nỗi thống khổ của con người. Lòng thương chúng sanh bỗng bật nổi dậy, Thái tử không còn vui được nữa.

Với một ý chí cương quyết tìm chân lý, nên trong một đêm kia sau buổi yến tiệc linh đình, Ngài đã cưỡi ngựa Kiên Trắc vượt thành xuất gia với tên hầu cận trung thành Xa nặc; giữa lúc mọi người đang chìm trong bóng tối và mê

man theo giấc ngủ. Ngài ra đi lúc 19 tuổi, ngày mùng tám tháng hai vào lúc giữa đêm.

---o0o---

VII. TÌM CHÂN LÝ VÀ TU ĐẠO

Đi sâu vào rừng đến bờ sông Anoma, Ngài cắt tóc và thay đổi y phục trao lại bảo Xa nặc đem về dâng Phụ hoàng và tỏ rõ sự tình. Từ đây, Thái tử đã trở thành một đạo sĩ và dần thân trên đường tìm đạo. Ngài đi đến thành Vương xá (Rajagr̥ha) xứ Ma kiệt đà, tìm đến các vị Đạo sĩ Bà la môn mà tham khảo phương pháp tu hành. Sau một thời gian tu luyện, Ngài không thỏa mãn vì cho rằng chưa được rốt ráo. Ngài liền vào rừng Ưu lâu tàn loa xứ Phật đà già da (Bouddhagaya) tu hạnh ép xác, một ngày chỉ ăn một hạt mè, hạt gạo và suy nghĩ trong sáu năm, song vẫn thấy vô hiệu. Ngài nhận thấy lối tu khổ hạnh ấy không phải là lối tu giải thoát. Và sau khi nhận bát sữa của nàng Tu xà đề dâng cúng, thân thể bình phục, tâm hồn sáng khoái, Ngài đến dưới gốc cây bồ đề ngồi trên thảm tọa và phát nguyện: "Nếu không tìm ra chân lý thì thà chết ta không rời thảm tọa này". Trải một thời gian thiền quán, Ngài đã chiến thắng được tất cả những tật xấu xa của thân thể và nội tâm. Ngài lại uốn dẹp được mọi sự phá rối của ma vương bên ngoài.

Đầu đêm, Ngài chứng được Túc mạng minh, thấy rõ ràng những đời quá khứ, hiện tại, vị lai; nửa đêm, Ngài chứng được Thiên nhãn minh, thấy được cả vũ trụ bao la; cuối đêm vào lúc sao mai mọc, Ngài chứng được Lưu tận minh, nhận chân nguồn gốc sanh tử luân hồi là sự mê mờ gọi là vô minh, và hoàn toàn giác ngộ.

Ngài đã thành đạo vào lúc sao mai mọc, ngày 8 tháng Chạp. Sau khi thành đạo, Ngài đã than: "Than ôi! Chúng sanh vốn đầy đức tướng trí huệ Như lai, nhưng chỉ vì vô minh che lấp nên phải sanh tử luân hồi đầy thôi!".

---o0o---

VIII. THUYẾT PHÁP ĐỘ SANH

Sau đó, Ngài liền đến vườn Lộc uyên nói pháp Tứ đế độ cho năm ông tỳ kheo (Kiều trần như, Ac bệ, Thập lục ca điếp, Ma ha nam Câu ly và Bạc đề). Từ đó đạo Ngài truyền khắp xứ Trung Ấn Độ và lan mãi khắp hoàn cầu.

---o0o---

IX. NHẬP DIỆT

Trải qua 49 năm trên đường giáo hóa, Ngài đã tận lực gieo rắc ánh đạo vàng khắp đó đây, hóa độ chúng sanh. Vô số người đã được mang ơn pháp nhũ của Ngài mà trở về với chánh đạo. Nhơn duyên đã mãn, những người nên độ đều đã độ xong. Ngài vào niết bàn tại rừng Ta la song thọ, để lại những nỗi thương tiếc tràn ngập cả lòng người. Ngài nhập diệt lúc 81 tuổi, nửa đêm ngày Rằm tháng hai âm lịch.

X. VÀI Ý NGHĨA CẦN NHẬN THỨC TRONG LỊCH SỬ PHẬT

1. Vì lòng từ bi, Ngài ra đời cốt để vạch cho chúng sanh một con đường cao quý ý nghĩa hơn, so với kiếp sống mong manh hiện tại.
2. Tuy sống trang đài danh vọng, Ngài vẫn cảm thấy những nỗi vô vị của vật chất. Và Ngài đã nói rằng: "Hạnh phúc không phải chỉ tìm trong khoái lạc của vật chất".
3. Những cuộc du ngoạn và nhiều lần mục kích những thảm cảnh của con người, Ngài đã cho ta thấy rằng: "Đời là một bể khổ đầy dẫy những bất công, tội lỗi, nếu ta duy trì mãi tình trạng mạnh hiếp yếu, khôn lẩn đại, và thiếu một lòng thương thành thật".
4. Anh sáng có thể trở lại với những tâm hồn vị tha rộng rãi, biết hy sinh dục vọng riêng tư. Và chỉ có chân lý Ngài đã tìm ra, sau bao cuộc thử thách chiến đấu với ma chướng mờ là phương pháp cứu khổ độ lạc.
5. Sự hy sinh liên tiếp trong vô số kiếp của Ngài, đã làm cho Ngài trở nên một đức Phật đầy đủ phước đức và trí huệ. Muốn cảm thông và được sức gia hộ của Ngài, chúng ta phải thường niệm đến danh hiệu của Ngài và làm theo lời Ngài dạy.

---o0o---

GIÁO LÝ VỀ NGHIỆP

CƠ SỞ ĐẠO ĐỨC HỌC VÀ LUẬT HỌC

I. Ý NIỆM DẪN KHỞI

Nhận định về nguồn gốc bất hạnh của Thúy Kiều, Nguyễn Du đã viết hai câu thơ:

Đã mang lấy nghiệp vào thân
Thì đừng trách lẫn trời gần trời xa.

Hai câu ấy biểu hiện thái độ đề kháng tiêu cực của các tầng lớp nhân dân bị áp bức. Trong đó nghiệp báo được quan niệm như một định mệnh khắc khe và mù quáng. Tuy điểm xuất phát của nó là từ giáo lý về nghiệp, nhưng những người bị bắt buộc phải kéo lê cuộc đời đầy đọa của mình dưới sự áp bức của tầng lớp thống trị, họ mất hẳn niềm tin đối với công bằng và công lý ... Do đó, nghiệp mất hẳn ý nghĩa của nó. Bởi vì ý niệm nguyên thủy của nghiệp là hành động, hay nói theo ngôn ngữ của Luật tạng: Cái gì hiện thực, cái đó phải có tác dụng. Tác dụng hay hành động là những dữ kiện cụ thể và khách quan, mà thời gian tính luôn luôn là hiện tại. Trong ý niệm nguyên thủy này, nghiệp phải được hiểu chính xác là hành vi trong hiện tại, chứ không phải là những gì đã được an bài do bởi một quyền lực siêu nhiên nào đó.

Trong thuyết nghiệp báo mà Nguyễn Du dựa vào để giải thích số phận của Kiều, nghiệp không còn là hành vi hiện tại, và đã được đồng nhất với thuyết mà kinh điển đạo Phật gọi là Túc mạng luận. Thuyết ấy đã bị chính đức Phật bác bỏ. Tuy nhiên, không phải cho đến thời đại Nguyễn Du nghiệp mới trở thành một thứ tư tưởng tiêu cực thụ động, mà trong nền văn học Bản sanh tức loại văn học bình dân của đạo Phật, ngay tại Ấn Độ, nghiệp cũng đã được đồng nhất với nghiệp báo, được quan niệm như là định mệnh tàn khốc.

Trong nguyên thủy kinh điển, bản chất giáo lý về nghiệp đề cao lý tưởng công bằng, công lý. Theo đó con người phải chịu trách nhiệm về những gì mà nó đang làm hay đã làm. Khi giáo lý của đức Phật được truyền bá sâu rộng trong quảng đại quần chúng, thì những lời dạy của đức Phật liên hệ đến nghiệp đã chiếm hàng đầu. Sự phổ biến của nó rộng rãi đến mức hầu như bất cứ khi nào nói đến đạo Phật là người ta nói đến giáo lý về nghiệp. Trong quần chúng nhân dân, những người theo đạo Phật, khi muốn giải thích số phận bản cùng của mình là nghĩ ngay đến nghiệp. Tuy nhiên, sự áp bức của tầng lớp thống trị đè nặng lên họ ngoài sức tưởng tượng và ngoài khả năng thoát ly. Do vậy họ đã đồng hóa sự thống trị ấy với sức mạnh của định mệnh, và rồi vận dụng giáo lý về nghiệp theo chiều thụ động ấy.

Sự giải thích về nghiệp tuy có chệch hướng, nhưng trong đó cho thấy tính cách phong phú của giáo lý này. Chủ yếu của bài viết đây là giới thiệu một trong những khía cạnh của nó. Vấn đề được nói lên là mối quan hệ giữa giáo lý về nghiệp với đạo đức và luật học của đạo Phật.

Trong chương kết của giới bản Tỳ kheo, phần lược giáo, bài kệ được ghi là do đức Thích Tôn giảng dạy tóm tắt về bản chất của luật Tỳ kheo; bài kệ ấy xác nhận rằng nền tảng của luật Tỳ kheo là nghiệp và nghiệp đạo. Nhưng trong một phạm vi rộng rãi hơn nữa, thì tất cả đạo đức học và luật học của đạo Phật đều đặt cơ sở học lý trên tư tưởng nghiệp và nghiệp đạo.

Trên phương diện đạo đức và luân lý, nghiệp và nghiệp đạo là nền tảng cho sự phân biệt điều thiện và điều ác mà chủ yếu là vấn đề tánh tội và giã tội. Trên phương diện luật học, nghiệp và nghiệp đạo là nền tảng các nguyên tắc tự giác, công bằng và lẽ phải, tức nó là cái cân nhạy cảm của công lý.

---o0o---

II. CƠ SỞ ĐẠO ĐỨC HỌC

Vậy, trước hết, trên phương diện đạo đức học, nghiệp và nghiệp đạo làm nền tảng cho sự phân biệt tánh tội và giã tội như thế nào?

Vấn đề then chốt của đạo đức là thiện và ác. Trong đạo Phật, thiện là điều gì tốt đẹp cho mình, cho người khác, trong đời này và đời sau. Thiếu một trong hai yếu tố ấy, không thành điều thiện được. Ác hay bất thiện là những điều trái lại.

Nói tốt đẹp, là nói rằng điều ấy đưa con người tiến lên mức sống cao hơn. Tiêu chuẩn của mức sống lấy an lạc hay hạnh phúc làm chủ đích. Như vậy, mức sống cao thấp khác nhau là do bởi trình độ thọ lạc khác nhau. Ở trình độ nào mà cảm thọ lạc chỉ khởi lên trong thời hạn ngắn ngủi, rồi tàn lụi, để lại những hậu quả buồn phiền, khổ não, ưu sầu, ấy là trình độ đi xuống, hạ đẳng. Trái lại, càng tiến lên cao cảm thọ lạc càng kéo dài, và khi nó tàn lụi, thì hậu quả cũng ít ưu bi sầu khổ hơn. Trên tất cả, cảm thọ an lạc vĩnh cửu, hoàn toàn không có sự tiếp nối của sầu khổ, đó là niết bàn.

Tất cả chúng sanh, trong tất cả sinh loại, đều sống và đuổi theo một mục đích duy nhất, đó là cảm thọ lạc. Nói cách khác, sự sống là quá trình săn đuổi hạnh phúc và khoái lạc. Tất cả những thứ khác chỉ là phụ thuộc hay biến thái của chủ đích ấy. Nhưng rất ít người hướng đến chủ đích an lạc cứu cánh là niết bàn. Trong tất cả pháp thiện, duy chỉ Niết bàn được gọi là Thiện thắng nghĩa, tức Thiện đúng trong bản chất của nó, ngoài ra, là thiện thế tục, tức điều thiện được phân biệt theo quy ước vì đối nghịch với cái khổ trường kỳ mà cái lạc tạm thời được gọi là thiện.

Như vậy, trên phương diện thẳng nghĩa, tức trong bản chất tuyệt đối của thiện, thì tất cả tiêu chuẩn thiện ác mà con người nói tới chỉ là thiện ác trong phạm vi ước lệ. Tiêu chuẩn ấy sẽ thay đổi tùy theo trình độ sống. Ở trình độ thấp nó là thiện, nhưng khi tâm tư tiến lên trình độ cao hơn, với những rung cảm tế nhị và nhạy bén hơn, nó không còn là thiện nữa. Cũng vậy, trong phân biệt tánh tội và già tội. Theo định nghĩa cơ bản, tánh tội là tội ác thuộc bản chất tự nhiên; và già tội là tội ác được quy định theo giao ước xã hội. Trên phương diện thẳng nghĩa, tất cả điều gì không đưa đến an lạc cứu cánh, tức không dẫn đến niết bàn, đều được coi là tánh tội. Nhưng trong phạm vi thế tục, trong trình độ đạo đức của con người, tánh tội và già tội cần được phân biệt rõ ràng.

Ở đây nói con người là chỉ hạng chúng sanh mà trình độ cảm thọ lạc cao hơn các đẳng cấp chúng sanh khác, như súc sanh chẳng hạn. Nhưng nó được xếp hạng thấp hơn các đẳng cấp khác là chư thiên. Phạm vi thế tục hay ước lệ của tánh tội và già tội được phân biệt trong trình độ này.

Tánh tội, tức hành vi mà bản chất của nó là bất thiện, phi đạo đức, vì hậu quả của nó nhất định đẩy người ấy tuột xuống khỏi trình độ sống của loài người. Trái lại, các hành vi không nhất thiết khiến cho bản chất đạo đức của con người bị tuột xuống ngang mức thú vật, nhưng chúng được gọi là xấu tùy theo giao ước của xã hội, tùy theo tập quán luân lý của từng địa phương, từng thời đại. Như vậy, tánh tội là tội ác thuộc bản chất tự nhiên, bất cứ thời đại nào và trong bất cứ địa phương nào, ai phạm đến, bị coi là mất phẩm chất con người. Nhưng với già tội, tội ác theo giao ước, không có tiêu chuẩn nhất định. Ở địa phương này nó là xấu, nhưng tại nơi khác nó không hẳn là xấu: Trong thời đại này nó bị chết nhưng ở các thời đại trước hay về sau nó có thể được khen ngợi không chừng.

Tuy nhiên, khó có thể ấn định một đường ranh minh bạch cho biên giới của tánh tội và già tội. Thông thường, tất cả hành vi xấu đều nhất loạt được coi là tánh tội. Chỉ khi nào thời đại thay đổi, bấy giờ người ta mới có thể nhận rõ hành vi ấy là tánh tội hay già tội. Thí dụ trong xã hội ta khoảng từ ba mươi năm về trước, nguyên tắc "tứ đức tam tông" được coi là đạo đức cơ bản của người phụ nữ, và như vậy, chúng là tiêu chuẩn của thiện; làm trái lại là tánh tội chứ không phải già tội. Nhưng đối với thế hệ trẻ ngày nay chúng không coi là phẩm chất cơ bản. Thế thì, điều mà trong xã hội cũ coi là tánh tội nay chỉ được coi là già tội.

Trong nền đạo đức học Phật giáo không thể có tình trạng mơ hồ giữa tánh tội và già tội như vậy được, dù thời đại có thay đổi, địa phương có dị biệt. Vì đức Phật đã chỉ rõ, con đường nào dẫn đến chỗ thấp kém và con đường nào chân thật dẫn đến niết bàn. Vậy, trong đây, thế nào là tánh tội và già tội?

Nói tóm lược, hành vi nào dù có Phật hay không có Phật xuất hiện để xác định, nhưng tất cả kẻ trí trong thế gian đều công nhận đó là bất thiện, hành vi ấy thuộc tánh tội. Như bài kệ của Phật Thi Khí trong phần lược giáo của giới bốn Tỷ kheo đã nói:

Cũng như người mắt sáng

Tránh xa lối hiểm nghèo;

Bậc có trí trong đời

Tránh xa các xấu ác.

Để có cụ thể hơn về tiêu chuẩn phân biệt này, cần phải lấy các nghiệp đạo làm nền tảng. Kinh điển thường mô tả rằng, trong thời đại luân vương xuất hiện, tức thời đại mà loài người sống trong an lạc của hòa bình và thịnh vượng, thì xã hội chỉ thuần túy là mười nghiệp thiện. Trái lại, trong thời đại suy thoái cùng cực, xã hội loài người chỉ là mười nghiệp đạo bất thiện. Trong các thời đại ấy, khi tất cả mọi người đều sống theo mười nghiệp đạo thiện không phải do có Phật xuất hiện để khuyên bảo họ nên làm như thế; nhưng mọi người đều làm như thế vì bản tánh tự nhiên là như thế. Vậy thì, về cơ bản, tánh tội là mười nghiệp đạo bất thiện, Ngoài ra, đều là già tội.

Trong danh số nghiệp đạo gồm có mười chi. Nhưng trong hành động nghiệp đạo được thành tựu chỉ thuộc một trong bảy chi. Đó là ba chi thuộc thân: sát, đạo, tà dâm và bốn chi thuộc ngữ: nói dối, nói ly gián, nói thô lỗ và nói tạp nhạp. Như vậy, trong nguyên nhân hay động lực thì tánh tội gồm có mười chi nghiệp đạo, nhưng trong thành tựu thì có bảy chi.

Thông thường tánh tội chỉ kể có bốn chi: sát, đạo, tà dâm và vọng ngữ. Đây là căn cứ trên năm giới cận sự mà phân tích. Vì năm giới này chỉ bao gồm có bốn chi ấy của nghiệp đạo. Uống rượu thì không thuộc vào chi nào trong các nghiệp đạo nên không được coi là tánh tội. Giới cận sự sở dĩ không đủ bảy chi, vì theo như giải thích của các bộ phái, đức Thích Tôn xuất hiện vào thời đại suy thoái của loài người. Trong thời đại này con người sống trong đau khổ nhiều hơn là an lạc, trình độ cảm thọ lạc của nó chỉ cao hơn thú vật một

chút, do đó, tiêu chuẩn tánh tội cũng được giảm xuống. Nghĩa là thực hành chừng ấy đủ để ngăn mức con người. Nếu ai không thực hành hơn thế nữa, thì khó có thể tiến lên đẳng cấp cao hơn, hoặc khó có thể sống trong thời đại và địa phương mà tại đó luân vương xuất hiện.

---o0o---

III. CƠ SỞ LUẬT HỌC

Luật học ở đây được nói theo nghĩa rộng, bao gồm cả các học lý về pháp luật của thế tục. Trong khái niệm phổ quát về luật học này, có ba nguyên tắc làm nền là tự giác, công bằng và chân lý.

Tự giác hoặc nói là tự nguyện, theo nghĩa rộng, là người phạm tội phải chịu trách nhiệm điều mà nó đã làm bằng ý chí tự nguyện của nó. Người phạm tội mà không có sự phát động của ý chí thì không thể chịu hình phạt ngang như người làm với ý chí. Nguyên tắc này là điểm then chốt trong học thuyết về nghiệp. Đức Phật nói: "Chúng sanh là kẻ thừa tự của nghiệp của chính nó". Tức không ai có thể chạy trốn hậu quả những gì mà mình đã gây ra. Tuy nhiên, không phải tất cả hành vi đều được coi là nghiệp, mặc dù nghĩa đen của nghiệp là hành động. Chỉ khi nào hành động được dẫn đầu bằng ý chí tự nguyện, và ý chí ấy được thỏa mãn, bấy giờ hành vi ấy mới được gọi là nghiệp.

Nguyên tắc thứ hai của luật là sự công bằng. Mọi người sinh ra đều phải được tôn trọng như nhau về cả hai phương diện tinh thần và vật chất. Luật bảo vệ sự công bằng ấy, và trừng phạt những ai xâm phạm. Đây là luật nhân quả bồi thường trong học thuyết về nghiệp.

Sau hết là nguyên tắc chân lý. Nói nôm na là lẽ phải của đạo đức và luân lý. Không thể có cái chân lý rằng ăn cắp của người là việc tốt. Đây là vấn đề về bản chất thiện, bất thiện và vô ký của nghiệp.

Để có thể hiểu rõ vấn đề hơn, chúng ta thử xem ba nguyên tắc vừa kể đã được áp dụng như thế nào trong hệ thống Luật tử kheo.

1. Nguyên tắc tự nguyện hay động lực của nghiệp

Bài kệ đầu của Pháp cú, bản Pali, Phật nói: "Trong các pháp, tâm là chủ, tâm tạo tác ..." Điểm này xác nhận rằng tất cả mọi hành vi của thân và ngữ đều được điều động bởi tâm. Kinh còn dùng nhiều danh từ khác để chỉ yếu tố

điều động này. Nhưng trong sự phát triển của luận tạng, các luận sư về sau dứt khoát dùng từ ngữ TU hay TU TÂM SỞ, tức ý chí, hay nói rõ hơn, ý chí tự nguyện. Trong sự xác định này, theo các luận sư, nghiệp được thực hiện khi nào có sự phát động của TU.

Nguyên tắc này được các luật sư áp dụng triệt để khi chú giải Giới bốn. Thí dụ, để giải thích các trường hợp phạm hay không phạm, trọng tội hay khinh tội, đối với việc lấy vật không được cho; các luật sư hoàn toàn căn cứ trên ý chí và nhận thức của người chiếm hữu phi pháp đối với sở hữu chủ và sở hữu vật mà xác định. Vật sở hữu thuộc về người khác, nếu không được cho, mà tự ý chiếm hữu, thế là phạm tội ăn trộm. Nhưng trên mặt tuyệt đối, con người sinh ra với hai bàn tay trắng, chẳng có gì trên thế gian này là sở hữu của nó. Vậy căn cứ vào đâu mà nói là xâm phạm sở hữu của người khác? Và lại, như kinh đã nói, trong thời đại kiếp sơ, loài người sống mà không có sự phân chia tài sản sở hữu riêng biệt. Những gì trong thế gian, là sở hữu chung, ai cũng có thể tự ý thọ dụng, vì không ai là chủ. Rồi ra, trong sự phát triển xã hội loài người, ý niệm về trộm cắp chỉ phát sinh khi loài người chiếm thiên nhiên làm sở hữu, sở hữu thiên nhiên vốn hữu hạn, mà ước muốn chiếm hữu của con người thì vô cùng. Do đó, phát sinh quy ước chung giữa xã hội loài người rằng trong mức độ và điều kiện nào đó, vật thiên nhiên được gọi là tài sản hữu chủ, ấy là kẻ trộm hoặc giặc cướp. Tính cách của sở hữu chủ và sở hữu vật như vậy không phải là những khái niệm khách quan. Nó tùy thuộc nhận thức chủ quan. Do bởi tính chủ quan này, hành vi lấy vật không được cho có thể là sự vô cố cầm nhầm, hoặc chiếm hữu phi pháp. Thành thử, cùng một hành vi lấy và vật lấy, nhưng mức độ khinh trọng khác nhau tùy theo ý chí và nhận thức chủ quan của người lấy. Tức là điều mà luật pháp ngày nay phân biệt giới hạn các trường hợp vi cảnh với tội phạm hình sự.

Ngoài các trường hợp phạm tội có chủ tâm, tức hành động với sự dẫn đầu của ý chí tự nguyện, còn có các trường hợp vô cố và tự ý. Đây là các trường hợp miễn thứ. Thí dụ, một tử kheo mất trí, điên cuồng gây nhiều tội lỗi. Các hành động này không phải do ý chí tự nguyện, được gọi là các trường hợp vô cố, và luật hoàn toàn miễn thứ.

Còn ngoại ý được nói ở đây là các hành vi phạm luật có suy nghĩ, có chủ ý nhưng vì tình thế bắt buộc không làm khác đi được. Đối với các hành vi vô cố, đặc biệt là trong trường hợp mất trí, tất cả các điều khoản luật định đều được miễn thứ. Và các hành vi ngoại ý chỉ miễn thứ cho một số điều khoản;

và các trường hợp miễn thứ này được quy định ngay trong chánh văn của giới bốn.

Để áp dụng nguyên tắc tự nguyện trong khi luận tội, luật ấn định hai thủ tục cơ bản. Thứ nhất, Tác cứ; với thủ tục này tội danh phải được xác định một cách cụ thể đối chiếu với các dữ kiện hiện thực của hành vi phạm luật. Chủ yếu trong sự luận tội này là phân tích ý chí của phạm nhân trước, trong khi và sau khi hành động. Thứ hai, Tác ức niệm; với thủ tục này, tội danh chỉ được kết luận khi nào có sự xác nhận của phạm nhân. Sự xác nhận hoàn toàn theo tinh thần tự giác và tự nguyện; tuyệt đối không được phép cưỡng bức với bất cứ hình thức nào, kể cả hình thức mà người ta gọi là mớm cung.

2. Nguyên tắc công bằng: Luật nhân quả

Nguyên tắc công bằng là kẻ nào gây thiệt hại cho người khác về tinh thần hoặc vật chất, kẻ ấy phải bồi hoàn tương xứng. Bồi hoàn là khái niệm quan trọng trong luật dân sự. Nếu một người không thi hành nghĩa vụ khế ước, pháp luật sẽ cưỡng bức phải thi hành. Trong luật nhân quả, đó là định luật có vay có trả. Nhưng vì luật pháp thế gian không phải lúc nào cũng công bằng, bởi lẽ quan tòa không phải lúc nào cũng sáng suốt. Nghĩa là, có những kẻ gây thiệt hại cho người khác mà không hề bồi hoàn gì cả. Thế thì trong trường hợp đó, tư tưởng bình dân đã nghĩ đến luật nhân quả bắt nó phải bồi hoàn trong kiếp sau.

Trong học thuyết về nghiệp báo, nghiệp được coi như một món nợ, mà người tạo nghiệp là kẻ vay nợ. Nếu theo quan điểm bình dân, sự bồi hoàn của con nợ là do một tòa án trong thế giới vô hình phán xét. Do thế, người tạo nghiệp có thể mua chuộc thần linh như ta có thể mua chuộc và làm hài lòng quan tòa để chạy tội. Trái lại, trong học lý về nghiệp, con nợ, chủ nợ, và quan tòa là một, Do đó, nó không thể chạy trốn cái bóng của chính mình được.

Cũng trong học thuyết về nghiệp, sự bồi hoàn phải hội đủ hai yếu tố là thời gian và không gian. Nói theo luật dân sự, đó là thời hiệu và lãnh thổ thi hành nghĩa vụ khế ước.

Về phương diện thời gian, các luận sư Phật giáo phân biệt hai loại nghiệp: định thời và bất định thời. Với định thời, sự bồi hoàn phải diễn ra trong một thời điểm nhất định, ở đời này hoặc đời sau, hoặc đời sau nữa. Với bất định thời, thời điểm bồi hoàn không nhất định, khi nào hội đủ điều kiện là phải bồi hoàn, không nhất thiết đời nào.

Cũng như trong luật dân sự, thời hiệu mà nghĩa vụ khế ước phát sinh tùy theo từng loại khế ước. Cũng vậy, nghiệp định thời hay bất định thời cũng tùy theo bản chất của nó: định hay bất định nghiệp. Định nghiệp là hành động nhất định phải dẫn đến kết quả tương xứng, tùy theo định thời hay bất định thời. Bất định nghiệp, là loại hành động không nhất thiết phải bồi hoàn. Tức là, nếu đến thời hiệu phải bồi hoàn, nhưng không hội đủ yếu tố nghĩa vụ bồi hoàn không phát sinh; rồi quá thời hiệu ấy, khế ước được coi là bị thủ tiêu: người tạo nghiệp vĩnh viễn không quả.

Luật nhân quả bồi hoàn ấy được giải thích trong phạm vi quá rộng rãi, vì thời hiệu của nó trải dài qua nhiều đời sống trong vòng luân hồi sanh tử, vượt ngoài sự kiểm chứng bằng khả năng nhận thức hữu hạn của con người. Dù vậy, trong phạm vi luật học, có thể rút lại thành nguyên tắc hiện thực khả dĩ áp dụng được; đó là luật bồi hoàn hiện tại. Bồi hoàn tức phục hồi những thiệt hại về tinh thần cũng như về vật chất cho người bị thương tổn. Sự bồi hoàn như vậy là quy luật được phát hiện về ý niệm về công bằng. Thế nhưng, do bản chất háo lợi của con người, sự bồi hoàn thường được đòi hỏi quá đáng. Mất một sợi lông, người ta vẫn mong được đền bù bằng cả thiên hạ. Trái lại, người vay nợ bao giờ cũng muốn bồi hoàn ít hơn số mình đã mượn. Vay một núi thóc, người ta chỉ muốn trả một hạt cơm. Nếu không có những tiêu chuẩn cho sự công bằng, thì tranh chấp giữa người vay và chủ nợ trở thành mối thù truyền kiếp. Cho nên, ý niệm bồi hoàn trong luật nhân quả nghiệp báo và ý niệm công bằng của luật pháp có những quan hệ mật thiết.

3. Công lý và vấn đề thiện ác

Danh từ công lý hay chân lý trong luật học chỉ là một khái niệm tương đối. Nhà làm luật, khi soạn thảo một đạo luật, đương nhiên phải đặt nền móng trên công lý, nhưng không thể quả quyết đạo luật ấy sẽ có giá trị vĩnh cửu. Luật pháp thay đổi tùy theo nhịp thay đổi xã hội. Dù vậy, trong ý chí của nhà làm luật, không thể không có nỗ lực đạt đến một công lý vĩnh cửu của luật pháp. Ước muốn này không phải không có cơ sở. Kể từ thời văn minh Babylon 40 nghìn năm về trước, cho đến thời hiện đại, một số nguyên tắc thiện ác vẫn không thay đổi trong quan hệ giữa người và người. Cho nên, dù khác biệt thời đại, địa phương nhưng trong phạm vi cõi người vẫn có một chân lý vĩnh cửu cho thiện ác. Hay nói cách khác, giữa tánh tội và giả tội có một đường ranh rõ rệt mà người ta có thể nhận thấy nếu không bị chi phối bởi thiên kiến, hạn chế bởi thời gian và địa lý. Đương nhiên, đây cũng chỉ là vĩnh cửu trong tương đối, trong phạm vi xã hội loài người, so với không gian vô biên và thời gian vô tận.

Trong thực tế áp dụng của luật pháp, công lý không phải là ý niệm độc lập. Chức năng của luật là thẩm định thị phi để giải quyết những tranh chấp. Thẩm định ấy không thể vượt ngoài phạm vi của công lý. Thế nhưng, trong khi giải quyết tranh chấp, luật bắt buộc phải đứng về phía người nghèo, yếu đuối, nếu có thể; như thế là để cho sự phân xử của luật được công bằng và do vậy trật tự xã hội mới ổn định. Công lý mà không bao hàm ý niệm công bằng, thì đây là thứ công lý sắt thép lạnh lùng mà càng áp dụng thì càng tạo thêm nền móng bất ổn của xã hội. Vì vậy, ở đây cần phải nói rằng cái gì công bằng, cái đó là công lý; và cái gì là công lý, cái đó phải công bằng.

Trong luật học Phật giáo, xét về mặt học lý, ý niệm về công bằng và công lý đôi khi ngược lại điều vừa nói trên, do xu hướng kỷ luật nghiêm khắc của một số bộ phái bảo thủ. Trong xu hướng ấy chủ đích của hai hệ thống luật khác nhau. Luật pháp thế tục nhằm duy trì ổn định xã hội; chỉ can thiệp khi nào trật tự ấy bị đe dọa sẽ xáo trộn. Luật Phật giáo là các nguyên tắc hướng dẫn đời sống hướng thượng, không chỉ trong trình độ tâm tư loài người, mà vượt lên trên nữa. Do đó, nguyên lý thiện ác, tiêu chuẩn thị phi, là những khái niệm có tính cách bất dịch.

Đây là nói về mặt học lý, trong áp dụng thực tế của luật tỷ kheo, ý niệm công lý đối với một số điều khoản không có tính cách vĩnh cửu.

Tựu trung, công lý là nguồn gốc của luật; dù là luật thế gian hay luật đạo Phật. Nhưng trong luật tỷ kheo, có công lý được nhìn từ thánh đạo, có công lý theo quan điểm chung của loài người, và cũng có công lý tùy phong tục địa phương. Cả ba loại công lý ấy đều là nguồn gốc xuất phát các điều khoản của luật tỷ kheo. Nói cách khác, khi đức Phật nêu một điều khoản cấm chế, trước hết vì điều bị cấm ấy không phù hợp với bản chất của thánh đạo hoặc vì nó không phù hợp phẩm chất đạo đức theo quan niệm phổ thông, hoặc nó không phù hợp với tập quán địa phương và thời đại.

Trong ba nguồn gốc, công lý của thánh đạo là nền tảng cho tất cả, và không thể thay đổi dù thời đại và địa phương như thế nào. Hai nguồn gốc sau là tương đối, có thể thay đổi tùy thời đại và địa phương.

Để tổng kết vấn đề, ở đây có thể nhắc lại rằng, nghiệp là hành động, và không có hành động nào mà không có đối tượng và hậu quả mà nó gây ra cho đối tượng ấy. Vì vậy, bản chất và ý nghĩa của nghiệp chỉ có thể được nhận thức một cách chính xác trong mối quan hệ giữa các loài hữu tình, hay nói hạn chế: những quan hệ trong xã hội loài người. Bản chất của nghiệp là

thiện hay bất thiện tùy theo hậu quả tốt hay xấu mà nó gây ra cho đối tượng. Cơ sở của đạo đức là ở đó.

Qua những điểm đã được giới thiệu một cách vắn tắt ở trên, người ta có thể thấy tính chất tích cực của học thuyết về nghiệp. Vì là cơ sở của đạo đức và luật pháp, nếu được vận dụng một cách linh động và hợp lý, giáo lý về nghiệp có thể trở thành kích thích tố hữu hiệu cho sự tiến bộ của xã hội loài người, và nó cũng là điểm phát xuất cho lý tưởng công bằng và nhân đạo. Chừng nào giá trị của con người vẫn được tôn trọng bằng phẩm chất đạo đức, và quan hệ giữa người và người được đặt trên ý niệm bình đẳng, thời chừng đó giáo lý về nghiệp vẫn còn là một đóng góp tích cực.

---o0o---

NĂM LƯỢNG PHƯƠNG TIỆN LÝ GIẢI

Theo Phật giáo, muốn hiểu một sự việc gì khỏi sai lầm, phải y vào năm yếu kiện gọi là năm lượng. Năm lượng ấy là: hiện lượng, tỷ lượng, thánh giáo lượng, thí dụ lượng và thần thông lượng.

1. Thế nào gọi là hiện lượng ?

Lượng nghĩa là đo lường hay đong lường. Ví như muốn biết vật nặng nhẹ thì dùng cân mà cân lường, muốn biết vật dài ngắn thì dùng thước mà đo lường; muốn biết điều tốt hay xấu thì dùng tâm mà suy lường. Có thể, sự hiểu biết mới chính xác.

Hiện có ba nghĩa: hiện tại, hiện hữu và hiện bày. Hiện tại chỉ cho thời gian đang trôi và trong ấy sự vật đang tồn tại, để phân biệt với sự vật đã qua. Hiện hữu nghĩa là hiện đương có, chỉ cho hiện trạng có thật của sự vật để phân biệt với những hình ảnh sẽ có trong tương lai. Hiện bày nghĩa là hiện đương có tác dụng đối với giác quan để phân biệt với những sự vật tuy hiện có những ẩn tàng không lưu lộ. Có đủ ba điều kiện: hiện tại, hiện có và hiện bày, khiến cho người khác nương theo đó mà đo lường được, thì gọi là hiện lượng.

Theo Duy thức học khi năm thức (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân) dùng trực giác tiếp xúc với năm trần (sắc, thanh, hương, vị, xúc) chưa lạc về đường phân biệt, khi ý thức đương ở trong định, khi chánh trí khế hợp chân như, các đối tượng cảnh giới đều thuộc về hiện lượng. Cảnh giới thân chứng do ý thức

suy đạt không thuộc loại hiện lượng này vì không gồm đủ ba điều kiện nói trên.

2. Thế nào gọi là tỉ lượng ?

Tỉ nghĩa là so sánh. Sự so sánh chính xác cần có ba phần: tôn chỉ, nguyên nhân và thí dụ. Tôn, như, dụ nói tắt, gọi là tam chỉ tỉ lượng. Ấy là phương pháp lý luận vậy. Ví như xa xa trông thấy khói bốc, so sánh mà biết nơi ấy có lửa, hoặc thấy con người đã có sanh ra thì biết trong tương lai tất sẽ có chết, cách tường nghe tiếng nói thì biết bên kia có người. Phương pháp vừa dùng trên đây gọi là phương pháp tỉ lượng.

3. Thế nào gọi là thánh giáo lượng ?

Thánh là thánh như, giáo là giáo pháp. Nương nơi giáo pháp của thánh như để lý giải phán đoán thì gọi là thánh giáo lượng. Ví như những sự lý trong kinh Phật dạy, chúng ta tuy chưa hề trông thấy, nhưng Phật là đấng thánh như, ngôn giáo của ngài có thể là những bằng chứng giúp ta hiểu biết sự thật. Vì rằng đã là Thánh như, tất không bao giờ dối gạt mình. Đối với các bậc Thánh như khác như Châu Công, Khổng Tử mà ngôn giáo hiện còn lưu truyền lại, đương nhiên chúng ta không thể không tin, mặc dù chưa đủ sức hiểu hết. Ngôn giáo thánh như là Thánh giáo lượng.

4. Thế nào gọi là thí dụ lượng ?

Thí dụ lượng là biểu thị sự vật bằng thí dụ. Chẳng hạn nói trái đất tròn như quả cầu, bản đồ Việt Nam cong như hình chữ S v.v... Dùng những hình dáng đương thấy trước mắt hay những âm thanh mà tai từng nghe ... để gợi ý niệm về hình dáng và âm thanh của những sự vật chưa thấy, chưa nghe. Phương pháp ấy gọi là thí dụ lượng.

5. Thế nào gọi là thần thông lượng ?

Có những thế giới tuy nhục nhãn chúng ta không thể trông thấy, mà có người trông thấy được là nhờ họ có thiên nhãn thông; có những sự việc đã qua lâu lắm không ai hay biết mà có người biết được là nhờ họ có túc mạng thông (thông hiểu đời trước); còn như tâm trí kẻ khác nghĩ gì, làm sao mà đo cho được, thế mà có người đọc thấu là nhờ họ có tha tâm thông (thông hiểu tâm niệm kẻ khác). Sự hiểu biết của những người có ba loại thần thông ấy gọi là thần thông lượng.

Năm lượng ấy có thể xét biết trong một trường hợp. Xin cử một ví dụ, hơi đặc biệt một chút, nhưng bao gồm được hết thấy năm lượng để dễ nhận sự tương quan dị đồng giữa lượng nọ với lượng kia.

Ví dụ: ngày Phật đản ở Huế có một thầy thuyết pháp; vì sao bạn biết? Vì hôm ấy chính mắt bạn thấy, tai bạn nghe. Sự biết là nương trên hiện lượng mà có. Thầy ấy có cha mẹ không và vì sao biết? Vì tất cả mọi người đều có cha mẹ nên quyết định rằng thầy ấy cũng có cha mẹ, tuy cha mẹ thầy ấy, bạn chưa bao giờ thấy, gặp. Sự biết ấy là nương trên tỉ lượng mà có. Thầy ấy tu hành pháp môn tịnh độ, sau khi chết sẽ sanh về thế giới cực lạc, vì sao biết được điều đó? Vì trong kinh Di đà đức Thích ca dạy hễ ai chuyên cần tu pháp môn tịnh độ thì chắc chắn sẽ sanh về thế giới cực lạc. Sự biết ấy là nương trên thánh giáo lượng mà có. Vì sao biết sau khi sanh về thế giới cực lạc thì sẽ được sung sướng? Vì hiện tại kẻ nào làm điều ác phải chịu quả đau khổ, người nào làm điều thiện được hưởng quả an vui; và tu hành tức là làm điều lành tránh điều dữ nên biết rằng thầy ấy sẽ được sung sướng. Sự biết ấy là nương trên thí dụ lượng mà có. Vì sao đức Phật Thích ca biết có thế giới cực lạc? Vì ngài có thiên nhãn thông mà chúng ta không có, hay chưa có. Những ai tu hành đắc đạo đều có nhiều sức thần thông. Sự biết nương nơi sức thần thông mà có gọi là thần thông lượng.

Có người thấy trong kinh Phật dạy đạo lý nhân quả, luân hồi v.v... hoặc nói có các cảnh giới địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, a tu la, la hán, bồ tát v.v... thì cho rằng viễn vông không thật, hoặc lên giọng kẻ cả phỉ báng mạt sát, tuồng như họ là những nhà đại khoa học. Họ đâu biết rằng đối với những vấn đề này, nhà khoa học chân chính, nếu không tin theo thì cũng chỉ giữ một thái độ im lặng tuyệt đối, chứ không nông nổi như một vị "lang Tây" nọ lúc Pháp mới sang, mới học đòi được một nắm y lý Tây phương đã vội cho các thứ giao lộ, giao quy của Đông y là chất keo (gélatine)... Đành rằng khoa học hay, nhưng mê tín khoa học như kiểu vị "lang Tây" kia thì thật là nảo nề.

Cũng thế, những kẻ mê tín khoa học một cách đáng thương trên cho rằng các cảnh giới do Phật nói là viễn vông không thật, nhưng nếu ai hỏi họ vì sao biết là không thật, chắc chắn họ sẽ đáp một cách đơn giản "vì không trông thấy". Nếu thế thì ông bà tổ tiên chúng ta hay các bậc thánh hiền hào kiệt đời xưa hoặc những nơi xa lạ như rừng già châu Phi, đồng tuyết Bắc cực v.v... mắt ta nào có trông thấy? Không lẽ vì không trông thấy mà cho hết thấy nhân vật ấy đều không thật có cả sao!

Ngược lại, có những cái chính mắt ta trông thấy mà chắc gì đã là sự thật có? Chẳng hạn như bóng trong gương, trăng dưới nước, hoa đóm giữa hư không... không lẽ chúng đều thật có cả hay sao? Người có chút kiến thức chắc không khỏi bật cười.

Vì vậy cho nên, muốn phán đoán một sự vật gì cho chơn xác, ngoài hiện lượng ra, còn phải dùng đến tỉ lượng, thánh giáo lượng, thí dụ lượng và ngay cả thần thông lượng nữa, nếu có. Hiện lượng, tỉ lượng, thánh giáo lượng và thí dụ lượng có thể do học mà đạt được, chứ như thần thông lượng thì hẳn phải nhờ túc căn hoặc nhờ tu hành trong nhiều đời nhiều kiếp mới có. Và đã nói đến tu thì phải lấy Từ Bi làm then chốt như đã nói ở đoạn trước: có loại Trí do sự học đem lại, lại có loại Trí do công hạnh tu hành un đúc nên.

Đến đây, tôi sực nhớ lại một đoạn sử chép về triều Tự Đức: Phái bộ Phan Thanh Giản sau khi đi sứ nước Pháp về, tâu lại với vua và triều đình: "Nước Pháp có xe hai bánh, đặt bánh trước bánh sau theo chiều dọc mà đi không té, có nước chảy ngược lên lều cao, có đèn không tim chực xuống mà vẫn đỏ, không ngại giông tố gió bão, có dây nói nghe cách trăm ngàn dặm v.v... và v.v..." thì triều đình thấy đều cho là đi xa về nói khoác, bắt tội khi quân! Câu chuyện nhắc lại nghe quá trẻ con, nhưng đến bây giờ nó vẫn còn hàm súc bao nhiêu ý nghĩa! Trước đây năm mươi năm, nghe nói máy bay bay trên trời thì ai cũng buồn cười cho là chuyện khôi hài của kẻ "hiếu sự chi giả, vị chi dã" (). Cho hay, ai ở trong nhãn giới nào thì chỉ thấy được những gì hạn cuộc trong nhãn giới ấy. Sực thấy không xa hơn lỗ mũi đó khiến cho người ta dễ trở nên câu chấp, thiên cận, hẹp hòi, tạo nên những thành kiến tai hại. Những thành kiến ấy, nhà Phật mệnh danh chúng là "sở tri chướng", liên minh với phiền não chướng tạo nên dây oan nghiệt "mỗi khoanh một buộc, ai dằng cho ra"!

Vậy, muốn thật hiểu, thật biết để cầu được giải thoát, phải nương trên năm lượng mà phá trừ sở tri chướng, xây đắp trí giác rồi huân tập từ bi trên căn bản lành mạnh phóng khoáng. Đức Bồ tát Quán thế âm là một gương sáng đủ cho chúng ta soi về phương diện này.

---o0o---

BA THÁNG AN CƯ'

(1949)

Theo thời tiết ở Ấn Độ, một năm chia ra làm ba mùa: Xuân, Hạ và Đông, mỗi mùa bốn tháng. Từ rằm tháng Chạp đến rằm tháng Tư là mùa Xuân. Từ rằm tháng Tư đến rằm tháng Tám là mùa Hạ. Từ rằm tháng Tám đến rằm tháng Chạp là mùa Đông. Mùa Hạ là mùa hay mưa nhất, lại là mùa các loài sâu bọ súc vật sanh trưởng. Nhân đó đức Phật chế luật nhất định dạy hàng đệ tử xuất gia của Phật mỗi năm về mùa Hạ phải nhóm họp nhau lại một chỗ, kiết giới hạn cùng nhau ăn ở tịnh tu trong thời hạn ba tháng, từ rằm tháng Tư đến rằm tháng Bảy. Mục đích là để hàng Tỷ kheo giữ giới bất sát sanh, được hoàn toàn. Vì mùa mà muôn vật sanh nở, phải an trụ một nơi cho khỏi chà đạp sát hại sinh linh, rất có hại đến lòng Từ Bi. Thêm vào một ý nữa: sứ mệnh của hàng đệ tử xuất gia là xen lẫn trong đám bụi trần để tùy duyên hóa độ, rày đây mai đó với ba tấm áo cà sa, ngàn nhà một bình bát, sớm hôm lấy gốc cây làm nơi nương tựa.

Đến ngày sen đã hé nụ ở hồ, báo tin mùa hè sắp đến, các thầy tỷ kheo cùng nhau trở về y chỉ với những bậc tiên giáo thượng tọa để kiểm điểm lại hành vi lợi lạc của mình và tham học đào luyện thêm những phương diện còn thiếu sót hầu mong đủ năng lực để đối phó với mọi ma lực có thể làm chướng ngại trên con đường hoằng pháp lợi sanh. Bởi vậy, thầy tỷ kheo khi đã thọ đại giới rồi lấy ba tháng hạ an cư này làm tuổi của mình, trong kinh thường gọi là Hạ lập. Nhất là hàng niên thiếu tỷ kheo nhất định phải từ năm hạ trở lui không được ly y chỉ, nghĩa là luôn luôn y chỉ theo các bậc kỳ cựu như Hòa thượng (thầy truyền giới), A xà lê (thầy dạy bảo) mà an trú, tuyệt nhiên không được rời xa, nếu chưa đủ năm hạ. Nếu năm hạ đã đủ mà chưa thông hiểu về luật học cũng không được phép rời y chỉ. Cũng vì điều luật nhất định này, chúng tăng không kể tuổi đời nhiều ít mà chỉ lấy mùa kiết hạ là mùa tuổi của mình. Cho nên, người nào không đủ mười hạ không được phép làm thầy truyền giới cho ai, không được phép làm Hòa thượng.

Hàng năm, cuối mùa Xuân, các thầy tỷ kheo cùng nhau tìm chỗ thuận tiện, trên có các bậc thượng tọa đại đức, các thiện hữu chân chính, dưới có các nhà đàn việt cung cấp cúng dường đủ điều kiện dung tất trong ba tháng, các thầy nhóm nhau kiết lập giới hạn, đứng với pháp lục hòa mà an trụ để thanh tịnh tu học, không có cơ hệ trọng chính đáng không ai được phép bước chân ra khỏi giới hạn ấy. Nếu vô cớ vượt ra ngoài giới hạn tức là phá hạ, không được kể thêm một tuổi hạ. Có việc cần thiết như là Tam Bảo sự duyên, cha mẹ hoặc bốn sư tạ thế, phải bạch chúng xin phép y ước từ giờ nào đi đến giờ nào về phải đúng như lời hẹn, nếu sai lời tức là hỏng; nghĩa là phá hạ. Nhưng dù có việc gì quan trọng ít nhất cũng phải an trú từ hai tháng trở lên, nếu ở ngoài nhiều hơn ở trong tức là phá hạ.

Phật lại mở rộng phạm vi cho các người nhiều việc mà chia ra ba thời kỳ an cư: tiền, trung và hậu. Bắt đầu ngày 16 tháng Tư là tiền an cư, ngày 17 tháng Tư đến 16 tháng Năm là hậu an cư; trung an cư tính từ 17.4 đến 15.5.

Đến ngày 15 tháng Bảy, gọi là ngày "tăng tự tứ", ngày "Phật hoan hỷ" hay là ngày "hàng Tỷ kheo nhận tuổi". Cũng gọi là ngày chúng tăng an cư trong ba tháng được viên mãn, nếu xét lại ai có tội lỗi gì từ mắt thấy tai nghe cho đến ý nghi ngờ thì tự mình đem bày tỏ ra trước đại chúng. Đại chúng căn cứ vào giới luật mà xử trị, tùy theo nặng nhẹ, gọi là ngày Tăng Tự tứ. Chư Phật vì trông thấy hàng đệ tử biết tuân theo giới luật tinh tấn thanh tịnh tu hành, hoặc có người tăng tấn đạo nghiệp, hoặc có người hàng phục được ma quân, chứng ngộ vào quả vị thánh, thấy đàn con được nhiều lợi ích trong sự tu tập nên hết sức hoan hỷ, gọi là ngày "Phật hoan hỷ". Hàng Tỷ kheo tinh tấn an cư tu hành thanh tịnh trong ba tháng, mới được nhận mình thêm một tuổi, nên gọi là "ngày nhận tuổi". Trong ba tháng kiểm điểm lại nếu hoàn toàn viên mãn không phạm một lỗi gì, dù là nhỏ, thì được hưởng công đức. Nghĩa là được hưởng quyền lợi trong bốn tháng về mùa Đông như là: được sắm thêm y áo, ngoài các thứ có hàng ngày, được ăn thêm bữa trước giờ Ngọ, được đi lại tự do không phải xin phép, được ngủ lại các chỗ khi quên đem y theo, được biệt chúng mà ăn. Các điều này được hưởng đến ngày Rằm tháng Chạp là hết hạn. Người nào trong ba tháng bị chúng tăng cử tội thì không được hưởng công đức như trên.

Ngày Rằm tháng Bảy cũng gọi là ngày "cứu thoát vong nhân" tức là ngày lễ Vu Lan, ngày hàng Phật tử nhớ ơn cha mẹ đã quá vãng. Trong ngày này, hàng Phật tử vận hết tinh thành cảm niệm đến ân sinh thành trời bể của cha mẹ, cúi đầu trước Tam Bảo, trước hàng Chúng Tăng tu hành trong ba tháng vừa xong nhờ sức chú nguyện, để làm nơi xu hướng đền đáp công ơn cha mẹ.

Đại khái ba tháng hạ an cư của hàng Phật tử xuất gia là thế, đó là luật rất quan yếu của nhà Phật. Phạm ai đã thọ giới rồi phải triệt để tuân theo. Nếu không thì dù người có trọn đời mang áo cà sa cũng gọi là người không có tuổi nào trong hàng ngũ tăng chúng. Người đó không có quyền làm thầy ai, không có quyền độ cho ai xuất gia được. Nhưng nếu nhóm họp nhau an cư mà không đúng theo giới luật, không có thầy dạy bảo sẵn sóc cho chân chính thì trở nên tặc trú (bọn giặc ở với nhau), sự hại cũng không nhỏ.

Hàng niên thiếu Tỷ kheo sau khi năm hạ đã đầy đủ, am hiểu rành mạch về giới luật, thông thạo thế nào là khai, giá, trì, phạm của luật học, hiểu tôn chỉ

một cách thấu đáo; Phật cũng cho phép tùy theo thuận tiện hoàn cảnh ở vào chỗ nào cũng có thể an cư được. Nhưng nếu đến ngày an cư mà bỏ qua tức là phạm tội khinh pháp.

Kính lạy đức Thế Tôn! Trong 2512 năm lại đây, các bậc tiền bối tiên triết của chúng con về trước, cũng như đoàn con em của chúng con theo sau, năm nào về mùa hạ, vẫn tuân theo kim ngôn ngọc luật của Thế Tôn đã dạy mà phụng hành. Chúng con vì nghiệp chướng nặng nề, mãi trôi lăn trong tam đồ lục thú, không có duyên lành trông thấy kim dung. Nhờ được phước thừa của ngày trước nên nay mới lẠm xen vào hàng tăng số, thật vô cùng may mắn. Cho nên, năm nào chúng con cũng không dám bỏ qua những ngày cao quý ấy. Nhất là vài năm lại đây nhân loại đang vùi dập dưới làn khói lửa vô cùng thảm khốc của nạn chiến tranh. Mặc dù không ngày nào là không chứng kiến những sự đau thương giết chóc của đồng loại, chúng con vẫn nhất tâm hướng về Phật. Ngoài bốn phận tu học, chúng con luôn chuyên tâm cầu nguyện cho nhân loại sớm trở lại hòa bình, người còn kẻ mất đều được ánh quang minh của chư Phật che chở.

Kính lạy đức Mục-kiền-liên Tôn giả! Chúng tôi xin nối gót theo Tôn giả, cầu xin mười phương chúng tăng oai thần pháp lực chú nguyện cho cha mẹ, anh em, thầy bạn của chúng tôi trong nhiều đời nhiều kiếp dù oán hay thân và tất cả những ai đã giúp chúng tôi về tài thí cũng như về pháp thí ít nhiều trên đường đạo, đều được giải thoát an vui.

Hôm nay, đồng thời ngày Tự tứ của chúng tăng và Lễ Vu lan, trước giờ phút thiêng liêng rung cảm này, chúng tôi lại càng gia công tinh tấn thêm lên, vận hết lòng thành hầu mong các đức cha lành trong mười phương pháp giới rủ lòng thương xót gia hộ cho chúng tôi được như lời thệ nguyện.

---o0o---

THỬ VẠCH MỘT QUY CHẾ CHO TĂNG SỸ VÀ MỘT CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TĂNG SINH THÍCH ỨNG VỚI NHU CẦU CỦA GIÁO HỘI TRONG HIỆN TẠI VÀ TƯƠNG LAI GẦN

LỜI MỞ ĐẦU

Mở mắt chào đời trong chốn thiên môn, lớn lên giữa bầu không khí thanh thoát của lời kinh tiếng kệ, kịp đến khi nhập đạo lại được gặp nhiều bạn tri thức và được hầu hạ các bậc tôn túc hữu danh đất Thần Kinh. Trên bước đường hành đạo, tôi may mắn gặp được khá nhiều thiện duyên. Nhưng cũng

lắm phen phải đương đầu với nghịch cảnh khó xử. Trong vòng năm mươi năm trở lại đây, những cảnh phé hưng thay màn đổi lớp, những chuyển biến trong tâm tư con người Việt Nam và sinh hoạt xã hội nước ta, đã khiến Phật giáo trên cả ba miền phải vận dụng khá nhiều óc sáng tạo để uyển chuyển thích nghi với từng giai đoạn thăng trầm của lịch sử; hầu mong liên tục phát huy đạo pháp. Những chuyển biến dồn dập ấy, không ai trong chúng ta thuộc lớp tuổi trên dưới sáu mươi mà không biết. Riêng tôi thì tự thân kinh nghiệm cũng khá nhiều và nếm mùi thất bại chua cay vì những ước tính sai lệch cũng không ít. Gần đây, trong sáu năm liên tiếp được ủy thác nhiệm vụ điều khiển Tổng vụ Hoàng pháp cho Giáo hội, tôi lại thu thập thêm một số kinh nghiệm sống mới. Chính những kinh nghiệm này cộng với các kinh nghiệm trước kia, đã hướng dẫn, thúc giục tôi viết ra dự thảo chương trình sau đây. Hầu mong đóng góp chút ít ý kiến thô lậu của mình vào việc cải tiến tổ chức tăng sĩ, ngõ hầu thích ứng được với đà tiến triển của xã hội Việt Nam trong hiện tại và tương lai gần đây.

Hôm nay, trình bày trước chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa dự thảo chương trình này, tôi thiết tha nguyện cầu, trên được Chư Phật gia hộ, dưới được chư tôn vì tương lai của Giáo hội cũng như của con em, lưu ý bỏ khuyết những chỗ sơ sót, nêu các đường nét chính của dự thảo may mắn được quý vị chấp thuận trên nguyên tắc. Trong trường hợp này, một đại hội gồm chư vị giáo phẩm cao cấp nên được Giáo hội triệu tập để thảo luận chín chắn hơn nữa, hầu vạch một con đường đi cho đàn hậu tấn.

---o0o---

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Vì SỰ THẬT hay PHÁP không bao giờ là chất chết khô cứng. Cho nên, tinh thần giáo pháp Phật là tinh thần sống động, uyển chuyển, không cố chấp. Dù Nguyên thủy hay Đại thừa, không ai cãi chối được yếu tố căn bản ấy. Trên bước đường hoằng hóa, Đại thừa còn tiến xa hơn bằng việc tận dụng mọi phương tiện một cách thiện xảo, nhờ đó mà nội dung cương yếu của Pháp Phật truyền bá rất mau và rất rộng, không một trở lực nào cản ngăn nổi. Trải qua 25 thế kỷ của lịch sử truyền thừa, hoàn cảnh nào cũng dung hợp, quốc độ nào cũng thích nghi được. Điều kiện hoàn cảnh, thời gian, quốc độ không hề là những trở ngại đáng kể đến trên bước tiến của Phật giáo. Sở dĩ được như thế là nhờ Phật giáo đã biết linh động tùy duyên, thường cải tiến phương cách tổ chức, luôn thích ứng nhu cầu hoàn cảnh từng xứ, từng thời.

Trước hoàn cảnh đa dạng phức tạp của xã hội Việt Nam chúng ta ngày nay, tôi thiết nghĩ cũng cần phải có một số biện pháp cải cách nào đó mới đáp ứng đúng mức những nhu cầu thực tế do hoàn cảnh đa đoan tạo ra. Có như thế mới mong phát triển đạo pháp trên hình thức nổi, một cách thuận tiện hanh thông trong ngày mai.

Phàm muôn việc sở dĩ thành tựu được là nhờ ở khối óc minh mẫn và tay chân cường tráng. Khối óc minh mẫn tạo nên cấp lãnh đạo sáng suốt. Tay chân cường tráng chính là cấp thừa hành đắc lực chuyên trách trong các ngành.

Trong phạm vi Phật giáo, nhiệm vụ bất di bất dịch của cấp lãnh đạo là thừa kế Tổ đạo, truyền trì giới luật, hướng dẫn tăng đồ và tín đồ về mặt tinh thần, trụ trì các tự viện thuộc hệ thống của Giáo hội. Công tác lãnh đạo còn bao gồm cả việc gây giống ương mầm un đúc tăng tài, để thừa kế Tổ đạo trong ngày mai.

Cấp thừa hành có nhiệm vụ bám sát cơ sở quần chúng, nhằm phát triển đạo pháp trên hai phương diện:

1. Cùng cố tổ chức, dẫn đời vào đạo,
2. Tích cực nhập thế, đem đạo vào đời.

Như trên là những nhu cầu thực tế đang đặt ra cho chúng ta, buộc chúng ta phải có biện pháp thích ứng. Hầu mong, bên trong duy trì được tính cách thuần nhứt của tổ chức Giáo hội, bên ngoài ứng phó dung thông hoàn cảnh xã hội, phức tạp đa đoan như vốn thấy.

---o0o---

II. GIẢI PHÁP ĐỀ NGHỊ

Để đáp ứng các nhu cầu nêu trên, trước hết chúng ta thử cố gắng vạch một quy chế mới cho tăng đoàn, trong đó dịch vụ phụng sự đạo pháp phải được phân công rõ ràng.

A. Phân ngành

Dịch vụ của cấp lãnh đạo tinh thần là những dịch vụ cố định, không vì thời gian hay quốc độ mà có thay đổi như đã nêu trên. Dịch vụ của cấp thừa hành, thiết tưởng nên quy định như sau:

Nhằm đáp ứng nhu cầu của các phương diện củng cố tổ chức và kéo đời vào đạo, cần phân chia ra hai ngành Kiện nội và Hóa ngoại. Về phương diện Hóa ngoại (tích cực nhập thế, đem đạo vào đời), nên phân chia thành: ngành chuyên trách văn hóa giáo dục và ngành chuyên trách công tác xã hội.

Ngành Kiện nội, lo xây dựng bên trong tự viện. Đóng vai trò thân cận của cấp lãnh đạo. Đảm trách mọi công tác củng cố sinh hoạt tinh thần và vật chất của cơ sở.

Ngành Hóa ngoại phụ trách tổ chức tín đồ thuộc mọi tầng lớp xã hội, diễn giảng, hành chánh, giao thiệp. Chính ngành này thực thi đường lối đối ngoại của Giáo hội, tương ứng với các cấp hành chánh ở ngoài đời.

Ngành Văn hóa Giáo dục chuyên trách việc giảng huấn trong đạo và ngoài đời, từ mẫu giáo đến đại học. Một công tác khác không kém phần quan trọng của ngành này là phiên dịch và trước tác.

Ngành công tác xã hội trực tiếp tham gia mọi sinh hoạt xã hội mà không trái với tinh thần giới luật, qua các hoạt động nghề nghiệp hợp với thế đề, để nhiếp hóa chúng sanh bằng tinh thần tứ nhiếp pháp và lo sinh tài cho Giáo hội.

Trong Ni bộ cũng có đủ các ngành như trên, nhưng phạm vi hoạt động hạn cuộc trong riêng bộ chúng mình. Sách lược và đường lối lãnh đạo vẫn nương vào Tăng bộ, đúng như tinh thần giới luật quy định.

Dịch vụ mỗi ngành đã phân định rõ ràng, thì danh xưng tăng sĩ chuyên trách tương ứng nên minh xác để tiện việc sắp xếp một cách quy mô.

Chẳng hạn tăng sĩ thuộc cấp lãnh đạo thì gọi là Trụ trì tăng. Trong ngành Kiện nội gọi là Công đức tăng. Trong ngành Hóa ngoại gọi là Thiệp thế tăng. Trong ngành Văn hóa giáo dục gọi là Giảng huấn tăng. Trong ngành công tác xã hội gọi là Nhiếp hóa tăng.

Đề được sung vào một trong năm ngành nói trên, tăng sĩ phải trải qua một thời gian tu học tại các Phật học viện theo đúng chương trình sẽ quy định ở một đoạn sau.

---o0o---

B. Nhiệm vụ và quyền lợi của học tăng sau khi nhập ngành

a/ - Nhiệm vụ:

- 1.- Trụ trì tăng quản trị các tự viện của Giáo hội từ cấp thấp đến cấp cao nhất. Được sung vào các cấp lãnh đạo tỉnh, miền hay trung ương, nếu hội đủ điều kiện đức hạnh và khả năng.
- 2.- Công đức tăng phụ tá Trụ trì tăng trong mọi vấn đề thuộc sinh hoạt nội bộ của các tự viện, quản trị và phân phối tài sản, xây dựng cơ sở cho tự viện sở quản.
- 3.- Thiệp thể tăng sung vào các ban đại diện Giáo hội các cấp, trừ cấp trung ương (Ở cấp này, nếu được tham dự thì chỉ làm phụ tá thừa hành).
- 4.- Giảng huấn tăng phụ trách công tác văn hóa giáo dục tại các Phật học viện và các trường thế học từ mẫu giáo đến đại học.
- 5.- Nhiếp hóa tăng làm đủ mọi nghề nghiệp tự do như thế tục và thích hợp với sở học về khả năng chuyên môn, phát nguyện hiến thân xây dựng đạo pháp bên ngoài tự viện.

b/ - Quyền lợi:

1. Trụ trì tăng và Công đức tăng:

- Đủ tuổi, được thọ cụ túc giới.
- Có giáo phẩm, có quyền thọ nhận đồ cúng, truyền trì giới luật, thừa kế Tổ đạo, được hưởng tín đồ cúng dường.
- Đề ra các Phật vụ cần thiết để mở mang cơ sở tinh thần của Giáo hội.
- Đề nghị bổ nhiệm, chuyển chuyên, xử trị tăng sĩ các ngành.
- Duyệt xét và hướng dẫn công tác các ngành, trên những đường nét chính yếu, nhưng không xen vào kỹ thuật chấp hành.
- Công đức tăng với tư cách phụ tá Trụ trì tăng trong mọi lãnh vực, được hưởng quyền lợi tương đương với Trụ trì tăng.

2. Thiệp thế tăng, Giảng huấn tăng, Nhiếp hóa tăng:

- Chỉ thọ Sa di bồ tát giới.

- Không có giáo phẩm.

- Sinh sống với thù lao được phụ cấp, hoặc với đồng lương riêng do nghề nghiệp đem lại.

- Lợi tức cá nhân quá một mức nào đó, phải sung vào quỹ chung của ngành mình do một Hội đồng quản trị ngành quản thủ, để khuyến khích trương công tác mới cho ngành hoặc để hỗ trợ ngành bạn, sau khi được cấp lãnh đạo trung ương ý hiệp.

c/ - Phục sức:

1. Trụ trì tăng và Công đức tăng - Thường phục màu vàng, Lễ phục theo cổ truyền, không thay đổi. Sai khác hai bên chỉ ở màu sắc và kích thước: Trụ trì tăng màu vàng đậm, kích rộng. Công đức tăng màu vàng nhạt, kích hẹp hơn.

2. Thiệp thế tăng: thường phục áo tràng nâu, lễ phục áo tràng vàng lợt và mang y.

3. Giảng huấn tăng và Nhiếp hóa tăng: thường phục áo nhật bình lam, lễ phục áo tràng vàng lợt và mang y.

Các ý kiến trên có thể được tóm lược qua sơ đồ tổ chức sau đây:

LÃNH ĐẠO (TRỤ TRÌ TĂNG)

Củng cố tổ chức

KIỆN NỘI (Công đức tăng)

Kéo đời vào đạo

HÓA NGOẠI (Thiệp thế tăng)

Đem đạo vào đời

VĂN HÓA GD (Giảng huấn tăng)

Tích cực nhập thế

CT. XÃ HỘI

(Nhiếp hóa tăng)

Mỗi ngành có một hội đồng quản trị của ngành về mặt chuyên môn.

---o0o---

III. ĐƯỜNG HƯỚNG XÂY DỰNG

Tự biết tài thô trí thiển, nhưng may mắn được Giáo hội ủy thác điều khiển các Phật học viện trong nhiều năm, kể từ thời tiền chiến. Nhờ đó, được thân cận một số thiện hữu tri thức đủ các giới, trong cũng như ngoài Phật giáo. Sau khi cân nhắc sở trường sở đoản của các chương trình học Phật cũng như sở đắc sở thất các thể hệ học tăng nối tiếp. Cộng thêm kinh nghiệm giữ nhiệm vụ hoàng pháp từ Trung Việt đến toàn quốc của Giáo hội. Nay xin cô đúc lại thành bài học sống để thử tìm một kế hoạch xây dựng cho tương lai.

Xét lịch sử Phật giáo Việt Nam, từ lúc bắt đầu cho đến ngày nay tuy đã trải qua non mười tám thế kỷ truyền thừa, nhưng những thế kỷ đầu chỉ là giai đoạn gieo mầm chưa có gì đáng gọi là bền gốc chắc rễ cả. Phật giáo chỉ mới thật sự bén rễ tại Việt Nam là với sự du nhập ngành thiền Đạt-ma của Tổ Tỳ-ni-đa-lưu-chi (tịch năm 594 đời Hậu Lý Nam Đế). Sau đó hai thế kỷ, ngành thiền Việt Nam càng ngày càng lớn mạnh thêm với Tổ Vô Ngôn Thông, một chi lưu của thiền Trung Hoa có gốc từ Lục tổ Huệ Năng. Tuy cùng là thiền Đông độ, nhưng với tổ Huệ Năng, sắc thái Trung Hoa lẫn át hẳn sắc thái phảng phất Ấn Độ của thiền Đạt-ma. Trải qua các triều đại từ thế kỷ VI đến nay, Phật giáo truyền bá tại Việt Nam không chỉ khác hơn là Thiền Trung Hoa, phối hợp với tam giáo.

Sau một thời gian lu mờ kéo dài từ thời Hậu Lê đến suốt triều Nguyễn, Thiền gần như mất hết sinh khí của buổi thịnh thời Cho nên, đã phải phối hợp với Tịnh độ mà tiếp tục sự nghiệp truyền trì.

Từ khi có phong trào chấn hưng Phật giáo vào khoảng năm 1932, các Tăng học đường đã từng cho áp dụng một số chương trình học nhằm mục đích cấp thời ứng phó với nhu cầu giai đoạn. Theo ngu ý thì chưa có một chương trình nào khả dĩ gọi là đầy đủ.

Trên đây là lý do thứ nhất khiến chúng ta phải soát xét lại chương trình học nội điển để xây dựng tăng tài hầu đáp ứng nhu cầu ngày mai.

Lý do thứ hai khiến phải soát xét lại là: Phật giáo ngày nay đã lan tràn khắp năm châu bốn biển. Đâu đâu, người ta cũng đang nghiên cứu và học hỏi giáo lý Phật một cách toàn triệt. Từ giáo pháp Nguyên thủy qua giáo nghĩa các Bộ phái đến giáo lý Đại thừa. Phật giáo tư tưởng sử liên tục và nhất vị từ A Hàm đến Đại thừa đã được nhiều học giả uyên thâm khắp năm châu, từ trong tăng giới ra đến ngoài cư sĩ, soạn thành sách rất minh bạch và quy mô. Phật giáo Việt Nam muốn theo kịp trào lưu, không thể đóng kín cửa, tự giam hãm mình trong một khuôn mẫu phiến diện và cố định được nữa. Cộng thêm vào đó là các nhu cầu thực tế đã nói ở một đoạn trước.

Nhằm đáp ứng các nhu cầu nêu trên, ngay bây giờ cần phải đào tạo học tăng tạm có đủ lưng vốn học thức căn bản về mọi khía cạnh của giáo nghĩa Phật giáo, hầu mong phát triển được đạo pháp trong lòng dân tộc và theo kịp trào lưu chung của Phật giáo thế giới hôm nay và ngày mai.

Để tiện quy định chương trình học Phật, trước hết chúng ta nên xét trong mỗi cấp mỗi ngành phải có cái lưng vốn học thức như thế nào mới khả dĩ đủ để ứng dụng trong ngành mình.

Căn cứ dịch vụ công tác của từng hạng tăng sĩ mỗi ngành, trình độ học thức căn bản của mỗi hạng có thể quy định như sau:

Trình độ tiêu chuẩn bắt buộc: Tất cả học tăng trước khi rẽ ngành, đều phải có sức học tiêu chuẩn:

Học đời: Hoàn tất chương trình trung học hoặc tương đương.

Học đạo: Hoàn tất chương trình trung đẳng Phật học.

Trình độ phải có của mỗi ngành:

Trụ trì tăng: - Tốt nghiệp cao đẳng Phật học

Công đức tăng: - Học lực tùy khả năng, chú trọng về tâm đức và thiện chí phục vụ nhiều hơn.

- Phải trải qua một thời gian thực tập tại các tự viện và thân cận các tôn túc.

Thiệp thế tăng: - Học lực thế gian và nội điển càng cao càng quý.

- Điều quan trọng là phải trải qua một thời gian tu nghiệp hành chánh và thực tập tại các cấp Đại diện hoặc ở Trung ương.

Giảng huấn tăng:- Tốt nghiệp đại học tại các trường đại học Phật giáo hoặc đại học thế gian, chuyên về văn hóa giáo dục, ở trong nước hay ngoại quốc.

- Ở các cấp dưới, tiêu chuẩn thấp hơn, tùy điều kiện của mỗi cấp.

Nhiếp hóa tăng: - Tốt nghiệp các ngành học tự do ngoài đời, từ trung cấp đến cao cấp.

Bị Chú: Sự lựa chọn ngành, hoàn toàn do tùy tâm sở nguyện. Có thể chuyển đổi nếu xét thấy không đủ khả năng theo đuổi ngành đã chọn. Nhưng phải được Hội đồng giám định ý hiệp. Hội đồng giám định gồm bốn tổng vụ: Tăng sự, Hoàng pháp, Văn hóa - Giáo dục và Xã hội. Tăng sĩ thuộc ngành nào, Tổng vụ điều khiển ngành đó phụ trách huấn luyện và nâng đỡ.

---o0o---

IV. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH NỘI ĐIỂN

A. - Cấp Trung đẳng

1. Kinh: - Nhi khóa hiệp giải

- Di giáo

- Tứ thập nhị chương

- Thập thiện, Ưu-bà-tắc

- Tứ A Hàm (trích giảng)

- Na-tiên tỳ kheo

2. Luật: - Tỳ ni, Oai nghi, Sa di giải.

3. Luận: - Cảnh sách giải.

- Duy thức dị giải (Tam thập tụng, Bách pháp)

- Phật học phổ thông (Giáo pháp căn bản)

4. Sử: - Sử Phật.

- Lược sử chư Tổ

- Lược sử Phật giáo Việt Nam

5. Ngôn ngữ: - Việt - Hán - Anh.

6. Thực tập: - Công phu. Nghi lễ.

- Thiền quán (Như lai thiền).

---o0o---

B. Cấp Cao Đẳng

1. Kinh: Trích giảng các kinh sau đây, phối hợp với các kinh trong Tứ A Hàm có căn bản giáo nghĩa tương đương

- Bát nhã

- Giải thâm mật

- Lăng già

- Lăng nghiêm

- Duy ma cật

- Niết bàn

- Viên giác

- Hoa nghiêm

- Pháp hoa

- Đại nhật.

2. Luật:

- Tứ phần (của Pháp tạng bộ)

- Phạm võng (của Đại thừa)

Tham khảo thêm

- Ma ha tăng kỳ của Đại chúng bộ.

- Thập tụng của Hữu bộ

- Di sa tặc của Hóa địa bộ

- Tạng Luật của Theravada.

3. Luận:

Ba trường phái lớn

a/ Không Tông - Chủ đề: Kinh Bát nhã:

- Thành thật luận

- Trung quán luận

- Thập nhị môn luận

- Bách luận.

b/ Hữu Tông - Chủ đề: Kinh Giải thâm mật:

- Câu xá luận

- Ngũ uẩn luận

- Nhiếp đại thừa luận

- Du già sư địa luận

- Duy thức luận

Tổng hợp Không Hữu:

- Đại thừa khởi tín luận.

c/ Mật Tông:

- Mật giáo cương yếu của Vương Hoằng Nguyên dịch

(Chủ đề: Kinh Đại nhật)

4. Thiền học:

- Ngũ lục Trung Hoa (trích giảng)

- Ngũ lục Việt Nam (trích giảng)

- Tham khảo thêm: Thiền luận của Suzuki.

5. Sử:

- Sử Phật giáo Ấn Độ, Trung Hoa, Tích Lan và các nước Đông Nam Á.

6. Đông Tây triết học:

- Luận lý học (bao gồm Nhân minh)

- Triết Tây đại cương

- Nho và Bách gia

- Lão Trang.

7. Ngôn ngữ: Cổ ngữ

- Hán (bắt buộc)

- Sanskrit, Pali, Tạng (nhiệm ý)

Sinh ngữ

- Việt, Anh (bắt buộc)

- Quan Thoại, Nhật (nhiệm ý)

8. Thực tập:

- Công phu, nghi lễ
- Thiền quán (Tổ sư thiền)

Bị Chú:

a) Các kinh sách tham khảo thêm sẽ do giáo sư giảng huấn mỗi môn đề nghị.

b) Trong buổi đầu mới áp dụng, chương trình này có thể tùy nghi co giãn theo nhu cầu.

c) Sau khi hoàn tất chương trình, sinh viên phải trình luận án về một tông phái mà mình ưa thích hoặc một bộ kinh hay luận do chính mình dịch.

Nha Trang, mùa An cư 2515,

Ngày vía Quán thế âm, 9.8.1971

THÍCH TRÍ THỦ

Giám viện Phật học viện Nha Trang

Tổng vụ trưởng Tổng vụ Hoằng pháp Giáo hội PGVNTN.

---o0o---

LỜI GIỚI THIỆU

(Trong cuốn Liễu sanh thoát tử)

Trước đây cách hai ngàn năm trăm mười hai năm, đức Phật đã từng dạy với các đệ tử rằng: "Trong một bát nước có đến tám muôn bốn ngàn vi trùng". Thời ấy nếu ai nghe qua chắc không khỏi mỉm cười mà cho là hoang đường hay vô lý, rồi đem lòng ngờ vực không tin. Nhưng mặc dầu ai không tin mà sự thật bao giờ cũng là sự thật, không phải vì không tin mà kém mất phần giá trị của nó.

Tập sách Liễu sanh thoát tử, hay Cứu độ trung âm thân này chính do thời Liễu dịch. Nguyên Cư sĩ đã dày công sưu tầm trong các kinh điển mà biên

soạn ra. Thầy Thích Quang Phú giáo sư Phật học đường Báo Quốc, sau khi dịch xong, đã đưa cho xem. Tôi nhận thấy trong đó có nhiều điểm rất hay đối với nhân tâm thế đạo. Không những thế, nó cũng có thể giúp ích một phần nào cho những ai đang nghiên cứu về phần Linh học.

Tôi thiết tưởng hàng Phật tử xuất gia nên coi vào đây mà lo trau dồi đức hạnh, đào luyện thân tâm, hầu cứu vớt sanh linh thoát vòng đau khổ, để thực hành công việc lợi tha trong muôn một. Hàng Phật tử tại gia cũng nên xem vào đây mà thực hành cứu độ cho thân linh trong giờ phút cuối cùng "ngàn thu nhất biệt". Hầu mong tỏ lòng hiếu thảo chơn chánh và cải bỏ những tục lệ phiền phức sai lầm trong khi tang lễ, hòng gây một phong tục chánh tín Phật pháp ở tương lai. Như thế hẳn là một tập sách đáng đem truyền dạy đó.

Còn nói về Trung âm thân, thì theo như lời Phật dạy: Chỉ có người nào đã chứng được Đạo nhân mới xem thấy, Ngoài ra, những kẻ phàm phu chưa chứng thánh trí thì không thể nào trông thấy được. Thế thì nó hoang đường mê tín hay không sẽ có thời gian trả lời. Cũng như ngày nay không cần phải giải thích, nhưng với sự thật, mọi người đều thấy trong nước có vô số vi trùng.

Với thời nay, tôi mong rằng hàng Phật tử tại gia cũng như xuất gia, ai nấy đều nên y theo trong đó mà làm thì kẻ đã chết cũng như người còn sống sẽ hưởng được nhiều phần lợi ích. Thật ra, đạo Phật không chỉ chú trọng lúc sắp chết, mà khi đang sống phải cần được an vui. Cho nên, ngoài những phương pháp hành trì khi đang sống, đức Phật còn chỉ cho ta những việc cần thực hiện khi sắp chết hoặc đã chết. Vậy thì chúng ta không có quyền nói đạo Phật chỉ chú trọng cái chết mà bỏ quên sự sống.

Bởi lẽ ấy, tôi xin kính lời giới thiệu cùng toàn thể Phật tử.

PL.2512, Báo Quốc ngày 10 tháng Chạp năm Kỷ sửu

Giám đốc Phật học đường Báo Quốc

THÍCH TRÍ THỦ.

---o0o---

LỜI GIỚI THIỆU KINH KIM QUANG MINH

Phàm chơn tâm là ngoài mọi đối đãi, tuy hòa vào muôn vật mà vẫn thường còn bất biến. Nhưng diệu hạnh rất khó lường, tùy các duyên mà ứng hiện cùng khắp. Đứng về mặt đế lý chơn thật thì không chấp nhận một mảy trần; nhưng về sự tướng, cũng như công hạnh tu hành thì không bỏ một pháp nào cả. Đức Phật thuyết Kinh KIM QUANG MINH là y nơi chơn tâm thanh tịnh mà kiến lập hạnh giải thoát, để dắt dẫn chúng sanh ra khỏi tà mê. Đó là Bảo tạng pháp môn Đốn viên đại dụng. Bởi vì, Bồ tát chẳng sa vào hành chấp Không. Nhưng muốn đạt được pháp thân lại không thể tìm trong hữu tướng Có. Có, Không cộng lập. Sự, Lý, dung thông; là yếu chỉ của Kinh vậy.

Đại đức Thiện Trì nguyên là vị tăng sinh xuất sắc nhất, xuất thân từ trường Phật học chuyên khoa nội trú Liễu Quán Linh Quang, Huế, do Giáo hội Phật giáo thống nhất Thừa Thiên chủ trương. Nhờ sự chiêu cố của quý ngài trong Ban giáo thọ, và sự cố gắng sau những năm tại nhà trường, Đại đức đã có công nghiên cứu và dịch thích bộ kinh Kim Quang Minh rất rõ ràng chu đáo; lại được Thượng tọa Thích Thiện Siêu giáo chính và Thượng tọa Thích Mật Nguyên cũng như nhiều ngài đã đọc qua đều hứa khả bản dịch này.

Tôi tin tưởng ở khả năng của Dịch giả và sự chỉ giáo của quý Thượng tọa. Nhất là qua lời Tựa của Thượng tọa Thích Đức Nhuận và Lời nói đầu của Dịch giả, tôi thiết tưởng cũng đã đầy đủ không còn biết nói gì hơn.

Nhân danh Tổng vụ trưởng Tổng vụ Hoàng pháp, tôi trân trọng giới thiệu với chư tôn Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức tăng ni và thập phương Phật tử lưu tâm đọc tụng và phổ biến rộng rãi. Để được lợi lạc quần sanh và khỏi phụ bản hoài độ sanh của Phật tổ.

Nam mô Kim Quang Minh hội thượng Phật, Bồ tát Ma ha tát.

Viết tại Quảng Hương già lam, Gia Định,

Phật đản 2515

Hòa thượng THÍCH TRÍ THỦ.

---o0o---

LỜI GIỚI THIỆU CHO TẬP SAN CÔNG ĐỨC NHÃN NHỤC CỦA NI CHÚNG DIỆU ĐỨC

Muốn đánh dấu một trình độ tu tập, muốn ghi lại một vài quan điểm, kinh nghiệm lợi ích thiết thực đã điều luyện trong những ngày tịnh tu theo giáo lý vô thượng, và cũng để kỷ niệm ba tháng an cư vừa qua; các cô tu học tại trường Sư nữ Diệu Đức đã viết tập Công đức nhĩn nhục này.

Trong tập sách, các đạo hữu muốn tìm một áng văn tuyệt tác hay một giáo lý thâm huyền, chắc chắn khó có thể làm thỏa mãn được. Nhưng nếu các đạo hữu muốn có một phương châm để lập thân xử thế, muốn đạt mục đích thành công theo chí hướng của mình bất cứ trường hợp nào, tôi thấy tập sách này không phải là vô bổ. Vì nhĩn nhục là nền tảng cho cả hàng muôn ý nghĩ lành mạnh, lời nói lành mạnh và việc làm lành mạnh.

Và chỉ có con người lành mạnh mới tạo nên một thế giới an vui kiện toàn.

Vậy tôi xin chân thành giới thiệu cùng toàn thể Phật tử và những ai là người có chí muốn xây dựng cái sống cho tự thân, cho gia đình và cho xã hội.

THÍCH TRÍ THỦ

1.10.1954

---o0o---

CHÚC TẾT

Nhân dịp xuân Tân sửu về, thay mặt toàn Viện, tôi xin gửi đến quý Đại đức Tăng Ni, quý vị thiện tín đã góp nhiều công đức vào việc kiến thiết Phật học viện và toàn thể Phật tử mười phương Lời Chúc Năm Mới.

Trong ánh Xuân tỏa ngời hào quang của Đấng Từ thị, Chúng tôi cầu chúc quý vị một năm mới an lạc và tinh tấn.

Chúng tôi cầu mong ánh Xuân về mang lại cho quý vị niềm vui bất tận như niềm vui của ánh đạo Giải Thoát nhiệm mầu.

Nam mô Từ thị Di Lạc Tôn Phật

Giám viện Phật học viện Trung Phần

Thượng tọa THÍCH TRÍ THỦ.

---o0o---

VIỆT NAM PHẬT GIÁO BÁCH KHOA TỪ ĐIỂN TỰA

Việt Nam Phật giáo Bách khoa từ điển giả tông Thiên lâm chi chúng nghiệp, hợp giáo hải chi quần lưu, hân phiên tả ngoại vô minh, khoản khái vật tâm hữu lậu, thả khai đại tạng chi thược tử nãi tác tiểu căn chi trí đạo, kỳ soạn thuật ban chi thành lập dã. Khả xưng tam ban bất hủ nhi lập ngôn chi nhất, năng thừa ngũ chủng pháp sư nhi diễn dịch vi tiên.

Thiết văn hiện kim sử học Phật pháp du nhập phương Đông, Việt Nam tiếp thọ chi tiên, Trung Hoa thuận tông chi hậu. Sở vị pháp vũ triêm nhu ngô quốc tự đệ nhưt thế kỷ, suất do Giao Chỉ thị giác đạo chi giao điểm, Cửu Chân thị trúc đản chi phùng nguyên, khả tín hỷ.

Nhiên tắc kinh nhị thiên tải như hà vị biệt hữu tam tạng cập Phật học Bách khoa từ thư tập thành Việt ngữ. Tự niệm ngoại bang chi xâm lược, ưu bát chi nuy nhu; văn tự chi phôi thai, dịch biên chi thảo sáng, sử nhiên dư thâm khả di hám dã nhĩ!

Hồi tưởng nhị thập niên tiên, dư nhiệm Nha Trang Phật học viện chi giám đốc, triêu ưu tài chúng đạo nha, tịch ưu trác ma pháp khí, chung nhật tuy hân hữu kỷ hà thời, thâm tâm nhi hằng lưu hồ thử tác. Tích tai binh tiền cạnh phát, kinh cực hoạnh sinh, cố sử bản hoài vị toại.

Cận lai lương duyên khánh hội, chư thiện tri thức quảng phát đại tâm, thường tích thốn âm nhĩn lao cộng tác, thị cố tư thư di dĩ nhi cáo thành hỷ.

Tông tư đối ưu thử điển Hoa Phạn hoán cách Việt tự, quyền dư kỳ chuyển âm phù luật lữ, kỳ thích nghĩa khế chỉ tôn, bất dụng tha sơn chi thạch, toàn bằng y lý chi châu, phi thị giao trụ cổ sắc, đích nhiên phá để vi viên, khả vị đại hạn lưu kim, phụ ngư mộc Tây giang chi thủy, kiệm niên kiệt lạt, cùng tử hoạch trưởng giả chi trân. Túc dĩ ích tư Việt Nam văn hóa cao tiêu thế giới tòng thư.

Hướng hậu toàn thể diệu âm tương liêu lượng, đại pháp tạng kinh tất dĩ kế tung. Thị tác thù tạ Tam bảo chi hồng ân. Hoẵng truyền Như Lai kim khẩu. Thâm vọng hải nội cao minh từ tâm bồ khuyết, dư bất thắng kiêu xí chi chí. Cần tự.

Phật lịch nhị ngũ nhị tứ niên, Công nguyên nhứt cửu bát thập tuế, tại Mậu thân Quán thế âm Bồ tát đản nhựt. Việt Nam Phật giáo thống nhất giáo hội Hóa đạo viện Viện trưởng Sa môn Thích Trí Thủ huân mộc kính đề.

---o0o---

**VĂN ĐẮC PHÁP CHÁNH PHÁP NHÃN TẶNG
CÁI VĂN**

Oai âm vương dĩ tiền, vô Phật danh, vô chúng sanh danh. Thử thời chánh thị đạo kỳ, thị vô nhân giác tri, cổ ngã.

Phật Thế tôn vị nhất đại sự nhân duyên cố xuất hiện ư thế, tùy cơ thuyết pháp tứ thập cửu niên, tam bách dư hội. Cát đặng ký nhi hóa duyên tương tất. Kim khâu tuyên ngôn, thủy chung bất thuyết nhất tự. Cổ ư Linh sơn hội thượng, Thế tôn niêm hoa, đại chúng mang nhiên. Ca điệp phá nhan vi tiểu. Phật ngôn: ngô hữu chánh pháp nhãn tạng phó chúc ư nhữ. Do thị tương y bát truyền dữ:

Ma ha Ca điệp Tôn giả vi đệ nhất tổ.

Đệ nhị tổ A nan đà Tôn giả,

Đệ tam tổ Thương na hòa tu Tôn giả.

Truyền chí

Đệ nhị bát tổ Bồ đề đạt ma Tôn giả,

đồng thời vi Đông độ sơ tổ.

Đệ nhị tổ Huệ Khả đại sư.

Đệ tam tổ Tăng Xán đại sư.

Đệ tứ tổ Đạo Tín đại sư.

Đệ ngũ tổ Hoằng Nhãn đại sư.

Đệ lục tổ Huệ Năng đại sư.

Thủ truyền

Đệ nhất đại Nam Nhạc Hoài Nhượng đại sư.

Đệ nhị đại Mã Tổ Đạo Nhất đại sư.

Đệ tam đại Bách Trượng Hoài Hải đại sư.

Đệ tứ đại Hoàng Bích Đoan Tế đại sư.

Phái truyền

Đệ nhất thế Lâm Tế Nghĩa Huyền thiền sư.

Đệ nhị thế Hung Hóa Tôn Trương thiền sư.

Đệ tam thế Nam viện Huệ Ngung thiền sư.

Truyền chí

Đệ tam thập nhất thế Mộc Trần Đạo... Hoàng Giác Quốc sư

Đệ tam thập nhị thế Tuyết... Chơn Phác.

Đệ tam thập tam thế Đại Xa Như Trường Thượng Tổ Hòa thượng.

Đệ tam thập tứ thế Tử Dung Minh Hoàng lão tổ Hòa thượng.

Đệ tam thập ngũ thế Liễu Quán Thiệt Diệu Hòa thượng.

Đệ tam thập lục thế Lưu Quang Tế An Hòa thượng.

Đệ tam thập thất thế Chiêu Nhiên Đại Văn Hòa thượng.

Đệ tam thập bát thế Phổ Tịnh Đạo Minh Hòa thượng.

Đệ tam thập cửu thế Nhất Định Tánh Thiên Hòa thượng.

Đệ tứ thập thế Kỷ Cương Hải Thiệu Hòa thượng.

Đệ tứ thập nhất thế Thanh Chân Viên Giác Đại sư.

Đệ tứ thập nhị thế Trùng Thông Viên Thành Đại sư.

Bổn Sư phó ngã kê vân:

Vật ngã nguyên phi dị

Sum la kính tượng đồng,

Tâm đấng chiếu vô tận,

Động tịnh thể viên dung

Vi tứ thập tam thể Đạo Giám Trí Thủ đại sư. Nhân giả tác khai hóa nhất thiết thiện tri thức đấng đại nhân duyên thượng cung hạ kính hòa quang tiếp vật hành lục hòa chúng từ bi bất yết hiện lượng vô phân hòa kỹ hòa tha chơn biểu tín nhĩ.

Phó pháp kệ:

Hải tánh nan tư nghị,

Thừa đương nhân tự tri,

Không hoa do nhãn ế,

Sanh Phật tất giai phi.

Đệ tứ thập tứ thể pháp tử pháp danh Trùng San, tự Minh Hiền, hiệu Hải Tuệ đại sư.

Oai Âm Vương dĩ tiền dĩ pháp ấn tâm, Oai Âm Vương dĩ hậu dĩ tâm ấn pháp như thị trân trọng.

Thừa Thiên, Báo Quốc tự trụ trì Sa môn Thích Trí Thủ thọ ký.

Phật lịch nhị thiên ngũ bách bát niên,

Tuế thứ Ất tỵ Nhị nguyệt Sơ bát nhựt phó.

---o0o---

VIỆT NAM PHẬT GIÁO THỐNG NHẤT GIÁO HỘI TẶNG GIÀ BIA MINH

Phù đạo chân Tây càn, pháp lưu Đông độ. Tông truyền Bắc quốc, chỉ thọ Nam bang. Ngã quốc tự Khương Tăng Hội phạm thanh chi thủ xướng, kế Tỳ Ni Đa vi tiêu chí tông thành, chí kim, thiên bát bách dư niên. Đại đại tương thừa, tâm tâm thọ thọ, bất thảng kỹ ký. Đương kim chi thế Hòa thượng kỳ hơn dư.

Hòa thượng Quảng Trị tỉnh, Triệu Phong phủ, Ái Tử hương nhơn, tánh Lê thị, phụ danh Văn Xung, mẫu húy Trần thị. Thế gia nghiệp Phật. Vu Dương lịch nhất bát thất bát, Giáp dần Chánh nguyệt Thất nhật sanh. Bẩm tánh từ hòa, huệ căn thâm cố. Thập bát tuế đồng chơn nhập đạo, y Từ Hiếu tự Tâm Tịnh Hòa thượng vi bổn sư, kinh nhị tải thế phát, thọ sa di giới pháp danh Trùng Thủy, tự Chí Thâm, tự Lâm Tế tứ thập nhị thế, Liễu Quán pháp phái đệ bát thế. Tư hậu tùy thị bổn sư kết thảo am tu trì, tức Tây Thiên tự thị dã. Niên nhị thập bát, lễ Quảng Nam Phước Ân tự Vĩnh Gia Hòa thượng, cầu thọ đại giới. Kế dự pháp huynh Giác Tiên Hòa thượng khai kiến Trúc Lâm thảo am. Dĩ lưu thiền quán, tức kim Trúc Lâm tự thị dã. Kế chi đặc pháp Đại sư hiệu Giác Nhiên, kệ viết:

Giác tánh tự thiên nhiên

Sắc không bất hiện tiền.

Vật ngoại nhàn nhơn sử,

Cần tu bổn lý Thiên.

Dương lịch nhất cửu nhất thập, Tâm Tịnh đại lão Hòa thượng viên tịch. Hiếu sự tất, đầu Thiên Hưng tự Huệ Pháp Hòa thượng tham học lịch số tải. Hựu phát túc tham phương, đạo hạnh chiêu trước, thường dĩ Thiên luật trì danh. Khải Định Kỷ mùi sắc vi Thánh Duyên quốc tự trụ trì, tầm thặng y tự Tăng cang. Dương lịch nhất cửu nhị cửu, Sơn môn tăng già cung thỉnh vi Thiên Tôn tự Tổ đình trụ trì. Lịch nhị tải, trùng hưng tự sở quang huy. Niên thời đình muội vận, đạo pháp lãng di, nhân tâm ly tán. Nãi dĩ Phước Huệ, Giác Tiên, Tịnh Hạnh, Tâm Minh chư thượng nhơn, vu Dương lịch nhất cửu tam nhị sáng lập An Nam Phật học hội, kiêm tác chứng Đại Đạo sư. Tán trợ Tâm Minh Lê Đình Thám Bác sĩ xuất bản Viên Âm tạp chí, nỗ lực xương minh Phật giáo, khôi phục tiền hiền, đại chấn nhất kỳ chi âm hưởng. Hậu tam tải, tịnh Tâm Minh cư sĩ thiết lập Tây Thiên Phật giáo đại học đường, cung thỉnh Bình Định Thập Tháp Phước Huệ Hòa thượng vi thân giáo sư đào chú hậu côn, tác tương lai nhân; nhi Hòa thượng vi kỳ giám đốc dã. Dực niên trác tích, Đà thành kiến lập thử Tỉnh thị Phật học hội. Dương lịch nhất cửu ngũ lục nhậm Nha Trang Trung phần Phật học viện Viện trưởng, tịnh cai Viện Đại giới đàn, đàn đầu Hòa thượng. Thử thời Hòa thượng dĩ kinh lược thứ vi đàn đầu Hòa thượng, Nhị độ vi Yết ma a xà lê; kỳ giới đồ thất chúng thiên vạn hữu dư nhi tri danh giả bất thiếu kỳ nhơn. Dương lịch nhất cửu ngũ bát sung Trung phần Phật học hội Hội trưởng, lịch tứ tải Phật sự thịnh hành, nhi

ma ngoại kinh úy. Vu Dương lịch nhất cử lục tam Quý mỗ, Phật đản kỷ nhật, tư Ngô triều thiện quyền hà chánh; triết hạ Phật kỳ tăng ni thọ hại, Phật tử nhất tề quật khởi, Hòa thượng dữ chư trưởng lão, bắt từ mạo quyện, trụ trượng xuất chúng đấu tranh. Tịnh chi Phật giáo an hành, tự thị Việt Nam Phật giáo thống nhất giáo hội thành lập, Hòa thượng sung vị Tăng thống viện trung ương giáo phẩm trưởng lão Hội đồng chi thành viên. Đặc biểu Hòa thượng nội uẩn khoan minh chi tâm, ngoại thí giản huệ chi đức. Dương lịch nhất cử thất thập hữu tác Vĩnh Gia đại giới đàn Đàn đầu hòa thượng. Kỷ chí Đệ nhất Tăng thống Thích Tịnh Khiết Hòa thượng viên tịch ư Dương lịch nhất cử thất tam Quý sửu xuân, Giáo hội thất chúng, nhất tề suy tôn Hòa thượng kế vị Đệ nhị thế Tăng thống. Thời nhi chiến sự vu khốc liệt cố, đấng vị chi sơ, tiếp nhiều trí lực vận động hòa bình, công bố dân tộc hòa giải hòa hợp chi Thông điệp. Giang sơn giải phóng chi hậu, đạo hướng Phật giáo đồ tẩn tu tự lợi lợi tha chi pháp hạnh, dự toàn dân đại đoàn kết vu phú quốc cường dân, thật thị Bách Trượng thanh quy chi ý chỉ.

Bất giác Dương lịch nhất cử thất cửu Kỷ mùi Chánh nguyệt Lục nhật Dân bài, vô bệnh tập chúng di ngôn, an nhiên thị tịch. Thế thọ nhất bách linh nhị, Giới lập thất thập tứ. Giáo hội thất chúng thâm hàm kỳ công cao, ngưỡng mộ kỳ đức đại, cộng tương khuyến mộ tác nhất phương phần dĩ tạng bách niên sanh tử chi khu; nhi tác vạn đại chiêm y hữu sở. Công thuyên, mạng dư vi tác bia ký. Tự ngoan lương sơ, nan kham trọng nhậm. Nhiên nhi tứ thập dư niên sư trưởng thiện hữu chi tình thâm... Cố nan từ , nãi cường sưu kỳ sử sự chúng sở cộng tri, khảo vi chi thật lục như thượng.

Y! Hòa thượng chi sanh bình chí hạnh kiêm trinh, công đức phong vĩ, đa thức quả ngôn, nghiêm từ trì vật, thiên cơ mật khế, đạo đức nguy nguy, thành vi pháp hải hồng chu, tông lâm đại thọ. Khởi thủ chuế ngôn tai, viên lục (đắc) thời Bích Phong Đại sư thán từ căn gia nhất tụng đại vi minh viết:

Hưu vu tai!

Từ phiến xuân phong

Bi triêm hạ vũ

Thu nguyệt cô viên

Đông tùng độc tú

Đại châu sa giới

Phi khứ phi lai

Tế thập vi trần

Vô tình cô xú

Đồng chơn hương Phật

Phước trí kiêm tu

Nhất ngộ nhập trần

Sư tư thọ thọ

Phi y trì bát

Lợi phổ nhơn thiên

Phú kệ đàm kinh

Đạo thông truy tổ

Tăng cang nhĩ nhật

Hải chúng hàm y

Hòa thượng đương thời

Giới châu quảng bố

Việt Nam Phật giáo

Tăng thống kế thừa

Đại đạo chiêu thù

Hàm linh ngưỡng mộ

Diêm phù đại mãn

Trực hướng vô dư

Tứ chúng kiên cầu

Tháp lưu tư độ.

Nam mô Lâm Tế tứ thập nhị, sùng hưng Thiên Tôn tự tổ đình trụ trì, sung Việt Nam Phật giáo thống nhất giáo hội đệ nhị thế Tăng thống thượng Trùng hạ Thủy hiệu Giác Nhiên Đại lão Hòa thượng Giác linh tác đại chứng minh.

Thời, Phật lịch nhị ngũ nhị nhị, Dương lịch nhất cửu thất cửu Kỷ mùi Xuân.

Hóa Đạo viện Viện trưởng hậu học Thích Trí Thủ cẩn soạn.

Bia Cổ đệ nhị Tăng thống, Hòa thượng Thiên Tôn.

---o0o---

KỆ PHÚ PHÁP

PHÚ PHÁP DỰ HẢI TUỆ ĐẠI SƯ

Hải tuệ nan tư nghĩ

Thừa đương nhọn tự tri

Không hoa do nhãn ế

Vô thị diệc vô phi.

PHÚ PHÁP DỰ THÍCH ĐỨC THIỆU.

Dĩ Đức Thiệu gia phong

Cổ kim như thị đồng

Pháp quang hương bất tận

Hải ấn thể hàm dung.

PHÚ PHÁP DỰ THÍCH ĐỨC TÂM.

Đức vi trí giả Tâm

Hà tu hướng ngoại tầm

Hữu vô thường đoạn luận

Hải tạng bất duy tâm.

PHÚ PHÁP DỰ THÍCH ĐỨC PHƯƠNG.

Cổ dĩ Đức lưu Phương

Ly không hữu đoạn thường

Tâm hương thù hải nguyện

Vĩnh kiếp bạn y vương.

PHÚ PHÁP DỰ THÍCH ĐỨC CHƠN.

Ba trùng tâm nguyệt hiện

Nhãn ế loạn hoa sanh

Đức Chơn tâm thường tịnh

Hải tánh tự nhiên thanh.

PHÚ PHÁP DỰ THÍCH PHƯỚC ĐƯỜNG.

Chư pháp sanh bất sanh

Chư pháp diệt bất diệt

Phước Đường vô tận tạng

Hải đức biến trang nghiêm.

PHÚ PHÁP DỰ THÍCH PHƯỚC CHÂU

Phước đức thắng minh châu

Bất lao ngoại hướng cầu

Hải đăng thường tịch chiếu

Bảo tạng bất thắng thâm.

PHÚ PHÁP DỰ THÍCH PHƯỚC NHƠN

Phước địa đãi phước nhơn

Vãng lai an cát tường

Hải tâm hoàn hải nguyện

Xuất nhập tận dung thông.

---o0o---

THƠ VÀ CÂU ĐỐI THƠ VIẾT TRONG ĐỜI SỐNG ĐẠO

PHẬT HỌC VIỆN NHA TRANG

Mang mang trường dạ trung

Tam bảo vi minh đăng

Thao thao khổ hải nội

Tam bảo vi từ hàng.

Hoang mang giữa quãng đêm dài

Này ngôi Tam bảo là đài quang minh

Ngập trời bề khổ lênh đênh

Này ngôi Tam bảo sanh linh thuyền từ.

Kỷ niệm Phật đản 2505

THÍCH TRÍ THỦ

---o0o---

CUNG KỶ TỪ HIẾU TỔ ĐÌNH KHÁNH THÀNH CHI LỄ

Mạc nhĩ Thiên tôn truy tư Tổ

Đức quang hỷ từ bi đại tai

Hùng lực Từ Hiếu gia danh

Xuân sơn tịnh vức bất ý bất thiên.

Duy tinh tình nhất thị pháp trường

Ngung kỳ nghi bất hoặc lịch đại

Miên miên tiêu tâm dục dục

Vạn cổ chân phong yết kỳ hữu cực.

Phật lịch nhị thiên ngũ bách tứ niên

Canh tý Mạnh Đông

Ba La, Tra Am tọa chủ hiệu Trí Thủ

Tịnh môn pháp bái thượng.

(Câu đối ở chùa Từ Hiếu, đề tặng Hòa Thượng Tọa chủ nhân lễ khánh thành chùa).

---o0o---

ĐỀ TẶNG HÒA THƯỢNG CHÙA CHÂU LÂM.

Mỹ hỷ đạo sư, cú sư tử tòa, diễn đại pháp âm

Hoán tỉnh mê non văn diệu kệ,

Thiện tai văn sĩ, trước tộ cầu y, hiện tiểu thừa tướng

Vãng hồi cùng tử phó gia trần.

---o0o---

ĐỀ TẶNG CHÙA BA LA, HUẾ

Bán thiên chung bích nhập Kỳ viên

Mãn địa hoa hương khai Phật quốc

(Câu đối)

Dĩ Đức Trì thân hảo tác nhân

Tam sinh thạch thượng thủ tinh thần

Hành thâm Bát nhã Ba la mật,

Mãn địa thiên hoa bất trước thân.

(Phật lịch nhị ngũ nhất ngũ, Tân hợi Thu)

---o0o---

ĐIỀU SƯ HUYNH TRÍ GIẢI

Tam sanh thạch thượng ức tiền duyên,

Nhân, ngã, đồng tham Đại Phổ Hiền.

Quy khứ bất phùng, vân tán tụ,

Cô tùng, hạc lãnh, nại hà thiên!

Dịch

Ba sanh hòn đá nhớ tiền duyên,

Cùng học cùng tu hạnh Phổ Hiền.

Đi mất, ngại gì mây tán tụ!

Tùng cô hạc lạnh nói sao nên!

---o0o---

NƯỚC TÀO KHÊ

Khe Tào nước chảy về Đông,
Bát bình nổi dôi lâu không nhớ ngày.
Trăng thiên nào khác xưa nay,
Viên Thành ấn chúng đã dày công tu.

---o0o---

TỤNG KINH HOA NGHIÊM CẢM TÁC

Phân hương nhứt nguyện Pháp không vương
Đại hạnh đồng tham biển cát tường
Sát hải trần thân thi diệu lực.
Trầm kha chướng loại tận an khương.
Đốt nén tâm hương trước Phật đài
Phổ hiền hạnh cả nguyện nào sai
Hiện thân cát bụi vào muôn nẻo
Chữa bệnh trầm kha khắp mọi loài.

---o0o---

CẢM NIỆM PHẬT THÀNH ĐẠO

Đêm sâu từ bỏ chốn hoàng cung
Cắt đứt dây thương bận mấy vòng
Chữ đạo nằm trên gai phú quý

Thề đem muôn loại thoát lao lung.

Lao lung đau khổ chôn trần ai
Bể ái nguồn ân chìm nổi hoài
Động mối bi tâm nguyên tát cạn
Trái bao sương tuyết cũng không nài.
Không nài thể chất có và không
Khám phá cho ra manh mối lòng
Đạp vỡ hồng trần gương trí rạng
Đốt đèn chân lý dẫn quần mê.

Quần mê theo dõi ánh từ quang
Hỗ biến rừng mê khỏi lạc đoàn
Mưa móc thấm nhuần cơn sống chết
Nhớ ơn Từ Phụ mãi lo toan.

Lo toan xin đốt nén tâm hương
Vớ nhánh quỳ hoa ngỏ cúng dường
Thành đạo bốn phương trời chấn động
Muôn linh mừng thấy đấng Y Vương.

Y Vương chứng tỏ khối lòng châu

Trăm kiếp nghìn đời nguyện cúi đầu
Sứ mạng làm tròn thân đệ tử
Chiếu đèn diệu huệ giữa đêm sâu.

(1948)

---o0o---

TẶNG ĐỒNG MINH ĐẠI SƯ

Nhất thừa thật tướng ẩn
Pháp pháp tận viên dung
Từ bi vô quái ngại
Tứ cú bách phi không.

HƯỚNG VỀ

Mỗi lần xuân hết hè sang,
Hồ trong sen nở nhụy vàng phôi hương.
Đàn con Phật, khắp muôn phương,
Hương lòng thành kính cúng dường Đản sanh.
Thâm tâm truy niệm ân lành,
Nghìn xưa Ưu bát một cành ngát hương.
Nhớ thuở ấy, lúc tan sương,
Nhạc trời rung cảm, bốn phương thái bình;
Muôn chim ca khúc bình minh,

Cha lành cứu khổ ứng sinh Diêm phù,
Tám mươi năm mãn công phu,
Sa la ản bóng, mạn thù thâu hương!
Đạo vô thượng đủ ngàn phương;
Ánh vàng chói lọi, sáng đường lẫm mê.
Phá trừ ma chướng nặng nề,
Sanh linh lạc lối trở về đường ngay.
Kiếp xưa âu cũng duyên may,
Mệnh mông bề khổ được lây hương thừa;
Xót mình đức bạc tài sưa,
Ân sâu khó trả, nghiệp xưa còn nhiều
Trước đài hương tỏa phiêu diêu,
Chí thành đánh lễ đáng Siêu Nhân Hoàn;
Con thề đem mảnh thân tàn,
Phụng thờ chánh pháp đạo vàng bèn lâu.
Hư không tan rã mặc dầu,
Sắt gan ghi tạc, nguyện cầu chứng tri;
Hương về muôn đức từ bi,
Đường lên giác đạo quyết đi tận cùng.

(Đặc san Mừng Phật đản P.H.V.1957)

---o0o---

CẢM TÁC XUÂN CANH TUẤT

Tuổi đà "dĩ thuận" lẽ thêm hai
Hơn thiệt chi chi cũng hết nài
Nội hạc chưa ngừng sân Lão thọ
Ngàn mây còn vương ngõ Hoàng Mai
Non xanh, pháp nhãn hoa Linh Thứu
Nước biếc, thiền tâm bóng Thiện Tài
Cánh thiệp tin xuân hồn đất mẹ
Nén hương hằng nguyện trước liên đài.

---o0o---

VỊNH CÂY BỒ ĐỀ

Bồ đề đạo thọ gốc thiên nhiên
Phật tổ xưa kia đến tọa thiền
Dẹp sạch ma vương thành chánh quả
Bước lên thánh vị được chơn truyền
Ba ngàn thế giới hào quang tỏa
Muôn vạn sanh linh giải thoát phiền
Dầu dãi nắng sương càng vững chắc
Đâm chồi nảy lộc khắp tam thiên.

(Mậu Thân, 1968)

---o0o---

XUÂN QUÝ MÃO CẢM TÁC

Xuân này tính tuổi chẵn năm lăm
Kiếm điểm công phu ngấy lỗi lăm
Còn luyện cảnh hoa khi sáng sớm
Đan vương tơ nắng lúc chiều âm.
Liệng vành mỗi cánh thương thân bướm
Nhả kén si gan ngán ruột tằm
Đốt nén hương nguyên thê sám hối
Trước sau giữ trọn chữ Không Tâm

(1963)

---o0o---

XUÂN MẬU THÂN

Bốn mươi tuổi đạo, sáu mươi đời
Cái kiếp phù sinh quá nửa rồi
Cay đắng nếm dư đầu chót lưỡi
Khen chê nghe đủ giữa vành tai
Mây ngàn vạn nẻo tung đường hạc
Hương nguyệt mười phương quyện gió trời

Tâm sự sắc không ai có biết ?

Kìa gương bát nhã vốn trong ngài.

(Mậu thân, 1968)

---o0o---

CẢM ĐỀ NON BỘ BẢN ĐỒ VIỆT NAM

(tại Thiên thất P.H.V. Nha Trang)

Dấn thân mây hạc giang hồ

Chạnh lòng quê mẹ dư đồ Việt Nam.

Này thắng tích nọ danh lam,

Máu xương trang trải ai làm nên khung.

Đúc vun khí tiết hào hùng,

Hai vai gánh nặng Quang Trung Nguyễn Hoàng.

Trường Sơn một dãy hiên ngang,

Càng nhìn càng ngắm muôn vàn thân yêu.

Non sông gấm vóc mỹ miều,

Ngàn năm văn hiến nhiều điều giá gương.

Dù cho Nam Bắc đôi đường;

Đốt lò hương nguyện bốn phương một nhà,

Sớm hôm hướng nẻo Phật đà,

"Sắc, Không" tâm sự đường xa nỗi gần.

Mong sao giữ vẹn mười phần
Thanh cao dáng núi, trong ngần vẻ sông.
Gắm vóc gương nước tinh thần,
Đạo vàng dân tộc chiếu hồng muôn xuân.

---o0o---

VIẾNG LẠI CHÙA HƯƠNG

Cỏ hoa còn nhớ ta chẳng,
Bước du tăng đã bao lần tới đây ?
Tuyết sương nhuộm bạc râu mày
Non sông gấm vóc vẫn đầy sắc xưa.
Đây khe yên, nọ rừng mơ,
Này am cửa Võng, suối bờ Giải oan.
Hỏi thăm người cũ: bàng hoàng,
Anh linh đã nhập sen vàng phương Tây! ...
Nam Thiên đệ nhất còn đây,
Chim ca cúng trái, cá quây nghe kinh.
Hoa thiên sương ngọc long lanh,
Hương thiền ngào ngạt gió lành phân phân ...
Trầm loang điểm tiếng chuông ngân,
Bước lên mỗi bước, tần ngần, nao nao ...
Tình yêu đất mẹ dâng cao

Trong ngàn bể rộng dạt dào suối khe
Ba ngàn thế giới nhẩn nhe
A di đà Phật quy về, ai ơi!
Bức tranh thủy mặc ngàn đời,
Đào nguyên e cũng hổ ngươi kém phần ...

---o0o---

QUỲ TRƯỚC ĐIỆN

Đệ tử hôm nay quỳ trước điện
Chí tâm đánh lễ đấng Từ tôn
Đã bao phen sanh tử dập dồn
Trôi lăn mãi trong vòng lục đạo
Thế tôn đã định ninh di giáo
Mà con còn đắm đuối mê say
Mắt ưa xem huyễn cảnh hằng ngày
Tai thích tiếng mật đường dua nịnh
Mũi quen ngửi mùi thơm bất tịnh
Lưỡi dẹt thêu lăm chuyện cay co
Thân tham dùng gấm vóc sa sô
Ý mơ tưởng bao la vũ trụ
Bởi lục dục lòng tham không đủ
Lấp che dần trí huệ từ lâu

Hôm nay con giác ngộ hồi đầu
Tâm sám hối phơi bày tỏ rõ
Nguyện tội ác từ nay lìa bỏ
Chuyển sáu căn ra khỏi lầm mê
Trước đài sen thành kính hướng về
Tịnh tâm ý quy y Tam bảo
Phật giới cấm chuyên trì chu đáo
Dứt tận cùng gốc rễ vô minh
Chí phàm phu tự lực khó thành
Cầu Đại Giác từ bi gia hộ
Dù phải chịu muôn ngàn gian khổ
Con hết lòng vì đạo hy sinh
Nương từ quang tìm đến bảo thành
Đặng tự giác giác tha viên mãn.

---o0o---

TỤNG KINH PHÁP HOA CẢM TÁC

Một lòng kính lạy Phật đà
Ngàn đời con nguyện ở nhà Như lai
Con hằng bận áo Như lai
Con ngồi pháp tọa Như lai muôn đời
Trí lực năng nhân tiêu cổ sầu

Thân vân tâm nguyện nhất thời hưu
Nhược ly không hữu đoạn thường luận
Khổ hải cuồng ba bát hoạt châu.
Phật lịch nhị ngũ nhị tứ, Canh thân hạ
Quảng Hương Già Lam
Thiện Thệ Tử Thích Trí Thủ đề

Bài thơ họa theo bài Nguyên Xương của Tuệ Không
Già lam, nơi hiệp chúng tăng già.
Tu niệm nào phân biệt trẻ tra.
Gặp bạn thơ vui câu Đổ Phủ
Nơi đường giác rạn tánh Di đà.
Liêu sau vọng bái hình Sơ tổ
Sân trước cung chiêm tượng Phật bà.
Cửa đạo khai tâm thường rộng mở,
Khuyên đời chẳng nệ khách vô ra.

---o0o---

THƠ NHÁC

(Thiện Mỹ số 48, trang 12 ngày 22-10-1965)

Nhân đọc bài Chiếc Mũi, nguyên tác Bgunosure Akutagan do thi sĩ Vũ Trụ dịch, đăng ở tuần báo Thiện Mỹ số 46 ra ngày 8 tháng 10 năm 1965. Sự nhớ một bài thơ Nhác của thầy tôi (Hòa thượng Viên Thành sáng lập chùa Tra Am, Mật Sơn ở Huế hiện nay) đọc cho tôi nghe hồi còn nhỏ mới xuất

gia hành đạo. Xin chép ra đây để công hiến bạn đọc nghe cho vui. Mặc dù nó không còn hợp thời theo tôi nghĩ. Thơ rằng:

Ai thăm ơn lắm, dám thăm ai,

Ai mời xin lánh, dám mời ai.

Nhà đột lá che không đợi lợp

Phên xiêu gió đẩy không đợi cài

Phải chăng mặc thể hơi nào nghĩ

Hơn thiệt tình đời cũng chẳng nài

Để có công đâu ngồi quạt mũi ()

Nay còn chưa kê hướng là mai.

---o0o---

BÀI THƠ BÈO

(Do Trịnh Giáp Hải họa. Nguyên tác của Bao Bá Ôn. Hòa Thượng dịch sát nghĩa)

Vải gấm dày dày chẳng lọt kim

Lá liền với gộc kẻ nào thêm

Đã cùng mây trắng tranh làn nước

Lại thấy vừng hồng rực ánh tươi

Ngàn lớp sóng nhồi không rã nổi

Muôn cơn gió dập chẳng lay chìm

Ít nhiều rồng cá nương trong ấy

Lã Vọng ngồi câu hết chỗ tìm.

Bể ái sông mê sóng ngập đầu
Xoay vòng sống chết mãi không thôi
Ai mà trở gót xoay đầu lại
Trước mắt đài sen hiện sáng ngời.
Mái chùa che chở hồn dân tộc
Nếp sống muôn đời của tổ tông.

---o0o---

CỔ ĐÔ HOA LƯ

Ngàn năm văn hiến Việt Nam ta
Đình Lý Trần Lê quả thật là
Đẽ tiếng anh hùng ngời nét đẹp
Diệu phong đã vẹn trở hồn hoa.
(Tham quan cố đô Hoa Lư tháng 9.1983)

---o0o---

NÔNG TRẠI NƯỚC NGỌT

Ba gian nhà là một chòm mây
Cảnh trí khen ai khéo sắp bày
Đạo khắp bông lai về "Nước ngọt"
Ba gian nhà là một chòm mây.
(Cảm tác khi đi thăm đạo hữu Nguyễn Mậu Tùng tại nông trại Nước Ngọt)

(1940)

---o0o---

NHỚ LÀNG

Tôi nhớ làng tôi sống cực nghèo
Lũy tre soi bóng nước trong veo
Quanh năm phẳng lặng dòng sông Hãn
Đùm bọc thân yêu tám nhiễu điều
Làng tôi xa lánh cảnh phồn hoa
Sớm tối chuông ngân khắp mọi nhà
Luông cải vòng rau sanh hoạt thú
Tiếng cười xen lẫn tiếng dân ca.
Làng tôi cát mịn nước hồ trong
Gió mát sen thơm dân một lòng
Chạp giỗ sum vầy tình nội ngoại
Buồn vui san sẻ đói no chung
Làng tôi khó tả hết tình yêu
Dù nói bao nhiêu chẳng thấy nhiều
Bề rộng trời cao tôi thấy nhỏ
Trung Kiên đất tổ ngập tình yêu.

---o0o---

THĂM LẠI CHÙA NON NƯỚC

Mười lăm năm trước đến ngày nay
Cũng nước non tiên cũng lối này
Hòn đá tham thiên trợ trợ đó
Hỏi thăm người cũ chẳng ai hay.

---o0o---

LÊN VỌNG HẢI ĐÀI

Trời mênh mông bể mênh mông
Trời bể mênh mông sóng chập chông
Mấy chiếc thuyền ai qua bể biếc
Nỗi sầu mang nắng chở không đũa.

---o0o---

LÊN VỌNG GIANG ĐÀI

Giang sơn gắm vóc ngấm càngh xinh
Nước nước non non thật hữu tình
Mây bạc chập chòn ngang cửa động
Thương thay bày én liệng quanh vành.

---o0o---

KÍNH ĐIỀU THẦY KIM TIÊN

Thầy chết rồi ư ?
Mang mác hồn quê mây tán tụ.
Tôi còn sống sót lại

Mênh mông bệ nguyện lệ đầy vui!

---o0o---

ĐIỀU HÒA THƯỢNG THÍCH MẬT NGUYỄN

Đồng bào còn đau khổ

Nhân loại còn nhiều nương

Lá vàng rơi xơ xác cội bồ đề

Hòa thượng ra về chi quá vội

Đạo pháp cần phát huy

Đàn em cần hướng dẫn

Mây trắng phủ lò mờ trắng bát nhã

Chúng tôi ở lại tính sao đây

Mạnh thu, Nhâm Tý-1972

---o0o---

XUÂN NHÂM TÝ

Niên ba sáu sáu đã qua rồi

Bâm bốn còn lúa nửa ấy thôi

Trông trước nào ai người cố cựu

Nhìn sau biết có kẻ tương lai

Non cao gió lộng cảnh xuân động

Sông rộng gương lòng chiếc én bơi

Bất diệc nộ cười xuân Bồ Đại
Bàn cờ sắp xóa thưởng xuân chơi

---o0o---

NHỚ BÓNG THUNG HUYÊN

Ngùi ngọc nga thi chạnh tủi phần
Trời cao đất rộng đức sanh thân
Bao nhiêu cảnh giới nào qua lại
Ngàn dặm ven trời bóng bạch vân
Bạch vân tan hợp rải đầu non
Những tưởng hung thuyên mất mỗi mòn
La rụng thu về cảnh róm lệ
Tiêu sơ tiếng nhận động tình con
Tình con mang mác ánh sao hôm
Phương phát hồn thiêng ngọn gió nồm
Tôn giả Mục Liên gương hiếu hạnh
Đài sen xin nguyên chúng chơn tâm

---o0o---

KHÓC CHA

(Làm thay con gái ông Đắc khóc cha)

Nhớ cha con biết nói gì đây
Bể khổ chơi voi huyết lệ đây

Nhìn mẹ cuộn đau tằm rút ruột
Trông em xa xót vượn xuôi tay
Trời sao ghét bỏ người cô quả
Đất nở không dung kẻ đại ngây
Sớm tối còn đâu lời giáo huấn
Chở che ngưỡng vọng đất cao dày.

---o0o---

THƯƠNG NHỚ

(Kỷ niệm 48 năm ngày thầy viên tịch
7-10 Bính Thìn 1976)

Bốn tám năm xưa cũng phút này
Gió mưa man mác tỏ xa thầy
Những lời diệu huấn con thường nhớ
Con gửi hồn con dân gió mây

---o0o---

CẢM TÁC SINH NHẬT 67 TUỔI

Sáu bảy xuân thu giữa cuộc đời
Buồn vui mừng giận khéo trên người
Thân này đã hứa cùng non nước
Vinh nhục khen chê chỉ mỉm cười

---o0o---

XUÂN MẬU NGỌ

Xuân về Mậu Ngọ tuổi lai hy
Chẳng dám khoe chi chẳng muốn gì
Bảo ở thì ừ hoan hỷ ở
Kêu đi âu cứ tự nhiên đi
Cảnh khô lá úa mai nhưng nụ
Mây cuốn sương tan đá vẫn lý
Vô tận không thời vô tâm ý
Thị chưa từng bận ngại gì phi.

---o0o---

BÓNG TRĂNG

Đầu sào trăm thước câu buồn
Một làn sóng động ngàn luôn sóng theo
Đêm thanh nước lạnh cá nghèo
Đầy thuyền chở nặng trăng gieo bóng về.

---o0o---

KHUYÊN TU TỊNH ĐỘ

Pháp môn tịnh độ gắng tu hành
Giữ trọn niềm tin quyết vãng sanh
Bỏ khổ thuyền từ buồm thuận gió
Hò trong sen ngát đất trời thanh

Mẹ hiền tựa cửa trông con dại
Cha khổ đưa tay đón kẻ thành
Cứu độ sanh linh hoằng thệ nguyện
Nhất tâm bất loạn niệm hồng danh.

---o0o---

CÂY BÈO

Dọc theo ruộng nước bám như chậm
Rễ bám vào đâu cũng chẳng thêm
Vờ có căn nguyên, vờ có lẽ
Dám chi sạch tiết, dám chi tâm
Tụ rồi đã chắc chi khi tán
Nổi đó náo hay đến lúc chìm
Gặp trận trời cho cơn gió lốc
Quét tan hè bể khó mà tím
Chen nhau vảy góm khó luồn kim
Cành rễ liền nhau chẳng kể thân
Tranh với bóng mây trên mặt nước
Hé dung ánh nhật lọt dòng tâm
Nghìn trùng sóng đánh thường không vỡ
Muôn trận phong ba cũng chẳng chìm
Nào cá nào rồng trong ấy ẩn

Cần câu Lữ Vọng khó mà tìm.

---o0o---

HỌA VÀN THƠ GIÀ

Của sư bà Như Không

Tai điếc mắt mờ phận chịu hư

Lão lai tài tận biết rằng chừ

Đôi giò thêm gậy lo còn thiếu

Nửa bát lưng com gắng vẫn dư

Nhìn trước trông sau thêm chán ngán

Say đi nghĩ lại ruột đau dừ

Hoại không thành trụ đời kiên cố

Dấn bước như không mới thật cừ.

---o0o---

TẶNG ĐỆ TỬ NGUYÊN NGHI

Tôn thờ đức Phật chí kiên trinh

Nữ giới thua ai mỗi đạo tình

Kim địa gieo trồng hoa Nặc Lợi

Phượng hoàng bay liệng cảnh thanh bình

Pháp hoa kinh tả dăng chư Phật

Danh vọng đời cô nhường chúng sanh

Nguyên thủ yếu chung dòng vọng tộc

Nghi dung ngưỡng đạt đấng cao minh.

---o0o---

NGƯỜI NGẮM HOA ĐÀO

Bác ngắm hoa đào lại nhớ mai.

Miền Nam buổi sống mộ danh người.

Chín hai tuổi chẵn xuân còn mãi,

Tám một năm tròn nước sáng soi.

Thống nhất chung lòng xây vững đạo

Tùy duyên một dạ ghé vai đời.

Mai vàng rực lạc trong trần thế

Tứ chúng đồng tâm trước Phật đài.

Xuân Tân Dậu cảm tác.

---o0o---

CÂU ĐỐI

GIỚI ĐÀN P.H.V. HẢI ĐỨC 1973

Giới thọ hữu hà nan nan giả chung thân trì tịnh giới,

Đàn tràng phi dung dị dị tai đại lực hộ hành đàn.

Thọ giới không chi khó, khó vì trọn đời trì tịnh giới,

Đăng đàn đâu phải dễ, dễ thay đủ sức hộ hành đàn.

Chúng Chơn đế lý như Điều ngự thân lâm Xá vệ,

Minh Phật tâm tông tợ Tào Khê kế thuật Hoàng Mai.

Chúng Chơn đế lý, như Thế Tôn thân lâm Xá vệ,
Rõ Phật tâm tông, tợ Tào Khê kế thuật Hoàng Mai.
Hòa hiệp tế tam thừa vận xuất tâm trung đạo lực,
Thượng năng huân ngũ phận hiển dương tánh thượng pháp thân.
Hòa hợp thuyết tam thừa, vận hết tâm thành đạo lực,
Thượng năng dăng ngũ phận, bày tròn tánh đức pháp thân
Chúc Phật giáo chi hà xương quốc tộ miên trường
vĩnh lịch Nam sơn chi thọ,
Giới Thích tôn chi thù phạm tông lâm quy củ
giáo lưu Đông chấn chi đàn.
Chúc Phật giáo lâu dài, nước nhà hưng vượng,
thọ sanh Nam sơn muôn thuở,
Cầu Thích tôn gia hộ, đạo pháp vinh quang,
Phước đầy Đông hải khắp nơi.

---o0o---

CÓ ĐÔ THIÊN MỤ TỰ TRỤ TRÌ

ĐÔN HẬU THƯỢNG NHƠN HUỆ TÒN

Đạo sinh thuyết pháp ngoan thạch điểm đầu

Thánh giả thôn châm thiên nhơn cùng thủ.

Phật lịch nhị ngũ nhị niên, tuế thứ Đinh mùi niên Thu.

Thiếu nạp Thích Trí Thủ thư tặng.

---o0o---

ĐIỀU NGÀI QUY THIÊN

Tích niên pháp nhũ đồng triêm,
thệ hải giả tăng minh thiết thạch
Kim nhật đàm hoa tiên lạc,
thiền lâm thùy thị nại phong sương.

---o0o---

ĐIỀU THẾ HUYNH KIÊM PHÁP LŨ HÒA THƯỢNG THÍCH DIỆU HOÀNG

Nguyện thế thế sanh sanh đồng vi từ bi quyền thuộc.
Pháp tịch diễn chơn thuyên sư hồng nhất thanh hồ quần tan thiền.
Sư tọa tuyên diệu nghĩa phạm dương nhất khúc ma ngoại hàng tâm.
Yết đế khâm sùng giới tử khái tam phương trượng pháp môn biện sự,
Ma ha quảng đại sa di bạch tứ đế tiên thọ cụ đặng đàn.
Con Hồng cháu Lạc văn hiến bốn ngàn năm
nổi tiếp anh hào dòng bất khuất.
Cảnh Phật ngày Trời giang sơn muôn vạn thưở
đề cao dân tộc chí hiên ngang.

(Mùa Đông năm Quý sửu, 1973)

Hồn dân tộc, mái chùa tô nét đẹp

Tiếng pháp âm, dòng nước họa vằn thiêng.

Tóc treo chẳng nại canh dài vẫn

Cháo lỏng đầu nài bữa đói no

---o0o---

HẾT